CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM, L=Thành phố Thủ Đức, ST=HỒ CHÍ MINH, UID=MST:0107795944
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.01 17:31:38+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
BAF VIETNAM AGRICULTURE JSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Số/*Ref.*: ..73.. /2026/CBTT-BAF

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2026
HCMC, October ..1.., 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/*To:*

- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
  State Securities Commission of Vietnam
- **Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**
  Ho Chi Minh Stock Exchange
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**
  Ha Noi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**
   Name of organization: BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
   - Mã chứng khoán: BAF
     Ticker symbol: BAF
   - Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
     Address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap St., An Khanh Ward, HCMC
   - Điện thoại liên hệ: 0766 074 787
     Tel.: 0766 074 787
   - E-mail: Congbothongtin@baf.vn

2. Nội dung công bố:
   Contents of disclosure

   Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 55/2026/BAF-TBPH ngày 01/10/2026 và Bản cáo bạch (Chi tiết xem trong file gửi kèm).

   Announcement of public offering of shares No. 55/2026/BAF-TBPH dated October 01, 2026 and the Prospectus (Please refer to the attached file for details).

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .01../10/2026 tại đường dẫn: http://baf.vn.
   This information was published on the company's website on October..1.., 2026 at http://baf.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We certify that the information presented is true and correct, and we accept full legal responsibility for its validity./.

***Tài liệu đính kèm/**Attachment:*

- *Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 55/2026/BAF-TBPH ngày 01/10/2026;*
  Announcement of public offering of shares No. 55/2026/BAF-TBPH dated October 01, 2026;
- *Bản cáo bạch.*
  The Prospectus.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Sign, write full name & title, and stamp)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Tổng Giám đốc/ *General Director*

BÙI HƯƠNG GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN **NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM** ***BAF VIETNAM AGRICULTURE*** ***JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom – Happiness***
Số/*Ref*: 55/2026/BAF-TBPH	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2026* *Ho Chi Minh City, October 01, 2026*

THÔNG BÁO CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
ANNOUNCEMENT OF PUBLIC OFFERING OF SHARES

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Số 445/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23/9/2026)

(Certificate of Registration for Public Offering of Shares No. 445/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on September 23, 2026)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH / *INFORMATION ON THE ISSUING ORGANIZATION*

1. Tên Tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM.**
   Name of the Issuing organization: BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
2. Tên viết tắt: **BAF.,JSC.**
   Abbreviated name: BAF.,JSC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
   Head office address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
4. Số điện thoại/*Telephone*: 0766074787 Số fax/*Fax*: Website: baf.vn/.
5. Vốn điều lệ: 3.648.249.060.000 đồng.
   Charter capital: VND 3,648,249,060,000
6. Mã cổ phiếu: BAF.
   Stock code: BAF
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Gia Định;
   Payment account opened at: Tien Phong Commercial Joint Stock Bank – Gia Dinh Branch
   Số hiệu tài khoản: 07073979301.
   Account No.: 07073979301
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/4/2017, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 10/07/2026.

Business Registration Certificate: Business registration number 0107795944, issued by the Hanoi Department of Planning and Investment the 1st time on April 7, 2017, and amended for the 23rd time by the Ho Chi Minh City Department of Finance on July 10, 2026.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
  Principal business line: Raising of pigs and production of pig breeds;
  Mã ngành: 0145.
  Business code: 0145.
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
  Main products/services:
  - Chăn nuôi hỗn hợp;
    Mixed farming;
  - Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
    Manufacture of animal feed;
  - Chế biến và bảo quản thịt.
    Processing and preservation of meat.

9. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không có.
   Establishment and operating license (if required under specialized laws): None.

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN / *PURPOSE OF THE OFFERING*

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam thực hiện phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 nhằm thực hiện các mục đích như sau:

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company conducts the 2026 public offering of shares to existing shareholders for the following purposes:

- Huy động vốn để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
  To raise capital to supplement the Company's working capital for its business and production activities;
- Nâng cao uy tín, hình ảnh của BAF trước các đối tác, khách hàng để tăng cường vị thế và năng lực cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- *To enhance BAF's reputation and image among partners and customers, thereby strengthening its position and competitiveness in its business and production activities.*

III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN / *OFFERING PLAN*

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
   Name of shares: Shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
   Type of shares: Common shares.
3. **Số lượng cổ phiếu chào bán:** 40.536.100 cổ phiếu, trong đó:
   Number of shares offered: 40,536,100 shares, including:

- Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 40.536.100 cổ phiếu;

Number of shares offered by the Issuing organization: 40,536,100 shares;

- Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.
  Number of shares offered by shareholders/owners/members: 0 shares.

4. **Giá chào bán:** 15.000 đồng/cổ phiếu.
   Offering price: VND 15,000 per share.
5. **Tổng giá trị vốn huy động:** 608.041.500.000 đồng, trong đó:
   Total capital to be raised: VND 608,041,500,000, including:
   - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 608.041.500.000 đồng;
     Capital raised by the Issuing organization: VND 608,041,500,000;
   - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
     Capital raised by shareholders/owners/members: VND 0.
6. **Phương thức phân phối:** Theo phương thức thực hiện quyền. Cụ thể: Tỷ lệ thực hiện quyền là 9:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 09 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).
   Distribution method: Rights offering. Specifically, the rights ratio is 9:1 (a shareholder holding 01 share shall be entitled to 01 subscription right, and every 09 subscription rights shall entitle the holder to purchase 01 new share).
7. **Số lượng đăng ký mua tối thiểu:** Không áp dụng.
   Minimum subscription amount: Not applicable.
8. **Thời gian nhận đăng ký mua:** Từ ngày 05/11/2026 đến ngày 25/11/2026.
   Subscription registration period: From November 5, 2026 to November 25, 2026.
   Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 05/11/2026 đến ngày 20/11/2026.
   Rights transfer period: From November 5, 2026 to November 20, 2026.
9. **Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:**
   Place for subscription registration:
   - Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
     For shareholders whose securities are deposited with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation: Shareholders shall carry out procedures for transferring subscription rights and registering to purchase shares at the securities depository members where their securities accounts are opened.
   - Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua tại Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam - Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
     For shareholders whose securities are not deposited with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation: Shareholders shall carry out procedures for transferring subscription rights and registering to purchase shares at the Head Office of BAF Vietnam

Agriculture Joint Stock Company – 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City.

10. **Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu:** Từ ngày 05/11/2026 đến ngày 25/11/2026.
Payment period for share subscription: From November 5, 2026 to November 25, 2026.

11. **Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:**
Escrow account for receiving share subscription proceeds:

- Tên tài khoản: Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
Account name: BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
- Số tài khoản: 110003068212.
Account No.: 110003068212.
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn.
Bank: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – East Saigon Branch.

12. **Các tổ chức liên quan:**
Relevant organizations:

a) **Tổ chức tư vấn / *Consulting organization:***
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK
AGRIBANK SECURITIES CORPORATION

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
Head office address: 5th Floor, Green Diamond Building, No. 93 Lang Ha Street, Dong Da Ward, Hanoi City.
- Điện thoại / *Telephone*: 024 6276 2666 Fax: 024 6276 5666.
- Website: www.agriseco.com.vn/.

b) **Tổ chức kiểm toán / *Auditing organization:***
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM /
ERNST & YOUNG VIETNAM COMPANY LIMITED

- Địa chỉ: Tầng 28, Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
Address: 28th Floor, Bitexco Financial Tower, No. 2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City.
- Điện thoại / *Telephone*: (84.28) 3824 5252
- Website: www.ey.com/.

13. **Địa điểm công bố Bản cáo bạch / *Places for publication of the Prospectus*:**

a) **Tổ chức phát hành / *Issuing organization*:**
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM /
BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Head office address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City.

- Điện thoại / *Telephone*: 0766 074787.
- Website: baf.vn/.

b) **Tổ chức tư vấn / *Consulting organization*:**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

AGRIBANK SECURITIES CORPORATION

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

  Head office address: 5th Floor, Green Diamond Building, No. 93 Lang Ha Street, Dong Da Ward, Hanoi City.
- Điện thoại / *Telephone*: 024 6276 2666 Fax: 024 6276 5666.
- Website: www.agriseco.com.vn/.

Nơi nhận / Recipients:

- *Như kính gửi / As stated above;*
- *Lưu VT / Administration Department.*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC

GENERAL DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BÙI HƯƠNG GIANG

BUI HUONG GIANG

THE ISSUANCE OF A CERTIFICATE OF REGISTRATION FOR PUBLIC OFFERING OF SECURITIES BY THE STATE SECURITIES COMMISSION ONLY MEANS THAT THE REGISTRATION OF THE PUBLIC OFFERING OF SECURITIES HAS BEEN CARRIED OUT IN ACCORDANCE WITH RELEVANT LAWS AND REGULATIONS AND DOES NOT IMPLY ANY GUARANTEE OF THE VALUE OF THE COMPANY OR THE VALUE OF THE SECURITIES. ANY STATEMENT TO THE CONTRARY IS ILLEGAL.

PROSPECTUS

BAF

NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

(Business Registration Certificate No. 0107795944 issued by Hanoi Department of Planning and Investment for the 1st time on April 7, 2017; amended for the 23rd time by the Ho Chi Minh City Department of Finance on July 10, 2026)

ADDITIONAL PUBLIC OFFERING OF SHARES

(Certificate of Registration No. 445/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on September 23, 2026)

This prospectus and its supplementary documents will be made available from September 23, 2026 at:

ISSUING ORGANIZATION

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

BAF

Headquarters : 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City.

Phone : 0766 074787.

Website : baf.vn/.

CONSULTING ORGANIZATION

AGRIBANK SECURITIES CORPORATION

AGRISECO

Headquarters : 5th Floor, Green Diamond Building, No. 93 Lang Ha, Dong Da Ward, Hanoi City.

Phone : 0246 2762 666. Fax: 024 6276 5666.

Website : agriseco.com.vn/.

In charge of information disclosure:

Full name : Bui Huong Giang.

Position : General Director.

Phone Number : 0766 074787.

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

(Business Registration Certificate No. 0107795944 issued by Hanoi Department of Planning and Investment for the 1st time on April 7, 2017; amended for the 23rd time by the Ho Chi Minh City Department of Finance on July 10, 2026)

ADDITIONAL PUBLIC OFFERING OF SHARES

Stock Name	:	Shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
Type of stock	:	Common shares.
Par value	:	10,000 VND/share.
Offering price	:	15,000 VND/share.
Total number of shares offered	:	40,536,100 shares.
Total offering value at par value	:	405,361,000,000 VND.

AUDITING ORGANIZATION

ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED

Headquarters	:	28th Floor, Bitexco Financial Tower, No. 2 Hai Trieu Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.
Phone	:	(84.28) 3824 5252.
Website	:	www.ey.com/.

CONSULTING ORGANIZATION

AGRIBANK SECURITIES CORPORATION

Headquarters	:	5th Floor, Green Diamond Building, No. 93 Lang Ha, Dong Da Ward, Hanoi City	
Phone	:	0246 2762 666.	Fax: 024 6276 5666.
Website	:	agriseco.com.vn/.	

TABLE OF CONTENTS

I. PERSONS WITH PRIMARY RESPONSIBILITY FOR THE CONTENTS OF THE PROSPECTUS 1

1. Issuing organization 1

2. Consulting organization 1

II. RISK FACTORS 2

1. Economic risks 2

2. Legal risks 7

3. Specific risks 8

4. Risks relating to the offering 11

5. Risk of dilution 12

6. Corporate governance risks 14

7. Other risks 15

III. ACRONYMS AND CONCEPTS 16

IV. SITUATION AND CHARACTERISTICS OF THE ISSUING ORGANIZATION 17

1. Information about the issuing organization 17

2. Summary of the formation and development process of the Issuing organization 19

3. Company Structure 23

4. Governance structure and management apparatus 27

5. Information on the parent company, subsidiaries of the issuing organization, companies controlling or holding controlling interests in the issuing organization, and companies over which the issuing organization exercises control or holds controlling shares or contributed capital. 34

6. Information on the process of increasing and decreasing charter capital of the issuing organization 44

7. Information on large capital contributions and divestments of the issuing organization in other enterprises 45

8. Information about outstanding securities 45

9. Information on foreign ownership ratio 47

10. Business Activities 47

11. Policies for employees 90

12. Dividend policy 91

13. Information on the use of capital raised from the latest offering 92

14. Information on commitments that have not yet been fulfilled by the issuing organization 97

15. Information, potential debt obligations, litigation disputes related to the issuing organization may affect the business activities, financial situation of the issuing organization, the offering, the price of the offered shares, and the project using capital obtained from the offering 97

16. Information about the commitment of the issuing organization is not in the case of being examined for penal liability or has been convicted of one of the crimes of infringing upon the economic management order but has not yet had his criminal record expunged. 97

V. BUSINESS RESULTS, FINANCIAL SITUATION AND EXPECTED PLANS 97

1. Results of business activities 97

2. Financial situation 100

3. Opinions of the Auditing Organization on the Financial Statements of the Issuing organization 112

4. Revenue, profit, dividend plan 114

VI. INFORMATION ABOUT FOUNDING SHAREHOLDERS, MAJOR SHAREHOLDERS, MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, CONTROLLERS, GENERAL DIRECTORS, DEPUTY GENERAL DIRECTORS, CHIEF ACCOUNTANTS 118

1. Information about the founding shareholders 118

2. Information about major shareholders 118

3. Information on members of the Board of Directors, Controllers, General Directors, Deputy General Directors, Chief Accountants 118

VII. INFORMATION ABOUT THE OFFERING 148

1. Type of stock 148

2. Par value of shares 148

3. Total number of shares to be offered 148

4. Total par value of shares to be offered 148

5. Expected offering price 148

6. Pricing method 148

7. Distribution method 148

8. Subscription for Shares 149

9. Schedule of share distribution 150

10. Restrictions Regarding the Transfer of Shares 151
11. Escrow Account for Receiving Subscription Proceeds 151
12. Opinions of competent agencies on the increase in charter capital of the issuing organization 151
13. Cancellation of the offering 151
14. Measures to ensure compliance with regulations on foreign ownership 151
15. Relevant taxes 152
16. Information about commitments 153
17. Information about other securities offered for sale or issued in the same tranche 154
VIII. PURPOSE OF OFFERING 155
IX. PLAN TO USE THE PROCEEDS FROM THE OFFERING 155
1. Debt Details 157
X. PARTNERS INVOLVED IN THE OFFERING 158
1. Partners involved in the offering 158
2. Opinion of the Consulting organization on the offering 158
XI. OTHER IMPORTANT INFORMATION THAT MAY INFLUENCE AN INVESTOR'S DECISION 159
XII. DATE, SIGNATURE AND SEAL OF THE REPRESENTATIVE OF THE ISSUING ORGANIZATION AND THE CONSULTING ORGANIZATION 160
XIII. APPENDIX 161

I. PERSONS WITH PRIMARY RESPONSIBILITY FOR THE CONTENTS OF THE PROSPECTUS

1. Issuing organization

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

-	Mr.	**Truong Sy Ba**	- Position: Chairman of the Board of Directors
-	Ms.	**Bui Huong Giang**	- Position: Member of the Board of Directors cum General Director
-	Ms.	**Phan Thi Kim Trang**	- Position: Chief Accountant

We hereby confirm that the information and data contained in this Prospectus are accurate and truthful and undertake to be responsible for the truthfulness and accuracy of such information and data. To the best of our knowledge and within the scope of our responsibilities, we confirm that there is no inaccurate information or data that may affect the information contained in this Prospectus.

2. Consulting organization

AGRIBANK SECURITIES CORPORATION

Authorized representative: Mr. **Bui Duc Thang** - Position: **Deputy General Director**

(Pursuant to Decision No. 325/QD-CT.HDQT dated 24 April 2026 on the authorization to perform the duties and powers of the legal representative and Power of Attorney No. 27/2026/UQ-CKNN dated 29 April 2026 granted by the Deputy General Director in charge of the Executive Board of Agribank Securities Corporation for entering into and performing corporate financial advisory agreements.).

This Prospectus is a part of the registration dossier for the additional public offering of shares prepared by Agribank Securities Corporation on the basis of the Additional Public Offering Consulting Contract No. 58/2026/AGRISECO-BAF dated 09/07/2026 with BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company. Within the scope of our responsibilities and to the best of our knowledge, we confirm that the analysis, assessment and choice of wording in this Prospectus have been conducted reasonably and prudently based on the information and data provided by BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

II. RISK FACTORS

Economic development is commonly assessed through GDP growth, inflation movements, interest rates, exchange rates, and other factors. These factors have a systemic impact on the economy, and abnormal fluctuations in such factors may give rise to risks to entities participating in the economy.

As a company operating in the economy, the business operations of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company are directly affected by changes in economic conditions.

In addition to BAF's efforts in its production and business activities, risk management has always received attention, been studied and applied throughout the Company. The primary function of risk management is to identify potential risk factors and unexpected factors affecting the strategic objectives set by the Company, thereby providing timely response measures to help the Company address difficulties. Currently, material risks are being controlled in line with the Company's risk appetite.

1. Economic risks

1.1. Risks relating to economic growth (GDP)

In 2025, Vietnam's economy recorded strong growth, with GDP growth reaching 8.02%, creating a solid foundation for economic expansion. Vietnam's economic growth in 2025 was driven by the combined contribution of three key growth pillars, reflecting a comprehensive recovery on both the aggregate supply and aggregate demand sides. International tourist arrivals reached a record 21.2 million, up 20.4% year-on-year, creating positive spillover effects and strongly supporting the growth of the transport and accommodation & food services sectors (estimated to contribute 0.9% to total growth in 2025). At the same time, the agriculture, forestry and fisheries sector recorded a 3.83% year-on-year increase in gross value added. In particular, the pig farming sub-sector experienced increases in herd size and output. According to the National Statistics Office, the total pig population nationwide at the end of 2025 was estimated to increase by approximately 4.2% year-on-year, while total annual live-weight pork output reached 4.86 million tonnes, equivalent to an increase of 7.2%. The industry's supply structure has shifted partly due to the impact of environmental standards and regulations on the relocation of livestock production facilities under the Law on Animal Husbandry.

This momentum continued through the first six months of 2026, with GDP accelerating to 8.18% year-on-year, compared with 7.63% in the same period of 2025. Of the increase in total gross value added of the economy, the agriculture, forestry and fisheries sector grew by 3.87%, contributing 5.66%. According to the Socio-economic Situation Report for Q2 and the first six months of 2026 issued by the National Statistics Office, live-weight pork output in Q2/2026 reached 1,417.7 thousand tonnes, bringing the six-month total to 2,864.1 thousand tonnes, representing growth rates of 4.7% and 4.8%, respectively, over the same periods. However, according to assessments by international organizations, global GDP growth in 2026

is still forecast to remain low, at around 2.6%–2.7%, under the impact of trade tensions and tariff barriers. A slowdown in the global economy may disrupt supply chains and adversely affect aggregate demand. Vietnam is still expected to enter a new growth cycle supported by sustainable growth drivers. International organizations such as ADB and the World Bank forecast that Vietnam's growth in 2026 may remain at 6.5%–7.0%, supported by supply-chain relocation away from regions exposed to geopolitical risks. In particular, Singapore-based UOB raised its 2026 growth forecast to 7.5%, based on the outlook for public investment disbursement and stronger export capacity as free trade agreements (FTAs) continue to be effectively utilized.

Figure 1. Vietnam GDP growth rate over the years (%)

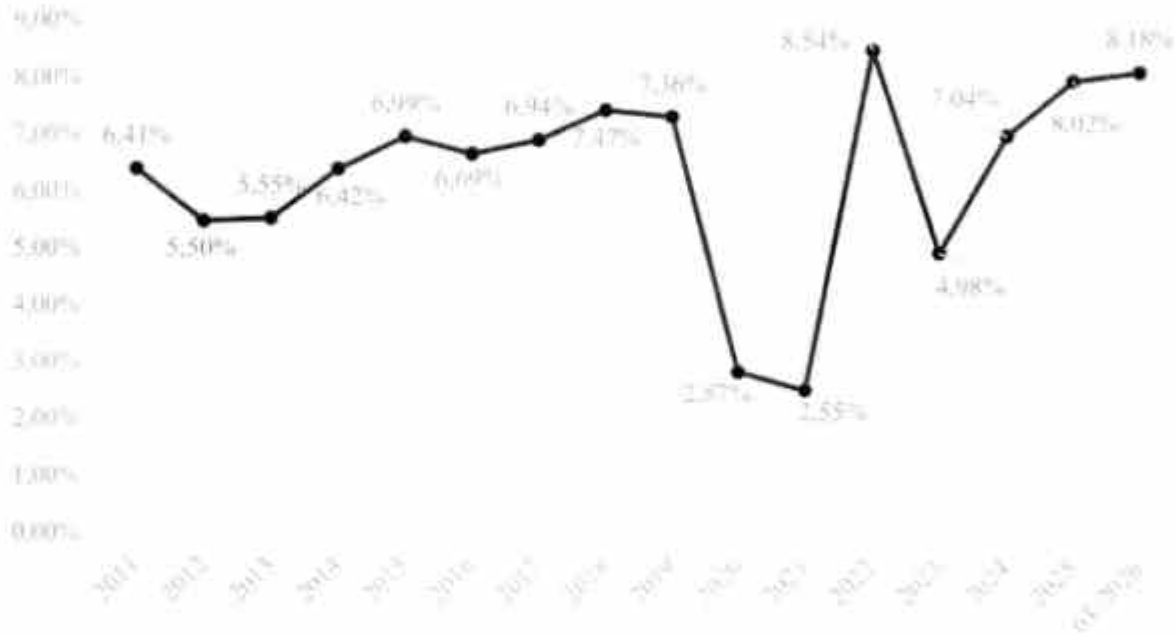

(Source: National Statistics Office)

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company is primarily engaged in pig farming, animal feed production and food processing under the closed-loop FEED – FARM – FOOD model. The Company's production and business activities are closely linked to macroeconomic developments, market purchasing power and domestic consumption trends.

When the economy enters a recession or GDP growth slows, lower income may cause consumers to tighten spending and reduce demand for clean food products, premium-segment products or processed meat products under the 3F (Feed – Farm – Food) chain. This may result in risks of declining sales volume and increased selling-price competition, thereby directly and adversely affecting the Company's revenue, herd expansion progress and consolidated business performance.

1.2. Inflation risk

Figure 2. Vietnam inflation rate over the years (%)

(Source: National Statistics Office)

Inflation is a macroeconomic factor that may affect developments across the economy. In 2025, Vietnam continued to demonstrate effective inflation control, ranking among the countries with well-controlled inflation in the region and globally. The average Consumer Price Index (CPI) in 2025 increased by 3.31% compared with 2024, meeting the inflation-control target of below 4.5% set by the National Assembly and the Government. This marked the eleventh consecutive year in which Vietnam maintained average inflation below the target threshold, making an important contribution to macroeconomic stability and providing a solid foundation for sustainable economic growth. This achievement resulted from close coordination between proactive and flexible monetary policy and targeted expansionary fiscal policy, together with close price management of essential goods and services such as fuel, electricity, healthcare and education.

According to the National Statistics Office, the key factors contributing to the increase in CPI included a 3.72% increase in the price index for food and catering services, which increased overall CPI by 1.25 percentage points; and a 4.52% increase in the price index for housing and construction materials due to increases in cement, sand and rental prices in line with the economic recovery. In particular, average core inflation in 2025 increased by 2.51% compared with 2024, lower than the overall average CPI increase, demonstrating the effectiveness of policy instruments in regulating monetary supply and demand.

Inflation and price increases affect spending across the economy and have an impact on all business sectors. Inflation may also increase production costs as prices of input materials and labor rise. After a decade during which inflation remained below 4%, inflation has recently shown signs of increasing significantly. According to the Q2/2026 Socio-economic Situation Report published by the National Statistics Office under the Ministry of Finance, core inflation in June 2026 increased by 0.14% month-on-month and by 4.50% year-on-year. Average core

inflation in the first six months of 2026 increased by 4.12% year-on-year, lower than the 4.38% increase in average overall CPI. If inflation rises significantly, the Company's costs are expected to increase; if the Company is unable to increase selling prices accordingly, this may adversely affect its financial position and business performance.

For enterprises engaged in animal feed production, farm systems and food processing, high inflation would directly affect the production and business performance of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company through increases in input costs, particularly prices of agricultural raw materials (corn, soybeans, wheat, etc.) used by Feed factories, livestock breeding costs and veterinary medicine costs at Farm facilities, as well as logistics, transportation and labor costs. If inflation is maintained at a stable low level, it would have a positive impact on the Company's production and business activities, enabling BAF to better control input costs, improve operating efficiency and protect its target profit margins.

1.3. Interest rate risk

In 2025, Vietnam maintained solid macroeconomic stability, creating conditions for the State Bank of Vietnam (SBV) to implement growth-supportive monetary policy with a low interest-rate environment. Throughout the year, deposit and lending rates fluctuated within a narrow range and tended to increase slightly toward year-end to meet capital demand from the rapidly growing economy. Specifically, as of December 2025, average VND deposit rates at commercial banks ranged from 3.8%–4.5% per annum for maturities of less than six months and reached 6.8% per annum for maturities of more than 24 months. Lending rates for both new loans and existing outstanding loans generally ranged from 6.7%–9.0% per annum. Notably, short-term lending rates for priority sectors were closely controlled at approximately 3.9% per annum, below the 4% per annum ceiling prescribed by the SBV.

In its interest-rate management, during the first six months of the year, the SBV continued to maintain its policy interest rates to enable credit institutions to access SBV funding at low cost and thereby support the economy.

Figure 3. Interest rates in Vietnam over the years (%)

(Source: Tradingeconomics.com)

However, actual market interest-rate developments in the first six months were inconsistent with the practical policy direction of the Government and the SBV. In the first half of 2026, interest rates increased sharply, clearly reflecting structural imbalances in the banking system's funding structure. Credit growth accelerated to 7.41% at the end of June 2026, well above deposit growth of only 4.3%. This gap pushed the system-wide loan-to-deposit ratio (LDR) to a stressed level of 111%–112%. To address liquidity pressures, credit institutions were forced to compete for deposits. The average 12-month deposit rate across the system surged to 8.4% per annum, an increase of 2.59 percentage points from the beginning of the year; at certain smaller institutions, actual rates, including promotional programs, exceeded 9% per annum. The sharp increase in cost of funds (COF) inevitably drove up commercial lending rates, creating an expensive financial environment and increasing pressure on highly leveraged businesses.

To finance its production and business activities, the Company uses short-term and long-term bank borrowings. Therefore, any changes in monetary policy or interest rates by the SBV and commercial banks will affect the Company's production and business activities. If interest rates remain at levels compatible with enterprises' repayment capacity, corporate liquidity and access to credit may improve. As a company listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange (HSX) with a high level of transparency, sound financial capacity and strong credit standing with banks, the Company receives significant attention as well as support and cooperation policies from credit institutions, helping its activities proceed smoothly and generate economic and social value. Nevertheless, the Company is currently expanding its scale and requires substantial funding to invest in production plants and farms and expand its market presence; therefore, a sharp and prolonged increase in interest rates would become a burden and adversely affect the Company's business performance.

1.4. Foreign exchange rate risk

2025 was a year of significant USD/VND exchange-rate volatility amid persistent pressure from international markets combined with domestic factors. The DXY Index, a measure of the strength of the U.S. dollar, remained high for most of the year as the U.S. economy, particularly the labor market and services sector, performed better than expected. This prompted the U.S. Federal Reserve (Fed) to remain cautious and delay its interest-rate-cutting path, supporting the U.S. dollar's strength against many other currencies, including the VND. In addition, escalating geopolitical conflicts in the Middle East and Eastern Europe increased demand for safe-haven assets, making the U.S. dollar a preferred choice among global investors.

The central exchange rate announced by the State Bank of Vietnam has been adjusted upward significantly over the years to better reflect market value. The central exchange rate increased from VND 22,425/USD in 2017 to VND 24,335/USD in 2024 and ended 2025 at VND 25,121/USD. Accordingly, in 2025 alone, the VND depreciated by approximately 3.23% against the USD, higher than the 3% forecast at the beginning of the year. To stabilize the

macroeconomy, the SBV flexibly employed various measures, including liquidity management through open-market operations, foreign-exchange intervention sales and proactive management of the central exchange rate to absorb external shocks.

During the first six months of 2026, although the exchange rate and foreign-exchange market faced significant pressure from complex and unpredictable global economic and political developments, high international USD interest rates, difficulties in domestic foreign-exchange supply and demand, and market sentiment and expectations, the SBV managed the exchange rate flexibly and in line with market conditions, helping absorb external shocks. At the same time, the SBV coordinated closely and synchronously with other monetary-policy instruments, including interest rates and VND liquidity, and proactively and promptly intervened in the foreign-exchange market to stabilize the exchange rate and foreign-exchange market, contributing to inflation control and macroeconomic stability. As of 30 June 2026, the central exchange rate was VND 25,206/USD.

For companies operating in pig farming and animal feed production, excessive exchange-rate volatility can significantly affect business performance because more than 70% of input costs in the animal feed industry arise from imported agricultural products such as corn, soybean meal and wheat. In addition, freight costs may also affect corporate profit margins. Accordingly, the Company closely monitors these developments in order to formulate timely response strategies and maintain stable and efficient business operations.

Figure 4. Central exchange rate movements

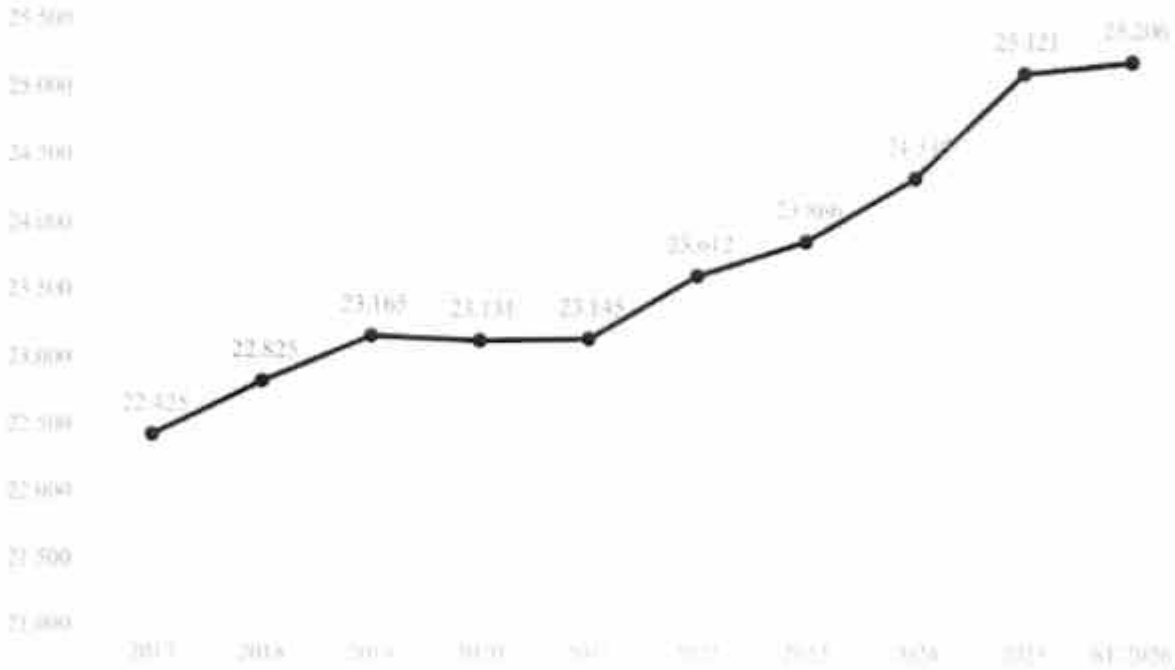

(Source: FiinPro-X)

2. Legal risks

Legal risks refer to the direct or indirect impact of changes to the legal system and/or

legal documents on the Company's business operations and its business development strategy.

Like other enterprises operating in the agricultural sector in Vietnam, the Company's activities are governed, affected and regulated by the domestic legal system, including the Law on Enterprises, Law on Animal Husbandry, Law on Investment, Law on Corporate Income Tax, Law on Value Added Tax, etc. In addition, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company is a large-scale public company and is therefore also subject to the Securities Law and other laws and regulations relating to securities and the securities market.

Vietnam is a developing country, and its laws and legal documents are still being developed and will continue to be amended and supplemented to reflect domestic conditions. Changes in policies are inevitable and may, to some extent, affect the Company's production and business activities. However, the risk of changes in laws and regulations is a systemic risk requiring each enterprise to make appropriate adjustments and adapt in order to maximize the benefits and minimize the adverse effects arising from each policy change.

Recognizing legal risks that may arise from changes in the policy and legal environment, the Company regularly monitors, reviews and promptly updates new regulations affecting its production and business activities. On that basis, the Company proactively adjusts its business strategies and plans to ensure compliance with the prevailing legal framework. At the same time, the Company has established and maintained a stringent internal governance system and complies with corporate governance standards and legal requirements in order to minimize legal risks and ensure stable and sustainable operations over the long term.

3. Specific risks

3.1. Competition risks

The animal feed production industry has relatively low barriers to entry; therefore, the Company faces competition from numerous new, diverse and complex competitors, particularly foreign enterprises and multinational corporations.

Currently, in the Vietnamese market, the trend toward developing closed-loop value chains from farm to table has attracted the participation of many large enterprises. BAF's major competitors, which have strong financial resources and extensive experience, include C.P. Vietnam Livestock Joint Stock Company, Dabaco Vietnam Group Joint Stock Company, Masan MEATLife, CJ Vina Agri, etc. The presence of these enterprises creates intense competitive pressure on BAF in each specific sub-sector, as follows:

- Livestock farming: This is the core segment that differentiates the Company, but it is also subject to significant pressure from foreign competitors. Domestic enterprises generally face disadvantages in imported input costs, breeding-stock productivity and management systems. To control this risk and capitalize on the shift in consumer preferences from fresh meat toward chilled/frozen meat, BAF has accelerated its strategy of expanding herd size and modernizing farms. The Group continuously expands its network of subsidiaries,

acquires and invests in high-tech livestock housing systems in key regions to optimize reproductive productivity, strengthen biosecurity controls and enhance core competitiveness. Nevertheless, consumer preferences and production capacity remain key challenges for domestic enterprises compared with foreign competitors.

- Feed sales: According to the Department of Livestock Production of Vietnam, there are currently approximately 270 animal feed manufacturing enterprises in Vietnam, including around 90 factories owned by foreign direct investment (FDI) enterprises and approximately 180 factories owned by domestic enterprises. Although domestic enterprises are more numerous, they account for only about 49% of total national production capacity. FDI groups hold significant advantages in nationwide production capacity due to modern production lines and cost optimization. BAF's major risk in this segment is the pressure to continuously upgrade technology and achieve feed self-sufficiency in order to reduce livestock production costs. The Company directly operates and manages specialized units to ensure a 100% supply of clean feed (vegetarian feed) for internal use. This strategy requires BAF to maintain a large inventory of raw materials for production, creating a challenge in optimizing working-capital turnover amid intense price competition in the commercial feed market.

3.2. Risks relating to input factors

Vietnam is an agricultural country, but each year it spends USD 4–5 billion importing animal feed and raw materials for feed production. This paradox has existed for many years, and the domestic animal feed industry remains highly dependent on imported materials. In practice, the recent increase in global raw-material prices has directly created difficulties for domestic animal feed producers because these enterprises have not yet achieved sufficient control over raw-material sources and cannot fully anticipate abnormal price movements, making it difficult to formulate long-term production and business plans.

For pig farming and breeding-stock sub-sectors, risks largely arise from input costs, particularly farming costs, due to weaknesses in farming productivity and the utilization of housing facilities. Difficulties in sales may also turn output-side impacts into input-side risks, leaving farmers and producers in an unstable situation.

To limit the adverse effects of input-material price fluctuations on production and business activities, the Company prepares production plans and enters into appropriate raw-material procurement contracts with major suppliers, thereby helping ensure stability of supply and procurement prices. In addition, the Company proactively researches and develops sources of raw materials that can be produced domestically instead of being imported. Overall, fluctuations in input-material prices remain a major risk to the Company's production and business activities. To address this issue, BAF continuously seeks domestic and overseas sources of raw materials to diversify supply, minimize input costs and establish abundant, high-quality and stable-priced sources of supply for distribution to customers.

3.3. Disease and weather risks

Vietnam's livestock industry regularly faces disease risks due to farm sanitation conditions and weak breeding-stock quality. As an enterprise operating a closed-loop chain in integrated livestock farming and animal feed production, the Company places disease control at the highest priority because the industry is frequently exposed to the risk of widespread disease outbreaks. In Vietnam, livestock resistance is under significant pressure from general farm environmental sanitation conditions and breeding-stock quality. Dangerous infectious diseases such as foot-and-mouth disease (FMD), porcine epidemic diarrhea (PED), porcine reproductive and respiratory syndrome (PRRS), and particularly African swine fever (ASF) have developed in a complex manner in recent years, causing serious losses to the industry and the animal feed supply chain. When disease outbreaks occur, the Company's production and business activities may be directly affected through reductions in herd size, disruption to the timing of animal sales and increased disease-prevention costs. Recognizing this, BAF continuously strengthens its stringent biosecurity system, standardizes breeding-stock quality and applies modern farm-structure processes to minimize the risk of vertical and horizontal transmission between affected areas.

The increase in extreme weather events and climate change in recent years has significantly affected farm management nationwide. A clear example of this risk was Super Typhoon Yagi, which made landfall in northern Vietnam. This historic natural disaster caused severe damage to agricultural infrastructure throughout the region, widespread flooding and localized disruption to livestock and animal feed supply chains. The high frequency of major storms such as Yagi, together with prolonged rain, flooding and inundation following storms, seriously degrades livestock-farming environmental conditions, increases the risk of opportunistic disease outbreaks (particularly waterborne infectious diseases), reduces pig survival rates and directly increases farm operation, maintenance and reinforcement costs. In addition, adverse weather and widespread natural disasters can disrupt the supply chain of raw materials used in animal feed production, such as corn and soybeans, resulting in significant fluctuations in input costs. The combined impact of increased farm operating costs arising from disaster recovery and fluctuations in feed costs creates direct pressure on the Company's gross profit margin, requiring continuous updates to price-hedging scenarios, asset insurance and emergency response plans.

3.4. Operational Risks

Risks in biosecurity and disease-control procedures: This is the most material internal risk. If procedures for controlling access to farms, disinfection and vaccination are not strictly implemented, the Company may face the risk of disease outbreaks.

Risks in supply-chain and inventory management: The livestock industry is under significant pressure from fluctuations in animal feed raw-material prices, particularly corn and soybeans. Internal risks arise when demand forecasting and procurement procedures do not

align with production plans, resulting in supply shortages or excessive inventories and wasted financing costs.

Risks arising from non-compliance with technical procedures: The livestock industry requires strict discipline in biosecurity practices. Risks may arise when farm employees become complacent or negligent in disinfection procedures, enter or leave farms in violation of regulations, or independently change animal feeding rations.

Risks relating to the capabilities and changes in key personnel: Modern livestock farming requires highly qualified veterinarians and livestock engineers to operate closed-house systems and control FCR (feed conversion ratio). Risks arise when an enterprise becomes overly dependent on a few outstanding individuals without a succession-training process. For a company such as BAF, fluctuations in senior personnel or shortages of general labor in remote areas where farms are located may disrupt production-scale expansion plans.

Risks in operating smart farm systems: Risks may arise when central control systems experience hardware failures or control-software errors. A system failure causing ventilation fans to stop operating for several hours could adversely affect the livestock.

Cybersecurity and farming-technology security risks: In the competitive environment, proprietary animal feed formulas and breeding processes are important intellectual property assets. System risks include cyberattacks resulting in theft of business data or data encryption for ransom.

3.5. Compliance and Legal Risks

The operation of large-scale farms generates substantial volumes of waste; if treatment systems fail to strictly comply with national technical regulations (QCVN), the enterprise may face the risk of suspension of operations or revocation of its environmental permit. In the context of increasingly stringent ESG criteria applied by international investment funds, any violation relating to waste discharge could result in the Company's shares being excluded from investment portfolios, potentially disrupting long-term investment capital.

As a listed company, compliance with the Law on Securities and the Law on Enterprises is mandatory. Legal risks may arise if internal procedures are not updated promptly to reflect changes in information-disclosure regulations.

4. Risks relating to the offering

4.1. Risks relating to the offering

The Company's share offering will depend on developments in the securities market at the time of the official offering, macroeconomic factors, investor sentiment and the attractiveness of the Company's shares. Therefore, there is a risk that not all of the shares proposed to be offered may be successfully distributed. However, the risk associated with this offering is assessed as relatively low because the offering is made to the Company's existing

shareholders, who have a clear understanding of the Company's development orientation, business performance and management capabilities. In addition, the additional shares are offered at VND 15,000 per share, which is relatively attractive compared with the average reference price of BAF shares over the 30 trading sessions from 18 May 2026 to 26 June 2026, after adjusting for the impact of the Company's issuance of shares for dividend payment and issuance of additional shares to increase share capital from owners' equity, of approximately VND 29,100 per share.

If the shares are not fully distributed as expected, the Board of Directors (BOD) will report to the State Securities Commission of Vietnam to request an extension of the offering period in accordance with applicable regulations, if necessary.

4.2. Risks relating to the use of proceeds from the offering

According to the plan, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company will offer 40,536,100 shares at the price of VND 15,000 per share, corresponding to expected proceeds of VND 608,041,500,000. The Company will use the entire expected proceeds from the offering to settle payables to suppliers of feed, piglets, additives and other raw materials and goods used in BAF's production, farming and business activities.

The use of these proceeds has been carefully considered and is consistent with the Company's development strategy and orientation. Investment activities will be closely controlled and managed to minimize risks and maximize the efficiency of capital utilization.

If, upon expiry of the offering period as prescribed, the Company does not fully distribute the registered number of shares and the proceeds from the offering are insufficient to achieve the purposes approved by the General Meeting of Shareholders (GMS), depending on actual circumstances, the GMS has authorized the BOD to implement the following measures:

- Request an extension of the offering period to continue offering the remaining shares in compliance with applicable laws and regulations;
- Raise the shortfall through other means, such as bank loans, issuance of corporate bonds or other solutions permitted by law and the Company's internal regulations, to implement the approved plan;
- Reduce the amount of capital allocated to lower-priority purposes as determined by the BOD based on the Company's actual circumstances at the time of capital utilization.

5. Risk of dilution

As the number of outstanding shares after the completion of the offering will increase, the following dilution risks may arise:

5.1. Risk of dilution of share price

When the offering price is lower than the closing price of BAF shares on the trading day immediately preceding the ex-rights date, the reference price of BAF shares on the ex-rights

date will be adjusted according to the following formula:

$$Ptc = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

In which:

Ptc	:	Reference price adjusted on the ex-rights trading day
PRt-1	:	Adjusted pre-reference price (Closing price on the trading day immediately preceding the ex-rights date)
PR	:	Offering price to existing shareholders
I	:	Additional capital ratio due to the issuance of additional shares

For example:

PRt-1: The closing price of BAF shares on the trading day immediately preceding the ex-rights date is VND 29,000 per share.

PR: The offering price to existing shareholders is 15,000 VND/share.

I: The ratio of additional capital due to the issuance of additional shares is 1/9.

At that time, the reference price of BAF shares on the ex-rights date is calculated as follows:

$$Ptc = \frac{29{,}000 + (1/9 \times 15{,}000)}{1 + 1/9} = 27{,}600 \text{ VND/share}$$

Therefore, the reference price of BAF shares on the ex-rights date is adjusted and rounded to 27,600 VND/share.

5.2. Risk of dilution of earnings per share (EPS)

The EPS may decrease (be diluted) because the total number of outstanding shares increases compared with the current level, while the proceeds from the offering may not immediately generate revenue and profit.

The formula for calculating EPS is as follows:

EPS = Profit after tax/Average number of outstanding shares.

$$\textit{Average number of outstanding shares} = \frac{X*12 + Y*t}{12}$$

In which:

X : The number of outstanding shares before the issuance.

Y : Number of additional shares to be issued

t : Actual circulation time in the past year of additional issued shares

The Company's expected EPS dilution level in 2026 after the issuance is as follows:

	Contents	Unit of calculation	Values
1	Profit after tax in 2026 (expected)	VND	793,051,000,000
2	Number of outstanding shares at the time of the public offering of additional shares	Share	364,824,906
3	The number of outstanding shares after the public offering of additional shares	Share	405,361,006
4	Earnings per share in 2026 (expected) before the public offering of additional shares	VND	2,174
5	Earnings per share in 2026 (expected) upon completion of the public offering of additional shares	VND	1,956

The increase in the number of shares from the additional public offering of shares makes the expected EPS in 2026 decrease from 2,174 VND/share to 1,956 VND/share after the issuance. The risk of diluted shares will be limited when the Company makes optimal use of the mobilized capital, maintains good operations and promotes its strengths to ensure that production and business activities continue to grow well after the offering.

5.3. Risk of dilution of book value per share (BVPS)

After the completion of the offering, the total number of outstanding shares of the Company will increase. In the event that the growth rate of equity does not correspond to or is lower than the growth rate of the number of additional shares issued (assuming that other factors remain unchanged and projects financed with the proceeds do not have time to record immediate profits), the book value per share of the Company will be subject to the risk of dilution.

5.4. Risks of dilution of shareholders' ownership and voting rights

Because the offering is carried out by exercising the rights of existing shareholders, it does not reduce the ownership rate and voting rights of the shareholders if the shareholders fully exercise their rights. In case the existing shareholders do not participate in the offering, the shareholders give up or transfer the right to buy, their ownership percentage will decrease after the completion of the offering.

6. Corporate governance risks

Risks arising from weak corporate governance are latent risks that may nevertheless have a significant impact on the long-term and sustainable development of an enterprise and cause losses to shareholders, including risks relating to asset and capital management, human resources, processes and systems, etc. However, the Company has proactively minimized corporate governance risks by strengthening the effectiveness of its risk management system, fully complying with corporate governance regulations and standards applicable to listed public companies, and regularly organizing training programs on internal control, internal audit and accounting. As a result, the Company's production and business performance has remained stable and achieved annual growth.

For this offering, the Company's charter capital will increase after the issuance, which will entail certain challenges and risks in corporate governance as well as in the effective management and utilization of capital and human resources. However, as this is an offering to existing shareholders, the shareholder structure is not expected to change significantly compared with that prior to the offering. In addition, the management has formulated a feasible capital-increase plan, which was approved by the GMS with a very high voting approval rate. This demonstrates shareholders' confidence in the feasibility of the Company's development plan and indicates that the risks arising from the Company's corporate governance activities are not significant.

7. Other risks

In addition to the risks presented above, certain force majeure risks, although very rare, may, if they occur, affect the Company's business activities, business performance and financial position, as well as those of enterprises in the same industry and the economy as a whole. Other risks may include war, natural disasters, epidemics, terrorism, etc. Therefore, in order to minimize the impact of these risks, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company proactively takes preventive measures, including purchasing insurance for employees and the Company's assets.

The Company pays close attention to risk factors by establishing a centralized governance structure with a dedicated risk management function to periodically develop and improve risk-control measures. In addition, the experienced and highly qualified management team regularly develops business plans based on various scenarios and assumptions, provides timely directions to turn risks into opportunities and minimizes risks to the Company's operations.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

III. ACRONYMS AND CONCEPTS

The words or groups of abbreviations in this Prospectus are as follows:

BAF/Company	: BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
Agriseco	: Agribank Securities Corporation
GSM	: General Meeting of Shareholders
BOD	: Board of Directors
IAD	: Internal Audit Department
CEO	: Chief Executive Officer/General Director
JSC	: Joint Stock Company
LLC	: Limited Liability Company
One Member LLC	: One-member Limited Liability Company
VSDC	: Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation
SSC	: State Securities Commission of Vietnam
HOSE/HSX	: Ho Chi Minh City Stock Exchange
SBV	: State Bank of Vietnam
PBT	: Profit before tax
PAT	: Profit after tax
FS	: Financial Statements
Charter capital	: Charter capital
VND	: Vietnamese Dong
DPI	: Department of Planning and Investment
Citizen ID Card	: Citizen Identity Card
GDP	: Gross Domestic Product
IT	: Information Technology
BRC	: Business Registration Certificate

[The remainder of this page is intentionally left blank]

IV. SITUATION AND CHARACTERISTICS OF THE ISSUING ORGANIZATION

1. Information about the issuing organization

1.1. About issuing organization

Full Name	:	BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY.
English Name	:	BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY.
Abbreviation	:	BAF., JSC.
Headquarters	:	9th Floor, Vista Tower, No. 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City.
Phone	:	0766 074787.
Website	:	baf.vn/.
Logo	:	BAF NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG
Charter capital	:	3,648,249,060,000 VND
Business registration certificate	:	Business Registration Certificate No. 0107795944 issued by Hanoi Department of Planning and Investment for the 1st time on April 7, 2017; amended for the 23rd time by the Ho Chi Minh City Department of Finance on July 10, 2026.
Legal representative	:	Ms. **Bui Huong Giang** - Position: **General Director**.
Stock ticker	:	BAF.
Listing exchange	:	HOSE.

1.2. Business Scope

Table 1. Business lines

	Name of business line	Business code
1.	**Raising and breeding pigs.**	**0145 (main)**
2.	Poultry farming.	0146
3.	Other livestocks farming activities. Details: *- Raising and breeding domestic animals, other domestic animals including pets: dogs, cats, rabbits, reptiles, insects; -*	0149

	Name of business line	Business code
	Beekeeping and honey production; - Silkworm farming and cocoon production;- Production of fur and reptile skins from farming activities.	
4.	Mixed farming activities.	0150
5.	Crop production support services.	0161
6.	Animal farming support services.	0162
7.	Post-harvest services.	0163
8.	Seed treatment for propagation.	0164
9.	Processing and preserving meat and meat products. Details: *- Slaughtering, butchering, processing, packaging, preserving meat of livestock and poultry; - Producing chilled or frozen meat, marinated fresh meat; - Producing chilled or frozen meat, chopped fresh meat; - Producing meat products including: Sausages, Italian sausages, pudding cakes, spiced sausages, smoked sausages, pate, ham; - Processing of animal offal; - Production, processing, and preservation of meat and other meat-based products. (No slaughtering of livestock or poultry at headquarters)*	1010
10.	Processing and preserving aquatic products and aquatic products.	1020
11.	Processing and preserving fruits and vegetables.	1030
12.	Production of animal and vegetable oils and fats.	1040
13.	Processing of milk and dairy products.	1050
14.	Milling and production of raw flour.	1061
15.	Wholesale of food products. *(not conducted at headquarters) excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law.*	4632
16.	Retail sale of food products. *(implemented according to Decision 64/2009/QD-UBND dated July 31, 2009 and Decision No. 79/2009/QD-UBND dated October 17, 2009 of the People's Committee of Ho Chi Minh City on the planning of agricultural products and food trading in Ho Chi Minh City, excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*	4722

	Name of business line	Business code
17.	Other non-specialized retail sale. Details: *Retail in supermarkets and shopping centers (excluding retail of gas cylinders, liquefied petroleum gas (LPG), used motor oil, gold bars, firearms, ammunition for hunting or sports, and metal currency and in accordance with Decision 64/2009/QĐ-UBND dated July 31, 2009, of the People's Committee of Ho Chi Minh City, and Decision 79/2009/QĐ-UBND dated October 17, 2009, of the People's Committee of Ho Chi Minh City approving the agricultural product planning in Ho Chi Minh City, and excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*	4719
18.	Wholesale of agricultural and forestry raw products (except wood, bamboo, rattan) and live animals. Details: *Wholesale of feed and ingredients for livestock, poultry and aquatic feed; other raw agricultural and forestry products; and live animals. (No wholesale of agricultural products at the headquarters excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*	4620
19.	Retail sale of other new goods (except automobiles, motorcycles, motorcycles and auxiliary parts) Details: *Retail sale of feed and raw materials for livestock, poultry and aquatic feed in specialized stores.*	4773
20.	Production of animal, poultry and aquatic feed.	1080
21.	Electrical installation.	4321
22.	Warehousing and storage. *(except for warehousing and storage of coal, scrap, chemicals, warehouse leasing)*	5210
23.	Raising and breeding cows and buffaloes.	0141
24.	Raising and breading horses and other equines.	0142
25.	Raising of goats, sheep, deers and sambar deers and breeding of goats, sheep, deers and sambar deers.	0144
26.	Construction of water supply and drainage works.	4222

2. Summary of the formation and development process of the Issuing organization

Table 2. Brief history of establishment and development

Year	Key Milestones
2017	On April 7, 2017, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company was established with an initial charter capital of VND 30 billion. The Company's principal business activities were agricultural commodity trading and farm-based pig breeding. In December 2017, the Company completed an increase in charter capital from VND 30 billion to VND 100 billion through an offering to existing shareholders.
2018	In 2018, the Company put into operation 10 farms for breeding and raising commercial pigs across the country. In March 2018, BAF entered into an agreement with Skiod (Denmark) for the transfer of a technical solution system for BAF's farms. In July 2018, the Company marked its first step into the Southeast Asian pork and breeding-pig market by investing in BAF Myanmar Joint Venture Company, located at No. (148w), (5) Ward, A-one Street, Mayangone Township, Yangon, Myanmar.
2019	Since 2019, BAF has changed its development strategy, gradually reallocating resources to focus primarily on livestock farming and developing its operations under the standardized 3F model (Feed – Farm – Food), also conceptualized as "from farm to table." In March 2019, BAF commenced the reconstruction of its entire farm system based on a standardized 4.0 model, modernized with European-standard technology. In November 2019, BAF successfully imported its first batch of high-quality pigs from one of the world's leading pig breeding groups, consisting of more than 1,200 great-grandparent breeding pigs into Vietnam. These pigs possess superior genetic characteristics, good maternal traits, rapid weight gain, high disease resistance, flavorful meat, and strong adaptability to Vietnam's climatic conditions.
2020	BAF increased the capacity of its Phu My animal feed factory to 4,500 tons/month, continued expanding its scale of operations and market position by inaugurating and commencing operations at three new farms in Dak Lak, Thanh Hoa and Myanmar. BAF also commenced construction of the Phu Yen farm, with a capacity of 5,000 sows, featuring modern indoor housing technology and a closed-loop farming process designed to ensure near-absolute biosecurity. In July 2020, BAF signed a strategic partnership agreement with a leading global pig breeding group for the exclusive supply of high-quality pig breeds in the Vietnamese and Myanmar markets. In November 2020, the Company completed an increase in charter capital from VND 100 billion to VND 500 billion through an offering to existing shareholders. The purpose of the capital increase was to supplement working capital to expand the Company's production and business activities.

Year	Key Milestones
2021	On August 31, 2021, BAF successfully completed its initial public offering (IPO) at an IPO price of VND 20,000 per share, increasing the Company's total paid-in charter capital from VND 500 billion to VND 780 billion, with 332 shareholders participating in the IPO. The purpose of the capital increase was to supplement working capital to expand the Company's production and business activities. On September 1, 2021, the Company was approved by the State Securities Commission of Vietnam ("SSC") to become a public company under Official Letter No. 5089/UBCKNN-QLCB. On September 27, 2021, the Company was approved by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation ("VSDC") for securities registration under Certificate No. 36/2021/GCNCP-VSD issued by VSDC, with the stock code BAF. On November 24, 2021, the shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company were approved for listing by the Ho Chi Minh Stock Exchange under Decision No. 651/QĐ-SGDHCM, with an initial listing price of VND 20,000 per share. On December 28, 2021, BAF commenced construction of two projects for sow and commercial pig farms in Tan Chau District, Tay Ninh Province. In addition, BAF contributed capital to and commenced operations of the SIBA FOOD clean food retail chain.
2022	On January 4, 2022, Siba Holdings Joint Stock Company officially became a major shareholder of BAF, holding more than 20.5% of the Company's outstanding shares. Siba Holdings was considered an enterprise possessing significant core competitive advantages among leading companies in the livestock industry. On May 24, 2022, the SSC issued Official Letter No. 3070/UBCK-QLCB regarding the report on the results of the issuance of shares for dividend payment and the issuance of shares to increase share capital from owners' equity of BAF. Following the two issuances, the Company's charter capital increased to VND 1,435.2 billion. On June 9, 2022, BAF held the inauguration ceremony for the Tay Ninh 3 breeding pig farm in Tan Bien District, Tay Ninh Province. The farm has a capacity of 30,000 gilts and is expected to supply 60,000–75,000 pigs to the market annually. On August 23, 2022, the Company successfully completed the first tranche of its public bond offering under Public Bond Offering Registration Certificate No. 205/GCNUBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on July 19, 2022, with total bonds issued in the first tranche of VND 300,000,000,000 (three hundred billion dong), under bond code BAFH2225001, with a three-year term and maturity date of August 23, 2025. On October 19, 2022, BAF Tay Ninh Factory was honored with the GLOBALG.A.P. CFM 3.0 Good Agricultural Practices Certification and the FSSC 22000 V5.1 Food Safety Management System Certification, the highest versions at the time of certification. In addition, BAF

Year	Key Milestones
	successfully developed a 100% plant-based vegetarian feed formula and organized the launch of the BAF Meat vegetarian-fed pork brand.
2023	On January 19, 2023, BAF commenced operations of a high-tech animal feed factory in Nghe An with a capacity of 200,000 tons/year. On February 23, 2023, BAF became a strategic partner of IFC (International Finance Corporation) and received investment financing from IFC through the purchase of a private placement bond package with a total value of up to VND 900 billion, comprising VND 600 billion of convertible bonds already issued and VND 300 billion of ordinary bonds not yet issued. In addition to capital support, IFC also transferred advanced European-standard livestock farming technologies to BAF. At the time of considering the bond conversion, if BAF and IFC reached mutual agreement, the bonds would be converted into shares, and IFC would simultaneously participate in the Company's governance. In 2023, BAF inaugurated four additional high-tech pig farms in Tay Ninh. At the same time, BAF continued to commence construction of its second high-tech farm in Phu Yen, with an investment value of VND 240 billion. On July 4, 2023, the Company successfully completed the second tranche of its public bond offering under Public Bond Offering Registration Certificate No. 205/GCN-UBCK dated July 19, 2022 and Official Letter No. 3317/UBCK-QLCB dated June 5, 2023, with total bonds issued of VND 300,000,000,000 (three hundred billion dong) under bond code BAFH2225002. The bonds have a three-year term and mature on July 4, 2026. On August 15, 2023, BAF entered into a syndicated loan agreement with Shinhan Bank, Daegu Bank and FirstBank to finance the high-tech farm project in Nghe An, with a total scale of 5,000 sows and 60,000 commercial pigs. Also in 2023, BAF received several prestigious awards, including Top 3 enterprises in the Agriculture sector with the best profitability in Vietnam, announced and honored by Vietnam Report, and three awards at the 2023 Vietstock Awards, selected and honored by the Department of Livestock Production, including: (1) Largest pig feed producer; (2) Best producer/facility of breeding pigs; and (3) Best commercial pig farm.
2024	In August 2024, the Company completed an increase in charter capital to VND 2,390.2 billion. On September 16, 2024, BAF entered into a strategic cooperation agreement with Muyuan Foods Co., Ltd. to receive the transfer of smart livestock farming equipment and technology and apply artificial intelligence to livestock farming operations to ensure biosecurity and environmental sustainability. BAF owned nine farms that were awarded GLOBALG.A.P. IFC certification. BAF and Citek Technology Joint Stock Company officially signed and launched a project

Year	Key Milestones
	for the digital transformation of enterprise-wide management on the SAP S/4HANA Cloud platform. BAF Nghe An obtained GLOBALG.A.P. international certification and FSSC 2000 Version 5.2 certification.
2025	In April 2025, BAF completed an increase in charter capital to VND 3,040.2 billion. On June 29, 2025, BAF obtained approval from the People's Committee of Tay Ninh Province for the investment policy of the Tay Ninh High-Tech High-Rise Pig Farming Complex, marking an important milestone as BAF could become the first enterprise in Vietnam to own a "high-rise pig farming" model. The project was approved by the Government for implementation in August 2025. In August 2025, BAF commenced construction of the Gia Han mega-farm. On September 28, 2025, BAF officially entered into a joint venture cooperation agreement with Muyuan Foods Group (China) to develop and operate a high-tech high-rise livestock farming project integrated with an ancillary animal feed factory in Tay Ninh. The project is expected to provide capacity for 64,000 sows and produce 1.6 million commercial pigs annually. The animal feed factory is expected to have a capacity of approximately 600,000 tons/year. Total investment capital is VND 12,000 billion, with expected annual revenue of approximately VND 10,000 billion.
2026	On January 5, 2026, BAF completed a public bond offering under bond code BAF126003, with total bonds issued of VND 1,000 billion, pursuant to Certificate No. 447/GCN-UBCK issued by the Chairman of the SSC on November 25, 2025. The bonds have a three-year term and mature on January 5, 2029. On May 7, 2026, BAF shares were officially added to the VN100 Index, an index comprising 100 stocks with high liquidity and leading market capitalization on HOSE. The VN100 Index is developed by the Ho Chi Minh Stock Exchange based on the international practice of the UK's FTSE 100 Index to establish an index framework suitable for the Vietnamese market. On July 10, 2026, BAF completed the issuance of shares for dividend payment and the issuance of shares to increase share capital from owners' equity, increasing the Company's charter capital to VND 3,648,249,060,000.

3. Company Structure

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company is organized and operates in accordance with Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, the Company's Charter of Organization and Operation, and other relevant laws and regulations.

Figure 5. Company structure

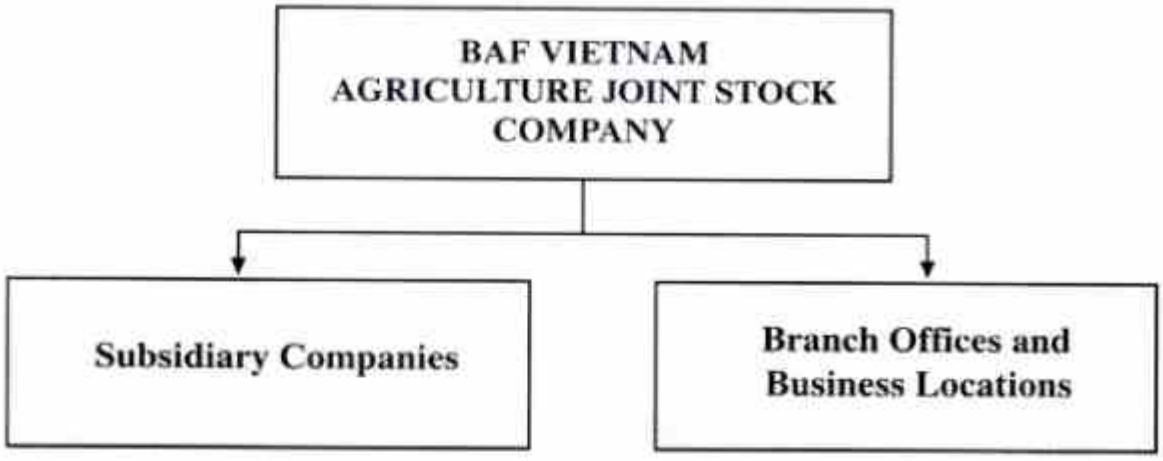

(Source: BAF)

Information about the subsidiaries is set out in section 5.2. Part IV below.

Information about branches and business locations is as follows:

	Unit Name	Address
1	Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (Independent Accounting Branch)	9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam MST: 0107795944-001
2	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company Branch in Nghe An (Independent Accounting Branch)	Zone C, Nam Cam Industrial Park, Trung Loc Commune, Nghe An Province, Vietnam. MST: 0107795944-003
3	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company Branch in Hanoi (Independent Accounting Branch)	Bich Hoa Industrial Cluster, Binh Minh Commune, Hanoi City MST: 0107795944-004
4	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company Branch in Dong Nai (Independent Accounting Branch)	Group 5, Ho Xuan Huong Street, Quarter 6, Tri An Commune, Dong Nai, Vietnam MST: 0107795944-005
5	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company Branch in Long An (Independent Accounting Branch)	D4, Ready-built factory area Lot B, Long Hau - Hiep Phuoc Street, Can Giuoc Commune, Tay Ninh, Vietnam MST: 0107795944-007
6	Business location Thanh Hoa 1 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Quang Trung Village - Thach Quang Commune - Thanh Hoa Province
7	Business location Thanh Hoa 8 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Dong Danh Village, Cam Tu Commune, Thanh Hoa Province

	Unit Name	Address
8	Business location in Binh Thuan 1 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Village 3, Tra Tan Commune, Lam Dong Province
9	Business location in Binh Thuan 2 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Dong Thuan Village, Ham Tan Commune, Lam Dong Province
10	Business location in Binh Phuoc - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Tan Phu Hamlet, Thuan Loi Commune, Dong Nai Province
11	Binh Duong Business Location - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Land plot No. 259, map sheet No. 8, Hieu Liem 20, Strawberry Tree Hamlet, Thuong Tan Commune, Ho Chi Minh City
12	Business location in Dak Lak 1 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Jang Pong Village, Ea Wer Commune, Dak Lak Province
13	Business location Dong Nai 2 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Co Dau 2 hamlet, Xuan Dong commune, Dong Nai
14	Business location Tay Ninh 1 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	501 30/4 Street, Quarter 1, Tay Ninh City
15	Business location: Ba Ria Vung Tau 1 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Hamlet 15, Hoa Hoi Commune, Ho Chi Minh City
16	Business location in Quang Ninh 1 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Duong Hoa Commune, Quang Ninh Province
17	Business location Dak Nong 1 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Dak Wil Commune, Lam Dong Province
18	Business location Thanh Hoa 4 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Giang Vin Village - Linh Son Commune - Thanh Hoa Province
19	Business location Tay Ninh 2 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Tan Dong 1 hamlet - Tan Lap commune - Tay Ninh province
20	Business location Thanh Hoa 7 - BAF	Chieng Nang Village, Giao An

	Unit Name	Address
	Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Commune, Thanh Hoa Province
21	Business location Dak Nong 2 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Nam Dinh Village, Dak Mil Commune, Lam Dong Province
22	Business location Dak Nong 3 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Dak Mil Commune, Lam Dong Province
23	Business location Dak Nong 4 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Dak Mil Commune, Lam Dong Province
24	Gia Lai 1 Business Location - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	To Kor Village, Son Lang Commune, Gia Lai Province
25	Business location: Car Wash Center - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Hoi Thanh Hamlet, Tan Hoi Commune, Tay Ninh Province, Vietnam
26	Business location Dong Nai 3 - BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	Tan Hung Hamlet, Xuan Thanh Commune, Dong Nai Province, Vietnam
27	Business location in Tay Ninh - BAF Microbial Organic Fertilizer Co., Ltd.	Long Yen Hamlet, Hoa Thanh Ward, Tay Ninh Province, Vietnam
28	Phu My Business Location - BAF Tay Ninh Animal Feed Co., Ltd.	Land Plot No. 747, Map No. 04, Road 2A, Phu My 1 Industrial Park, Phu My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
29	Business location of Thanh Hoa - BAF Microbial Organic Fertilizer Co., Ltd.	Land plot No. 837, 850, 851, map sheet No. 14, Le Nghia 2 village, Tho Xuan commune, Thanh Hoa province, Vietnam
30	Lam Dong Business Location - BAF Microbial Organic Fertilizer Co., Ltd.	Land plot No. 246, map sheet No. 61; land plot No. 250, 251, map sheet No. 239, Trung Hoa Village, Dak Mil Commune, Lam Dong Province, Vietnam

[The rest of the page is intentionally left blank]

4. Governance structure and management apparatus

The company operates under a governance model including: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, Internal Audit Commitee, Board of Management and other departments.

Figure 6. Governance structure and management apparatus

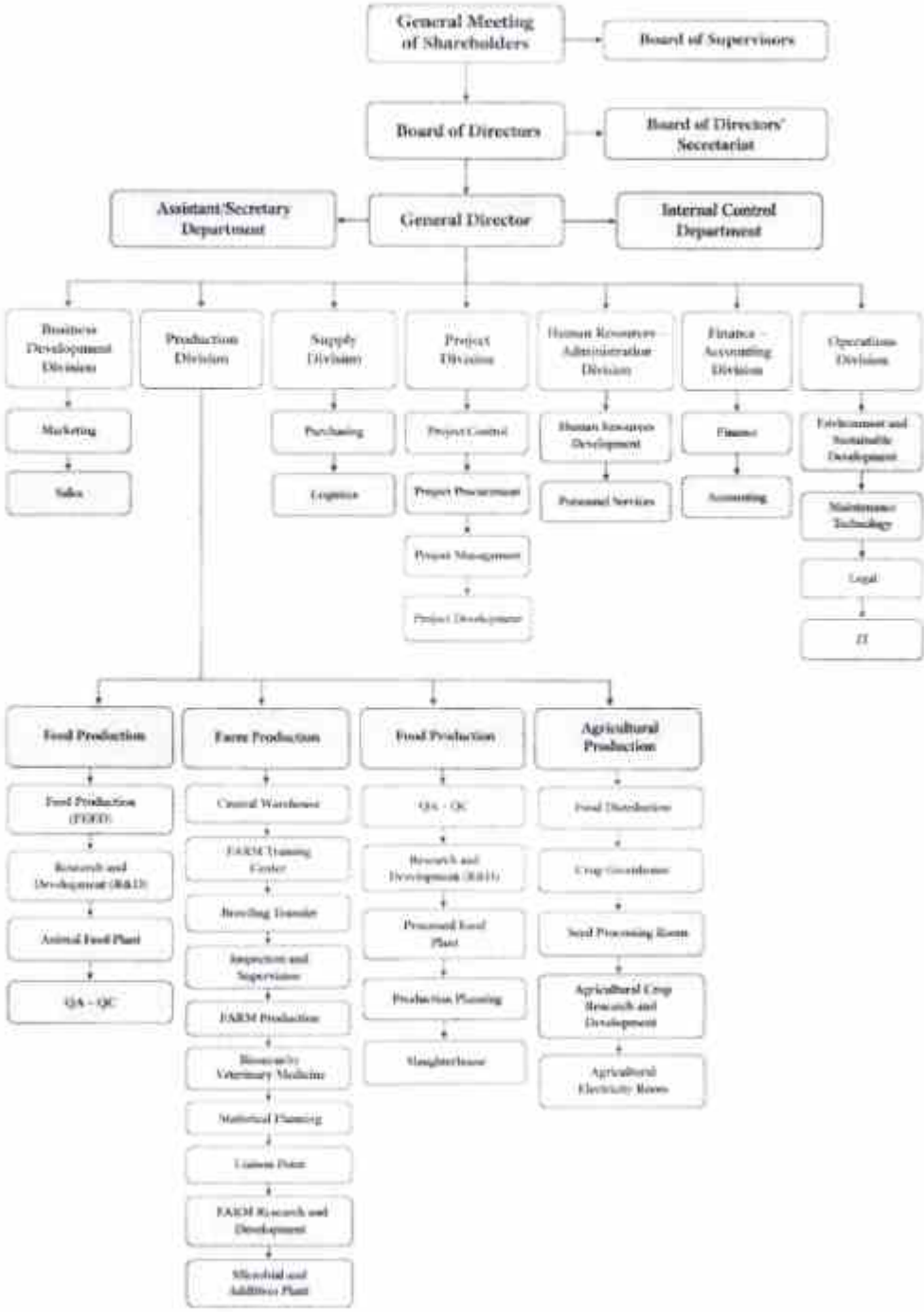

(Source: BAF)

Details of divisions in the Company are as stated below:

a. General Meeting of Shareholders

The General Meeting of Shareholders is the highest authority of the Company and comprises all shareholders entitled to vote. The GMS has the following rights:

- To approve amendments and supplements to the Company's Charter;
- To approve the Company's development plan, annual financial statements, reports of the Board of Supervisors on the Company's business performance, and reports on the activities of the Board of Directors and the General Director;
- To determine the number of members of the Board of Directors;
- To elect, remove or dismiss members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
- Other rights as prescribed in the Company's Charter.

b. Board of Directors

The Company's Board of Directors currently consists of five (05) members. The Board of Directors is the body vested with full authority to exercise all rights in the name of the Company, except for matters falling under the authority of the GMS. The Board of Directors has the following rights:

- To decide on the organizational structure and management apparatus of the Company;
- To decide on the Company's investment and development strategies based on the strategic objectives approved by the GMS;
- To appoint, remove, dismiss and supervise the activities of the Board of Management and the Company's managerial personnel;
- To propose amendments and supplements to the Company's Charter, annual business performance reports, financial statements, annual financial statements and settlements, profit distribution and utilization plans, development orientations, annual production and business development plans and annual budgets of the Company for submission to the GMS;
- To convene and direct the preparation of the contents and agenda for GMS meetings;
- To propose the restructuring or dissolution of the Company;
- Other rights as prescribed in the Company's Charter.

The list of members of the Board of Directors of the Company is currently as follows:

Table 3. List of Members of the BOD

	Full name	Position
1.	Mr. Truong Sy Ba	Chairman of the Board of Directors

	Full name	Position
2.	Ms. Bui Huong Giang	Member of the Board of Directors cum General Director
3.	Mr. Prasad Gopalan	Independent Member of the Board of Directors
4.	Mr. Nguyen Thanh Tan	Independent Member of the Board of Directors
5.	Mr. Nguyen Van Phu	Member of the Board of Directors

c. Board of Supervisors

The Board of Supervisors is elected by the GMS and consists of three (03) members to supervise the Board of Directors and the General Director in the management and operation of the Company. The Board of Supervisors is accountable to the GMS and the law for the performance of its assigned duties, including:

- To inspect the Company's accounting books and financial statements; examine the reasonableness and legality of the Company's production, business and financial activities; and inspect the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;
- To submit to the GMS appraisal reports on the Company's financial statements and have the right to present its independent opinions on the results of its review of matters related to the Company's business activities and the activities of the Board of Directors and the Board of Management;
- To request the Board of Directors to convene an extraordinary GMS meeting when deemed necessary;
- Other rights as prescribed in the Company's Charter. Examining the Company's accounting books and financial statements, examining the reasonableness and legality of the Company's production, business and financial activities, examining the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;

Table 4. List of members of the Board of Supervisors

	Full name	Position
1.	Ms. Duong Thi Hong Tan	Head of the Board of Supervisors
2.	Ms . Luu Ngoc Tram	Member of the Board of Supervisors
3.	Ms. Tran Thi Thanh Tra	Member of the Board of Supervisors

d. Internal Audit Committee

The Internal Audit Committee is established by the Company's Board of Directors. The Board of Directors directly oversees the Internal Audit Committee. The Internal Audit Committee is equivalent to a department within the Company's organizational structure and performs its functions and duties in accordance with the Internal Audit Regulations issued, amended and supplemented by the Board of Directors in accordance with applicable laws, specifically:

- To independently and objectively inspect, supervise and evaluate the activities of the Company's departments, divisions and teams based on the level of risk and the extent of impact on the Company's operations. For all matters that may adversely affect the Company, the Internal Audit Committee shall promptly report the nature and extent of such impacts and provide practical recommendations to prevent and remedy such matters;
- To recommend measures to correct and remedy errors and propose measures to improve and enhance the capacity and effectiveness of the internal audit system;
- To prepare periodic internal audit reports;
- To notify and submit internal audit results in accordance with regulations;
- To regularly review and improve, revise, supplement and complete internal audit methodologies to ensure that they remain appropriate to the Company's development;
- To present internal audit opinions upon request for consideration by the Board of Directors when approving the Financial Statements and management reports;
- To maintain regular communication with the Company's independent auditor to ensure effective cooperation;
- To perform other duties assigned by the Board of Directors or as prescribed by law.

e. Board of Management

The Board of Management consists of the General Director and Deputy General Directors. The General Director is appointed by the Board of Directors and is responsible to the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders for the administration and management of all production and business activities of the Company. The Deputy General Director is responsible for assisting the General Director in administering the production and business activities of the Company. The Board of Management has the following tasks:

- To organize, manage and operate all production and business activities of the Company in accordance with resolutions and decisions of the BOD, directions of the GMS and applicable laws;
- To formulate and submit to the BOD the Company's internal management regulations, annual and long-term production and business plans, and annual and long-term financial

plans;

- To enter into and perform economic and civil contracts in accordance with applicable laws;
- To report to the BOD on the actual operating situation and production and business results, and be responsible to the BOD, the GMS and the law for errors and losses incurred by the Company;
- To implement resolutions of the BOD and the GMS, as well as the Company's business and investment plans approved by the BOD and the GMS;
- To be responsible for the overall orientation and development strategy of the agricultural commodity business and the closed-loop 3F (Farm – Feed – Food) value chain under a professional and modern management model. Depending on each business segment, the Board of Management shall issue specific processes and strategies appropriate to each field and business segment to optimize operations and minimize operational risks and costs;
- To coordinate in guiding the implementation of business development programs and projects and participate in directing activities within the relevant areas of responsibility of the Company;
- To continuously observe and closely monitor the operation of the system to ensure that the Company's operations and each department remain aligned with the established orientations and strategies, and to provide timely guidance and direction to address any signs of deviation.

Table 5. List of members of the Board of Management

	Full name	Position
1.	Ms. Bui Huong Giang	General Director
2.	Mr. Truong Anh Tuan	Deputy General Director
3.	Mr. Nguyen Van Minh	Deputy General Director
4.	Mr. Ngo Cao Cuong	Deputy General Director

f. Departments and functions in the Company

- Departments shall be directly responsible for the results and consequences of work within their scope to the Board of Management.

❖ **Business Division**

- Receive sales proposals from Farm - Food products, make sales plans, when there are quotations from customers to submit to the Board of Management for consideration and

approval. Then coordinate with relevant departments to implement.

- Make a plan and submit to the Board of Management a business plan according to the Company's business orientation.
- Search and develop markets. Monitor consumption, receive feedback from customers and coordinate with departments to constantly improve product quality;
- Answer all questions of customers related to the Company's sales and product policies.
- Forecast output consumption, assess the actual demand of the market at the present time and in the future. Provide assessments and forecast reports to the Production Sector so that the Production Sector has specific calculations of output.

❖ **Production Division**

- Responsible for running the entire production segment of the farm system including planning for mating sows and planning to replace all pigs in accordance with BAF's pigs so that BAF's pigs are always in the highest reproductive stage from litter 2 to litter 5 and the most optimal of each sow's life line.
- Coordinate with specialized departments, especially the Business Division, the Purchasing Division to have specific reports and calculations of production output to optimize costs, avoid wasteful losses for the Company, as well as promptly and fully respond to products for customers and the general market.
- Administering, assigning and managing detailed work for each subdivision and division in the block.

❖ **Supply Division**

- Responsible for purchasing according to orders of the Production Division.
- Advising the Board of Management on the procurement and trading of raw materials, bran, drugs, vaccines, veterinary supplies, necessities,....
- Organize the Procurement Division professionally and in accordance with the Company's regulations.

❖ **Project Division**

- Select contractors to provide goods, construction and installation works or services that meet the technical requirements, quality, implementation schedule and optimize investment costs for the Company's items.
- Increase output, increase service life, increase production scale.
- Search for locations, implement and assess environmental impacts to develop new projects in accordance with the provisions of law. Report and submit to the Board of Management for consideration and evaluation.

- Repair, maintain, upgrade and operate other items at the request of the Board of Management.
- In addition to the task of formulating and submitting for approval the project bidding plan, the project division is responsible for conducting bidding according to the bidding plan approved by the leader.

❖ **Administration - Human Resources Division**

- Linking with universities, colleges, vocational secondary schools, recruiting optimal personnel, meeting human resource needs for the Company's operation and expansion.
- Granting scholarships to final-year students at universities and colleges, having practical internship experience at BAF to train potential and close personnel to meet the needs of change and development of the Company.

❖ **Finance – Accounting Division**

- Perform independent economic accounting, assist the Board of Management in managing the direction of the Company's implementation. Accounting, statistics, information on the actual production and operation situation at the enterprise, perform other assigned tasks in accordance with the provisions of law and the company.
- Monitoring and synthesizing business data, production inventory, project investment costs and other related costs.
- Promptly report, advise and give opinions to the Board of Management on the actual situation or abnormal issues related to the Company's financial situation.

❖ **Operating Division**

- Perform tasks such as reviewing, reporting on assessment, the current operating environment of factories, production, and farms of the Company.
- Building and updating information technology, digital transformation, and applying new science to the operation and management of the business, helping the Board of Management easily grasp the situation of the Company in the most effective and timely way.
- Regularly update changes in legal regulations, advise and help the Board of Management make appropriate decisions and comply with state laws.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

5. Information on the parent company, subsidiaries of the issuing organization, companies controlling or holding controlling interests in the issuing organization, and companies over which the issuing organization exercises control or holds controlling shares or contributed capital.

5.1. Parent Company

None.

5.2. List of Subsidiaries and Associates of Issuing organization

[The remainder of this page is intentionally left blank]

a) **Subsidiaries**

Table 6. List of subsidiaries

	Company Name	Business Registration Certificate	Address	Business Scope	Time	Ownership ratio of BAF	Voting ratio of BAF
1	ANH VU PHU YEN CO., LTD	4401054144	Economic Village 2, Song Hinh Commune, Phu Yen Province	Breeding	December 31, 2024	100.00%	100.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
2	BAO NGOC LIVESTOCK CO., LTD	6001623576	Jang Pong Village, Ea Wer Commune, Dak Lak Province	Breeding	December 31, 2024	100.00%	100.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
3	MINH THANH LIVESTOCK TRADING PRODUCTION AND SERVICE CO., LTD	3901206435	Group 3, Thanh Trung District, Tan Bien Commune, Tay Ninh Province	Breeding	December 31, 2024	98.00%	98.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
4	BAC AN KHANH MANUFACTURING	3901293928	Ward 4, Tan Hoa Commune, Tay Ninh	Breeding	December 31, 2024	99.27%	99.27%

	Company Name	Business Registration Certificate	Address	Business Scope	Time	Ownership ratio of BAF	Voting ratio of BAF
	TRADING SERVICE CO., LTD		Province		December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
5	DONG AN KHANH PRODUCTION TRADING SERVICE CO., LTD	3901293928	Ward 4, Tan Thanh Commune, Tay Ninh Province	Breeding	December 31, 2024	100.00%	100.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
6	NAM AN KHANH LIVESTOCK CO., LTD	3901298757	Hoi Thanh hamlet, Tan Hoi commune, Tay Ninh province	Breeding	December 31, 2024	100.00%	100.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
7	GREEN FARM INVESTMENT CO., LTD 1	3901291381	Ap Hoa Dong A, Phuoc Vinh Commune, Tay Ninh Province	Breeding	December 31, 2024	98.00%	98.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
8	GREEN FARM INVESTMENT CO.,	3901291409	Thanh Loi Hamlet, Thanh Binh	Breeding	December 31, 2024	99.69%	99.69%

	Company Name	Business Registration Certificate	Address	Business Scope	Time	Ownership ratio of BAF	Voting ratio of BAF
	LTD 2		Commune, Tay Ninh Province		December 31, 2025	99.69%	99.69%
					June 30, 2026	99.69%	99.69%
9	TAY NINH LIGHTHOUSE HIGH-TECH LIVESTOCK JOINT STOCK COMPANY	3901312793	Land plot No. 5,6,7,8 map sheet 109, Tan Hoa Commune, Tay Ninh Province	Breeding	December 31, 2024	99.82%	99.82%
					December 31, 2025	99.82%	99.82%
					June 30, 2026	99.82%	99.82%
10	SONG HINH HIGH-TECH LIVESTOCK CO., LTD	4401086234	Buon Thung, Duc Binh Commune, Phu Yen Province	Breeding	December 31, 2024	100.00%	100.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
11	BAF TAY NINH ANIMAL FEED CO., LTD	3901152973	Lot A20, N8B Street, Thanh Thanh Cong Industrial Park, Trang Bang Ward, Tay Ninh	Animal Feed Production	December 31, 2024	99.00%	99.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
12	BAF BINH DINH AGRICULTURE CO.,	4101602537	Lot E5, Nhon Hoa Industrial Park, Tan	Animal Feed Production	December 31, 2024	98.55%	98.55%

	Company Name	Business Registration Certificate	Address	Business Scope	Time	Ownership ratio of BAF	Voting ratio of BAF
	LTD		Hoa Area, An Nhon Nam Ward, Gia Lai Province		December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
13	BAF MEAT BINH PHUOC CO., LTD	3801269103	Lot B1, Minh Hung - Sikico Industrial Park, Tan Khai Commune, Binh Phuoc Province	Slaughter and meat processing	December 31, 2024	100.00%	100.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
14	TAM HUNG PRODUCTION TRADING SERVICE CO., LTD	3901302844	Tan Cuong Hamlet, Tan Dong Commune, Tay Ninh	Breeding	December 31, 2024	99.98%	99.98%
					December 31, 2025	99.98%	99.98%
					June 30, 2026	99.98%	99.98%
15	TAN CHAU AGRICULTURAL INVESTMENT CO., LTD	3901303492	Group 6, Hamlet 4, Tan Hoa Commune, Tay Ninh Province	Breeding	December 31, 2024	99.95%	99.95%
					December 31, 2025	99.95%	99.95%
					June 30, 2026	99.95%	99.95%
16	THIEN PHU SON IMPORT-EXPORT	3800581662	Group 7, Tan Tra 1 Quarter, Binh Phuoc	Breeding	December 31, 2024	100.00%	100.00%

	Company Name	Business Registration Certificate	Address	Business Scope	Time	Ownership ratio of BAF	Voting ratio of BAF
	PRODUCTION CO., LTD		Ward, Dong Nai Province		December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
17	KIM HOI LIVESTOCK TRADING PRODUCTION CO., LTD	3801119450	Group 5, Tan Phu Hamlet, Thuan Loi Commune, Dong Nai Province	Breeding	December 31, 2024	100.00%	100.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
18	BAF MICROBIAL ORGANIC FERTILIZER CO., LTD	0317986455	9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Phu Ward, Ho Chi Minh City	Production	December 31, 2024	100.00%	100.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
19	TAY AN KHANH CO., LTD	3901315120	Hoi Thanh Hamlet, Tan Hoi Commune, Tay Ninh Province	Breeding	December 31, 2024	100.00%	100.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
20	BAF VIETNAM LOGISTICS CO., LTD	0318192737	9th Floor, Vista Tower, 628C Vo	Transportation	December 31, 2024	100.00%	100.00%

	Company Name	Business Registration Certificate	Address	Business Scope	Time	Ownership ratio of BAF	Voting ratio of BAF
			Nguyen Giap Street, An Phu Ward, Ho Chi Minh City		December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
21	BAF TAY NINH FOOD PROCESSING CO., LTD	3901341346	501 30/4 Street, Quarter 1, Tay Ninh Ward, Tay Ninh Province	Food Processing	December 31, 2024	100.00%	100.00%
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
22	THANH XUAN CLEAN AGRICULTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY	2802501452	Land plot 272, map sheet No. 23, Thanh Binh village, Thanh Quan commune, Thanh Hoa	Breeding	December 31, 2024	99.99%	99.99%
					December 31, 2025	99.99%	99.99%
					June 30, 2026	99.99%	99.99%
23	BAF TAY NINH 1 HIGH-TECH LIVESTOCK CO., LTD	3901356751	501 30/4 Street, Quarter 1, Tay Ninh Ward, Tay Ninh Province	Breeding	December 31, 2024	0	0
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
24	BAF TAY NINH 2 CNC LIVESTOCK CO., LTD	3901356769	501 30/4 Street, Quarter 1, Tay Ninh	Breeding	December 31, 2024	0	0

	Company Name	Business Registration Certificate	Address	Business Scope	Time	Ownership ratio of BAF	Voting ratio of BAF
			Ward, Tay Ninh Province		December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
25	BAF TAY NINH 1 ANIMAL FEED MANUFACTURING CO., LTD	3901356776	501 30/4 Street, Quarter 1, Tay Ninh Ward, Tay Ninh Province	Animal Feed Production	December 31, 2024	0	0
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
26	TMC LIVESTOCK JOINT STOCK COMPANY	5901174628	Von Village, Kong Chro Commune, Gia Lai Province	Breeding	December 31, 2024	0	0
					December 31, 2025	99.98%	99.98%
					June 30, 2026	99.98%	99.98%
27	HOA PHAT FOUR CO., LTD	5901139937	Tu Village, Ia Lau Commune, Gia Lai Province	Breeding	December 31, 2024	0	0
					December 31, 2025	99.99%	99.99%
					June 30, 2026	99.99%	99.99%
28	THANH DAT GIA LAI CNC LIVESTOCK	5901188469	Bong Pim Village, Ayun Commune, Gia	Breeding	December 31, 2024	0	0

	Company Name	Business Registration Certificate	Address	Business Scope	Time	Ownership ratio of BAF	Voting ratio of BAF
	JOINT STOCK COMPANY		Lai Province		December 31, 2025	99.99%	99.99%
					June 30, 2026	99.99%	99.99%
29	BAF NINH BINH FOOD CO., LTD	0314594883	Lot 9.2, Yen Lenh Industrial Cluster, Duy Tien Ward, Ninh Binh Province	Food Processing	December 31, 2024	0	0
					December 31, 2025	100.00%	100.00%
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
30	KHOI DUONG LIVESTOCK CO., LTD	640043468	Nam Tien Village, Dak Wil Commune, Lam Dong Province	Breeding	December 31, 2024	0	0
					December 31, 2025	0	0
					June 30, 2026	99.99%	99.99%
31	BAF HANOI 1 HIGH-TECH LIVESTOCK CO., LTD	0111545224	14th Floor, Diamond Flower Building, 48 Le Van Luong Street, N1 New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi City	Breeding	December 31, 2024	0	0
					December 31, 2025	0	0
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
32	BAF HANOI 2 HIGH-TECH LIVESTOCK	0111543932	14th Floor, Diamond Flower Building, 48	Breeding	December 31,	0	0

	Company Name	Business Registration Certificate	Address	Business Scope	Time	Ownership ratio of BAF	Voting ratio of BAF
	CO., LTD		Le Van Luong Street, N1 New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi City		2024		
					December 31, 2025	0	0
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
33	BAF HANOI PRODUCT PROCESSING CO., LTD	0111543925	14th Floor, Diamond Flower Building, 48 Le Van Luong Street, N1 New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi City	Food Processing	December 31, 2024	0	0
					December 31, 2025	0	0
					June 30, 2026	100.00%	100.00%
34	BAF BINH MINH FOOD PROCESSING CO., LTD	0111545182	14th Floor, Diamond Flower Building, 48 Le Van Luong Street, N1 New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi City	Food Processing	December 31, 2024	0	0
					December 31, 2025	0	0
					June 30, 2026	100.00%	100.00%

(Source: BAF's 2026 reviewed semi-annual financial statements)

b) Associates

None.

6. Information on the process of increasing and decreasing charter capital of the issuing organization

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company was established on April 7, 2017 with the registered charter capital of 30,000,000,000 VND (Thirty billion VND), equivalent to 3,000,000 shares (par value of 10,000 VND/share) and has 03 founding shareholders.

Up to now, the Company has made 08 times of capital increase, no capital reduction, the current charter capital of the Company is 3,648,249,060,000 VND (Three thousand six hundred and forty-eight billion two hundred and forty-nine million zero hundred and sixty thousand VND), equivalent to 364,824,906 shares with the par value of 10,000 VND/share. Details of the process of increasing the Company's charter capital are as follows:

Table 7. History of increase and decrease of charter capital

	Time of capital increase/decrease	Capital increase/decrease (VND)	Actual contributed charter capital after increase/decrease (VND)	Forms of capital increase/decrease	Approving unit
Establish	Year 2017 (04/2017)		30,000,000,000		Department of Planning and Investment of Hanoi
1st time	Year 2017 (08/2017)	70,000,000,000	100,000,000,000	Issuance to existing shareholders	Department of Planning and Investment of Hanoi
2nd time	Year 2020	400,000,000,000	500,000,000,000	Issuance to existing shareholders	Department of Planning and Investment of Binh Duong Province
3rd time	Year 2021	280,000,000,000	780,000,000,000	Initial public offering	- SSC - Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City
4th time	Year 2022	655,200,000,000	1,435,200,000,000	Issuing shares to pay dividends and issuing shares to increase capital from VCSH sources	- SSC - Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City
5th time	Year 2024 (05/2024)	243,980,420,000	1,679,180,420,000	Issuing shares to pay dividends	- SSC - Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City
6th time	Year 2024 (07/2024)	711,036,000,000	2,390,216,420,000	Issuance to existing shareholders and issuance of shares under the option	- SSC - Department of Planning and Investment of Ho

	Time of capital increase/decrease	Capital increase/decrease (VND)	Actual contributed charter capital after increase/decrease (VND)	Forms of capital increase/decrease	Approving unit
				program for employees	Chi Minh City
7th time	Year 2025	650,000,000,000	3,040,216,420,000	Private placement of shares	- SSC - Department of Finance of Ho Chi Minh City
8th time	Year 2026	608,032,640,000	3,648,249,060,000	Issuing shares to pay dividends and issuing shares to increase capital from VCSH sources	- SSC - Department of Finance of Ho Chi Minh City

(Source: BAF)

- Opinion of the auditing organization: None.

7. Information on large capital contributions and divestments of the issuing organization in other enterprises

Information on large capital contributions of the issuing organization in other enterprises in 02 consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time (amounts valued at 10% or more of total assets recorded in the latest financial statements): None.

Information on large divestments of the issuing organization in other enterprises in 02 consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time (amounts valued at 10% or more of total assets recorded in the latest financial statements): None.

8. Information about outstanding securities

8.1. Common shares

Shareholder structure of the Company as of June 22, 2026:

[The remainder of this page is intentionally left blank]

Table 8. Shareholder Structure

	Eligibility	Number of Shareholders	Number of shares	Ownership Ratio (%)
1	**Domestic Shareholders**	**3,311**	**353,383,983**	**96.86%**
	- Individuals	3,295	232,473,274	63.72%
	- Organization	16	120,910,709	33.14%
2	**Foreign Shareholders**	**57**	**11,440,923**	**3.14%**
	- Individuals	41	73,381	0.02%
	- Organization	16	11,367,542	3.12%
	In which: Economic organizations with foreign investors holding more than 50% of charter capital	0	0	0
3	**Treasury Shares**	0	0	0
TOTAL (1+2+3)		**3,368**	**364,824,906**	**100%**

(Source: BAF)

8.2. Preferred stock

None.

8.3. Other types of securities

Table 9. List of outstanding securities of the Issuing organization

	Bond code	Release Date	Maturity Date	Quantity	Characteristics
1	BAFH2330001 (Private Release)	March 16, 2023	March 16, 2030	600 billion	Convertible bonds, without warrants, unsecured, issued domestically
2	BAF12501 (Private Release)	May 8, 2025	May 8, 2028	500 billion	Non-convertible bonds, without warrants, secured, issued domestically
3	BAF126003 (Public release)	January 5, 2026	January 5, 2029	1,000 billion VND	Non-convertible bonds, without warrants, unsecured

(Source: BAF)

9. Information on foreign ownership ratio

9.1. Maximum foreign ownership ratio at the Issuing organization as prescribed by law

The maximum foreign ownership ratio at BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company is determined in accordance with Official Letter No. 705/UBCK-QLCB dated February 20, 2023, issued by the State Securities Commission of Vietnam, and is set at 39.1304%.

9.2. Maximum foreign ownership ratio at the Issuing organization as prescribed by the General Meeting of Shareholders and stipulated in the Charter (if any)

No specific provision.

9.3. Current foreign ownership ratio at issuing organization

According to the information on the foreign ownership ratio provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, as of September 10, 2026, the number of BAF shares held by foreign investors was 15,096,885 shares, representing 4.14% of the Company's Charter Capital.

10. Business Activities

10.1. Characteristics of business activities

10.1.1. Products, services, production and business processes, applied technologies

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company was established in April 2017 with the orientation of developing into a leading enterprise in the fields of agriculture, animal husbandry and food processing. The Company primarily operates in two fields: breeding and commercial pig farming; and animal feed production.

During its early years of operation, the Company's livestock farming business faced significant challenges due to its operation under the traditional farming model. Dependence on dispersed sources of breeding stock, mainly purchased from traders and small-scale household businesses, resulted in inconsistent breeding stock quality, low disease resistance and high herd mortality rates. Consequently, during this period, the Company's profit structure remained largely dependent on agricultural commodity trading activities. However, due to the characteristics of agricultural commodity prices, which are highly volatile according to market conditions and significantly affected by external factors, the trading segment had a very low profit margin (maintained at approximately 1%) and lacked stability. Despite recording relatively high annual revenue compared to its capital scale, the Company's overall business performance during its first three years did not meet expectations.

Recognizing this fundamental situation and the breakthrough growth opportunities in the industrial livestock farming sector, the Company's management made strategic decisions that marked a significant turning point. BAF comprehensively restructured its management model, shifted its focus and concentrated maximum resources on high-tech pig farming, with the ambition of becoming one of the leading enterprises in Vietnam's livestock farming and food

processing value chain. To realize this objective, BAF recognizes five key factors that determine the Company's success, effective and consistent development, and sustainability.

(i) Breeding Strategy: BAF enters into strategic cooperation with leading global breeding companies to select healthy, disease-free and highly prolific breeding pigs that are particularly adaptable to Vietnam's climate. This is the No. 1 choice for BAF to develop high-quality commercial pigs in Vietnam;

(ii) Barn Technology: With optimized and modern designs and barn equipment imported from Europe and the United States from leading global suppliers such as Pigtek, GSI, Big Dutchman, Skiold, etc., BAF's breeding farms ensure stability and comprehensive biosecurity. The strategy of developing large-scale, centralized standardized farms helps optimize operations, improve efficiency, and recover and conserve electricity, water and other energy resources;

(iii) Biosecurity: Every factor affecting the farm system, including farm location, barn construction specifications, operating procedures, technical equipment and technology, must strictly comply with stringent biosecurity requirements. Preventing and minimizing the spread of naturally occurring biological agents or those caused by human activities that may harm livestock and the livestock ecosystem is identified as a vital factor;

(iv) Nutrition: Identifying animal nutrition as one of the differentiating factors that creates delicious, sweet, tender, safe and nutritious meat products for customers, BAF has devoted substantial efforts to mastering the best and highest-quality raw material sources; cooperating with a team of highly qualified and experienced experts; and owning a system of modern, large-capacity production plants. The Company controls the formulation and production process and optimizes nutrition for each stage of the pig herd's development;

(v) Human resources management: AF applies a modern management model with specialized vertical management. This management model optimizes efficiency, synchronization and consistency in strategic execution from the management team and specialized departments to the implementation teams at operating units. Accordingly, decisions are made quickly and accurately with coordination across all segments of the closed-loop FEED - FARM - FOOD ecosystem.

The above five core factors do not operate independently but serve as a solid technical, technological and management foundation, enabling BAF to realize and optimize its closed-loop 3F (Feed - Farm - Food) value chain. The close integration of these factors enables BAF to fully control the entire cycle from input materials to final products, eliminate intermediary risks and maximize net profit margins at each operational link based on the closed-loop 3F (Feed - Farm - Food) agricultural value chain model. This represents a core business characteristic, marking the Company's strong transition from pure agricultural commodity trading to a focus on high-tech industrial livestock farming, with comprehensive control from inputs to outputs.

Detailed information on the business sectors of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company is as follows:

a) Breeding and commercial pig farming

With the strategic orientation of comprehensively focusing its resources on its core business of high-tech industrial livestock farming, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company has established an integrated closed-loop value chain system in accordance with international standards. This system ensures capacity optimization from upstream to downstream, fully meeting both internal production needs and supply capacity for the consumer market.

BAF's core objective is to fully operate the 3F (Feed - Farm - Food) value chain model, realizing the "From Farm to Table" production philosophy based on stringent criteria: "SAFE - EFFICIENT - SWEET MEAT - DELICIOUS RICE." Accordingly, BAF positions itself as one of the pioneers in Vietnam in mastering an integrated vertical value chain, directly bringing branded products to end consumers. This is a strategic model pursued by major agricultural corporations; however, BAF's decisive competitive capabilities and differentiation lie in its mastery of the technical, technological and professional management factors of the livestock farming industry.

Currently, BAF is firmly establishing its position among the Top 3 largest livestock farming enterprises in Vietnam and is one of the leading enterprises in applying modern technologies to its farm system. The Company's production scale has continuously expanded rapidly, with a system of 42 high-tech farms, of which 25 farms have achieved GLOBAL S.L.P. standards for smart livestock practices. In particular, BAF is a pioneer in Vietnam in developing the modern multi-storey "pig apartment" farming model.

To date, the Company's herd size has reached approximately 73,000 sows and 800,000 commercial pigs, with a long-term target of reaching 450,000 sows and 10 million commercial pigs by 2030. By importing high-quality breeding stock (Duroc and Landrace breeds) from leading partners in France such as Cooperl and AXIOM, BAF has achieved outstanding operating indicators, with reproductive efficiency reaching 31-34 weaned piglets/sow/year (approximately 1.5 times the Vietnamese industry average of 20-22 piglets) and maintained biosecurity disease infection rates below 5%, even during periods of severe disease outbreaks.

BAF's foundation and operating roadmap for its closed-loop value chain are structured around the following core competitive advantages:

Upstream - Optimizing production capacity and self-sufficiency in animal feed (FEED): Building on its position and extensive experience in large-scale agricultural commodity trading, BAF proactively exercises comprehensive control over the logistics chain and strict quality of input raw materials (such as corn and soybean meal). These are key components accounting for the largest proportion of animal feed production costs. This upstream advantage enables the Company to optimize cost of goods sold at its plants and ensure a stable supply of high-quality,

clean and nutritious feed throughout the system. Currently, BAF operates three modern animal feed production plants with a total designed capacity of 730,000 tons/year, meeting stringent international standards for food safety management systems such as Global G.A.P. CFM and FSSC 22000 V5.1. In particular, BAF's core competitive advantage lies in its ability to independently research and apply proprietary nutritional formulations, producing a "Vegetarian Feed" line made 100% from plant-based ingredients and committed to containing no growth promoters or ingredients of animal origin. This strategic solution not only enables BAF to fully control a safe biological feed source for its internal farm system, but also enhances its ability to mitigate risks and effectively control livestock farming costs against adverse fluctuations in commodity price cycles in the market. In particular, modern production processes at these plants help reduce environmental emissions by up to 80%.

Midstream - High-tech industrial-scale livestock farming (FARM): Serving as the primary growth driver and central core of BAF's entire value chain, the FARM segment directly receives biological-standard animal feed from the upstream segment to supply the internal farm system. BAF focuses on investing in and operating a large-scale pig farming system, applying synchronized automation technologies and closed-house design standards based on modern European models. In particular, the Company is a pioneer in implementing the multi-storey farm ("pig apartment") model in Tay Ninh Province, integrated with an auxiliary animal feed plant. The project has a total expected investment of up to VND 12,000 billion, targeting a capacity of 64,000 sows and production of 1.6 million pigs per year, together with an animal feed production plant with a capacity of approximately 600,000 tons/year. Once operating stably, the mega-project is estimated to generate annual revenue of approximately VND 10,000 billion, creating a strong growth driver for BAF's cash flow and total herd size in the subsequent period.

Based on practical experience and technology transfer from leading global agricultural corporations, BAF's multi-storey pig farming model, also known as the "pig apartment" model, has demonstrated economic efficiency and outstanding advantages compared to traditional farming methods. In terms of resource optimization, this model increases usable agricultural land area by five to eight times, comprehensively addressing the current shortage of land available for livestock farming in Vietnam and being particularly suitable for areas with complex terrain. At the same time, through the application of integrated smart technologies and automation, direct labor requirements at farms are reduced by 20% to 30%. Barn environmental factors such as temperature, humidity, individually quantified nutritional regimes and livestock health monitoring are digitized and strictly controlled, thereby improving reproductive productivity, optimizing feed conversion ratio (FCR) and ensuring consistent product quality at market weight.

When these farm complexes are directly integrated with internal animal feed plants, logistics costs are minimized and feed losses are significantly reduced, creating a direct competitive advantage in terms of cost of goods sold for the enterprise and generating added

value for end consumers. In addition to economic efficiency, the multi-storey zoning design of the "pig apartment" system also ensures disease prevention capacity and comprehensive biosecurity management. The barns are equipped with a modern four-layer air filtration technology system that effectively filters and protects the pig herd from dangerous viruses, including African Swine Fever (ASF). The accompanying smart deodorization and disinfection processes ensure that air discharged into the environment is clean, free from pathogens and minimizes adverse impacts on the surrounding ecosystem.

By closely combining livestock farming with environmental protection, BAF is gradually applying a circular economy approach by collecting all livestock waste through closed pipelines for the production of Biogas electricity and organic fertilizer, comprehensively addressing major issues of traditional livestock farming such as odor pollution and wastewater. In addition to technological infrastructure, BAF places particular emphasis on improving overall herd quality through a long-term cooperation strategy and direct import of purebred breeding stock from leading global genetic companies. This solution ensures that the Company has access to superior genetics, optimizes the reproductive productivity of sows, improves piglet survival rates and significantly improves the feed conversion ratio (FCR). The integrated closed-loop farming process, combined with stringent multi-layer biosecurity standards, enables BAF to proactively control and eliminate the risk of large-scale disease outbreaks, particularly African Swine Fever, while ensuring consistent output and quality of commercial pigs at market weight.

Downstream - Processing and Distribution (FOOD): As the final link completing the integrated 3F value chain, the FOOD segment transforms the entire production output from the FARM segment into higher-value-added commercial value before reaching end consumers. Pigs reaching standard market weight are transported directly to BAF's system of modern industrial slaughtering and processing plants. Currently, BAF's product consumption structure is divided into two main channels: wholesale of live pigs through a system of transfer centers for handover to traders to ensure comprehensive biosecurity control (accounting for the dominant share of 86% of total volume); and retail sales of processed meat products (accounting for 14% of total volume), with a diverse portfolio of up to 41 SKUs integrated with QR Code traceability, including chilled meat, ready-to-cook (RTC) processed meat and ready-to-eat (RTE) food products.

To deliver these products to consumers, BAF has developed a strong multi-channel distribution network, ranging from the traditional general trade (GT) channel through the GT Meatshop franchise chain equipped with standard 0-4°C refrigerators and targeting 1,000 points of sale; the internal distribution channel within the Tan Long Group ecosystem, comprising approximately 32 Siba Mart supermarkets, approximately 24 Siba Com Ngon restaurants and the Ocoba Mart e-commerce platform; to distribution through more than 200 supermarkets and large minimarts operated by reputable external retail partners such as AEON, WinMart, TOPS Market and Mega Market.

This distribution platform is firmly supported by BAF's current slaughtering and deep-

processing capabilities, comprising six slaughterhouses (capacity of 440,000 pigs/year, utilization rate of 36%), one processing plant (capacity of 4,500 tons/year, utilization rate of 80%) and four central kitchens (capacity of 11 million meals/year, utilization rate of 70%). At the same time, in order to achieve the target of increasing the share of processed products to 50%, alongside 50% live pigs, on a scale of 10 million commercial pigs by 2030, BAF is accelerating investment in an additional large-scale integrated slaughtering and processing complex with a designed slaughtering capacity of 342,000 pigs/year, processing capacity of 54,000 tons/year and central kitchen capacity of 36 million meals/year.

The close connectivity among the links in the overall supply chain, from raw materials, feed plants, livestock farms and slaughterhouses to distribution channels, not only enables BAF to eliminate intermediary risks and protect profit margins, but also realizes its commitment to providing clean and safe food solutions, contributing to "Enhancing the Quality of Life" for Vietnamese consumers.

As of June 2026, BAF's livestock farm system had expanded significantly, comprising 54 commercial and breeding pig farms, including 20 farms owned by BAF/subsidiaries, 22 leased farms currently in operation and 12 strategic farms under investment and construction. This infrastructure network is distributed across key provinces and cities nationwide, notably the Hai Dang 1 & 2 farm complex (with a capacity of 5,000 great-grandparent and grandparent sows and 60,000 commercial pigs) in Tay Ninh; replacement gilt farm complexes in Ba Ria - Vung Tau and Binh Thuan; a grandparent sow farm in Phu Yen; together with farm systems in Quang Ninh, Thanh Hoa, Dak Lak, Gia Lai, Dong Nai, Lam Dong, etc.

BAF remains committed to pursuing the modern 4.0 industrial Smart Farm model, applying advanced automation solutions directly imported from Europe and the United States (such as Big Dutchman, Skiold and GSI). In particular, through the implementation of standardized projects, BAF's farm system (such as the Hai Ha and Hai Dang farm chains) has been certified to meet the stringent international GLOBALG.A.P. IFA standards and operates in accordance with Global Smart Livestock Practices (S.L.P.). This demonstrates the Company's strong commitment to complying with sustainable agricultural development, animal welfare and environmental protection standards through a circular economy approach (including the application of a Biogas storage system for clean electricity generation). This green transition not only optimizes disease prevention capabilities and internal operating costs, but also creates significant opportunities to attract green financing from international financial institutions, reinforcing BAF's pioneering position in the Agribusiness sector.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

[The remainder of this page is intentionally left blank]

Some photos of BAF meat distributed and promoted.

The success of applying the modern livestock farming model based on the closed-loop 3F (Feed - Farm - Food) standards over the years has enabled BAF to achieve strong growth and establish a leading position in Vietnam's live pig market. BAF is fully self-sufficient in clean animal feed made from 100% plant-based ingredients, ensuring optimal nutritional content for its total herd through its system of animal feed plants with an integrated designed capacity of 450,000 tons/year.

Alongside strong growth in operating scale, BAF's brand reputation has continuously been reinforced through major national and industry-specific awards. At the Vietstock Awards ceremony, BAF was recognized as an outstanding livestock enterprise in livestock waste treatment and management technology and as an outstanding enterprise in biosecure livestock farming. The Vietstock Awards is a leading prestigious award in the livestock industry organized by Informa Markets and chaired by the Department of Livestock Production under the Ministry of Agriculture and Rural Development, with the aim of honoring enterprises and organizations that have demonstrated outstanding activities and made positive contributions to the sustainable development of Vietnam's livestock industry. Being recognized as an outstanding enterprise in two prestigious categories of the livestock industry, together with BAF being named among the Top 10 reputable high-tech agricultural enterprises by Vietnam Report, clearly demonstrates BAF's strong and outstanding development following the establishment of its foundation.

The Company's brand position and capabilities have continued to be firmly affirmed as BAF was ranked among the Top 5 Most Reputable Food Companies in 2025. According to the official results announced by Vietnam Report, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company was honored with 3rd place in the ranking of the "Top 5 Most Reputable Food Companies in 2025" in the Fresh and Frozen Food category. The ranking is developed based on scientific and objective principles and undergoes a rigorous quantitative assessment by the organizing committee to evaluate and rank enterprises according to three main criteria, including financial capacity as reflected in the latest annual financial statements; media reputation assessed using the Media Coding methodology to encode articles about the company across influential media channels; and survey results from the research subjects and relevant stakeholders conducted in August 2025. Achieving a high position in Vietnam Report's reputation ranking is a great honor for BAF following its development journey and is clear evidence of the persistent efforts of a cohesive organization that have been positively recognized by professional organizations and end consumers.

Table 10. Farms owned by, leased and under investment by BAF as of June 30, 2026.

	Farm Information	Location	Area (m^2)	Farm Scale
FARMS OWNED BY BAF AND ITS SUBSIDIARIES				
1	Dak Lak 1	Ea Wer Commune, Dak Lak	141,230.2	12,000

	Farm Information	Location	Area (m²)	Farm Scale
		Province		commercial pigs
2	Phu Yen 1	Song Hinh commune, Dak Lak	140,000.0	5,000 sows
3	Tay Ninh 1	Tan Bien Commune, Tay Ninh	119,003.0	12,000 commercial pigs
4	Tay Ninh 2	Tan Bien Commune, Tay Ninh	108,727.0	2,500 sows
5	Green Farm 1	Phuoc Vinh Commune, Tay Ninh	151,641.0	30,000 commercial pigs
6	Dong An Khanh	Tan Thanh Commune, Tay Ninh	149,252.3	4,800 Sows
7	Binh Phuoc 1	Thuan Loi Commune, Dong Nai	105,833.0	1,200 sows
8	Binh Phuoc 2	Thuan Loi Commune, Dong Nai	150,588.0	12,000 commercial pigs
9	Green Farm 2	Thanh Binh Commune, Dong Nai	102,608.0	27,500 commercial pigs
10	Nam An Khanh	Tan Hoi Commune, Tay Ninh	184,698.3	4,800 Sows
11	Bac An Khanh	Tan Hoa Commune, Tay Ninh	150,000.0	30,000 commercial pigs
12	Xinzhou	Tan Hoa Commune, Tay Ninh	120,264.2	30,000 commercial pigs
13	Tam Hung	Tan Dong Commune, Tay Ninh	149,450.4	5000 Sows
14	Lighthouse 1	Tan Hoa Commune, Tay Ninh	500,000.0	5,000 Sows
15	Lighthouse 2	Tan Hoa Commune, Tay Ninh		60,000 commercial pigs
16	Youth	Thanh Quan Commune, Thanh Hoa	79,382.0	2,400 Sows
17	Hoa Phat Four	Ia Lau Commune, Gia Lai	356,101.0	36,000 commercial pigs
18	TMC	Kong Chro Commune, Gia Lai	166,054.0	3,600 Sows
19	Xi'anqing	Tan Hoi Commune, Tay Ninh	284,278.0	60,000 commercial pigs
20	Phu Yen 2	Duc Binh Commune, Dak Lak	250,400.0	30,000

	Farm Information	Location	Area (m^2)	Farm Scale
				commercial pigs
BAF FARMS CURRENTLY LEASED AND IN OPERATION				
1	Binh Thuan 1	Tra Tan Commune, Lam Dong	120,700.0	20,000 commercial pigs
2	Binh Thuan 2	Ham Lam commune, Lam Dong	123,820.0	2,400 Sows
3	Vung Tau 1	Hoa Hoi Commune, Ho Chi Minh City	120,300.0	2,400 Sows
4	Binh Duong 2	Thuong Tan Commune, Ho Chi Minh City	170,000.0	14,400 commercial pigs
5	Binh Duong 3	Thuong Tan Commune, Ho Chi Minh City	150,000.0	13,000 commercial pigs
6	Thanh Hoa 1	Thach Quang Commune, Thanh Hoa	105,611.0	2,400 Sows
7	Thanh Hoa 2	Giao An Commune, Thanh Hoa	619,516.9	21,500 commercial pigs
8	Thanh Hoa 3			20,000 commercial pigs
9	Thanh Hoa 4	Linh Son Commune, Thanh Hoa	607,127.6	1,200 sows
10	Thanh Hoa 5	Giao An Commune, Thanh Hoa	1,372,673.9	1,600 sows
11	Thanh Hoa 6	Giao An Commune, Thanh Hoa		23,000 commercial pigs
12	Thanh Hoa 7	Linh Son Commune, Thanh Hoa	636,013.7	2400 Sows
13	Cu Jut 1	Dak Wil Commune, Lam Dong	399,888.2	48,000 commercial pigs
14	Cu Jut 2	Dak Wil Commune, Lam Dong	283,470.0	30,000 commercial pigs
15	Quyen Linh	Tan Lap Commune, Tay Ninh	283,470.0	30,000 commercial pigs
16	Dinh Ngoc	Xuan Dong Commune, Dong Nai	103,591.0	2,400 Sows
17	Hai Ha 1	Duong Hoa Commune, Quang	452,054.0	5,000 Sows

	Farm Information	Location	Area (m^2)	Farm Scale
		Ninh		
18	Hai Ha 2	Duong Hoa Commune, Quang Ninh	295,972.0	60,000 commercial pigs
19	Hung Phu	Dak Mil Commune, Lam Dong	213,883.0	5,000 Sows
20	Minh Phu	Dak Mil Commune, Lam Dong	295,972.0	10,000 Sows
21	Truong Loc	Ngoc Lien Commune, Thanh Hoa	462,458.0	60,000 commercial pigs
22	Loc Phu	Dak Mil Commune, Lam Dong	359,653.0	40,000 commercial pigs
BAF FARMS CURRENTLY UNDER INVESTMENT				
1	Giai Xuan cluster (expected 2 farms)	Giai Xuan Commune, Nghe An	491,085.0	5,000 sows; 60,000 commercial pigs
2	Thanh Dat cluster (expected 2 farms)	Ayun Commune, Gia Lai	658,197.0	5,000 sows; 60,000 commercial pigs
3	Quang Tri farm cluster (expected 5 farms)	Huong Hiep Commune, Quang Tri Province	1,686,778.0	7,200 sows; 108,000 commercial pigs
4	Green Forest Farm Cluster (2 farms)	Ea H'Leo Commune, Dak Lak	253,6 hectares	28,000 sows; 320,000 commercial pigs
5	Khoi Duong	Dak Wil Commune, Lam Dong	317,851.0	36,000 commercial pigs

(Source: BAF)

Operation process of farms:

Figure 7. Operation process of farms

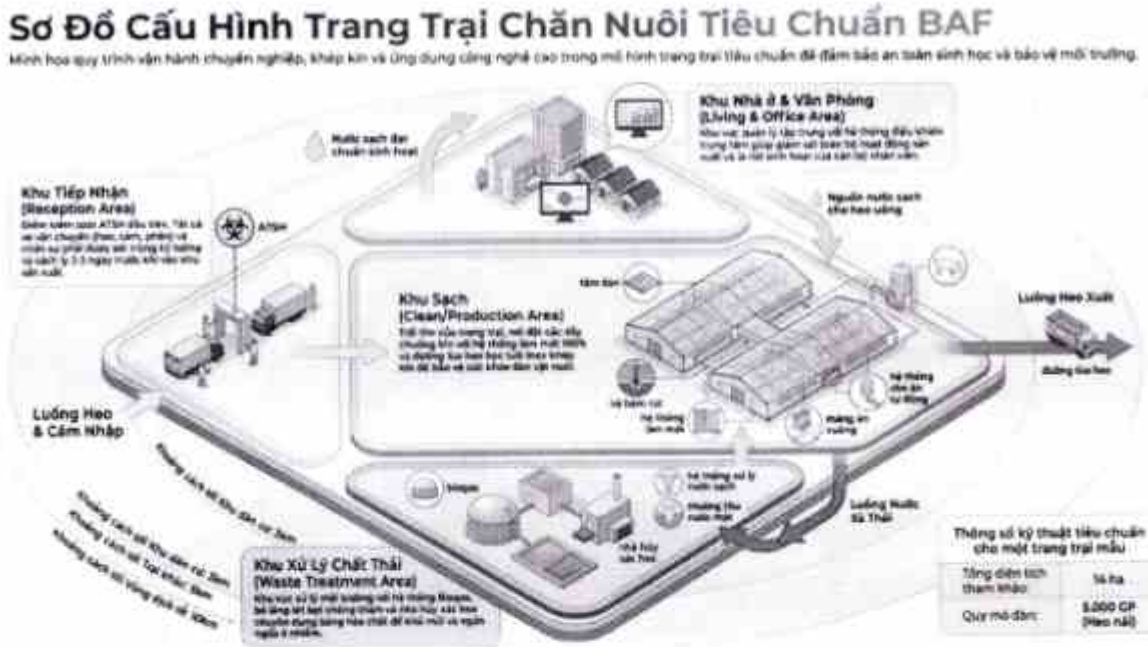

(Source: BAF)

Some photos of BAF's farms:

[The remainder of this page is intentionally left blank]

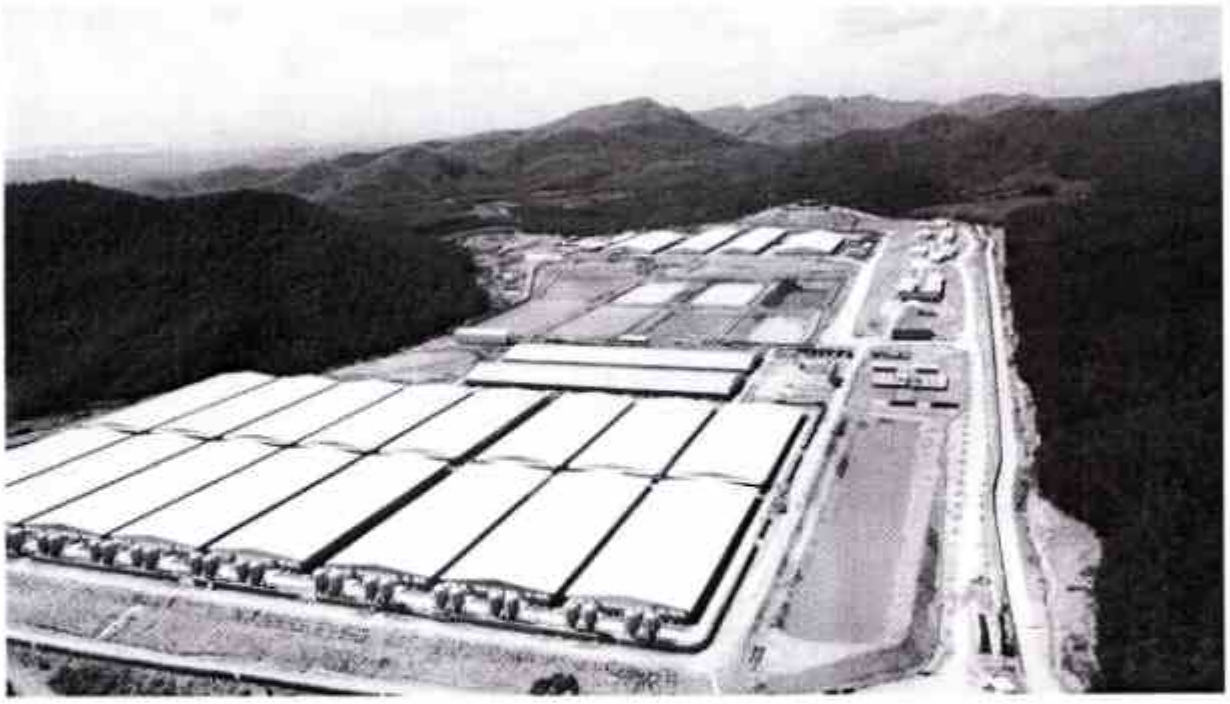

Technological level applied in the field of breeding pigs and commercial pigs:

❖ **Standardized model of barns according to new technologies:**

- Barn system: Closed cage design, integrated 100% temperature control cooling system.
- Waste drainage system: Build a specialized drainage tunnel to serve the manure and wastewater drainage system.
- Factory structure: Using pre-engineered buildings (imported or domestically produced).
- Feeding system: 100% automation combined with central silo system, using imported equipment.
- Barn cell equipment: Using 100% zinc dipped material, imported origin.
- Wastewater treatment system: Treated wastewater reaches column A - QC 62 - BTNMT, and is intensively treated for reuse with water quality reaching column A - QC 02 - BYT. Treatment and recirculation up to 90% of domestic/barn wastewater.

❖ **Applicable technologies:**

- Basic construction: The foundation structure and tunnel apply American/European technology, constructed by a Vietnamese contractor.
- Factories: Using pre-engineered buildings imported or manufactured in Vietnam.
- Automatic cooling and feeding system: Fully adopt American/European technology.
- Barn Cell Equipment:
    - Farrowing cage: Using American/European technology.
    - The remaining types of cages: 100% zinc dipping equipment imported or domestically produced according to American/European standards.
- Manure and wastewater drainage system: Designed according to American/European technology, constructed by Vietnamese contractors.
- Water treatment and water supply system: Using domestic technology, constructed by a Vietnamese contractor.

❖ **Outstanding advantages of the new model:**

While most farms in Vietnam are operating under the old model (the popular scale is about 2,400 sows), BAF's modern pig farm model 4.0 possesses the following outstanding advantages:

- Scale optimization: Centralized construction according to the standard model of 5,000 Sows / 30,000 Commercial pigs.
- Advanced technology: The leading modern equipment in the livestock industry today, meeting the strict standards of the US and Europe.
- Absolute biosecurity: The barn is equipped with modern 4-layer air filtration technology, which helps filter out dirt and effectively prevent dangerous pathogens from entering (including the African Swine Fever - ASF virus).
- Operation automation: Comprehensive management by automation technology, reducing personnel needs by 40-50% and limiting dependence on human factors.
- Saving land resources: Only 18-20 hectares of land are needed to build a farm complex of 5,000 sows / 30,000 commercial pigs (equivalent to the land area of a farm of 2,500 sows according to the old model). The land use area is optimized at the highest level.
- Improve productivity and reduce veterinary costs: The model of arranging the core barn in the center of the land helps to optimize the ability to isolate diseases, strengthen the protection of pig health, thereby significantly reducing the cost of drugs and vaccines for treatment.
- Efficiency from automatic feeding system:

  - 50% reduction in direct labor costs.
  - Better control the quality of bran, ensure that the feed source is always clean, avoid loss.
  - Save on bagging and packaging costs.
  - Easily monitor and control the feed conversion factor (FCR), which helps accurately assess the condition to provide optimal care procedures.
  - Help pigs eat evenly, operate smoothly, and minimize stress in animals.

- Efficiency from the cooling system: Synchronous investment helps maintain a uniform temperature, stimulating pig growth quickly. The optimal operating system helps save power consumption and reduce operating costs in the long run.
- Optimize the cost of investment in barns: The flexible combination of imported farrowing house equipment and the rest of the cage systems produced domestically (meeting international standards) helps to significantly save costs compared to 100% synchronous imports.
- Shorten the schedule, optimize cash flow: Modern dry floor barn technology helps keep the room temperature stable. The application of prefabricated buildings helps to shorten the construction time, bring pigs into the barn earlier to quickly dominate the market and create sales leverage. At the same time, the fast progress helps minimize the costs incurred due to prolonging the project (management costs, operating labor, loan costs,...).

❖ **Measures to prevent environmental pollution in BAF's standard farm model:**

BAF's barn system applies optimal waste treatment methods, strictly meeting environmental safety and hygiene standards through the following processes:

- Manure Processing Process:
  - Liquid waste/manure sludge: Led into the Biogas system to produce gas, serve the pig carcass incinerator, veterinary treatment system and internal activities of the farm.
  - Dry manure: Pigs are raised on dry floors, pig manure is cleaned dry daily. Part of it is put into the Biogas cellar to get gas; the rest is separated and treated by a specialized manure press to produce organic fertilizer to supply industrial crop growers.
- Wastewater treatment process: All urine and barn washing water are thoroughly collected to the Biogas storage tunnel. After going through biological treatment tunnels and automatic filtration systems, wastewater that meets the prescribed standards will be reused to circulate the barn (it can even be treated to meet drinking water standards) or discharged into the surrounding natural environment in accordance with legal standards.

- Periodic cleaning and odor control:
    - Use a high-capacity modern barn washing pump system to clean the barn daily.
    - Spray microbial preparations on a weekly basis in the barn area to deodorize and accelerate the decomposition of excess organic matter.
    - Carry out periodic spraying of disinfectants, combine mowing and clearing of bushes to suppress the growth environment of flies, mosquitoes and disease-causing insects.
- Greening the landscape: Planning to plant trees around the farm campus to create shade and improve the landscape. The green tree system plays the role of air conditioning (O_2 generation and CO_2 absorption), and prioritizes tree varieties with high odor absorption and treatment to minimize the impact on the surrounding environment.

BAF's operating model is built on the 3F (Feed - Farm - Food) closed value chain system according to the philosophy of "from farm to table". This orientation ensures a synchronous capacity scale from input materials to output products, fully meeting the needs of internal production and consumer tastes of the market. In particular, the advantage of monopolizing high-quality breeding pigs, combined with the 4.0 technology farm system operating according to strict European standards, has created an optimal protective film to help BAF actively prevent the risk of spreading diseases and minimize negative impacts from the external environment. Thanks to these core technical and technological foundations, BAF's livestock operations remain stable all year round and are completely unaffected by seasonality.

b) Animal Feed Production

Within the closed-loop 3F value chain, BAF has developed a differentiated nutrition strategy based on its advantage of self-sufficiency in raw material sources and exclusive ownership of the "Vegetarian Feed" formulation know-how for its entire farm system.

BAF's animal feed products must ensure 6 criteria:

- 100% plant-based ingredients;
- No antibiotic residues;
- No growth-promoting substances;
- Promotes animal health;
- Minimizing environmental impacts;
- Produces superior freshness and taste in finished meat products..

Currently, BAF has two (02) animal feed factories meeting the international standards FSSC 22000 & GLOBAL G.A.P:

- BAF Tay Ninh Bran Factory: The factory currently has a capacity of 200,000 tons/year, specializing in the production of feed and animal feed for pigs. This is the first factory

in Vietnam to achieve 2 certifications at the same time: the GLOBALG.A.P. CFM 3.0 Good Agricultural Practices Certification and the FSSC 22000 V5.1 Food Safety Management System Certification issued by Bureau Veritas (BV), a long-established inspection and certification organization from Belgium.

- BAF Nghe An Bran Factory: The factory has a capacity of 250,000 tons/year, specializing in the production of feed and animal feed for pigs, which is applied modern technology and operation management system in Vietnam. This is the next factory to meet Global Gap CFM 3.0 and FSSC 22000 V5.2 standards in September 2024.

Global GAP CFM 2.0 is a set of standards for good agricultural practices developed to apply to agricultural production on a global scale, products that meet the criteria are food safe and easy to consume. FSSC 22000 V5.1 is the highest international standard for food safety systems recognized by GFSI - Global Food Safety Initiative, which recognizes continuous improvement in food safety performance as well as systems and is widely recognized worldwide. This is a notable achievemtn when BAF passed 3 assessments, 229 strict criteria for feed production and trading activities, 10 provisions of ISO 22000 (food safety management) and 7 HACCP principles (System for Identification, Assessment and Control of Significant Hazards to Food Safety to Ensure Food Safety). This demonstrates BAF's systematic and professional investment in animal feed production - the first link in the 3F (FEED - FARM - FOOD) value chain and a decisive factor in the development of the total herd as well as the quality of finished meat products.

Together with its team of highly qualified nutrition experts, the feed produced at BAF's plants is "Vegetarian Feed", containing no animal protein-based ingredients (such as meat and bone meal, blood meal, feather meal, fish meal, etc.) and containing no lean-meat-producing substances, coloring agents or growth promoters.

This special formulation is subject to strict quality requirements and is applied to all BAF feed products, from creep feed for young pigs, piglets and growing pigs to sows. Optimization of animal feed has resulted in significant production cost savings, eliminated microbiological risks affecting animal health, ensured adequate nutrition for the pig herd and produced high-quality CLEAN meat products that are tender, flavorful and safe for consumers. Combined with the modern closed-loop farming process currently in operation, BAF's pork can truly be regarded as "Vegetarian-fed Pork" - a distinctive feature of BAF in the current livestock farming and clean meat distribution market.

With the current capacity of both (02) plants, the total annual production of animal feed products has almost fully met the feed requirements of BAF's internal pig farms. In addition to its stably operating plant system, BAF is currently focusing on the construction of the Binh Dinh Animal Feed Plant (the third plant in the Feed production chain). The project is strategically located in Nhon Hoa Industrial Park, An Nhon Town, Binh Dinh Province, with a total investment of up to VND 550 billion and a designed capacity of 300,000 tons/year.

Completion and commencement of operations of this plant will significantly increase the Company's self-sufficiency in nutritional feed, enable proactive control over input costs and timely meet the planned expansion of the total herd in accordance with its strategic orientation.

By 2030, BAF expects to put 11 animal feed plants into operation, with annual production reaching 2.5 million tons of feed, of which 1.5 million tons will be used for internal consumption, while the remaining 1.0 million tons will serve contract processing activities in cooperation with farmers.

Production process and technology level:

The factory's feed production process is a closed process, the raw materials are fed to the beginning of the line, and the product will come out at the end of the line.

- Raw materials: Raw materials used for the production of animal feed include: cassava, corn, peanut oil, fish meal, other additives, etc.;
- Warehousing: Raw materials to the factory before being warehoused must be inspected for quality to remove substandard materials, helping to facilitate the next production process;
- Preparation: Raw materials before being put into production must go through the preparation stage to check the quality as well as quantity of each type of raw material. After checking each type of raw material, it will be pulled up by a conveyor belt and stored into separate silos;
- Crushing: Then passed through the crusher, all will be crushed into powder;
- Dosing bin: Here, the raw materials will be weighed in a certain amount for each type of food, with each type of food where the ingredients have different mixing ratios;
- Mixing: The raw material powder will be put through the mixing stage, where a small amount of vitamins and trace elements is added to increase the growth of the animals. This part is extremely tightly controlled and fully computerized. The mixing ratio according to the formula of each product has been preset, ensuring the uniformity of the product and shortening the production time;
- Pelleting and cooling: The 2-stage pelleting system regulates the quality, helping the raw materials to be more cooked, reducing the influence of toxins and increasing the delicious taste of food. In addition, the feed pelleting system is enhanced with a raw material ripening system and equipment made of stainless steel to ensure hygiene when producing;
- Sieve: Raw materials are passed through the floor stage to remove impurities.

There are also other parts such as packaging, control systems and material transportation systems that are also fully automated. The operation method of the whole machinery and equipment is the ability of the parts to be independent and linked together, which is controlled

by the central control system.

However, the Company's animal feed production activities are affected by seasonality due to the import of a large part of raw materials for animal feed production. The dependence on the harvest season and the supply cycle of domestic and international agricultural products makes the price of input materials may fluctuate in each period of the year. Therefore, BAF's animal feed production activities still carry certain seasonal factors, especially during peak import times or when the raw material market fluctuates sharply.

With the current capacity of both factories, the total annual output of animal feed products has almost met the feed demand for BAF pig farms. By 2030, BAF plans to put into operation 11 animal feed factories, with an annual output of 2.5 million tons of bran/year, of which 1.5 million tons will serve for internal consumption, the remaining 1 million tons will serve processing activities associated with farmers.

10.1.2. Seasonality of production and business activities

a) Breeding and commercial pig farming

The seasonality and consumption cycle of the market directly impact the entire closed livestock value chain of BAF, placing high requirements on flexible regulatory capacity between the farm and clean food distribution processes (Food).

- Cycle of fluctuations in purchasing power: According to the traditional consumption law of the Vietnamese market, the demand for pork products usually peaks in the fourth quarter and lasts until the Lunar New Year. This is the peak period when the demand for fresh food of households skyrockets and BAF's deep processing factories maximize capacity for the festive season. In contrast, the peak period of consumption usually falls in the third quarter due to the influence of the month of Ngau (7th lunar month) with the widespread vegetarian trend, combined with rainy and stormy weather, which hinders dining activities outside the family as well as puts great pressure on the logistics system for transporting fresh commercial pigs.
- Strategy for regulating the herd: In order to adapt to these cyclical fluctuations, the progress of raising and slaughtering at BAF's 45 farms must be scientifically planned. The farm system will proactively increase the breeding Proportion and promote large slaughter production to catch up with peak shopping periods, and proactively reduce the pressure on

the total herd during off-peak periods to optimize operating costs and depreciation for the whole system.

- Controlling the risk of supply-demand phase difference: Any imbalance between the natural growth progress of the pig herd and the actual purchasing power of the market can increase the cost of storing cool commercial pig products or force businesses to adjust short-term selling prices. However, thanks to the advantage of operating under a closed 3F chain model combined with the diversification of distribution channels (covering a wide range of franchised Commercial pigsshop chains, Siba Mart mini supermarkets, Siba Ngon Ngon restaurant to more than 200 large supermarkets outside), BAF has minimized the shocks of seasonal oversupply and shortages of the free market, ensuring that the revenue stream of the livestock segment always reaches an optimal stability level through the quarters.

b) Animal Feed Production

Despite its closed operation, BAF's animal feed production (Feed segment) is still indirectly affected by the cyclical and seasonality of the global horticulture industry due to the use of **the exclusive** "Vegetarian Bran" product line.

- Seasonality of international agricultural sources: BAF's vegetarian bran formula uses 100% high-quality plant materials such as corn kernels, cassava, wheat and soybean meal. These agricultural products are mostly purchased and imported from major agricultural countries around the world (such as Argentina, Brazil, the US, Australia). The dependence on international harvest seasons and geopolitical fluctuations makes the supply of raw materials sometimes intermittent and has a certain delay compared to the domestic production plan, causing the price of input materials to fluctuate continuously over the course of the year.
- Strategic storage solutions and ecosystem linkages: In order to proactively protect profit margins against international seasonal pressures, BAF makes full use of the large storage capacity of the warehouse system to reserve raw materials at the time of the official season with the most optimal price. In addition, the companionship of Tan Long Parent Group - the market leader in trade and import of agricultural products - helps BAF always ensure a stable and continuous supply of inputs in both quantity and quality, completely eliminating the risk of supply disruption or seasonal sudden fluctuations in raw material prices.

10.1.3. Product output, service value

Details of the Company's revenue and profit structure by the year of 2024, 2025 and the 2nd quarter of 2026 are as follows:

a) Revenue structure

Table 11. Revenue structure of BAF

Unit: Million VND

	December 31, 2024		December 31, 2025		June 30, 2026	
Criteria	**Values**	**Proportion (%)**	**Values**	**Proportion (%)**	**Values**	**Proportion (%)**
Revenue from agricultural commodity trading activities	2,301,658.9	38.24%	0	0.00%	0	0.00%
Revenue from livestock farming activities	3,705,002.9	61.56%	5,141,133.2	98.81%	3,532,920.0	98.94%
Revenue from animal feed sales activities	11,423.2	0.19%	61,105.9	1.17%	37,259.6	1.04%
Other revenue	274.1	0.00%	1,003.1	0.02%	582.9	0.02%
Total	**6,018,359.1**	**100%**	**5,203,242.2**	**100%**	**3,570,762.5**	**100%**

(Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual separate financial statements in 2026 of BAF)

Table 12. BAF's revenue structure according to the consolidated financial statements

Unit: Million VND

	December 31, 2024		December 31, 2025		June 30, 2026	
Criteria	**Values**	**Proportion (%)**	**Values**	**Proportion (%)**	**Values**	**Proportion (%)**
Revenue from agricultural commodity trading activities	2,301,658.9	40.80%	0	0.00%	0	0.00%
Revenue from livestock farming activities	3,328,279.6	59.00%	5,031,717.1	99.80%	3,877,613.3	99.32%
Revenue from animal feed sales activities	10,852.5	0.19%	9,813.5	0.19%	22,015.4	0.56%
Other revenue	240.1	0.00%	526.4	0.01%	4,793.5	0.12%
Total	**5,641,031.1**	**100%**	**5,042,057.0**	**100%**	**3,904,422.1**	**100%**

(Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026 of BAF)

From 2025, the Company focused on developing a closed agricultural value chain and terminating the agricultural product business to optimize profit margins and limit the risk of commodity price fluctuations.

b) Gross profit structure

Table 13. Gross profit structure of BAF

Unit: Million VND

	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Gross profit	644,631.8	167,176.0	349,951.3

(Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual separate financial statements in 2026 of BAF)

Table 14. BAF's gross profit structure according to the consolidated financial statements

Unit: Million VND

	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Gross profit	716,277.2	681,851.5	802,456.3

(Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026 of BAF)

c) Cost structure

Table 15. BAF Cost structure

	December 31, 2024		December 31, 2025			June 30, 2026	
Criteria	**Values**	**Proportion (%)**	**Values**	**Proportion (%)**	**Up/down compared to 2024**	**Values**	**Proportion (%)**
Cost of goods sold and services provided	5,373,382.0	93.38%	5,031,860.4	88.45%	-6.36%	3,205,095.2	87.85%
Financing Costs	178,228.2	3.10%	265,540.8	4.67%	48.99%	215,172.4	5.90%
In which: Interest expenses	*178,228.2*	*3.10%*	*256,548.0*	*4.51%*	*43.94%*	*214,944.5*	*5.89%*
Selling Expenses	88,595.7	1.54%	169,405.1	2.98%	91.21%	79,095.9	2.17%
General and Administrative Expenses	110,675.8	1.92%	217,763.1	3.83%	96.76%	131,511.8	3.60%
Other expenses	3,195.5	0.06%	4,545.3	0.08%	42.24%	17,659.0	0.48%
Total	**5,754,077.2**	**100%**	**5,689,114.7**	**100%**	**-1.13%**	**3,648,534.3**	**100%**

(Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual separate

financial statements in 2026 of BAF)

Table 16. BAF's expense structure according to the consolidated financial statements

	December 31, 2024		December 31, 2025			June 30, 2026	
Criteria	**Values**	**Proportion (%)**	**Values**	**Proportion (%)**	**Up/down compared to 2024**	**Values**	**Proportion (%)**
Cost of goods sold and services provided	4,924,408.6	91.76%	4,355,999.8	87.56%	-11.54%	3,086,249.9	86.33%
Financing Costs	222,236.8	4.14%	290,569.8	5.84%	30.75%	255,725.8	7.15%
In which: Interest expenses	*200,749.5*	*3.74%*	*257,832.4*	*5.18%*	*28.43%*	*234,159.3*	*6.55%*
Selling Expenses	76,630.2	1.43%	85,114.0	1.71%	11.07%	60,474.8	1.69%
General and Administrative Expenses	137,280.7	2.56%	241,046.2	4.85%	75.59%	154,193.3	4.31%
Other expenses	6,323.1	0.12%	2,265.1	0.05%	-64.18%	18,235.0	0.51%
Total	**5,366,879.4**	**100%**	**4,974,994.9**	**100%**	**-7.30%**	**3,574,878.8**	**100%**

(Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026 of BAF)

10.2. Assets

Table 17. Fluctuations in the assets of BAF

Unit: Million VND

	December 31, 2025		June 30, 2026	
	Historical cost	**Residual value**	**Historical cost**	**Residual value**
Tangible fixed assets	**404,109.7 (*)**	**294,615.8 (*)**	**467,546.9**	**333,989.7**
Houses and structures	184,879.8 (*)	115,310.0 (*)	196,458.0	116,848.7
Machinery and equipment	171,071.1 (*)	141,583.8 (*)	216,485.7	175,969.3
Means of transport	19,698.2 (*)	15,362.8 (*)	21,844.9	16,372.8
Office Equipment	28,460.6 (*)	22,359.2 (*)	32,758.3	24,798.9

	December 31, 2025		June 30, 2026	
	Historical cost	Residual value	Historical cost	Residual value
Financial leasing fixed assets	**14,086.4**	**11,724.7**	**14,086.4**	**10,984.9**
Machinery and Equipment	14,086.4	11,724.7	14,086.4	10,984.9
Intangible fixed assets	**17,621.2**	**15,754.1**	**19,051.0**	**16,013.5**
Computer Software	17,621.2	15,754.1	19,051.0	16,013.5
Short-Term Biological Assets	**1,549,126.2 (*)**	**1,549,126.2 (*)**	**1,653,466.6**	**1,653,466.6**
Pets take short-term one-off products	1,549,126.2 (*)	1,549,126.2 (*)	1,653,466.6	1,653,466.6
Long-Term Biological Assets	**588,885.1 (*)**	**448,410.0 (*)**	**652,509.4**	**482,465.2**
Pets for products periodically to the adult stage	588,885.1 (*)	448,410.0 (*)	652,509.4	482,465.2

(Source: Audited 2025 Separate Financial Statements and 2026 Reviewed Semi-Annual Separate Financial Statements of BAF)

(*) The data has been classified and re-presented in accordance with the provisions of Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance guiding the corporate accounting regime, effective from January 1, 2026. Details of data are presented in BAF's reviewed semi-annual financial statements for 2026.

Table 18. Fluctuations in BAF's assets according to the consolidated financial statements

Unit: Million VND

	December 31, 2025		June 30, 2026	
	Historical cost	Residual value	Historical cost	Residual value
Tangible fixed assets	**3,906,658.8 (*)**	**3,250,410.1 (*)**	**4,471,632.9**	**3,667,733.3**
Houses and structures	2,850,280.6 (*)	2,390,934.4 (*)	3,112,622.5	2,563,099.1
Machinery and equipment	909,018.2 (*)	752,572.5 (*)	1,181,117.0	976,537.8
Means of transport	93,468.7 (*)	63,567.2 (*)	114,340.5	78,622.3
Office Equipment	53,891.4 (*)	43,336.0 (*)	63,552.9	49,474.1
Financial leasing fixed assets	**133,825.6**	**126,863.2**	**247,489.1**	**229,984.3**
Machinery and equipment	19,505.3	16,510.4	19,505.3	15,501.9

	December 31, 2025		June 30, 2026	
	Historical cost	Residual value	Historical cost	Residual value
Means of transport	114,320.3	110,352.8	227,983.8	214,482.3
Intangible fixed assets	**27,992.2**	**19,136.7**	**30,069.8**	**19,473.3**
Computer Software	27,992.2	19,136.7	30,069.8	19,473.3
Short-Term Biological Assets	**2,391,854.0 (*)**	**2,391,854.0 (*)**	**2,656,272.0**	**2,656,272.0**
Pets take short-term one-off products	2,391,854.0 (*)	2,391,854.0 (*)	2,656,272.0	2,656,272.0
Long-Term Biological Assets	**1,008,732.1 (*)**	**698,483.3 (*)**	**1,108,648.5**	**743,292.5**
Pets for products periodically to the adult stage	1,008,732.1 (*)	698,483.3 (*)	1,108,648.5	743,292.5

(Source: BAF's audited 2025 consolidated financial statements and 2026 reviewed semi-annual consolidated financial statements)

(*) The data has been classified and re-presented in accordance with the provisions of Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance guiding the corporate accounting regime, effective from January 1, 2026. Details of data are presented in BAF's reviewed semi-annual financial statements for 2026.

10.3. Operating markets

With the orientation of becoming one of the leading high-tech agricultural corporations in Vietnam, BAF Vietnam has established a market map of operations spanning all three regions of the North, Central and South, focusing maximum resources on key geographical areas with large, isolated land banks and convenient transportation to optimize logistics costs and control biosecurity.

- Raw material and animal feed production (FEED) area: BAF's system of 03 bran factories is strategically allocated in key agricultural regions in the Central and Southern regions. This helps BAF directly access domestic raw agricultural raw materials and optimize sea freight when imported through major ports, promptly serving the flow of "vegetarian bran" for the entire surrounding satellite farm system.
- Industrial Livestock Farming Area (FARM): This is a core area that is clearly positioned according to each high-tech farm cluster:
  + North & North Central region: Strongly concentrated in Thanh and Quang Ninh provinces to catch up with the huge demand for pork consumption of the Hanoi market and the Red River Delta.
  + Central & Central Highlands region: Key investment in Gia Lai, Dak Lak, Dak Nong,

Phu Yen and Quang Tri. This is an area with ideal climatic conditions, sparse population Proportion, creating a perfect natural biosecurity corridor for BAF to develop super farm complexes up to tens of thousands of commercial pigs pigs and sows.

+ The Southern region: Tay Ninh is identified as the focus of a large-scale high-rise super project combined with an existing farm chain, playing a role in providing a stable and high-quality source of pork to directly supply the country's largest key consumption market, Ho Chi Minh City and the Southeast provinces.

- Food Consumption Market (FOOD): BAF is operating a "multi-channel, multi-touch" strategy. Wholesale live pigs are widely distributed through a system of Sale Centers at major trade hubs. In the segment of fresh and clean branded commercial pigs, BAF makes full use of the Siba Mart mini supermarket network, the GT Commercial pigsshop franchise chain covering residential areas and traditional markets in large cities, and the close link with more than 200 large supermarkets outside the system (such as AEON, WinMart, TOPS Market, Mega Market). This distribution map helps BAF quickly transform products from the farm directly to the tables of millions of Vietnamese families, completing a solid 3F closed chain on a national scale.

10.4. Report on the situation of investment, investment efficiency, production and business efficiency, and service provision in the main fields of operation

a) Investment situation:

In 2025, the Company continued to strongly affirm its commitment to long-term development through the simultaneous commencement of key projects:

- The 3rd Animal Feed Factory in Binh Dinh: Total investment of 550 billion VND, in order to proactively source raw materials, control feed quality and optimize production costs - factors accounting for the largest proportion in the cost structure of livestock.
- Thanh Dat - Gia Lai project: 5,000 sows and 60,000 commercial pigs pigs, expanding key livestock areas in the Central Highlands - an area with great advantages in terms of land fund, climate and conditions for large-scale livestock development.
- Gia Han high-tech livestock complex: Identified as the largest livestock complex in Vietnam up to the time of commencement, affirming BAF's leading position in the wave of modernization of the livestock industry.
- High-tech high-rise super project in Tay Ninh: Implemented under strategic cooperation with Muyuan, with a total investment of 12,000 billion VND, with an expected annual revenue of about 10,000 billion VND.
- Applying a high-Proportion vertical breeding model, comprehensive automation according to international standards, optimizing land use and improving production efficiency. The project is expected to supply 64,000 sows and produce 1.6 million pigs

per year. The feed factory will have a capacity of about 600,000 tons/year.

This was the BAF's strongest investment year ever, with total assets increasing by 44% to nearly VND 10,780 billion, of which fixed assets increased by 44%. Although these investments had a short-term impact on net profit, this is the essential material foundation for BAF to enter the large-scale profit harvest period from 2026 onwards.

b) Efficiency of production and business activities

In 2025, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (BAF) faced a challenging pig farming industry environment, resulting in a decrease in profit compared to the previous year. Nevertheless, the Company maintained positive profitability, demonstrating its resilience and sound financial management.

Regarding the net revenue structure in 2025, BAF recorded impressive growth, with revenue from livestock farming activities increasing by 51.2% year-on-year. Notably, the proportion of revenue from livestock farming activities in the Company's net revenue structure reached 99.79% in 2025, compared to only 59% in 2024. BAF recorded virtually no revenue from agricultural commodity sales in 2025, whereas in the same period of the previous year, revenue from agricultural commodity sales exceeded VND 2.3 trillion. Despite reducing its non-core business segment, BAF maintained an impressive growth trajectory. This result not only demonstrates the soundness of the Company's business portfolio restructuring, but also reaffirms BAF's outstanding strengths across the food supply value chain.

Regarding gross profit structure, BAF recorded relatively improved performance in certain quarters as a result of effective control over the cost of goods sold, despite the overall industry facing pressure from rising input costs. Specifically, by optimizing its core business operations, BAF achieved its highest profit margin in many years of operation, reaching 13.44% in 2025, demonstrating its superior ability to create value from each unit of revenue. This reflects the synergies arising from a stable business model and effective cost control capabilities. For investors, this indicator not only demonstrates the Company's sustainable profitability, but also serves as a reliable measure for assessing BAF's competitive advantages compared to its peers in the same industry.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

10.5. Major contracts

a) Major contracts have been made, have been signed and are being implemented:

Table 19. List of contracts

	Contracts	Partners	Product/Service	Time of signing	Implementation Time	Contract value (Billion VND)	Relationship with BAF	Implementation progress	Other important clauses in the contract
1	01/2025/HDNT/HD-BAF	Internal	Pigs/other commodities	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
2	01/2025/HDNT/BAFTN-BAF	Internal	Bran, and other commodities	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
3	01/2025/HDNT/BAFNA-BAF	Internal	Bran, and other commodities	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	BAF's Associates	Ongoing	None
4	01/2025/HDNT/BAK-BAF	Internal	Pigs/other goods	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
5	01/2026/HDNT/BAFBD-BAF	Internal	Buying bran and other goods	Mar 1, 2026	Mar 1, 2026	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
6	01/2025/HDNT/TC-BAF	Internal	Purchase of bran, pigs and other goods	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
7	01/2025/HDNT/TTX2-BAF	Internal	Pigs/other commodities	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
8	01/2025/HDNT/MT-BAF	Internal	Purchase of bran, pigs and other goods	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
9	01/2026/HDNT/VS-BAF	Internal	Medicines, supplies, microbiological products and other goods	Jan 1, 2026	Jan 1, 2026	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
10	010225LOG-BAF	Internal	Freight	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
11	01/2025/HDNT/AVPY-BAF	Internal	Pigs/other goods	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None

	Contracts	Partners	Product/Service	Time of signing	Implementation Time	Contract value (Billion VND)	Relationship with BAF	Implementation progress	Other important clauses in the contract
12	01/2025/HDNT/TX-BAF	Internal	Purchase of bran, pigs and other goods	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
13	01/2025/HDNT/DAK-BAF	Internal	Purchase of bran, pigs and other goods	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
14	01/2025/HDNT/TH-BAF	Internal	Purchase of bran, pigs and other goods	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None
15	01/2025/HDNT/NAK-BAF	Internal	Purchase of bran, pigs and other goods	Jan 1, 2025	Jan 1, 2025	Principle Contract	Subsidiaries	Ongoing	None

(Source: BAF)

10.6. Major customers and suppliers

a) Major Customers

Table 20. List of major clients

	Major Customers	Transaction value (VND)	Transaction Value/Sales Revenue (%) (*)	Trading Time	Products	Relationship (**)
I. Year 2024						
1	NGUYEN THE PHIET	853.513.191.000	8%	2024	Pigs	None
2	PHUNG NHAT SON	423.119.542.250	4%	2024	Pigs	None
3	TRAN XUAN NAM	621.542.139.880	6%	2024	Pigs	None
4	PHU TAM AGRICULTURAL PRODUCTS TRADING JSC	601.330.846.900	6%	01 – 10/2024	Agricultural Products	None
5	BAO LAM AGRICULTURE JSC	570.461.509.800	6%	01 – 07/2024	Agricultural Products	None

	Major Customers	Transaction value (VND)	Transaction Value/Sales Revenue (%) (*)	Trading Time	Products	Relationship (**)
II. Year 2025						
1	PHAN TIEN DUNG	1.164.838.230.816	12%	2025	Pigs	None
2	NGUYEN THE PHIET	784.266.589.019	8%	2025	Pigs	None
3	TRAN VAN NAM	477.463.663.020	5%	2025	Pigs	None
4	NGUYEN THE DUC	470.913.321.471	5%	2025	Pigs	None
5	TRAN THI TRA MY	384.517.575.500	4%	2025	Pigs	None
III. The first 6 months of 2026						
1	PHAM VAN TUAN	537.989.977.500	15%	01 – 06/2026	Pigs	None
2	NGUYEN THE DUC	404.833.120.567	12%	01 – 06/2026	Pigs	None
3	HKD TRAN THI TRA MY	290.840.036.000	8%	01 – 06/2026	Pigs	None
4	NGUYEN THE PHIET	193.589.471.460	6%	01 – 06/2026	Pigs	None
5	EALAM INVESTMENT AND PT JSC	176.873.568.995	5%	05 – 06/2026	Pigs	None

(Source: BAF)

(*) Based on (Sales value with each customer in the period/Revenue from sales and service provision in the period) x 100%

(**) Relationship with Members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and major shareholders of the Company at the time of signing the contract.

Due to the characteristics of the Company's commercial pig distribution channel currently mainly through traders/purchasing points, most of BAF's major customers are individuals.

b) Major Suppliers

Table 21. List of major suppliers

	Major Suppliers	Transaction value (VND)	Transaction Value/Sales Revenue (%) (*)	Trading Time	Products	Relationship (**)
I. Year 2024						
1	BAF TAY NINH ANIMAL FEED CO., LTD	928.793.251.144	12%	2024	Bran, and other commodities	Subsidiaries
2	BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY BRANCH IN NGHE AN	656.221.664.180	9%	2024	Bran, and other commodities	BAF's Affiliates
3	BAO LOC AGRICULTURAL DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY	648.855.022.050	8%	2024	Agricultural Products	External Suppliers
4	RICE FOR THE PEOPLE JOINT STOCK COMPANY	556.525.506.140	7%	2024	Agricultural Products	External Suppliers
5	BAC AN KHANH MANUFACTURING TRADING SERVICE CO., LTD	446.970.291.808	6%	2024	Pigs/other goods	Subsidiaries
6	CBOT VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	1.053.116.378.100	13%	2024	Ingredients	External Suppliers
II. Year 2025						
1	BAF TAY NINH ANIMAL FEED CO., LTD	1.061.003.905.960	17%	2025	Bran, and other commodities	Subsidiaries
2	BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY BRANCH IN NGHE AN	731.597.772.900	12%	2025	Bran, and other commodities	BAF's Affiliates
3	TAY NINH LIGHTHOUSE HIGH-TECH LIVESTOCK JOINT STOCK COMPANY	728.435.396.155	11%	2025	Pigs/other goods	Subsidiaries
4	TAN CHAU AGRICULTURAL INVESTMENT CO., LTD	366.948.966.946	6%	2025	Pigs/other goods	Subsidiaries
5	BAC AN KHANH MANUFACTURING TRADING SERVICE CO., LTD	330.444.180.456	5%	2025	Pigs/other goods	Subsidiaries

	Major Suppliers	Transaction value (VND)	Transaction Value/Sales Revenue (%) (*)	Trading Time	Products	Relationship (**)
6	CBOT VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	1.059.657.134.000	17%	2025	Ingredients	External Suppliers
III. The first 6 months of 2026						
1	TAY NINH LIGHTHOUSE HIGH-TECH LIVESTOCK JOINT STOCK COMPANY	612.480.877.894	15%	2026	Pigs/other goods	Subsidiaries
2	SIBA HIGH-TECH MECHANICAL GROUP JOINT STOCK COMPANY	265.696.982.657	6%	2026	Installation of machinery and equipment	Suppliers in the same group
3	BAF TAY NINH ANIMAL FEED CO., LTD	587.820.847.703	14%	2026	Bran, and other commodities	Subsidiaries
4	BAC AN KHANH MANUFACTURING TRADING SERVICE CO., LTD	204.845.446.331	5%	2026	Pigs/other goods	Subsidiaries
5	BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY BRANCH IN NGHE AN	489.290.401.300	12%	2026	Bran, and other commodities	BAF's Affiliates
6	CBOT VIETNAM JOINT STOCK COMPANY	935.553.054.500	23%	2026	Ingredients	External Suppliers

(Source: BAF)

(*) Based on (Purchase value with each supplier in the period/Revenue from sales and service provision in the period) x 100%

(**) Relationship with Members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and major shareholders of the Company at the time of signing the contract.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

10.7. Position of Issuing organizations in the industry

10.7.1. BAF's position compared to other enterprises in the same industry

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company was established and commenced operations in 2017. After nearly 10 years of development and growth, the Company has achieved significant accomplishments and gradually affirmed its position in the market.

BAF has successfully pursued and operated the closed-loop 3F value chain model (Feed - Farm - Food), enabling the Company to comprehensively control the entire process, from animal feed production and farm management technology to the processing and distribution of clean meat. Although starting out as a "newcomer" compared to established players such as Dabaco or the Masan MEATLife ecosystem, BAF has emerged as a new and challenging force, supported by its rapid expansion of the farm land bank and superior optimization of production costs. As of the end of the first six months of 2026, the Company operated 42 farms, including 25 Vegetarian-fed Pork farms meeting global standards, with a total capacity of 900,000 pigs, including 73,000 sows. The number of pigs sold reached 532,000, representing an increase of 163% compared to the same period of 2026.

Leveraging its strength as a company specializing in agricultural commodity trading, BAF's livestock farming operations are supported by raw materials sourced directly from major domestic suppliers. The Company's feed products meet clean and safety standards, provide adequate nutritional content to meet each stage of growth, and contain no prohibited substances in accordance with regulations of the Department of Livestock Production. The feed produced is directly supplied to BAF's entire nationwide farming system. This provides a fundamental basis for reducing livestock farming costs while ensuring strict control over feed quality.

The Company has gradually affirmed its position in the market, as evidenced by major awards received in 2025, including: Top 5 Most Reputable Companies in the Food and Beverage Industry, Top 100 Best Places to Work in Vietnam, and Top 500 Largest Enterprises in Vietnam (VNR500) in 2025. To strengthen its leading position in the digital transformation of the agricultural sector, BAF has continuously partnered with leading global companies, notably Muyuan Group, to adopt smart livestock farming technologies. BAF's current position extends beyond that of a conventional clean meat supplier; the Company is emerging as a high-tech agricultural model with strong growth potential, ready to compete for market share in branded meat and reshape the landscape of Vietnam's billion-dollar livestock farming industry.

Table 22. Comparison of BAF's indicators with other enterprises in the same industry

Unit: Billion VND

	Code	Company Name	Total Assets	Charter capital	Net Revenue	PAT
1	BAF	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	10,780.0	3,040.2	5,037.8	127.1

	Code	Company Name	Total Assets	Charter capital	Net Revenue	PAT
2	MML	Masan COMMERCIAL PIGSLife	11,368.0	3,403.1	9,230.1	618.9
3	DBC	Dabaco Vietnam Group	15,976.7	3,848.6	14,897.6	1,506.7
4	HAG	Hoang Anh Gia Lai Joint Stock Company	26,381.6	12,674.7	7,432.3	2,240.2
5	VSN	Vietnam Livestock Industry Joint Stock Company	1,848,467.3	809,051	2,921.6	82

(Source: Audited 2025 Consolidated Financial Statements of the Companies)

10.7.2. Industry development outlook

Entering the period of 2026-2030, Vietnam's pig farming industry is expected to continue affirming its role as a key pillar of the national agricultural sector, with an estimated market size exceeding USD 30 billion and contributing approximately 27%–28% to the GDP structure of the entire agricultural sector. Pork continues to account for a significant proportion of animal protein consumption in Vietnam, representing up to 63.68% of total consumption of livestock products. According to data from the Ministry of Industry and Trade, Vietnam currently ranks fourth globally and first in Southeast Asia in pork consumption, with average consumption reaching nearly 39 kg per capita per year. In 2026, domestic pork production is forecast to continue growing by approximately 3%, reaching nearly 4 million tons, supported by sustained high domestic purchasing power and the recovery trend of the macroeconomic environment.

However, the market is entering a period of intensive consolidation and significant restructuring as the new Law on Animal Husbandry tightens standards on biosecurity and environmental control. Small-scale and traditional household farming models are rapidly contracting due to their limited ability to withstand disease risks, particularly African Swine Fever (ASF), as well as adverse fluctuations in input material costs. In their place, high-tech industrial livestock farming enterprises with the ability to control high-quality breeding stock and closed-loop farming processes, while maintaining strict biosecurity, are becoming increasingly prominent. At the same time, the trend toward "greening" the agricultural sector in accordance with ESG standards and emissions reduction requirements is becoming an increasingly important criterion for large enterprises seeking to expand their domestic market share.

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company has established a standardized farm system. As of the end of 2025, BAF operated a system of 42 high-tech farms with a total herd size of nearly 900,000 breeding and commercial pigs. The Company has strengthened its reputation by operating 25 "Vegetarian-fed Pork" farms certified under the prestigious international Global S.L.P. (Global Smart Livestock Practices) standard by Bureau Veritas. In particular, its comprehensive cooperation strategy with Muyuan – the world's leading livestock farming group – to implement a smart "pig apartment" model integrated with AI enables BAF to optimize costs, improve biological

productivity, and control diseases. This provides a solid foundation for BAF to implement its strategic plan to expand its farm network in 2026, increase its sow herd to 145,000, and target the milestone of supplying 10 million commercial pigs by 2030.

Vietnam's animal feed market in the period of 2025-2026 is facing significant pressure from fluctuations in global agricultural commodity prices, particularly corn and soybeans, as well as increased logistics costs due to international geopolitical instability. Nevertheless, domestic demand for animal feed is expected to maintain stable growth of 4.5%–5% per year to support the industrialization of the livestock farming sector by large enterprises. One of the industry's major bottlenecks is the high dependence of most production facilities on imported raw materials, resulting in input cost risks. Accordingly, enterprises that are self-sufficient through in-house animal feed production facilities and apply stringent international quality management standards such as FSSC 22000 will hold significant competitive advantages in terms of profit margins.

Taking advantage of this trend, BAF has created a strategic differentiation with its **"Exclusive 100% Plant-Based Feed"** product line. BAF's pigs are raised on nutrition derived 100% from plant-based ingredients, without growth-promoting substances, thereby improving animal resistance and ensuring that the quality of finished meat meets stringent standards. With a system of modern animal feed plants using technology transferred from leading European and U.S. groups, including Buhler and Farmsun, and simultaneously meeting GLOBAL G.A.P. CFM and FSSC 22000 standards, BAF not only achieves full self-sufficiency in high-quality animal feed for its entire farm system, but also optimizes gross profit margins across the value chain. This self-sufficiency in animal feed enables BAF to mitigate the risks arising from fluctuations in raw material prices in the market, providing a solid foundation for business performance in 2026 and subsequent years.

10.7.3. Assessment of the Compatibility of BAF's Development Orientation with Industry Orientation, Government Policies and Global Trends

In the domestic market, BAF's strategy of developing a closed-loop high-tech farm system provides a standardized solution in line with the direction of restricting and eventually ceasing the operation of small-scale livestock farming facilities that fail to meet hygiene requirements within residential areas, in accordance with the spirit of the new Law on Animal Husbandry. BAF's focus on investing resources in large-scale farm complexes not only facilitates disease control by regulatory authorities, but also accelerates the industrialization and modernization of the agricultural sector by shifting livestock farming activities toward concentrated planned areas. In particular, as Vietnam's agricultural sector seeks to reduce its dependence on imported raw materials and minimize disease-related risks, BAF's model of 100% self-sufficiency in plant-based animal feed, together with its stringent biosecurity control processes, is fully aligned with the core objectives of the "Livestock Development Strategy for the 2021–2030 Period, with a Vision to 2045" approved by the Prime Minister. Given its strong alignment with these macro-level policies, BAF's modern animal feed plant projects and smart farm system fall within the list of sectors eligible for special investment incentives, creating favorable conditions for the Company to

effectively access corporate tax, land rental and other optimized financial support policies.

Beyond the domestic market, BAF's development orientation is also closely aligned with major trends reshaping the global livestock farming industry, particularly the circular business model and sustainable development in accordance with ESG standards. BAF is among the pioneering enterprises in Vietnam to apply these standards to its actual operations, cash flow management and production processes. The Company's internationally certified farm system uses modern waste treatment solutions and recovers biogas for reuse in internal operations, thereby significantly reducing energy costs while directly supporting its commitment to global Net Zero emissions reduction.

In parallel, the trend toward applying digital technologies and artificial intelligence (AI) to Agriculture 4.0 management has been specifically implemented by BAF through its strategic cooperation agreement with Muyuan, a leading global livestock farming group. The successful transfer of smart "pig apartment" technology, integrating AI and IoT to monitor pig health, automate feeding processes and control barn temperatures, demonstrates BAF's ability to keep pace with multinational corporations. This technology platform enables BAF to optimize feed conversion ratios (FCR), reduce the commercial cost per pig, and significantly improve the biological productivity of the entire system.

Finally, BAF's business orientation is fully aligned with the growing global consumer preference for clean food, transparent traceability and humane production. BAF's commercial pork products are raised using its exclusive 100% plant-based "Vegetarian Feed", completely eliminating potential risks associated with antibiotics, prohibited substances or residues from animal-based protein sources. The Company's consistent commitment to maintaining a closed-loop, humane and high-tech value chain provides a solid foundation for BAF to mitigate market risks, strengthen its competitive advantages, and achieve its goal of becoming a leading group in Vietnam's high-quality commercial pork segment.

10.8. Marketing Activities

Focus on the message "Vegetarian-fed pork": The most prominent feature of BAF's approach to customers is the "Vegetarian-fed Pork" message. The Company clearly communicates that BAF's pigs are fed exclusively with feed made from 100% plant-based ingredients, such as corn and soybeans, produced by the Company's own feed plants. This approach helps alleviate consumers' concerns regarding lean-meat-producing substances or feed containing animal-based ingredients, thereby attracting customers who prioritize safety and are willing to pay a premium compared to conventional market pork.

Sales through the store network: To shift its sales mix from live pig wholesale, which accounts for 86% of output, toward higher-value retail sales of processed meat, accounting for 14%, BAF is accelerating the development of an integrated multi-channel distribution network. The Company is proactively expanding the GT Meatshop franchise chain, with a target of reaching 1,000 points of sale nationwide, equipped with dedicated 0–4°C refrigerated cabinets in residential

areas and traditional markets to ensure that the meat remains fresh and hygienic. In addition, BAF optimizes revenue streams through the Tan Long Group ecosystem, including the Siba Mart mini-supermarket system, the Siba Ngon restaurant chain, and the Ocoba Mart e-commerce platform, while distributing its products through more than 200 major external supermarkets and convenience stores, such as AEON, WinMart, GO!, and GS25. In particular, all BAF meat products are carefully vacuum-packed and integrated with barcodes/QR codes on the packaging, allowing customers to easily scan the codes to trace the product's origin from farm to table.

Public disclosure of the livestock farming process: To provide consumers with greater confidence in the origin of its meat products, BAF shares a substantial amount of actual images, videos and press releases regarding its closed-house farm system and wastewater treatment technologies. Publicly disclosing the model from feed production and pig farming to meat processing (Feed - Farm - Food) helps the Company gradually build customer trust. In addition, the Company participates in environmental protection and community activities to build an image of an environmentally and socially responsible enterprise.

Expanding processed products and product sampling: In addition to fresh meat, BAF also produces processed products such as sausages, Vietnamese pork bologna and raw pork paste. This both enables the Company to maximize the utilization of meat after slaughter and provides families with more convenient meal options. In particular, at its stores and supermarkets, BAF regularly organizes cooking and sampling booths where customers can directly taste "Vegetarian-fed Pork" products before deciding to purchase.

10.9. Intellectual property rights, trademarks, trade names, patents.

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company, abbreviated as BAF under the Feed - Farm - Food model, is symbolically represented by the meaning "from farm to table", reflecting the Company's strategy of investing in pig farming through a closed-loop value chain covering feed production, farm-based livestock farming, slaughtering and meat processing.

The BAF logo and brand/trademarks have been registered, and the Intellectual Property Office of Vietnam has granted the Company certificates of registration for its exclusive brand and trademarks. The logo is exclusively and consistently used by the Company as presented below:

[The remainder of this page is intentionally left blank]

- Company logo symbol:

- Brand symbol "anfarm":

Meaning of the BAF logo:

- About the symbol: Three hexagons represent three arrays: FEED - FARM - FOOD. The three interlocking shapes represent a close association of the CLOSED CHAIN system model, which is controlled right from the input quality and focuses on the value of the chain to bring the most perfect quality products. The hexagon is called "nature's perfect shape". This particular polygon is more connected to nature than any other geometric shape. In the middle of the hexagon forms the shape of a flower. The image of a flower brings a sense of true wholeness, the perfection of things, symbolizing beauty, is the most delicate thing. In the apricot petal flower that appears first shows the order: FEED - FARM - FOOD.
- About Color:
  - Brown: The color of FEED, which is a neutral color that gives a solid and reliable feel;
  - Blue: The color of FARM, which symbolizes nature, health, innovation, and abundance;
  - Red: The color of FOOD, expressing authority, developing what is most powerful;
  - The main blue color brings a clean and environmentally friendly feeling.

In addition, the BAF Commercial pigs trademark has also been exclusively registered by the Company and used on commercial pig products sold on the market.

- Website: baf.vn/.

10.10. Research and Development Policy

BAF's Research and Development (R&D) strategy focuses strongly on optimizing the 3F (Feed - Farm - Food) closed value chain, applying high technology and moving towards sustainable development. For each business segment, the company has a research and development (R&D) department with high expertise and specificity for each segment.

a) FARM Segment:

- Implemented: BAF is redefining livestock standards with a digitized and synchronized "Smart Farm" system based on European technology. Notably, the Company has incorporated Artificial Intelligence (AI) into farm management to automatically control factors such as temperature, humidity, and animal health monitoring.
- Future orientation: BAF continues to strengthen its R&D budget for comprehensive digital transformation to improve productivity and consistent product quality, meeting strict export standards. BAF is also cooperating with Muyuan Group (China) to implement a high-tech "pig farming apartment" model with high-rise buildings, optimizing space and automating processes.

b) FEED Array:

- Done: The biggest highlight of BAF's R&D activities is the successful research and application of the exclusive "plant-based bran formula". The company uses 100% plant-based ingredients, completely eliminating animal-based ingredients to help pigs grow naturally healthy and ensure the quality of "clean commercial pigs". BAF has also gathered a team of leading nutritionists to research the optimal bran formula for each stage of pig development.
- Future orientation: Continue to improve the quality of bran, research smart nutrition strategies to shorten the farming time but still ensure outstanding quality of commercial pigs and sustainable profits.

c) Research and development of genetic resources:

- Done: The company has successfully imported high-quality GGP pigs from advanced breeding platforms around the world (such as Large White and Landrace from France and Denmark) to master internal genetic resources.
- Future orientation: BAF aims to continue researching and breeding generations of pig breeds with high reproductive productivity, good quality of commercial pigs and especially outstanding disease resistance, as a premise for the expansion of the sow herd and export.

10.11. Business Strategy

Consistent with the vision of becoming a leading corporation in the field of high-tech agriculture, BAF implements a consistent business strategy based on the core axis of the Feed - Farm - Food ("From farm to table"). This strategy not only helps the Company optimize the gross profit margin of the whole chain thanks to the ability to control input costs, but also isolates fluctuation risks from the free market, towards the goal of providing the safest and highest quality products to consumers.

❖ **Feed segment - Cost optimization and clean nutrition monopoly**

- Core strategy: Orientation to maintain and improve production capacity to be fully self-sufficient in 100% of high-quality feed sources for the farm system. BAF consistently

eliminates the risks of dependence on external commercial bran, thereby stabilizing livestock costs even during periods of strong macro agricultural market fluctuations.

- Differentiation with "Vegetarian Bran": Continue to develop and maintain an exclusive plant-based bran product line. Nutrition using plant-based ingredients helps pigs strengthen their natural resistance, completely eliminating the dangers of banned substances, antibiotics and residual animal protein.
- Expanding standard productivity: Synchronously operating feed factories that meet strict international standards such as GLOBALG. A.P CFM and FSSC 22000. The plan to put into operation new generation large-capacity factories helps optimize logistics costs, reduce bran production costs through technology transferred from leading European and American corporations.

❖ **Smart Farm Segment - Accelerating the Scale and Modernization of Biotechnology**

- Rapid expansion strategy: BAF focuses all resources to promote the construction and operation of large-scale high-tech farm complexes in strategic areas (such as Tay Ninh, Binh Phuoc, Gia Lai, etc.). The goal is to quickly increase the total sow herd to 145,000 heads and aim for the long-term goal of reaching 10 million commercial pigs by 2030, firmly consolidating its position in the Top 3 largest industrial livestock enterprises in Vietnam.
- Applying 4.0 technology and international transfer: Promoting strategic cooperation with the world's No. 1 corporations (such as Muyuan) to apply smart "pig apartment" technology integrating artificial intelligence (AI) and the Internet of Things (IoT). This solution helps automate the feeding process, control the temperature of the barn, optimize the feed conversion factor (FCR) and increase the reproductive efficiency per sow.
- Absolutizing biosecurity: Building a strict disease shield system to proactively protect the herd from pressure from African Swine Fever (ASF). Standardizing the entire farm system according to international standards (such as Global S.L.P certification by Bureau Veritas) to ensure stable and safe biological growth capacity.

❖ **Clean Food segment - Positioning the new brand "anfarm" and expanding distribution channels**

- Brand positioning strategy: Inheriting and comprehensively upgrading from the previous BAF Commercial pigs brand, BAF officially launched and positioned **the anfarm** clean food brand with a modern and impressive new look and the message "***Choose anfarm - Feel secure***". This is a strategic step to provide clean, safe and convenient food solutions, accompanying the trend of green consumption and protecting public health.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

- Closed clean food journey: **anfarm's products** are committed to strict quality according to international standards: originating from healthy pigs raised with plant-based clean bran (Feed), raised in high-tech farms that meet GLOBAL S.L.P (Farm) standards, undergoing the process of slaughtering food hygiene and safety and packaging with advanced Oxygen Fresh commercial pigs technology (Food) before reaching consumers.

- Diversifying product portfolios: Not only stopping at clean commercial pigs from vegetarian pigs, **anfarm** expands a rich product ecosystem to meet busy lives including: clean commercial pigs marinated conveniently, deeply processed products from clean commercial pigs (sausages, spring rolls, sausages...) and especially clean fruits and vegetables - specific products from the Group's circular economy model.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

- Expanding the nationwide multi-channel distribution network: In order to optimize customer access, **anfarm** establishes an extensive point of sale system:
  - Northern distribution system: Siba Food clean food chain and large supermarket networks such as Fuji Mart, BRG Mart, WinMart, WinMart+, MM Mega Market, AEON Maxvalu, AEON Mart, Sendo, EBS (Go!, Tops Market), Eco Food, Ready Mart, Vital Mart...
  - Southern distribution system: Siba Food, 3Sach Mart, AEON, GS25, Satra Food, Win+, WinMart, Farmers Market, Go!, Minimart, Co.opmart, VNP (Vietnam Post)...

❖ **Sustainable Development Strategy (ESG) as the foundation of long-term competition**

- Circular agriculture: Deeply integrate Environmental-Social-Governance (ESG) criteria into the core chain of activities. BAF applies farm waste recovery solutions through a modern treatment system to create renewable energy sources (biogas), which serve the opposite of farm and factory operation processes. At the same time, agricultural by-products are effectively reused to cultivate clean fruits and vegetables under **the ANFARM brand**. This strategy not only supports the optimization of energy costs, meets animal welfare, but also realizes the commitment to reduce greenhouse gas emissions, reduce carbon footprint, and help businesses

build sustainable trust with shareholders, investors and international financial institutions towards the goal of green growth.

11. Policies for employees

The quality of human resources is one of the important factors determining long-term and sustainable development, so the Company always aims to build a team of staff with professional qualifications, high skills, and professional service style at the top of its development strategy.

11.1.Labor situation

The labor structure of the Company by gender, professional qualifications and labor contract duration are shown in the following table:

Table 23. Labor structure in the Company

Labor structure	December 31, 2024		December 31, 2025		June 30, 2026	
	Quantity	Proportion	Quantity	Proportion	Quantity	Proportion
Classification by level						
Undergraduate and Post-University	654	30.78%	982	29%	1,313	26,8%
College and Intermediate	344	16.19%	586	17%	736	15,02%
Technical workers	20	0.94%	81	2%	60	1,22%
Unskilled labor	1,107	52.09%	1,791	52%	2,790	56,95%
Classification by Labor Contract						
Full-time	2,125	100%	3,440	100%	4,899	100%
Part-time	0	0	0	0	0	0
Total	**2,125**	**100%**	**3,440**	**100%**	**4,899**	**100%**

(Source: BAF)

11.2.Labor Policy

Inclusive & Competitive Welfare System:

At BAF, the remuneration system is built based on a deep understanding of the actual needs of employees. The company is committed to accompanying, ensuring stability and constantly improving the quality of life for its personnel through the core pillars:

- Ensure financial foundation: Maintain a competitive, fair and punctual salary and bonus policy; at the same time, apply seniority bonuses and timely honor mechanisms for individuals and collectives with excellent achievements.
- Take care of life comprehensively: Fully and seriously implement holidays, leave and insurance policies in accordance with the law. In addition, the Company regularly organizes periodic vacation and travel activities to help employees regenerate energy and tighten the spirit of solidarity.
- Fostering spiritual values: BAF believes that the peace of mind and harmony in the personal life of each employee is the most solid launching pad for them to confidently devote themselves to the sustainable development of the business.

Strong Trade Union Activities - Employee-Centered:

The Executive Committee of BAF Trade Union is committed to realizing the role of a reliable companion of employees through a series of practical and humane actions:

- Honoring collective values: Arousing professional pride and corporate engagement through the annual "Proud BAF" photo contest and exciting internal sports tournaments.
- Bonding and spreading love: Fully taking care of the spiritual life of employees on holidays, especially the warm "Tet Reunion" program, imbued with the cultural identity of the BAF family.
- Timely sharing and support: Always a solid fulcrum for union members through the policy of close visits, sickness allowances, and thoughtful maternity. At the same time, the Company closely coordinates with the City Confederation of Labor to promptly support and support cases in difficult circumstances.
- Listen to constantly improve: Proactively receive direct feedback from employees to continuously upgrade the quality of the working environment, optimize social welfare programs and build a stronger team.

12. Dividend policy

Based on the business situation, investment plan, revenue, financial situation, cash needs and other relevant factors at each specific time, the Board of Directors will consider proposing an annual dividend rate.

The dividend rate shall be adopted at the annual General Meeting of Shareholders. In the event of non-payment of dividends, the profits shall be reasonably allocated to reserves and retained earnings. The Board of Directors shall take into account the announcement of the dividend plan, which may or may not depend on the dividend rate distributed in previous years.

Dividends may be paid in cash or in shares or in assets with the consent of the General Meeting of Shareholders. In case of payment in cash, dividends shall be paid in Vietnamese dong.

Table 24. Dividend policy over the years

Year	Payout Rate (%)	Dividend Payment Value (VND)	Payment Methods
2023	17%	243,984,000,000	By Shares
2024	0	0	0
2025	10%	304,016,320,000	By Shares

(Source: BAF)

13. Information on the use of capital raised from the latest offering

13.1.Information about the private placement

According to the opinion of the auditing organization, Nhan Tam Viet Auditing Co., Ltd. in the Report on the use of capital obtained from the private placement (from March 26, 2025 to April 10, 2025) No. 0509.01/2025/BCSDV-NTV2 dated September 29, 2025. Information about the private placement of shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company has been honestly and reasonably reflected on the use of capital raised from the private placement. Specifically:

a) Release Results:

On January 24, 2025, the Company was notified by the State Securities Commission by Official Letter No. 531/UBCK-QLCB on the receipt of a complete dossier of registration for private placement. By March 26, 2025, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company received Official Letter No. 521/UBCK-QLCB from the State Securities Commission on receiving the report on the results of the private placement. Accordingly, the Company has completed the procedures for issuing 65,000,000 individual shares and fully collected the amount from the issuance of shares at the issue price of 15,500 VND/share.

- Total number of shares distributed: 65,000,000 shares, equivalent to 100% of the total number of shares offered, of which:
  + Domestic investors: 65,000,000 shares;
  + Foreign investors, economic organizations with foreign investors holding more than 50% of charter capital: 0 shares.
- Total proceeds from the offering: 1,007,500,000,000 VND;
- Total cost: 880,000,000 VND;
- Total net revenue from the offering: 1,006,620,000,000 VND.

b) The use of capital obtained from the private placement:

Table 25. Use of capital obtained from the latest private placement of shares

	Contents of use of capital	Disbursement value	Implementation Time
	Additional capital sources for BAF's pig production activities include:	**1,007,500,000,000**	
1	Costs of purchasing bran, additives and raw materials for pig farms	557,500,000,000	
1.1	*Payment for the purchase of bran to BAF Agriculture Joint Stock Company's branch in Nghe An (tax code: 0107795944-003) under the Principle Contract for Sale and Purchase of Goods No. 01/2024/HĐNT/BAFNA-BAF dated 01/01/2024*	*277,500,000,000*	*March 27, 2025 and April 3, 2025*
1.2	*Payment for the purchase of bran to BAF Tay Ninh Animal Feed Joint Stock Company (tax code: 3901152973) under the Principle Contract for Sale and Purchase of Goods No. 01/2024/HDNT/BAFTN-BAF dated 01/01/2024*	*280,000,000,000*	*March 27, 2025 and April 3, 2025*
2	Costs of buying breeding pigs/dairy ewes/gilts for pig farms	450,000,000,000	January 9, 2026
2.1	*Payment for the purchase of pigs to Anh Vu Phu Yen Co., Ltd. (tax code: 4401054144) under the Principle Contract for Sale and Purchase of Goods No. 01/2024/HDNT/AVPY-BAF dated 01/01/2024*	*15,000,000,000*	*April 3, 2025*
2.2	*Payment for the purchase of pigs to Minh Thanh Livestock Production, Trading Service Co., Ltd. (tax code: 3901206435) under the Contract of Principle for Sale and Purchase of Goods No. 01/HDNT/MT-BAF dated 01/01/2024*	*144,320,000,000*	*March 27, 2025 and April 3, 2025*
2.3	*Payment for the purchase of pigs to Dong An Khanh Production, Trading and Service Co., Ltd. (tax code: 390129905) according to the Contract in Principle for Sale and Purchase of Goods No. 01/2024/HDNT/DAK-BAF dated 01/01/2024*	*21,000,000,000*	*April 3, 2025*
2.4	*Payment for the purchase of pigs to Nam An Khanh*	*38,000,000,000*	*April 3, 2025*

	Contents of use of capital	Disbursement value	Implementation Time
	Livestock Co., Ltd. (tax code: 3901298757) under the Principle Contract for Sale and Purchase of Goods No. 01/2024/HDNT/NAK-BAF dated 01/01/2024		
2.5	*Payment for the purchase of pigs to Green Farm 2 Investment Co., Ltd. (tax code: 3901291409) under the Principle Contract for Sale and Purchase of Goods No. 01/2024/HDNT/TTX2-BAF dated 01/01/2024*	*44,000,000,000*	*April 3, 2025*
2.6	*Payment for the purchase of pigs to Bac An Khanh Production, Trading and Service Co., Ltd. (tax code: 3901293928) according to the Contract of Principle for Sale and Purchase of Goods No. 01/2024/HDNT/BAK-BAF dated 01/01/2024*	*173,680,000,000*	*March 27, 2025 and April 3, 2025*
2.7	*Payment for the purchase of pigs to Green Farm 1 Investment Co., Ltd. (tax code: 3901291381) under the Principle Contract for Sale and Purchase of Goods No. 01/2024/HDNT/TTX1-BAF dated 01/01/2024*	*10,000,000,000*	*April 3, 2025*
2.8	*Payment for the purchase of pigs to Hai Dang Tay Ninh Hi-Tech Livestock Joint Stock Company (tax code: 3901312793) under the Contract of Principle for Purchase and Sale of Goods No. 01/2024/HDNT/HD-BAF dated 01/01/2024*	*4,000,000,000*	*April 3, 2025*

(Source: Report on the use of BAF capital)

13.2.Information about the public offering of bonds

According to the opinion of the auditing organization, Nhan Tam Viet Auditing Co., Ltd., in the report on the use of capital obtained from the public bond issuance in the amount of VND 1,000,000,000,000 (Stock code: BAF126003) (from November 25, 2025 to January 9, 2026) No. 0204.01/2026/BCSDV-NVTHN dated April 22, 2026. Information about the public bond issuance of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company has been honestly and reasonably reflected on the use of capital obtained from the public bond issuance. Specifically:

a) Release Results:

On November 25, 2025, the Company was granted Certificate No. 447/GCN-UBCK by the State Securities Commission regarding the registration of the public offering of bonds. By January

8, 2026, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company received Official Letter No. 148/UBCK-QLCB from the State Securities Commission on receiving the report on the results of the bond issuance to the public. Accordingly, the Company has completed the procedures for issuing bonds to the public and collected the full amount from the bond issuance:

- Total number of bonds distributed: 10,000 bonds, equivalent to 100% of the total number of bonds offered;
- Total proceeds from the offering: 1,000,000,000,000 VND;
- Total cost: 53,335,400,000 VND;
- Total net revenue from the offering: VND 946,664,600,000.

b) The use of capital obtained from the public offering of bonds:

Table 26. Use of capital raised from the latest public offering of bonds

	Contents of use of capital	Disbursement value	Implementation Time
1	**Additional capital sources for BAF's pig farming business and production activities include:**	**670,000,000,000**	
	Payment for the purchase of bran, pigs and other goods to Tay Ninh Lighthouse Hi-Tech Livestock Joint Stock Company (MST: 3901312793), according to the contract in principle for sale and purchase of goods No. 01/2025/HDNT/HD-BAF dated Jan 1, 2025	*180,000,000,000*	*January 9, 2026*
	Payment for the purchase of bran, pigs and other goods to Green Farm Investment 1 Co., Ltd. (tax code: 3901291381) according to the Principle Contract for Sale and Purchase of Goods No. 01/2025/HDNT/TTX1-BAF dated January 1, 2025.	*30,000,000,000*	*January 9, 2026*
	Payment for the purchase of bran, pigs and other goods to Green Farm Investment 2 Co., Ltd. (tax code: 3901291409) according to the original goods purchase and sale contract No. 01/2025/HDNT/TTX2-BAF dated January 1, 2025.	*120,000,000,000*	*January 9, 2026*
	Payment for the purchase of bran, pigs and other goods to Tan Chau Agricultural Investment Co., Ltd. (tax code: 3901303492) under the Principle Contract for Purchase and Sale of Goods No. 01/2025/HDNT/TC-	*120,000,000,000*	*January 9, 2026*

	Contents of use of capital	Disbursement value	Implementation Time
	BAF dated January 1, 2025.		
	Payment for the purchase of bran and other goods to BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company Branch in Nghe An (tax code: 0107795944-003) theo Principle Contract No. 01/2025/HDNT/BAFNA-BAF dated Jan 1, 2025.	*85,000,000,000*	*January 9, 2026*
	Payment for the purchase of bran and other goods to BAF Tay Ninh Animal Feed Co., Ltd. (tax code: 3901152973) under the Principle Contract for Sale and Purchase of Goods 01/2025/HDNT/BAFTN-BAF dated Jan 1, 2025	*85,000,000,000*	*January 9, 2026*
	Payment for the purchase of bran, pigs and other goods to Bac An Khanh Production, Trading and Service Co., Ltd. (tax code: 3901293928) under the Principle Contract for Sale and Purchase of Goods No. 01/2025/HĐNT/BAK-BAF dated Jan 1, 2025	*50,000,000,000*	*January 9, 2026*
2	**Payment of principal of loan contracts includes:**	**330,000,000,000**	
	Payment of part of the principal to the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Bac Ha Branch (BIDV) (tax code: 0100150619- 213) under the Credit Line Agreement No. 01/2025/10092905/HDTD dated 15/10/2025.	*35,000,000,000*	*January 9, 2026*
	Payment of all principal to Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch (MSB) (MST: 0200124891-002) under the Credit Limit Agreement No. 5300729/2025/HDTDHM dated 30/09/2025.	*200,000,000,000*	*January 9, 2026*
	Payment of part of the principal to E.SUN Commercial Bank - Dong Nai Branch (tax code: 3603292083) theo Credit Agreement No. 10000991LD001202505 dated 10/01/2025	*95,000,000,000*	*January 9, 2026*

(Source: Report on the use of BAF capital)

14. Information on commitments that have not yet been fulfilled by the issuing organization

As of the time of signing this Prospectus, the total balance of the value of Bonds issued by the Company but not yet matured is VND 2,100,000 million (calculated at par value). In which:

- Bonds issued to the public: VND 1,000,000 million, accounting for 47.619% of the total balance of bonds issued but not yet maturing;
- Privately issued bonds: VND 1,100,000 million, accounting for 52.381% of the total balance of bonds issued but not yet maturing.

The information for each bond code in circulation has been presented in Section IV.8 of the Prospectus.

For these unmatured bonds, the Company has been strictly fulfilling its commitments and obligations to investors under the conditions and terms of bond issuance; ensuring the full, accurate and timely payment of principal, bond interest and other amounts related to bonds (if any) according to the terms and conditions of the bonds; ensuring the legitimate rights and interests of investors and performing other obligations and conditions as prescribed by law.

15. Information, potential debt obligations, litigation disputes related to the issuing organization may affect the business activities, financial situation of the issuing organization, the offering, the price of the offered shares, and the project using capital obtained from the offering

None.

16. Information about the commitment of the issuing organization is not in the case of being examined for penal liability or has been convicted of one of the crimes of infringing upon the economic management order but has not yet had his criminal record expunged.

The Board of Directors of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company commit that, at the time of submitting the dossier of additional public offering of shares to existing shareholders in 2026, the Company is not subject to criminal prosecution for criminal liability or has been convicted of one of the crimes of infringing upon the economic management order but has not yet had his criminal record expunged.

V. BUSINESS RESULTS, FINANCIAL SITUATION AND EXPECTED PLANS

1. Results of business activities

1.1. Summary of some indicators of business activities of issuing organizations in the last 02 years and accumulated to the latest quarter

Table 27. Financial indicators of BAF

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	Increase/Decrease (%)	June 30, 2026
Total Asset Value	6,890,328.3	9,938,747.9	44.24%	11,735,440.6
Net Revenue	6,018,013.8	5,199,036.4	-13.61%	3,555,046.5
Gross profit	644,631.8	167,176.0	-74.07%	349,951.3
Net profit from business activities	324,301.9	58,639.8	-81.92%	157,139.5
Other Profits	105,503.3	5,476.0	-94.81%	-15,371.4
Profit before tax	429,805.3	64,115.7	-85.08%	141,768.1
Profit after tax	355,071.7	98,276.9	-72.32%	115,886.9
Dividend-paying profit ratio	0	309.35%	0	0
Dividend Rate	0	10%	0	0

(Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual separate financial statements in 2026 of BAF)

Table 28. Financial indicators on the consolidated financial statements

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	Increase/Decrease (%)	June 30, 2026
Total Asset Value	7,449,030.0	10,780,028.8	44.72%	13,512,025.3
Net Revenue	5,640,685.7	5,037,851.3	-10.69%	3,888,706.2
Gross profit	716,277.2	681,851.5	-4.81%	802,456.3
Net profit from business activities	302,353.1	86,675.6	-71.33%	351,326.4
Other Profits	103,895.9	13,162.8	-87.33%	-14,733.7
Profit before tax	406,249.0	99,838.4	-75.42%	336,592.7
Profit after tax	318,936.3	127,130.4	-60.14%	309,860.6
Dividend-paying profit ratio	0	239.14%	0	0
Dividend Rate	0	10%	0	0

(Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026 of BAF)

- Other indicators (indicators to clarify business results based on the characteristics of the industry in which they operate): None.

- Opinion of the Independent Auditing Organization: None.

1.2. Factors affecting the business activities of issuing organizations

1.2.1. Main factors affecting the business situation of the issuing organization for 02 consecutive years before the year of registration of the offering

The period of 2024-2025 witnessed a strong recovery and breakthrough in the business operations of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company, driven by the Company's effective utilization of favorable macroeconomic conditions and the internal strengths of its value chain. First, following a period of significant fluctuations, the domestic live pig price cycle entered an upward trend and stabilized at levels favorable to industrial livestock farming enterprises. The recovery of the macroeconomy, together with sustained high domestic demand for pork – which accounts for a dominant share of animal protein consumption among Vietnamese consumers – provided a solid foundation for the Company's cash flows and revenue. In addition, the increasingly stringent legal framework, particularly the new regulations under the Law on Animal Husbandry tightening biosecurity and environmental control standards, has indirectly created significant competitive advantages for large-scale enterprises. The trend of small-scale livestock farming households being forced to reduce their scale or cease operations due to their inability to meet regulatory requirements has created a substantial market gap, providing favorable conditions for BAF to accelerate its market share expansion.

From an internal perspective, BAF's completion and synchronized operation of its animal feed production (Animal Feed) plant system meeting GLOBAL G.A.P. CFM and FSSC 22000 standards over the past two years has been a key factor in optimizing gross profit margins. The ability to achieve 100% self-sufficiency in exclusive plant-based feed not only enables the Company to effectively mitigate the impact of global agricultural commodity price shocks, but also creates a distinctive competitive advantage for its "Vegetarian-fed Pork" products in the market. At the same time, the strategy of accelerating scale expansion through a system of high-tech farms brought into simultaneous operation across key provinces, combined with the transfer of smart management technologies integrated with AI from Muyuan Group, has helped optimize feed conversion ratios (FCR) and nearly eliminate biosecurity risks. The financial and technical support provided by major institutions such as the International Finance Corporation (IFC) in standardizing the Company's ESG management framework has also been an important lever for lowering BAF's cost of capital and enhancing its brand reputation among investors.

Alongside these positive drivers, BAF's production and business activities during 2024–2025 also faced considerable challenges arising from market conditions. The most significant pressure on the livestock farming industry in general and the Company in particular was the complex and prolonged development of disease outbreaks, especially African Swine Fever (ASF). Although BAF operates a modern biosecurity protection system, disease pressure from the surrounding environment has required the Company to continuously tighten its infection control procedures, resulting in additional operating and management costs at its farm clusters. At the

same time, global geopolitical instability and disruptions to international supply chains over the past two years have, at certain periods, driven up logistics and transportation costs as well as the prices of certain imported raw materials used in animal feed production, placing additional pressure on the Company's cost management efforts.

Another major obstacle affecting the pace of BAF's expansion strategy has been the complexity of completing land-related legal procedures and environmental impact assessments (EIA) for large-scale farm projects. The tightening of environmental regulations by local authorities, although an inevitable trend, has extended the investment preparation and disbursement timelines of certain key projects compared with the original plans. In addition, maintaining a rapid pace of herd expansion has placed significant pressure on BAF to balance its long-term funding requirements. Depreciation expenses for fixed assets and interest expenses increased during the initial stages of capital investment in the construction of high-tech "pig apartment" farm clusters, which to some extent affected the Company's short-term net profit margin before these projects reached their optimal capacity utilization and generated economies of scale.

1.2.2. Major fluctuations may affect the business results of the Issuing organization since the end of the latest financial year

None.

2. Financial situation

2.1. Basic Indicators

2.1.1. Report on charter capital, business capital and use of charter capital and business capital

Table 29. Statement on charter capital of BAF

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Charter capital	2,390,216.4	3,040,216.4	3,040,216.4

(Source: BAF's 2024, 2025 audited separate financial statements and 2026 reviewed semi-annual separate financial statements)

Table 30. Statement of consolidated charter capital

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Charter capital	2,390,216.4	3,040,216.4	3,040,216.4

(Source: BAF's audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026)

Table 31. Sources of business capital and use of business capital of BAF

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
A. Business capital sources			
I. Equity	**2,936,055.0**	**4,040,952.0**	**4,156,838.9**
Owner's contributed capital	2,390,216.4	3,040,216.4	3,040,216.4
Equity surplus	0	356,620.0	52,603.7
Bond Conversion Options	137,648.6	137,648.6	137,648.6
Other Owner's Capital	0	0	608,032.6
Undistributed profit	408,190.0	506,467.0	318,337.6
II. Liabilities	**3,954,273.3**	**5,897,795.9**	**7,578,601.7**
Short-term debt	3,182,675.5	4,644,725.7	4,525,165.0
Long-term debt	771,597.8	1,253,070.2	3,053,436.7
Total	**6,890,328.3**	**9,938,747.9**	**11,735,440.6**
B. Use of business capital			
I. Short-term assets	**4,032,229.5**	**4,988,254.7**	**5,754,988.0**
Cash and cash equivalents	102,785.7	193,464.6	371,662.0
Short-term financial investment	226,013.0	1,898,722.7 (*)	2,196,857.2
Short-term receivables	2,170,289.3	1,139,300.3 (*)	1,281,369.5
Inventory	1,508,776.6	172,230.5 (*)	220,818.5
Short-Term Biological Assets	0	1,549,126.2 (*)	1,653,466.6
Other Short-Term Assets	24,364.8	35,360.5	30,814.1
II. Long-term assets	**2,858,098.9**	**4,950,493.2**	**5,980,452.7**
Long-term receivables	218,332.8	234,337.9	387,539.2
Fixed assets	194,042.2	322,094.7 (*)	360,988.1
Long-Term Biological Assets	0	448,410.0 (*)	482,465.2
Long-term unfinished assets	194,513.0	346,781.0	876,209.2
Long-term financial investment	1,994,250.2	3,441,569.0	3,720,314.5

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Other long-term assets	256,960.7	157,300.6 (*)	152,936.4
Total	**6,890,328.3**	**9,938,747.9**	**11,735,440.6**

(Source: BAF's 2024, 2025 audited separate financial statements and 2026 reviewed semi-annual separate financial statements)

(*) The data has been classified and re-presented in accordance with the provisions of Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance guiding the corporate accounting regime, effective from January 1, 2026. Details of data are presented in BAF's reviewed semi-annual financial statements for 2026.

Table 32. Report on business capital sources and use of consolidated business capital

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
A. Business capital sources			
I. Equity	**2,935,751.6**	**4,064,121.4**	**4,373,759.6**
Owner's contributed capital	2,390,216.4	3,040,216.4	3,040,216.4
Equity surplus	0	356,620.0	52,603.7
Bond Conversion Options	137,648.6	137,648.6	137,648.6
Other Owner's Capital	0	0	608,032.6
Undistributed profit	398,258.5	525,179.0	530,398.2
Non-controlling shareholder interests	9,628.1	4,457.4	4,860.0
II. Liabilities	**4,513,278.4**	**6,715,907.4**	**9,138,265.7**
Short-term debt	3,064,578.4	4,331,765.4	5,424,424.6
Long-term debt	1,448,700.0	2,384,141.9	3,713,841.1
Total	**7,449,030.0**	**10,780,028.8**	**13,512,025.3**
B. Use of business capital			
I. Short-term assets	**3,081,019.0**	**4,346,928.9 (*)**	**5,632,004.7**
Cash and cash equivalents	148,911.9	365,021.2	453,344.8
Short-term financial investment	290,693.0	485,421.8 (*)	782,946.8

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Short-term receivables	444,109.7	702,764.2 (*)	1,180,603.0
Inventory	2,156,075.2	338,867.8 (*)	499,842.1
Short-Term Biological Assets	0	2,391,854.0 (*)	2,656,272.0
Other Short-Term Assets	41,229.1	62,999.9	58,996.0
II. Long-term assets	**4,368,011.1**	**6,433,099.9 (*)**	**7,880,020.6**
Long-term receivables	223,711.1	260,322.9	426,151.2
Fixed assets	2,394,359.9	3,396,409.9 (*)	3,917,190.9
Long-Term Biological Assets	0	698,483.3 (*)	743,292.5
Long-term unfinished assets	891,504.1	1,387,076.3 (*)	2,096,966.2
Long-term financial investment	0	0	250.0
Other long-term assets	858,436.0	690,807.5 (*)	696,169.8
Total	**7,449,030.0**	**10,780,028.8**	**13,512,025.3**

(Source: BAF's audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026)

(*) The data has been classified and re-presented in accordance with the provisions of Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance guiding the corporate accounting regime, effective from January 1, 2026. Details of data are presented in BAF's reviewed semi-annual financial statements for 2026.

2.1.2. Depreciation of fixed assets

Tangible fixed assets and intangible fixed assets are initially recorded at the original price. In the course of use, tangible fixed assets and intangible fixed assets are recorded at historical cost, accumulated wear and tear and residual value.

Depreciation is calculated using the straight-line method with an estimated depreciation period:

Table 33. Years of depreciation of tangible fixed assets BAF

	Asset Type	Depreciation period (years)
1.	Houses and structures	03 – 15
2.	Machinery and equipment	02 – 10
3.	Means of transport	03 – 10

	Asset Type	Depreciation period (years)
4.	Office Equipment	05
5.	Computer Software	03 – 05
6.	Cattle	04

(Source: BAF's 2026 reviewed semi-annual separate financial statements)

Table 34. Number of years of depreciation of consolidated tangible fixed assets

	Asset Type	Depreciation period (years)
1.	Houses and structures	03 – 25
2.	Machinery and equipment	03 – 15
3.	Means of transport	06 – 10
4.	Office Equipment	03 – 10
5.	Computer Software	03 – 10
6.	Cattle	04

(Source: BAF's reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026)

2.1.3. Average salary

Table 35. Average income of employees in the Company

Criteria	Year 2024	Year 2025
Average income (million VND/person/month)	10.6	13.0

(Source: BAF)

The average monthly income of employees has increased over the years.

The average salary of the Company's employees in 2025 will reach 13.0 million VND/month, an increase of more than 22.64% compared to 2024.

The Company makes a comparison with some enterprises in the same industry in Vietnam. Compared to these enterprises, the income of employees at the Company is higher.

Table 36. Average income of employees at companies in the same industry

Unit: million VND/person/month

	Code	Company Name	Year 2024	Year 2025
1.	VSN	Vietnam Livestock Industry Joint Stock Company	7.28	9.87
2.	DBC	DABACO Vietnam Group Joint Stock Company	11.7	12.7

	Code	Company Name	Year 2024	Year 2025

(Source: Annual Report, Corporate Sustainability Report)

2.1.4. Debt situation

Table 37. Total receivables and payables of BAF

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Total receivables	2,388,622.1	1,373,638.2 (*)	1,668,908.7
Total accounts payable	3,954,273.3	5,897,795.9	7,758,601.7

(Source: BAF's 2024, 2025 audited separate financial statements and 2026 reviewed semi-annual separate financial statements)

(*) The data has been classified and re-presented in accordance with the provisions of Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance guiding the corporate accounting regime, effective from January 1, 2026. Details of data are presented in BAF's reviewed semi-annual financial statements for 2026.

Table 38. Total consolidated receivables and payables

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Total receivables	667,820.8	963,087.1 (*)	1,606,754.2
Total accounts payable	4,513,278.4	6,715,907.4	9,138,265.7

(Source: BAF's audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026)

(*) The data has been classified and re-presented in accordance with the provisions of Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance guiding the corporate accounting regime, effective from January 1, 2026. Details of data are presented in BAF's reviewed semi-annual financial statements for 2026.

2.1.5. Receivables

Table 39. Details of receivables of BAF

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Short-term receivables	**2,170,289.3**	**1,139,300.3 (*)**	**1,281,369.5**

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Short-term receivables of customers	610,067.3	470,255.2	485,505.2
Upfront payment for short-term sellers	150,909.1	358,969.0	362,819.5
Receivables for short-term loans	1,284,223.9	0 (*)	0
Other short-term receivables	129,354.0	319,422.4 (*)	442,099.6
Provision for short-term bad debts	(4,266.0)	(9,346.3)	(9,054.8)
Pending Missing Assets	1.0	0	0
Long-term receivables	**218,332.8**	**234,337.9**	**387,539.2**
Other long-term receivables	218,332.8	234,337.9	387,539.2
Total	**2,388,622.1**	**1,373,638.2 (*)**	**1,668,908.7**

(Source: BAF's 2024, 2025 audited separate financial statements and 2026 reviewed semi-annual separate financial statements)

(*) The data has been classified and re-presented in accordance with the provisions of Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance guiding the corporate accounting regime, effective from January 1, 2026. Details of data are presented in BAF's reviewed semi-annual financial statements for 2026.

Table 40. Details of consolidated receivables

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Short-term receivables	**444,109.7**	**702,764.2 (*)**	**1,180,603.0**
Short-term receivables of customers	188,713.2	83,291.9	304,761.8
Short-term seller prepayment	197,401.6	537,429.8	596,981.0
Receivables for short-term loans	75.0	0 (*)	0
Other short-term receivables	62,184.9	91,388.8 (*)	287,915.0
Provision for short-term bad debts	(4,266.0)	(9,346.3)	(9,054.8)
Pending Missing Assets	1.0	0	0
Long-term receivables	**223,711.1**	**260,322.9**	**426,151.2**
Other long-term receivables	223,711.1	260,322.9	426,151.2
Total	**667,820.8**	**963,087.1 (*)**	**1,606,754.2**

(Source: BAF's audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026)

(*) The data has been classified and re-presented in accordance with the provisions of Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance guiding the corporate accounting regime, effective from January 1, 2026. Details of data are presented in BAF's reviewed semi-annual financial statements for 2026.

2.1.6. Accounts Payable

Table 41. Details of payables of BAF

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Short-term debt	**3,182,675.5**	**4,644,725.7**	**4,525,165.0**
Payable to short-term sellers	1,977,338.4	1,796,540.4	1,911,999.1
Short-term upfront buyers	1,692.5	5,999.0	6,783.7
Taxes and amounts payable to the State	46,751.6	1,938.1	2,844.9
Payable to employees	26,484.7	45,614.2	53,474.7
Short-term expenses	31,778.4	24,919.7	114,261.7
Other short-term payables	30,963.8	87,708.5	79,903.2
Short-term financial loans and leases	1,067,666.1	2,682,005.9	2,355,897.6
Long-term debt	**771,597.8**	**1,253,070.2**	**3,053,436.7**
Other long-term payables	0	38,300.0	45,786.8
Long-term financial loans and leases	296,351.2	714,659.2	2,494,575.4
Convertible bonds	475,246.6	500,111.0	513,074.6
Total	**3,954,273.3**	**5,897,795.9**	**7,578,601.7**

(Source: BAF's 2024, 2025 audited separate financial statements and 2026 reviewed semi-annual separate financial statements)

Table 42. Details of consolidated payables

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Short-term debt	**3,064,578.4**	**4,331,765.4**	**5,424,424.6**

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
Payable to short-term sellers	1,771,091.2	1,991,888.5	2,088,652.2
Short-term upfront buyers	5,276.0	6,010.1	6,801.6
Payable dividends and profits	0	0	225.5
Taxes and amounts payable to the State	62,323.8	23,614.5	16,861.9
Payable to employees	38,579.7	75,885.1	88,085.5
Short-term expenses	47,170.3	39,216.3	139,982.7
Other short-term payables	1,430.4	16,195.6	43,139.7
Short-term financial loans and leases	1,138,707.0	2,178,955.5	3,040,675.6
Long-term debt	**1,448,700.0**	**2,384,141.9**	**3,713,841.1**
Payable to long-term sellers	0	36,687.5	0
Other long-term payables	0	40,487.0	0
Long-term financial loans and leases	965,305.2	1,798,442.4	3,196,420.0
Convertible bonds	475,246.6	500,111.0	513,074.6
Deferred income tax payable	8,148.2	8,414.0	4,346.5
Total	**4,513,278.4**	**6,715,907.3**	**9,138,265.7**

(Source: BAF's audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026)

Debt payment status:

- The Company and its subsidiaries do not have outstanding delinquent debts.
- The Company and its subsidiaries have not violated any other terms in the contract/commitment.
- The Company and its subsidiaries pay interest and principal of debts in full and on time.
- The Company and its subsidiaries have no overdue debts from loans/bonds since its establishment.

2.1.7. Amounts payable as prescribed

The Company strictly declares and fully pays payable amounts according to current regulations of the State.

Table 43. Details of payables as prescribed by BAF

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
I. Receivables	**5,920.8**	**7,291.7**	**4,627.2**
Value Added Tax	5,918.9	2,686.5	80.1
Deductible value-added tax	0	4,539.5	4,451.0
Personal Income Tax	1.9	1.9	55.1
Others	0	63.8	41.0
II. Payable	**46,751.6**	**1,938.0**	**2,844.9**
Personal Income Tax	1,975.1	1,061.6	1,136.3
Value Added Tax	1,390.5	41.1	408.8
Corporate Income Tax	43,386.0	371.8	371.8
Others	0	463.5	928.0

(Source: BAF's 2024, 2025 audited separate financial statements and 2026 reviewed semi-annual separate financial statements)

Table 44. Details of amounts payable under the Consolidation Regulations

Unit: Million VND

Criteria	December 31, 2024	December 31, 2025	June 30, 2026
I. Receivables	**16,531.6**	**18,259.3**	**12,163.4**
Value Added Tax	13,170.8	2,686.5	80.1
Deductible value-added tax	0	12,171.4	8,572.8
Personal Income Tax	1.9	1.9	126.0
Corporate Income Tax	3,358.9	3,261.0	3,275.5
Others	0	138.5	109.0
II. Payable	**62,323.8**	**23,614.4**	**16,861.9**
Personal Income Tax	2,556.2	1,840.5	1,539.8
Value Added Tax	4,133.5	3,586.7	3,377.1
Corporate Income Tax	55,627.1	17,710.4	10,757.6
Others	7.0	476.8	1,187.5

(Source: BAF's audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026)

2.1.8. Setting up funds

None.

2.1.9. Major fluctuations may affect the financial position of the Issuing organization since the end of the latest financial year

None.

2.2. Major financial indicators

Table 45. Financial indicators of BAF

	Criteria	Unit of calculation	2024	2025
1.	**Solvency indicators**			
	Current Assets/Current Liabilities	Times	1.27	1.07
	(Current Assets - Inventory)/Current Liabilities	Times	0.79	1.04 (*)
2.	**Indicators of capital structure**			
	Debt/Total Assets Ratio	Times	0.57	0.59
	Debt/Equity Ratio	Times	1.35	1.46
3.	**Indicators of operational capacity**			
	Net Revenue/Average Total Assets	Times	0.72	0.62
	Net Revenue/Average Total Short-Term Assets	Times	1.33	1.15
	Average cost of goods sold/Inventory	Times	6.39 (*)	5.99 (*)
4.	**Profitability indicators**			
	Ratio of Profit and Loss/Net Revenue	Times	0.06	0.02
	Ratio of Profit and Loss/Average Total Assets	Times	0.04	0.01
	Average Profit/Equity Ratio	Times	0.10	0.03
	Earnings per share (EPS)	VND/share	1.485.52	323.26

(Source: Calculation from BAF's audited 2024 and 2025 separate financial statements, BAF's semi-annual reviewed separate financial statements in 2026)

(*) The data is calculated on the basis of: Inventory items are classified and re-presented in accordance with the provisions of Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the

Ministry of Finance guiding the corporate accounting regime, effective from January 1, 2026. Details of data are presented in BAF's reviewed semi-annual financial statements for 2026.

Table 46. Consolidated Financial Indicators

	Criteria	Unit of calculation	2024	2025
1.	**Solvency indicators**			
	Current Assets/Current Liabilities	Times	1.01	1.00
	(Current Assets - Inventory)/Current Liabilities	Times	0.30	0.93 (*)
2.	**Indicators of capital structure**			
	Debt/Total Assets Ratio	Times	0.61	0.62
	Debt/Equity Ratio	Times	1.54	1.65
3.	**Indicators of operational capacity**			
	Net Revenue/Average Total Assets	Times	0.62	0.55
	Net Revenue/Average Total Short-Term Assets	Times	1.52	1.36
	Average cost of goods sold/Inventory	Times	3.95 (*)	3.49 (*)
4.	**Profitability indicators**			
	Ratio of Profit and Loss/Net Revenue	%	0.06	0.03
	Ratio of Profit and Loss/Average Total Assets	%	0.03	0.01
	Average Profit/Equity Ratio	%	0.09	0.04
	Earnings per share (EPS)	VND/share	1,334.34	416.49

(Source: Calculation from audited consolidated financial statements for 2024, 2025, BAF's semi-annual reviewed consolidated financial statements in 2026)

(*) The data is calculated on the basis of: Short-term assets and Inventories are classified and re-presented in accordance with the provisions of Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance guiding the corporate accounting regime, effective from January 1, 2026. Details of data are presented in BAF's reviewed semi-annual financial statements for 2026.

Opinion of the Independent Auditing Organization: None.

2.3. Additional information about the data presented as of December 31, 2025 (*)

On October 27, 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC guiding the corporate accounting regime ("Circular 99"), effective from January 1, 2026.

When preparing the Financial Statements for the second quarter of 2026 and the Semi-annual Financial Statements of 2026 (reviewed), the Company has applied the regulations on accounting regimes and presented financial statements according to Circular 99. Accordingly, some indicators of data at the beginning of the period as of December 31, 2025 were classified and re-presented by the Company to be in accordance with the regulations and guidelines presented under Circular 99. Therefore, some indicators at the beginning of the period on the Financial Statements of the second quarter of 2026 and the Semi-annual Financial Statements of 2026 (reviewed) are different from the corresponding figures as of December 31, 2025 which were presented on the audited Financial Statements of 2025.

The contents of classification and representation of the above data are explained in detail by the Company in Explanation No. 34 – "Classification of corresponding data under the guidance of Circular 99" of the reviewed Semi-annual Separate Financial Statements for 2026 and Explanation No. 38 – "Classification of corresponding data under the guidance of Circular 99" of the reviewed Semi-annual Consolidated Financial Statements for 2026. The classification and representation are mainly related to a number of indicators on the Financial Position Statement and the Cash Flow Statement to ensure consistency and consistency with the regulations on methods and forms for presenting financial statements under Circular 99.

The Company proactively provides the above information to help investors understand the reasons for the discrepancy between the beginning figures on the Financial Statements for the second quarter of 2026, the Semi-annual Financial Statements of 2026 (reviewed) and the corresponding figures presented on the audited Financial Statements for 2025. The above classification and representation does not change the nature of economic transactions that have arisen and does not reflect the readjustment of business results or audited figures for 2025.

The financial figures used in the Prospectus are based on the reviewed 2026 Semi-Annual Financial Statements, in which the comparative data as of December 31, 2025 has been classified and represented in accordance with the provisions of Circular 99.

3. Opinions of the Auditing Organization on the Financial Statements of the Issuing organization

3.1. Opinion of the Auditing Organization on the Financial Statements in 2024

Opinion of the Auditing organization on the Separate Financial Statements for 2024: According to the Audit Report No. 12943524/67717899 dated March 27, 2025 of ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED. The auditor has the following opinion: *"In our opinion, the Separate Financial Statements have honestly and reasonably reflected, in material aspects, the Company's own financial situation as at December 31, 2024, as well as its own business results and separate cash flows for the financial year ending on the same day, in accordance with Vietnam Accounting Standards, Vietnam's Corporate Accounting Regime and legal regulations related to*

the preparation and presentation of separate financial statements".

Opinion of the Auditing organization on the Consolidated Financial Statements for 2024: According to the Audit Report No. 12943524/67717899-HN dated March 27, 2025 of ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED. The auditor is of the opinion as follows: *"In our opinion, the Consolidated Financial Statements have honestly and reasonably reflected, in material respects, the consolidated financial position of the Group as at December 31, 2024, as well as the consolidated business results and consolidated cash flows for the fiscal year ended on the same day, in accordance with Vietnamese accounting standards, Vietnam's corporate accounting regime and legal regulations related to the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements".*

3.2. Opinions of the Auditing Organization on the 2025 Financial Statements

Opinion of the Auditing organization on the Separate Financial Statements for 2025: According to the Audit Report No. 12943524/69410718 dated March 30, 2026 of ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED. The auditor has the following opinion: *"In our opinion, the Separate Financial Statements have honestly and reasonably reflected, in material respects, the Company's own financial situation as at December 31, 2025, as well as its own business results and separate cash flows for the financial year ended on the same day, in accordance with the Vietnam Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting Regime and legal regulations related to the preparation and presentation of separate financial statements".*

Opinion of the Auditing organization on the Consolidated Financial Statements for 2025: According to the Audit Report No. 12943524/69410718-HN dated March 30, 2026 of ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED. The auditor has the following opinion: *"In our opinion, the Consolidated Financial Statements have honestly and reasonably reflected, in material respects, the consolidated financial position of the Group as at December 31, 2025, as well as the consolidated business results and consolidated cash flows for the fiscal year ending on the same day, in accordance with Vietnamese accounting standards, the Vietnamese Corporate Accounting Regime and legal regulations related to the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements".*

3.3. Opinion of the auditing organization on the reviewed semi-annual financial statements in 2026

Opinion of the Auditing organization on the reviewed semi-annual separate financial statements in 2026: According to the Audit Report No. 12943524/69497444/LR dated August 28, 2026 of ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED. The auditor commented as follows: *"Based on the results of our review, we find no problem that leads us to believe that the enclosed semi-annual separate financial statements do not reflect honestly and reasonably, in material respects, the Company's reviewed semi-annual separate financial situation as of June 30, 2026, the reviewed semi-annual separate business results and the Company's reviewed semi-annual separate cash flow for the six-month accounting period ending on the same day, in accordance*

with the Vietnam Accounting Standards, Vietnam's corporate accounting regime and legal regulations related to the preparation and presentation of reviewed semi-annual separate financial statements."

Opinion of the Auditing organization on the reviewed semi-annual consolidated financial statements in 2026: According to the Audit Report No. 12943524/69497444/LR-HN dated August 28, 2026 of ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED. The auditor is of the opinion as follows: *"Based on the results of our review, we do not find any problem that leads us to believe that the enclosed semi-annual consolidated financial statements do not reflect honestly and reasonably, in material respects, the reviewed semi-annual consolidated financial situation of the Group as at June 30, 2026, and the reviewed semi-annual consolidated business results and the reviewed semi-annual consolidated cash flow situation of the Group for the six-month accounting period ending on the same day, in accordance with the Vietnam Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting Regime and legal regulations related to the preparation and presentation of reviewed semi-annual consolidated financial statements."*

4. Revenue, profit, dividend plan

4.1. Revenue, profit, dividend plan

Table 47. Consolidated revenue, profit and dividend plan 2026

Unit: Million VND

Criteria	Implementation in 2025	Plan for 2026	
		Values	% increase/decrease compared to 2025
Net Revenue	5,037,851	8,431,751	67.4%
Profit after tax	127,130	793,051	523.8%
Ratio of Profit After Tax/Net Revenue	2.52%	9.41%	273.41%
Average Profit After Tax/Equity Ratio	3.63%	N/A	N/A
Dividend Rate	10%	0	0

The Company's 2025 revenue, profit, and dividend plan was approved by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders at the Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 23.04.2026/NQ-DHDHD dated 23/04/2026. For the target of Average Profit after Tax/Equity Ratio, the 2026 Annual General Meeting of Shareholders did not approve a specific level for this indicator.

4.2. Grounds for achieving revenue, profit and dividend plans

The Board of Management of the Company developed a detailed business plan for 2026 on

the basis of careful calculation of growth factors due to objective factors of 2025. Specifically, as follows:

For the livestock segment: The total pig production expected to be sold to the market is 1,247,845 heads, of which 1,203,478 pigs are commercial pigs pigs, 44,367 are breeding pigs. Revenue is expected to reach VND 8,431.75 billion, profit after tax will reach VND 793,051 billion, accounting for the total profit after tax (PAT) of the whole Company.

For the animal feed production and agricultural product trade: According to the trend in 2024, 2025 and the 2026 plan, BAF will focus resources on the main activity segment of animal husbandry, gradually reduce the trade in agricultural products and animal feed, thereby focusing on the production of animal feed for internal use to develop the main livestock segment.

Implementation plan:

- The company focuses on sustainable development, ensuring stable growth, and enhancing its position in the market. This includes identifying specific development goals such as scaling up farms, improving livestock productivity, and optimizing production efficiency. The company also plans to adapt to market fluctuations, adjusting production based on consumption demand and price trends of the livestock industry.
- Apply advanced standards in the pig farming process to ensure quality of commercial pigs and food safety. Strict disease control measures are implemented, including routine vaccinations, construction of hygienic barn systems, and quarantine of newly imported pigs to reduce the risk of infection. This not only improves product quality but also protects public health.
- Develop a tight financial plan, effectively control input costs such as animal feed, veterinary drugs, and farm operating costs. At the same time, the company establishes a full financial reporting system and complies with accounting regulations to ensure transparency in all transactions. This helps the company maintain financial stability and strengthen the trust of partners and investors.
- Establish a fair and transparent performance evaluation system that motivates employees to improve productivity and contribute more to the overall development of the business. This system not only helps identify and reward outstanding individuals, but also supports the development of the skills and competencies of the entire staff.
- Focus on building a strong brand and enhancing the company's image in the market through effective marketing strategies and a commitment to product quality. Brand promotion activities are carried out creatively and consistently, in order to build trust and loyalty among customers.
- The company continues to promote investment in the construction of new farms, modern food processing factories integrating digital management technology, to achieve the growth goal of ensuring the supply of clean and safe food to consumers.
- Human resource development and corporate culture: BAF regularly recruits and trains new personnel to help the team quickly integrate into the working environment. The company

maintains a competitive income policy and takes care of the lives of employees, creating conditions for employees to work with peace of mind. At the same time, BAF continuously promotes the learning and implementation of corporate culture practices throughout the system.

- Expanding the distribution system: BAF continues to develop its distribution network to bring clean commercial pig products closer to consumers through a variety of channels, including supermarket systems, HORECA channels and collective kitchens. At the same time, the Company aims to develop about 2,000 Commercial pigsshop stores nationwide.

4.3. Consulting organization Assessment of Revenue, Profit and Dividend Plans

As a consulting organization, Agribank Securities Corporation evaluates BAF's revenue and profit plan in 2026 based on information collection, research and analysis of the current state of production and business activities and the current financial situation of the Company.

In 2025, despite the volatile context of the economy and the livestock industry, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company made efforts to expand its scale with revenue of more than VND 5,038 billion. Although profit after tax decreased, reaching about VND 127 billion due to great pressure from financial costs during the rapid farm expansion investment period, BAF recorded an impressive growth in the total pig herd to more than 900,000 heads. The result of this infrastructure expansion is an important stepping stone for the Company to be ready for a big profit drop in the next year.

The company has also issued more than 60 million shares to pay dividends and issued more shares to increase equity from equity, in order to strengthen the capital buffer and reduce debt pressure. The infrastructure of 2025 also contributes to a solid basis for BAF to aim for breakthrough profit growth in 2026, helping BAF continue to strengthen its position as one of the leading high-tech closed livestock corporations in Vietnam.

In 2026, Vietnam's livestock industry is forecast to still face existing challenges. The risk of spreading diseases (especially African Swine Fever - ASF) is still latent. Along with that, the world economic and political situation is complicated, conflicts that disrupt the logistics supply chain have been affecting exchange rate fluctuations as well as the price of animal feed raw materials (corn, soybeans) globally, putting certain pressure on the input costs of the industry.

However, besides the challenges mentioned above, BAF owns extremely positive fulcrums to realize its ambitious business plan (reaching VND 793 billion in profit after tax in 2026). The domestic supply of live pigs is expected to continue to be in short supply due to the impact of the Law on Livestock accelerating the purification process of small farmers, helping the selling price of live pigs to remain at a high base level and bringing advantages to industrial livestock. The comprehensive mastery of the 3F closed chain (Feed - Farm - Food) with the exclusive nutritional formula "Vegetarian Pigs" helps the Company fully control the cost of capital and protect profit margins. In addition, the scale of supply is constantly expanded when a series of large farm clusters are harvested, combined with the strict maintenance of sustainable development (ESG) and

circular economy standards according to IFC standards. These advantages can help BAF easily access green capital with preferential interest rates, optimize distribution channels (Siba Food, Commercial pigs Shop) and open up room to become a leading food group, despite all market fluctuations.

With the above assessment of the market context and business position, Agribank Securities Corporation assesses that the revenue and profit plan of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company expected in 2026 is appropriate and feasible if there are no abnormal fluctuations and force majeure affecting the business activities of the enterprise.

We note that our comments are made from the perspective of a consulting organization, based on selectively collected information and based on theories on finance and securities without implying a guarantee of the value of securities as well as the certainty of forecasted figures. These comments are for investors' reference only when making investment decisions on their own.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

VI. INFORMATION ABOUT FOUNDING SHAREHOLDERS, MAJOR SHAREHOLDERS, MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, CONTROLLERS, GENERAL DIRECTORS, DEPUTY GENERAL DIRECTORS, CHIEF ACCOUNTANTS

1. Information about the founding shareholders

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company was granted the Certificate of Business Registration for the first time in 2017. Up to now, the transfer restrictions on shares of founding shareholders have expired according to the provisions of Clause 3, Article 120 of the Law on Enterprises.

2. Information about major shareholders

2.1. For individual major shareholders

According to the list of shareholders as of June 22, 2026, the Company does not have major shareholders who are individuals.

2.2. For major shareholders being organizations

According to the list of shareholders as of June 22, 2026, the list of shareholders is an organization holding more than 5% of the Company's shares including 01 shareholder.

Name: Siba Holdings Joint Stock Company

- Year of establishment: 2021.
- Business Registration Certificate number: 0109778609 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment for the 1st time on October 14, 2021, amended for the 3rd time on November 27, 2024 by the Hanoi Department of Planning and Investment.
- Address: 5th Floor, Diamond Flower Building, No. 48 Le Van Luong, Thanh Xuan, Hanoi.
- Charter capital: 2,130,000,000,000 VND.
- Legal representative: Truong Sy Ba - Chairman of the Board of Directors.
- Authorized representative at BAF: None.
- Number and percentage of shares held and voting shares of major shareholders at the time of becoming major shareholders, current and expected after the offering:
  - At the time of becoming a major shareholder: 95,681,935 shares, accounting for 31.47%.
  - As of June 22, 2026: 114,818,321 shares, accounting for 31.47%.
  - Expected after the offering: 127,575,912 shares, accounting for 31.47%.

3. Information on members of the Board of Directors, Controllers, General Directors, Deputy General Directors, Chief Accountants.

3.1. Board of Directors

The Board of Directors of BAF consists of 05 members, the structure of the Board of Directors of the Company is currently as follows:

	Member of the Board of Directors	Position
1	Mr. Truong Sy Ba	Chairman of the Board of Directors
2	Mr. Nguyen Van Phu	Non-executive members of the Board of Directors
3	Mr. Nguyen Thanh Tan	Independent Member of the Board of Directors
4	Mr. Prasad Gopalan	Independent Member of the Board of Directors
5	Ms. Bui Huong Giang	Member of the Board of Directors cum General Director

Detailed information about members of the Board of Directors:

a) Mr. Truong Sy Ba - Chairman of the Board of Directors

- Year of birth: 1967
- Nationality: Vietnamese
- Education: 12/12
- Qualifications: Bachelor of National Economics University
- Work Experience:

Time	Position	Working Units
1990 - 1994	Staff	Nghe Tinh Non-ferrous Metals Joint Stock Company
1994 - 2000	Freelance business	
2000 - present	Chairman of the Board of Directors cum General Director	Tan Long Group Joint Stock Company
10/2021 - present	Chairman of the Board of Directors	Siba Holdings Joint Stock Company
01/2022 -	Chairman of the Board of Directors,	Thien Long Mining and Import-

Time	Position	Working Units
13/01/2026	legal representative	Export Joint Stock Company
03/2022 - present	Chairman of the Board of Directors	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
04/2024 - present	Chairman of the Board of Directors	Siba High-tech Mechanical Group Joint Stock Company
20/03/2026 - present	Chairman of the Board of Directors	A An Food Joint Stock Company

- Position held at the Issuing organization: Chairman of the Board of Directors.
- Positions held at other organizations:
  - Chairman of the Board of Directors cum General Director - Tan Long Group Joint Stock Company
  - Chairman of the Board of Directors - Siba Holdings Joint Stock Company
  - Chairman of the Board of Directors - Siba Hi-Tech Mechanical Group Joint Stock Company.
  - Chairman of the Board of Directors - A An Food Joint Stock Company.
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:
  - Personal ownership: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Related persons: Siba Holdings Joint Stock Company 114,818,321 shares, accounting for 31.47%.
- Benefits related to issuing organizations:
  - Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.
  - Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits (VND)
Year 2024	Chairman of the Board of Directors	108,000,000	None
Year 2025	Chairman of the Board of Directors	324,000,000	None
The first 6 months of 2026	Chairman of the Board of Directors	0	None

- Liabilities to the Company: None.
- Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or being a major customer/supplier of the Company: None.

b) Mr. Nguyen Van Phu - Member of the Board of Directors

- Year of birth: 1984
- Nationality: Vietnamese
- Education: 12/12
- Qualifications: Bachelor of Economics
- Work Experience:

Time	Position	Working Units
06/2009 - 2012	Deputy Head of Corporate Finance Consulting Department	Vietnam Industrial and Commercial Securities Joint Stock Company
2012 - 09/2021	Director of Corporate Finance Consulting Division	Wall Street Securities Joint Stock Company
10/2021 - 10/2025	General Director	Siba Holdings Joint Stock Company
01/2022 - Present	Member of the Board of Directors	Siba High-tech Mechanical Group Joint Stock Company
04/2026 - present	Member of the Board of Directors	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

- Position held at the Issuing organization: Member of the Board of Directors.
- Positions held at other organizations: Member of the Board of Directors - Siba Hi-Tech Mechanical Group Joint Stock Company.
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:
  - Personal ownership: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Related persons: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
- Benefits related to issuing organizations:
  - Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.
  - Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits (VND)
Year 2024	None	0	None
Year 2025	None	0	None
The first 6 months of 2026	Member of the Board of Directors	0	None

- Liabilities to the Company: None.
- Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or being a major customer/supplier of the Company: None.

c) Mr. Nguyen Thanh Tan - Independent Member of the Board of Directors

- Year of birth: 1975
- Nationality: Vietnamese
- Education: 12/12
- Qualifications: Master of Business Administration
- Work Experience:

Time	Position	Working Units
1999 - 2006	Marketing Director	Thai Tuan Group Joint Stock Company
2007 - 2012	Vice President of Marketing Sales	Phat Dat Real Estate Development Joint Stock Company
2008–present	Director	Institute of International Management
2009–present	Chairman of the Board of Directors	BGS Global Joint Stock Company
2014–present	Chairman of the Board of Directors	BrainMark Vietnam Joint Stock Company
10/2020 - present	Independent Member of the Board of Directors	Lam Son Sugarcane Joint Stock Company
26/04/2024 - present	Independent Member of the Board of Directors	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

- Position held at the Issuing organization: Independent Member of the Board of Directors.
- Positions held at other organizations:
  - Director - Institute of International Management.
  - Chairman of the Board of Directors - BGS Global Joint Stock Company.
  - Chairman of the Board of Directors - BrainMark Vietnam Joint Stock Company
  - Independent member of the Board of Directors - Lam Son Sugar Joint Stock Company.
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:
  - Personal ownership: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Related persons: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
- Benefits related to issuing organizations:
  - Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.
  - Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of

registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits (VND)
Year 2024	Independent Member of the Board of Directors	44,262,295	None
Year 2025	Independent Member of the Board of Directors	0	None
The first 6 months of 2026	Independent Member of the Board of Directors	0	None

- Liabilities to the Company: None.
- Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or being a major customer/supplier of the Company: None.

d) Mr. Prasad Gopalan - Independent Member of the Board of Directors

- Year of birth: 1964
- Nationality: India
- Education: 12/12
- Qualifications: Master of Economic Policy and Public Finance, Environmental Engineering, Chemical Engineering
- Work Experience:

Time	Position	Working Units
1997 - 2009	Chief Investment Officer	International Finance Corporation (IFC)
2009 - 2018	Asia Regional Manager, Agriculture & Forestry	International Finance Corporation (IFC)
2018 - 2023	Global Regional Director, Agriculture & Forestry	International Finance Corporation (IFC)
26/04/2024 - present	Independent Member of the Board of Directors	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
31/03/2025 - present	Members of the Board of Directors	Sunshine Healthcare Srilanka

Time	Position	Working Units
11/09/2025 - present	Members of the Board of Directors	Tvs Infrastructure Investment Manager Private Limited

- Position held at the Issuing organization: Independent Member of the Board of Directors.
- Positions held at other organizations:
  - Member of the Board of Directors - Sunshine Healthcare Srilanka;
  - Member of the Board of Directors - TVS Infrastructure Investment Manager Private Limited
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:
  - Personal ownership: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Related persons: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
- Benefits related to issuing organizations:
  - Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.
  - Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits (VND)
Year 2024	Independent Member of the Board of Directors	0	None
Year 2025	Independent Member of the Board of Directors	0	None
The first 6 months of 2026	Independent Member of the Board of Directors	0	None

- Liabilities to the Company: None.
- Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or

being a major customer/supplier of the Company: None.

e) Ms. Bui Huong Giang - Member of the Board of Directors/General Director

- Year of birth: 1980
- Nationality: Vietnamese
- Education: 12/12
- Qualifications: Bachelor of Economics
- Work Experience:

Time	Position	Working Units
2002 - 2006	Sales Staff	Tan Long Van Co., Ltd.
2007 - 2013	Business management of agricultural products and animal feed materials Ho Chi Minh Branch	Tan Long Joint Stock Company
2014 - 03/2017	Managing Director of the Southern Animal Feed Agricultural Products Industry	HUM Joint Stock Company
4/2017 - 6/2020	Agricultural Industry Executive Director	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
7/2020 - 2/2021	Chairman of the Board of Directors cum General Director	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
03/02/2021 - present	Member of the Board of Directors, cum General Director	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
05/12/2020 - 28/9/2022	Chairman of the Board of Directors, Legal Representative	Siba Food Vietnam Joint Stock Company
12/2020 - present	Chairman, Director, Legal Representative	Anh Vu Phu Yen Co., Ltd.
12/2020 - present	Chairman, Director, Legal Representative	Minh Thanh Livestock Trading Service Production Co., Ltd.
12/2020 - present	Chairman, Director, Legal Representative	Bao Ngoc Livestock Co., Ltd.

Time	Position	Working Units
12/2020 - present	Chairman, Director, Legal Representative	Bac An Khanh Manufacturing Trading Service Co., Ltd.
12/2020 - present	Chairman, Director, Legal Representative	Dong An Khanh Manufacturing Trading Service Co., Ltd.
05/2021 - present	Chairman, Director, Legal Representative	Green Farm Investment 1 Co., Ltd.
05/2021 - present	Director, Legal Representative	Green Farm Investment 2 Co., Ltd.
05/2021 - present	Chairman, Director, Legal Representative	Nam An Khanh Animal Husbandry Co., Ltd.
05/2021 - present	General Director and Legal Representative	Tay Ninh Lighthouse High-tech Livestock Joint Stock Company
03/2021 - present	Chairman, Director, Legal Representative	Song Hinh High-tech Livestock Co., Ltd.
08/2021 - present	Chairman, Director, Legal Representative	BAF Binh Dinh Agriculture Co., Ltd.
12/2021 - present	Chairman, Director, Legal Representative	BAF Tay Ninh Animal Feed Co., Ltd.
02/2022 - Present	Chairman, Director, Legal Representative	BAF COMMERCIAL PIGS BINH PHUOC CO., LTD
05/2022 - present	Directors and Legal Representatives	Tam Hung Production, Trading Service Co., Ltd.
09/2022 - Present	Chairman, Director, Legal Representative	Thien Phu Son Import Export Trading Manufacturing Co., Ltd.
08/2022 - Present	Directors and Legal Representatives	Tan Chau Agricultural Investment Co., Ltd.
11/2022 - present	Chairman, Director, Legal Representative	Kim Hoi Livestock Trading Production Co., Ltd.
02/2023 - Present	Chairman, Director, Legal	Xi'anqing Co., Ltd.

Time	Position	Working Units
	Representative	
08/2023 - present	Chairman, Director, Legal Representative	BAF Microbial Organic Fertilizer Co., Ltd.
10/2023 - present	Chairman, Director, Legal Representative	BAF Tay Ninh Food Processing Co., Ltd.
11/2023 - Present	Chairman, General Director, Legal Representative	BAF Vietnam Logistics Co., Ltd.
12/2024 - Present	Directors and Legal Representatives	Thanh Xuan Clean Agriculture Development Joint Stock Company
04/2025 - present	Directors and Legal Representatives	TMC Livestock Joint Stock Company
03/2025 - present	Chairman, General Director, Legal Representative	BAF Tay Ninh 1 High-Tech Livestock Co., Ltd.
03/2025 - present	Chairman, General Director, Legal Representative	BAF Tay Ninh 2 Hi-Tech Livestock Co., Ltd.
03/2025 - present	Chairman, General Director, Legal Representative	BAF Tay Ninh 1 Animal Feed Production Co., Ltd.
06/2025 - present	Directors and Legal Representatives	Hoa Phat Four Co., Ltd.
07/2025 - present	Directors and Legal Representatives	Thanh Dat Gia Lai CNC Livestock Joint Stock Company
10/2025 - present	Directors and Legal Representatives	Khoi Duong Livestock Co., Ltd.
01/2025 - present	Directors and Legal Representatives	Dak Lak Snow Flower Co., Ltd.
2/2025 - 6/2025	Chairman, Director, Legal Representative	Xuan Nghi Phat Co., Ltd.
8/2024 - present	Members of the Board of	Khuyen Nam Tien High-tech

Time	Position	Working Units
	Directors	Livestock Co., Ltd.
1/2025 - present	Members of the Board of Directors	Minh Phat Livestock Co., Ltd.
1/2025 - present	Members of the Board of Directors	NHAT QUYET LIVESTOCK CO., LTD

- Position held at the Issuing organization: Member of the Board of Directors cum General Director.
- Positions held at other organizations: As above.
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:
  - Personal ownership: 9,586,505 shares, accounting for 2.63% of charter capital.
  - Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Related persons: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
- Benefits related to issuing organizations:
  - Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.
  - Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits
Year 2024	Member of the Board of Directors cum General Director	710,776,927	793,730 Shares
Year 2025	Member of the Board of Directors cum General Director	1,561,153,952	None
The first 6 months of 2026	Member of the Board of Directors cum General Director	0	None

- Liabilities to the Company: None.
- Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or

being a major customer/supplier of the Company: None.

3.2. Board of Directors

The Board of Directors of BAF consists of 04 members, the structure of the Board of Directors of the Company is currently as follows:

	Member of the Board of Directors	Position
1	Ms. Bui Huong Giang	General Director
2	Mr. Truong Anh Tuan	Deputy General Director
3	Mr. Nguyen Van Minh	Deputy General Director
4	Mr. Ngo Cao Cuong	Deputy General Director

a) Ms. Bui Huong Giang - General Director

As described in section 3.1 chapter VI.

b) Mr. Truong Anh Tuan - Deputy General Director

- Year of birth: 1986
- Nationality: Vietnamese
- Education: 12/12
- Qualifications: Bachelor of Civil and Industrial Engineering
- Work Experience:

Time	Position	Working Units
2009 - 2012	Investment Management Officer 2	Construction Joint Stock Company No. 8
2013 - 2016	GS/QA/QC/QS/ Deputy Commander	Viteccons Construction Investment Joint Stock Company
2016 - 8/2022	Commander	Viteccons Construction Investment Joint Stock Company
9/2022 - 1/2024	Head of Financial Board of Supervisors	Viteccons Construction Investment Joint Stock Company
01/02/2024 - present	Deputy General Director	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

Time	Position	Working Units
25/7/2023 - present	Deputy Director	Anh Vu Phu Yen Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	Minh Thanh Livestock Trading Service Production Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	Bao Ngoc Livestock Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	Bac An Khanh Manufacturing Trading Service Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	Dong An Khanh Manufacturing Trading Service Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	Green Farm Investment 1 Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy General Director	Tay Ninh Lighthouse High-tech Livestock Joint Stock Company
19/11/2025 - present	Chairman of the Board of Members	Green Farm Investment 2 Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	Nam An Khanh Animal Husbandry Co., Ltd.
20/11/2025 - present	Chairman of the Board of Directors cum Deputy General Director	Tay Ninh Lighthouse High-tech Livestock Joint Stock Company
01/02/2024 - present	Deputy Director	Song Hinh High-tech Livestock Co., Ltd.
03/06/2025 - present	Deputy Director	BAF Binh Dinh Agriculture Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	BAF Tay Ninh Animal Feed Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	BAF COMMERCIAL PIGS BINH PHUOC CO., LTD

Time	Position	Working Units
20/11/2025 - present	Chairman of the Board of Members	Tam Hung Production, Trading Service Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	Thien Phu Son Import Export Trading Manufacturing Co., Ltd.
20/11/2025 - present	Chairman of the Board of Members	Tan Chau Agricultural Investment Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	Kim Hoi Livestock Trading Production Co., Ltd.
05/03/2024 - present	Deputy Director	Xi'anqing Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	BAF Microbial Organic Fertilizer Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy Director	BAF Tay Ninh Food Processing Co., Ltd.
01/02/2024 - present	Deputy General Director	BAF Vietnam Logistics Co., Ltd.
06/12/2024 - present	Member of the Board of Directors	Thanh Xuan Clean Agriculture Development Joint Stock Company
20/11/2025 - present	Chairman of the Board of Directors	TMC Livestock Joint Stock Company
04/03/2025 - present	Deputy General Director	BAF Tay Ninh 1 High-Tech Livestock Co., Ltd.
04/03/2025 - present	Deputy General Director	BAF Tay Ninh 2 Hi-Tech Livestock Co., Ltd.
04/03/2025 - present	Deputy General Director	BAF Tay Ninh 1 Animal Feed Production Co., Ltd.
19/11/2025 - present	Chairman of the Board of Members	Hoa Phat Four Co., Ltd.

Time	Position	Working Units
22/7/2025 - present	Chairman of the Board of Directors	Thanh Dat Gia Lai CNC Livestock Joint Stock Company
27/10/2025 - present	Chairman of the Board of Members	Khoi Duong Livestock Co., Ltd.
15/12/2025 - present	Chairman of the Board of Members	Dak Lak Snow Flower Co., Ltd.
17/7/2025 - present	Chairman, Director, Legal Representative	BAF Ninh Binh Food Co., Ltd.
13/5/2026 - present	Member of the Board of Members	Hung Phat Farm One Co., Ltd.
29/05/2026 - present	Deputy Director	Gia Han Manufacturing and Trading Co., Ltd.
01/06/2026 – 11/06/2026	Deputy Director	INNOVATION LIVESTOCK CO., LTD
23/06/2026 - present	The company's president, directors and legal representatives	BAF Hanoi Hi-Tech Livestock Co., Ltd. 1
23/06/2026 - present	The company's president, directors and legal representatives	BAF Hanoi Hi-Tech Livestock Co., Ltd. 2
23/06/2026 - present	The company's president, directors and legal representatives	BAF Hanoi Food Processing Co., Ltd.
23/06/2026 - present	The company's president, directors and legal representatives	BAF Binh Minh Food Processing Co., Ltd.

- Position held at the issuing organization: Deputy General Director.
- Positions held at other organizations: As above.
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:

- Personal ownership: 24,000 shares, accounting for 0.00658% of charter capital.
- Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
- Related persons: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.

– Benefits related to issuing organizations:

- Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.
- Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits (VND)
Year 2024	Deputy General Director	480,156,748	None
Year 2025	Deputy General Director	1,304,206,200	None
The first 6 months of 2026	Deputy General Director	0	None

– Liabilities to the Company: None.

– Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or being a major customer/supplier of the Company: None.

c) Mr. Nguyen Van Minh - Deputy General Director

– Year of birth: 1983

– Nationality: Vietnamese

– Education: 12/12

– Qualifications: Bachelor of Veterinary Medicine

– Work Experience:

Time	Position	Working Units
8/2008 - 10/2017	Lecturer	Vietnam National University of Agriculture

Time	Position	Working Units
11/2017 - 2/2021	Veterinary Director	Mavin Group Joint Stock Company
3/2022 - 11/2024	Director	24-hour Veterinary Consulting and Training Joint Stock Company
3/2021 - 11/2024	General Director	Vet24h Animal Health Service Joint Stock Company
29/11/2024 - present	Deputy General Director	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

- Position held at the issuing organization: Deputy General Director.
- Positions held at other organizations: None.
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:
  - Personal ownership: 5,880 shares, accounting for 0.00161% of charter capital.
  - Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Related persons: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
- Benefits related to issuing organizations:
  - Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.
  - Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits (VND)
Year 2024	Deputy General Director	480,156,748	None
Year 2025	Deputy General Director	1,304,206,200	None
The first 6 months of	Deputy General	0	None

2026	Director		

- Liabilities to the Company: None.
- Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or being a major customer/supplier of the Company: None.

d) Mr. Ngo Cao Cuong - Deputy General Director

- Year of birth: 1987
- Nationality: Vietnamese
- Education: 12/12
- Qualifications: Bachelor of Accounting
- Work Experience:

Time	Position	Working Units
4/2010 - 6/2010	Pig Technician	Chiahsin Company (TTC)
7/2010 - 4/2011	Technical Manager	ANT Company (VN)
5/2011 - 3/2013	Technical Specialist	Pfizer Animal Health (VN)
3/2013 - 6/2015	Director of Key Accounts	MSD Company (VN)
7/2015 - 6/2023	Pig Industry Technical Director	Ceva Animal Health VN Company
12/2008 - 1/2010	NV Payment Accounting	GreenFeed Vietnam Joint Stock Company
1/2010 - 7/2012	Internal Control Officer	GreenFeed Vietnam Joint Stock Company
7/2012 - 7/2013	Internal Auditor	Southern Seed Joint Stock Company
7/2013 - 7/2016	General Accountant - Chief Accountant	GreenFarm Hung Yen Co., Ltd.
10/2016 - 1/2018	Chief Accountant - Finance	GrowFeed Vietnam Joint Stock Company
1/2018 - 6/2020	Financial and Accounting Management	Pacific Healthcare Group Joint Stock Company
6/2020 - 3/2022	Financial and Accounting Management	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

Time	Position	Working Units
3/2022 - 28/5/2023	Chief Accountant	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
29/5/2023 – 17/03/2026	Chief Financial Officer	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
29/11/2024 - present	Deputy General Director	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
29/11/2024 - present	Deputy Director	Anh Vu Phu Yen Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	Minh Thanh Livestock Trading Service Production Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	Bao Ngoc Livestock Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	Bac An Khanh Manufacturing Trading Service Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	Dong An Khanh Manufacturing Trading Service Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	Green Farm Investment 1 Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	Green Farm Investment 2 Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	Nam An Khanh Animal Husbandry Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy General Director	Tay Ninh Lighthouse High-tech Livestock Joint Stock Company
29/11/2024 - present	Deputy Director	Song Hinh High-tech Livestock Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	BAF Binh Dinh Agriculture Co., Ltd.

Time	Position	Working Units
29/11/2024 - present	Deputy Director	BAF Tay Ninh Animal Feed Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	BAF COMMERCIAL PIGS BINH PHUOC CO., LTD
29/11/2024 - present	Deputy Director	Tam Hung Production, Trading Service Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	Thien Phu Son Import Export Trading Manufacturing Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	Tan Chau Agricultural Investment Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	Kim Hoi Livestock Trading Production Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	Xi'anqing Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	BAF Microbial Organic Fertilizer Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy Director	BAF Tay Ninh Food Processing Co., Ltd.
29/11/2024 - present	Deputy General Director	BAF Vietnam Logistics Co., Ltd.
06/12/2024 - present	Deputy Director	Thanh Xuan Clean Agriculture Development Joint Stock Company
18/4/2025 - present	Deputy Director	TMC Livestock Joint Stock Company
04/03/2025 - present	Deputy General Director	BAF Tay Ninh 1 High-Tech Livestock Co., Ltd.
04/03/2025 - present	Deputy General Director	BAF Tay Ninh 2 Hi-Tech Livestock Co., Ltd.

Time	Position	Working Units
04/03/2025 - present	Deputy General Director	BAF Tay Ninh I Animal Feed Production Co., Ltd.
25/06/2025 - present	Deputy Director	Hoa Phat Four Co., Ltd.
13/8/2025 - present	Deputy Director	Thanh Dat Gia Lai CNC Livestock Joint Stock Company
29/10/2025 - present	Deputy Director	Khoi Duong Livestock Co., Ltd.
17/7/2025 - present	Deputy Director	BAF Ninh Binh Food Co., Ltd.
20/03/2026 – 11/6/2026	Deputy Director	Ea Lam Investment and Development Joint Stock Company
29/05/2026 - present	Deputy Director	Gia Han Manufacturing and Trading Co., Ltd.
01/06/2026 - 11/6/2026	Deputy Director	Innovation Livestock Co., Ltd.

- Position held at the issuing organization: Deputy General Director.
- Positions held at other organizations: As above.
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:
  - Personal ownership: 74,285 shares, accounting for 0.02036% of charter capital.
  - Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Related persons: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
- Benefits related to issuing organizations:
  - Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.
  - Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits (VND)
Year 2024	Deputy General Director/Chief Financial Officer	588,388,229	None
Year 2025	Deputy General Director/Chief Financial Officer	1,327,217,160	None
The first 6 months of 2026	Deputy General Director	0	None

- Liabilities to the Company: None.
- Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or being a major customer/supplier of the Company: None.

3.3. Board of Supervisors

The BAF Board of Supervisors consists of 03 members, the structure of the Board of Supervisors of the Company is currently as follows:

	Member of the Board of Directors	Position
1	Ms. Duong Thi Hong Tan	Head of the Board of Supervisors
2	Ms. Tran Thi Thanh Tra	Member of the Board of Supervisors
3	Ms. Luu Ngoc Tram	Member of the Board of Supervisors

a) Ms. Duong Thi Hong Tan - Head of the Board of Supervisors

- Year of birth: 1983
- Nationality: Vietnamese
- Education: 12/12
- Qualifications: Bachelor of Accounting
- Work Experience:

Time	Position	Working Units
20/11/2019 -	Internal Control Officer	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock

Time	Position	Working Units
05/2024		Company
6/2024 - Present	Head of the Board of Supervisors	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
12/2018 - 15/11/2019	Chief Accountant	Vietnam Really Care Joint Stock Company
7/2017 - 7/12/2018	Chief Accountant cum General Accountant	Europe Trading and Services Co., Ltd.
6/2015 - 7/2017	General Accounting	PetroVietnam Paint Joint Stock Company
3/2013 - 5/2015	Warehouse Accounting - Billing Accounting	PetroVietnam Paint Joint Stock Company
1/2008 - 3/2013	Technical Staff	PetroVietnam Paint Joint Stock Company

- Position held at the issuing organization: Head of the Control Board.
- Positions held at other organizations: None.
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:
  - Personal ownership: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Related persons: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
- Benefits related to issuing organizations:
  - Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.
  - Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits (VND)
Year 2024	Head of the Board of Supervisors	0	None
Year 2025	Head of the Board of Supervisors	546,774,250	None
The first 6 months of 2026	Head of the Board of Supervisors	0	None

- Liabilities to the Company: None.
- Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or being a major customer/supplier of the Company: None.

b) Ms. Tran Thi Thanh Tra - Member of the Board of Supervisors

- Year of birth: 1981
- Nationality: Vietnamese
- Education: 12/12
- Qualifications: Bachelor of Laws
- Work Experience:

Time	Position	Working Units
1/2025 - present	Project Management Department Specialist	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
9/2020 - 12/2024	Project Management Department Assistant	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
7/2020 - 8/2020	Head of Administration	Vietnam Really Care Joint Stock Company
8/2019 - 6/2020	Legal Officer	HUM Joint Stock Company
9/2018 - 7/2019	Legal Officer	Branch No. 03 Hoa Binh Minh Co., Ltd.
8/2017 - 8/2018	Deputy Head of Human Resources Administration	Hoa Binh Minh Corporation Co., Ltd. Branch

- Position held at the issuing organization: Member of the Board of Supervisors.
- Positions held at other organizations: None.
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:
  - Personal ownership: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Related persons: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
- Benefits related to issuing organizations:
  - Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.
  - Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits (VND)
Year 2024	Member of the Board of Supervisors	0	None
Year 2025	Member of the Board of Supervisors	397,531,071	None
The first 6 months of 2026	Member of the Board of Supervisors	0	None

- Liabilities to the Company: None.
- Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or being a major customer/supplier of the Company: None.

c) Ms. Luu Ngoc Tram - Member of the Board of Supervisors

- Year of birth: 1990
- Nationality: Vietnamese
- Education: 12/12
- Qualifications: Bachelor of Accounting - Finance
- Work Experience:

Time	Position	Working Units
Present	Member of the Board of Supervisors	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
6/2013 - 10/2020	Specialist of Corporate Finance Consulting Department	Wall Street Securities Joint Stock Company
10/2020 - 10/2021	Finance Department Specialist	Tan Long Group Joint Stock Company
10/2021 - present	Finance Department Specialist	Siba Holdings Joint Stock Company

- Position held at the issuing organization: Member of the Board of Supervisors.
- Positions held at other organizations: None.
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:
  - Personal ownership: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Related persons: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
- Benefits related to issuing organizations:
  - Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.
  - Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits (VND)
Year 2024	Member of the Board of Supervisors	27,000,000	None
Year 2025	Member of the Board of Supervisors	81,000,000	None

The first 6 months of 2026	Member of the Board of Supervisors	0	None

- Liabilities to the Company: None.
- Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or being a major customer/supplier of the Company: None.

3.4. Chief Accountant

BAF's current chief accountant is Ms. Phan Thi Kim Trang. Details:

- Year of birth: 1990
- Nationality: Vietnamese
- Education: 12/12
- Qualifications: Bachelor of Accounting
- Work Experience:

Time	Position	Working Units
09/2011 - 01/2013	Billing Accounting	Viet Refrigeration M&E Joint Stock Company
12/2013 - 05/2026	General Accounting	Southeast Tay Ninh Technology and Investment Joint Stock Company
06/2016 - 04/2018	General Accounting	Phong Phu International Joint Stock Company
05/2018 - 08/2022	Chief Accountant	Sinh Sung Co., Ltd.
09/2022 - 02/2024	General Accounting	Viet Field Food Joint Stock Company
04/2024 - 07/2026	Chief Accountant of BAF member companies	BAF Tay Ninh Animal Feed Co., Ltd. BAF Binh Dinh Agriculture Co., Ltd. Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company in Nghe An BAF Tay Ninh Food Processing Co., Ltd. Thanh Xuan Clean Agriculture Development Joint Stock Company
Present	Chief Accountant	BAF Vietnam Agriculture Joint Stock

Time	Position	Working Units
		Company

- Position held at the Issuing organization: Chief Accountant.
  - Positions held at other organizations: As above.
- The number and percentage of securities ownership at the issuing organization of individuals, authorized representatives and related persons:
  - Personal ownership: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Ownership by authorized representative: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
  - Related persons: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.
- Benefits related to issuing organizations:
  - Information on contracts and transactions that are in progress or have been signed and have not yet been performed between individuals or persons related to the Issuing organization, subsidiaries of the Issuing organization, companies in which the Issuing organization controls more than 50% of the charter capital: None.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

- Remuneration, salary and other benefits for two consecutive years preceding the year of registration of the offering and up to the present time:

Time	Title	Remuneration, salary and bonus (VND)	Other benefits (VND)
Year 2024	None	0	None
Year 2025	None	0	None
The first 6 months of 2026	None	0	None

- Liabilities to the Company: None.
- Related interests in other enterprises doing business in the same field as the Company or being a major customer/supplier of the Company: None.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

VII. INFORMATION ABOUT THE OFFERING

1. Type of stock

Common shares.

2. Par value of shares

10,000 VND/share.

3. Total number of shares to be offered

Total number of shares to be offered: 40,536,100 shares.

4. Total par value of shares to be offered

Total par value of shares to be offered: 405,361,000,000 VND.

5. Expected offering price

Offering price: 15,000 VND/share.

6. Pricing method

The offering price is calculated based on:

(i) The book value of BAF shares as of March 31, 2026 (according to the financial statements of Quarter 1/2026) is about 13,500 VND/share (individually) and 14,000 VND/share (consolidated).

(ii) The market price of BAF shares, determined by the average closing (adjusted) price within 30 days from 18/05/2026 to 26/06/2026, is about 29,100 VND/share.

Based on the book value of BAF shares, the market price, the need to increase capital for production and business activities according to the Capital Use Plan, and at the same time in order to encourage shareholders to stick with the Company and ensure the feasibility of the offering, the Board of Directors proposed an offering price of 15,000 VND/share. The offering price was approved by the General Meeting of Shareholders.

7. Distribution method

- Form of offering: Offering additional shares to the public to existing shareholders by exercising rights.
- Exercise ratio: 9:1 (shareholders owning 01 share will be entitled to 01 right to buy, for every 09 right to buy 01 new share).
- Rounding principle: The number of additional shares offered to existing shareholders will be rounded down to the unit row, the decimal fraction (if any) will be summarized and handled according to the plan for handling odd shares and undistributed shares stated in the Plan for handling odd shares and undistributed shares.

  Example: On the closing date of the list of shareholders to exercise rights, shareholder A owns 335 BAF shares. With an exercise ratio of 9:1, shareholder A is entitled to buy 335/9 × 1 =

37.2 new shares. According to the principle of rounding down to the units, shareholder A is entitled to buy 37 shares. The fractional part arising is 0.2 shares that will not be distributed and will be aggregated for handling according to the plan for handling odd shares and non-fully distributed shares specified in the plan for handling odd shares and shares not fully distributed.

- Plan to handle odd shares and undistributed shares:
  + Odd shares and non-fully distributed stocks include: Odd shares and non-fully distributed shares include: (i) odd shares arising due to the principle of rounding, (ii) the number of shares that shareholders refuse to buy and/or do not register to buy all and/or are due to pay for the purchase of shares without paying the full purchase price.
  + The Board of Directors will decide to continue distributing these shares and the distribution ensures the following regulations:
    (i) The Board of Directors will decide on the criteria, list of investors, and the number of shares distributed to each investor. The offering price for these investors is not lower than the offering price to existing shareholders and the offering conditions are not more preferential than the offering plan for existing shareholders approved by the General Meeting of Shareholders;
    (ii) The handling of odd shares and shares not fully distributed to existing shareholders is in accordance with the provisions of Article 42 of Decree 155/2020/ND-CP dated 21/12/2020, in accordance with the provisions of Clause 2, Article 195 of the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17/06/2020 and other relevant provisions of current law;
    (iii) The number of odd shares and undistributed shares when distributed to other investors according to the decision of the Board of Directors will be restricted from transfer for 01 year from the date of the end of the offering;
    (iv) In case of expiration of the time limit for distribution of shares as prescribed by law (including the extended time (if any)), if there are still shares that have not been fully offered, these unoffered shares shall be canceled and the Board of Directors shall issue a decision to end the offering.

8. Subscription for Shares

8.1. Minimum number of shares to be subscribed, Term and method of returning the subscription money in case the number of shares registered for purchase does not reach the minimum level

None.

8.2. Subscription period

The time limit for registering to exercise the right to buy shares of shareholders is at least 20 days. The specific registration time shall comply with the Company's Notice of public offering of

shares, after being granted a Certificate of registration for additional public offering of shares by the SSC.

8.3. Registration Method and Payment Method for Purchase of Shares

- Shareholders carry out procedures for registration of purchase and transfer of the right to buy according to the instructions in the Notice of public offering of shares of the Company, after being granted a Certificate of registration for additional public offering of shares by the SSC.
- The money for the purchase of shares shall be transferred to the escrow account to receive the money for the purchase of shares specified in the section 11 Section VII below.

9. Schedule of share distribution

Expected offering time: It is expected that in the third quarter - fourth quarter of 2026, after the Company is granted the Certificate of registration for additional public offering of shares by the State Securities Commission, the Company will disclose information and distribute shares in accordance with the law.

The distribution of additional shares is expected to be carried out within a maximum of 90 days from the effective date of the Certificate of Registration for Public Offering of Shares. In case the distribution of securities to the public cannot be completed due to objective reasons, the Company will consider reporting to the SSC to extend the distribution of securities within a maximum of 30 days.

Table 48. Expected schedule of distribution of shares

	Work	Implementation Time
1	The certificate of registration for additional public offering of shares issued by the SSC takes effect.	T
2	Disclosure of information on the mass media.	T+1 to T+5
3	Announcement of closing the list of shareholders exercising the right to buy shares.	T+6 to T+7
4	Last Registration Date.	T+17
5	Get a general list of shareholders who are allocated option rights.	T+17 to T+24
6	Shareholders register, transfer the right to buy and pay the purchase money.	T+24 to T+44
7	Summarizing the exercise of the right to buy by existing shareholders.	T+51
8	The Board of Directors approves the plan to handle odd shares and undistributed shares and handle odd shares and undistributed shares (if any).	T+53 to T+68
9	Send a report on the results of the offering to the SSC and disclose information.	T+69

	Work	Implementation Time
10	Transfer of shares and Carry out additional registration and listing of additional issued shares.	T+69 to T+83

10. Restrictions Regarding the Transfer of Shares

- Existing shareholders named in the list on the last registration date finalize the list of shareholders who are allocated the right to buy have the right to transfer their right to buy to another person within the prescribed time. The right to buy is only allowed to be transferred once (01) time. The transferee is not allowed to transfer it to a 3rd party. The transferor and the transferee agree on the transfer price and pay the transfer money.
- The number of shares purchased by existing shareholders under the right to buy or shares of investors who repurchase the right to buy from existing shareholders is freely transferable.
- Shareholders in the state of restricted transfer are still entitled to receive the right to buy shares, the number of additional shares purchased from this right is not restricted from transfer.
- The number of odd shares and shares that are not fully distributed when distributed to other investors according to the decision of the Board of Directors will be restricted from transfer for 01 year from the date of the end of the offering.

11. Escrow Account for Receiving Subscription Proceeds

- Account name: BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
- Account number: 110003068212.
- Opened at: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - East Saigon Branch.

12. Opinions of competent agencies on the increase in charter capital of the issuing organization

The issuing organization is not in a conditional business line that is required by specialized laws to obtain the approval of the competent state management agency for the increase of charter capital.

13. Cancellation of the offering

Not applicable because the Company conducts an additional public offering of shares to existing shareholders according to the ownership ratio.

14. Measures to ensure compliance with regulations on foreign ownership

Pursuant to Document No. 705/UBCK-QLCB dated February 20, 2023 of the State Securities Commission, the maximum foreign ownership rate in BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company is 39.1304%.

According to information on the foreign ownership ratio of the Vietnam Securities Depository

and Clearing Corporation, as of September 10, 2026, the number of BAF shares held by foreign investors is 15,096,885 shares, accounting for 4.14% of the Company's charter capital.

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company is committed to using measures in accordance with the law to ensure that the foreign ownership rate after the public offering of securities is in accordance with the provisions of the Securities Law, the Company's Charter and current legal regulations.

For the additional public offering of shares to existing shareholders in 2026, all existing shareholders named in the List of shareholders on the closing date of the list of shareholders who are allocated the right to buy are entitled to exercise their right to buy. When handling odd shares and shares that are not fully distributed, the Company will offer them for sale to domestic investors, not to foreign investors to ensure the ownership ratio of foreign investors as prescribed.

15. Relevant taxes

14.1. Taxes related to securities investment activities

❖ **Personal income tax:**

For securities transfer activities, comply with the Law on Personal Income Tax No. 109/2025/QH15 dated December 10, 2025 and guiding documents. According to current regulations, personal income tax on securities transfer of individuals is calculated as 0.1% of the securities transfer price each time. The Law on Personal Income Tax No. 109/2025/QH15 takes effect from July 1, 2026.

❖ **Value-added tax:**

Securities transfer activities are not subject to value-added tax in accordance with the law on value-added tax. The implementation of value-added tax policies for securities activities is applied in accordance with the Law on Value-Added Tax No. 48/2024/QH15, documents amending, supplementing and guiding the implementation, including Circular No. 69/2025/TT-BTC dated July 1, 2025.

❖ **Corporate income tax:**

- For institutional investors, income from capital transfer and securities transfer is determined and subject to corporate income tax in accordance with the Law on Corporate Income Tax No. 67/2025/QH15 dated June 14, 2025, Decree No. 320/2025/ND-CP dated December 15, 2025 and Circular No. 20/2026/TT-BTC dated March 12, 2026 and documents amending, supplementing and guiding the implementation;
- For domestic organizations, incomes from securities transfer shall be included in income subject to corporate income tax according to current regulations. For foreign enterprises and organizations conducting business activities in Vietnam not under the Law on Investment, incomes from securities transfer in Vietnam shall fulfill tax obligations in accordance with regulations on corporate income tax applicable to foreign contractors and relevant regulations.

14.2. Taxes related to production and business activities of the issuing organization

- **Corporate Income Tax:**

The company performs its corporate income tax obligations according to the Law on Corporate Income Tax No. 67/2025/QH15 dated June 14, 2025, Decree No. 320/2025/ND-CP dated December 15, 2025, Circular No. 20/2026/TT-BTC dated March 12, 2026 and documents amending, supplementing and guiding the implementation. The Law on Corporate Income Tax No. 67/2025/QH15 takes effect from October 1, 2025.

According to current regulations, the corporate income tax rate is applied according to the turnover rate of the enterprise in accordance with the provisions of law. For the company, based on the size of turnover, the current corporate income tax rate is 20%.

- **Value-added tax:**

The company's production and business activities are subject to value-added tax in accordance with current regulations.

The company pays value-added tax by the deduction method with a value-added tax rate of 08%.

- **Other taxes:**

Natural resource tax, land tax, land rent, license tax, fees and charges, etc. of the Company shall be declared and remitted to the local tax authority in accordance with the State's regulations.

16. Information about commitments

The Company commits to register for additional listing of shares on the Ho Chi Minh City Stock Exchange within 30 days from the end of the public offering.

In addition, the Company is committed to ensuring that the public offering of shares to existing shareholders meets the regulations on foreign ownership ratio.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

17. Information about other securities offered for sale or issued in the same tranche

In addition to the additional public offering of shares stated in this Prospectus, the Company plans to issue shares under the Employee Option Program (ESOP) in 2026 according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 20.07.2026/NQ-ĐHDCĐ dated 20/07/2026 with the number of shares expected to be issued to employees is 8,000,000 shares, the issue price is 10,000 VND/share. The ESOP issuance is expected to be carried out simultaneously with the public offering of shares and before the public offering of convertible bonds in 2026, expected in the third quarter - fourth quarter of 2026. The roadmap for implementing the issuances is expected as follows:

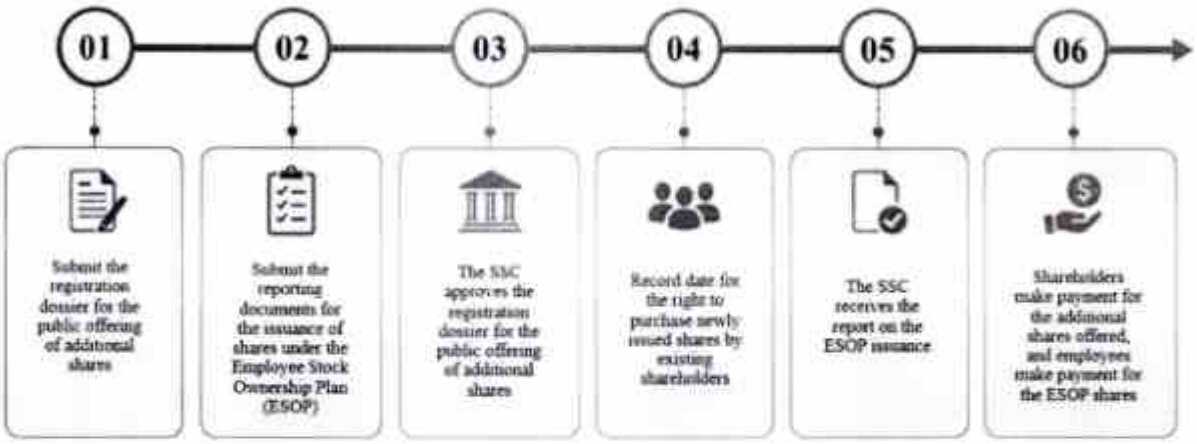

At the time of developing this Prospectus, the Company is preparing a report on the issuance of shares under the Employee Option Program (ESOP) to the SSC.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

VIII. PURPOSE OF OFFERING

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company implements the plan to offer shares to existing shareholders in 2026 to achieve the following purposes:

- Mobilizing capital to supplement capital sources for the Company's production and business activities;
- Improve the reputation and image of BAF in front of partners and customers to strengthen its position and competitiveness in production and business activities.

IX. PLAN TO USE THE PROCEEDS FROM THE OFFERING

The total amount expected to be raised from the offering (excluding fees and expenses incurred in connection with the offering) is VND 608,041,500,000, the Company will use the entire amount expected to be raised from the offering to be used for purposes in descending order of priority as follows:

	Item	Value (VND)	Estimated implementation time
	Payment of debts to suppliers of bran, pig breeds, additives and other raw materials and goods in BAF's business and livestock production activities	608,041,500,000	Quarter IV/2026 - Quarter II/2027
1	*Payment for the purchase of bran, pigs and other goods to Tay Ninh Lighthouse Hi-Tech Livestock Joint Stock Company (tax code: 3901312793) according to the Contract in Principle for Sale and Purchase of Goods No. 01/2025/HĐNT/HD-BAF dated January 1, 2025.*	*220,000,000,000*	*Quarter IV/2026 - Quarter II/2027*
2	*Payment for the purchase of bran, pigs and other goods to Tan Chau Agricultural Investment Co., Ltd. (tax code: 3901303492) under the Principle Contract for Purchase and Sale of Goods No. 01/2025/HDNT/TC-BAF dated January 1, 2025.*	*100,000,000,000*	*Quarter IV/2026 - Quarter II/2027*
3	*Payment for the purchase of bran and other*	*80,000,000,000*	*Quarter IV/2026*

	Item	Value (VND)	Estimated implementation time
	goods to BAF Binh Dinh Agriculture Co., Ltd. (tax code: 4101602537) under the Contract in Principle for Sale and Purchase of Goods No. 01/2026/HDNT/BAFBD-BAF dated 01/3/2026		*- Quarter II/2027*
4	*Payment for the purchase of bran and other goods to BAF Tay Ninh Animal Feed Co., Ltd. (*) (tax code: 3901152973) under the Principle Contract for Sale and Purchase of Goods No. 01/2025/HDNT/BAFTN-BAF dated Jan 1, 2025.*	*208,041,500,000*	*Quarter IV/2026 - Quarter II/2027*
	Total	**608,041,500,000**	

(*) BAF Tay Ninh Animal Feed Co., Ltd. has been renamed from BAF Tay Ninh Animal Feed Joint Stock Company according to the Business Registration Certificate No. 3901152973 issued by the Tay Ninh Department of Finance on 03/06/2025.

- For temporarily idle capital due to not being disbursed according to the detailed capital use plan approved by the Board of Directors, the Company is entitled to open a term deposit contract(s) to enjoy interest, ensuring that it is consistent with the actual disbursement progress of the capital use plan.
- Handling plan in case of not distributing all the shares offered or not collecting enough capital mobilized from the offering: In case at the end of the offering period, the Company does not offer all the shares as registered, the proceeds from the offering are not enough as expected, in order to achieve the purpose approved by the General Meeting of Shareholders, depending on the actual situation, the General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to implement the following solutions:

  (i) Apply for an extension of the offering to continue offering the remaining shares to ensure compliance with the provisions of law;

  (ii) Supplement the missing capital through other forms such as bank loans, corporate bond issuance, other solutions in accordance with the provisions of law and the Company's internal regulations to implement the set plans;

  (iii) Cutting the capital allocated for purposes with lower priority is decided by the Board of Directors based on the actual situation of the Company at the time of using capital.

1. Debt Details

	Vendor Name	Business registration certificate number or equivalent document	Head Office Address	Relationship with issuing organizations and related persons of issuing organizations	Contract Information	Commodity Type	Outstanding as of June 30, 2026 (VND)	Payment Term	Expected disbursement time
1	Tay Ninh Lighthouse Hi-Tech Livestock Joint Stock Company	3901312793	Land plot No. 5,6,7,8 map sheet 109, Tan Hoa Commune, Tay Ninh Province	Subsidiaries	Contract in principle for sale and purchase of goods No. 01/2025/HDNT/HD-BAF dated Jan 1, 2025	Purchase of bran, pigs and other goods	303,401,861,450	Up to 180 days from the date BAF receives all documents from the seller.	Quarter IV/2026 - Quarter II/2027
2	Tan Chau Agricultural Investment Co., Ltd.	3901303492	Group 6, Hamlet 4, Tan Hoa Commune, Tay Ninh Province	Subsidiaries	Contract in principle for sale and purchase of goods No. 01/2025/HDNT/TC-BAF dated Jan 1, 2025	Purchase of bran, pigs and other goods	129,609,369,440	Up to 180 days from the date BAF receives all documents from the seller.	Quarter IV/2026 - Quarter II/2027
3	BAF Binh Dinh Agriculture Co., Ltd.	4101602537	Lot E5, Nhon Hoa Industrial Park, Tan Hoa Area, An Nhon Nam Ward, Gia Lai Province.	Subsidiaries	Contract in principle for sale and purchase of goods No. 01/2026/HDNT/BAFBD-BAF dated 01/3/2026	Purchase of bran and other goods	165,206,503,500	Up to 180 days from the date BAF receives all documents from the seller.	Quarter IV/2026 - Quarter II/2027
4	BAF Tay Ninh Animal Feed Co., Ltd.	3901152973	Lot A20, N8B Street, Thanh Thanh Cong Industrial Park, Trang Bang Ward, Tay Ninh	Subsidiaries	Contract in principle for sale and purchase of goods No. 01/2025/HDNT/BAFTN-BAF dated Jan 1, 2025	Purchase of bran and other goods	259,803,711,020	Up to 180 days from the date BAF receives all documents from the seller.	Quarter IV/2026 - Quarter II/2027

X. PARTNERS INVOLVED IN THE OFFERING

1. Partners involved in the offering

AUDITING ORGANIZATION

ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED

Headquarters	:	28th Floor, Bitexco Financial Tower, No. 2 Hai Trieu, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.
Phone	:	(84.28) 3824 5252
Website	:	www.ey.com/

CONSULTING ORGANIZATION

AGRIBANK SECURITIES CORPORATION

Headquarters	:	5th Floor, Green Diamond Building, No. 93 Lang Ha, Dong Da Ward, Hanoi City	
Phone	:	0246 2762 666	Fax: 024 6276 5666
Website	:	agriseco.com.vn/.	

2. Opinion of the Consulting organization on the offering

As the consulting organization, Agribank Securities Corporation (Agriseco) has collected information, researched and analyzed carefully and in detail to make an assessment of the offering:

- The purpose of this public offering is to raise capital to pay debts to suppliers of bran, pig breeds, additives and other raw materials and goods in BAF's business and livestock production activities. The increase in charter capital helps the issuing organization have capital to improve the scale of operations; improve financial capacity, balance capital sources for production and business activities in 2026 and the following years;
- The volume of the public offering of shares this time is 40,536,100 shares. The offering price is 15,000 VND/share, lower than the market price.

With the above comments, we - Agribank Securities Corporation believe that the public offering of shares of the Issuing organization is feasible.

We would also like to note that the above comments are made from the perspective of a consulting organization, based on selectively collected information bases without implying a guarantee of the value of the securities as well as the certainty of the forecasted figures.

XI. OTHER IMPORTANT INFORMATION THAT MAY INFLUENCE AN INVESTOR'S DECISION

None.

[The remainder of this page is intentionally left blank]

XII. DATE, SIGNATURE AND SEAL OF THE REPRESENTATIVE OF THE ISSUING ORGANIZATION AND THE CONSULTING ORGANIZATION

Ho Chi Minh City, September 11, 2026

ISSUING ORGANIZATION

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS	GENERAL DIRECTOR
TRUONG SY BA	BUI HUONG GIANG

CHIEF ACCOUNTANT

PHAN THI KIM TRANG

Hanoi, September 11, 2026

CONSULTING ORGANIZATION

AGRIBANK SECURITIES CORPORATION

DEPUTY GENERAL DIRECTOR

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

BÙI ĐỨC THẮNG

[The remainder of this page is intentionally left blank]

XIII. APPENDIX

1. Appendix 1: Business Registration Certificate No. 0107795944 issued by Ho Chi Minh City Department of Finance amended for the 23rd time on July 10, 2026;
2. Appendix 2: Resolution of the 2026 General Meeting of Shareholders No. 20.07.2026/NQ-ĐHDCĐ dated 20/07/2026 of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company; enclosed with the Report on approving the plan to offer additional shares to existing shareholders in 2026 No. 02/2026/TTr-HDQT dated 01/07/2026;
3. Appendix 3: Resolution of the Board of Directors No. 24.07.2026/NQ-HDQT dated 24/7/2026 on approving the implementation of the plan to offer additional shares to existing shareholders in 2026 and the plan to use capital raised from the offering;
4. Appendix 4: Charter of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company;
5. Appendix 5: Audited financial statements (separate and consolidated) for 2024 and 2025, Reviewed semi-annual financial statements (separate and consolidated) in 2026 of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company;
6. Appendix 6: Audited report on the use of capital raised from the private placement from 26/03/2025 to 10/04/2025 and Report on the use of capital raised from the public offering of bonds in the amount of VND 1,000,000,000 from 25/11/2025 to 09/01/2026 audited by BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.

HO CHI MINH CITY
DEPARTMENT OF FINANCE
BUSINESS REGISTRATION OFFICE

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ENTERPRISE REGISTRATION CERTIFICATE
FOR JOINT STOCK COMPANY
Enterprise ID: 0107795944
Initially registered on April 07, 2017
23rd amendment registered on July 10, 2026

1. Company name
Company name in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
Company name in foreign language: BAF VIET NAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
Abbreviated company name: BAF.,JSC

2. Head office address
9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: 0766074787 Fax:
Email: Website:

3. Charter capital: VND 3,648,249,060,000.
In words: Three trillion six hundred forty-eight billion two hundred forty-nine million sixty thousand Vietnamese dong
Par value per share: VND 10,000
Total number of shares: 364,824,906

4. Legal representative of the company
* **Full name: BÙI HƯƠNG GIANG** *Gender: Female*
Date of birth: 30/11/1980 *Nationality: Vietnamese*
Personal identification number:
Position: Chief Executive Officer
Contact address:

FOR HEAD OF THE BUSINESS REGISTRATION OFFICE
DEPUTY HEAD OF THE BUSINESS REGISTRATION OFFICE

(signed)

Đỗ Thị Hoa

CÔNG TY CỔ PHẦN **NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM** ***BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY*** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom – Happiness*** ----------
Số/*Ref*: 20.07.2026/NQ-ĐHĐCĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2026* *Ho Chi Minh City, July 20, 2026*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
(Được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)
(Adopted by way of shareholders' written opinions)

Căn cứ/*Pursuant to*:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;*

  The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam on June 17, 2020, as amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 dated January 11, 2022 and Law No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025;

- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;*

  The Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam on November 26, 2019, as amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024;

- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;*

  Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities, as amended and supplemented by Decree No. 245/2025/NĐ-CP dated September 11, 2025;

- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam;*

  The Charter on Organization and Operation of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company;

- *Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 20.07.2026BB-ĐHĐCĐ ngày 20/07/2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.*

  Minutes of Vote Counting for Shareholders' Written Opinion Solicitation No. 20.07.2026BB-ĐHĐCĐ dated July 20, 2026 of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.

QUYẾT NGHỊ
RESOLVES

Điều 1: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Phương án Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026 (ESOP) (chi tiết theo tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT ngày 01/07/2026 của HĐQT).

Article 1: *Approval of the amendment and supplementation of the 2026 Employee Stock Ownership Plan (ESOP) Share Issuance Plan (details in Proposal No. 01/2026/TTr-HĐQT dated July 01, 2026, issued by the Board of Directors).*

Điều 2: Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 (chi tiết theo tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT ngày 01/07/2026 của HĐQT).

Article 2: *Approval of the plan for the public offering of additional shares to existing shareholders in 2026 (as detailed in Proposal No. 02/2026/TTr-HĐQT dated July 01, 2026, issued by the Board of Directors).*

Điều 3: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 3: *Members of the Board of Directors, the Board of Management, relevant functional departments and individuals shall be responsible for implementing this Resolution.*

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./

This Resolution shall take effect from the date of signing./.

Nơi nhận:

Recipients:

- *Các cổ đông (đăng trên website Công ty);*
  Shareholders (via publication on the Company's website);
- *UBCKNN, Sở GDCK (b/cáo);*
  State Securities Commission of Vietnam, Stock Exchange (for reporting);
- *Thành viên HĐQT, BTGĐ, BKS;*
  Members of the BOD, Board of Management and Supervisory Board;
- *Lưu VP.*
  Filed at the Office.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

FOR AND ON BEHALF OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

CHỦ TỊCH HĐQT

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP AF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trương Sỹ Bá

CÔNG TY CỔ PHẦN **NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM** ***BAF VIETNAM AGRICULTURE*** ***JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom – Happiness***
Số.*No:* 02/2026/TTr-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2026* *Ho Chi Minh City, July 01, 2026*

TỜ TRÌNH

PROPOSAL

V/v: Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026

Re: Approval of the plan for the public offering of additional shares to existing shareholders in 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam

To: Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;
  Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, as amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 dated January 11, 2022, and Law No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
  Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019, as amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;
  Pursuant to Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities, as amended and supplemented by Decree No. 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025;
  Pursuant to Circular No. 118/2020/TT-BTC dated December 31, 2020, of the Ministry of Finance guiding a number of contents on offering and issuing securities, tender offers, share repurchases, registration of public companies, and cancellation of public

company status, as amended and supplemented by Circular No. 115/2025/TT-BTC dated December 15, 2025;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty/Công ty BAF/BAF");
  Pursuant to the Charter of Organization and Operation of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("the Company/BAF Company/BAF");
- Căn cứ nhu cầu thực tế tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
  Pursuant to the actual needs of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.

Hội đồng quản trị **("HĐQT")** Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam **("Công ty/Công ty BAF/BAF")** kính trình Đại hội đồng cổ đông **("ĐHĐCĐ")** thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam như sau:

*The Board of Directors ("**BOD**") of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("**The Company/BAF Company/BAF**") respectfully submits to the General Meeting of Shareholders ("**GMS**") for approval the plan for the public offering of additional shares to existing shareholders in 2026 of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company as follows:*

I. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHÀO BÁN

I. PURPOSE OF THE OFFERING

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam thực hiện phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 nhằm thực hiện các mục đích như sau:

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company is implementing the plan for the public offering of shares to existing shareholders in 2026 to achieve the following purposes:

- Huy động vốn để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
  To mobilize capital to supplement the capital sources serving the Company's production and business activities;
- Nâng cao uy tín, hình ảnh của BAF trước các đối tác, khách hàng để tăng cường vị thế và năng lực cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
  To enhance BAF's reputation and image among partners and customers in order to strengthen its position and competitiveness in production and business activities.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 được trình bày chi tiết tại **Mục III** của tờ trình này.

*The plan for using the capital raised from the public offering of shares to existing shareholders in 2026 is detailed in **Section III** of this proposal.*

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU/ *SHARE OFFERING PLAN:*

1. Tên tổ chức chào bán: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
   Name of issuer: BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
   Name of shares: Shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
3. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông.
   Type of shares to be offered: Ordinary shares.

4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Par value: VND 10,000/share.

5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 364.824.906 cổ phiếu.

Number of issued shares: 364,824,906 shares.

Trong đó/*Of which:*

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 364.824.906 cổ phiếu.

Number of outstanding shares: 364,824,906 shares.

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Number of treasury shares: 0 shares.

6. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 40.536.100 cổ phiếu.

Expected number of shares to be offered: 40,536,100 shares.

7. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá: 405.361.000.000 đồng.

Total expected value of offered shares at par value: VND 405,361,000,000.

8. Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán: 4.053.610.060.000 đồng.

Expected charter capital after the offering: VND 4,053,610,060,000.

9. Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phiếu.

Offering price: VND 15,000/share.

10. Cơ sở đề xuất mức giá chào bán: Giá chào bán được tính dựa trên căn cứ:

Basis for proposing the offering price: The offering price is calculated based on the following:

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu BAF tại ngày 31/03/2026 (theo BCTC Quý 1/2026) là khoảng 13.500 đồng/cổ phiếu (riêng lẻ) và 14.000 đồng/cổ phiếu (hợp nhất).

  The book value of BAF shares as of March 31, 2026 (according to the Q1/2026 Financial Statements) is approximately VND 13,500/share (separate) and VND 14,000/share (consolidated).

- Giá thị trường của cổ phiếu BAF, được xác định theo giá đóng cửa (điều chỉnh) bình quân trong vòng 30 ngày kể từ ngày 18/05/2026 đến ngày 26/06/2026 là khoảng 29.100 đồng/cổ phiếu.

  The market price of BAF, determined by the average adjusted closing price over the 30-day period from May 18, 2026, to June 26, 2026 is approximately VND 29,100 per share.

- Căn cứ giá trị sổ sách của cổ phiếu BAF, giá thị trường, nhu cầu tăng vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Phương án sử dụng vốn tại Mục III, đồng thời nhằm khuyến khích cổ đông gắn bó với Công ty và đảm bảo tính khả thi của đợt chào bán, HĐQT đề xuất giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phiếu.

  Based on the book value of BAF shares, the market price of BAF, the need to increase capital for production and business activities according to the Capital Utilization Plan in Section III, and simultaneously to encourage shareholders' long-term commitment to the Company and ensure the feasibility of the offering, the BOD proposes an offering price of VND 15,000/share.

11. Tổng số tiền huy động được từ đợt chào bán dự kiến: 608.041.500.000 đồng.

Total expected proceeds mobilized from the offering: VND 608,041,500,000.

12. Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.

Offering method: Public offering of additional shares to existing shareholders through the exercise of rights.

13. Đối tượng chào bán: Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.

Target subjects of the offering: Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company who are domestic and foreign organizations and individuals named in the list on the final registration date to close the list of shareholders to exercise the right to purchase shares, as issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation in accordance with regulations.

14. Tỷ lệ chào bán (số lượng cổ phiếu chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm đăng ký chào bán): 1/9 (tương đương khoảng 11,1111109%)

Offering ratio (number of offered shares / number of outstanding shares at the time of offering registration): 1/9 (equivalent to approximately 11.1111109%).

15. Tỷ lệ thực hiện quyền: 9:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 09 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).

Rights exercise ratio: 9:1 (a shareholder owning 01 share will be entitled to 01 purchase right; every 09 purchase rights will entitle the holder to purchase 01 new share).

16. Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết nêu tại **Khoản 19**.

*Rounding principle: The number of additional shares offered to existing shareholders will be rounded down to the nearest whole unit; fractional shares (if any) will be aggregated and handled according to the plan for handling fractional and undistributed shares stated in **Clause 19**.*

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 335 cổ phiếu BAF. Với tỷ lệ thực hiện quyền 9:1, cổ đông A được quyền mua 335/9 × 1 = 37,2 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 37 cổ phiếu. Phần lẻ phát sinh là 0,2 cổ phiếu sẽ không được phân phối và được tổng hợp để xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết quy định tại **khoản 19**.

Example: On the record date to close the shareholder list for exercising rights, Shareholder A owns 335 BAF shares. With the 9:1 exercise ratio, Shareholder A is entitled to purchase 335/9 × 1 = 37.2 new shares. According to the rounding down principle, Shareholder A is entitled to purchase 37 shares. The resulting 0.2 fractional

share will not be distributed and will be aggregated to be handled according to the plan for handling fractional and undistributed shares stipulated in ***Clause 19****.*

17. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu được quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần; người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Giá chuyển nhượng quyền mua và việc thanh toán tiền chuyển nhượng do bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

    Transfer of purchase rights: Existing shareholders named in the shareholder list on the final registration date to exercise purchase rights are entitled to transfer their purchase rights to others within the prescribed time limit. The purchase right may only be transferred one (01) time; the transferee of the purchase right may not subsequently transfer it to a third party. The transfer price of the purchase right and the payment for the transfer shall be mutually agreed upon by the transferor and the transferee, who shall be self-responsible for executing it in compliance with legal regulations.

18. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 19. Cổ đông sở hữu cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua và số cổ phiếu phát hành thêm từ việc thực hiện quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

    Transfer restrictions: Shares offered to existing shareholders are not subject to transfer restrictions, except for the cases stipulated in Clause 19. Shareholders owning shares that are currently restricted from transfer will still receive purchase rights, and the additionally issued shares resulting from the exercise of these purchase rights will not be subject to transfer restrictions.

19. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết:

    Plan for handling fractional shares and undistributed shares:

- Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết bao gồm: (i) cổ phiếu lẻ phát sinh do nguyên tắc làm tròn, (ii) số lượng cổ phiếu do cổ đông từ chối mua và/hoặc không đăng ký mua hết và/hoặc đến hạn đóng tiền mua cổ phiếu mà không đóng tiền mua.

  Fractional shares and undistributed shares include: (i) fractional shares arising due to the rounding principle, (ii) the number of shares that shareholders decline to purchase and/or do not register to purchase in full, and/or fail to pay for by the purchase payment deadline.

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tiếp tục phân phối số cổ phiếu này; quyết định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư, số lượng cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư. Giá chào bán cho các nhà đầu tư này không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và các điều kiện chào bán không được ưu đãi hơn so với phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua;

  The GMS authorizes the BOD to decide on the continued distribution of these shares; to decide on the criteria, the list of investors, and the number of shares distributed to each

investor. The offering price for these investors shall not be lower than the offering price for existing shareholders, and the offering conditions shall not be more favorable than the offering plan for existing shareholders approved by the GMS;

- Việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 21/12/2020, đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành;

  The handling of fractional shares and undistributed shares for existing shareholders must ensure compliance with Article 42 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 21, 2020, Clause 2, Article 195 of the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, and other relevant provisions of current laws;

- Số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết khi phân phối cho nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT sẽ hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;

  The number of fractional shares and undistributed shares, when distributed to other investors upon the BOD's decision, will be restricted from transfer for 01 year from the completion date of the offering;

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa chào bán hết thì số cổ phiếu chưa chào bán hết này được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

  In the event that the share distribution period expires according to legal regulations (including any permitted extension time (if any)), if there are still unsold shares, these unsold shares shall be canceled, and the BOD shall issue a decision to terminate the offering.

20. Thời gian dự kiến chào bán: HĐQT thực hiện triển khai đồng thời đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và đợt phát hành ESOP và trước khi thực hiện đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng trong năm 2026. Thời gian thực hiện dự kiến trong Quý III – Quý IV/2026, thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

    Expected offering timeframe: The BOD will concurrently implement the public share offering and the ESOP issuance, and prior to the public offering of convertible bonds in 2026. The expected implementation time is in Quarter III – Quarter IV/2026, with the specific timing decided by the Board of Directors.

21. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty thực hiện theo công văn số 705/UBCK-QLCB ngày 20/02/2023 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và được quy định ở mức 39,1304%. Do đó, việc chào bán cổ phiếu cũng sẽ đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 39,1304% vốn điều lệ để đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

    Plan to ensure the share issuance complies with the maximum foreign ownership ratio: The maximum foreign ownership ratio at the Company complies with Official Letter No. 705/UBCK-QLCB dated February 20, 2023, of the State Securities Commission and is

set at 39.1304%. Therefore, the share offering will also ensure that the ownership ratio of Foreign Investors does not exceed 39.1304% of the charter capital to satisfy the condition regarding the maximum foreign ownership ratio at the Company in accordance with legal regulations.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

The GMS authorizes the BOD to approve the plan to ensure the share offering complies with regulations on the maximum foreign ownership limit at the Company.

22. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thành công của đợt chào bán sẽ được thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ("HSX") sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

    Additional securities registration and additional listing registration: All successfully issued shares from the offering will undergo additional securities registration at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation ("VSDC") and additional listing registration on the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HSX") after the completion of the offering, in strict compliance with relevant legal regulations.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

PLAN FOR USING CAPITAL RAISED FROM THE OFFERING

1. Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán để sử dụng cho mục đích sau:

    The Company will use all expected proceeds mobilized from the offering for the following purpose:

STT *No.*	**Khoản mục** ***Item***	**Giá trị (đồng)** ***Value (VND)***	**Thời gian dự kiến thực hiện** ***Expected implementation time***
1 *1*	Thanh toán công nợ cho nhà cung cấp cám, giống heo, phụ gia và các nguyên vật liệu, hàng hóa khác trong hoạt động kinh doanh, sản xuất chăn nuôi của BAF *Settling outstanding payments to suppliers of feed, pig breeds, additives, and other materials and goods related to BAF's livestock production and business operations.*	608.041.500.000 ***608,041,500,000***	Trong năm 2026 - 2027 *Within 2026 - 2027*
	Tổng cộng ***Total***	608.041.500.000 *608,041,500,000*	

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết của đợt chào bán, đảm bảo lợi ích của cổ đông và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

The GMS authorizes the BOD to develop a detailed capital utilization plan for the offering, ensuring shareholders' benefits and strict compliance with legal regulations.

Đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi do chưa giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn chi tiết do HĐQT thông qua, Công ty được quyền mở (các) hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để hưởng lãi, đảm bảo phù hợp với tiến độ giải ngân thực tế của phương án sử dụng vốn.

Regarding temporarily idle capital not yet disbursed according to the detailed capital utilization plan approved by the BOD, the Company has the right to open term deposit contract(s) to earn interest, ensuring alignment with the actual disbursement schedule of the capital utilization plan.

2. Phương án xử lý trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán hoặc không thu đủ số vốn huy động từ đợt chào bán

   Handling plan in case the offered shares are not fully distributed or the mobilized capital is insufficient

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, để thực hiện mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua, tùy vào tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

In the event that the offering period concludes and the Company fails to offer all registered shares, resulting in the raised proceeds being less than expected, in order to fulfill the purposes approved by the GMS and depending on the actual situation, the GMS authorizes the BOD to implement the following solutions:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;

  Request an extension of the offering period to continue offering the remaining shares while ensuring compliance with legal regulations;

- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra;

  Proceed to supplement the capital shortfall through other forms such as bank loans, corporate bond issuance, and other solutions in accordance with legal regulations and the Company's internal rules to execute the planned objectives;

- Cắt giảm nguồn vốn phân bổ cho các mục đích có sự ưu tiên thấp hơn do HĐQT quyết định căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm sử dụng vốn.

  Reduce the capital allocated for lower-priority purposes as decided by the BOD based on the Company's actual situation at the time of capital utilization.

IV. ỦY QUYỀN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GMS'S AUTHORIZATION TO THE BOARD OF DIRECTORS

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan

đến đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc như sau:

The General Meeting of Shareholders delegates and authorizes the BOD to perform tasks related to the public share offering, including but not limited to the following:

- Chủ động xây dựng, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chào bán chi tiết và giải trình hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty để đảm bảo thành công mà không cần xin lại ý kiến của Đại hội đồng cổ đông và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất. Các điều khoản trong phương án thay thế không khác biệt về giá và khối lượng cổ phiếu phát hành, đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông và Công ty;

  Proactively develop, amend, supplement, and finalize the detailed offering dossier and explanations for the securities offering registration dossier submitted to the State Securities Commission and other competent authorities. Simultaneously, proactively adjust the Offering Plan and other relevant dossiers as requested by the State Securities Commission and other competent authorities in compliance with the law and the Company's Charter to ensure success, without needing to seek re-approval from the GMS, and report back to the GMS at the nearest meeting. The terms in the alternative plan shall not differ regarding the price and volume of issued shares, ensuring the maximum benefits for shareholders and the Company;

- Quyết định phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

  Decide on the plan to ensure the share offering complies with regulations on the foreign ownership limit;

- Quyết định và thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết;

  Decide and execute the handling of fractional shares and undistributed shares;

- Chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT được quyền thay đổi và/hoặc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty và các cổ đông. Việc thay đổi và/hoặc điều chỉnh phương án phát hành, phương án sử dụng vốn của HĐQT phải đảm bảo điều kiện thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có);

  Proactively develop and adjust the detailed capital utilization plan for each purpose. When necessary, the BOD is entitled to change and/or adjust the plan for using the proceeds from the offering to ensure the highest benefits for the Company and its shareholders. The BOD's changes and/or adjustments to the issuance plan or capital utilization plan must satisfy conditions falling within the BOD's deciding authority, comply with relevant legal regulations, and be reported to the nearest GMS regarding

these adjustments (if any);

- Chủ động lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng, thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sao cho phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán và nhu cầu vốn của Công ty theo các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

  Proactively select the appropriate time to deploy the public share offering plan, and the record date to close the shareholder list for exercising rights in a manner suitable to the stock market situation and the Company's capital needs based on the contents approved by the General Meeting of Shareholders;

- Thực hiện đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại VSDC, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại HSX đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành thêm theo kết quả chào bán;

  Execute the additional registration of issued shares at VSDC and additional listing registration at HSX for the total number of ordinary shares additionally issued according to the offering results;

- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi cổ phần, vốn điều lệ phù hợp với kết quả của đợt chào bán và đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định;

  Carry out the amendment and supplementation of the Company's Charter related to the change in shares and charter capital corresponding to the results of the offering, and register the changes to the Enterprise Registration Certificate per regulations;

- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng như các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua.

  Perform other tasks related to the public share offering plan in accordance with the contents approved by the GMS.

Trên đây là nội dung của Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Above are the contents of the Plan for the public offering of additional shares to existing shareholders in 2026 of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company, which the Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval by voting.

Xin trân trọng cảm ơn!

Sincerely thank you!

Nơi nhận
- Như trên;
- Lưu HĐQT, BTGĐ, BKS;
- Lưu VT.

Recipients:
- As above;
- Filed: BOD, Board of Management, Supervisory Board;
- Filed: Administration.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN OF THE BOD

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Trương Sỹ Bá

CÔNG TY CỔ PHẦN **NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM** ***BAF VIETNAM AGRICULTURE*** ***JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom – Happiness***
Số/ *Ref*: 24.07.2026/NQ-HĐQT	TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2026 *Ho Chi Minh City, July 24, 2026*

NGHỊ QUYẾT

RESOLUTION

V/v: Triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Re: Approval of the implementation of the 2026 public offering of additional shares to existing shareholders and the plan for use of proceeds from the offering

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Pursuant to Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, as amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 dated January 11, 2022 and Law No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Pursuant to Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019, as amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;

Pursuant to Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities, as amended and supplemented by Decree No. 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025;

- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025;

Pursuant to Circular No. 118/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 of the Ministry of Finance providing guidance on certain matters relating to securities offerings and issuances,

public tender offers, share repurchases, public company registration and cancellation of public company status, as amended and supplemented by Circular No. 115/2025/TT-BTC dated December 15, 2025;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty");

Pursuant to the Charter on organization and operation of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (the "Company");

- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản số 20.07.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/07/2026;

Pursuant to Resolution No. 20.07.2026/NQ-DHDCD dated July 20, 2026 of the General Meeting of Shareholders adopted by way of solicitation of shareholders' written opinions.

QUYẾT NGHỊ

RESOLVES

Điều 1: Phê duyệt triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam. Chi tiết như sau:

Article 1: To approve the implementation of the 2026 public offering of additional shares to existing shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company, with details as follows:

1. Tên tổ chức chào bán: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
   Name of offering organization: BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
   Name of shares: Shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
3. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông.
   Type of shares offered: Ordinary shares.
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
   Par value: VND 10,000 per share.
5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 364.824.906 cổ phiếu.
   Number of issued shares: 364,824,906 shares.
   Trong đó:
   Of which:
   - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 364.824.906 cổ phiếu.
     Number of outstanding shares: 364,824,906 shares.
   - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
     Number of treasury shares: 0 shares.
6. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 40.536.100 cổ phiếu.
   Number of shares registered for offering: 40,536,100 shares.
7. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá: 405.361.000.000 đồng.
   Total par value of shares expected to be offered: VND 405,361,000,000.
8. Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán: 4.053.610.060.000 đồng.
   Expected charter capital after the offering: VND 4,053,610,060,000.
9. Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phiếu.

Offering price: VND 15,000 per share.

10. Cơ sở đề xuất mức giá chào bán: Giá chào bán được xác định dựa trên các căn cứ sau:

    Basis for the proposed offering price: The offering price is determined based on the following grounds:

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu BAF tại ngày 31/03/2026 (theo BCTC Quý I/2026) là khoảng 13.500 đồng/cổ phiếu (riêng lẻ) và 14.000 đồng/cổ phiếu (hợp nhất).

  The book value of BAF shares as at March 31, 2026, based on the Q1/2026 financial statements, was approximately VND 13,500 per share on a separate basis and VND 14,000 per share on a consolidated basis.

- Giá thị trường của cổ phiếu BAF, được xác định theo giá đóng cửa điều chỉnh bình quân trong 30 ngày từ ngày 18/05/2026 đến ngày 26/06/2026, là khoảng 29.100 đồng/cổ phiếu.

  The market price of BAF shares, determined based on the average adjusted closing price over the 30-day period from May 18, 2026 to June 26, 2026, was approximately VND 29,100 per share.

- Căn cứ giá trị sổ sách của cổ phiếu BAF, giá thị trường, nhu cầu tăng vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương án sử dụng vốn, đồng thời nhằm khuyến khích cổ đông gắn bó với Công ty và đảm bảo tính khả thi của đợt chào bán, HĐQT đề xuất giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phiếu. Giá chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua.

  Based on the book value and market price of BAF shares, the need to increase capital for production and business activities under the plan for use of proceeds, and with a view to encouraging shareholders to maintain their long-term association with the Company and ensuring the feasibility of the offering, the BOD proposed an offering price of VND 15,000 per share. The offering price was approved by the GMS.

11. Tổng số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán: 608.041.500.000 đồng.

    Total proceeds expected to be raised from the offering: VND 608,041,500,000.

12. Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.

    Form of offering: Public offering of additional shares to existing shareholders by way of rights exercise.

13. Đối tượng chào bán: Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp theo quy định.

    Eligible offerees: Domestic and foreign institutional and individual shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company whose names appear on the shareholder list as at the record date for exercising the share purchase rights, as provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation in accordance with applicable regulations.

14. Tỷ lệ chào bán (số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 1/9 (tương đương khoảng 11,1111109%).

    Offering ratio (number of shares registered for offering/number of outstanding shares): 1/9 (equivalent to approximately 11.1111109%).

15. Tỷ lệ thực hiện quyền: 9:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua; cứ 09 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).

    Rights exercise ratio: 9:1 (a shareholder holding one share will receive one purchase right; every nine purchase rights entitle the holder to purchase one new share).

16. Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được tổng hợp và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết nêu tại Khoản 19.

Rounding principle: The number of additional shares offered to each existing shareholder will be rounded down to the nearest whole share. Any fractional shares will be aggregated and handled in accordance with the plan for fractional and unsubscribed shares set out in Clause 19.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 335 cổ phiếu BAF. Với tỷ lệ thực hiện quyền 9:1, cổ đông A được quyền mua 335/9 × 1 = 37,2 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 37 cổ phiếu. Phần lẻ phát sinh là 0,2 cổ phiếu sẽ không được phân phối và được tổng hợp để xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết quy định tại Khoản 19.

Example: As at the record date for exercising the rights, Shareholder A holds 335 BAF shares. At the rights exercise ratio of 9:1, Shareholder A is entitled to purchase 335/9 × 1 = 37.2 new shares. After rounding down to the nearest whole share, Shareholder A is entitled to purchase 37 shares. The resulting fraction of 0.2 share will not be distributed and will be aggregated for handling in accordance with the plan for fractional and unsubscribed shares set out in Clause 19.

17. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu được quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần; người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Giá chuyển nhượng quyền mua và việc thanh toán tiền chuyển nhượng do bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Transfer of purchase rights: Existing shareholders whose names appear on the shareholder list as at the record date for exercising the share purchase rights may transfer their purchase rights to other persons within the prescribed period. The purchase rights may be transferred only once; a transferee may not further transfer such rights to a third party. The transfer price and payment arrangements shall be agreed between the transferor and transferee, who shall be responsible for compliance with applicable law.

18. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 19. Cổ đông sở hữu cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua và số cổ phiếu phát hành thêm từ việc thực hiện quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

Transfer restrictions: Shares offered to existing shareholders are freely transferable, except as provided in Clause 19. Shareholders holding shares subject to transfer restrictions remain entitled to receive purchase rights, and the additional shares acquired through the exercise of such rights will not be subject to transfer restrictions.

19. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết:

Plan for handling fractional and unsubscribed shares:

- Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết bao gồm: (i) cổ phiếu lẻ phát sinh do nguyên tắc làm tròn; và (ii) số lượng cổ phiếu do cổ đông từ chối mua và/hoặc không đăng ký mua hết và/hoặc không thanh toán đủ tiền mua cổ phiếu khi đến hạn.

  Fractional and unsubscribed shares include: (i) fractional shares arising from the rounding principle; and (ii) shares that shareholders decline to purchase, do not fully subscribe for,

and/or fail to pay for in full by the payment deadline.

- HĐQT sẽ quyết định tiếp tục phân phối số cổ phiếu này và việc phân phối phải đảm bảo các quy định sau:

  The BOD shall decide on the continued distribution of such shares, subject to the following requirements:

  (i) HĐQT quyết định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư và số lượng cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư. Giá chào bán cho các nhà đầu tư này không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và các điều kiện chào bán không được ưu đãi hơn so với phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua;

  The BOD shall determine the criteria, list of investors and number of shares to be distributed to each investor. The offering price to such investors shall not be lower than the offering price to existing shareholders, and the offering terms shall not be more favorable than those under the offering plan for existing shareholders approved by the GMS;

  (ii) Việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết phải đảm bảo phù hợp với Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;

  The handling of fractional and unsubscribed shares must comply with Article 42 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, Clause 2 Article 195 of Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, and other relevant applicable laws;

  (iii) Số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết được phân phối cho nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;

  Fractional and unsubscribed shares distributed to other investors pursuant to a decision of the BOD will be subject to a one-year transfer restriction from the completion date of the offering;

  (iv) Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), mà vẫn còn cổ phiếu chưa chào bán hết thì số cổ phiếu này sẽ bị hủy và HĐQT sẽ quyết định kết thúc đợt chào bán.

  If, upon expiry of the statutory distribution period, including any extension, there remain undistributed shares, such shares will be cancelled and the BOD will resolve to complete the offering.

20. Thời gian dự kiến chào bán: Trong Quý III - Quý IV/2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

    Expected offering period: Q3-Q4/2026, after the State Securities Commission of Vietnam issues the Certificate of Registration for the Public Offering of Additional Shares.

21. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thành công trong đợt chào bán sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") sau khi kết thúc đợt chào bán, theo đúng quy định pháp luật có liên quan.

    Additional securities registration and additional listing: All shares successfully issued in the offering will be additionally registered with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation ("VSDC") and additionally listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange

("HOSE") after completion of the offering, in accordance with applicable law.

Điều 2: Thông qua phương án chi tiết sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026. Cụ thể như sau:

Article 2: To approve the detailed plan for use of proceeds from the 2026 public offering of additional shares to existing shareholders, as follows:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán, chưa khấu trừ các chi phí liên quan, là 608.041.500.000 đồng. Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến huy động được cho các mục đích theo thứ tự ưu tiên giảm dần như sau:

The total proceeds expected from the offering, before deduction of offering-related expenses, are VND 608,041,500,000. The Company will use all expected proceeds for the following purposes in descending order of priority:

TT *No.*	**Mục đích sử dụng vốn** ***Purpose of use of proceeds***	**Số tiền dự kiến (đồng)** ***Expected amount (VND)***	**Thời điểm giải ngân dự kiến** ***Expected disbursement period***
	Thanh toán công nợ cho nhà cung cấp cám, giống heo, phụ gia và các nguyên vật liệu, hàng hóa khác phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh chăn nuôi của BAF ***Payment of amounts payable to suppliers of animal feed, pig breeds, additives and other raw materials and goods used in BAF's livestock production and business operations***	**608.041.500.000** ***608,041,500,000***	**Quý IV/2026 - Quý II/2027** ***Q4/2026 - Q2/2027***
1	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh (mã số thuế: 3901312793) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/HD-BAF ngày 01/01/2025. *Payment for animal feed, pigs and other goods purchased from Hai Dang Tay Ninh High-Tech Livestock Joint Stock Company (tax code: 3901312793) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2025/HDNT/HD-BAF dated January 1, 2025.*	220.000.000.000 *220,000,000,000*	Quý IV/2026 - Quý II/2027 *Q4/2026 - Q2/2027*

TT *No.*	**Mục đích sử dụng vốn** ***Purpose of use of proceeds***	**Số tiền dự kiến (đồng)** ***Expected amount (VND)***	**Thời điểm giải ngân dự kiến** ***Expected disbursement period***
2	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Tân Châu (mã số thuế: 3901303492) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TC-BAF ngày 01/01/2025. *Payment for animal feed, pigs and other goods purchased from Tan Chau Agricultural Investment Company Limited (tax code: 3901303492) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2025/HDNT/TC-BAF dated January 1, 2025.*	100.000.000.000 *100,000,000,000*	Quý IV/2026 - Quý II/2027 *Q4/2026 - Q2/2027*
3	Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định (mã số thuế: 4101602537) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2026/HĐNT/BAFBD-BAF ngày 01/03/2026. *Payment for animal feed and other goods purchased from BAF Binh Dinh Agriculture Company Limited (tax code: 4101602537) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2026/HDNT/BAFBD-BAF dated March 1, 2026.*	80.000.000.000 *80,000,000,000*	Quý IV/2026 - Quý II/2027 *Q4/2026 - Q2/2027*
4	Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh (mã số thuế: 3901152973) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAFTN-BAF ngày 01/01/2025. *Payment for animal feed and other goods purchased from BAF Tay Ninh Animal Feed Company Limited (tax code: 3901152973) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2025/HDNT/BAFTN-BAF dated January 1, 2025.*	208.041.500.000 *208,041,500,000*	Quý IV/2026 - Quý II/2027 *Q4/2026 - Q2/2027*
	Tổng cộng ***Total***	**608.041.500.000** ***608,041,500,000***	

Đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi do chưa giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn nêu trên, Công ty được quyền ký kết một hoặc nhiều hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để hưởng lãi, phù hợp với tiến độ giải ngân thực tế của phương án sử dụng vốn.

For temporarily idle funds pending disbursement under the above plan for use of proceeds, the Company may enter into one or more term deposit agreements to earn interest, provided that such deposits are consistent with the actual disbursement schedule.

Trường hợp kết thúc thời gian chào bán mà Công ty không chào bán hết số cổ phiếu đã đăng ký hoặc số tiền thu được không đạt mức dự kiến để thực hiện các mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua, tùy tình hình thực tế, HĐQT sẽ thực hiện một hoặc nhiều giải pháp sau:

If, at the end of the offering period, the Company does not distribute all registered shares or the proceeds are insufficient to carry out the purposes approved by the GMS, the BOD may, depending on the actual circumstances, implement one or more of the following measures:

- Đề nghị gia hạn đợt chào bán để tiếp tục phân phối số cổ phiếu còn lại, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật;

  Apply for an extension of the offering period to continue distributing the remaining shares in compliance with applicable law;

- Bổ sung phần vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp hoặc các giải pháp khác phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đề ra;

  Fund the shortfall through other sources, such as bank borrowings, corporate bond issuances or other solutions compliant with applicable law and the Company's internal regulations, to implement the approved plans;

- Cắt giảm nguồn vốn phân bổ cho các mục đích có mức độ ưu tiên thấp hơn theo quyết định của HĐQT căn cứ tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm sử dụng vốn. Số tiền còn lại sau khi khấu trừ các chi phí liên quan đến đợt chào bán sẽ được sử dụng theo đúng phương án đã được HĐQT thông qua.

  Reduce the allocation to lower-priority purposes as decided by the BOD based on the Company's actual circumstances at the time of using the proceeds. The remaining proceeds after deduction of offering-related expenses will be used in accordance with the plan approved by the BOD.

Điều 3: Thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, cụ thể như sau:

Article 3: To approve the plan to ensure that the share offering complies with the foreign ownership limit, as follows:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty được thực hiện theo Công văn số 705/UBCK-QLCB ngày 20/02/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được xác định ở mức 39,1304%.

  The maximum foreign ownership ratio in the Company is implemented in accordance with Official Letter No. 705/UBCK-QLCB dated February 20, 2023 of the State Securities Commission of Vietnam and is set at 39.1304%.

- Theo số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC công bố ngày 16/07/2026, nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ 10.366.300 cổ phiếu BAF, chiếm 2,84% vốn điều lệ của Công ty.

  According to foreign investor ownership data published by VSDC on July 16, 2026, foreign investors held 10,366,300 BAF shares, representing 2.84% of the Company's charter capital.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam cam kết áp dụng các biện pháp theo quy định pháp luật để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau khi thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng phù hợp với Luật Chứng khoán và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company undertakes to apply measures in accordance with applicable law to ensure that the foreign ownership ratio after the public offering complies with the Law on Securities and the Company's Charter.

Đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026, tất cả cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách được phân bổ quyền mua và được thực hiện quyền mua của mình. Khi xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có), Công ty sẽ chỉ chào bán cho nhà đầu tư trong nước và không chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định.

For the 2026 public offering of additional shares to existing shareholders, all existing shareholders whose names appear on the shareholder list as at the record date will be allocated purchase rights and may exercise such rights. When handling fractional and unsubscribed shares, if any, the Company will offer such shares only to domestic investors and not to foreign investors in order to comply with the applicable foreign ownership limit.

Điều 4: Hội đồng quản trị thống nhất giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc:

Article 4: The Board of Directors assigns and authorizes the General Director to:

1. Xây dựng, hoàn thiện và ký các hồ sơ liên quan đến đợt chào bán để báo cáo, đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

   Prepare, finalize and sign documents relating to the offering for reporting and registration with the State Securities Commission of Vietnam;

2. Quyết định cụ thể ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, thời điểm và tiến độ chào bán cổ phiếu nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật;

   Determine the record date for exercising the rights and the timing and schedule of the share offering in order to protect shareholders' interests and comply with applicable law;

3. Tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến đợt chào bán theo Nghị quyết này, bao gồm nộp hồ sơ và giải trình các vấn đề liên quan đến hồ sơ chào bán với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

   Organize and carry out the work and procedures relating to the offering under this Resolution, including filing the application and providing explanations regarding the offering documents to the competent regulatory authorities;

4. Quyết định và triển khai các công việc liên quan khác theo quy định pháp luật để hoàn tất đợt chào bán.

   Decide on and implement other related matters in accordance with applicable law to complete the offering.

Điều 5: Hiệu lực và thi hành

Article 5: Effectiveness and implementation

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

  This Resolution takes effect from the date of signing.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, trưởng các đơn vị, bộ phận và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

  Members of the Board of Directors, the Executive Board, heads of relevant units and departments, and related individuals shall be responsible for implementing this Resolution.

Nơi nhận:
Recipients:

- Thành viên HĐQT;
  Members of the BOD;
- Ban Kiểm soát;
  Supervisory Board;
- Ban Tổng Giám đốc;
  Executive Board;
- Lưu: HCNS.
  Archived by HR & Administration.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯƠNG SỸ BÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

CHARTER
OF BAF VIETNAM AGRICULTURE
JOINT STOCK COMPANY

BAF
NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026
Ho Chi Minh City, April 23, 2026

MỤC LỤC / *TABLE OF CONTENTS*

PHẦN MỞ ĐẦU / REAMBLE 7
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 7
I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER 7
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 7
Article 1. Interpretation of Terms 7
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 8
II. NAME, STRUCTURE, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATIONS, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY 8
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 8
Article 2. Name, structure, headquarters, branches, representative offices, business locations, and operating duration of the Company 8
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 9
Article 3. Legal representative of the Company 9
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 10
III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND ACTIVITIES OF THE COMPANY 10
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 10
Article 4. Business objectives of the Company 10
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 14
Article 5. Scope of business and operations of the Company 14
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 14
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 14
Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders 14
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 15
Article 7. Share certificate 15
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 16
Article 8. Other securities certificates 16
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 16
Article 9. Share transfer 16
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 17
Article 10. Share Forfeiture (Applicable upon Company Incorporation) 17
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 18
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL 18

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 18
Article 11. Organizational structure, governance, and control 18
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 18
VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 18
Điều 12. Quyền của cổ đông 18
Article 12. Shareholders' rights 18
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 21
Article 13. Shareholders' obligations 21
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 22
Article 14. General Meeting of Shareholders 22
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 24
Article 15. Powers and Responsibilities of the General Meeting of Shareholders 24
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 26
Article 16. Proxy Authorization to Attend Shareholders' Meetings 26
Điều 17. Thay đổi các quyền 27
Article 17. Modification of rights 27
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 28
Article 18. Convening, Agenda, and Notice of the General Meeting of Shareholders 28
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 30
Article 19. Quorum for the General Meeting of Shareholders 30
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 30
Article 20. Procedures for Convening and Voting at the General Meeting of Shareholders 30
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 33
Article 21. Conditions for Resolutions of the General Meeting of Shareholders to be Adopted 33
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 34
Article 22. Authority and Procedures for Obtaining Written Shareholder Opinions to Adopt Resolutions of the General Meeting of Shareholders 34
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 37
Article 23. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders 37
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 38
Article 24. Petition to Annul Resolutions of the General Meeting of Shareholders 38
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 39
VII. BOARD OF DIRECTORS 39
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 39
Article 25. Nomination and Candidacy for the Board of Directors 39
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 40

Article 26. Composition and Term of the Board of Directors 40
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 41
Article 27. Powers and Responsibilities of the Board of Directors 41
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 44
Article 28. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors 44
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 45
Article 29. Chairperson of the Board of Directors 45
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 46
Article 30. Board Meetings 46
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 48
Article 31. Board Committees 48
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 49
Article 32. Corporate Governance Officer 49
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 50
VIII. CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS 50
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 50
Article 33. Organizational Structure of Management 50
Điều 34. Người điều hành Công ty 50
Article 34. Executive Officers of the Company 50
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 51
Article 35. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the Chief Executive Officer 51
IX. BAN KIỂM SOÁT 52
IX. SUPERVISORY BOARD 52
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 52
Article 36. Nomination and Election of Supervisory Board Members (Supervisors) 52
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát 52
Article 37. Composition of the Supervisory Board 52
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 53
Article 38. Head of the Supervisory Board 53
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 54
Article 39. Rights and Responsibilities of the Supervisory Board 54
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát 55
Article 40. Meetings of the Supervisory Board 55
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 55
Article 41. Remuneration, Compensation, Bonuses, and Other Benefits for Members of the Supervisory Board 55

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 56
X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER, AND OTHER EXECUTIVES 56
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 56
Article 42. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest 56
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 57
Article 43. Liability for Damages and Indemnification 57
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 58
XI. RIGHT TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS 58
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 58
Article 44. Right to Access Books and Records 58
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 59
XII. EMPLOYEES AND UNIONS 59
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 59
Article 45. Employees and unions 59
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 60
XIII. PROFIT DISTRIBUTION 60
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 60
Article 46. Profit Distribution 60
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 61
XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME 61
Điều 47. Tài khoản ngân hàng 61
Article 47. Bank account 61
Điều 48. Năm tài chính 61
Article 48. Fiscal year 61
Điều 49. Chế độ kế toán 61
Article 49. Accounting system 61
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 62
XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS 62
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 62
Article 50. Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements 62
Điều 51. Báo cáo thường niên 62
Article 51. Annual Report 62
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 62

XVI. AUDIT OF THE COMPANY 62
Điều 52. Kiểm toán 62
Article 52. Audit 62
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 63
XVII. COMPANY SEAL 63
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp 63
Article 53. Company seal 63
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 63
XVIII. DISSOLUTION OF COMPANY 63
Điều 54. Giải thể công ty 63
Article 54. Dissolution of the company 63
Điều 55. Gia hạn hoạt động 64
Article 55. Extension of Term 64
Điều 56. Thanh lý 64
Article 56. Liquidation 64
Article 57. Internal dispute resolution 65
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 66
XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER 66
Điều 58. Điều lệ công ty 66
Article 58. Company Charter 66
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 66
XXI. EFFECTIVE DATE 66
Điều 59. Ngày hiệu lực 66
Article 59. Effective Date 66

PHẦN MỞ ĐẦU / *REAMBLE*

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (sau đây gọi là "Điều lệ") đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") thông qua theo Nghị quyết số 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 .
The Charter of Organization and Operation of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Charter") has been approved by the General Meeting of Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (the "Company") in accordance with Resolution No. 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ *dated April 23, 2026.*

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ
I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Điều 1. Giải thích thuật ngữ
Article 1. Interpretation of Terms

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
For the purposes of this Charter, the following terms are construed as follows:

   a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
   Charter capital means the total par value of shares sold or subscribed for at the time of the incorporation of the Joint Stock Company and as prescribed in Article 6 of this Charter;

   b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   Voting capital means the share capital represented by shares that entitle the holder thereof to vote on matters within the competence of the General Meeting of Shareholders;

   c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
   The Law on Enterprises means the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14, issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;

   d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
   The Law on Securities means the Law on Securities No. 54/2019/QH14, issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;

   đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
   Vietnam means the Socialist Republic of Vietnam;

   e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
   Date of incorporation is the date on which the Company is first granted the Enterprise Registration Certificate (Business Registration Certificate or any equivalent document);

   g) *Người điều hành Công ty* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
   The Company's executives mean the Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officer, Chief Accountant and other executives as prescribed in the Company's Charter;

   h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

Enterprise managers mean company executives, including the Chairperson of the Board of Directors, members of the Board of Directors, Chief Executive Officer, and other individuals holding managerial positions as prescribed in the Company's Charter;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
Affiliated persons mean individuals and organizations defined in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
Shareholder means an individual or organization that owns at least one share in a joint stock company;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
Founding shareholder means any shareholder who owns at least one common share and whose name appears on the list of founding shareholders of a joint stock company;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
Major shareholder means a shareholder as defined in Clause 18, Article 4 of the Law on Securities;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
Term of operation means the operating duration of the Company as specified in Article 2 of this Charter, including any extension thereof (if any) approved by the Company's General Meeting of Shareholders;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
The stock exchange means the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
In this Charter, references to one or more other provisions or documents shall be deemed to include amendments, supplements or replacement thereof.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
Headings (Sections, Articles of this Charter) are inserted for ease of reference only and shall not affect the interpretation of the content herein.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

II. NAME, STRUCTURE, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATIONS, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Article 2. Name, structure, headquarters, branches, representative offices, business locations, and operating duration of the Company

1. Tên Công ty/ *Company name:*

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
  Company name written in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAF VIET NAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
  Company name written in English: BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: BAF.,JSC
  Abbreviated name: BAF.,JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
   The company is a joint stock company with legal entity status in accordance with prevailing laws of Vietnam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
   Registered Head Office of the Company:
   - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
     Address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City.
   - Điện thoại: 0766074787
     Phone number: 0766074787
   - Fax:
   - E-mail:
   - Website: http://baf.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
   The Company may establish branches, representative offices, and business locations for the purpose of conducting its business operations, subject to decisions of the Board of Directors and in compliance with applicable laws.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.
   Unless otherwise terminated prior to the expiration of its operating duration as specified in Clause 2, Article 54 or extended according to the provisions in Article 55 of this Charter, the Company's operating duration is indefinite from the date of incorporation.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Article 3. Legal representative of the Company

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.
The Company shall have one (01) legal representative, who shall be the General Director.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của Điều lệ này.
The rights and obligations of the legal representative shall be exercised in accordance with the provisions of the Law on Enterprises, this Charter and the Governance

Regulations issued by the Board of Directors in accordance with the provisions of this Charter.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND ACTIVITIES OF THE COMPANY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty
Article 4. Business objectives of the Company

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
   Company's business lines:

Stt/*No*	Mã ngành / *Business code*	Tên ngành, nghề kinh doanh / *Line of business*
1	0146	Chăn nuôi gia cầm / *Poultry farming*
2	0149	Chăn nuôi khác / *Other livestocks farming activities* Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh: chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi. *Details: - Raising and breeding domestic animals, other animals including pets: dogs, cats, rabbits, reptiles, insects; - Beekeeping and honey production; - Silkworm farming and cocoon production; - Production of fur and reptile skins from livestock farming activities.*
3	0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp / *Mixed farming activities*
4	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt / *Crop production support services*
5	0162	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi / *Animal farming support services*
6	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch / *Post-harvest services*
7	0164	Xử lý hạt giống để nhân giống / *Seed treatment for propagation*
8	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt / *Processing and preserving meat and meat products.* Chi tiết: - Giết, mổ, pha lóc, sơ chế, đóng gói, bảo quản thịt gia súc và gia cầm; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng tấm; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng cắt nhỏ; - Sản xuất sản phẩm từ

		thịt gồm: Xúc xích, xúc xích Italia, bánh putding, xúc xích nhiều gia vị, xúc xích hun khói, pate, thịt giăm bông; - Chế biến lục phủ ngũ tạng động vật; - Sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm khác từ thịt. *Details: - Slaughtering, butchering, processing, packaging, preserving meat of livestock and poultry; - Producing chilled or frozen meat, marinated fresh meat; - Producing chilled or frozen meat, chopped fresh meat; - Producing meat products including: Sausages, Italian sausages, pudding cakes, spiced sausages, smoked sausages, pate, ham; - Processing of animal offal; - Production, processing, and preservation of meat and other meat-based products.* (Không kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm tại trụ sở) / *(No slaughtering of livestock or poultry at headquarters)*
9	1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản / *Processing and preserving aquatic products and aquatic products*
10	1030	Chế biến và bảo quản rau quả / *Processing and preserving fruits and vegetables*
11	1040	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật / *Production of animal and vegetable oils and fats*
12	1050	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa / *Processing of milk and dairy products*
13	1061	Xay xát và sản xuất bột thô / *Milling and production of raw flour*
14	4632	Bán buôn thực phẩm / *Wholesale of food products* (không hoạt động tại trụ sở) trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật *(not conducted at headquarters) excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law*
15	4722	Bán lẻ thực phẩm/ *Retail sale of food products* (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh; trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn

		đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *(implemented according to Decision 64/2009/QD-UBND dated July 31, 2009 and Decision No. 79/2009/QD-UBND dated October 17, 2009 of the People's Committee of Ho Chi Minh City on the planning of agricultural products and food trading in Ho Chi Minh City, excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*
16	4719	Bán lẻ tổng hợp khác / *Other non-specialized retail sale* Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *Details: Retail in supermarkets and shopping centers (excluding retail of gas cylinders, liquefied petroleum gas (LPG), used motor oil, gold bars, firearms, ammunition for hunting or sports, and metal currency and in accordance with Decision 64/2009/QĐ-UBND dated July 31, 2009, of the People's Committee of Ho Chi Minh City, and Decision 79/2009/QĐ-UBND dated October 17, 2009, of the People's Committee of Ho Chi Minh City approving the agricultural product planning in Ho Chi Minh City, and excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*
17	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống / *Wholesale of agricultural and forestry raw products (except wood, bamboo, rattan) and live animals* Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác và động vật sống (không bán buôn nông sản tại trụ sở; trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *Details: Wholesale of feed and ingredients for livestock, poultry and aquatic feed; other raw agricultural and forestry products; and live animals. (No wholesale of agricultural products at the headquarters excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*

18	1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản / *Production of animal, poultry and aquatic feed*
19	4321	Lắp đặt hệ thống điện / *Electrical installation*
20	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa / *Warehousing and storage* (trừ than đá, phế liệu, hóa chất, cho thuê kho bãi) *(except for warehousing and storage of coal, scrap, chemicals, warehouse leasing)*
21	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò / *Raising and breeding cows and buffaloes*
22	0142	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa / *Raising and breading horses and other equines*
23	0144	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai / *Raising of goats, sheep, deers and sambar deers and breeding of goats, sheep, deers and sambar deers*
24	**0145** **(Chính)** *(Primary line of business)*	**Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn / *Raising and breeding pigs***
25	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước / *Construction of water supply and drainage works*
26	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) *Retail sale of other new goods (except automobiles, motorcycles, motorcycles and auxiliary parts)* Chi tiết: Bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh. *Details: Retail sale of feed and raw materials for livestock, poultry and aquatic feed in specialized stores.*

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
Company's operating objectives:

a) Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc;

To build and maintain a reputable brand, while expanding and developing in other business segments where the Company holds a competitive advantage, creating a foundation for long-term and sustainable growth.

b) Huy động và sử dụng vốn hiệu quả trong sản xuất kinh doanh;
To mobilize and use capital effectively in production and business;

c) Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty, cổ đông và người lao động;
To harmonize the interests of the State, Company, and its shareholders and employees;

d) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.
To maximize the Company's operational efficiency, generating employment and income for employees, safeguard the legitimate rights and interests of shareholders, and fulfill obligations to the State.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty
Article 5. Scope of business and operations of the Company

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
The Company is permitted to engage in business activities as specified in this Charter, which have been duly registered, any amendments of which have been notified to the business registration authority and publicly disclosed on the National Business Registration Information Portal.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, AND FOUNDING SHAREHOLDERS

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập
Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders

1. Vốn điều lệ của Công ty là **3.040.216.420.000 VNĐ** (Ba nghìn không trăm bốn mươi tỷ hai trăm mười sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).
The Company's charter capital is VND 3,040,216,420,000 (Three trillion, forty billion, two hundred sixteen million, four hundred twenty thousand Vietnamese Dong)

   Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 304.021.642 cổ phần (Ba trăm linh bốn triệu, không trăm hai mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi hai cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
The total charter capital of the Company is divided into 304,021,642 shares (Three hundred and four million, twenty-one thousand, six hundred forty-two shares) with a par value of VND 10,000/share.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
The company may change its charter capital when approved by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
As of the date of adoption of this Charter, the Company's shares consist solely of common shares. The rights and obligations of shareholders holding such shares are stipulated in Article 12 and Article 13 of this Charter.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
The Company may issue other classes of preferred shares upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

5. Tính đến thời điểm Điều lệ này được thông qua, Công ty không còn các quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập.
As of the date of adoption of this Charter, no restrictions on the transfer of shares held by founding shareholders remain in effect.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
Common shares must be offered with priority to existing shareholders in proportion to their holdings in the Company, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. Any shares that shareholders not subscribed for will be allocated at the discretion of the Board of Directors of the Company. The Board of Directors may allocate such shares to shareholders or others parties provided that the terms and conditions are not more favorable than those offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
The Company may repurchase its own issued shares in accordance with the procedures set forth herein and applicable laws.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
The Company may issue other types of securities as prescribed by law.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu
Article 7. Share certificate

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
Shareholders of the Company are issued share certificates corresponding to the number of shares and class of shares owned.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
Share certificate is a type of security that certifies the legal rights and interests of the holder in a portion of the share capital of the issuing organization. Each share certificate must include all the information as prescribed in Clause 1, Article 121 of the Law on Enterprises.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
Within thirty (30) days from the date the Company receives a complete and valid application for the transfer of ownership of shares as prescribed by the Company, or within two (02) months from the date of full payment for the shares as prescribed in the

Company's share issuance plan (or within another period specified in the terms of issuance), the shareholder shall be issued a share certificate. Shareholders shall not be required to pay any fee for the printing of the share certificates.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
In case a share certificate is lost, damaged, or destroyed, the shareholder may request a re-issuance of the certificate. Such request must include the following:

   a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
   Information about the share certificate that has been lost, damaged, or destroyed;

   b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
   A written commitment to assume full responsibility for any disputes that may arise from the re-issuance of the certificate.

5. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông. Đồng thời việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, tài liệu cho cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.
In case a shareholder changes their contact address, they must promptly notify the Company to update the shareholder register accordingly. The Company shall not be liable for any failure to contact a shareholder due to that shareholder's failure to notify the Company of their updated contact information. Moreover, the inability to contact or send letters or documents to shareholders due to the lack of such notice will not affect the procedures for convening the General Meeting of Shareholders, soliciting written consent of shareholders, delivering documents, or the validity of resolutions by the General Meeting of Shareholders.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác
Article 8. Other securities certificates

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
Bond certificates or other securities certificates issued by the Company shall bear the signature of the legal representative and the seal of the Company.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần
Article 9. Share transfer

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
All shares are free to transfer unless otherwise provided by this Charter and the law. Shares listed and registered for trading on the Stock Exchange shall be transferred in accordance with the provisions of the Law on Securities and the stock market.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Unpaid shares may not be transferred and shall not entitle the holder any shareholder rights, including the right to receive dividends, bonus shares issued from equity capital, the right to purchase newly offered shares and other entitlements as prescribed by law.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)
Article 10. Share Forfeiture (Applicable upon Company Incorporation)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
   In case that a shareholder fails to pay in full and on time the amount due for the purchase of shares, the Board of Directors shall notify and has the right to demand payment of the outstanding amount. The shareholder shall be be liable, to the extent of the total par value of the shares subscribed, for any financial obligations of the Company arising from the non-payment.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
   The payment notice must clearly state the new payment period (at least seven (07) days from the date of sending the notice), the payment location and must clearly state that in case of non-payment by the deadline will result in the forfeiture of the unpaid shares.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
   The Board of Directors has the right to forfeit any shares for which full and timely payment has not been made in accordance with the payment notice.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
   Shares that are forfeited shall be deemed to be authorized but unissued shares as prescribed in Clause 3, Article 112 of the Law on Enterprises. The Board of Directors may sell or redistribute such shares according, directly or through authorized agent, on such terms and in such manner as the Board of Directors deems appropriate.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
   A shareholder whose shares have been forfeited shall cease to be a shareholder in respect of those shares, but shall remain liable for the total par value of the shares subscribed, for any financial obligations of the Company arising at the time of the forfeiture, as determined by the Board of Directors, from the date of forfeiture until the full payment is made. The Board of Directors shall have full authority to enforce payment of the full value of the shares at the time of forfeiture.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.
   Notice of forfeiture shall be sent to the holder of the shares prior to the date of forfeiture. The forfeiture shall remain effective notwithstanding any error or omission in the delivery of the notice.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát
Article 11. Organizational structure, governance, and control

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
The Company's organizational structure, governance, and control structure includes:

1. Đại hội đồng cổ đông. / *General Meeting of Shareholders.*

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. / *Board of Directors, Supervisory Board.*

3. Tổng giám đốc. / *Chief Executive Officer.*

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Điều 12. Quyền của cổ đông
Article 12. Shareholders' rights

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
Common shareholders shall have the following rights:

   a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   To attend and speak at the General Meeting of Shareholders, and to exercise voting rights either directly, or through a proxy, or by other means as prescribed by the Company's Charter and applicable law. Each common share carries one vote;

   b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   To receive dividends at the rate decided by the General Meeting of Shareholders;

   c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
   To have a pre-emptive right to purchase newly issued shares in proportion to their holdings of common shares in the Company;

   d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
   To freely transfer their shares to others, except as restricted under Clause 3, Article 120, Clause 1, Article 127 of the Law on Enterprises and other relevant legal provisions;

   đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
   To review, inspect, and extract information about names and contact addresses listed in the register of shareholders with eligible to vote; and to request correction of inaccurate information;

   e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   To review, inspect, extract or copy the Company's Charter, minutes of the General Shareholders Meeting and Resolutions of the General Shareholders Meeting;

   g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

In the event of the Company's dissolution or bankruptcy, to receive a portion of the remaining assets in proportion to their shareholding;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
To request the Company to repurchase shares in circumstances specified in Article 132 of the Law on Enterprises;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
To be treated equally. Each share of the same class confers upon the shareholder equal rights, obligations, and benefits. In case the Company issues preferred shares, the rights and obligations attached to such shares must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
To have full access to periodic and ad hoc information disclosed by the Company in accordance with the provisions of law;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
To have their legitimate rights and interests protected; to petition for the suspension or annulment of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors in accordance with the provisions of the Law on Enterprises;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
To enjoy other rights as prescribed by law and this Charter.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
A shareholders or groups of shareholders holding at least 5% of the total common shares shall have the following rights:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
To request the Board of Directors to convene a General Meeting of Shareholders in accordance with the provisions of Clause 3, Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
To review, inspect, and extract meeting minutes, resolutions and decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Supervisory Board, contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors and other documents, except those concerning trade secrets and confidential business information;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý

của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
To request the Supervisory Board to invest specific matters related to the management and operation of the Company when deemed necessary. The request must be made in writing and must include the following: Full name, contact address, nationality, legal identification of each individual shareholder; name, business registration number or legal document number of the organization, head office address for institutional shareholders; number of shares and time of share registration of each shareholder, total number of shares and registration time for each shareholder, total number of shares and percentage of ownership of the shareholder group; the matter to be investigated, purpose of the investigation;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
To propose matter to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. Such proposal must be submitted in writing and sent to the Company at least three (03) working days prior to the meeting. The proposal must clearly state the name of the shareholder, the number of each class of shares held by the shareholder, and the matter to be included in the meeting agenda;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
To enjoy other rights as prescribed by law and this Charter.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
A shareholder or groups of shareholders holding at least 10% of the total common shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors and Supervisory Board. The nomination process of candidates to the Board of Directors and the Supervisory Board shall be as follows:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
Ordinary shareholders may a group to nominate candidates to the Board of Directors and the Supervisory Board and must notify other shareholders of such grouping prior to the opening of the General Meeting of Shareholders;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
Based on the number of members of the Board of Directors and the Supervisory Board, shareholders or groups of shareholders specified in this clause shall have the right to nominate one or more candidates for election to the Board of Directors and the Supervisory Board, according to the decision of the General Meeting of Shareholders. In case the number of candidates nominated by a shareholder or group of shareholders is fewer than the number they are entitled to nominate, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors, the Supervisory Board, or other shareholders.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông
Article 13. Shareholders' obligations

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:
Common shareholders have the following obligations:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
   To pay the full amount and on time for the shares subscribed.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
   Not to withdraw the contributed capital in any form, except in where such shares are repurchased by the Company or transferred to others. In case a shareholder unlawfully withdraws part or all of their contributed capital, that shareholder and or any related beneficiaries shall be jointly liable for the debts and other obligations of the Company to the extent of the withdrawn capital and any resulting damages.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
   To comply with the Company's Charter and Internal Management Rules.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
   To abide by resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and Board of Directors.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
   To maintain the confidentiality of information provided by the Company according to the provisions of the Company Charter and the law; to use such information to exercise and protect their legitimate rights and interests; and not to disseminate, copy or send information provided by the Company to other organizations and individuals.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
   To attend the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights through any of the following forms:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
      Attending and voting directly at the meeting;

   b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
      Appointing a proxy to attend and vote at the meeting;

   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
      Attending and voting via online conference, electronic voting or other electronic form;

   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
      Submitting voting ballots to the meeting via mail, fax, or email;

   đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
      Submitting voting ballots by other means as prescribed in the Company's Charter.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
To assume personal responsibility when acting on behalf of the Company in any of the following:

a) Vi phạm pháp luật;
Engaging in any activities that violate the law;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
Conducting business and entering into transactions for personal gain or for the benefit of other organizations or individuals;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
Settling debts before maturity when the Company is facing financial risks.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
To fulfill other obligations as prescribed by current laws.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông
Article 14. General Meeting of Shareholders

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
The General Meeting of Shareholders, consisting of all shareholders with voting rights, is the highest decision-making body of the Company. The General Meeting of Shareholders shall be convened once a year and within four (04) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may extend the annual General Meeting of Shareholders, if necessary, but not more than six (06) months from the end of the fiscal year. In addition to the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may convene on an extraordinary basis. The venue of the General Meeting of Shareholders shall be determined on the location where the Chairperson is present and must be within the territory of Vietnam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
The Board of Directors shall convene the Annual General Meeting of Shareholders and select a suitable venue. The annual general meeting of shareholders shall decide on matters as prescribed by law and the Company's Charter, particularly the approval of the audited annual financial statements. In case the Company's annual financial statement audit report contains material qualifications, adverse opinion, or a disclaimer of opinion, the Company must invite a representative of the approved audit firm to attend the Annual General Meeting of Shareholders. The said representative of the approved audit firm is obliged to attend the Company's Annual General Meeting of Shareholders.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
The Board of Directors must convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
The Board of Directors deems it necessary for the benefit of the Company;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
When the number of members on the Board of Directors or the Supervisory Board falls below the statutory minimum;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
At the request of a shareholder or group of shareholders as prescribed in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises; the request to convene a meeting of the General Meeting of Shareholders must be in writing, clearly stating the reason and purpose of the meeting, and must bear the signatures of the relevant shareholders. The written request may consists of multiple copies, each bearing the signatures of the relevant shareholders;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
At the request of the Supervisory Board;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
Other cases as provided by law or this Charter.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Convening an Extraordinary General Meeting of Shareholders

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
The Board of Directors must convene the meeting within thirty (30) days from the date the number of members of the Board of Directors, independent directors of the Board of Directors or members of the Supervisory Board falls below the legal threshold as prescribed in Point b, Clause 3 of this Article or upon receiving a valid request as prescribed in Point c and Point d, Clause 3 of this Article;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
In case the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed in Point a, Clause 4 of this Article, the Supervisory Board shall, within the next thirty (30) days, take over the responsibility of convening the meeting as prescribed in Clause 3, Article 140 of the Law on Enterprises;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

If the Supervisory Board also fails to convene the meeting as prescribed under Point b, Clause 4 of this Article, the requesting shareholder or group of shareholders mentioned in Point c, Clause 3 of this Article may request the Company's legal representative to convene the meeting pursuant to the Law on Enterprises.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
In such cases, the requesting shareholder(s) may petition the Business Registration Authority to oversee the procedures for convening, conducting, and resolving the meeting. All costs incurred in convening and organizing the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. This does not include expenses borne by shareholders for attending the meeting, including travel and accommodation costs.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
The procedure for organizing the General Meeting of Shareholders shall comply with Clause 5, Article 140 of the Law on Enterprises.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
Article 15. Powers and Responsibilities of the General Meeting of Shareholders

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
The General Meeting of Shareholders shall have the following powers and responsibilities:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
To approve the Company's development strategy;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
To decide on the types of shares and the total number of shares of each type to be offered; and to determine the annual dividend rate for each class of shares;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
To elect, remove, or dismiss members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
To approve investment or disposal of assets valued at 35% or more of the total assets as recorded in the most recent financial statements of the Company;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
To amend or supplement the Company's Charter;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
To approve the Company's annual financial statements;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
To decide on the repurchase of more than 10% of the total issued shares of any class;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

To review and take appropriate actions regarding violations committed by members of the Board of Directors or the Supervisory Board that result in losses to the Company or its shareholders;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
To decide on the reorganization or dissolution of the Company;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
To determine the budget or the total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
To approve the internal corporate governance regulations and the operational regulations of the Board of Directors and the Supervisory Board;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
To approve the list of approved audit firms; to appoint an approved audit firm to audit the Company's operations, and to dismiss such firm when deemed necessary;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
To exercise other powers and fulfill other responsibilities in accordance with the law.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
The Annual General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following matters:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
The Company's annual business plan;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
The audited annual financial statements;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
The report of the Board of Directors on corporate governance and its performance, including that of individual members;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
The Supervisory Board's report on the Company's business results, and the performance of the Board of Directors and the General Director;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
The self-assessment report on the activities of the Supervisory Board and each of its members;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
The dividend rate for each class of shares;

g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
The budget or total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;

h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
The list of approved audit firms; and the decision to appoint an audit firm to examine the Company's operations if necessary;

i) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
Other matters within its authority.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
All resolutions and matters included in the meeting agenda must be presented, discussed, and voted upon at the General Meeting of Shareholders.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
Article 16. Proxy Authorization to Attend Shareholders' Meetings

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
Shareholders, or their authorized representatives who are organizations, may attend the meeting in person or may authorize one or more individuals or organizations to attend on their behalf, or attend the meeting through one of the methods specified in Clause 3, Article 144 of the Enterprise Law.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Any authorization for an individual or organization to attend the General Meeting of Shareholders under Clause 1 of this Article must be made in writing. The written proxy must comply with civil law regulations and clearly state the name of the authorizing shareholder, the name of the authorized individual or organization, the number of shares authorized, the scope and content of the authorization, its duration, and must bear the signatures of both the authorizing party and the authorized party.

   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
   Authorized representatives attending the General Meeting must present the written proxy upon registration. In the case of sub-delegation (re-authorization), the attending representative must also present the original proxy from the shareholder or from the initial authorized representative (if this has not yet been registered with the Company).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
Votes cast by an authorized representative within the scope of their proxy shall remain valid in the following situations, unless:

   a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   The shareholder who granted the proxy has passed away, lost or had limited legal capacity;

   b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

The shareholder has revoked the authorization;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
The shareholder has revoked the authority of the person granting the proxy.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
This clause shall not apply if the Company receives notification of any of the above events prior to the commencement of the General Meeting or prior to the reconvening of such meeting.

Điều 17. Thay đổi các quyền
Article 17. Modification of rights

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
Any modification or cancellation of special rights attached to a class of preferred shares shall only take effect if approved by shareholders representing at least 65% of the total voting rights of all shareholders present at the meeting. A resolution of the General Meeting of Shareholders that adversely affects the rights or obligations of holders of preferred shares of a specific class shall only be passed if it is approved by shareholders holding at least 75% of the total number of such preferred shares present at the meeting, or shareholders holding at least 75% of the total number of such preferred shares, in the case of approval by written consent.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
A meeting of shareholders holding a specific class of preferred shares to vote on such changes shall only be valid if attended by at least two shareholders (or their authorized representatives) holding no less than one-third of the total par value of the issued shares of that class. If the required quorum is not met, the meeting may be reconvened within 30 days. At the reconvened meeting, any number of shareholders of that class present in person or by proxy—regardless of the number of shares held—shall constitute a valid quorum. At such meetings, any shareholder holding shares of that class, whether attending in person or by proxy, may request a secret ballot. Each share of the same class shall carry equal voting rights at such meetings.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
The procedures for convening and conducting these separate meetings shall be carried out in accordance with the provisions set forth in Articles 19, 20, and 21 of this Charter.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.
Unless otherwise provided in the terms of share issuance, the special rights attached to preferred shares with respect to the distribution of profits or Company assets shall not be affected by the issuance of additional shares of the same class.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông
Article 18. Convening, Agenda, and Notice of the General Meeting of Shareholders

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
The Board of Directors shall convene the Annual General Meeting of Shareholders and any Extraordinary General Meetings. Extraordinary General Meetings must be convened in accordance with the circumstances set forth in Clause 3, Article 14 of this Charter.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
The convener of the General Meetings must perform:

   a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
   Prepare the list of shareholders eligible to attend and vote at the General Meeting. This list must be compiled no more than ten (10) days prior to the date the meeting notice is sent. The Company shall announce the record date for determining shareholders entitled to attend the General Meeting at least twenty (20) days prior to the record date.

   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
   Prepare the meeting agenda and content;

   c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
   Prepare meeting materials;

   d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
   Draft proposed resolutions for the General Meeting based on the anticipated agenda;

   đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
   Determine the time and venue for the meeting;

   e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
   Notify and send the meeting invitation to all shareholders entitled to attend;

   g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
   Carry out other tasks necessary for the organization of the meeting.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ

ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
The meeting invitation must be sent to all eligible shareholders by a method that ensures delivery to the contact address provided by each shareholder. It must also be published on the Company's website and disclosed to the State Securities Commission and the stock exchange where the Company's shares are listed or registered for trading. The convener must send the invitation no later than twenty-one (21) days prior to the meeting date (counting from the date the notice is validly sent or delivered). The meeting agenda and documents relating to the matters to be voted on at the meeting must be either sent to shareholders and/or published on the Company's website. If such documents are not enclosed with the invitation, the invitation must clearly state the web link where the full meeting materials can be accessed. This includes:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
The meeting agenda and supporting materials;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
List and details of candidates for election to the Board of Directors or the Supervisory Board (if applicable);

c) Phiếu biểu quyết;
Voting ballot;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
Draft resolutions for each matter on the agenda.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
Shareholders or groups of shareholders as defined in Clause 2, Article 12 of this Charter may propose items for inclusion in the meeting agenda. Such proposals must be submitted in writing and delivered to the Company no later than three (03) working days prior to the date of the meeting. The written proposal must specify the name of the shareholder(s), the number and class of shares held, and the matter(s) proposed for inclusion in the agenda.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
The person convening the General Meeting of Shareholders may decline the proposal referred to in Clause 4 of this Article if:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
The proposal does not comply with the provisions of Clause 4 of this Article;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
At the time of the proposal, the shareholder or group of shareholders does not meet the minimum 5% shareholding requirement as prescribed in Clause 2, Article 12 of this Charter;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

The proposed matter is not within the authority of the General Meeting of Shareholders;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
Other cases as provided by law or this Charter.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
Unless one of the exceptions in Clause 5 applies, the convener must include any valid proposal under Clause 4 in the tentative agenda. Such proposal will be officially added to the meeting agenda and content upon approval by the General Meeting of Shareholders.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
Article 19. Quorum for the General Meeting of Shareholders

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
The General Meeting of Shareholders may proceed when shareholders attending the meeting represent more than 50% of the total voting shares.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
If the first meeting does not meet the quorum requirement set out in Clause 1 of this Article, a second meeting invitation must be sent within 30 days from the intended date of the first meeting. The second General Meeting of Shareholders may proceed if shareholders attending represent at least 33% of the total voting shares.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
If the second meeting still fails to meet the quorum requirement stated in Clause 2 of this Article, a third meeting invitation must be sent within twenty (20) days from the intended date of the second meeting. The third General Meeting of Shareholders may proceed regardless of the number of voting shares represented by shareholders in attendance.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
Article 20. Procedures for Convening and Voting at the General Meeting of Shareholders

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
Prior to the commencement of the meeting, the Company shall conduct shareholder registration and continue registering until all eligible shareholders or their proxies present have completed registration, in the following order:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành

hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
Upon registration, each shareholder or authorized representative with voting rights shall be issued a voting card indicating their registration number, full name, name of the authorized representative (if any), and the number of votes they hold. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each matter listed in the meeting agenda. Voting shall be conducted in three options: in favor, against, or abstain. At the meeting, votes in favor are collected first, followed by votes against; then the total number of votes for and against shall be counted to determine the outcome. The vote-counting results must be announced by the Chairperson before the meeting is adjourned. The meeting shall elect members to the vote-counting committee or vote-counting supervisors based on the Chairperson's proposal. The number of vote counters shall be decided by the General Meeting of Shareholders.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
Shareholders, representatives of institutional shareholders, or authorized individuals who arrive after the meeting has commenced may still register upon arrival and participate in discussions and voting immediately thereafter. The Chairperson is not required to pause the meeting to accommodate late attendees, and previously adopted resolutions shall remain valid.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
The election of the Chairperson, Secretary, and Vote-Counting Committee shall follow these provisions:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
The Chairperson of the Board of Directors shall preside over the meeting or may authorize another Board member to do so. If the Chairperson is absent or temporarily incapacitated, the remaining Board members shall elect one among them to serve as Chairperson by majority vote. If no Chairperson is elected, the Head of the Supervisory Board shall facilitate the election of a Chairperson from among those present at the meeting, with the person receiving the highest number of votes becoming the Chairperson.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
In cases not covered by point (a), the person who signed the notice to convene the meeting shall preside over the election of the Chairperson, with the nominee receiving the highest number of votes assuming the role.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
The Chairperson shall appoint one or more individuals to act as meeting secretaries.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
The General Meeting of Shareholders shall elect one or more members to the vote-counting committee based on the Chairperson's recommendation.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
The meeting agenda and contents must be approved at the beginning of the General Meeting. The agenda should specify the timing of each item in detail.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
The Chairperson shall have the authority to take all necessary and reasonable measures to ensure that the meeting is conducted in an orderly manner, follows the approved agenda, and reflects the will of the majority of attendees. These measures may include:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
Organizing seating at the meeting venue;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
Ensuring the safety of all attendees;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
Facilitating participation (or continued participation) by shareholders. The person convening the meeting shall have full authority to amend these measures and take any actions deemed necessary, including issuing admission passes or adopting other suitable methods.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
The General Meeting of Shareholders shall deliberate and vote on each matter in the agenda. Voting shall follow the format of in favor, against, or abstain. Vote-counting results shall be announced by the Chairperson before the meeting concludes.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
Shareholders or their authorized representatives who arrive after the meeting has commenced may still register and vote from the time of registration onward; all previous resolutions adopted before their arrival shall remain valid.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
The convener or Chairperson of the meeting shall have the right to:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
Require all attendees to undergo lawful and reasonable security checks or other procedures;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển

bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
Request the assistance of competent authorities to maintain order and expel individuals who do not comply with the Chairperson's instructions, intentionally cause disruption, obstruct the meeting, or refuse to undergo required security procedures.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
The Chairperson may postpone the meeting—where a valid quorum has been established—for no more than three (03) working days from the original meeting date and only under the following circumstances:

   a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
   The meeting venue lacks adequate seating for all attendees;

   b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
   Communication facilities at the venue are insufficient to ensure participation, discussion, and voting by shareholders;

   c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
   Disruptive or disorderly behavior by attendees threatens the fairness or legality of the meeting.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
If the Chairperson postpones or suspends the meeting in violation of Clause 8 of this Article, the General Meeting may elect another attendee to preside over the remainder of the meeting. All resolutions passed during such a meeting shall remain valid and enforceable.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
Where the Company uses modern technology to organize a General Meeting via online platforms, it must ensure that shareholders can participate and vote electronically in accordance with Article 144 of the Law on Enterprises and Clause 3, Article 273 of Decree No. 155/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government, guiding the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua
Article 21. Conditions for Resolutions of the General Meeting of Shareholders to be Adopted

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
Resolutions on the following matters shall be adopted when approved by shareholders representing at least 65% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, unless otherwise stipulated in Clauses 3, 4 and 6, Article 148 of the Law on Enterprises:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
The types of shares and the total number of shares for each type;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
Changes to the Company's business lines or areas of operation;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
Changes to the Company's organizational and management structure;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
Investment projects or asset sales with a value of 35% or more of the Company's total asset value as recorded in the most recent financial statements;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
Reorganization or dissolution of the Company.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
Other resolutions shall be deemed adopted when approved by shareholders holding more than 50% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, unless otherwise specified in Clause 1 of this Article and Clauses 3, 4, and 6 of Article 148 of the Law on Enterprises.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
Any resolution of the General Meeting of Shareholders that is unanimously approved by 100% of the voting shares shall be deemed legally valid and effective regardless of whether the procedures for convening and voting on such resolution were in compliance with the Law on Enterprises or this Charter.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Article 22. Authority and Procedures for Obtaining Written Shareholder Opinions to Adopt Resolutions of the General Meeting of Shareholders

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:
The authority and procedures for obtaining written opinions from shareholders to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be as follows:

1. Trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này có quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn cả các trường hợp nêu tại điểm a, b, c, d, đ, g khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và cả trong các trường hợp sau đây:
Unless otherwise provided by law or this Charter, the Board of Directors may collect written opinions from shareholders to adopt resolutions of the General Meeting of Shareholders on any matter within its authority, if deemed necessary for the Company's interests. This includes, but is not limited to, the cases outlined in Points a, b, c, d, đ, and g of Clause 2, Article 147 of the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14, as well as the following:

a) Thay đổi vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu và/hoặc chào bán cổ phiếu và/hoặc mua lại cổ phiếu quỹ để hủy bỏ làm giảm vốn điều lệ.

Changes to the Company's charter capital through the issuance and/or sale of additional shares, or the repurchase and cancellation of treasury shares to reduce charter capital;

b) Phát hành trái phiếu theo các hình thức như sau: Trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền…;
Issuance of different types of bonds, including convertible bonds, bonds with warrants, etc.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
The Board of Directors must prepare the voting form, a draft resolution of the General Meeting of Shareholders, and supporting explanatory materials, and deliver them to all eligible voting shareholders no later than ten (10) days prior to the deadline for returning the completed voting form. The method of delivery must comply with Clause 3, Article 18 of this Charter.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
The voting form must contain at least the following information:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
Name, head office address, and enterprise registration number of the Company;

b) Mục đích lấy ý kiến;
Purpose of collecting written opinions;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
For individual shareholders: full name, contact address, nationality, and legal identification number; for organizational shareholders: name, enterprise registration number or legal identification document, head office address, and representative's details; number and type of shares held and corresponding voting rights;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
Matters to be voted on;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
Voting options for each matter (agree, disagree, no opinion);

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
Deadline for returning the completed voting form to the Company;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
Shareholders may return completed voting forms to the Company via post, fax, or email, under the following conditions:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ

đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
For postal submissions, the form must be signed by the shareholder (if an individual), or by the legal or authorized representative (if an organization). The form must be sealed in an envelope and may not be opened prior to the vote count;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
For fax or email submissions, forms must remain confidential until the vote counting;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
Forms that are submitted after the deadline, or opened (in the case of postal submissions), or disclosed prematurely (in the case of fax/email), shall be deemed invalid. Failure to return the form shall be considered as non-participation in voting.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
The Board of Directors shall tally the votes and prepare a vote-counting minutes, witnessed by the Supervisory Board or a shareholder who does not hold any management position in the Company. The vote-counting minutes must include:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
Name, head office address, and enterprise registration number of the Company;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
Purpose and specific issues for which written opinions were sought;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
Number of shareholders and voting shares participating in the vote, distinguishing between valid and invalid votes, and the voting method used, along with an appendix listing participating shareholders;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
Total number of votes for, against, and abstaining for each matter;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
Matters approved and the corresponding approval ratios;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors, vote counters, and vote-counting observers.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
All members of the Board of Directors, vote counters, and observers shall bear joint responsibility for the truthfulness and accuracy of the vote-counting minutes, as well as for any damages resulting from dishonest or inaccurate vote counting.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết

có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
The minutes of vote counting and the resulting resolution must be delivered to all shareholders within fifteen (15) days from the date vote counting is completed. Alternatively, the minutes and resolution may be published on the Company's official website within twenty-four (24) hours of the conclusion of vote counting, in lieu of direct delivery.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
The completed voting ballots, the minutes of vote counting, the approved resolution, and any supporting documents distributed along with the voting ballot must be retained at the Company's principal office.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
A resolution passed through the form of written consultation shall be deemed valid and effective as if it were adopted at a General Meeting of Shareholders, provided it receives affirmative votes from shareholders representing more than 50% of the total voting shares of all shareholders entitled to vote.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
Article 23. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
A General Meeting of Shareholders must be recorded in written minutes and may also be audio recorded or stored in another electronic format. The minutes must be prepared in Vietnamese and may be accompanied by a version in a foreign language, and must include the following key information:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   Name, head office address, and enterprise registration number of the Company

   b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   Date, time, and venue of the meeting;

   c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
   The meeting agenda and contents;

   d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
   Full names of the Chairperson and the Secretary;

   đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
   A summary of the proceedings and key opinions expressed on each agenda item;

   e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   The number of shareholders and total voting rights represented at the meeting, along with an appendix listing registered shareholders and their representatives, indicating the number of shares and corresponding voting rights;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
The total number of votes cast for each matter, specifying the method of voting, number of valid and invalid votes, and the breakdown of votes in favor, against, or abstaining; including the percentage corresponding to the total votes of attending shareholders;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
Matters that were approved and the respective approval ratios;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
Full names and signatures of the Chairperson and the Secretary. If the Chairperson and/or the Secretary refuses to sign the minutes, the minutes shall remain valid if signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and contain all required information under this clause. The minutes must clearly state any refusal by the Chairperson or Secretary to sign.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
The minutes of the General Meeting of Shareholders must be finalized and approved before the meeting is adjourned. The Chairperson, Secretary, or any person who signs the minutes shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of its contents.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
Both the Vietnamese and foreign-language versions of the minutes shall have equal legal effect. In case of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
The resolution, minutes of the General Meeting of Shareholders, the appendix of registered shareholders bearing their signatures, proxies, and any accompanying documents or materials referenced in the meeting invitation must be disclosed in accordance with applicable regulations on information disclosure in the securities market, and must be retained at the Company's principal office.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Article 24. Petition to Annul Resolutions of the General Meeting of Shareholders

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
Within ninety (90) days from the date of receipt of a resolution, minutes of the General Meeting of Shareholders, or the minutes of the vote counting conducted via written consultation, any

shareholder or group of shareholders as defined in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises shall have the right to request a court or arbitration body to review and annul the resolution, or a part thereof, in the following cases:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
   The procedures for convening the meeting or adopting the resolution seriously violated the provisions of the Law on Enterprises or the Company's Charter, except as provided in Clause 3, Article 21 of this Charter.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
   The content of the resolution is in violation of applicable laws or this Charter.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VII. BOARD OF DIRECTORS

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị
Article 25. Nomination and Candidacy for the Board of Directors

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
   If candidates for the Board of Directors have been identified, the Company must publicly disclose information regarding such candidates at least ten (10) days prior to the date of the General Meeting of Shareholders, via the Company's official website, to allow shareholders sufficient time to review the candidates before voting. Each candidate must provide a written commitment confirming the accuracy and truthfulness of their personal information and affirming their willingness to perform their duties with integrity, diligence, and in the best interests of the Company if elected as a member of the Board of Directors. Disclosed information on each candidate shall include:

   a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
      Full name, date of birth;

   b) Trình độ chuyên môn;
      Professional qualifications;

   c) Quá trình công tác;
      Employment history;

   d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
      Other managerial or directorship positions held (including positions on boards of other companies);

   đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
      Any interests related to the Company or its affiliated parties;

   e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
      Any other information (if applicable) as required by the Company's Charter;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
The Company shall be responsible for disclosing any companies in which the candidate currently holds a position as a member of the Board of Directors, holds other management roles, or has interests related to those companies (if applicable).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
A shareholder or group of shareholders owning 10% or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates for the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises and this Charter.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
If, after nominations and self-nominations, the number of candidates remains insufficient to meet the requirements stipulated in Clause 5, Article 115 of the Law on Enterprises, the incumbent Board of Directors shall be responsible for nominating additional candidates or organizing nominations in accordance with this Charter, the Company's internal corporate governance regulations, and the Board's operating rules. Any nomination by the incumbent Board of Directors must be clearly disclosed before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Board, in accordance with the law.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
Members of the Board of Directors must meet the eligibility criteria and conditions specified in Clause 1 and Clause 2, Article 155 of the Law on Enterprises and the Company Charter.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
Article 26. Composition and Term of the Board of Directors

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
The Board of Directors shall consist of five (05) members.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
The term of office for each member of the Board of Directors shall not exceed five (05) years. Members may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only serve as an independent member of the Board of Directors of the Company for no more than two (02) consecutive terms. In the event all members of the Board of Directors complete their term of office simultaneously, such members shall continue to serve until new members are elected and assume their responsibilities.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
The structure of the Board of Directors shall be as follows:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu một (01) thành viên độc lập.
The Board of Directors of the Company must include at least one (01) non-executive member. The Company shall minimize the number of Board members concurrently holding executive positions within the Company to ensure the independence of the Board. The total number of independent members on the Board must comply with applicable regulations and shall include at least one (01) independent member.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
A member shall cease to be a member of the Board of Directors if dismissed, removed, or replaced by resolution of the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 160 of the Law on Enterprises.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
The appointment of members to the Board of Directors must be disclosed in accordance with laws and regulations on information disclosure applicable to the securities market.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
Members of the Board of Directors are not required to be shareholders of the Company.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
Article 27. Powers and Responsibilities of the Board of Directors

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
The Board of Directors is the governing body of the Company, vested with full authority to act on behalf of the Company in making decisions and performing the rights and obligations of the Company, except for those matters falling under the authority of the General Meeting of Shareholders.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
The powers and responsibilities of the Board of Directors are determined by law, the Company's Charter, and resolutions of the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors shall have the following powers and duties:

   a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
   To determine the Company's strategy, medium-term development plans, and annual business plans;

   b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   To propose the classes of shares and the total number of shares of each class that may be offered;

   c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
   To decide on the sale of unsold shares within the scope of authorized share offerings for each class; and to determine other methods of capital mobilization;

   d) Quyết định giá bán cổ phần;

To decide on the offering price of share;

d) Quyết định phương án phát hành trái phiếu, giá bán trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trái phiếu của Công ty, bao gồm cả trái phiếu phát hành riêng lẻ, trái phiếu phát hành ra công chúng (ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định);
To decide on the bond issuance plan, including the bond type, offering price, total value, and timing of the Company's bond offerings, including both private placements and public offerings (excluding convertible bonds and bonds with warrants, which shall be decided by the General Meeting of Shareholders);

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
To decide on the repurchase of shares in accordance with Clause 1 and Clause 2, Article 133 of the Law on Enterprises;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
To approve investment plans and projects within its authority and in compliance with legal limits;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
To determine strategies for market development, marketing, and technology adoption;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
To approve contracts for purchases, sales, borrowing, lending, and other transactions with a value equal to or exceeding 35% of the total assets recorded in the Company's most recent financial statements, except for those transactions that fall within the authority of the General Meeting of Shareholders under Point d, Clause 2, Article 138 and Clauses 1 and 3, Article 167 of the Law on Enterprises;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
To elect, dismiss, or remove the Chairperson of the Board of Directors; to appoint, dismiss, sign, or terminate employment contracts with the Chief Executive Officer (CEO) and other key executives as stipulated in the Charter; to determine the salaries, remuneration, bonuses, and other benefits of such managers; to designate authorized representatives to participate in Members' Councils or General Meetings of Shareholders of other companies; and to determine their remuneration and benefits;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
To supervise and direct the CEO and other managers in the day-to-day operations of the Company;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
To determine the organizational structure and internal governance regulations of the Company;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
To decide on the establishment of subsidiaries, branches, and representative offices, as well as capital contributions or share purchases in other enterprises;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
To submit the audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
To recommend the dividend payout rate; and to decide on the timing and method of dividend distribution or the handling of business losses;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
To propose restructuring, dissolution, or bankruptcy of the Company;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
To issue the Board of Directors' operational regulations and the internal corporate governance regulations after they have been approved by the General Meeting of Shareholders; and to issue the Company's information disclosure regulations;

s) Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
To determine the valuation of non-cash assets contributed to the Company in connection with the issuance of shares or bonds, including gold, land use rights, intellectual property rights, technologies, and technological know-how;

t) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
To approve investments or disposals of assets valued from 10% to less than 35% of the total assets as recorded in the most recent financial statements of the Company;

u) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
To address other business matters or transactions that, within its authority and responsibilities, the Board deems necessary to approve;

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
To exercise other rights and perform other obligations in accordance with the Law on Enterprises, the Law on Securities, other applicable laws, and the Company's Charter.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

The Board of Directors shall report its performance to the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020, which provides detailed regulations for the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị
Article 28. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
The Company may pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on the Company's performance and business results.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
Members of the Board of Directors are entitled to remuneration and performance bonuses. Remuneration shall be calculated based on the number of working days required to fulfill the duties of a Board member and the applicable daily rate. The Board of Directors shall propose the remuneration for each member by consensus. The total amount of remuneration and bonuses for the Board of Directors shall be determined by the General Meeting of Shareholders at the Annual General Meeting.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
The remuneration of each member of the Board of Directors shall be accounted for as a business expense of the Company in accordance with the laws on corporate income tax. It shall be disclosed as a separate line item in the Company's annual financial statements and reported to the General Meeting of Shareholders at the Annual General Meeting.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
Any member of the Board of Directors who holds an executive position, serves on Board committees, or performs duties beyond the normal scope of responsibilities of a Board member may receive additional compensation. This may take the form of a one-off fee, salary, commission, profit share, or other forms as determined by the Board of Directors.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
Members of the Board of Directors shall be entitled to reimbursement for all reasonable travel, accommodation, and other expenses incurred in the course of performing their duties as Board members. This includes costs incurred when attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or Board committees.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho

những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
Members of the Board of Directors may be covered by liability insurance purchased by the Company, subject to the approval of the General Meeting of Shareholders. Such insurance shall not cover liabilities arising from violations of laws or breaches of the Company's Charter.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị
Article 29. Chairperson of the Board of Directors

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
The Chairperson of the Board of Directors shall be elected, dismissed, or removed by the Board of Directors from among its members.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
The Chairperson may not concurrently serve as the Chief Executive Officer (CEO) of the Company.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
The Chairperson of the Board of Directors shall have the following rights and responsibilities:

   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   To develop the agenda and work plan of the Board of Directors;

   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
   To prepare the meeting agenda, materials, and documentation; to convene, preside over, and chair meetings of the Board of Directors;

   c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   To organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;

   d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   To oversee the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;

   đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
   To preside over meetings of the General Meeting of Shareholders;

   e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
   To exercise other rights and perform other duties in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
In the event the Chairperson resigns, is dismissed, or removed from office, the Board of Directors must elect a replacement within ten (10) days from the date of resignation, dismissal, or removal.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong

nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
If the Chairperson is absent or otherwise unable to perform their duties, they must delegate their powers and responsibilities in writing to another member of the Board of Directors. If no such delegation is made, or if the Chairperson is deceased, missing, temporarily detained, serving a prison sentence, undergoing mandatory rehabilitation or education, has fled their residence, is legally incapacitated, suffers from cognitive or behavioral impairments, or is prohibited by court order from holding certain positions or engaging in specific activities, the remaining members of the Board of Directors shall elect a new Chairperson from among themselves by majority vote, who shall serve in that capacity until the Board of Directors issues a new decision.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị
Article 30. Board Meetings

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
The Chairperson of the Board of Directors shall be elected at the first meeting of the Board of Directors, held within seven (07) working days from the date of completion of the Board election. This meeting shall be convened and presided over by the member who received the highest number or percentage of votes. If there is more than one member with equal highest votes or voting percentages, the Board members shall elect one among them, by majority vote, to convene and chair the meeting.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
The Board of Directors must convene at least once every quarter, and may also hold extraordinary meetings as needed.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
The Chairperson of the Board shall convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:

   a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   Upon the request of the Supervisory Board or an independent Board member;

   b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
   Upon the request of the Chief Executive Officer (CEO) or at least five (05) other senior managers;

   c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
   Upon the request of at least two (02) members of the Board of Directors

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
Requests under Clause 3 of this Article must be made in writing and must clearly state the purpose, matters for discussion, and decisions to be made that fall within the authority of the Board of Directors.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải

chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
The Chairperson must convene the Board meeting within seven (07) working days from the date of receiving such a request. If the Chairperson fails to do so, they shall be held liable for any damage caused to the Company; in such case, the requesting parties shall have the right to convene the Board meeting themselves.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
The Chairperson or the convener must send a meeting notice to Board members no later than three (03) working days prior to the meeting. The notice must specify the time, venue, agenda, and matters to be discussed and resolved, and the notice must be accompanied by relevant materials and voting ballots.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
Notices may be delivered by written invitation, phone, fax, email, or other means as provided in the Company's Charter and must be sent to the contact address registered with the Company by each Board member.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
The Chairperson or convener must also send the meeting notice and accompanying materials to members of the Supervisory Board in the same manner as to Board members.

   Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
Supervisory Board members have the right to attend and participate in discussions at Board meetings but do not have voting rights.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
A Board meeting may be held only when at least three-fourths (3/4) of the total members are in attendance. If the quorum is not met, a second meeting may be convened within seven (07) days from the initially scheduled date. At this second meeting, the quorum shall be deemed met if more than half of the Board members are present.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
A Board member shall be deemed to be present and vote at the meeting in the following cases:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   Attending and voting in person;

   b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
   Authorizing another person to attend and vote on their behalf, as approved under Clause 11 of this Article;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
Attending and voting via online conferencing, electronic voting, or other electronic means;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
Submitting a voting ballot by mail, fax, or email;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
Submitting a voting ballot by other permitted means.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
If a voting ballot is submitted by post, it must be enclosed in a sealed envelope and delivered to the Chairperson at least one (01) hour before the meeting begins. Ballots shall only be opened in the presence of all meeting participants.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
Board members are expected to attend all Board meetings. They may authorize another person to attend and vote on their behalf only with the consent of the majority of the Board members.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
A resolution or decision of the Board of Directors shall be passed if it receives the affirmative vote of the majority of members present. In the event of a tie, the Chairperson shall cast the deciding vote.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
Article 31. Board Committees

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
The Board of Directors may establish committees under its authority to oversee specific areas such as strategic development, human resources, compensation, internal audit, and risk management. Each committee shall have a minimum of three (03) members, as determined by the Board of Directors, and may consist of both Board members and external individuals. The operations of such committees must comply with the regulations issued by the Board of Directors. A committee's resolution shall be valid only if it is approved by a majority of its members present and voting at a duly convened meeting.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
All decisions made by the Board of Directors or by any of its committees must be implemented in accordance with applicable laws, the Company's Charter, and its internal corporate governance regulations.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty
Article 32. Corporate Governance Officer

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
The Board of Directors must appoint at least one (01) Corporate Governance Officer to support governance activities within the Company. This individual may concurrently serve as the Company Secretary in accordance with Clause 5, Article 156 of the Law on Enterprises.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
The Corporate Governance Officer may not simultaneously be employed by an auditing firm currently performing audits of the Company's financial statements.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
The Corporate Governance Officer shall have the following rights and responsibilities:

   a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
   Advising the Board of Directors on convening General Meetings of Shareholders and handling shareholder relations in accordance with the law;

   b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
   Preparing meetings of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the General Meeting of Shareholders as requested by the Board or the Supervisory Board;

   c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   Providing guidance on the procedures of such meetings;

   d) Tham dự các cuộc họp;
   Attending meetings of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders;

   đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
   Advising on the formulation of Board resolutions to ensure compliance with applicable laws;

   e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
   Providing financial information, copies of Board meeting minutes, and other relevant materials to members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

   g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
   Monitoring and reporting to the Board of Directors on the Company's disclosure activities;

   h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
   Serving as a liaison with relevant stakeholders;

   i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
   Ensuring confidentiality of information in accordance with applicable laws and the Company Charter;

   k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Performing other rights and obligations as prescribed by law and the Company Charter.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
VIII. CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý
Article 33. Organizational Structure of Management

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (nếu có). Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

The Company's management system shall ensure that the executive apparatus is accountable to the Board of Directors and operates under its supervision and direction in the day-to-day business operations of the Company. The Company shall have a Chief Executive Officer (CEO), Deputy Chief Executive Officers (Deputy CEOs), a Chief Accountant, and other managerial positions as may be appointed by the Board of Directors (if any). The appointment, dismissal, and removal of these positions must be carried out by resolution or decision of the Board of Directors.

Điều 34. Người điều hành Công ty
Article 34. Executive Officers of the Company

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
   Executive Officers of the Company include the Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officers, and the Chief Accountant.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
   At the recommendation of the Chief Executive Officer and with the approval of the Board of Directors, the Company may appoint additional Executive Officers in accordance with its structure and internal management regulations as adopted by the Board of Directors. Executive Officers shall be responsible for supporting the Company in achieving its strategic and operational objectives. The Chief Executive Officer shall be entitled to salary and bonus, the level of which shall be determined by the Board of Directors.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
   The CEO is paid by salary and bonus. The Chief Executive Officer's salary and bonus are decided by the Board of Directors.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
   The remuneration of Executive Officers shall be accounted for as part of the Company's business expenses in accordance with regulations on corporate income tax, presented as a separate line item in the Company's annual financial statements, and reported to the General Meeting of Shareholders at the Annual Meeting.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc
Article 35. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the Chief Executive Officer

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
The Board of Directors shall appoint one (01) of its members or may engage an external candidate to serve as the Chief Executive Officer (CEO).

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
The CEO shall be responsible for the day-to-day management of the Company's business operations, under the supervision of the Board of Directors, and shall be accountable to the Board and legally responsible for the performance of duties and exercise of powers assigned.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
The CEO's term of office shall not exceed five (05) years and may be reappointed for an unlimited number of terms, subject to the qualifications and conditions set forth by applicable law and the Company's Charter.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
The CEO shall have the following rights and responsibilities:

   a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của Công ty;
   To make decisions on all matters related to the daily business operations of the Company, except those falling under the authority of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders; and to act in the best interest of the Company when making such decisions;

   b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   To organize the implementation of resolutions and decisions adopted by the Board of Directors;

   c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
   To implement the Company's business plans and investment strategies;

   d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
   To propose organizational structure and internal governance regulations of the Company;

   đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
   To appoint, dismiss, or remove management personnel within the Company, except for positions under the jurisdiction of the Board of Directors;

   e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
   To determine the salaries and other benefits of employees within the Company, including managerial staff appointed under the CEO's authority;

   g) Tuyển dụng lao động;
   To recruit personnel;

   h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

To propose dividend distribution plans or measures to address operational losses;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
To perform other rights and duties as prescribed by law.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
The Board of Directors may dismiss the CEO by a majority vote of attending members with voting rights and appoint a replacement.

IX. BAN KIỂM SOÁT
IX. SUPERVISORY BOARD

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)
Article 36. Nomination and Election of Supervisory Board Members (Supervisors)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
The nomination and election of Supervisory Board members shall be carried out in accordance with the same procedures set forth in Clauses 1 and 2 of Article 25 of this Charter.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
In the event that the number of nominees and candidates for the Supervisory Board is insufficient, the incumbent Supervisory Board may nominate additional candidates or organize nominations in accordance with this Charter, the Company's Internal Corporate Governance Regulations, and the Supervisory Board's Operating Regulations. Any nomination of additional candidates by the current Supervisory Board must be publicly disclosed prior to the General Meeting of Shareholders voting to elect members of the Supervisory Board in accordance with applicable laws.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát
Article 37. Composition of the Supervisory Board

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
The Supervisory Board of the Company shall consist of three (03) members. Each member shall serve a term not exceeding five (05) years and may be re-elected for an unlimited number of terms.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
Supervisory Board members must meet the eligibility criteria as prescribed under Article 169 of the Law on Enterprises, and shall not fall under any of the following disqualifying circumstances:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
Being employed in the Company's accounting or finance departments;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Being a member or employee of an independent auditing firm that audited the Company's financial statements in any of the past three (03) consecutive years.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
A Supervisory Board member shall be dismissed in the following cases:

   a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
   No longer meeting the eligibility criteria as stated in Clause 2 of this Article;

   b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
   Voluntarily resigning and having such resignation accepted.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
A Supervisory Board member shall be removed in the following cases:

   a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   Failure to fulfill assigned tasks and responsibilities;

   b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   Failure to exercise rights and obligations for six (06) consecutive months, unless due to force majeure;

   c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
   Repeated or serious violations of the duties and obligations of Supervisory Board members under the Law on Enterprises or this Charter;

   d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
   Other cases as resolved by the General Meeting of Shareholders.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát
Article 38. Head of the Supervisory Board

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
The Head of the Supervisory Board shall be elected from among the members of the Supervisory Board, based on majority voting. A majority of the Supervisory Board members must be permanent residents in Vietnam. The Head of the Supervisory Board must hold a university degree or higher in one of the following disciplines: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a field relevant to the Company's business operations.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
The Head of the Supervisory Board shall have the following rights and responsibilities:

   a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
   To convene meetings of the Supervisory Board;

   b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
   To request the Board of Directors, CEO, and other executives to provide relevant information for the purpose of reporting to the Supervisory Board;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
To prepare and sign the Supervisory Board's report, after consulting with the Board of Directors, for submission to the General Meeting of Shareholders.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát
Article 39. Rights and Responsibilities of the Supervisory Board

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
The Supervisory Board shall exercise the rights and perform the duties stipulated in Article 170 of the Law on Enterprises and the following additional rights and responsibilities:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
To propose and recommend that the General Meeting of Shareholders approve the list of approved auditing firms to audit the Company's financial statements; to determine the approved auditing firm that will conduct operational audits of the Company; and to dismiss the appointed auditor when deemed necessary.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
To be accountable to the shareholders for the performance of its supervisory functions.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
To oversee the Company's financial position and monitor the compliance with applicable laws and regulations by members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer (CEO), and other executives.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
To ensure coordination of its activities with the Board of Directors, the CEO, and shareholders.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
If any violations of the law or the Company's Charter by members of the Board of Directors, the CEO, or other executive officers are discovered, the Supervisory Board must provide written notice to the Board of Directors within forty-eight (48) hours, requesting the violator to cease such conduct and implement corrective measures.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
To develop its own Operating Regulations and submit them to the General Meeting of Shareholders for approval.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
To report at the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 290 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, which provides detailed guidance on the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

To have the right to access all Company records and documents kept at the head office, branches, and other locations; and to visit the workplaces of Company managers and employees during working hours.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
To request the Board of Directors, individual members of the Board, the CEO, and other managers to promptly and fully provide accurate information and documents relating to the management, operations, and business activities of the Company.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
To exercise such other rights and perform such other duties as prescribed by applicable laws and regulations.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát
Article 40. Meetings of the Supervisory Board

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
The Supervisory Board shall convene meetings at least twice per year. A quorum is established when at least two-thirds (2/3) of its members are present. Minutes of each meeting must be prepared in a clear and detailed manner. The minute-taker and all participating members of the Supervisory Board are required to sign the minutes. All meeting minutes of the Supervisory Board must be retained to ensure accountability of each member.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
The Supervisory Board shall have the right to request the attendance of members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer, and representatives of the approved auditing firm to clarify matters requiring further explanation.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát
Article 41. Remuneration, Compensation, Bonuses, and Other Benefits for Members of the Supervisory Board

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:
The remuneration, compensation, bonuses, and other benefits of members of the Supervisory Board shall be implemented as follows:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
Members of the Supervisory Board shall be entitled to receive remuneration, compensation, bonuses, and other benefits as determined by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall approve the total annual remuneration, compensation, bonuses, other benefits, and the annual operating budget of the Supervisory Board.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân

sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
Members of the Supervisory Board are entitled to reimbursement for reasonable expenses related to meals, accommodation, travel, and the use of independent advisory services. The total remuneration and expenses shall not exceed the approved annual budget of the Supervisory Board unless otherwise resolved by the General Meeting of Shareholders.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
Remuneration and operating expenses of the Supervisory Board shall be recorded as part of the Company's business expenses in accordance with prevailing regulations on corporate income tax and other applicable laws, and must be disclosed as a separate line item in the Company's annual financial statements.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER, AND OTHER EXECUTIVES

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.
Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives shall perform their duties—including those undertaken in subcommittees of the Board of Directors—with integrity, diligence, and in the best interest of the Company.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
Article 42. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives must disclose any relevant interests in accordance with the Law on Enterprises and applicable legal provisions.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, and their related persons may only use information obtained through their positions for the benefit of the Company.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
These individuals are obligated to notify the Board of Directors and the Supervisory Board in writing of any transactions between the Company, its subsidiaries, or other companies in which the public company holds over 50% of the charter capital, and themselves or their

related persons, in accordance with applicable laws. Where such transactions require approval from the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Company must disclose information on the resolutions approving them in accordance with securities regulations on information disclosure.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
Members of the Board of Directors may not vote on any transaction in which they or their related persons have an interest, as prescribed by the Law on Enterprises and this Charter.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, and their related persons may not use or disclose inside information to conduct related transactions.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
Transactions between the Company and one or more members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, or their related parties shall not be deemed invalid in the following circumstances:

   a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
In the case of a transaction valued at less than 35% of the total assets as recorded in the most recent financial statements, if the key terms of the transaction and any relevant relationships and interests of the aforementioned individuals have been reported to the Board of Directors and approved by a majority of disinterested directors;

   b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
In the case of a transaction valued at 35% or more of total assets—or where the cumulative value of related transactions within a 12-month period reaches or exceeds that threshold—if the key terms and any relevant relationships and interests have been disclosed to shareholders and approved by a vote of disinterested shareholders at the General Meeting of Shareholders.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường
Article 43. Liability for Damages and Indemnification

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives who breach their duties of honesty, loyalty, or due care, or who otherwise fail to fulfill their obligations, shall be held liable for any damages arising from such breach or failure.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
The Company shall indemnify any individual who is or may become a party to any complaint, claim, litigation, or proceeding (whether civil or administrative, and excluding those initiated by the Company) if that individual is or was a member of the Board of Directors, a member of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, another executive, an employee, or an authorized representative of the Company—provided that such person acted in good faith, with due care, in the best interests of the Company, within the scope of their authority, in compliance with the law, and there is no evidence that the person breached their duties.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.
Indemnification shall cover judgments, penalties, and actual expenses (including attorneys' fees) incurred in connection with such proceedings, to the extent permitted by law. The Company may also obtain insurance to cover these indemnification liabilities for the aforementioned individuals.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY
XI. RIGHT TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ
Article 44. Right to Access Books and Records

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
Common shareholders have the right to inspect company books and records, specifically as follows:

   a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   A common shareholder may inspect, access, and make extracts of information regarding the names and contact details in the list of shareholders entitled to vote; request correction of any inaccurate information concerning themselves; and inspect, access, extract, or copy the Company's Charter, minutes of General Meeting of Shareholders, and resolutions of the General Meeting of Shareholders.

   b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

A shareholder or group of shareholders holding 5% or more of the total outstanding common shares has the right to inspect, access, and make extracts of the minutes and resolutions or decisions of the Board of Directors; interim and annual financial statements; reports of the Supervisory Board; contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors; and other documents, excluding those involving the Company's trade secrets or confidential business information.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
If a shareholder or group of shareholders exercises their right to access records through an authorized representative, such representative must present a power of attorney granted by the relevant shareholder(s), or a notarized copy thereof.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives shall have the right to access the Company's shareholder register, list of shareholders, and other corporate books and records, provided such access is for purposes related to their official duties and that the information is kept confidential.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
The Company is required to maintain this Charter and any amendments thereto, the Certificate of Enterprise Registration, internal regulations, documents evidencing ownership of assets, resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Supervisory Board, annual financial statements, accounting books, and other records as prescribed by law—either at the Company's head office or another location, provided that shareholders and the business registration authority are duly notified of such location.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
The Company's Charter must be published on the Company's official website.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN
XII. EMPLOYEES AND UNIONS

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn
Article 45. Employees and unions

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
The Chief Executive Officer shall prepare and submit to the Board of Directors for approval matters related to the recruitment, termination, salaries, social insurance, welfare, rewards, and disciplinary actions concerning employees and Company executives.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
The Chief Executive Officer shall also prepare and submit to the Board of Directors for approval matters concerning the Company's relations with unions in accordance with best practices, management policies, and standards, as well as the provisions of this Charter, Company regulations, and applicable laws.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Điều 46. Phân phối lợi nhuận
Article 46. Profit Distribution

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
The General Meeting of Shareholders shall determine the annual dividend amount and method of payment from the Company's retained earnings.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
The Company shall not pay interest on dividends or any other payments relating to any class of shares.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
The Board of Directors may propose that the General Meeting of Shareholders approve the distribution of dividends in whole or in part in the form of shares. The Board of Directors shall be responsible for implementing such resolutions.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
If dividends or other payments relating to a class of shares are to be paid in cash, they shall be paid in Vietnamese Dong. Payment may be made directly or via bank transfer based on the bank account details provided by the shareholder. The Company shall not be liable for any payments made based on the bank account details provided by a shareholder if that shareholder fails to receive the funds. For listed or registered securities, dividend payments may be processed through securities companies or the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
In accordance with the Law on Enterprises and the Law on Securities, the Board of Directors shall adopt a resolution determining the record date for finalizing the list of shareholders entitled to receive dividends in cash or stock, notices, or other documents.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.
Other matters related to the distribution of profits shall be carried out in compliance with applicable laws.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN
XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME

Điều 47. Tài khoản ngân hàng
Article 47. Bank account

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
The Company shall open bank accounts with banks operating in Vietnam or with branches of foreign banks that are legally permitted to operate within Vietnam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
Subject to prior approval from the relevant authorities, the Company may, if necessary, open bank accounts abroad in accordance with applicable laws.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.
All payments and accounting transactions of the Company shall be conducted through accounts in Vietnamese Dong or foreign currencies held at banks where the Company maintains its accounts.

Điều 48. Năm tài chính
Article 48. Fiscal year

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.
The Company's fiscal year shall begin on January 1 and end on December 31 of each calendar year. The first fiscal year shall commence on the date the Enterprise Registration Certificate is issued and end on December 31, 2017.

Điều 49. Chế độ kế toán
Article 49. Accounting system

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
The Company shall apply the corporate accounting regime or any specific accounting regime as promulgated or approved by the competent authority.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
The Company shall prepare its accounting records in Vietnamese and maintain all accounting documents in accordance with the laws on accounting and related regulations. Such records must be accurate, up to date, systematic, and sufficient to substantiate and explain the Company's transactions.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

The accounting currency of the Company shall be the Vietnamese Dong. In cases where the Company conducts its principal transactions in a foreign currency, it may elect to use that foreign currency as its accounting currency. The Company shall be responsible before the law for such selection and shall notify the relevant tax authority accordingly.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Article 50. Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
   The Company shall prepare annual financial statements, which must be audited in accordance with applicable laws. The audited annual financial statements shall be disclosed in accordance with the regulations on information disclosure applicable to the securities market and submitted to the relevant state authorities.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
   The annual financial statements must include all required reports, appendices, and explanatory notes as prescribed by the laws on corporate accounting. These financial statements must present a true and fair view of the Company's operations.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
   The Company shall also prepare and disclose reviewed semi-annual financial statements and quarterly financial statements in accordance with the legal requirements on information disclosure applicable to the securities market, and submit them to the relevant state authorities.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Article 51. Annual Report

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
The Company shall prepare and disclose its Annual Report in accordance with applicable laws on securities and the securities market.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

XVI. AUDIT OF THE COMPANY

Điều 52. Kiểm toán

Article 52. Audit

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

The General Meeting of Shareholders shall appoint an independent auditing firm or approve a list of eligible independent auditing firms and authorize the Board of Directors to select one of them to audit the Company's financial statements for the following fiscal year, based on terms and conditions agreed upon with the Board.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
The audit report shall be attached to the Company's annual financial statements.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
The independent auditor responsible for auditing the Company's financial statements shall have the right to attend General Meetings of Shareholders, receive notices and other materials relating to such meetings, and express opinions on matters pertaining to the audit of the Company's financial statements.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP
XVII. COMPANY SEAL

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp
Article 53. Company seal

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
The Company's seal may be either a physical seal produced by a seal engraving service provider or a digital signature, in accordance with the laws on electronic transactions.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
The Board of Directors shall determine the type, quantity, format, and content of the Company's seal, as well as those of its branches and representative offices (if any).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
The Board of Directors and the Chief Executive Officer shall be responsible for the use and safekeeping of the seal in accordance with prevailing laws.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY
XVIII. DISSOLUTION OF COMPANY

Điều 54. Giải thể công ty
Article 54. Dissolution of the company

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
The Company may be dissolved under the following circumstances:

   a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
   Upon expiration of its operating term as stated in the Charter, unless extended;

   b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   Pursuant to a resolution or decision of the General Meeting of Shareholders;

   c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
   Upon revocation of its Enterprise Registration Certificate, unless otherwise provided by the Law on Tax Administration;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
Other cases as prescribed by law.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
Early dissolution of the Company (including prior to the expiration of an extended term) shall be subject to a resolution of the General Meeting of Shareholders and shall be implemented by the Board of Directors. Such a resolution must be notified to, or approved by, the competent authority if required by law.

Điều 55. Gia hạn hoạt động
Article 55. Extension of Term

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
The Board of Directors shall convene the General Meeting of Shareholders at least seven (07) months prior to the expiration of the Company's operating term to enable shareholders to vote on the proposed extension.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.
The extension shall be approved if it receives affirmative votes from shareholders representing at least sixty-five percent (65%) of the total voting shares of shareholders attending the meeting.

Điều 56. Thanh lý
Article 56. Liquidation

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
At least six (06) months prior to the expiration of the Company's term or upon the adoption of a dissolution resolution, the Board of Directors shall establish a Liquidation Committee consisting of three (03) members. Two (02) members shall be appointed by the General Meeting of Shareholders and one (01) member shall be appointed by the Board of Directors from an independent auditing firm. The Liquidation Committee shall develop its own operating procedures. Members of the Liquidation Committee may be selected from among the Company's employees or external professionals. All costs related to the liquidation process shall be prioritized for payment ahead of other Company liabilities.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
The Liquidation Committee shall notify the Business Registration Authority of its establishment and commencement of operations. From that time, the Liquidation Committee shall act on behalf of the Company in all matters relating to the liquidation before courts and administrative authorities.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
Proceeds from the liquidation shall be distributed in the following order of priority:

a) Các chi phí thanh lý;
Liquidation expenses;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
Unpaid wages, severance allowances, social insurance contributions, and other entitlements owed to employees under collective labor agreements and individual labor contracts;

c) Nợ thuế;
Tax liabilities;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;
Other outstanding debts of the Company;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
Any remaining balance, after full payment of the above items (a) through (d), shall be distributed among the shareholders. Holders of preferred shares shall be paid prior to holders of ordinary shares.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ
XIX. INTERNAL DISPUTE RESOLUTION

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ
Article 57. Internal dispute resolution

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
In the event of a dispute or claim arising in connection with the Company's operations, or the rights and obligations of shareholders under the Law on Enterprises, this Charter, other applicable laws, or contractual agreements between:

a) Cổ đông với Công ty;
A shareholder and the Company;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;
A shareholder and the Board of Directors, Supervisory Board, Chief Executive Officer, or other executives;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
The parties involved shall endeavor to resolve such dispute through negotiation and conciliation. Except where the dispute involves the Board of Directors or the Chairperson of the Board, the Chairperson shall preside over the resolution process and request each party to submit relevant information within thirty (30) business days from the date the dispute arises. If the dispute involves the Board of Directors or the Chairperson, any party may request the appointment of an independent expert to act as a mediator for the conciliation process.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
If the parties are unable to reach a resolution within six (06) weeks from the commencement of the mediation process, or if the mediator's proposal is not accepted by the parties, either party may refer the dispute to arbitration or a competent court.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.
Each party shall bear its own costs related to the negotiation and mediation process. Court-related costs shall be allocated in accordance with the ruling of the court.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER

Điều 58. Điều lệ công ty
Article 58. Company Charter

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
Any amendment or supplement to this Charter must be reviewed and approved by the General Meeting of Shareholders.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.
In cases where applicable laws contain provisions relevant to the Company's operations that are not addressed in this Charter, or where new legal provisions differ from those in this Charter, such legal provisions shall prevail and govern the Company's operations.

3. Trường hợp các quy định, quy chế nội bộ do Công ty ban hành có nội dung mâu thuẫn với quy định trong Điều lệ này thì các quy định trong Điều lệ này được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.
In the event of any inconsistency between this Charter and the Company's internal regulations or policies, the provisions of this Charter shall take precedence.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC
XXI. EFFECTIVE DATE

Điều 59. Ngày hiệu lực
Article 59. Effective Date

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2026.
This Charter comprises 21 sections and 59 articles and was adopted by the General Meeting of Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company pursuant to Resolution No 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ dated April 23, 2026.

2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
This Charter is made in three (03) copies of equal legal validity, and shall be kept at the Company's head office.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế toàn bộ các bản Điều lệ của Công ty đã được ban hành trước ngày Điều lệ này có hiệu lực.
This is the sole and official Charter of the Company and shall supersede all previous versions issued prior to its effective date.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
Any copy or excerpt of this Charter shall only be valid if signed by the Chairperson of the Board of Directors or by at least one-half (1/2) of the total number of Board members.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER

M.S.D.N: 0107795944 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÙI HƯƠNG GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

CHARTER
OF BAF VIETNAM AGRICULTURE
JOINT STOCK COMPANY

BAF
NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2026
Ho Chi Minh City, June 29, 2026

MỤC LỤC / *TABLE OF CONTENTS*

PHẦN MỞ ĐẦU / REAMBLE 7
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 7
I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER 7
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 7
Article 1. Interpretation of Terms 7
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 9
II. NAME, STRUCTURE, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATIONS, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY 9
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 9
Article 2. Name, structure, headquarters, branches, representative offices, business locations, and operating duration of the Company 9
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 10
Article 3. Legal representative of the Company 10
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 10
III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND ACTIVITIES OF THE COMPANY 10
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 10
Article 4. Business objectives of the Company 10
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 14
Article 5. Scope of business and operations of the Company 14
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 14
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 14
Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders 14
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 15
Article 7. Share certificate 15
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 17
Article 8. Other securities certificates 17
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 17
Article 9. Share transfer 17
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 17
Article 10. Share Forfeiture (Applicable upon Company Incorporation) 17
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 18
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL 18

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 18
Article 11. Organizational structure, governance, and control 18
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 18
VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 18
Điều 12. Quyền của cổ đông 18
Article 12. Shareholders' rights 18
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 21
Article 13. Shareholders' obligations 21
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 22
Article 14. General Meeting of Shareholders 22
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 24
Article 15. Powers and Responsibilities of the General Meeting of Shareholders 24
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 26
Article 16. Proxy Authorization to Attend Shareholders' Meetings 26
Điều 17. Thay đổi các quyền 27
Article 17. Modification of rights 27
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 28
Article 18. Convening, Agenda, and Notice of the General Meeting of Shareholders 28
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 30
Article 19. Quorum for the General Meeting of Shareholders 30
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 31
Article 20. Procedures for Convening and Voting at the General Meeting of Shareholders 31
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 34
Article 21. Conditions for Resolutions of the General Meeting of Shareholders to be Adopted 34
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 35
Article 22. Authority and Procedures for Obtaining Written Shareholder Opinions to Adopt Resolutions of the General Meeting of Shareholders 35
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 38
Article 23. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders 38
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 39
Article 24. Petition to Annul Resolutions of the General Meeting of Shareholders 39
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 39
VII. BOARD OF DIRECTORS 39
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 39
Article 25. Nomination and Candidacy for the Board of Directors 39
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 41

Article 26. Composition and Term of the Board of Directors 41
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 42
Article 27. Powers and Responsibilities of the Board of Directors 42
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 44
Article 28. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors 44
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 45
Article 29. Chairperson of the Board of Directors 45
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 46
Article 30. Board Meetings 46
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 49
Article 31. Board Committees 49
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 49
Article 32. Corporate Governance Officer 49
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 50
VIII. CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS 50
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 50
Article 33. Organizational Structure of Management 50
Điều 34. Người điều hành Công ty 51
Article 34. Executive Officers of the Company 51
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 51
Article 35. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the Chief Executive Officer 51
IX. BAN KIỂM SOÁT 52
IX. SUPERVISORY BOARD 52
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 52
Article 36. Nomination and Election of Supervisory Board Members (Supervisors) 52
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát 53
Article 37. Composition of the Supervisory Board 53
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 54
Article 38. Head of the Supervisory Board 54
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 54
Article 39. Rights and Responsibilities of the Supervisory Board 54
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát 55
Article 40. Meetings of the Supervisory Board 55
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 56
Article 41. Remuneration, Compensation, Bonuses, and Other Benefits for Members of the Supervisory Board 56

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 57
X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER, AND OTHER EXECUTIVES 57
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 57
Article 42. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest 57
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 58
Article 43. Liability for Damages and Indemnification 58
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 59
XI. RIGHT TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS 59
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 59
Article 44. Right to Access Books and Records 59
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 60
XII. EMPLOYEES AND UNIONS 60
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 60
Article 45. Employees and unions 60
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 61
XIII. PROFIT DISTRIBUTION 61
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 61
Article 46. Profit Distribution 61
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 62
XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME 62
Điều 47. Tài khoản ngân hàng 62
Article 47. Bank account 62
Điều 48. Năm tài chính 62
Article 48. Fiscal year 62
Điều 49. Chế độ kế toán 62
Article 49. Accounting system 62
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 63
XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS 63
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 63
Article 50. Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements 63
Điều 51. Báo cáo thường niên 63
Article 51. Annual Report 63
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 63

XVI. AUDIT OF THE COMPANY 63
Điều 52. Kiểm toán 63
Article 52. Audit 63
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 64
XVII. COMPANY SEAL 64
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp 64
Article 53. Company seal 64
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 64
XVIII. DISSOLUTION OF COMPANY 64
Điều 54. Giải thể công ty 64
Article 54. Dissolution of the company 64
Điều 55. Gia hạn hoạt động 65
Article 55. Extension of Term 65
Điều 56. Thanh lý 65
Article 56. Liquidation 65
Article 57. Internal dispute resolution 66
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 67
XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER 67
Điều 58. Điều lệ công ty 67
Article 58. Company Charter 67
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 67
XXI. EFFECTIVE DATE 67
Điều 59. Ngày hiệu lực 67
Article 59. Effective Date 67

PHẦN MỞ ĐẦU / *REAMBLE*

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (sau đây gọi là "Điều lệ") đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") thông qua theo Nghị quyết số 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 và sửa đổi theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29.06.2026/NQ-HĐQT ngày 29/06/2026.
The Charter of Organization and Operation of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Charter") has been approved by the General Meeting of Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (the "Company") in accordance with Resolution No. 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ *dated April 23, 2026 and amended pursuant to the Board of Directors' Resolution No. 29.06.2026/NQ-HĐQT dated June 29, 2026.*

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ
I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Điều 1. Giải thích thuật ngữ
Article 1. Interpretation of Terms

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
For the purposes of this Charter, the following terms are construed as follows:

   a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
   Charter capital means the total par value of shares sold or subscribed for at the time of the incorporation of the Joint Stock Company and as prescribed in Article 6 of this Charter;

   b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   Voting capital means the share capital represented by shares that entitle the holder thereof to vote on matters within the competence of the General Meeting of Shareholders;

   c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
   The Law on Enterprises means the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14, issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;

   d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
   The Law on Securities means the Law on Securities No. 54/2019/QH14, issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;

   đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
   Vietnam means the Socialist Republic of Vietnam;

   e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
   Date of incorporation is the date on which the Company is first granted the Enterprise Registration Certificate (Business Registration Certificate or any equivalent document);

   g) *Người điều hành Công ty* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
   The Company's executives mean the Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officer, Chief Accountant and other executives as prescribed in the Company's Charter;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
Enterprise managers mean company executives, including the Chairperson of the Board of Directors, members of the Board of Directors, Chief Executive Officer, and other individuals holding managerial positions as prescribed in the Company's Charter;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
Affiliated persons mean individuals and organizations defined in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
Shareholder means an individual or organization that owns at least one share in a joint stock company;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
Founding shareholder means any shareholder who owns at least one common share and whose name appears on the list of founding shareholders of a joint stock company;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
Major shareholder means a shareholder as defined in Clause 18, Article 4 of the Law on Securities;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
Term of operation means the operating duration of the Company as specified in Article 2 of this Charter, including any extension thereof (if any) approved by the Company's General Meeting of Shareholders;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
The stock exchange means the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
In this Charter, references to one or more other provisions or documents shall be deemed to include amendments, supplements or replacement thereof.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
Headings (Sections, Articles of this Charter) are inserted for ease of reference only and shall not affect the interpretation of the content herein.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

II. NAME, STRUCTURE, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATIONS, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Article 2. Name, structure, headquarters, branches, representative offices, business locations, and operating duration of the Company

1. Tên Công ty/ *Company name:*
   - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
     Company name written in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
   - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAF VIET NAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
     Company name written in English: BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
   - Tên Công ty viết tắt: BAF.,JSC
     Abbreviated name: BAF.,JSC
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
   The company is a joint stock company with legal entity status in accordance with prevailing laws of Vietnam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
   Registered Head Office of the Company:
   - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
     Address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City.
   - Điện thoại: 0766074787
     Phone number: 0766074787
   - Fax:
   - E-mail:
   - Website: http://baf.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
   The Company may establish branches, representative offices, and business locations for the purpose of conducting its business operations, subject to decisions of the Board of Directors and in compliance with applicable laws.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Unless otherwise terminated prior to the expiration of its operating duration as specified in Clause 2, Article 54 or extended according to the provisions in Article 55 of this Charter, the Company's operating duration is indefinite from the date of incorporation.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Article 3. Legal representative of the Company

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.
The Company shall have one (01) legal representative, who shall be the General Director.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của Điều lệ này.
The rights and obligations of the legal representative shall be exercised in accordance with the provisions of the Law on Enterprises, this Charter and the Governance Regulations issued by the Board of Directors in accordance with the provisions of this Charter.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND ACTIVITIES OF THE COMPANY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty
Article 4. Business objectives of the Company

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
Company's business lines:

Stt/*No*	Mã ngành / *Business code*	Tên ngành, nghề kinh doanh / *Line of business*
1	0146	Chăn nuôi gia cầm / *Poultry farming*
2	0149	Chăn nuôi khác / *Other livestocks farming activities* Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh: chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi. *Details: - Raising and breeding domestic animals, other animals including pets: dogs, cats, rabbits, reptiles, insects; - Beekeeping and honey production; - Silkworm farming and cocoon production; - Production of fur and reptile skins from livestock farming activities.*
3	0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp / *Mixed farming activities*
4	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt / *Crop production support services*
5	0162	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi / *Animal farming support services*

6	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch / *Post-harvest services*
7	0164	Xử lý hạt giống để nhân giống / *Seed treatment for propagation*
8	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt / *Processing and preserving meat and meat products.* Chi tiết: - Giết, mổ, pha lóc, sơ chế, đóng gói, bảo quản thịt gia súc và gia cầm; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng tấm; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng cắt nhỏ; - Sản xuất sản phẩm từ thịt gồm: Xúc xích, xúc xích Italia, bánh putding, xúc xích nhiều gia vị, xúc xích hun khói, pate, thịt giăm bông; - Chế biến lục phủ ngũ tạng động vật; - Sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm khác từ thịt. *Details: - Slaughtering, butchering, processing, packaging, preserving meat of livestock and poultry; - Producing chilled or frozen meat, marinated fresh meat; - Producing chilled or frozen meat, chopped fresh meat; - Producing meat products including: Sausages, Italian sausages, pudding cakes, spiced sausages, smoked sausages, pate, ham; - Processing of animal offal; - Production, processing, and preservation of meat and other meat-based products.* (Không kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm tại trụ sở) / *(No slaughtering of livestock or poultry at headquarters)*
9	1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản / *Processing and preserving aquatic products and aquatic products*
10	1030	Chế biến và bảo quản rau quả / *Processing and preserving fruits and vegetables*
11	1040	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật / *Production of animal and vegetable oils and fats*
12	1050	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa / *Processing of milk and dairy products*
13	1061	Xay xát và sản xuất bột thô / *Milling and production of raw flour*
14	4632	Bán buôn thực phẩm / *Wholesale of food products* (không hoạt động tại trụ sở) trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật

		(not conducted at headquarters) excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law
15	4722	Bán lẻ thực phẩm/ *Retail sale of food products* (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh; trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *(implemented according to Decision 64/2009/QD-UBND dated July 31, 2009 and Decision No. 79/2009/QD-UBND dated October 17, 2009 of the People's Committee of Ho Chi Minh City on the planning of agricultural products and food trading in Ho Chi Minh City, excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*
16	4719	Bán lẻ tổng hợp khác / *Other non-specialized retail sale* Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *Details: Retail in supermarkets and shopping centers (excluding retail of gas cylinders, liquefied petroleum gas (LPG), used motor oil, gold bars, firearms, ammunition for hunting or sports, and metal currency and in accordance with Decision 64/2009/QĐ-UBND dated July 31, 2009, of the People's Committee of Ho Chi Minh City, and Decision 79/2009/QĐ-UBND dated October 17, 2009, of the People's Committee of Ho Chi Minh City approving the agricultural product planning in Ho Chi Minh City, and excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*
17	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống / *Wholesale of agricultural and forestry raw products (except wood, bamboo, rattan) and live animals*

		Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác và động vật sống (không bán buôn nông sản tại trụ sở; trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *Details: Wholesale of feed and ingredients for livestock, poultry and aquatic feed; other raw agricultural and forestry products; and live animals. (No wholesale of agricultural products at the headquarters excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*
18	1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản / *Production of animal, poultry and aquatic feed*
19	4321	Lắp đặt hệ thống điện / *Electrical installation*
20	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa / *Warehousing and storage* (trừ than đá, phế liệu, hóa chất, cho thuê kho bãi) *(except for warehousing and storage of coal, scrap, chemicals, warehouse leasing)*
21	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò / *Raising and breeding cows and buffaloes*
22	0142	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa / *Raising and breading horses and other equines*
23	0144	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai / *Raising of goats, sheep, deers and sambar deers and breeding of goats, sheep, deers and sambar deers*
24	**0145** **(Chính)** *(Primary line of business)*	**Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn / *Raising and breeding pigs***
25	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước / *Construction of water supply and drainage works*

26	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) *Retail sale of other new goods (except automobiles, motorcycles, motorcycles and auxiliary parts)* Chi tiết: Bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh. *Details: Retail sale of feed and raw materials for livestock, poultry and aquatic feed in specialized stores.*

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
Company's operating objectives:

a) Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc;
To build and maintain a reputable brand, while expanding and developing in other business segments where the Company holds a competitive advantage, creating a foundation for long-term and sustainable growth.

b) Huy động và sử dụng vốn hiệu quả trong sản xuất kinh doanh;
To mobilize and use capital effectively in production and business;

c) Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty, cổ đông và người lao động;
To harmonize the interests of the State, Company, and its shareholders and employees;

d) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.
To maximize the Company's operational efficiency, generating employment and income for employees, safeguard the legitimate rights and interests of shareholders, and fulfill obligations to the State.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty
Article 5. Scope of business and operations of the Company

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
The Company is permitted to engage in business activities as specified in this Charter, which have been duly registered, any amendments of which have been notified to the business registration authority and publicly disclosed on the National Business Registration Information Portal.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, AND FOUNDING SHAREHOLDERS

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập
Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders

1. Vốn điều lệ của Công ty là **3.648.249.060.000 VNĐ** *(Ba nghìn sáu trăm bốn mươi tám tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).*
The charter capital of the Company is VND 3,648,249,060,000 (Three trillion, six hundred forty-eight billion, two hundred forty-nine million, and sixty thousand Vietnamese dong)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 364.824.906 cổ phần (Ba trăm sáu mươi tư triệu tám trăm hai mươi tư nghìn chín trăm lẻ sáu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
The Company's charter capital is divided into 364,824,906 shares (Three hundred sixty-four million, eight hundred twenty-four thousand, nine hundred and six shares), with a par value of VND 10,000 per share.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
The company may change its charter capital when approved by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
As of the date of adoption of this Charter, the Company's shares consist solely of common shares. The rights and obligations of shareholders holding such shares are stipulated in Article 12 and Article 13 of this Charter.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
The Company may issue other classes of preferred shares upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

5. Tính đến thời điểm Điều lệ này được thông qua, Công ty không còn các quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập.
As of the date of adoption of this Charter, no restrictions on the transfer of shares held by founding shareholders remain in effect.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
Common shares must be offered with priority to existing shareholders in proportion to their holdings in the Company, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. Any shares that shareholders not subscribed for will be allocated at the discretion of the Board of Directors of the Company. The Board of Directors may allocate such shares to shareholders or others parties provided that the terms and conditions are not more favorable than those offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
The Company may repurchase its own issued shares in accordance with the procedures set forth herein and applicable laws.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
The Company may issue other types of securities as prescribed by law.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu
Article 7. Share certificate

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

Shareholders of the Company are issued share certificates corresponding to the number of shares and class of shares owned.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
Share certificate is a type of security that certifies the legal rights and interests of the holder in a portion of the share capital of the issuing organization. Each share certificate must include all the information as prescribed in Clause 1, Article 121 of the Law on Enterprises.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
Within thirty (30) days from the date the Company receives a complete and valid application for the transfer of ownership of shares as prescribed by the Company, or within two (02) months from the date of full payment for the shares as prescribed in the Company's share issuance plan (or within another period specified in the terms of issuance), the shareholder shall be issued a share certificate. Shareholders shall not be required to pay any fee for the printing of the share certificates.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
In case a share certificate is lost, damaged, or destroyed, the shareholder may request a re-issuance of the certificate. Such request must include the following:

   a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
   Information about the share certificate that has been lost, damaged, or destroyed;

   b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
   A written commitment to assume full responsibility for any disputes that may arise from the re-issuance of the certificate.

5. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông. Đồng thời việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, tài liệu cho cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.
In case a shareholder changes their contact address, they must promptly notify the Company to update the shareholder register accordingly. The Company shall not be liable for any failure to contact a shareholder due to that shareholder's failure to notify the Company of their updated contact information. Moreover, the inability to contact or send letters or documents to shareholders due to the lack of such notice will not affect the procedures for convening the General Meeting of Shareholders, soliciting written consent of shareholders, delivering documents, or the validity of resolutions by the General Meeting of Shareholders.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác
Article 8. Other securities certificates

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
Bond certificates or other securities certificates issued by the Company shall bear the signature of the legal representative and the seal of the Company.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần
Article 9. Share transfer

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
All shares are free to transfer unless otherwise provided by this Charter and the law. Shares listed and registered for trading on the Stock Exchange shall be transferred in accordance with the provisions of the Law on Securities and the stock market.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
Unpaid shares may not be transferred and shall not entitle the holder any shareholder rights, including the right to receive dividends, bonus shares issued from equity capital, the right to purchase newly offered shares and other entitlements as prescribed by law.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)
Article 10. Share Forfeiture (Applicable upon Company Incorporation)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
In case that a shareholder fails to pay in full and on time the amount due for the purchase of shares, the Board of Directors shall notify and has the right to demand payment of the outstanding amount. The shareholder shall be be liable, to the extent of the total par value of the shares subscribed, for any financial obligations of the Company arising from the non-payment.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
The payment notice must clearly state the new payment period (at least seven (07) days from the date of sending the notice), the payment location and must clearly state that in case of non-payment by the deadline will result in the forfeiture of the unpaid shares.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
The Board of Directors has the right to forfeit any shares for which full and timely payment has not been made in accordance with the payment notice.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
Shares that are forfeited shall be deemed to be authorized but unissued shares as prescribed in Clause 3, Article 112 of the Law on Enterprises. The Board of Directors may

sell or redistribute such shares according, directly or through authorized agent, on such terms and in such manner as the Board of Directors deems appropriate.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
A shareholder whose shares have been forfeited shall cease to be a shareholder in respect of those shares, but shall remain liable for the total par value of the shares subscribed, for any financial obligations of the Company arising at the time of the forfeiture, as determined by the Board of Directors, from the date of forfeiture until the full payment is made. The Board of Directors shall have full authority to enforce payment of the full value of the shares at the time of forfeiture.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.
Notice of forfeiture shall be sent to the holder of the shares prior to the date of forfeiture. The forfeiture shall remain effective notwithstanding any error or omission in the delivery of the notice.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát
Article 11. Organizational structure, governance, and control

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
The Company's organizational structure, governance, and control structure includes:

1. Đại hội đồng cổ đông. / *General Meeting of Shareholders.*

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. / *Board of Directors, Supervisory Board.*

3. Tổng giám đốc. / *Chief Executive Officer.*

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Điều 12. Quyền của cổ đông
Article 12. Shareholders' rights

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
Common shareholders shall have the following rights:

   a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   To attend and speak at the General Meeting of Shareholders, and to exercise voting rights either directly, or through a proxy, or by other means as prescribed by the Company's Charter and applicable law. Each common share carries one vote;

   b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   To receive dividends at the rate decided by the General Meeting of Shareholders;

   c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

To have a pre-emptive right to purchase newly issued shares in proportion to their holdings of common shares in the Company;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
To freely transfer their shares to others, except as restricted under Clause 3, Article 120, Clause 1, Article 127 of the Law on Enterprises and other relevant legal provisions;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
To review, inspect, and extract information about names and contact addresses listed in the register of shareholders with eligible to vote; and to request correction of inaccurate information;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
To review, inspect, extract or copy the Company's Charter, minutes of the General Shareholders Meeting and Resolutions of the General Shareholders Meeting;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
In the event of the Company's dissolution or bankruptcy, to receive a portion of the remaining assets in proportion to their shareholding;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
To request the Company to repurchase shares in circumstances specified in Article 132 of the Law on Enterprises;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
To be treated equally. Each share of the same class confers upon the shareholder equal rights, obligations, and benefits. In case the Company issues preferred shares, the rights and obligations attached to such shares must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
To have full access to periodic and ad hoc information disclosed by the Company in accordance with the provisions of law;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
To have their legitimate rights and interests protected; to petition for the suspension or annulment of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors in accordance with the provisions of the Law on Enterprises;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
To enjoy other rights as prescribed by law and this Charter.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

A shareholders or groups of shareholders holding at least 5% of the total common shares shall have the following rights:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
To request the Board of Directors to convene a General Meeting of Shareholders in accordance with the provisions of Clause 3, Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
To review, inspect, and extract meeting minutes, resolutions and decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Supervisory Board, contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors and other documents, except those concerning trade secrets and confidential business information;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
To request the Supervisory Board to invest specific matters related to the management and operation of the Company when deemed necessary. The request must be made in writing and must include the following: Full name, contact address, nationality, legal identification of each individual shareholder; name, business registration number or legal document number of the organization, head office address for institutional shareholders; number of shares and time of share registration of each shareholder, total number of shares and registration time for each shareholder, total number of shares and percentage of ownership of the shareholder group; the matter to be investigated, purpose of the investigation;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
To propose matter to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. Such proposal must be submitted in writing and sent to the Company at least three (03) working days prior to the meeting. The proposal must clearly state the name of the shareholder, the number of each class of shares held by the shareholder, and the matter to be included in the meeting agenda;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
To enjoy other rights as prescribed by law and this Charter.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
A shareholder or groups of shareholders holding at least 10% of the total common shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors and Supervisory Board. The nomination process of candidates to the Board of Directors and the Supervisory Board shall be as follows:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
Ordinary shareholders may a group to nominate candidates to the Board of Directors and the Supervisory Board and must notify other shareholders of such grouping prior to the opening of the General Meeting of Shareholders;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
Based on the number of members of the Board of Directors and the Supervisory Board, shareholders or groups of shareholders specified in this clause shall have the right to nominate one or more candidates for election to the Board of Directors and the Supervisory Board, according to the decision of the General Meeting of Shareholders. In case the number of candidates nominated by a shareholder or group of shareholders is fewer than the number they are entitled to nominate, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors, the Supervisory Board, or other shareholders.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông
Article 13. Shareholders' obligations

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:
Common shareholders have the following obligations:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
To pay the full amount and on time for the shares subscribed.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
Not to withdraw the contributed capital in any form, except in where such shares are repurchased by the Company or transferred to others. In case a shareholder unlawfully withdraws part or all of their contributed capital, that shareholder and or any related beneficiaries shall be jointly liable for the debts and other obligations of the Company to the extent of the withdrawn capital and any resulting damages.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
To comply with the Company's Charter and Internal Management Rules.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
To abide by resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and Board of Directors.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
To maintain the confidentiality of information provided by the Company according to the provisions of the Company Charter and the law; to use such information to exercise and

protect their legitimate rights and interests; and not to disseminate, copy or send information provided by the Company to other organizations and individuals.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
To attend the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights through any of the following forms:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   Attending and voting directly at the meeting;

   b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   Appointing a proxy to attend and vote at the meeting;

   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   Attending and voting via online conference, electronic voting or other electronic form;

   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
   Submitting voting ballots to the meeting via mail, fax, or email;

   đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
   Submitting voting ballots by other means as prescribed in the Company's Charter.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
To assume personal responsibility when acting on behalf of the Company in any of the following:

   a) Vi phạm pháp luật;
   Engaging in any activities that violate the law;

   b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   Conducting business and entering into transactions for personal gain or for the benefit of other organizations or individuals;

   c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
   Settling debts before maturity when the Company is facing financial risks.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
To fulfill other obligations as prescribed by current laws.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông
Article 14. General Meeting of Shareholders

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
The General Meeting of Shareholders, consisting of all shareholders with voting rights, is the highest decision-making body of the Company. The General Meeting of Shareholders shall be convened once a year and within four (04) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may extend the annual General Meeting of Shareholders, if necessary, but not more than six (06) months from the end of the fiscal year. In addition to the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may convene on an

extraordinary basis. The venue of the General Meeting of Shareholders shall be determined on the location where the Chairperson is present and must be within the territory of Vietnam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
The Board of Directors shall convene the Annual General Meeting of Shareholders and select a suitable venue. The annual general meeting of shareholders shall decide on matters as prescribed by law and the Company's Charter, particularly the approval of the audited annual financial statements. In case the Company's annual financial statement audit report contains material qualifications, adverse opinion, or a disclaimer of opinion, the Company must invite a representative of the approved audit firm to attend the Annual General Meeting of Shareholders. The said representative of the approved audit firm is obliged to attend the Company's Annual General Meeting of Shareholders.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
The Board of Directors must convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

   a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   The Board of Directors deems it necessary for the benefit of the Company;

   b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
   When the number of members on the Board of Directors or the Supervisory Board falls below the statutory minimum;

   c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
   At the request of a shareholder or group of shareholders as prescribed in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises; the request to convene a meeting of the General Meeting of Shareholders must be in writing, clearly stating the reason and purpose of the meeting, and must bear the signatures of the relevant shareholders. The written request may consists of multiple copies, each bearing the signatures of the relevant shareholders;

   d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
   At the request of the Supervisory Board;

   đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
   Other cases as provided by law or this Charter.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Convening an Extraordinary General Meeting of Shareholders

   a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng

quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
The Board of Directors must convene the meeting within thirty (30) days from the date the number of members of the Board of Directors, independent directors of the Board of Directors or members of the Supervisory Board falls below the legal threshold as prescribed in Point b, Clause 3 of this Article or upon receiving a valid request as prescribed in Point c and Point d, Clause 3 of this Article;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
In case the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed in Point a, Clause 4 of this Article, the Supervisory Board shall, within the next thirty (30) days, take over the responsibility of convening the meeting as prescribed in Clause 3, Article 140 of the Law on Enterprises;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
If the Supervisory Board also fails to convene the meeting as prescribed under Point b, Clause 4 of this Article, the requesting shareholder or group of shareholders mentioned in Point c, Clause 3 of this Article may request the Company's legal representative to convene the meeting pursuant to the Law on Enterprises.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
In such cases, the requesting shareholder(s) may petition the Business Registration Authority to oversee the procedures for convening, conducting, and resolving the meeting. All costs incurred in convening and organizing the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. This does not include expenses borne by shareholders for attending the meeting, including travel and accommodation costs.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
The procedure for organizing the General Meeting of Shareholders shall comply with Clause 5, Article 140 of the Law on Enterprises.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
Article 15. Powers and Responsibilities of the General Meeting of Shareholders

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
The General Meeting of Shareholders shall have the following powers and responsibilities:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
To approve the Company's development strategy;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

To decide on the types of shares and the total number of shares of each type to be offered; and to determine the annual dividend rate for each class of shares;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
To elect, remove, or dismiss members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
To approve investment or disposal of assets valued at 35% or more of the total assets as recorded in the most recent financial statements of the Company;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
To amend or supplement the Company's Charter;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
To approve the Company's annual financial statements;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
To decide on the repurchase of more than 10% of the total issued shares of any class;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
To review and take appropriate actions regarding violations committed by members of the Board of Directors or the Supervisory Board that result in losses to the Company or its shareholders;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
To decide on the reorganization or dissolution of the Company;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
To determine the budget or the total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
To approve the internal corporate governance regulations and the operational regulations of the Board of Directors and the Supervisory Board;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
To approve the list of approved audit firms; to appoint an approved audit firm to audit the Company's operations, and to dismiss such firm when deemed necessary;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
To exercise other powers and fulfill other responsibilities in accordance with the law.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
The Annual General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following matters:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
The Company's annual business plan;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
The audited annual financial statements;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
The report of the Board of Directors on corporate governance and its performance, including that of individual members;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
The Supervisory Board's report on the Company's business results, and the performance of the Board of Directors and the General Director;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
The self-assessment report on the activities of the Supervisory Board and each of its members;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
The dividend rate for each class of shares;

g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
The budget or total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;

h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
The list of approved audit firms; and the decision to appoint an audit firm to examine the Company's operations if necessary;

i) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
Other matters within its authority.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
All resolutions and matters included in the meeting agenda must be presented, discussed, and voted upon at the General Meeting of Shareholders.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
Article 16. Proxy Authorization to Attend Shareholders' Meetings

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
Shareholders, or their authorized representatives who are organizations, may attend the meeting in person or may authorize one or more individuals or organizations to attend on their behalf, or attend the meeting through one of the methods specified in Clause 3, Article 144 of the Enterprise Law.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Any authorization for an individual or organization to attend the General Meeting of Shareholders under Clause 1 of this Article must be made in writing. The written proxy must comply with civil law regulations and clearly state the name of the authorizing shareholder, the name of the authorized individual or organization, the number of shares

authorized, the scope and content of the authorization, its duration, and must bear the signatures of both the authorizing party and the authorized party.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
Authorized representatives attending the General Meeting must present the written proxy upon registration. In the case of sub-delegation (re-authorization), the attending representative must also present the original proxy from the shareholder or from the initial authorized representative (if this has not yet been registered with the Company).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
Votes cast by an authorized representative within the scope of their proxy shall remain valid in the following situations, unless:

   a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   The shareholder who granted the proxy has passed away, lost or had limited legal capacity;

   b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
   The shareholder has revoked the authorization;

   c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
   The shareholder has revoked the authority of the person granting the proxy.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
This clause shall not apply if the Company receives notification of any of the above events prior to the commencement of the General Meeting or prior to the reconvening of such meeting.

Điều 17. Thay đổi các quyền
Article 17. Modification of rights

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
Any modification or cancellation of special rights attached to a class of preferred shares shall only take effect if approved by shareholders representing at least 65% of the total voting rights of all shareholders present at the meeting. A resolution of the General Meeting of Shareholders that adversely affects the rights or obligations of holders of preferred shares of a specific class shall only be passed if it is approved by shareholders holding at least 75% of the total number of such preferred shares present at the meeting, or shareholders holding at least 75% of the total number of such preferred shares, in the case of approval by written consent.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy

quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

A meeting of shareholders holding a specific class of preferred shares to vote on such changes shall only be valid if attended by at least two shareholders (or their authorized representatives) holding no less than one-third of the total par value of the issued shares of that class. If the required quorum is not met, the meeting may be reconvened within 30 days. At the reconvened meeting, any number of shareholders of that class present in person or by proxy—regardless of the number of shares held—shall constitute a valid quorum. At such meetings, any shareholder holding shares of that class, whether attending in person or by proxy, may request a secret ballot. Each share of the same class shall carry equal voting rights at such meetings.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

   The procedures for convening and conducting these separate meetings shall be carried out in accordance with the provisions set forth in Articles 19, 20, and 21 of this Charter.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

   Unless otherwise provided in the terms of share issuance, the special rights attached to preferred shares with respect to the distribution of profits or Company assets shall not be affected by the issuance of additional shares of the same class.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Article 18. Convening, Agenda, and Notice of the General Meeting of Shareholders

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

   The Board of Directors shall convene the Annual General Meeting of Shareholders and any Extraordinary General Meetings. Extraordinary General Meetings must be convened in accordance with the circumstances set forth in Clause 3, Article 14 of this Charter.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

   The convener of the General Meetings must perform:

   a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

      Prepare the list of shareholders eligible to attend and vote at the General Meeting. This list must be compiled no more than ten (10) days prior to the date the meeting notice is sent. The Company shall announce the record date for determining shareholders entitled to attend the General Meeting at least twenty (20) days prior to the record date.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
Prepare the meeting agenda and content;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
Prepare meeting materials;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
Draft proposed resolutions for the General Meeting based on the anticipated agenda;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
Determine the time and venue for the meeting;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
Notify and send the meeting invitation to all shareholders entitled to attend;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
Carry out other tasks necessary for the organization of the meeting.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
The meeting invitation must be sent to all eligible shareholders by a method that ensures delivery to the contact address provided by each shareholder. It must also be published on the Company's website and disclosed to the State Securities Commission and the stock exchange where the Company's shares are listed or registered for trading. The convener must send the invitation no later than twenty-one (21) days prior to the meeting date (counting from the date the notice is validly sent or delivered). The meeting agenda and documents relating to the matters to be voted on at the meeting must be either sent to shareholders and/or published on the Company's website. If such documents are not enclosed with the invitation, the invitation must clearly state the web link where the full meeting materials can be accessed. This includes:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
The meeting agenda and supporting materials;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
List and details of candidates for election to the Board of Directors or the Supervisory Board (if applicable);

c) Phiếu biểu quyết;
Voting ballot;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
Draft resolutions for each matter on the agenda.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc

họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
Shareholders or groups of shareholders as defined in Clause 2, Article 12 of this Charter may propose items for inclusion in the meeting agenda. Such proposals must be submitted in writing and delivered to the Company no later than three (03) working days prior to the date of the meeting. The written proposal must specify the name of the shareholder(s), the number and class of shares held, and the matter(s) proposed for inclusion in the agenda.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
The person convening the General Meeting of Shareholders may decline the proposal referred to in Clause 4 of this Article if:

   a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
   The proposal does not comply with the provisions of Clause 4 of this Article;

   b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
   At the time of the proposal, the shareholder or group of shareholders does not meet the minimum 5% shareholding requirement as prescribed in Clause 2, Article 12 of this Charter;

   c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   The proposed matter is not within the authority of the General Meeting of Shareholders;

   d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
   Other cases as provided by law or this Charter.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
Unless one of the exceptions in Clause 5 applies, the convener must include any valid proposal under Clause 4 in the tentative agenda. Such proposal will be officially added to the meeting agenda and content upon approval by the General Meeting of Shareholders.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
Article 19. Quorum for the General Meeting of Shareholders

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
The General Meeting of Shareholders may proceed when shareholders attending the meeting represent more than 50% of the total voting shares.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
If the first meeting does not meet the quorum requirement set out in Clause 1 of this Article, a second meeting invitation must be sent within 30 days from the intended date of the first meeting. The second General Meeting of Shareholders may proceed if shareholders attending represent at least 33% of the total voting shares.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày

kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
If the second meeting still fails to meet the quorum requirement stated in Clause 2 of this Article, a third meeting invitation must be sent within twenty (20) days from the intended date of the second meeting. The third General Meeting of Shareholders may proceed regardless of the number of voting shares represented by shareholders in attendance.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
Article 20. Procedures for Convening and Voting at the General Meeting of Shareholders

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
Prior to the commencement of the meeting, the Company shall conduct shareholder registration and continue registering until all eligible shareholders or their proxies present have completed registration, in the following order:

   a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
Upon registration, each shareholder or authorized representative with voting rights shall be issued a voting card indicating their registration number, full name, name of the authorized representative (if any), and the number of votes they hold. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each matter listed in the meeting agenda. Voting shall be conducted in three options: in favor, against, or abstain. At the meeting, votes in favor are collected first, followed by votes against; then the total number of votes for and against shall be counted to determine the outcome. The vote-counting results must be announced by the Chairperson before the meeting is adjourned. The meeting shall elect members to the vote-counting committee or vote-counting supervisors based on the Chairperson's proposal. The number of vote counters shall be decided by the General Meeting of Shareholders.

   b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
Shareholders, representatives of institutional shareholders, or authorized individuals who arrive after the meeting has commenced may still register upon arrival and participate in discussions and voting immediately thereafter. The Chairperson is not required to pause the meeting to accommodate late attendees, and previously adopted resolutions shall remain valid.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
The election of the Chairperson, Secretary, and Vote-Counting Committee shall follow these provisions:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
The Chairperson of the Board of Directors shall preside over the meeting or may authorize another Board member to do so. If the Chairperson is absent or temporarily incapacitated, the remaining Board members shall elect one among them to serve as Chairperson by majority vote. If no Chairperson is elected, the Head of the Supervisory Board shall facilitate the election of a Chairperson from among those present at the meeting, with the person receiving the highest number of votes becoming the Chairperson.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
In cases not covered by point (a), the person who signed the notice to convene the meeting shall preside over the election of the Chairperson, with the nominee receiving the highest number of votes assuming the role.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
The Chairperson shall appoint one or more individuals to act as meeting secretaries.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
The General Meeting of Shareholders shall elect one or more members to the vote-counting committee based on the Chairperson's recommendation.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
The meeting agenda and contents must be approved at the beginning of the General Meeting. The agenda should specify the timing of each item in detail.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
The Chairperson shall have the authority to take all necessary and reasonable measures to ensure that the meeting is conducted in an orderly manner, follows the approved agenda, and reflects the will of the majority of attendees. These measures may include:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
Organizing seating at the meeting venue;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
Ensuring the safety of all attendees;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
Facilitating participation (or continued participation) by shareholders. The person convening the meeting shall have full authority to amend these measures and take any actions deemed necessary, including issuing admission passes or adopting other suitable methods.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
The General Meeting of Shareholders shall deliberate and vote on each matter in the agenda. Voting shall follow the format of in favor, against, or abstain. Vote-counting results shall be announced by the Chairperson before the meeting concludes.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
Shareholders or their authorized representatives who arrive after the meeting has commenced may still register and vote from the time of registration onward; all previous resolutions adopted before their arrival shall remain valid.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
The convener or Chairperson of the meeting shall have the right to:

   a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
   Require all attendees to undergo lawful and reasonable security checks or other procedures;

   b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
   Request the assistance of competent authorities to maintain order and expel individuals who do not comply with the Chairperson's instructions, intentionally cause disruption, obstruct the meeting, or refuse to undergo required security procedures.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
The Chairperson may postpone the meeting—where a valid quorum has been established—for no more than three (03) working days from the original meeting date and only under the following circumstances:

   a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
   The meeting venue lacks adequate seating for all attendees;

   b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
   Communication facilities at the venue are insufficient to ensure participation, discussion, and voting by shareholders;

   c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
   Disruptive or disorderly behavior by attendees threatens the fairness or legality of the meeting.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
If the Chairperson postpones or suspends the meeting in violation of Clause 8 of this Article, the General Meeting may elect another attendee to preside over the remainder of

the meeting. All resolutions passed during such a meeting shall remain valid and enforceable.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
Where the Company uses modern technology to organize a General Meeting via online platforms, it must ensure that shareholders can participate and vote electronically in accordance with Article 144 of the Law on Enterprises and Clause 3, Article 273 of Decree No. 155/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government, guiding the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua
Article 21. Conditions for Resolutions of the General Meeting of Shareholders to be Adopted

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
Resolutions on the following matters shall be adopted when approved by shareholders representing at least 65% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, unless otherwise stipulated in Clauses 3, 4 and 6, Article 148 of the Law on Enterprises:

   a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   The types of shares and the total number of shares for each type;

   b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
   Changes to the Company's business lines or areas of operation;

   c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
   Changes to the Company's organizational and management structure;

   d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   Investment projects or asset sales with a value of 35% or more of the Company's total asset value as recorded in the most recent financial statements;

   đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
   Reorganization or dissolution of the Company.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
Other resolutions shall be deemed adopted when approved by shareholders holding more than 50% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, unless otherwise specified in Clause 1 of this Article and Clauses 3, 4, and 6 of Article 148 of the Law on Enterprises.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
Any resolution of the General Meeting of Shareholders that is unanimously approved by 100% of the voting shares shall be deemed legally valid and effective regardless of whether the procedures for convening and voting on such resolution were in compliance with the Law on Enterprises or this Charter.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Article 22. Authority and Procedures for Obtaining Written Shareholder Opinions to Adopt Resolutions of the General Meeting of Shareholders

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

The authority and procedures for obtaining written opinions from shareholders to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be as follows:

1. Trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này có quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn cả các trường hợp nêu tại điểm a, b, c, d, đ, g khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và cả trong các trường hợp sau đây:

   Unless otherwise provided by law or this Charter, the Board of Directors may collect written opinions from shareholders to adopt resolutions of the General Meeting of Shareholders on any matter within its authority, if deemed necessary for the Company's interests. This includes, but is not limited to, the cases outlined in Points a, b, c, d, đ, and g of Clause 2, Article 147 of the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14, as well as the following:

   a) Thay đổi vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu và/hoặc chào bán cổ phiếu và/hoặc mua lại cổ phiếu quỹ để hủy bỏ làm giảm vốn điều lệ.
   Changes to the Company's charter capital through the issuance and/or sale of additional shares, or the repurchase and cancellation of treasury shares to reduce charter capital;

   b) Phát hành trái phiếu theo các hình thức như sau: Trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền…;
   Issuance of different types of bonds, including convertible bonds, bonds with warrants, etc.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

   The Board of Directors must prepare the voting form, a draft resolution of the General Meeting of Shareholders, and supporting explanatory materials, and deliver them to all eligible voting shareholders no later than ten (10) days prior to the deadline for returning the completed voting form. The method of delivery must comply with Clause 3, Article 18 of this Charter.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   The voting form must contain at least the following information:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   Name, head office address, and enterprise registration number of the Company;

   b) Mục đích lấy ý kiến;
   Purpose of collecting written opinions;

   c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ

pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
For individual shareholders: full name, contact address, nationality, and legal identification number; for organizational shareholders: name, enterprise registration number or legal identification document, head office address, and representative's details; number and type of shares held and corresponding voting rights;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
Matters to be voted on;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
Voting options for each matter (agree, disagree, no opinion);

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
Deadline for returning the completed voting form to the Company;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
Shareholders may return completed voting forms to the Company via post, fax, or email, under the following conditions:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
For postal submissions, the form must be signed by the shareholder (if an individual), or by the legal or authorized representative (if an organization). The form must be sealed in an envelope and may not be opened prior to the vote count;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
For fax or email submissions, forms must remain confidential until the vote counting;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
Forms that are submitted after the deadline, or opened (in the case of postal submissions), or disclosed prematurely (in the case of fax/email), shall be deemed invalid. Failure to return the form shall be considered as non-participation in voting.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
The Board of Directors shall tally the votes and prepare a vote-counting minutes, witnessed by the Supervisory Board or a shareholder who does not hold any management position in the Company. The vote-counting minutes must include:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
Name, head office address, and enterprise registration number of the Company;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
Purpose and specific issues for which written opinions were sought;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
Number of shareholders and voting shares participating in the vote, distinguishing between valid and invalid votes, and the voting method used, along with an appendix listing participating shareholders;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
Total number of votes for, against, and abstaining for each matter;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
Matters approved and the corresponding approval ratios;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors, vote counters, and vote-counting observers.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
All members of the Board of Directors, vote counters, and observers shall bear joint responsibility for the truthfulness and accuracy of the vote-counting minutes, as well as for any damages resulting from dishonest or inaccurate vote counting.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
The minutes of vote counting and the resulting resolution must be delivered to all shareholders within fifteen (15) days from the date vote counting is completed. Alternatively, the minutes and resolution may be published on the Company's official website within twenty-four (24) hours of the conclusion of vote counting, in lieu of direct delivery.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
The completed voting ballots, the minutes of vote counting, the approved resolution, and any supporting documents distributed along with the voting ballot must be retained at the Company's principal office.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
A resolution passed through the form of written consultation shall be deemed valid and effective as if it were adopted at a General Meeting of Shareholders, provided it receives affirmative votes from shareholders representing more than 50% of the total voting shares of all shareholders entitled to vote.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
Article 23. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
A General Meeting of Shareholders must be recorded in written minutes and may also be audio recorded or stored in another electronic format. The minutes must be prepared in Vietnamese and may be accompanied by a version in a foreign language, and must include the following key information:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   Name, head office address, and enterprise registration number of the Company

   b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   Date, time, and venue of the meeting;

   c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
   The meeting agenda and contents;

   d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
   Full names of the Chairperson and the Secretary;

   đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
   A summary of the proceedings and key opinions expressed on each agenda item;

   e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   The number of shareholders and total voting rights represented at the meeting, along with an appendix listing registered shareholders and their representatives, indicating the number of shares and corresponding voting rights;

   g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
   The total number of votes cast for each matter, specifying the method of voting, number of valid and invalid votes, and the breakdown of votes in favor, against, or abstaining; including the percentage corresponding to the total votes of attending shareholders;

   h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
   Matters that were approved and the respective approval ratios;

   i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
   Full names and signatures of the Chairperson and the Secretary. If the Chairperson and/or the Secretary refuses to sign the minutes, the minutes shall remain valid if signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and contain all required information under this clause. The minutes must clearly state any refusal by the Chairperson or Secretary to sign.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

The minutes of the General Meeting of Shareholders must be finalized and approved before the meeting is adjourned. The Chairperson, Secretary, or any person who signs the minutes shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of its contents.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
Both the Vietnamese and foreign-language versions of the minutes shall have equal legal effect. In case of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
The resolution, minutes of the General Meeting of Shareholders, the appendix of registered shareholders bearing their signatures, proxies, and any accompanying documents or materials referenced in the meeting invitation must be disclosed in accordance with applicable regulations on information disclosure in the securities market, and must be retained at the Company's principal office.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Article 24. Petition to Annul Resolutions of the General Meeting of Shareholders

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
Within ninety (90) days from the date of receipt of a resolution, minutes of the General Meeting of Shareholders, or the minutes of the vote counting conducted via written consultation, any shareholder or group of shareholders as defined in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises shall have the right to request a court or arbitration body to review and annul the resolution, or a part thereof, in the following cases:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
The procedures for convening the meeting or adopting the resolution seriously violated the provisions of the Law on Enterprises or the Company's Charter, except as provided in Clause 3, Article 21 of this Charter.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
The content of the resolution is in violation of applicable laws or this Charter.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VII. BOARD OF DIRECTORS

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị
Article 25. Nomination and Candidacy for the Board of Directors

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải

cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
If candidates for the Board of Directors have been identified, the Company must publicly disclose information regarding such candidates at least ten (10) days prior to the date of the General Meeting of Shareholders, via the Company's official website, to allow shareholders sufficient time to review the candidates before voting. Each candidate must provide a written commitment confirming the accuracy and truthfulness of their personal information and affirming their willingness to perform their duties with integrity, diligence, and in the best interests of the Company if elected as a member of the Board of Directors. Disclosed information on each candidate shall include:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
Full name, date of birth;

b) Trình độ chuyên môn;
Professional qualifications;

c) Quá trình công tác;
Employment history;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
Other managerial or directorship positions held (including positions on boards of other companies);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
Any interests related to the Company or its affiliated parties;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
Any other information (if applicable) as required by the Company's Charter;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
The Company shall be responsible for disclosing any companies in which the candidate currently holds a position as a member of the Board of Directors, holds other management roles, or has interests related to those companies (if applicable).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
A shareholder or group of shareholders owning 10% or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates for the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises and this Charter.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
If, after nominations and self-nominations, the number of candidates remains insufficient to meet the requirements stipulated in Clause 5, Article 115 of the Law on Enterprises, the incumbent Board of Directors shall be responsible for nominating additional candidates or organizing nominations in accordance with this Charter, the Company's internal corporate governance regulations, and the Board's operating rules. Any nomination by

the incumbent Board of Directors must be clearly disclosed before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Board, in accordance with the law.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
Members of the Board of Directors must meet the eligibility criteria and conditions specified in Clause 1 and Clause 2, Article 155 of the Law on Enterprises and the Company Charter.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
Article 26. Composition and Term of the Board of Directors

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
The Board of Directors shall consist of five (05) members.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
The term of office for each member of the Board of Directors shall not exceed five (05) years. Members may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only serve as an independent member of the Board of Directors of the Company for no more than two (02) consecutive terms. In the event all members of the Board of Directors complete their term of office simultaneously, such members shall continue to serve until new members are elected and assume their responsibilities.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
The structure of the Board of Directors shall be as follows:

   Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu một (01) thành viên độc lập.
   The Board of Directors of the Company must include at least one (01) non-executive member. The Company shall minimize the number of Board members concurrently holding executive positions within the Company to ensure the independence of the Board. The total number of independent members on the Board must comply with applicable regulations and shall include at least one (01) independent member.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
A member shall cease to be a member of the Board of Directors if dismissed, removed, or replaced by resolution of the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 160 of the Law on Enterprises.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
The appointment of members to the Board of Directors must be disclosed in accordance with laws and regulations on information disclosure applicable to the securities market.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
Members of the Board of Directors are not required to be shareholders of the Company.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
Article 27. Powers and Responsibilities of the Board of Directors

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
The Board of Directors is the governing body of the Company, vested with full authority to act on behalf of the Company in making decisions and performing the rights and obligations of the Company, except for those matters falling under the authority of the General Meeting of Shareholders.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
The powers and responsibilities of the Board of Directors are determined by law, the Company's Charter, and resolutions of the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors shall have the following powers and duties:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
To determine the Company's strategy, medium-term development plans, and annual business plans;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
To propose the classes of shares and the total number of shares of each class that may be offered;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
To decide on the sale of unsold shares within the scope of authorized share offerings for each class; and to determine other methods of capital mobilization;

d) Quyết định giá bán cổ phần;
To decide on the offering price of share;

đ) Quyết định phương án phát hành trái phiếu, giá bán trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trái phiếu của Công ty, bao gồm cả trái phiếu phát hành riêng lẻ, trái phiếu phát hành ra công chúng (ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định);
To decide on the bond issuance plan, including the bond type, offering price, total value, and timing of the Company's bond offerings, including both private placements and public offerings (excluding convertible bonds and bonds with warrants, which shall be decided by the General Meeting of Shareholders);

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
To decide on the repurchase of shares in accordance with Clause 1 and Clause 2, Article 133 of the Law on Enterprises;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
To approve investment plans and projects within its authority and in compliance with legal limits;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
To determine strategies for market development, marketing, and technology adoption;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công

ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
To approve contracts for purchases, sales, borrowing, lending, and other transactions with a value equal to or exceeding 35% of the total assets recorded in the Company's most recent financial statements, except for those transactions that fall within the authority of the General Meeting of Shareholders under Point d, Clause 2, Article 138 and Clauses 1 and 3, Article 167 of the Law on Enterprises;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
To elect, dismiss, or remove the Chairperson of the Board of Directors; to appoint, dismiss, sign, or terminate employment contracts with the Chief Executive Officer (CEO) and other key executives as stipulated in the Charter; to determine the salaries, remuneration, bonuses, and other benefits of such managers; to designate authorized representatives to participate in Members' Councils or General Meetings of Shareholders of other companies; and to determine their remuneration and benefits;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
To supervise and direct the CEO and other managers in the day-to-day operations of the Company;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
To determine the organizational structure and internal governance regulations of the Company;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
To decide on the establishment of subsidiaries, branches, and representative offices, as well as capital contributions or share purchases in other enterprises;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
To submit the audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
To recommend the dividend payout rate; and to decide on the timing and method of dividend distribution or the handling of business losses;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
To propose restructuring, dissolution, or bankruptcy of the Company;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

To issue the Board of Directors' operational regulations and the internal corporate governance regulations after they have been approved by the General Meeting of Shareholders; and to issue the Company's information disclosure regulations;

s) Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
To determine the valuation of non-cash assets contributed to the Company in connection with the issuance of shares or bonds, including gold, land use rights, intellectual property rights, technologies, and technological know-how;

t) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
To approve investments or disposals of assets valued from 10% to less than 35% of the total assets as recorded in the most recent financial statements of the Company;

u) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
To address other business matters or transactions that, within its authority and responsibilities, the Board deems necessary to approve;

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
To exercise other rights and perform other obligations in accordance with the Law on Enterprises, the Law on Securities, other applicable laws, and the Company's Charter.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
The Board of Directors shall report its performance to the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020, which provides detailed regulations for the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị
Article 28. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
The Company may pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on the Company's performance and business results.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
Members of the Board of Directors are entitled to remuneration and performance bonuses. Remuneration shall be calculated based on the number of working days required to fulfill the duties of a Board member and the applicable daily rate. The Board of Directors shall propose the remuneration for each member by consensus. The total amount of remuneration and bonuses for the Board of Directors shall be determined by the General Meeting of Shareholders at the Annual General Meeting.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục

riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
The remuneration of each member of the Board of Directors shall be accounted for as a business expense of the Company in accordance with the laws on corporate income tax. It shall be disclosed as a separate line item in the Company's annual financial statements and reported to the General Meeting of Shareholders at the Annual General Meeting.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
Any member of the Board of Directors who holds an executive position, serves on Board committees, or performs duties beyond the normal scope of responsibilities of a Board member may receive additional compensation. This may take the form of a one-off fee, salary, commission, profit share, or other forms as determined by the Board of Directors.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
Members of the Board of Directors shall be entitled to reimbursement for all reasonable travel, accommodation, and other expenses incurred in the course of performing their duties as Board members. This includes costs incurred when attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or Board committees.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
Members of the Board of Directors may be covered by liability insurance purchased by the Company, subject to the approval of the General Meeting of Shareholders. Such insurance shall not cover liabilities arising from violations of laws or breaches of the Company's Charter.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị
Article 29. Chairperson of the Board of Directors

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
The Chairperson of the Board of Directors shall be elected, dismissed, or removed by the Board of Directors from among its members.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
The Chairperson may not concurrently serve as the Chief Executive Officer (CEO) of the Company.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
The Chairperson of the Board of Directors shall have the following rights and responsibilities:

   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   To develop the agenda and work plan of the Board of Directors;

   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

To prepare the meeting agenda, materials, and documentation; to convene, preside over, and chair meetings of the Board of Directors;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
To organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
To oversee the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
To preside over meetings of the General Meeting of Shareholders;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
To exercise other rights and perform other duties in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
In the event the Chairperson resigns, is dismissed, or removed from office, the Board of Directors must elect a replacement within ten (10) days from the date of resignation, dismissal, or removal.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
If the Chairperson is absent or otherwise unable to perform their duties, they must delegate their powers and responsibilities in writing to another member of the Board of Directors. If no such delegation is made, or if the Chairperson is deceased, missing, temporarily detained, serving a prison sentence, undergoing mandatory rehabilitation or education, has fled their residence, is legally incapacitated, suffers from cognitive or behavioral impairments, or is prohibited by court order from holding certain positions or engaging in specific activities, the remaining members of the Board of Directors shall elect a new Chairperson from among themselves by majority vote, who shall serve in that capacity until the Board of Directors issues a new decision.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị
Article 30. Board Meetings

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
The Chairperson of the Board of Directors shall be elected at the first meeting of the Board of Directors, held within seven (07) working days from the date of completion of the Board election. This meeting shall be convened and presided over by the member who received

the highest number or percentage of votes. If there is more than one member with equal highest votes or voting percentages, the Board members shall elect one among them, by majority vote, to convene and chair the meeting.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
The Board of Directors must convene at least once every quarter, and may also hold extraordinary meetings as needed.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
The Chairperson of the Board shall convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:

   a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   Upon the request of the Supervisory Board or an independent Board member;

   b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
   Upon the request of the Chief Executive Officer (CEO) or at least five (05) other senior managers;

   c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
   Upon the request of at least two (02) members of the Board of Directors

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
Requests under Clause 3 of this Article must be made in writing and must clearly state the purpose, matters for discussion, and decisions to be made that fall within the authority of the Board of Directors.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
The Chairperson must convene the Board meeting within seven (07) working days from the date of receiving such a request. If the Chairperson fails to do so, they shall be held liable for any damage caused to the Company; in such case, the requesting parties shall have the right to convene the Board meeting themselves.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
The Chairperson or the convener must send a meeting notice to Board members no later than three (03) working days prior to the meeting. The notice must specify the time, venue, agenda, and matters to be discussed and resolved, and the notice must be accompanied by relevant materials and voting ballots.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
   Notices may be delivered by written invitation, phone, fax, email, or other means as provided in the Company's Charter and must be sent to the contact address registered with the Company by each Board member.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

The Chairperson or convener must also send the meeting notice and accompanying materials to members of the Supervisory Board in the same manner as to Board members.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
Supervisory Board members have the right to attend and participate in discussions at Board meetings but do not have voting rights.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
A Board meeting may be held only when at least three-fourths (3/4) of the total members are in attendance. If the quorum is not met, a second meeting may be convened within seven (07) days from the initially scheduled date. At this second meeting, the quorum shall be deemed met if more than half of the Board members are present.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
A Board member shall be deemed to be present and vote at the meeting in the following cases:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   Attending and voting in person;

   b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
   Authorizing another person to attend and vote on their behalf, as approved under Clause 11 of this Article;

   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   Attending and voting via online conferencing, electronic voting, or other electronic means;

   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
   Submitting a voting ballot by mail, fax, or email;

   đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
   Submitting a voting ballot by other permitted means.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
If a voting ballot is submitted by post, it must be enclosed in a sealed envelope and delivered to the Chairperson at least one (01) hour before the meeting begins. Ballots shall only be opened in the presence of all meeting participants.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
Board members are expected to attend all Board meetings. They may authorize another person to attend and vote on their behalf only with the consent of the majority of the Board members.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
A resolution or decision of the Board of Directors shall be passed if it receives the affirmative vote of the majority of members present. In the event of a tie, the Chairperson shall cast the deciding vote.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
Article 31. Board Committees

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
The Board of Directors may establish committees under its authority to oversee specific areas such as strategic development, human resources, compensation, internal audit, and risk management. Each committee shall have a minimum of three (03) members, as determined by the Board of Directors, and may consist of both Board members and external individuals. The operations of such committees must comply with the regulations issued by the Board of Directors. A committee's resolution shall be valid only if it is approved by a majority of its members present and voting at a duly convened meeting.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
All decisions made by the Board of Directors or by any of its committees must be implemented in accordance with applicable laws, the Company's Charter, and its internal corporate governance regulations.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty
Article 32. Corporate Governance Officer

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
The Board of Directors must appoint at least one (01) Corporate Governance Officer to support governance activities within the Company. This individual may concurrently serve as the Company Secretary in accordance with Clause 5, Article 156 of the Law on Enterprises.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
The Corporate Governance Officer may not simultaneously be employed by an auditing firm currently performing audits of the Company's financial statements.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
The Corporate Governance Officer shall have the following rights and responsibilities:

   a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
   Advising the Board of Directors on convening General Meetings of Shareholders and handling shareholder relations in accordance with the law;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
Preparing meetings of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the General Meeting of Shareholders as requested by the Board or the Supervisory Board;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
Providing guidance on the procedures of such meetings;

d) Tham dự các cuộc họp;
Attending meetings of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
Advising on the formulation of Board resolutions to ensure compliance with applicable laws;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
Providing financial information, copies of Board meeting minutes, and other relevant materials to members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
Monitoring and reporting to the Board of Directors on the Company's disclosure activities;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
Serving as a liaison with relevant stakeholders;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
Ensuring confidentiality of information in accordance with applicable laws and the Company Charter;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
Performing other rights and obligations as prescribed by law and the Company Charter.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
VIII. CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý
Article 33. Organizational Structure of Management

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (nếu có). Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
The Company's management system shall ensure that the executive apparatus is accountable to the Board of Directors and operates under its supervision and direction in the day-to-day business operations of the Company. The Company shall have a Chief Executive Officer (CEO), Deputy Chief Executive Officers (Deputy CEOs), a Chief Accountant, and other managerial positions as may be appointed by the Board of Directors (if any). The appointment, dismissal, and removal of these positions must be carried out by resolution or decision of the Board of Directors.

Điều 34. Người điều hành Công ty
Article 34. Executive Officers of the Company

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
Executive Officers of the Company include the Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officers, and the Chief Accountant.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
At the recommendation of the Chief Executive Officer and with the approval of the Board of Directors, the Company may appoint additional Executive Officers in accordance with its structure and internal management regulations as adopted by the Board of Directors. Executive Officers shall be responsible for supporting the Company in achieving its strategic and operational objectives. The Chief Executive Officer shall be entitled to salary and bonus, the level of which shall be determined by the Board of Directors.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
The CEO is paid by salary and bonus. The Chief Executive Officer's salary and bonus are decided by the Board of Directors.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
The remuneration of Executive Officers shall be accounted for as part of the Company's business expenses in accordance with regulations on corporate income tax, presented as a separate line item in the Company's annual financial statements, and reported to the General Meeting of Shareholders at the Annual Meeting.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc
Article 35. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the Chief Executive Officer

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
The Board of Directors shall appoint one (01) of its members or may engage an external candidate to serve as the Chief Executive Officer (CEO).

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
The CEO shall be responsible for the day-to-day management of the Company's business operations, under the supervision of the Board of Directors, and shall be accountable to the Board and legally responsible for the performance of duties and exercise of powers assigned.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
The CEO's term of office shall not exceed five (05) years and may be reappointed for an unlimited number of terms, subject to the qualifications and conditions set forth by applicable law and the Company's Charter.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
The CEO shall have the following rights and responsibilities:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của Công ty;
To make decisions on all matters related to the daily business operations of the Company, except those falling under the authority of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders; and to act in the best interest of the Company when making such decisions;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
To organize the implementation of resolutions and decisions adopted by the Board of Directors;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
To implement the Company's business plans and investment strategies;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
To propose organizational structure and internal governance regulations of the Company;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
To appoint, dismiss, or remove management personnel within the Company, except for positions under the jurisdiction of the Board of Directors;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
To determine the salaries and other benefits of employees within the Company, including managerial staff appointed under the CEO's authority;

g) Tuyển dụng lao động;
To recruit personnel;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
To propose dividend distribution plans or measures to address operational losses;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
To perform other rights and duties as prescribed by law.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
The Board of Directors may dismiss the CEO by a majority vote of attending members with voting rights and appoint a replacement.

IX. BAN KIỂM SOÁT
IX. SUPERVISORY BOARD

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)
Article 36. Nomination and Election of Supervisory Board Members (Supervisors)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
The nomination and election of Supervisory Board members shall be carried out in accordance with the same procedures set forth in Clauses 1 and 2 of Article 25 of this Charter.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt

động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
In the event that the number of nominees and candidates for the Supervisory Board is insufficient, the incumbent Supervisory Board may nominate additional candidates or organize nominations in accordance with this Charter, the Company's Internal Corporate Governance Regulations, and the Supervisory Board's Operating Regulations. Any nomination of additional candidates by the current Supervisory Board must be publicly disclosed prior to the General Meeting of Shareholders voting to elect members of the Supervisory Board in accordance with applicable laws.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát
Article 37. Composition of the Supervisory Board

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
The Supervisory Board of the Company shall consist of three (03) members. Each member shall serve a term not exceeding five (05) years and may be re-elected for an unlimited number of terms.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
Supervisory Board members must meet the eligibility criteria as prescribed under Article 169 of the Law on Enterprises, and shall not fall under any of the following disqualifying circumstances:

   a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   Being employed in the Company's accounting or finance departments;

   b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
   Being a member or employee of an independent auditing firm that audited the Company's financial statements in any of the past three (03) consecutive years.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
A Supervisory Board member shall be dismissed in the following cases:

   a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
   No longer meeting the eligibility criteria as stated in Clause 2 of this Article;

   b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
   Voluntarily resigning and having such resignation accepted.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
A Supervisory Board member shall be removed in the following cases:

   a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   Failure to fulfill assigned tasks and responsibilities;

   b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   Failure to exercise rights and obligations for six (06) consecutive months, unless due to force majeure;

   c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

Repeated or serious violations of the duties and obligations of Supervisory Board members under the Law on Enterprises or this Charter;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
Other cases as resolved by the General Meeting of Shareholders.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát
Article 38. Head of the Supervisory Board

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
The Head of the Supervisory Board shall be elected from among the members of the Supervisory Board, based on majority voting. A majority of the Supervisory Board members must be permanent residents in Vietnam. The Head of the Supervisory Board must hold a university degree or higher in one of the following disciplines: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a field relevant to the Company's business operations.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
The Head of the Supervisory Board shall have the following rights and responsibilities:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
To convene meetings of the Supervisory Board;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
To request the Board of Directors, CEO, and other executives to provide relevant information for the purpose of reporting to the Supervisory Board;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
To prepare and sign the Supervisory Board's report, after consulting with the Board of Directors, for submission to the General Meeting of Shareholders.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát
Article 39. Rights and Responsibilities of the Supervisory Board

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
The Supervisory Board shall exercise the rights and perform the duties stipulated in Article 170 of the Law on Enterprises and the following additional rights and responsibilities:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
To propose and recommend that the General Meeting of Shareholders approve the list of approved auditing firms to audit the Company's financial statements; to determine the approved auditing firm that will conduct operational audits of the Company; and to dismiss the appointed auditor when deemed necessary.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
To be accountable to the shareholders for the performance of its supervisory functions.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
To oversee the Company's financial position and monitor the compliance with applicable laws and regulations by members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer (CEO), and other executives.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
To ensure coordination of its activities with the Board of Directors, the CEO, and shareholders.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
If any violations of the law or the Company's Charter by members of the Board of Directors, the CEO, or other executive officers are discovered, the Supervisory Board must provide written notice to the Board of Directors within forty-eight (48) hours, requesting the violator to cease such conduct and implement corrective measures.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
To develop its own Operating Regulations and submit them to the General Meeting of Shareholders for approval.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
To report at the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 290 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, which provides detailed guidance on the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
To have the right to access all Company records and documents kept at the head office, branches, and other locations; and to visit the workplaces of Company managers and employees during working hours.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
To request the Board of Directors, individual members of the Board, the CEO, and other managers to promptly and fully provide accurate information and documents relating to the management, operations, and business activities of the Company.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
To exercise such other rights and perform such other duties as prescribed by applicable laws and regulations.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát
Article 40. Meetings of the Supervisory Board

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

The Supervisory Board shall convene meetings at least twice per year. A quorum is established when at least two-thirds (2/3) of its members are present. Minutes of each meeting must be prepared in a clear and detailed manner. The minute-taker and all participating members of the Supervisory Board are required to sign the minutes. All meeting minutes of the Supervisory Board must be retained to ensure accountability of each member.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
The Supervisory Board shall have the right to request the attendance of members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer, and representatives of the approved auditing firm to clarify matters requiring further explanation.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát
Article 41. Remuneration, Compensation, Bonuses, and Other Benefits for Members of the Supervisory Board

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:
The remuneration, compensation, bonuses, and other benefits of members of the Supervisory Board shall be implemented as follows:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
Members of the Supervisory Board shall be entitled to receive remuneration, compensation, bonuses, and other benefits as determined by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall approve the total annual remuneration, compensation, bonuses, other benefits, and the annual operating budget of the Supervisory Board.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
Members of the Supervisory Board are entitled to reimbursement for reasonable expenses related to meals, accommodation, travel, and the use of independent advisory services. The total remuneration and expenses shall not exceed the approved annual budget of the Supervisory Board unless otherwise resolved by the General Meeting of Shareholders.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
Remuneration and operating expenses of the Supervisory Board shall be recorded as part of the Company's business expenses in accordance with prevailing regulations on corporate income tax and other applicable laws, and must be disclosed as a separate line item in the Company's annual financial statements.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER, AND OTHER EXECUTIVES

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.
Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives shall perform their duties—including those undertaken in subcommittees of the Board of Directors—with integrity, diligence, and in the best interest of the Company.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
Article 42. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
   Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives must disclose any relevant interests in accordance with the Law on Enterprises and applicable legal provisions.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
   Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, and their related persons may only use information obtained through their positions for the benefit of the Company.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
   These individuals are obligated to notify the Board of Directors and the Supervisory Board in writing of any transactions between the Company, its subsidiaries, or other companies in which the public company holds over 50% of the charter capital, and themselves or their related persons, in accordance with applicable laws. Where such transactions require approval from the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Company must disclose information on the resolutions approving them in accordance with securities regulations on information disclosure.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
   Members of the Board of Directors may not vote on any transaction in which they or their related persons have an interest, as prescribed by the Law on Enterprises and this Charter.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, and their related persons may not use or disclose inside information to conduct related transactions.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
Transactions between the Company and one or more members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, or their related parties shall not be deemed invalid in the following circumstances:

   a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
   In the case of a transaction valued at less than 35% of the total assets as recorded in the most recent financial statements, if the key terms of the transaction and any relevant relationships and interests of the aforementioned individuals have been reported to the Board of Directors and approved by a majority of disinterested directors;

   b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
   In the case of a transaction valued at 35% or more of total assets—or where the cumulative value of related transactions within a 12-month period reaches or exceeds that threshold—if the key terms and any relevant relationships and interests have been disclosed to shareholders and approved by a vote of disinterested shareholders at the General Meeting of Shareholders.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường
Article 43. Liability for Damages and Indemnification

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives who breach their duties of honesty, loyalty, or due care, or who otherwise fail to fulfill their obligations, shall be held liable for any damages arising from such breach or failure.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

The Company shall indemnify any individual who is or may become a party to any complaint, claim, litigation, or proceeding (whether civil or administrative, and excluding those initiated by the Company) if that individual is or was a member of the Board of Directors, a member of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, another executive, an employee, or an authorized representative of the Company—provided that such person acted in good faith, with due care, in the best interests of the Company, within the scope of their authority, in compliance with the law, and there is no evidence that the person breached their duties.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.
Indemnification shall cover judgments, penalties, and actual expenses (including attorneys' fees) incurred in connection with such proceedings, to the extent permitted by law. The Company may also obtain insurance to cover these indemnification liabilities for the aforementioned individuals.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY
XI. RIGHT TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ
Article 44. Right to Access Books and Records

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
Common shareholders have the right to inspect company books and records, specifically as follows:

   a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   A common shareholder may inspect, access, and make extracts of information regarding the names and contact details in the list of shareholders entitled to vote; request correction of any inaccurate information concerning themselves; and inspect, access, extract, or copy the Company's Charter, minutes of General Meeting of Shareholders, and resolutions of the General Meeting of Shareholders.

   b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
   A shareholder or group of shareholders holding 5% or more of the total outstanding common shares has the right to inspect, access, and make extracts of the minutes and resolutions or decisions of the Board of Directors; interim and annual financial statements; reports of the Supervisory Board; contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors; and other documents, excluding those involving the Company's trade secrets or confidential business information.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
If a shareholder or group of shareholders exercises their right to access records through an authorized representative, such representative must present a power of attorney granted by the relevant shareholder(s), or a notarized copy thereof.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives shall have the right to access the Company's shareholder register, list of shareholders, and other corporate books and records, provided such access is for purposes related to their official duties and that the information is kept confidential.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
The Company is required to maintain this Charter and any amendments thereto, the Certificate of Enterprise Registration, internal regulations, documents evidencing ownership of assets, resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Supervisory Board, annual financial statements, accounting books, and other records as prescribed by law—either at the Company's head office or another location, provided that shareholders and the business registration authority are duly notified of such location.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
The Company's Charter must be published on the Company's official website.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN
XII. EMPLOYEES AND UNIONS

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn
Article 45. Employees and unions

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
The Chief Executive Officer shall prepare and submit to the Board of Directors for approval matters related to the recruitment, termination, salaries, social insurance, welfare, rewards, and disciplinary actions concerning employees and Company executives.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
The Chief Executive Officer shall also prepare and submit to the Board of Directors for approval matters concerning the Company's relations with unions in accordance with best practices, management policies, and standards, as well as the provisions of this Charter, Company regulations, and applicable laws.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Điều 46. Phân phối lợi nhuận
Article 46. Profit Distribution

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
   The General Meeting of Shareholders shall determine the annual dividend amount and method of payment from the Company's retained earnings.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
   The Company shall not pay interest on dividends or any other payments relating to any class of shares.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
   The Board of Directors may propose that the General Meeting of Shareholders approve the distribution of dividends in whole or in part in the form of shares. The Board of Directors shall be responsible for implementing such resolutions.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
   If dividends or other payments relating to a class of shares are to be paid in cash, they shall be paid in Vietnamese Dong. Payment may be made directly or via bank transfer based on the bank account details provided by the shareholder. The Company shall not be liable for any payments made based on the bank account details provided by a shareholder if that shareholder fails to receive the funds. For listed or registered securities, dividend payments may be processed through securities companies or the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
   In accordance with the Law on Enterprises and the Law on Securities, the Board of Directors shall adopt a resolution determining the record date for finalizing the list of shareholders entitled to receive dividends in cash or stock, notices, or other documents.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.
   Other matters related to the distribution of profits shall be carried out in compliance with applicable laws.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN
XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME

Điều 47. Tài khoản ngân hàng
Article 47. Bank account

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
   The Company shall open bank accounts with banks operating in Vietnam or with branches of foreign banks that are legally permitted to operate within Vietnam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
   Subject to prior approval from the relevant authorities, the Company may, if necessary, open bank accounts abroad in accordance with applicable laws.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.
   All payments and accounting transactions of the Company shall be conducted through accounts in Vietnamese Dong or foreign currencies held at banks where the Company maintains its accounts.

Điều 48. Năm tài chính
Article 48. Fiscal year

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.
The Company's fiscal year shall begin on January 1 and end on December 31 of each calendar year. The first fiscal year shall commence on the date the Enterprise Registration Certificate is issued and end on December 31, 2017.

Điều 49. Chế độ kế toán
Article 49. Accounting system

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
   The Company shall apply the corporate accounting regime or any specific accounting regime as promulgated or approved by the competent authority.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
   The Company shall prepare its accounting records in Vietnamese and maintain all accounting documents in accordance with the laws on accounting and related regulations. Such records must be accurate, up to date, systematic, and sufficient to substantiate and explain the Company's transactions.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.
   The accounting currency of the Company shall be the Vietnamese Dong. In cases where the Company conducts its principal transactions in a foreign currency, it may elect to use that foreign currency as its accounting currency. The Company shall be responsible before the law for such selection and shall notify the relevant tax authority accordingly.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Article 50. Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
   The Company shall prepare annual financial statements, which must be audited in accordance with applicable laws. The audited annual financial statements shall be disclosed in accordance with the regulations on information disclosure applicable to the securities market and submitted to the relevant state authorities.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
   The annual financial statements must include all required reports, appendices, and explanatory notes as prescribed by the laws on corporate accounting. These financial statements must present a true and fair view of the Company's operations.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
   The Company shall also prepare and disclose reviewed semi-annual financial statements and quarterly financial statements in accordance with the legal requirements on information disclosure applicable to the securities market, and submit them to the relevant state authorities.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Article 51. Annual Report

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
The Company shall prepare and disclose its Annual Report in accordance with applicable laws on securities and the securities market.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

XVI. AUDIT OF THE COMPANY

Điều 52. Kiểm toán

Article 52. Audit

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
   The General Meeting of Shareholders shall appoint an independent auditing firm or approve a list of eligible independent auditing firms and authorize the Board of Directors to select one of them to audit the Company's financial statements for the following fiscal year, based on terms and conditions agreed upon with the Board.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
   The audit report shall be attached to the Company's annual financial statements.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
The independent auditor responsible for auditing the Company's financial statements shall have the right to attend General Meetings of Shareholders, receive notices and other materials relating to such meetings, and express opinions on matters pertaining to the audit of the Company's financial statements.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP
XVII. COMPANY SEAL

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp
Article 53. Company seal

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
The Company's seal may be either a physical seal produced by a seal engraving service provider or a digital signature, in accordance with the laws on electronic transactions.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
The Board of Directors shall determine the type, quantity, format, and content of the Company's seal, as well as those of its branches and representative offices (if any).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
The Board of Directors and the Chief Executive Officer shall be responsible for the use and safekeeping of the seal in accordance with prevailing laws.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY
XVIII. DISSOLUTION OF COMPANY

Điều 54. Giải thể công ty
Article 54. Dissolution of the company

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
The Company may be dissolved under the following circumstances:
   a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
   Upon expiration of its operating term as stated in the Charter, unless extended;
   b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   Pursuant to a resolution or decision of the General Meeting of Shareholders;
   c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
   Upon revocation of its Enterprise Registration Certificate, unless otherwise provided by the Law on Tax Administration;
   d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
   Other cases as prescribed by law.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Early dissolution of the Company (including prior to the expiration of an extended term) shall be subject to a resolution of the General Meeting of Shareholders and shall be implemented by the Board of Directors. Such a resolution must be notified to, or approved by, the competent authority if required by law.

Điều 55. Gia hạn hoạt động
Article 55. Extension of Term

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
   The Board of Directors shall convene the General Meeting of Shareholders at least seven (07) months prior to the expiration of the Company's operating term to enable shareholders to vote on the proposed extension.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.
   The extension shall be approved if it receives affirmative votes from shareholders representing at least sixty-five percent (65%) of the total voting shares of shareholders attending the meeting.

Điều 56. Thanh lý
Article 56. Liquidation

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
   At least six (06) months prior to the expiration of the Company's term or upon the adoption of a dissolution resolution, the Board of Directors shall establish a Liquidation Committee consisting of three (03) members. Two (02) members shall be appointed by the General Meeting of Shareholders and one (01) member shall be appointed by the Board of Directors from an independent auditing firm. The Liquidation Committee shall develop its own operating procedures. Members of the Liquidation Committee may be selected from among the Company's employees or external professionals. All costs related to the liquidation process shall be prioritized for payment ahead of other Company liabilities.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
   The Liquidation Committee shall notify the Business Registration Authority of its establishment and commencement of operations. From that time, the Liquidation Committee shall act on behalf of the Company in all matters relating to the liquidation before courts and administrative authorities.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   Proceeds from the liquidation shall be distributed in the following order of priority:

   a) Các chi phí thanh lý;
      Liquidation expenses;

   b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

Unpaid wages, severance allowances, social insurance contributions, and other entitlements owed to employees under collective labor agreements and individual labor contracts;

c) Nợ thuế;
Tax liabilities;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;
Other outstanding debts of the Company;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
Any remaining balance, after full payment of the above items (a) through (d), shall be distributed among the shareholders. Holders of preferred shares shall be paid prior to holders of ordinary shares.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ
XIX. INTERNAL DISPUTE RESOLUTION

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ
Article 57. Internal dispute resolution

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
In the event of a dispute or claim arising in connection with the Company's operations, or the rights and obligations of shareholders under the Law on Enterprises, this Charter, other applicable laws, or contractual agreements between:

   a) Cổ đông với Công ty;
   A shareholder and the Company;

   b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;
   A shareholder and the Board of Directors, Supervisory Board, Chief Executive Officer, or other executives;

   Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
   The parties involved shall endeavor to resolve such dispute through negotiation and conciliation. Except where the dispute involves the Board of Directors or the Chairperson of the Board, the Chairperson shall preside over the resolution process and request each party to submit relevant information within thirty (30) business days from the date the dispute arises. If the dispute involves the Board of Directors or the Chairperson, any party may request the appointment of an independent expert to act as a mediator for the conciliation process.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

If the parties are unable to reach a resolution within six (06) weeks from the commencement of the mediation process, or if the mediator's proposal is not accepted by the parties, either party may refer the dispute to arbitration or a competent court.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.
Each party shall bear its own costs related to the negotiation and mediation process. Court-related costs shall be allocated in accordance with the ruling of the court.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER

Điều 58. Điều lệ công ty
Article 58. Company Charter

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
Any amendment or supplement to this Charter must be reviewed and approved by the General Meeting of Shareholders.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.
In cases where applicable laws contain provisions relevant to the Company's operations that are not addressed in this Charter, or where new legal provisions differ from those in this Charter, such legal provisions shall prevail and govern the Company's operations.

3. Trường hợp các quy định, quy chế nội bộ do Công ty ban hành có nội dung mâu thuẫn với quy định trong Điều lệ này thì các quy định trong Điều lệ này được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.
In the event of any inconsistency between this Charter and the Company's internal regulations or policies, the provisions of this Charter shall take precedence.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC
XXI. EFFECTIVE DATE

Điều 59. Ngày hiệu lực
Article 59. Effective Date

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2026 và sửa đổi theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29.06.2026/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 06 năm 2026.
This Charter comprises 21 sections and 59 articles and was adopted by the General Meeting of Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company pursuant to Resolution No 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ dated April 23, 2026 and amended pursuant to the Board of Directors' Resolution No. 29.06.2026/NQ-HĐQT dated June 29, 2026.

2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
This Charter is made in three (03) copies of equal legal validity, and shall be kept at the Company's head office.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế toàn bộ các bản Điều lệ của Công ty đã được ban hành trước ngày Điều lệ này có hiệu lực.
This is the sole and official Charter of the Company and shall supersede all previous versions issued prior to its effective date.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
Any copy or excerpt of this Charter shall only be valid if signed by the Chairperson of the Board of Directors or by at least one-half (1/2) of the total number of Board members.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER

M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P.
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÙI HƯƠNG GIANG

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

EY

Shape the future
with confidence

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 60

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và theo GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 651/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nội, Long An và Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch	
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên	
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên không điều hành	
Ông Prasad Gopalan	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Duy Tân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2024
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên của Nhóm Công ty để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eylu.mail@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12943524/67717899

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 60, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM
M.S.D.N: 0300811802 - C.T.T.N.H.H
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 9222 quyển số - SCT/BS
Ngày 23 tháng 07 năm 2026

S.D.K.H.D: 113 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN SƠN HÀ
T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.032.229.458.737**	**3.174.811.450.706**
110	***I. Tiền***	***4***	***102.785.712.771***	***81.566.921.890***
111	1. Tiền		102.785.712.771	81.566.921.890
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***226.012.994.520***	***125.275.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	226.012.994.520	125.275.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***2.170.289.330.233***	***1.769.241.136.463***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	610.067.294.156	1.049.628.162.708
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	150.909.137.265	70.338.501.465
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.284.223.949.838	467.123.139.637
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	129.353.964.391	186.329.689.951
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9, 10	(4.266.008.550)	(4.266.008.550)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		993.133	87.651.252
140	***IV. Hàng tồn kho***	***11***	***1.508.776.640.729***	***1.178.712.190.742***
141	1. Hàng tồn kho		1.508.776.640.729	1.178.712.190.742
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***24.364.780.484***	***20.016.201.611***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	18.443.926.869	19.230.616.194
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	5.918.946.202	154.689.461
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	1.907.413	630.895.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.858.098.868.396**	**2.491.664.243.042**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***218.332.762.263***	***129.204.889.200***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	-	375.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	218.332.762.263	128.829.889.200
220	***II. Tài sản cố định***		***194.042.247.037***	***335.334.197.441***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	179.994.125.053	153.598.796.636
222	Nguyên giá		269.905.982.693	225.305.625.075
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(89.911.857.640)	(71.706.828.439)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	13.216.543.722	-
225	Nguyên giá		14.086.397.917	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(869.854.195)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	831.578.262	181.735.400.805
228	Nguyên giá		2.272.516.000	182.981.826.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.440.937.738)	(1.246.425.195)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***194.512.985.504***	***104.290.813.453***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	194.512.985.504	104.290.813.453
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***1.994.250.160.071***	***1.656.687.790.505***
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	2.006.274.409.347	1.668.712.039.781
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.1	(12.024.249.276)	(12.024.249.276)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***256.960.713.521***	***266.146.552.443***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	255.725.959.693	235.385.202.959
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	1.234.753.828	30.761.349.484
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**6.890.328.327.133**	**5.666.475.693.748**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**3.954.273.264.308**	**3.796.528.307.739**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***3.182.675.474.003***	***2.761.524.227.189***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.977.338.364.452	1.945.825.090.275
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	1.692.494.573	30.827.078.570
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	46.751.552.180	6.083.202.518
314	4. Phải trả người lao động		26.484.744.175	14.515.540.300
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	31.778.366.654	28.256.414.977
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	30.963.832.710	33.097.828.549
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	1.067.666.119.259	702.919.072.000
330	***II. Nợ dài hạn***		***771.597.790.305***	***1.035.004.080.550***
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	296.351.205.652	582.498.527.280
339	2. Trái phiếu chuyển đổi	23.4	475.246.584.653	452.505.553.270
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.936.055.062.825**	**1.869.947.386.009**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***24.1***	***2.936.055.062.825***	***1.869.947.386.009***
411	1. Vốn cổ phần		2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.390.216.420.000*	*1.435.200.000.000*
413	2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		137.648.613.977	137.648.613.977
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		408.190.028.848	297.098.772.032
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*53.118.352.032*	*246.723.093.219*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*355.071.676.816*	*50.375.678.813*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**6.890.328.327.133**	**5.666.475.693.748**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Hồ Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	6.018.359.158.838	5.318.274.899.044
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(345.310.400)	(5.328.519.109)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	6.018.013.848.438	5.312.946.379.935
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(5.373.382.030.524)	(5.274.437.124.301)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		644.631.817.914	38.509.255.634
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	57.169.881.395	294.195.373.870
22	7. Chi phí tài chính	26	(178.228.238.135)	(135.988.640.522)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(178.228.238.135)*	*(135.537.786.018)*
25	8. Chi phí bán hàng	28	(88.595.748.566)	(72.639.496.703)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(110.675.788.777)	(85.419.890.565)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		324.301.923.831	38.656.601.714
31	11. Thu nhập khác	29	108.698.847.641	604.717.325
32	12. Chi phí khác	29	(3.195.501.108)	(7.469.282.866)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	105.503.346.533	(6.864.565.541)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		429.805.270.364	31.792.036.173
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(45.206.997.892)	(9.006.248.324)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	(29.526.595.656)	27.589.890.964
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		355.071.676.816	50.375.678.813

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thủy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**429.805.270.364**	**31.792.036.173**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13, 14	29.152.031.108	27.017.641.946
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(37.295.358)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.624.444.769)	(13.773.327)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(152.389.377.253)	(302.115.162.602)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	26	178.228.238.135	135.537.786.018
08	**Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**482.171.717.585**	**(107.818.767.150)**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		451.904.452.567	(529.501.587.681)
10	Tăng hàng tồn kho		(330.064.449.987)	(448.038.300.760)
11	Tăng các khoản phải trả		24.289.600.328	852.668.494.871
12	Tăng chi phí trả trước		(19.554.067.409)	(122.594.798.792)
14	Tiền lãi vay đã trả		(157.071.964.034)	(109.542.228.762)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(7.137.424.929)	(57.453.419.749)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**444.537.864.121**	**(522.280.608.023)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(168.352.623.133)	(92.943.577.058)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư		294.086.397.917	23.856.502.593
23	Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(1.439.050.824.060)	(455.296.982.992)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		530.330.763.000	322.951.051.034
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(426.807.640.066)	(668.030.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	44.100.000.000
27	Lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức nhận được		20.808.951.838	164.603.714.647
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(1.188.984.974.504)**	**(660.759.291.776)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi	24	711.036.000.000	137.648.613.977
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		*711.036.000.000*	-
	- Tiền thu từ phần quyền chọn của trái phiếu chuyển đổi		-	*137.648.613.977*
33	Tiền thu từ đi vay	23	1.689.099.802.512	1.789.552.008.423
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(1.632.348.203.500)	(782.171.967.900)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	23	(2.136.437.016)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**765.651.161.996**	**1.145.028.654.500**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**21.204.051.613**	**(38.011.245.299)**
60	**Tiền đầu năm**		**81.566.921.890**	**119.564.393.862**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		14.739.268	13.773.327
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**102.785.712.771**	**81.566.921.890**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh mới nhất là lần thứ 20 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nội, Long An và Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.384 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.049 người).

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 22 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 20 công ty con) như sau:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
(1) Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên ("Anh Vũ Phú Yên")	Phú Yên	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc ("Chăn nuôi Bảo Ngọc")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ("Chăn nuôi Minh Thành")	Tây Ninh	Chăn nuôi	98,00%	98,00%	98,00%	98,00%
(4) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ("Bắc An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,27%	99,27%	99,27%	99,27%
(5) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ("Đông An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,60%	100,00%	99,60%
(6) Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh ("Nam An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,60%	100,00%	99,60%
(7) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 ("Trang Trại Xanh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	98,00%	98,00%	98,00%	98,00%
(8) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 ("Trang Trại Xanh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,69%	99,69%	99,69%	99,69%
(9) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh ("Hải Đăng Tây Ninh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,82%	99,82%	99,82%	99,82%
(10) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh ("Sông Hinh")	Phú Yên	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(11) Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh ("BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
(12) Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định ("BAF Bình Định")	Bình Định	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	98,55%	98,55%	98,55%	98,55%
(13) Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước ("BAF Bình Phước")	Bình Phước	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(14) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng ("Tâm Hưng")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,98%	99,90%	99,98%	99,90%
(15) Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu ("Tân Châu")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,95%	99,90%	99,95%	99,90%
(16) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn ("Thiên Phú Sơn")	Bình Phước	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(17) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi ("Chăn nuôi Kim Hợi")	Bình Phước	Chăn nuôi	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%
(18) Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF ("Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	100,00%	90,00%	100,00%	90,00%
(19) Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam ("Logistic BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(20) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh ("Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(21) Công ty TNHH Tây An Khánh ("Tây An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(22) Công ty Cổ phần Phát Triển Nông Nghiệp sạch Thanh Xuân ("Thanh Xuân")	Thanh Hóa	Trồng trọt và chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 1* và *16.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 15 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Gia súc	4 năm

3.8 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Gia súc;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Khác

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Trái phiếu phát hành* (tiếp theo)

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng.Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	30.099.000	18.280.941
Tiền gửi ngân hàng	102.755.613.771	81.548.640.949
TỔNG CỘNG	**102.785.712.771**	**81.566.921.890**

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:		
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	243.980.200.000	-
Các khoản nợ được cấn trừ với cổ tức phải thu từ các công ty con	189.443.387.694	-
TỔNG CỘNG	**433.423.587.694**	-

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 3,50% đến 5,10%/năm. Công ty đã sử dụng một số khoản tiền gửi để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 23*).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu các bên khác	129.869.624.412	812.639.618.981
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Phi	*121.687.811.000*	-
Công ty Cổ phần Điều Organic Bissau	-	*383.088.754.500*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Bảo Lâm	-	*266.080.131.000*
Công ty Cổ phần Kho vận An Phú	-	*146.596.623.000*
Các bên khác	*8.181.813.412*	*16.874.110.481*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	480.197.669.744	236.988.543.727
TỔNG CỘNG	**610.067.294.156**	**1.049.628.162.708**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên khác	144.237.084.126	54.727.115.233
Bà Lê Thị Tuyết (*)	*40.000.000.000*	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo (*)	*30.000.000.000*	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Xuất Nhập Khẩu Thành Đạt (*)	*15.079.033.200*	-
Ông Ngô Văn Thắng (*)	*10.994.546.250*	-
Ông Dương Đình Quang (*)	*6.037.103.250*	-
Bà Nguyễn Hà Anh (*)	*6.036.292.500*	-
Ông Lê Huy Việt (*)	*6.028.978.500*	-
Ông Nguyễn Văn Thiên (*)	*5.026.344.400*	-
Ông Nguyễn Văn Hùng (*)	*5.026.344.400*	-
Ông Nguyễn Như Vương(*)	*3.000.000.000*	-
Ông Nguyễn Cửu Long	-	*22.345.029.000*
Ông Phạm Hùng Thắng	-	*8.378.343.000*
Công ty TNHH MTV Công nghệ Phú Lộc	-	*5.379.120.000*
Các bên khác	*17.008.441.626*	*18.624.623.233*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	6.672.053.139	15.611.386.232
TỔNG CỘNG	**150.909.137.265**	**70.338.501.465**

(*) Đây là các khoản trả trước cho người bán nhằm mục đích mua các công ty con *(Thuyết minh số 33.3)*. Ngoài ra, những nghiệp vụ mua bán này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này *(Thuyết minh số 34)*.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**1.284.223.949.838**	**467.123.139.637**
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	1.284.148.949.838	467.123.139.637
Các bên khác	75.000.000	-
Dài hạn	-	**375.000.000**
Bên khác	-	375.000.000
TỔNG CỘNG	**1.284.223.949.838**	**467.498.139.637**

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp như sau:

Bên vay	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *%/năm*
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn			
Trang Trại Xanh 2	184.811.195.625	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Trang Trại Xanh 1	181.268.217.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Hải Đăng Tây Ninh	170.864.237.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Đông An Khánh	128.305.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Nam An Khánh	127.275.408.510	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Bắc An Khánh	115.600.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Anh Vũ Phú Yên	98.215.680.090	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Tân Châu	72.669.412.603	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Minh Thành	51.130.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Tâm Hưng	43.065.443.835	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
BAF Tây Ninh	40.000.000.000	Ngày 30 tháng 11 năm 2025	6,00
Chăn nuôi Bảo Ngọc	38.178.606.034	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Tây An Khánh	19.650.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Logistic BAF	13.115.749.141	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
TỔNG CỘNG	**1.284.148.949.838**		
Cho bên khác vay ngắn hạn			
Công ty TNHH Chăn nuôi Công Minh Hòa Hội	75.000.000	Ngày 26 tháng 3 năm 2025	8,50

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**129.353.964.391**	**186.329.689.951**
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	77.880.459.814	45.898.890.758
Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	21.896.872.923	19.640.362.522
Phải thu từ hợp đồng mua heo với Genesus. Inc	21.439.391.751	13.851.129.199
Tạm ứng nhân viên	14.607.264.417	2.100.771.835
Cổ tức phải thu	-	98.800.000.000
Khác	11.190.000.609	6.038.535.637
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*96.363.367.775*	*155.294.850.213*
Các bên khác	*32.990.596.616*	*31.034.839.738*
Dài hạn	**218.332.762.263**	**128.829.889.200**
Đặt cọc thuê trại và văn phòng	218.332.762.263	128.829.889.200
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*14.080.000.000*	*14.080.000.000*
Các bên khác	*204.252.762.263*	*114.749.889.200*
TỔNG CỘNG	**347.686.726.654**	**315.159.579.151**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(4.266.008.550)	(4.266.008.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	**343.420.718.104**	**310.893.570.601**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khác như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	4.266.008.550	4.303.303.908
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(37.295.358)
Số cuối năm	4.266.008.550	4.266.008.550

10. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
AG World International Corporation	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160
Khác	2.335.623.819	1.857.579.390	2.335.623.819	1.857.579.390
TỔNG CỘNG	**4.744.052.979**	**4.266.008.550**	**4.744.052.979**	**4.266.008.550**

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.376.952.212.857	1.027.618.777.061
Nguyên vật liệu	94.015.218.889	125.913.661.031
Thành phẩm	14.714.978.358	7.557.602.226
Công cụ, dụng cụ	14.491.293.684	8.360.034.256
Hàng mua đang đi đường	8.419.049.663	6.925.580.140
Hàng hóa	183.887.278	336.536.028
TỔNG CỘNG	**1.508.776.640.729**	**1.178.712.190.742**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Gia súc*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	115.930.218.132	46.953.193.676	50.858.629.142	9.272.683.189	2.290.900.936	225.305.625.075
Mua mới trong năm	18.714.068.654	35.762.859.387	452.879.200	9.534.296.757	4.501.020.726	68.965.124.724
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	7.617.789.237	7.617.789.237
Thanh lý	(783.000.000)	(14.333.000.000)	-	-	(4.164.487.201)	(19.280.487.201)
Góp vốn bằng tài sản vào công ty con	-	-	(12.702.069.142)	-	-	(12.702.069.142)
Số cuối năm	133.861.286.786	68.383.053.063	38.609.439.200	18.806.979.946	10.245.223.698	269.905.982.693
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*4.270.735.100*	*5.626.044.234*	*120.716.997*	*410.795.318*	-	*10.428.291.649*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(38.629.365.044)	(13.835.252.983)	(15.906.209.693)	(1.674.912.656)	(1.661.088.063)	(71.706.828.439)
Khấu hao trong năm	(14.430.092.977)	(6.950.463.131)	(3.860.364.967)	(1.452.938.623)	(1.190.261.069)	(27.884.120.767)
Thanh lý	6.051.412	491.224.884	-	-	1.745.495.269	2.242.771.565
Góp vốn bằng tài sản vào công ty con	-	-	7.436.320.001	-	-	7.436.320.001
Số cuối năm	(53.053.406.609)	(20.294.491.230)	(12.330.254.659)	(3.127.851.279)	(1.105.853.863)	(89.911.857.640)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	77.300.853.088	33.117.940.693	34.952.419.449	7.597.770.533	629.812.873	153.598.796.636
Số cuối năm	80.807.880.177	48.088.561.833	26.279.184.541	15.679.128.667	9.139.369.835	179.994.125.053

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND *Máy móc thiết bị*
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Thuê trong năm	14.086.397.917
Số cuối năm	14.086.397.917
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	-
Hao mòn trong năm	(869.854.195)
Số cuối năm	(869.854.195)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	13.216.543.722

Theo hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền lựa chọn mua lại máy móc thiết bị khi hết thời hạn thuê 60 tháng. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 23.5*.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	VND *Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	180.849.310.000	2.132.516.000	182.981.826.000
Mua mới trong năm	-	140.000.000	140.000.000
Thanh lý	(180.849.310.000)	-	(180.849.310.000)
Số cuối năm	-	2.272.516.000	2.272.516.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(180.444.468)	(1.065.980.727)	(1.246.425.195)
Hao mòn trong năm	(23.099.135)	(374.957.011)	(398.056.146)
Thanh lý	203.543.603	-	203.543.603
Số cuối năm	-	(1.440.937.738)	(1.440.937.738)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	180.668.865.532	1.066.535.273	181.735.400.805
Số cuối năm	-	831.578.262	831.578.262

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Xây dựng trại Giai Xuân *(*)*	89.257.568.956	57.212.875.147
Con giống	57.437.777.643	41.581.092.726
Phần mềm SAP	13.140.273.650	-
Xây dựng trung tâm bán heo MB	11.791.567.954	-
Xây dựng trại Cụm Bà Thước	11.122.349.400	-
Xây dựng trại Quyên Linh	6.418.169.023	-
Khác	5.345.278.878	5.496.845.580
TỔNG CỘNG	**194.512.985.504**	**104.290.813.453**

(*) Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị là 8.813.845.402 VND (2023: 0 VND). Khoản chi phí đi vay này liên quan đến vay trực tiếp phục vụ cho mục đích đầu tư xây dựng trại Giai Xuân của Công ty.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 16.1)*	2.006.274.409.347	(12.024.249.276)	1.668.712.039.781	(12.024.249.276)

16.1 Đầu tư vào các công ty con

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	*Giá gốc VND*	*Dự phòng VND*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Giá gốc VND*	*Dự phòng VND*
Hải Đăng Tây Ninh	99,82%	399.280.000.000	-	99,82%	399.280.000.000	-
BAF Tây Ninh	99,00%	148.500.000.000	-	99,00%	148.500.000.000	-
Trang Trại Xanh 2	99,69%	129.600.000.000	-	99,69%	129.600.000.000	-
Tâm Hưng *(i)*	99,98%	123.970.000.000	-	99,90%	29.970.000.000	-
BAF Meat Bình Phước	100,00%	120.000.000.000	-	100,00%	120.000.000.000	-
Bắc An Khánh	99,27%	109.200.000.000	-	99,27%	109.200.000.000	-
BAF Bình Định	98,55%	108.400.000.000	-	98,55%	108.400.000.000	-
Đông An Khánh *(ii)*	100,00%	100.000.000.000	-	99,60%	99.600.000.000	-
Nam An Khánh *(iii)*	100,00%	100.000.000.000	-	99,60%	99.600.000.000	-
Chăn nuôi Kim Hợi	99,90%	95.410.918.071	-	99,90%	95.339.118.071	-
Tân Châu *(iv)*	99,95%	89.959.150.000	-	99,90%	40.809.150.000	-
Thanh Xuân *(v)*	99,99%	85.750.949.566	-	-	-	-
Thiên Phú Sơn	100,00%	64.183.771.710	-	100,00%	64.183.771.710	-
Tây An Khánh *(vi)*	100,00%	55.819.620.000	-	-	-	-
Anh Vũ Phú Yên	100,00%	50.000.000.000	-	100,00%	50.000.000.000	-
Chăn nuôi Minh Thành	98,00%	49.000.000.000	-	98,00%	49.000.000.000	-
Sông Hinh	100,00%	48.000.000.000	-	100,00%	48.000.000.000	-
Trang Trại Xanh 1	98,00%	39.200.000.000	-	98,00%	39.200.000.000	-
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh *(vii)*	100,00%	30.000.000.000	-	-	-	-

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	*Giá gốc VND*	*Dự phòng VND*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Giá gốc VND*	*Dự phòng VND*
Chăn nuôi Bảo Ngọc	100,00%	20.000.000.000	(12.024.249.276)	100,00%	20.000.000.000	(12.024.249.276)
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF *(viii)*	100,00%	20.000.000.000	-	90,00%	18.000.000.000	-
Logistic BAF *(ix)*	100,00%	20.000.000.000	-	100,00%	30.000.000	-
TỔNG CỘNG		**2.006.274.409.347**	**(12.024.249.276)**		**1.668.712.039.781**	**(12.024.249.276)**

(i) Ngày 22 tháng 8 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 94.000.000.000 VND vào Tâm Hưng, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,90% lên 99,98% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901302844 cho Tâm Hưng vào ngày 4 tháng 9 năm 2024.

(ii) Ngày 11 tháng 12 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 400.000.000 VND vào Đông An Khánh, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,60% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901299905 cho Đông An Khánh vào ngày 23 tháng 12 năm 2024.

(iii) Ngày 11 tháng 12 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 400.000.000 VND vào Nam An Khánh, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,60% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901298757 cho Nam An Khánh vào ngày 23 tháng 12 năm 2024.

(iv) Ngày 19 tháng 7 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 49.150.000.000 VND vào Tân Châu, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,90% lên 99,95% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901303492 cho Tân Châu vào ngày 1 tháng 8 năm 2024.

(v) Ngày 25 tháng 11 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Thanh Xuân từ các bên thứ ba với giá trị 85.750.949.566 VND tương ứng 99,99% tỷ lệ sở hữu. Việc nhận chuyển nhượng này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và SKHĐT Thanh Hóa đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 2802501452 cho Thanh Xuân vào ngày 6 tháng 12 năm 2024.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

(vi) Ngày 29 tháng 1 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Tây An Khánh từ các bên thứ ba với giá trị 55.819.620.000 VND tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu. Việc nhận chuyển nhượng này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và SKHĐT Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901315120 cho Tây An Khánh vào ngày 4 tháng 2 năm 2024.

(vii) Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh là một công ty TNHH được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901341346 do SKHĐT Tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 10 tháng 10 năm 2023. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa hoàn tất việc góp vốn vào Công ty này. Vào ngày 5 tháng 1 năm 2024, Công ty đã hoàn tất góp vốn bằng tiền vào Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh với giá trị 30.000.000.000 VND tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu.

(viii) Ngày 11 tháng 12 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 2.000.000.000 VND vào Phân bón Hữu cơ Vi sinh, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 90,00% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 0317986455 cho Phân bón Hữu cơ Vi sinh vào ngày 30 tháng 12 năm 2024.

(ix) Ngày 31 tháng 8 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền và tài sản cố định với giá trị lần lượt là 14.704.250.859 VND và 5.265.749.141 VND *(Thuyết minh số 12)* vào Logistic BAF, tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 0318192737 cho Logistic BAF vào ngày 30 tháng 11 năm 2024.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**18.443.926.869**	**19.230.616.194**
Công cụ, dụng cụ	6.826.698.961	5.019.799.409
Khác	11.617.227.908	14.210.816.785
Dài hạn	**255.725.959.693**	**235.385.202.959**
Gia súc	216.038.534.458	200.722.284.642
Công cụ, dụng cụ	13.007.972.331	9.627.516.291
Chi phí tư vấn	10.183.897.652	9.919.638.516
Chi phí cải tạo và sửa chữa	8.753.089.994	5.551.918.087
Chi phí tài trợ	3.333.333.333	-
Chi phí thu xếp khoản vay ngân hàng	-	7.053.571.429
Khác	4.409.131.925	2.510.273.994
TỔNG CỘNG	**274.169.886.562**	**254.615.819.153**

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	1.117.470.543.474	1.801.856.252.785
Công ty Cổ phần Gạo Vi Dân	*345.918.789.340*	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông Nghiệp Bảo Lộc	*316.855.022.050*	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	*158.540.603.000*	*373.804.077.895*
Công ty Cổ phần Nông sản Tzan Quốc tế	-	*320.049.249.300*
Công ty Cổ phần Nông sản Mogb Quốc tế	-	*290.096.321.550*
Công ty Cổ phần Nông sản Cavi Việt Nam	-	*254.544.283.000*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp An Điền	-	*162.451.748.650*
Các bên khác	*296.156.129.084*	*400.910.572.390*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	859.867.820.978	143.968.837.490
TỔNG CỘNG	**1.977.338.364.452**	**1.945.825.090.275**

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Văn Dương	450.239.000	-
Ông Phạm Văn Linh	385.103.140	-
Công ty Cổ phần Nông Sản Phú Nông	-	30.000.000.000
Khác	857.152.433	827.078.570
TỔNG CỘNG	**1.692.494.573**	**30.827.078.570**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	154.689.461	8.588.731.736	(2.824.474.995)	5.918.946.202
Thuế thu nhập cá nhân	1.907.413	-	-	1.907.413
Thuế thu nhập doanh nghiệp	628.988.543	-	(628.988.543)	-
TỔNG CỘNG	**785.585.417**	**8.588.731.736**	**(3.453.463.538)**	**5.920.853.615**
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.316.389.763	45.206.997.892	(7.137.424.929)	43.385.962.726
Thuế thu nhập cá nhân	655.604.029	7.318.276.593	(5.998.819.315)	1.975.061.307
Thuế giá trị gia tăng	111.208.726	4.298.991.518	(3.019.672.097)	1.390.528.147
Thuế khác	-	2.186.652.376	(2.186.652.376)	-
TỔNG CỘNG	**6.083.202.518**	**59.010.918.379**	**(18.342.568.717)**	**46.751.552.180**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay	20.742.255.005	21.348.630.138
Chi phí điện	3.982.302.405	1.903.892.126
Chi phí gia công	2.991.739.498	-
Chi phí vận chuyển	791.111.660	470.127.100
Chi phí đi thuê	-	2.404.050.000
Khác	3.270.958.086	2.129.715.613
TỔNG CỘNG	**31.778.366.654**	**28.256.414.977**

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác	595.677.638	8.719.337.524
Chi phí bảo hiểm	*187.335.000*	*2.226.559.581*
Khác	*408.342.638*	*6.492.777.943*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	30.368.155.072	24.378.491.025
TỔNG CỘNG	**30.963.832.710**	**33.097.828.549**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Phân bổ lũy kế giá trị chiết khấu*	*Phân loại lại*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**702.919.072.000**	**1.689.099.802.512**	**(1.625.157.253.016)**	-	-	**300.804.497.763**	**1.067.666.119.259**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	497.620.561.000	1.553.627.602.496	(1.469.640.561.000)	-	-	-	581.607.602.496
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 23.2 và số 32)*	201.707.061.000	133.335.763.000	(149.788.805.000)	-	-	-	185.254.019.000
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.3)*	-	-	-	-	-	297.541.148.913	297.541.148.913
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.5)*	-	2.136.437.016	(2.136.437.016)	-	-	3.263.348.850	3.263.348.850
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	3.591.450.000	-	(3.591.450.000)	-	-	-	-
Dài hạn	**1.035.004.080.550**	**11.949.960.901**	**(9.327.387.500)**	**15.772.985.187**	**19.002.648.930**	**(300.804.497.763)**	**771.597.790.305**
Trái phiếu phát hành *(Thuyết minh số 23.3)*	573.171.139.780	-	-	12.034.602.734	-	(297.541.148.913)	287.664.593.601
Trái phiếu chuyển đổi *(Thuyết minh số 23.4)*	452.505.553.270	-	-	3.738.382.453	19.002.648.930	-	475.246.584.653
Nợ thuê tài chính *(Thuyết minh số 23.5)*	-	11.949.960.901	-	-	-	(3.263.348.850)	8.686.612.051
Vay ngân hàng	9.327.387.500	-	(9.327.387.500)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	**1.737.923.152.550**	**1.701.049.763.413**	**(1.634.484.640.516)**	**15.772.985.187**	**19.002.648.930**	-	**1.839.263.909.564**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn từ ngân hàng*

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà	320.000.000.000	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 4 năm 2025	4,20 - 6,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 5)* và bất động sản thuộc sở hữu của Bà Bùi Hương Giang.
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	100.000.000.000	Ngày 21 tháng 3 năm 2025	6,40	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 5)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	100.000.000.000	Từ ngày 15 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025	6,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 5)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	61.607.602.496	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025	5,90	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 5)*
TỔNG CỘNG	**581.607.602.496**			

23.2 *Vay ngắn hạn từ các bên liên quan*

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn tín chấp từ các bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Bên liên quan	*Số cuối năm VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*
BAF Bình Định	82.905.119.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Thiên Phú Sơn	46.690.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	29.910.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	13.540.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Meat Bình Phước	7.842.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Sông Hinh	3.595.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Kim Hợi	771.900.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
TỔNG CỘNG	**185.254.019.000**		

23. VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.3 *Trái phiếu*

Công ty phát hành trái phiếu vào ngày 23 tháng 8 năm 2022 và vào ngày 4 tháng 7 năm 2023 với các chi tiết như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Mục đích phát hành*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND			*(%/năm)*	
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình					
Mệnh giá trái phiếu	600.000.000.000	Ngày 23 tháng 8 năm 2025 đến ngày 4 tháng 7 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	10,50	Tín chấp
Chi phí phát hành	(14.794.257.486)				
TỔNG CỘNG	**585.205.742.514**				
Trong đó:					
Dài hạn	*287.664.593.601*				
Dài hạn đến hạn trả	*297.541.148.913*				

23.4 *Trái phiếu chuyển đổi*

	Số cuối năm
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	600.000.000.000
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	(137.648.613.977)
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	**462.351.386.023**
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	**32.574.668.820**
Số đầu năm	13.572.019.890
Số phân bổ tăng trong năm	19.002.648.930
Số cuối năm	32.574.668.820
Trừ: Giá trị phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	**(19.679.470.190)**
Số đầu năm	(23.417.852.643)
Số phân bổ giảm trong năm	3.738.382.453
Số cuối năm	(19.679.470.190)
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	**475.246.584.653**

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2023, Công ty đã ký kết Hợp đồng trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ với Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC"), với tổng giá trị là 600.000.000.000 VND và lãi suất là 5,25%/năm. Theo đó, IFC được quyền chuyển đổi các trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông với số lượng quy đổi được quy định trong điều khoản của hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành cho đến trước ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi, là ngày 15 tháng 3 năm 2029 (ngày đáo hạn thứ nhất) và vào ngày 15 tháng 3 năm 2030 (ngày đáo hạn cuối cùng) hoặc chuyển đổi thành khoản cho vay với lãi suất 10,50%/năm. Tại ngày đáo hạn thứ nhất, nếu trái phiếu không được chuyển đổi, Công ty sẽ thực hiện mua lại một nửa (1/2) khối lượng trái phiếu đang lưu hành. Nếu bất kỳ trái phiếu nào vẫn còn tồn đọng vào ngày đáo hạn cuối cùng, Công ty sẽ mua lại toàn bộ trái phiếu đó vào ngày đáo hạn cuối cùng. Lãi suất thị trường của khoản vay không chuyển đổi là 10,50%/năm.

23. VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.5 Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê máy móc theo hợp đồng thuê tài chính số C240507602 ngày 28 tháng 5 năm 2024 từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Từ 1 năm trở xuống	3.946.418.241	683.069.391	3.263.348.850
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Trên 1 năm đến 5 năm	9.616.194.969	929.582.918	8.686.612.051
TỔNG CỘNG	**13.562.613.210**	**1.612.652.309**	**11.949.960.901**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:				
Số đầu năm	1.435.200.000.000	-	246.723.093.219	1.681.923.093.219
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	137.648.613.977	-	137.648.613.977
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	50.375.678.813	50.375.678.813
Số cuối năm	1.435.200.000.000	137.648.613.977	297.098.772.032	1.869.947.386.009
Năm nay:				
Số đầu năm	1.435.200.000.000	137.648.613.977	297.098.772.032	1.869.947.386.009
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu *(i)*	684.256.000.000	-	-	684.256.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	355.071.676.816	355.071.676.816
Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên trong Công ty ("ESOP") *(ii)*	26.780.000.000	-	-	26.780.000.000
Cổ tức công bố *(iii)*	243.980.420.000	-	(243.980.420.000)	-
Số cuối năm	2.390.216.420.000	137.648.613.977	408.190.028.848	2.936.055.062.825

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") Thường niên số 10.05.2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 05 năm 2023, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07.12.2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 26.04.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên ("ESOP") và phát hành cổ phiếu trả cổ tức. Công ty đã triển khai phương án phát hành như sau:

Theo Nghị quyết Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 16.11.2023/NQ – HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2023, Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 31/GCN-UBCK ngày 5 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 68.425.600 cổ phần ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 68.425.600 cổ phiếu ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu vào ngày 1 tháng 7 năm 2024.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Theo Nghị quyết HĐQT số 13.05.2024/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2024, Nghị quyết HĐQT số 14.05.2024/NQ - HĐQT ngày 14 tháng 5 năm 2024, Công văn số 3379/UBCKNN-QLCB ngày 29 tháng 5 năm 2024 của UBCKNN, Công ty đã thông qua việc phát hành 2.678.000 cổ phiếu cho cán bộ nhân viên có tên trong danh sách người lao động được mua cổ phiếu theo chương trình ESOP với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phân phối 2.678.000 cổ phiếu cho người lao động vào ngày 2 tháng 7 năm 2024.

(ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 22.01.2024/NQ – HĐQT ngày 22 tháng 1 năm 2024, Công văn số 2649/UBCK-QLCB ngày 26 tháng 4 năm 2024 của UBCKNN, Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 24.398.400 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ 17%. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng phát hành thêm là 24.398.400 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu vào ngày 20 tháng 5 năm 2024

Vào ngày 7 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 20 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt số vốn điều lệ mới là 2.390.216.420.000 VND.

24.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	VND	*Cổ phiếu*	*%*	*VND*	*Cổ phiếu*	*%*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	956.819.350.000	95.681.935	40,031	581.029.000.000	58.102.900	40,484
Bà Bùi Hương Giang	79.987.550.000	7.998.755	3,346	46.690.000.000	4.669.000	3,253
Cổ đông khác	1.353.409.520.000	135.340.952	56,623	807.481.000.000	80.748.100	56,363
TỔNG CỘNG	**2.390.216.420.000**	**239.021.642**	**100,000**	**1.435.200.000.000**	**143.520.000**	**100,000**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	1.435.200.000.000	1.435.200.000.000
Tăng trong năm	955.016.420.000	-
Số cuối năm	2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
Cổ tức		
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố	*243.980.420.000*	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	*243.980.420.000*	-

24.4 *Cổ phiếu*

		Số lượng cổ phiếu
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã được phê duyệt phát hành	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu phổ thông	*239.021.642*	*143.520.000*
Cổ phiếu đang lưu hành	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu phổ thông	*239.021.642*	*143.520.000*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. DOANH THU

25.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**6.018.359.158.838**	**5.318.274.899.044**
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	*3.705.002.932.881*	*1.273.615.285.514*
Doanh thu bán nông sản	*2.301.658.870.470*	*3.932.845.493.800*
Doanh thu bán cám	*11.423.210.900*	*85.406.962.091*
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	*-*	*23.856.502.596*
Doanh thu khác	*274.144.587*	*2.550.655.043*
Các khoản giảm trừ doanh thu:	**(345.310.400)**	**(5.328.519.109)**
Chiết khấu thương mại	*(345.310.400)*	*(5.328.519.109)*
Doanh thu thuần	**6.018.013.848.438**	**5.312.946.379.935**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*5.513.470.803.165*	*5.010.929.878.463*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*504.543.045.273*	*302.016.501.472*

25.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi và cho vay	52.790.520.894	26.473.341.973
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.624.444.769	242.854.659
Cổ tức được nhận	-	251.680.000.000
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	14.700.000.000
Khác	1.754.915.732	1.099.177.238
TỔNG CỘNG	**57.169.881.395**	**294.195.373.870**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	162.455.252.948	125.505.620.181
Chi phí phát hành trái phiếu	15.772.985.187	10.032.165.837
Khác	-	450.854.504
TỔNG CỘNG	**178.228.238.135**	**135.988.640.522**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	3.101.476.420.230	1.320.611.756.735
Giá vốn bán nông sản	2.255.882.309.090	3.854.091.020.195
Giá vốn bán cám	16.017.480.758	84.921.862.327
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	14.594.681.967
Khác	5.820.446	217.803.077
TỔNG CỘNG	**5.373.382.030.524**	**5.274.437.124.301**

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	**88.595.748.566**	**72.639.496.703**
Chi phí vận chuyển	51.363.841.559	44.461.550.382
Chi phí nhân viên	23.314.530.198	14.796.582.626
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.787.656.369	6.711.621.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.821.562.374	1.158.785.321
Chi phí thuê	749.562.944	3.057.842.021
Khác	4.558.595.122	2.453.114.711
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**110.675.788.777**	**85.419.890.565**
Chi phí nhân viên	62.465.111.762	50.664.384.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.805.374.937	14.425.029.122
Công cụ, dụng cụ	12.993.611.287	11.154.443.278
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.814.244.166	1.390.375.250
Khác	14.597.446.625	7.785.657.930
TỔNG CỘNG	**199.271.537.343**	**158.059.387.268**

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	**108.698.847.641**	**604.717.325**
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	99.598.856.404	-
Lãi từ thanh lý hàng hóa	4.055.136.079	-
Các khoản khác	5.044.855.158	604.717.325
Chi phí khác	**(3.195.501.108)**	**(7.469.282.866)**
Phạt chậm nộp thuế	(1.151.947.525)	
Chi phí hủy hàng hóa	-	(917.800.452)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	(14.263.966)
Các khoản khác	(2.043.553.583)	(6.537.218.448)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	**105.503.346.533**	**(6.864.565.541)**

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên vật liệu	2.805.293.560.993	1.193.220.141.355
Chi phí hàng hóa	2.255.882.309.090	3.854.091.020.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	242.641.303.012	146.120.682.640
Chi phí nhân viên	144.054.013.474	135.118.023.591
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 12, 13 và 14)*	29.152.031.108	27.017.641.946
Khác	95.630.350.190	76.929.001.842
TỔNG CỘNG	**5.572.653.567.867**	**5.432.496.511.569**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có các hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") khác nhau như sau:

- Công ty, Chi nhánh Bình Dương, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Long An

  - Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty và các chi nhánh nêu trên được hưởng thuế suất ưu đãi 15% cho suốt thời gian hoạt động;
  - Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

- Chi nhánh Nghệ An

  - Chi nhánh Nghệ An được hưởng ưu đãi thuế theo địa bàn với thuế suất thuế TNDN áp dụng là 10% trong 15 năm tính từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Chi nhánh này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN	45.206.997.892	6.508.436.388
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	2.497.811.936
Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.206.997.892	9.006.248.324
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	29.526.595.656	(27.589.890.964)
TỔNG CỘNG	**74.733.593.548**	**(18.583.642.640)**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**429.805.270.364**	**31.792.036.173**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	71.396.608.508	8.111.098.473
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):		
Chi phí phân bổ giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	2.850.397.340	2.035.802.984
Chi phí không được trừ	1.743.337.432	1.890.684.747
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho phần lỗ thuế của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập	1.361.581.603	182.303.145
Bù trừ thu nhập chịu thuế giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh	241.548.035	(4.038.201.980)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	2.497.811.936
Thuế TNDN được miễn giảm	-	(2.271.572.214)
Cổ tức	-	(37.752.000.000)
Điều chỉnh liên quan đến nghị định số 132/2020/ND-CP *(*)*	(2.859.879.370)	10.760.430.269
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	**74.733.593.548**	**(18.583.642.640)**

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí TNDN trong năm hiện hành với tổng giá trị là 2.859.879.370 VND .

31.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong các năm sau	-	29.742.058.012	(29.742.058.012)	29.742.058.012
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.628.420.543	1.021.357.471	607.063.072	(2.150.101.049)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(393.666.715)	(2.065.999)	(391.600.716)	(2.065.999)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	***1.234.753.828***	***30.761.349.484***		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại thuần			***(29.526.595.656)***	***27.589.890.964***

31.4 *Lỗ chuyển sang các năm sau*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính phát sinh từ Trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty với số tiền là 16.672.373.481 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 206.807.097.417 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024*
Trụ sở chính					
2023	2028	198.280.386.746	(198.280.386.746)	-	-
Các chi nhánh hạch toán độc lập					
2021	2026	31.566.070	-	-	31.566.070
2022	2027	7.583.628.876	-	-	7.583.628.876
2023	2028	911.515.725	-	-	911.515.725
2024	2029	8.145.662.810	-	-	8.145.662.810
TỔNG CỘNG		**214.952.760.227**	**(198.280.386.746)**	**-**	**16.672.373.481**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.4 Lỗ chuyển sang các năm sau (tiếp theo)

Lỗ thuế nêu trên được ước tính theo tờ khai thuế của Trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế có thể chuyển tại các chi nhánh hạch toán độc lập với giá trị 16.672.373.481 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

31.5 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2024*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2024*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2024*
Trụ sở chính					
2023	2028	71.736.201.790	(20.671.107.602)	-	51.065.094.188
Các chi nhánh hạch toán độc lập					
2024	2029	1.817.791.705	-	-	1.817.791.705
TỔNG CỘNG		**73.553.993.495**	**(20.671.107.602)**	**-**	**52.882.885.893**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 52.882.885.893 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 71.736.201.790 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

31.6 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ thuế sang năm sau *(Thuyết minh số 31.4)*	16.672.373.481	8.526.710.671
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định *(Thuyết minh số 31.5)*	52.882.885.893	71.736.201.790
TỔNG CỘNG	**69.555.259.374**	**80.262.912.461**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long ("Tân Long")	Công ty có cùng Chủ tịch
Anh Vũ Phú Yên	Công ty con
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Công ty con
Chăn nuôi Minh Thành	Công ty con
Bắc An Khánh	Công ty con
Đông An Khánh	Công ty con
Nam An Khánh	Công ty con
Trang Trại Xanh 1	Công ty con
Trang Trại Xanh 2	Công ty con
Hải Đăng Tây Ninh	Công ty con
Sông Hinh	Công ty con
BAF Tây Ninh	Công ty con
BAF Bình Định	Công ty con
BAF Meat Bình Phước	Công ty con
Tâm Hưng	Công ty con
Tân Châu	Công ty con
Thiên Phú Sơn	Công ty con
Kim Hợi	Công ty con
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Công ty con
Logistic BAF	Công ty con
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Công ty con
Tây An Khánh	Công ty con
Thanh Xuân	Công ty con
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam ("Siba Food Việt Nam")	Công ty con của cổ đông lớn (đến ngày 16 tháng 12 năm 2024)
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty TNHH Agro Việt ("Viet Agro")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí CNC Siba ("Siba Tech")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lương thực A An ("A An")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Solacons ("Solacons") *(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons)*	Công ty con của cổ đông lớn

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc ("TV HĐQT kiêm TGĐ")
Ông Phan Ngọc Ân	TV HĐQT kiêm Phó TGĐ (đến ngày 30 tháng 5 năm 2023)
Ông Nguyễn Duy Tân	TV HĐQT (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)
Ông Lê Xuân Thọ	TV HĐQT không điều hành
Ông Bùi Quang Huy	TV HĐQT độc lập (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Prasad Gopalan	TV HĐQT độc lập (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Thanh Tân	TV HĐQT độc lập (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS") (đến ngày 7 tháng 12 năm 2023)
Bà Dương Thị Hồng Tân	Thành viên BKS (đến ngày 7 tháng 12 năm 2023)
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng BKS
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2024)
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 2 năm 2024)
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó TGĐ thường trực (đến ngày 15 tháng 9 năm 2023)
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024) kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
BAF Tây Ninh	Mua thức ăn chăn nuôi	862.227.652.057	535.924.062.117
	Cho vay	40.000.000.000	-
	Lãi cho vay	177.534.247	-
	Nhận cổ tức	-	19.800.000.000
	Bán nông sản	-	16.537.589.819
BAF Meat Bình Phước	Trả vay	803.000.000	655.000.000
	Lãi vay	488.789.919	524.825.755
	Vay	-	9.300.000.000
Chăn nuôi Kim Hợi	Chi phí thuê trại	14.309.999.416	12.600.000.000
	Vay	3.300.000.000	-
	Trả vay	2.528.100.000	-
	Lãi vay	34.804.751	-
Anh Vũ Phú Yên	Mua heo	107.440.850.244	96.113.049.071
	Cho vay	44.735.680.090	14.140.000.000
	Thu hồi cho vay	6.300.000.000	-
	Bán heo	8.678.440.870	55.707.219.100
	Lãi cho vay	4.629.551.597	4.192.969.316
	Nhận cổ tức	-	30.000.000.000
Đông An Khánh	Mua heo	82.278.546.165	28.686.508.250
	Cho vay	81.970.000.000	47.935.000.000
	Thu hồi cho vay	4.500.000.000	-
	Bán hàng	4.298.092.484	5.278.100.000
	Lãi cho vay	4.039.081.643	1.432.212.329
	Góp vốn	-	80.000.000.000
Thiên Phú Sơn	Lãi vay	2.820.770.959	2.837.613.702
	Trả vay	550.000.000	150.000.000
	Vay	-	400.000.000
Nam An Khánh	Mua heo	137.847.053.420	7.431.115.250
	Cho vay	101.875.408.510	27.300.000.000
	Lãi cho vay	3.007.755.262	986.488.766
	Bán hàng	918.062.100	420.000.000
	Góp vốn	-	80.000.000.000
Trang Trại Xanh 2	Cho vay	119.864.291.625	80.441.904.000
	Mua heo	177.500.089.574	28.669.596.000
	Bán heo	10.061.519.910	-
	Lãi cho vay	6.789.041.810	2.321.457.866
	Thu hồi cho vay	1.300.000.000	-
	Góp vốn	-	70.000.000.000
Trang Trại Xanh 1	Mua heo	121.119.361.780	201.586.197.000
	Cho vay	36.310.000.000	91.570.000.000
	Bán cám	23.072.662.359	13.345.473.140
	Lãi cho vay	9.745.748.583	5.445.348.494
	Thu hồi cho vay	4.000.000.000	-
	Nhận cổ tức	-	19.600.000.000

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Chăn nuôi Minh Thành	Mua heo	274.196.528.299	193.075.650.601
	Bán cám	106.575.071.660	27.154.958.425
	Cho vay	71.660.000.000	8.970.000.000
	Thu hồi cho vay	29.500.000.000	-
	Lãi cho vay	2.351.764.932	152.225.753
	Nhận cổ tức	-	29.400.000.000
Tâm Hưng	Góp vốn	94.000.000.000	-
	Cho vay	69.435.443.835	15.010.000.000
	Thu hồi cho vay	41.380.000.000	-
	Bán heo	41.302.568.440	-
	Vay	8.500.000.000	50.200.000.000
	Trả vay	8.500.000.000	71.040.000.000
	Mua heo	1.614.358.000	-
	Lãi cho vay	1.583.699.738	229.150.684
	Lãi vay	104.556.165	548.443.561
Tân Châu	Cho vay	77.530.000.000	44.139.412.603
	Góp vốn	49.150.000.000	-
	Thu hồi cho vay	49.000.000.000	70.100.000.000
	Bán heo	31.574.650.660	-
	Mua heo	10.915.930.000	-
	Lãi cho vay	3.618.178.359	678.861.918
	Trả vay	-	94.200.000.000
	Lãi vay	-	385.850.959
Sông Hinh	Trả vay	24.950.000.000	5.470.000.000
	Vay	1.800.000.000	-
	Lãi vay	505.153.971	1.837.927.398
Bắc An Khánh	Mua heo	353.292.734.860	162.150.000
	Cho vay	123.170.000.000	65.072.000.000
	Bán heo	79.388.076.100	-
	Thu hồi cho vay	29.885.000.000	-
	Lãi cho vay	1.795.050.314	1.036.685.426
	Góp vốn	-	110.000.000.000
BAF Bình Định	Trả vay	5.870.000.000	3.860.000.000
	Lãi vay	5.248.535.927	4.339.579.466
	Vay	-	30.000.000.000
	Góp vốn	-	30.000.000.000
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Cho vay	25.660.000.000	4.210.000.000
	Thu hồi cho vay	20.150.000.000	-
	Chi phí thuê trại	8.356.363.636	6.130.909.091
	Lãi cho vay	2.330.030.105	1.874.882.663
Hải Đăng Tây Ninh	Cho vay	214.273.153.807	-
	Thu hồi cho vay	63.958.916.807	-
	Trả vay	103.587.705.000	31.170.000.000
	Vay	73.385.763.000	-
	Bán heo	10.008.166.909	-
	Mua heo	7.914.779.500	-
	Lãi cho vay	4.395.658.848	-
	Lãi vay	64.038.332	2.932.099.537
	Góp vốn	-	280.000.000.000

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Logistic BAF	Góp vốn	19.970.000.000	30.000.000
	Sử dụng dịch vụ	26.945.491.041	-
	Cho vay	15.115.749.141	-
	Thu hồi cho vay	2.000.000.000	-
	Lãi cho vay	646.672.967	-
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Vay	16.350.000.000	5.000.000.000
	Mua hàng	4.954.804.400	8.184.900.000
	Cho vay	3.850.000.000	-
	Thu hồi cho vay	3.850.000.000	-
	Trả vay	2.910.000.000	4.900.000.000
	Góp vốn	2.000.000.000	18.000.000.000
	Lãi vay	383.089.315	11.901.370
	Lãi cho vay	42.115.069	-
Tây An Khánh	Cho vay	21.120.000.000	-
	Thu hồi cho vay	1.470.000.000	-
	Lãi cho vay	356.919.452	-
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Góp vốn	30.000.000.000	-
	Vay	30.000.000.000	-
	Lãi vay	1.767.244.930	-
	Trả vay	90.000.000	-
Siba Food Việt Nam	Bán sản phẩm từ heo	182.241.255.181	183.563.188.988
	Mua hàng hóa	56.968.718.202	7.463.300.626
Siba Tech	Mua hàng	34.836.457.313	3.183.682.800
	Bán hàng	1.602.300	-
A An	Bán hàng	6.212.591.700	-
	Mua hàng hóa	7.000.000	175.899.450
Tân Long	Bán nông sản	210.284.600	9.972.000
Solacons	Mua hàng	1.197.271.724	-
Siba Holdings	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	98.774.930.000	-
	Mua cổ phiếu	40.048.420.000	-
Bà Bùi Hương Giang	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7.937.300.000	-
	Mua cổ phiếu	3.000.000.000	-

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Ngô Cao Cường	Mua cổ phiếu	900.000.000	-
Ông Lê Xuân Thọ	Mua cổ phiếu	600.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Văn	Mua cổ phiếu	500.000.000	-
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Mua cổ phiếu	300.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Mua cổ phiếu	300.000.000	-
Ông Trương Anh Tuấn	Mua cổ phiếu	200.000.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng, vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các giao dịch với người nội bộ, người có liên quan và bên liên quan được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Nghị quyết số 01/NQ-BAF ngày 3 tháng 1 năm 2024 và được trình bày trong Báo cáo tình hình quản trị năm 2024.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Chăn nuôi Minh Thành	Bán hàng	118.231.891.820	11.656.820.160
Anh Vũ Phú Yên	Bán hàng	94.788.706.238	120.980.943.068
Bắc An Khánh	Bán hàng	79.388.076.100	-
Siba Food Việt Nam	Bán hàng	51.503.060.237	71.863.962.065
Trang Trại Xanh 1	Bán hàng	43.849.093.160	20.776.016.780
Tân Châu	Bán hàng	31.574.650.660	-
Tâm Hưng	Bán hàng	24.302.568.440	-
Hải Đăng Tây Ninh	Bán hàng	10.009.268.500	-
Đông An Khánh	Bán hàng	9.563.422.383	5.278.100.000
Trang Trại Xanh 2	Bán hàng	8.661.519.910	-
A An	Bán hàng	6.709.599.036	-
Nam An Khánh	Bán hàng	1.338.062.100	420.000.000
Tân Long	Bán hàng	276.020.676	-
Siba Tech	Bán hàng	1.730.484	-
BAF Tây Ninh	Bán hàng	-	6.012.701.654
TỔNG CỘNG		**480.197.669.744**	**236.988.543.727**
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Trang Trại Xanh 2	Cho vay	184.811.195.625	64.946.904.000
Trang Trại Xanh 1	Cho vay	181.268.217.000	148.958.217.000
Hải Đăng Tây Ninh	Cho vay	170.864.237.000	-
Đông An Khánh	Cho vay	128.305.000.000	44.935.000.000
Nam An Khánh	Cho vay	127.275.408.510	25.400.000.000
Bắc An Khánh	Cho vay	115.600.000.000	22.315.000.000
Anh Vũ Phú Yên	Cho vay	98.215.680.090	59.780.000.000
Tân Châu	Cho vay	72.669.412.603	44.139.412.603
Chăn nuôi Minh Thành	Cho vay	51.130.000.000	8.970.000.000
Tâm Hưng	Cho vay	43.065.443.835	15.010.000.000
BAF Tây Ninh	Cho vay	40.000.000.000	-
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Cho vay	38.178.606.034	32.668.606.034
Tây An Khánh	Cho vay	19.650.000.000	-
Logistic BAF	Cho vay	13.115.749.141	-
TỔNG CỘNG		**1.284.148.949.838**	**467.123.139.637**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Trả trước tiền mua hàng hóa	6.672.053.139	15.328.410.573
Solacons	Trả trước tiền mua hàng hóa	-	229.090.909
Chăn nuôi Kim Hợi	Tạm ứng thuê trại	-	50.000.000
Đông An Khánh	Trả trước tiền mua hàng hóa	-	3.884.750
TỔNG CỘNG		**6.672.053.139**	**15.611.386.232**
Phải thu ngắn hạn khác			
BAF Myanmar	Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	21.439.391.751	19.640.362.522
Trang Trại Xanh 1	Lãi cho vay	20.101.497.077	10.355.748.494
	Cổ tức	-	19.600.000.000
Anh Vũ Phú Yên	Lãi cho vay	14.226.244.201	9.596.692.604
	Cổ tức	-	30.000.000.000
Trang Trại Xanh 2	Lãi cho vay	8.690.165.156	1.901.123.346
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Lãi cho vay	6.397.771.096	4.540.512.362
Chăn nuôi Minh Thành	Lãi cho vay	5.783.642.528	3.431.877.596
	Cổ tức	-	29.400.000.000
	Chi hộ	-	1.778.325.001
Đông An Khánh	Lãi cho vay	4.759.765.205	3.128.528.562
Tân Châu	Lãi cho vay	4.297.040.277	678.861.918
Hải Đăng Tây Ninh	Lãi cho vay	4.240.338.655	-
Nam An Khánh	Lãi cho vay	3.444.150.878	436.395.616
Logistic BAF	Lãi cho vay	1.048.828.980	-
Bắc An Khánh	Lãi cho vay	1.024.942.095	742.271.508
Tâm Hưng	Lãi cho vay	334.617.272	229.150.684
Tây An Khánh	Lãi cho vay	352.438.357	-
BAF Tây Ninh	Lãi cho vay	177.534.247	-
	Cổ tức	-	19.800.000.000
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Khác	45.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG		**96.363.367.775**	**155.294.850.213**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu dài hạn khác			
Chăn nuôi Kim Hợi	Đặt cọc	11.280.000.000	11.280.000.000
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Đặt cọc	2.800.000.000	2.800.000.000
TỔNG CỘNG		**14.080.000.000**	**14.080.000.000**
Phải trả người bán ngắn hạn			
BAF Tây Ninh	Mua hàng	270.724.694.586	81.060.332.286
Bắc An Khánh	Mua hàng	192.770.936.860	162.150.000
Chăn nuôi Minh Thành	Mua hàng	152.103.271.013	17.959.711.544
Trang Trại Xanh 2	Mua hàng	58.469.768.410	-
Nam An Khánh	Mua hàng	56.987.048.310	-
Siba Food Việt Nam	Mua hàng	29.479.651.208	4.486.836.009
Anh Vũ Phú Yên	Mua hàng	28.736.982.173	19.064.213.804
Trang Trại Xanh 1	Mua hàng	25.477.854.020	13.325.916.500
Đông An Khánh	Mua hàng	20.377.130.595	1.676.508.250
Tân Châu	Mua hàng	8.495.930.000	-
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Mua hàng	5.152.186.582	5.485.725.000
Hải Đăng Tây Ninh	Mua hàng	4.501.778.500	-
Logistic BAF	Sử dụng dịch vụ	3.255.152.976	-
Tâm Hưng	Mua hàng	1.614.358.000	-
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Sử dụng dịch vụ	834.000.000	562.000.000
Solacons	Mua hàng	704.993.636	-
Tân Long	Mua hàng	182.084.109	182.084.109
A An	Mua hàng	-	3.359.988
TỔNG CỘNG		**859.867.820.978**	**143.968.837.490**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác (tiếp theo)			
BAF Bình Định	Lãi vay	14.977.170.478	9.728.634.551
Sông Hinh	Lãi vay	6.599.804.385	6.094.650.412
Thiên Phú Sơn	Lãi vay	5.515.893.702	2.695.122.743
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Lãi vay	1.767.244.930	-
BAF Meat Bình Phước	Lãi vay	1.013.615.674	524.825.755
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Lãi vay	383.089.315	11.901.943
Chăn nuôi Kim Hợi	Lãi vay	111.336.588	-
Hải Đăng Tây Ninh	Lãi vay	-	4.635.102.862
Tâm Hưng	Lãi vay	-	360.770.959
BAF Tây Ninh	Lãi vay	-	300.000.000
Siba Food Việt Nam	Lãi vay	-	27.481.800
TỔNG CỘNG		**30.368.155.072**	**24.378.491.025**
Vay ngắn hạn			
BAF Bình Định	Vay	82.905.119.000	88.775.119.000
Thiên Phú Sơn	Vay	46.690.000.000	47.240.000.000
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Vay	29.910.000.000	-
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Vay	13.540.000.000	100.000.000
Meat Bình Phước	Vay	7.842.000.000	8.645.000.000
Sông Hinh	Vay	3.595.000.000	26.745.000.000
Chăn nuôi Kim Hợi	Vay	771.900.000	-
Hải Đăng Tây Ninh	Vay	-	30.201.942.000
TỔNG CỘNG		**185.254.019.000**	**201.707.061.000**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("TV HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc ("TGĐ"):

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Ông Trương Sỹ Bá	108.000.000	120.000.000
Bà Bùi Hương Giang	710.776.927	675.800.000
Ông Phan Ngọc Ân	-	283.419.230
Ông Nguyễn Duy Tân	15.934.426	48.000.000
Ông Lê Xuân Thọ	64.800.000	72.000.000
Ông Bùi Quang Huy	-	72.000.000
Ông Prasad Gopalan	-	-
Ông Nguyễn Thanh Tân	44.262.295	-
Ông Trương Anh Tuấn	480.156.748	-
Ông Nguyễn Văn Non	-	317.769.232
Ông Nguyễn Tiến Thành	-	433.576.923
Ông Ngô Cao Cường	588.388.229	-
Ông Nguyễn Văn Minh	48.645.769	-
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	43.200.000	-
Ông Nguyễn Thanh Hải	-	204.380.769
Bà Dương Thị Hồng Tân	-	179.860.683
Bà Lưu Ngọc Trâm	27.000.000	2.500.000
Ông Nguyễn Quốc Văn	488.921.254	463.719.231
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	351.871.062	-
TỔNG CỘNG	**2.971.956.710**	**2.873.026.068**

33. CÁC CAM KẾT

33.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê các trang trại theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	302.143.304.698	264.546.249.836
Từ 1 năm đến 5 năm	1.102.287.291.156	981.754.841.564
Trên 5 năm	1.824.983.780.116	1.767.968.409.091
TỔNG CỘNG	**3.229.414.375.970**	**3.014.269.500.491**

33. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

33.2 *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Gial Xuân	630.414.122.607	241.149.856.918

33.3 *Các cam kết liên quan đến việc mua công ty con (Thuyết minh số 7)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc mua các công ty con như sau:

VND

	Giá trị hợp đồng	*Giá trị cam kết*
Công ty TNHH Hòa Phát Bồn	235.000.000.000	205.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Rừng Xanh	179.840.000.000	159.840.000.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi CNC Thành Đạt Gia Lai	63.860.000.000	38.728.278.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Khuyên Nam Tiến	50.000.000.000	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Tuyết Hoa Đắk Lắk	50.000.000.000	42.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Kim QT	35.000.000.000	28.962.896.750
Công ty Cổ phần Hoàng Kim HT - QT	35.000.000.000	28.971.021.500
Công ty Cổ phần Việt Thái HT	35.000.000.000	24.005.453.750
Công ty Cổ phần Toàn Thắng HT	35.000.000.000	28.963.707.500
TỔNG CỘNG	**718.700.000.000**	**594.471.357.500**

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 41/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 70,00% vốn góp tại Công ty TNHH Hòa Phát Bốn. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Vào ngày 13 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 13012025A/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 60,00% vốn góp tại Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Vào ngày 13 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 13012025B/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 60,00% vốn góp tại Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ/HĐQT, thông qua việc thành lập các công ty con của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Tây Ninh bao gồm: Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 1, Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 2 và Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh 1. Việc thành lập các công ty này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ/HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 100,00% vốn góp tại Công ty TNHH Xuân Nghi Phát. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này

Theo Văn bản số 531/UBCK-QLCB, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán số 75/2024/ĐKCB-GĐKCB ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Cổ đông số 24.10.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Công ty. Theo đó, Công ty chào bán 65 triệu cổ phiếu riêng lẻ với giá phát hành 15.500 đồng/cổ phiếu, dự kiến số tiền thu được là 1.007,5 tỷ đồng. Ngày 26 tháng 3 năm 2025, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán, số lượng cổ phiếu phát hành thành công là 65 triệu cổ phiếu, thu về 1.007,5 tỷ đồng và đã được UBCKNN chấp thuận kết quả chào bán theo công văn số 521/UBCKNN-QLCB ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên và sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 7, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Vũ Thị Đan Thùy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC riêng năm 2024 trước và sau kiểm toán	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính riêng năm 2024 trước và sau kiểm toán như sau:

Tại Báo cái tài chính riêng năm 2024 trước và sau kiểm toán của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2024 sau kiểm toán (VND)	Năm 2024 trước kiểm toán (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			VND	%
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	355.071.676.816	395.173.133.994	(40.101.457.178)	-10%

Nguyên nhân chênh lệch:

Chênh lệch LNST trước và sau kiểm toán chủ yếu phát sinh từ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được điều chỉnh tăng thêm. Nguyên nhân điều chỉnh chủ yếu đến từ việc đơn vị kiểm toán rà soát, đánh giá lại tính hợp lệ của một số khoản mục chi phí trong kỳ, dẫn đến điều chỉnh giảm chi phí được khấu trừ thuế, từ đó làm tăng nghĩa vụ thuế TNDN hiện hành.

Việc điều chỉnh này được thực hiện trên nguyên tắc thận trọng, nhằm đảm bảo Công ty không bỏ sót nghĩa vụ thuế và giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn trong công tác quyết toán sau này. Và cũng cần lưu ý rằng số thuế TNDN ghi nhận tăng thêm chỉ mang tính chất tạm tính trên báo cáo tài chính, và kết quả cuối cùng vẫn sẽ phụ thuộc vào kết luận chính thức từ cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty đã thực hiện nộp phần thuế này theo quy định hiện hành. Đồng thời, chúng tôi cam kết tiếp tục phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế và đơn vị kiểm toán, đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và pháp luật hiện hành, hướng đến sự minh bạch, chính xác và nhất quán trong công bố thông tin tài chính.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cám ơn./.

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC riêng năm 2024 đã được kiểm toán so với năm 2023	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán so với năm 2023 như sau:

Tại Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			VND	%
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	355.071.676.816	50.375.678.813	304.695.998.003	605%

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 cải thiện đáng kể so với năm 2023 là do một số nguyên nhân sau:

- Thị trường giá heo trong 2024 tăng cao và duy trì ở mức trên 60.000 đ/kg, xu hướng tiệm cận 70.000 đ/kg.
- Sản lượng heo của BaF năm 2024 cao hơn gần gấp 2 lần so với năm trước.
- Trong quý 4/2024, mặc dù ngành chăn nuôi tiếp tục đối mặt với tình hình dịch bệnh căng thẳng và thiên tai bão lũ diễn biến phức tạp... công ty đã triển khai các biện pháp kiểm soát kịp thời giúp hạn chế tối đa các thiệt hại.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất thức ăn chăn nuôi trong năm 2024 cũng đã giảm so với giai đoạn trước và duy trì nền thấp, góp phần giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu quả chăn nuôi.
- Ngoài ra chênh lệch lợi nhuận luỹ kế 12 tháng, một phần đã được giải thích trong quý 1 từ khoản lợi nhuận đáng kể đã được ghi nhận từ việc bán lô đất Mai Chí Thọ. Khu đất này ban đầu được dự định để phát triển tòa nhà văn phòng mới của BaF. Tuy nhiên, với việc công ty chuyển đến địa điểm hiện tại phù hợp hơn vào năm 2023, sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, việc giữ lại tài sản được cho là không cần thiết, Công ty đã quyết định chuyển nhượng để tập trung nguồn lực vào kinh doanh chăn nuôi cốt lõi.

Với chiến lược đầu tư bài bản chuyên nghiệp ngay từ đầu, Công ty tập trung tối ưu hiệu suất chăn nuôi, kiểm soát chi phí để gia tăng hiệu quả hoạt động và duy trì mức giá vốn thấp hơn tiêu chuẩn ngành, mục tiêu giữ vững đàn heo tránh dịch bệnh và tiếp tục tăng trưởng quy mô theo kế hoạch đề ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Hương Giang

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

EY

Shape the future
with confidence

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 57

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 651/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nội, Long An và Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch	
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên	
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên không điều hành	
Ông Prasad Gopalan	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Duy Tân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2024
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0107755944-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12943524/67717899-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 57, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 9223 quyển số 07 -SCT/BS
Ngày 23 tháng 07 năm 2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN SƠN HÀ

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.081.018.989.584**	**3.148.011.879.041**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***148.911.935.224***	***95.165.075.409***
111	1. Tiền		146.361.935.224	92.615.075.409
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.550.000.000	2.550.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***290.692.994.520***	***326.525.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	290.692.994.520	326.525.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***444.109.706.085***	***1.105.065.760.580***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	188.713.231.186	890.459.855.304
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	197.401.601.586	149.730.153.663
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		75.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	62.184.888.730	66.104.050.466
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9, 10	(4.266.008.550)	(4.266.008.550)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		993.133	3.037.709.697
140	***IV. Hàng tồn kho***	***11***	***2.156.075.218.789***	***1.592.961.230.786***
141	1. Hàng tồn kho		2.156.075.218.789	1.592.961.230.786
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***41.229.134.966***	***28.294.612.266***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	24.697.495.919	23.690.333.542
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	22	13.170.833.545	3.971.475.355
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	3.360.805.502	632.803.369

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.368.011.054.921**	**3.385.649.016.789**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***223.711.119.764***	***120.476.649.201***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	375.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	223.711.119.764	120.101.649.201
220	***II. Tài sản cố định***		***2.394.359.900.776***	***1.617.376.013.205***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.370.091.495.437	1.430.155.467.474
222	Nguyên giá		2.799.386.400.242	1.686.171.058.387
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(429.294.904.805)	(256.015.590.913)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	18.544.007.818	-
225	Nguyên giá		19.505.272.157	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(961.264.339)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	5.724.397.521	187.220.545.731
228	Nguyên giá		12.851.946.000	192.815.486.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.127.548.479)	(5.594.940.269)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***891.504.067.834***	***901.789.996.097***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	891.504.067.834	901.789.996.097
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***858.435.966.547***	***746.006.358.286***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	848.366.480.327	707.342.510.635
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	7.911.525.964	36.126.941.345
269	3. Lợi thế thương mại	18	2.157.960.256	2.536.906.306
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**7.449.030.044.505**	**6.533.660.695.830**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**4.513.278.390.887**	**4.625.338.672.211**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***3.064.578.385.158***	***3.011.074.968.540***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	1.771.091.171.271	2.187.521.274.611
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	5.276.042.960	30.840.012.570
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	62.323.789.180	19.309.184.410
314	4. Phải trả người lao động		38.579.689.556	18.810.434.836
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	47.170.294.972	36.763.167.773
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	1.430.410.268	14.167.578.875
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	1.138.706.986.931	703.663.315.465
330	***II. Nợ dài hạn***		***1.448.700.005.729***	***1.614.263.703.671***
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	965.305.230.814	1.156.062.173.955
339	2. Trái phiếu chuyển đổi	23	475.246.584.653	452.505.553.270
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	8.148.190.262	5.695.976.446
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.935.751.653.618**	**1.908.322.023.619**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***2.935.751.653.618***	***1.908.322.023.619***
411	1. Vốn cổ phần	24.1	2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.390.216.420.000*	*1.435.200.000.000*
413	2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	24.1	137.648.613.977	137.648.613.977
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	398.258.489.337	324.866.540.588
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*80.886.120.588*	*298.655.201.455*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*317.372.368.749*	*26.211.339.133*
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	9.628.130.304	10.606.869.054
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**7.449.030.044.505**	**6.533.660.695.830**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	5.641.031.044.668	5.204.230.720.499
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(345.310.400)	(5.445.425.109)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	5.640.685.734.268	5.198.785.295.390
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(4.924.408.550.657)	(4.855.521.787.959)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		716.277.183.611	343.263.507.431
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	22.223.669.006	37.934.219.785
22	7. Chi phí tài chính	27	(222.236.807.563)	(155.387.524.067)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(200.749.516.378)*	*(141.443.303.310)*
25	8. Chi phí bán hàng	29	(76.630.177.559)	(93.220.306.421)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(137.280.743.174)	(99.534.558.673)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		302.353.124.321	33.055.338.055
31	11. Thu nhập khác	30	110.219.000.409	1.343.245.199
32	12. Chi phí khác	30	(6.323.112.507)	(9.879.100.156)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	30	103.895.887.902	(8.535.854.957)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		406.249.012.223	24.519.483.098
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(56.645.068.978)	(21.653.807.003)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.3	(30.667.629.197)	27.459.673.633
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		318.936.314.048	30.325.349.728
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	24.1	317.047.520.186	26.375.283.530
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	1.888.793.862	3.950.066.198
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.556	157
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	1.496	157

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**406.249.012.223**	**24.519.483.098**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 18	165.204.122.921	104.628.545.565
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(37.295.358)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại		319.972.344	3.211.194.374
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(113.101.899.121)	(45.194.565.460)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	27	216.557.611.961	151.475.469.147
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**675.228.820.328**	**238.602.831.366**
09	Giảm các khoản phải thu		232.218.560.086	342.296.830.391
10	Tăng hàng tồn kho		(563.113.988.003)	(711.140.016.630)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(374.099.928.174)	125.989.479.314
12	Tăng chi phí trả trước		(48.960.786.479)	(224.416.458.189)
14	Tiền lãi vay đã trả		(197.800.814.533)	(133.084.739.633)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22	(25.039.436.026)	(57.951.899.292)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.631.757.785	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(291.935.815.016)**	**(419.703.972.673)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(797.683.567.007)	(1.011.505.391.119)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		294.086.397.917	23.856.502.596
23	Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(302.867.994.520)	(266.525.000.000)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		339.000.000.000	42.187.924.989
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(127.228.642.500)	-
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	44.100.000.000
27	Lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức được chia		20.878.934.597	12.634.837.514
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(573.814.871.513)**	**(1.155.251.126.020)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi	24.1	711.036.000.000	137.648.613.977
	-Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		*711.036.000.000*	-
	-Tiền thu từ phần quyền chọn của trái phiếu chuyển đổi		-	*137.648.613.977*
33	Tiền thu từ đi vay	23	2.094.667.207.221	2.140.147.505.502
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(1.879.603.287.627)	(759.050.421.253)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	23	(2.317.066.160)	-
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(4.320.000.000)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**919.462.853.434**	**1.518.745.698.326**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**53.712.166.905**	**(56.209.400.367)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**95.165.075.409**	**151.374.475.776**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		34.692.910	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**148.911.935.224**	**95.165.075.409**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh mới nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nội, Long An và Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.125 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.542 người).

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 22 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 20 công ty con) như sau:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
(1) Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên ("Anh Vũ Phú Yên")	Phú Yên	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc ("Chăn nuôi Bảo Ngọc")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ("Chăn nuôi Minh Thành")	Tây Ninh	Chăn nuôi	98,00%	98,00%	98,00%	98,00%
(4) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ("Bắc An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,27%	99,27%	99,27%	99,27%
(5) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ("Đông An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,60%	100,00%	99,60%
(6) Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh ("Nam An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,60%	100,00%	99,60%
(7) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 ("Trang Trại Xanh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	98,00%	98,00%	98,00%	98,00%
(8) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 ("Trang Trại Xanh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,69%	99,69%	99,69%	99,69%
(9) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh ("Hải Đăng Tây Ninh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,82%	99,82%	99,82%	99,82%
(10) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh ("Sông Hinh")	Phú Yên	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(11) Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh ("BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
(12) Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định ("BAF Bình Định")	Bình Định	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	98,55%	98,55%	98,55%	98,55%
(13) Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước ("BAF Bình Phước")	Bình Phước	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(14) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng ("Tâm Hưng")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,98%	99,90%	99,98%	99,90%
(15) Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu ("Tân Châu")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,95%	99,90%	99,95%	99,90%
(16) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn ("Thiên Phú Sơn")	Bình Phước	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(17) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi ("Chăn nuôi Kim Hợi")	Bình Phước	Chăn nuôi	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%
(18) Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF ("Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	100,00%	90,00%	100,00%	90,00%
(19) Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam ("Logistic BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(20) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh ("Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(21) Công ty TNHH Tây An Khánh ("Tây An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(22) Công ty Cổ phần Phát Triển Nông Nghiệp sạch Thanh Xuân ("Thanh Xuân")	Thanh Hóa	Trồng trọt và chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- Giá mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phần mềm máy tính	3 – 10 năm
Gia súc	4 năm

3.8 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Gia súc;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Khác

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đã ký. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại tương ứng của các hợp đồng thuê theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Mua tài sản

Nhóm Công ty mua các công ty con có sở hữu tài sản và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Nhóm Công ty sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.11 *Xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.12 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Trái phiếu phát hành*

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết gia đình của họ.

3.21 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, mà chỉ trình bày thông tin theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty tại *Thuyết minh số 35*.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 *Mua Công ty Tây An Khánh*

Vào ngày 29 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Tây An Khánh từ bên thứ ba với tổng giá mua là 55.799.620.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 2 năm 2023. Theo đó, Tây An Khánh trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày mua, Tây An Khánh sở hữu các mảnh đất tọa lạc tại xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Tây An Khánh từ giao dịch này là 36.167.435.583 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp trong Tây An Khánh nêu trên là mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Do đó, giá mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

4.2 *Mua Công ty Thanh Xuân*

Vào ngày 6 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Thanh Xuân từ bên thứ ba với tổng giá mua là 85.750.949.566 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 26/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2024. Theo đó, Thanh Xuân trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày mua, Thanh Xuân sở hữu các mảnh đất tọa lạc tại Thôn Thanh Bình, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Thanh Xuân từ giao dịch này là 42.960.788.724 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp trong Thanh Xuân nêu trên là mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Do đó, giá mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	43.460.000	2.031.641.941
Tiền gửi ngân hàng	146.318.475.224	90.583.433.468
Các khoản tương đương tiền *(*)*	2.550.000.000	2.550.000.000
TỔNG CỘNG	**148.911.935.224**	**95.165.075.409**

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất 3,15%/năm.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:		
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	243.980.200.000	-

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, và Ngân hàng TMCP Tiên Phong có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 3,50% đến 5,70%/năm. Công ty đã sử dụng một phần khoản tiền gửi này để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu các bên khác	130.173.086.209	818.507.786.113
Công ty Cổ phần Việt Phi	*121.687.811.000*	-
Công ty Cổ phần Điều Organic Bissau	-	*383.088.754.500*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Bảo Lâm	-	*266.080.131.000*
Công ty Cổ phần Kho vận An Phú	-	*146.596.623.000*
Các bên khác	*8.485.275.209*	*22.742.277.613*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	58.540.144.977	71.952.069.191
TỔNG CỘNG	**188.713.231.186**	**890.459.855.304**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên khác	178.182.654.064	86.957.469.453
Bà Lê Thị Tuyết (*)	*40.000.000.000*	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo (*)	*30.000.000.000*	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Xuất Nhập Khẩu Thành Đạt (*)	*15.079.033.200*	-
Ông Ngô Văn Thắng (*)	*10.994.546.250*	-
Ông Dương Đình Quang (*)	*6.037.103.250*	-
Bà Nguyễn Hà Anh (*)	*6.036.292.500*	-
Ông Lê Huy Việt (*)	*6.028.978.500*	-
Ông Nguyễn Văn Thiên (*)	*5.026.344.400*	-
Ông Nguyễn Văn Hùng (*)	*5.026.344.400*	-
Ông Nguyễn Như Vương (*)	*3.000.000.000*	-
Ông Nguyễn Cửu Long	-	*22.345.029.000*
Công ty TNHH Pigtek Việt Nam	-	*12.614.051.519*
Ông Phạm Hùng Thắng	-	*8.378.343.000*
Công ty TNHH Công Nghệ Phú Lộc	-	*5.379.120.000*
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Green	-	*5.179.465.620*
Các bên khác	*50.954.011.564*	*33.061.460.314*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	19.218.947.522	62.772.684.210
TỔNG CỘNG	**197.401.601.586**	**149.730.153.663**

(*) Đây là các khoản trả trước cho người bán nhằm mục đích mua các công ty con. *(Thuyết minh số 36.3)*. Ngoài ra, các nghiệp vụ mua bán này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này *(Thuyết minh số 37)*.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**62.184.888.730**	**66.104.050.466**
Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	21.493.391.751	19.640.362.522
Phải thu từ hợp đồng mua heo với Genesus. Inc	14.607.264.417	13.851.129.199
Tạm ứng nhân viên	5.159.528.406	8.697.462.155
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	4.188.990.639	11.564.882.519
Ký quỹ	3.974.504.400	-
Khác	12.761.209.117	12.350.214.071
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*21.493.391.751*	*19.640.362.522*
Các bên khác	*40.691.496.979*	*46.463.687.944*
Dài hạn	**223.711.119.764**	**120.101.649.201**
Đặt cọc thuê trại và văn phòng	223.711.119.764	120.101.649.201
TỔNG CỘNG	**285.896.008.494**	**186.205.699.667**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 10)*	(4.266.008.550)	(4.266.008.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	**281.629.999.944**	**181.939.691.117**

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khác như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	4.266.008.550	4.303.303.908
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(37.295.358)
Số cuối năm	4.266.008.550	4.266.008.550

10. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
AG World International Corporation	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160
Khác	2.335.623.819	1.857.579.390	2.335.623.819	1.857.579.390
TỔNG CỘNG	**4.744.052.979**	**4.266.008.550**	**4.744.052.979**	**4.266.008.550**

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.920.259.929.631	1.382.341.178.279
Nguyên vật liệu	175.243.324.601	168.982.315.547
Công cụ, dụng cụ	26.468.055.074	13.608.436.631
Thành phẩm	24.139.170.455	10.836.948.174
Hàng mua đang đi trên đường	9.722.965.220	16.797.927.597
Hàng hóa	241.773.808	394.422.558
TỔNG CỘNG	**2.156.075.218.789**	**1.592.961.230.786**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Gia súc*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.284.816.993.218	321.540.603.896	52.975.310.726	16.507.523.242	10.330.627.305	1.686.171.058.387
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	739.315.120.172	150.740.927.838	12.944.673.388	-	15.231.372.373	918.232.093.771
Tăng do mua công ty con	31.125.528.509	27.254.186.079	-	-	-	58.379.714.588
Mua mới trong năm	30.131.271.250	117.991.381.797	379.792.246	12.830.330.070	9.161.983.512	170.494.758.875
Thanh lý	(1.286.836.911)	(19.917.533.000)	(814.089.415)	-	(11.872.766.053)	(33.891.225.379)
Số cuối năm	2.084.102.076.238	597.609.566.610	65.485.686.945	29.337.853.312	22.851.217.137	2.799.386.400.242
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*4.473.289.191*	*8.684.171.980*	*120.717.000*	*584.802.714*	*309.350.578*	*14.172.331.463*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(186.862.792.457)	(46.099.345.425)	(16.414.010.185)	(3.270.437.204)	(3.369.005.642)	(256.015.590.913)
Khấu hao trong năm	(101.770.073.657)	(44.856.296.147)	(8.329.692.796)	(2.554.755.582)	(4.701.910.600)	(162.212.728.782)
Tăng do mua công ty con	(17.586.207.624)	-	-	-	-	(17.586.207.624)
Thanh lý	6.051.411	491.224.884	2.070.095.032	-	3.952.251.187	6.519.622.514
Số cuối năm	(306.213.022.327)	(90.464.416.688)	(22.673.607.949)	(5.825.192.786)	(4.118.665.055)	(429.294.904.805)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	1.097.954.200.761	275.441.258.471	36.561.300.541	13.237.086.038	6.961.621.663	1.430.155.467.474
Số cuối năm	1.777.889.053.911	507.145.149.922	42.812.078.996	23.512.660.526	18.732.552.082	2.370.091.495.437
Trong đó						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 23)	*1.406.909.628.751*	*290.452.571.542*	-	*6.970.344.224*	*3.975.582.556*	*1.708.308.127.073*

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc thiết bị
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Thuê trong năm	19.505.272.157
Số cuối năm	19.505.272.157
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	-
Hao mòn trong năm	(961.264.339)
Số cuối năm	(961.264.339)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	18.544.007.818

Theo hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền lựa chọn mua lại máy móc thiết bị khi hết thời hạn thuê 60 tháng. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 23.5.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	180.849.310.000	11.966.176.000	192.815.486.000
Mua mới trong năm	-	885.770.000	885.770.000
Thanh lý	(180.849.310.000)	-	(180.849.310.000)
Số cuối năm	-	12.851.946.000	12.851.946.000
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	*730.250.000*	*730.250.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(95.476.405)	(5.499.463.864)	(5.594.940.269)
Hao mòn trong năm	(23.099.135)	(1.628.084.615)	(1.651.183.750)
Thanh lý	118.575.540	-	118.575.540
Số cuối năm	-	(7.127.548.479)	(7.127.548.479)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	180.753.833.595	6.466.712.136	187.220.545.731
Số cuối năm	-	5.724.397.521	5.724.397.521

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Xây dựng trại Hải Đăng Tây Ninh	473.032.298.360	217.785.849.918
Xây dựng trại Giai Xuân	90.032.182.796	58.549.915.147
Con giống	73.497.695.905	130.901.702.193
Xây dựng trại Tâm Hưng	47.339.379.533	54.771.520.151
Xây dựng trại Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh	36.593.012.147	9.487.875.860
Xây dựng trại Tân Châu	29.653.250.824	76.210.490.927
Xây dựng trại Tây An Khánh	17.864.951.817	-
Xây dựng trại Đông An Khánh	14.061.358.911	29.994.484.675
Xây dựng trại Bắc An Khánh	13.997.695.588	160.937.681.871
Xây dựng trại Sông Hinh	13.112.629.939	-
Phần mềm SAP	13.140.273.650	-
Xây dựng trung tâm bán heo MB	11.791.567.954	-
Xây dựng trại Cụm Bá Thước	11.122.349.400	-
Xây dựng trại Nam An Khánh	8.533.846.882	6.886.662.231
Xây dựng trại Quyên Linh	6.418.169.023	-
Xây dựng trại Anh Vũ Phú Yên	4.279.307.017	8.553.863.967
Xây dựng trại Trang Trại Xanh 2	-	125.938.143.304
Khác	27.034.098.088	21.771.805.853
TỔNG CỘNG	**891.504.067.834**	**901.789.996.097**

Nhóm Công ty đã sử dụng các dự án Đầu tư Trang trại bao gồm Anh Vũ Phú Yên, Trang Trại Xanh 1, Đông An Khánh, Nam An Khánh, Tâm Hưng, Kim Hơi, Bắc An Khanh, Tân Châu và BAF Tây Ninh để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23)*.

16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị là 17.115.773.544 VND (2023: 25.948.927.032 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và vay trực tiếp phục vụ cho mục đích đầu tư các dự án Đầu tư Trang trại của Nhóm Công ty.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**24.697.495.919**	**23.690.333.542**
Công cụ, dụng cụ	10.857.358.203	7.164.255.076
Khác	13.840.137.716	16.526.078.466
Dài hạn	**848.366.480.327**	**707.342.510.635**
Gia súc	392.147.544.263	353.500.365.011
Thuê đất *(*)*	370.151.750.132	305.427.676.597
Công cụ, dụng cụ	46.739.058.184	20.521.760.879
Chi phí tư vấn	10.183.897.652	9.919.638.516
Chi phí cải tạo và sửa chữa	9.425.287.377	7.327.060.751
Chi phí thu xếp và bảo lãnh khoản vay ngân hàng	6.190.729.435	7.053.571.429
Chi phí tài trợ	3.333.333.333	-
Khác	10.194.879.951	3.592.437.452
TỔNG CỘNG	**873.063.976.246**	**731.032.844.177**

(*) Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23)*.

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Nguyên giá:		
Số đầu năm và số cuối năm	3.789.460.500	3.789.460.500
Giá trị phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm	(1.252.554.194)	(873.608.144)
Phân bổ trong năm	(378.946.050)	(378.946.050)
Số cuối năm	(1.631.500.244)	(1.252.554.194)
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm	2.536.906.306	2.915.852.356
Số cuối năm	2.157.960.256	2.536.906.306

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

19.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả các bên khác	1.562.359.069.479	2.159.689.714.864
Công ty Cổ phần Cbot Việt Nam	*461.403.046.800*	*99.643.557.000*
Công ty Cổ phần Gạo Vi Dân	*345.918.789.340*	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông Nghiệp Bảo Lộc	*316.855.022.050*	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	*158.540.603.000*	*373.804.077.895*
Công ty Cổ phần Hum	*827.860.000*	*196.200.124.000*
Công ty Cổ phần Nông sản Tzan Quốc tế	-	*320.049.249.300*
Công ty Cổ phần Nông sản Mogb Quốc tế	-	*290.096.321.550*
Công ty cổ phần Nông sản Cavi Việt Nam	-	*254.544.283.000*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp An Điền	-	*162.451.748.650*
Công ty Cổ phần Otran Logistics	-	*71.515.617.400*
Các bên khác	*278.813.748.289*	*391.384.736.069*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	208.732.101.792	27.831.559.747
TỔNG CỘNG	**1.771.091.171.271**	**2.187.521.274.611**

19.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác trả trước	5.195.384.460	30.840.012.570
Công ty TNHH CJ Vina Agri - Chi Nhánh Bình Dương	*3.583.548.387*	-
Ông Nguyễn Văn Dương	*450.239.000*	-
Ông Phạm Văn Linh	*385.103.140*	-
Công ty Cổ phần Nông sản Phú Nông	-	*30.000.000.000*
Các bên khác	*776.493.933*	*840.012.570*
Trả trước từ bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	80.658.500	-
TỔNG CỘNG	**5.276.042.960**	**30.840.012.570**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay	29.835.514.861	26.851.702.620
Chi phí điện nước	5.496.341.606	3.322.093.715
Chi phí xử lý nước thải	3.040.775.090	-
Chi phí gia công	2.991.739.498	218.132.401
Chi phí vận chuyển	854.706.060	525.652.480
Chi phí đi thuê	-	2.404.050.000
Khác	4.951.217.857	3.441.536.557
TỔNG CỘNG	**47.170.294.972**	**36.763.167.773**

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Kinh phí công đoàn	*1.046.825.900*	2.990.171.856
Phải trả cổ tức	-	4.320.000.000
Khác	383.584.388	6.857.407.019
TỔNG CỘNG	**1.430.410.288**	**14.167.578.875**
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	*1.430.410.288*	*14.140.097.077*
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 34)	-	*27.481.798*

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.971.475.355	16.448.571.898	(7.249.213.708)	13.170.833.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp	628.988.543	3.358.898.089	(628.988.543)	3.358.898.089
Thuế thu nhập cá nhân	3.814.826	-	(1.907.413)	1.907.413
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**4.604.278.724**	**19.810.469.987**	**(7.883.109.664)**	**16.531.639.047**
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.303.630.941	60.003.967.067	(21.680.537.937)	55.627.060.071
Thuế giá trị gia tăng	1.286.586.942	13.981.668.781	(11.134.782.309)	4.133.473.414
Thuế thu nhập cá nhân	717.059.114	9.020.951.833	(7.181.778.471)	2.556.232.476
Thuế khác	1.907.413	3.153.983.056	(3.148.867.250)	7.023.219
TỔNG CỘNG	**19.309.184.410**	**86.160.570.737**	**(43.145.965.967)**	**62.323.789.180**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Phân bổ lũy kế giá trị chiết khấu*	*Phân loại lại*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**703.663.315.465**	**1.836.584.277.638**	**(1.827.639.990.505)**	-	-	**426.099.384.435**	**1.138.706.986.931**
Vay ngắn hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	603.820.865.920	1.834.267.211.376	(1.725.480.474.800)	-	-	-	712.607.602.496
Vay ngắn hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.2)*	99.842.449.545	-	(99.842.449.545)	-	-	124.211.111.808	124.211.111.808
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.3)*	-	-	-	-	-	297.541.148.913	297.541.148.913
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.5)*	-	2.317.066.160	(2.317.066.160)	-		4.347.123.714	4.347.123.714
Dài hạn	**1.608.567.727.225**	**277.588.201.842**	**(54.280.363.282)**	**15.772.985.187**	**19.002.648.930**	**(426.099.384.435)**	**1.440.551.815.467**
Vay ngân hàng và các bên khác *(Thuyết minh số 23.2)*	582.891.034.175	260.399.995.845	(54.280.363.282)	-	-	(124.211.111.808)	664.799.554.930
Trái phiếu phát hành *(Thuyết minh số 23.3)*	573.171.139.780	-	-	12.034.602.734	-	(297.541.148.913)	287.664.593.601
Trái phiếu chuyển đổi *(Thuyết minh số 23.4)*	452.505.553.270	-	-	3.738.382.453	19.002.648.930	-	475.246.584.653
Nợ thuê tài chính *(Thuyết minh số 23.5)*	-	17.188.205.997	-	-	-	(4.347.123.714)	12.841.082.283
TỔNG CỘNG	**2.312.231.042.690**	**2.114.172.479.378**	**(1.881.920.353.787)**	**15.772.985.187**	**19.002.648.930**	-	**2.579.258.802.398**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hàng ngắn hạn*

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 6, 12, 15 và 17)*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà	320.000.000.000	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 4 năm 2025	4,20 - 6,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 6)* và bất động sản thuộc sở hữu của Bà Bùi Hương Giang.
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	100.000.000.000	Ngày 21 tháng 3 năm 2025	6,40	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 6)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	100.000.000.000	Từ ngày 15 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025	6,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 6)*
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Sở Giao dịch 2	100.000.000.000	Từ ngày 21 tháng 5 năm 2025 đến ngày 5 tháng 6 năm 2025	7,00	15.000.000 cổ phần tại BAF Tây Ninh thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Ông Nguyễn Văn Đức và Công ty; và Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hóa hình thành trong tương lai của BAF Tây Ninh tại Phường An Hòa, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	61.607.602.496	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025	5,90	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 6)*
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Vũng Tàu	31.000.000.000	Từ ngày 5 tháng 9 năm 2025 đến 10 tháng 9 năm 2025	10,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 6)
TỔNG CỘNG	**712.607.602.496**			

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng*

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án, trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 12, 15 và 17)*
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	160.106.005.482	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 30 tháng 3 năm 2029	9,10 - 9,50	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và toàn bộ heo giống, con heo và heo thịt của Trang Trại Xanh 1 tại Xã Hòa Hiệp, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh và Anh Vũ Phú Yên tại Xã Ea Trol, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên; và
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	266.621.510.283	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 20 tháng 7 năm 2030	9,40-10,50	100.000.000.000 VND vốn góp tại Đông An Khánh và 100.000.000.000 VND vốn góp tại Nam An Khánh thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy và Công ty; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị của Đông An Khánh tại Xã Suối Dây, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh và Nam An Khánh tại Ấp Hội Thành, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh.
Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh	177.271.826.589	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 đến ngày 25 tháng 12 năm 2031	5,80 - 7,10	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Bắc An Khánh tại Xã Suối Ngô, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh; và Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Tân Châu tại Xã Suối Ngô, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 12, 15 và 17)*
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	28.952.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2025 đến ngày 13 tháng 9 năm 2028	7,50-9,80	Các quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Kim Hợi tại Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tiền Giang	18.573.220.959	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2025 đến ngày 11 tháng 10 năm 2029	8,80-12,20	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong trương lai của Bảo Ngọc tại Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Dak Lak.
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở Giao Dịch 2	137.486.103.425	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2025 đến ngày 7 tháng 2 năm 2032	9,00	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Tâm Hưng tại Xã Tân Đông, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh.
	789.010.666.738			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*124.211.111.808*			
Vay dài hạn	*664.799.554.930*			

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.3 *Trái phiếu*

Nhóm Công ty phát hành trái phiếu vào ngày 23 tháng 8 năm 2022 và vào ngày 4 tháng 7 năm 2023 với các chi tiết như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Mục đích phát hành*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND			*(%/năm)*	
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình					
Mệnh giá trái phiếu	600.000.000.000	Ngày 23 tháng 8 năm 2025 đến ngày 4 tháng 7 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	10,50	Tín chấp
Chi phí phát hành	(14.794.257.486)				
TỔNG CỘNG	**585.205.742.514**				
Trong đó					
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	*297.541.148.913*				
Trái phiếu dài hạn	*287.664.593.601*				

23.4 *Trái phiếu chuyển đổi*

		VND *Số cuối năm*
Giá trị trái phiếu chuyển đổi		600.000.000.000
Cơ cấu vốn chủ sở hữu *(Thuyết minh số 24.1)*		(137.648.613.977)
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu		**462.351.386.023**
Cộng:	**Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu**	**32.574.668.820**
	Số đầu năm	13.572.019.890
	Số phân bổ tăng trong năm	19.002.648.930
	Số cuối năm	32.574.668.820
Trừ:	**Giá trị phân bổ chi phí phát hành trái phiếu**	**(19.679.470.190)**
	Số đầu năm	(23.417.852.643)
	Chi phí phát hành trái phiếu	3.738.382.453
	Số phân bổ giảm trong năm	(19.679.470.190)
	Số cuối năm	**475.246.584.653**
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm		**475.246.584.653**

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2023, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Trái phiếu Chuyển đổi riêng lẻ với Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC") với tổng giá trị là 600.000.000.000 VND và lãi suất 5,25%/năm. Theo đó, IFC được quyền chuyển đổi các trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông với số lượng quy đổi được quy định trong điều khoản của hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành cho đến trước ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi, là ngày 15 tháng 3 năm 2029 (ngày đáo hạn thứ nhất) và vào ngày 15 tháng 3 năm 2030 (ngày đáo hạn cuối cùng) hoặc chuyển đổi thành khoản cho vay với lãi suất 10,50%/năm. Tại ngày đáo hạn thứ nhất, nếu trái phiếu không được chuyển đổi, Nhóm Công ty sẽ thực hiện mua lại một nửa (1/2) khối lượng trái phiếu đang lưu hành. Nếu bất kỳ trái phiếu nào vẫn còn tồn đọng vào ngày đáo hạn cuối cùng, Nhóm Công ty sẽ mua lại toàn bộ trái phiếu đó vào ngày đáo hạn cuối cùng. Lãi suất thị trường của khoản vay không chuyển đổi là 10,50%/năm.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.5 *Nợ thuê tài chính*

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc theo hợp đồng thuê tài chính số C240507602 ngày 28 tháng 5 năm 2024 từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease, hợp đồng thuê tài chính số 2024-00130-000 ngày 31 tháng 10 năm 2024 và số 2024-00128-000 ngày 31 tháng 10 năm 2024 từ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính TNHH Quốc tế Việt Nam. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Từ 1 năm trở xuống	5.353.996.326	1.006.872.612	4.347.123.714
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Trên 1 – 5 năm	14.326.589.355	1.485.507.072	12.841.082.283
TỔNG CỘNG	**19.680.585.681**	**2.492.379.684**	**17.188.205.997**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:				
Số đầu năm	1.435.200.000.000	-	298.655.201.455	1.733.855.201.455
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	137.648.613.977	-	137.648.613.977
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	26.375.283.530	26.375.283.530
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	(163.944.397)	(163.944.397)
Số cuối năm	1.435.200.000.000	137.648.613.977	324.866.540.588	1.897.715.154.565
Năm nay:				
Số đầu năm	1.435.200.000.000	137.648.613.977	324.866.540.588	1.897.715.154.565
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu *(i)*	684.256.000.000	-	-	684.256.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	317.047.520.186	317.047.520.186
Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên trong Công ty ("ESOP") (ii	26.780.000.000	-	-	26.780.000.000
Cổ tức công bố *(ii)*	243.980.420.000	-	(243.980.420.000)	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	324.848.563	324.848.563
Số cuối năm	2.390.216.420.000	137.648.613.977	398.258.489.337	2.926.123.523.314

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") Thường niên số 10.05.2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 05 năm 2023, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07.12.2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 26.04.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên ("ESOP") và phát hành cổ phiếu trả cổ tức. Nhóm Công ty đã triển khai phương án phát hành như sau:

Theo Nghị quyết Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 16.11.2023/NQ – HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2023, Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 31/GCN-UBCK ngày 5 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Nhóm Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 68.425.600 cổ phần ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 68.425.600 cổ phiếu ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu vào ngày 1 tháng 7 năm 2024.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Theo Nghị quyết HĐQT số 13.05.2024/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2024, Nghị quyết HĐQT số 14.05.2024/NQ - HĐQT ngày 14 tháng 5 năm 2024, Công văn số 3379/UBCKNN-QLCB ngày 29 tháng 5 năm 2024 của UBCKNN, Nhóm Công ty đã thông qua việc phát hành 2.678.000 cổ phiếu cho cán bộ nhân viên có tên trong danh sách người lao động được mua cổ phiếu theo chương trình ESOP với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc phân phối 2.678.000 cổ phiếu cho người lao động vào ngày 2 tháng 7 năm 2024.

(ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 22.01.2024/NQ - HĐQT ngày 22 tháng 1 năm 2024, Công văn số 2649/UBCK-QLCB ngày 26 tháng 4 năm 2024 của UBCKNN, Nhóm Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 24.398.400 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ 17%. Theo đó, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng phát hành thêm là 24.398.400 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu vào ngày 20 tháng 5 năm 2024

Vào ngày 7 tháng 8 năm 2024, Nhóm Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 20 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt số vốn điều lệ mới là 2.390.216.420.000 VND.

24.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	VND	*Cổ phiếu*	*%*	*VND*	*Cổ phiếu*	*%*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	956.819.350.000	95.681.935	40,031	581.029.000.000	58.102.900	40,484
Bà Bùi Hương Giang	79.987.550.000	7.998.755	3,346	46.690.000.000	4.669.000	3,253
Cổ đông khác	1.353.409.520.000	135.340.952	56,623	807.481.000.000	80.748.100	56,363
TỔNG CỘNG	**2.390.216.420.000**	**239.021.642**	**100,000**	**1.435.200.000.000**	**143.520.000**	**100,000**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 *Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp của các cổ đông		
Số đầu năm	1.435.200.000.000	1.435.200.000.000
Tăng trong năm	955.016.420.000	-
Số cuối năm	2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
Cổ tức		
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố	*243.980.420.000*	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	*243.980.420.000*	-

24.4 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã được phê duyệt phát hành	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu phổ thông	*239.021.642*	*143.520.000*
Cổ phiếu đang lưu hành	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu phổ thông	*239.021.642*	*143.520.000*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Vốn điều lệ đã góp	9.766.917.388	9.762.650.000
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(138.787.084)	5.164.219.054
Cổ tức đã chia lũy kế	-	(4.320.000.000)
TỔNG CỘNG	**9.628.130.304**	**10.606.869.054**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	10.606.869.054	8.812.858.459
Tăng do thành lập hoặc mua các công ty con	4.267.388	2.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	1.888.793.862	3.950.066.198
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con	(2.871.800.000)	163.944.397
Cổ tức chia cho cổ công không kiểm soát	-	(4.320.000.000)
Số cuối năm	9.628.130.304	10.606.869.054

26. DOANH THU

26.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**5.641.031.044.668**	**5.204.230.720.499**
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	*3.328.279.587.321*	*1.209.866.958.051*
Doanh thu bán nông sản	*2.301.658.870.470*	*3.934.989.047.800*
Doanh thu bán cám	*10.852.533.200*	*35.195.735.944*
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	*23.856.502.596*
Doanh thu cho thuê	-	*90.000.001*
Doanh thu khác	*240.053.677*	*232.476.107*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(345.310.400)**	**(5.445.425.109)**
Chiết khấu thương mại	*(345.310.400)*	*(5.346.019.109)*
Giảm giá hàng bán	-	*(54.900.000)*
Hàng bán bị trả lại	-	*(44.506.000)*
Doanh thu thuần	**5.640.685.734.268**	**5.198.785.295.390**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*5.452.013.727.883*	*5.015.212.134.402*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*188.672.006.385*	*183.573.160.988*

26.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi và cho vay	13.503.042.717	21.338.717.293
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.707.288.604	306.986.909
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	14.594.027.538
Khác	3.013.337.685	1.694.488.045
TỔNG CỘNG	**22.223.669.006**	**37.934.219.785**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	200.784.626.774	141.443.303.310
Chi phí phát hành trái phiếu	15.772.985.187	10.032.165.837
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.457.797.742	3.435.226.350
Khác	221.397.860	476.828.570
TỔNG CỘNG	**222.236.807.563**	**155.387.524.067**

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	2.652.127.541.576	951.584.602.349
Giá vốn bán nông sản	2.255.882.309.090	3.856.224.883.195
Giá vốn bán cám	16.033.201.175	32.872.817.372
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	14.594.681.967
Giá vốn cho thuê	-	55.160.686
Giá vốn hoạt động khác	365.498.816	189.642.390
TỔNG CỘNG	**4.924.408.550.657**	**4.855.521.787.959**

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**76.630.177.559**	**93.220.306.421**
Chi phí vận chuyển	38.077.072.798	64.454.688.840
Chi phí nhân viên	23.314.530.198	14.796.582.626
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.787.656.369	6.711.621.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.007.382.374	1.249.462.581
Khác	6.443.535.820	6.007.950.732
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**137.280.743.174**	**99.534.558.673**
Chi phí nhân viên	65.503.583.626	50.980.167.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.580.222.779	15.937.495.933
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.147.514.380	1.749.038.171
Phân bổ lợi thế thương mại	1.259.641.421	378.946.050
Khác	40.789.780.968	30.488.911.458
TỔNG CỘNG	**213.910.920.733**	**192.754.865.094**

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**110.219.000.409**	**1.343.245.199**
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	99.598.856.404	-
Lãi từ thanh lý hàng hóa	4.100.590.624	-
Các khoản khác	6.519.553.381	1.343.245.199
Chi phí khác	**(6.323.112.507)**	**(9.879.100.156)**
Xóa sổ khoản phải thu	(1.250.000.000)	-
Các khoản phạt	(1.191.077.533)	-
Chi phí liên quan tới tài sản không sử dụng	-	(4.939.458.198)
Khác	(3.882.034.974)	(4.939.641.958)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	**103.895.887.902**	**(8.535.854.957)**

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nông sản	2.255.882.309.090	3.856.224.883.195
Chi phí nguyên vật liệu	2.202.377.643.629	753.541.042.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	269.986.950.135	142.432.517.027
Chi phí khấu hao và hao mòn và phân bổ lợi thế thương mại *(Thuyết minh số 12, 13, 14 và 18)*	165.204.122.921	104.628.545.565
Chi phí nhân viên	168.118.516.678	137.942.289.503
Khác	76.749.928.937	53.507.375.290
TỔNG CỘNG	**5.138.319.471.390**	**5.048.276.653.053**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có các hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") khác nhau như sau:

- Công ty, Chi nhánh Bình Dương, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Long An

  Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty và các chi nhánh nêu trên được hưởng thuế suất ưu đãi 15% cho suốt thời gian hoạt động;

  Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

- Chi nhánh Nghệ An

  Chi nhánh Nghệ An được hưởng ưu đãi thuế theo địa bàn với thuế suất thuế TNDN áp dụng là 10% trong 15 năm tính từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Chi nhánh này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

- Chăn nuôi Minh Thành, Bắc An Khánh, Đông An Khánh, Nam An Khánh, Trang Trại Xanh 1, Trang Trại Xanh 2, Sông Hinh, Anh Vũ Phú Yên, Hải Đăng Tây Ninh, Tâm Hưng, Tân Châu, Tây An Khánh, Thanh Xuân.

  Các công ty con nêu trên được ưu đãi thuế theo địa bàn với thuế suất thuế TNDN áp dụng là 10% trong 15 năm tính từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các công ty này được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.

- BAF Bình Định

  BAF Bình Định có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, công ty này được được ưu đãi thuế theo địa bàn. Công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- BAF Tây Ninh

  BAF Tây Ninh được ưu đãi thuế theo địa bàn với thuế suất thuế TNDN áp dụng là 17% trong 10 năm tính từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo. Ngoài ra, đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi, BAF Tây Ninh được hưởng thuế suất ưu đãi 15%.

- BAF Bình Phước

  BAF Bình Phước được ưu đãi thuế theo địa bàn với thuế suất thuế TNDN áp dụng là 10% trong 15 năm tính từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

- Chăn nuôi Bảo Ngọc, Thiên Phú Sơn, Kim Hợi

  Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Chăn nuôi Bảo Ngọc, Thiên Phú Sơn, và Kim Hợi là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN	58.592.146.170	19.155.995.067
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(1.947.077.192)	2.497.811.936
Chi phí thuế TNDN hiện hành	56.645.068.978	21.653.807.003
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	30.667.629.197	(27.459.673.633)
TỔNG CỘNG	**87.312.698.175**	**(5.805.866.630)**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**406.249.012.223**	**24.519.483.098**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	72.701.744.671	(22.687.815)
Các điều chỉnh tăng (giảm):		
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho phần lỗ thuế của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập	17.613.644.872	2.800.085.158
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (*)	3.632.559.965	12.142.559.473
Chi phí không được trừ	4.715.716.801	2.527.427.783
Chi phí phân bổ giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	2.850.397.340	2.035.802.984
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(1.947.077.192)	2.497.811.936
Bù trừ thu nhập chịu thuế giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh	254.158.016	(4.038.201.980)
Phân bổ lợi thế thương mại	56.841.908	56.841.908
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.021.166.014)	(2.407.414.961)
Thu nhập được miễn thuế	(11.544.122.192)	(21.398.091.116)
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	**87.312.698.175**	**(5.805.866.630)**

(*) Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 do Chính phủ ban hành, quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, Nhóm Công ty đã điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN trong năm nay với số tiền là 3.632.559.965 VND.

32.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.714.691.138	1.920.660.173	794.030.965	(1.250.798.347)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	5.196.834.826	4.464.223.160	732.611.666	2.860.753.023
Lỗ thuế ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	-	29.742.058.012	(29.742.058.012)	29.742.058.012
	7.911.525.964	**36.126.941.345**	**(28.215.415.381)**	**31.352.012.688**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chi phí lãi vay vốn hóa	(6.344.552.871)	(3.892.339.055)	(2.452.213.816)	(3.892.339.055)
Dự phòng giảm giá của khoản đầu tư dài hạn	(1.803.637.391)	(1.803.637.391)	-	-
	(8.148.190.262)	**(5.695.976.446)**	***(2.452.213.816)***	***(3.892.339.055)***
Thuế thu nhập hoãn lại thuần	***(236.664.298)***	***30.430.964.899***		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			***(30.667.629.197)***	***27.459.673.633***

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.4 *Lỗ chuyển sang năm sau*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính phát sinh với tổng số tiền là 224.784.591.887 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 249.330.346.038 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024*
2019	2024	3.171.448.495	(1.727.049.972)	-	1.444.398.523
2020	2025	4.444.876.733	(1.871.787.861)	-	2.573.088.872
2021	2026	10.333.990.069	(4.727.675.097)	-	5.606.314.972
2022	2027	22.820.956.403	(9.260.360.587)	-	13.560.595.816
2023	2028	225.357.039.380	(198.280.386.746)	-	27.076.652.614
2024	2029	174.523.541.090	-	-	174.523.541.090
TỔNG CỘNG		**440.651.852.150**	**(215.867.260.263)**	**-**	**224.784.591.887**

Lỗ thuế nêu trên được ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế có thể chuyển tại các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty với giá trị 224.784.591.887 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

32.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2024*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2024*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2024*
2022 *(i)*	2027	18.084.964.780	(18.084.964.780)	-	-
2023 *(i)*	2028	88.843.085.871	(29.243.845.638)	-	59.599.240.233
2024 *(i)*	2029	68.845.307.424	-	-	68.845.307.424
TỔNG CỘNG		**175.773.358.075**	**(47.328.810.418)**	**-**	**128.444.547.657**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định* (tiếp theo)

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay chưa được trừ nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 128.444.547.667 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100.796.329.560 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay chưa được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước (trình bày lại)*	*Năm trước (trình bày trước đây)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm *(VND)*	317.047.520.186	26.375.283.530	26.375.283.530
Ảnh hưởng suy giảm do chi phí lãi vay phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi	52.309.471.979	38.815.170.574	38.815.170.574
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**369.356.992.165**	**65.190.454.104**	**65.190.454.104**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu *(i)*	**203.754.712**	**167.918.042**	**143.520.000**
Ảnh hưởng suy giảm do			
Trái phiếu có thể chuyển đổi	*43.083.066*	*35.505.555*	*30.342.495*
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**246.837.777**	**203.423.597**	**173.862.495**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.556	157	184
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.496	157	184

(i) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2024.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long ("Tân Long")	Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam ("Siba Food Việt Nam")	Công ty con của cổ đông lớn (đến ngày 16 tháng 12 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí CNC Siba ("Siba Tech")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Solacons ("Solacons") *(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons)*	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH Agro Việt	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty Cổ phần Lương thực A An ("A An")	Công ty con của Cổ đông lớn
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc ("TV HĐQT kiêm TGĐ")
Ông Phan Ngọc Ân	TV HĐQT kiêm Phó TGĐ (đến ngày 30 tháng 5 năm 2023)
Ông Nguyễn Duy Tân	TV HĐQT (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)
Ông Lê Xuân Thọ	TV HĐQT không điều hành
Ông Bùi Quang Huy	TV HĐQT độc lập (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Prasad Gopalan	TV HĐQT độc lập (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Thanh Tân	TV HĐQT độc lập (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS") (đến ngày 7 tháng 12 năm 2023)
Bà Dương Thị Hồng Tân	Thành viên BKS (đến ngày 7 tháng 12 năm 2023)
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng BKS
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên BKS
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 2 năm 2024)
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó TGĐ thường trực (đến ngày 15 tháng 9 năm 2023)

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2024)
Ông Ngô Cao Cường	Giám đốc Tài chính
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng

Những nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Siba Tech	Xây dựng trại	274.611.523.428	551.312.592.140
	Bán hàng	7.874.904	-
Siba Food	Bán hàng	182.241.255.181	183.563.188.988
	Mua hàng	56.968.718.202	9.922.387.409
Siba Holdings	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	98.774.930.000	-
	Mua cổ phiếu	40.048.420.000	
Bà Bùi Hương Giang	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7.937.300.000	-
	Mua cổ phiếu	3.000.000.000	-
A An	Bán hàng	6.212.591.700	-
	Mua hàng	287.800.000	455.632.238
Sibacons	Mua hàng	4.008.676.390	4.321.933.335
Solacons	Mua hàng	1.197.271.724	-
Ông Ngô Cao Cường	Mua cổ phiếu	900.000.000	-
Ông Lê Xuân Thọ	Mua cổ phiếu	600.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Văn	Mua cổ phiếu	500.000.000	-
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Mua cổ phiếu	300.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Mua cổ phiếu	300.000.000	-
Tân Long	Bán hàng	210.284.600	9.972.000
Ông Trương Anh Tuấn	Mua cổ phiếu	200.000.000	-

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng, vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các giao dịch với người nội bộ, người có liên quan và bên liên quan được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Nghị quyết số 01/NQ-BAF ngày 3 tháng 1 năm 2024 và được trình bày trong Báo cáo tình hình quản trị năm 2024.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Siba Food	Bán hàng	51.503.060.237	71.863.962.065
A An	Bán hàng	6.709.599.036	-
Tân Long	Bán hàng	276.020.676	-
Siba Tech	Bán hàng	51.465.028	88.107.126
TỔNG CỘNG		**58.540.144.977**	**71.952.069.191**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Tạm ứng xây dựng trại	19.218.947.522	61.583.593.301
Solacons	Mua hàng	-	1.189.090.909
TỔNG CỘNG		**19.218.947.522**	**62.772.684.210**
Phải thu ngắn hạn khác			
BAF Myanmar	Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	21.493.391.751	19.640.362.522
Phải trả người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Mua hàng	175.151.129.762	21.124.230.246
Siba Food	Mua hàng	30.442.955.521	6.194.612.677
Solacons	Mua hàng	2.955.932.400	327.272.727
Tân Long	Mua hàng	182.084.109	182.084.109
A An	Mua hàng	-	3.359.988
TỔNG CỘNG		**208.732.101.792**	**27.831.559.747**
Phải trả ngắn hạn khác			
Siba Food	Khác	-	27.481.798
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
BAF Myanmar	Bán hàng	80.658.500	-

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập (bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác) của các thành viên Hội đồng Quản trị ("TV HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc ("TGĐ") trong năm như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Ông Trương Sỹ Bá	108.000.000	120.000.000
Bà Bùi Hương Giang	710.776.927	675.800.000
Ông Phan Ngọc Ân	-	283.419.230
Ông Nguyễn Duy Tân	15.934.426	48.000.000
Ông Lê Xuân Thọ	64.800.000	72.000.000
Ông Bùi Quang Huy	-	72.000.000
Ông Prasad Gopalan	-	-
Ông Nguyễn Thanh Tân	44.262.295	-
Ông Trương Anh Tuấn	480.156.748	-
Ông Nguyễn Văn Non	-	317.769.232
Ông Nguyễn Tiến Thành	-	433.576.923
Ông Ngô Cao Cường	588.388.229	-
Ông Nguyễn Văn Minh	48.645.769	-
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	43.200.000	-
Ông Nguyễn Thanh Hải	-	204.380.769
Bà Dương Thị Hồng Tân	-	179.860.683
Bà Lưu Ngọc Trâm	27.000.000	2.500.000
Ông Nguyễn Quốc Văn	488.921.254	463.719.231
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	351.871.062	-
TỔNG CỘNG	**2.971.956.710**	**2.873.026.068**

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Bán nông sản	*Bán heo*	*Bán cám*	*Khác*	*Loại trừ*	*Hợp nhất*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Doanh thu thuần bộ phận						
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.301.658.870.470	5.307.346.880.841	2.119.632.465.339	80.068.977.931	(4.168.021.460.313)	5.640.685.734.268
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	-	(1.979.412.603.920)	(2.108.779.932.139)	(79.828.924.254)	4.168.021.460.313	-
Tổng doanh thu thuần	**2.301.658.870.470**	**3.327.934.276.921**	**10.852.533.200**	**240.053.677**	**-**	**5.640.685.734.268**
Kết quả						
Lợi nhuận gộp	45.776.561.380	675.806.735.345	(5.180.667.975)	(125.445.139)	-	716.277.183.611
Doanh thu hoạt động tài chính						22.223.669.006
Chi phí tài chính						(222.236.807.563)
Chi phí bán hàng						(76.630.177.559)
Chi phí quản lý doanh nghiệp						(137.280.743.174)
Thu nhập khác						110.219.000.409
Chi phí khác						(6.323.112.507)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(56.645.068.978)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						(30.667.629.197)
Lợi nhuận sau thuế TNDN						318.936.314.048
Tài sản và nợ phải trả						
Tổng tài sản	188.713.231.186	11.833.424.987.087	1.103.277.892.059	-	(5.676.386.065.827)	7.449.030.044.505
Tài sản bộ phận	188.713.231.186	11.833.424.987.087	1.103.277.892.059	-	(6.115.990.995.571)	7.009.425.114.761
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	-	*439.604.929.744*	*439.604.929.744*
Tổng nợ phải trả	1.771.091.171.271	6.024.380.392.818	520.437.122.564	-	(3.802.630.295.766)	4.513.278.390.887
Nợ phải trả bộ phận	*1.771.091.171.271*	*6.024.380.392.818*	*520.437.122.564*	-	*(3.802.630.295.766)*	*4.513.278.390.887*

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Bán nông sản	*Bán heo*	*Bán cám*	*Khác*	*Loại trừ*	*Hợp nhất*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Doanh thu thuần bộ phận						
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.934.989.047.800	2.317.947.130.032	1.309.494.560.430	75.834.016.731	(2.439.479.459.603)	5.198.785.295.390
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	-	(1.113.525.597.090)	(1.274.298.824.486)	(51.655.038.027)	2.439.479.459.603	-
Tổng doanh thu thuần	**3.934.989.047.800**	**1.204.421.532.942**	**35.195.735.944**	**24.178.978.704**	**-**	**5.198.785.295.390**
Kết quả						
Lợi nhuận gộp	78.764.164.605	252.836.930.593	2.322.918.572	9.339.493.661	-	343.263.507.431
Doanh thu hoạt động tài chính						37.934.219.785
Chi phí tài chính						(155.387.524.067)
Chi phí bán hàng						(93.220.306.421)
Chi phí quản lý doanh nghiệp						(99.534.558.673)
Thu nhập khác						1.343.245.199
Chi phí khác						(9.879.100.156)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(21.653.807.003)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						27.459.673.633
Lợi nhuận sau thuế TNDN						30.325.349.728
Tài sản và nợ phải trả						
Tổng tài sản	890.459.855.304	8.309.047.119.690	782.596.638.311	-	(3.448.442.917.475)	6.533.660.695.830
Tài sản bộ phận	890.459.855.304	8.309.047.119.690	782.596.638.311	-	(3.870.132.992.884)	6.111.970.620.421
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	-	*421.690.075.409*	*421.690.075.409*
Tổng nợ phải trả	2.187.521.274.611	3.999.089.038.121	264.007.840.602	-	(1.825.279.481.123)	4.625.338.672.211
Nợ phải trả bộ phận	*2.187.521.274.611*	*3.999.089.038.121*	*264.007.840.602*	-	*(1.825.279.481.123)*	*4.625.338.672.211*

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

36. CÁC CAM KẾT

36.1 *Cam kết thuê hoạt động*

Nhóm Công ty hiện đang thuê các trang trại theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	249.819.017.836	251.946.249.836
Từ 1 năm đến 5 năm	900.055.598.255	931.354.841.564
Trên 5 năm	1.486.301.136.364	1.700.258.409.091
TỔNG CỘNG	**2.636.175.752.455**	**2.883.559.500.491**

36.2 *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Giai Xuân	630.414.122.607	241.149.856.918
Dự án Tây An Khánh	422.135.048.183	-
Dự án Sông Hinh	204.138.123.767	107.718.514.955
Dự án Hải Đăng	132.524.438.842	389.210.844.380
Dự án Nhà máy Cám Tây Ninh	93.286.891.720	83.906.286.090
Dự án Tân Châu	13.974.600.329	135.277.033.278
Dự án Bắc An Khánh	-	32.866.600.628
Dự án Tâm Hưng	-	157.147.272.250
TỔNG CỘNG	**1.496.473.225.448**	**1.147.276.408.499**

36.3 *Các cam kết liên quan đến việc mua công ty con (Thuyết minh số 8)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc mua các công ty con như sau:

VND

	Giá trị hợp đồng	*Giá trị cam kết*
Công ty TNHH Hòa Phát Bốn	235.000.000.000	205.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Rừng Xanh	179.840.000.000	159.840.000.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi CNC Thành Đạt Gia Lai	63.860.000.000	38.728.278.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Khuyên Nam Tiến	50.000.000.000	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Tuyết Hoa Đắk Lắk	50.000.000.000	42.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Kim QT	35.000.000.000	28.982.896.750
Công ty Cổ phần Hoàng Kim HT - QT	35.000.000.000	28.971.021.500
Công ty Cổ phần Việt Thái HT	35.000.000.000	24.005.453.750
Công ty Cổ phần Toàn Thắng HT	35.000.000.000	28.963.707.500
TỔNG CỘNG	**718.700.000.000**	**594.471.357.500**

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 41/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 70,00% vốn góp tại Công ty TNHH Hòa Phát Bốn. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Vào ngày 13 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 13012025A/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 60,00% vốn góp tại Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Vào ngày 13 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 13012025B/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 60,00% vốn góp tại Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ/HĐQT, thông qua việc thành lập các công ty con của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Tây Ninh bao gồm: Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 1, Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 2 và Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh 1. Việc thành lập các công ty này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ/HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 100,00% vốn góp tại Công ty TNHH Xuân Nghi Phát. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Theo Văn bản số 531/UBCK-QLCB, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán số 75/2024/ĐKCB-GĐKCB ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Cổ đông số 24.10.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Nhóm Công ty. Theo đó, Nhóm Công ty chào bán 65 triệu cổ phiếu riêng lẻ với giá phát hành 15.500 đồng/cổ phiếu, dự kiến số tiền thu được là 1.007,5 tỷ đồng. Ngày 26 tháng 3 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất đợt chào bán, số lượng cổ phiếu phát hành thành công là 65 triệu cổ phiếu, thu về 1.007,5 tỷ đồng và đã được UBCKNN chấp thuận kết quả chào bán theo công văn số 521/UBCKNN-QLCB ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên và sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 8, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thủy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán so với năm 2023	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán so với năm 2023 như sau:

Tại Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			Số tiền (VND)	%
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	318.936.314.048	30.325.349.728	288.610.964.320	952%

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 cải thiện đáng kể so với năm 2023 do một số nguyên nhân sau:

- Thị trường giá heo trong 2024 tăng cao và duy trì ở mức trên 60.000 đ/kg, xu hướng tiệm cận 70.000 đ/kg.
- Sản lượng heo của BaF năm 2024 cao hơn gần gấp 2 lần so với năm trước.
- Trong quý 4/2024, mặc dù ngành chăn nuôi tiếp tục đối mặt với tình hình dịch bệnh căng thẳng và thiên tai bão lũ diễn biến phức tạp… công ty đã triển khai các biện pháp kiểm soát kịp thời giúp hạn chế tối đa các thiệt hại.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất thức ăn chăn nuôi trong năm 2024 cũng đã giảm so với giai đoạn trước và duy trì nền thấp, góp phần giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu quả chăn nuôi.
- Ngoài ra chênh lệch lợi nhuận luỹ kế 12 tháng, một phần đã được giải thích trong quý 1 từ khoản lợi nhuận đáng kể đã được ghi nhận từ việc bán lô đất Mai Chí Thọ. Khu đất này ban đầu được dự định để phát triển tòa nhà văn phòng mới của BaF. Tuy nhiên, với việc công ty chuyển đến địa điểm hiện tại phù hợp hơn vào năm 2023, sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, việc giữ lại tài sản được cho là không cần thiết, Công ty đã quyết định chuyển nhượng để tập trung nguồn lực vào kinh doanh chăn nuôi cốt lõi.

Với chiến lược đầu tư bài bản chuyên nghiệp ngay từ đầu, Công ty tập trung tối ưu hiệu suất chăn nuôi, kiểm soát chi phí để gia tăng hiệu quả hoạt động và duy trì mức giá vốn thấp hơn tiêu chuẩn ngành, mục tiêu giữ vững đàn heo tránh dịch bệnh và tiếp tục tăng trưởng quy mô theo kế hoạch đề ra.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Hương Giang

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

EY

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 69

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và theo GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 22 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, Số 628C Đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên
Ông Prasad Gopalan	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên độc lập
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên không điều hành

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	
	Giám Đốc Tài Chính	miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026
Ông Nguyễn Phạm Xuân Quang	Giám Đốc Tài Chính	bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 30 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên của Nhóm Công ty để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12943524/69410718

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 69, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

EY

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 9219 quyển số 07 - SCT/BS
Ngày 23 tháng 07 năm 2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN SƠN HÀ
P. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.988.254.708.676**	**4.032.229.458.737**
110	***I. Tiền***	***4***	***193.464.572.724***	***102.785.712.771***
111	1. Tiền		193.464.572.724	102.785.712.771
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***321.388.990.290***	***226.012.994.520***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	321.388.990.290	226.012.994.520
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***2.716.683.981.168***	***2.170.289.330.233***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	470.255.224.734	610.067.294.156
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	358.968.990.702	150.909.137.265
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.422.990.761.472	1.284.223.949.838
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	473.815.344.313	129.353.964.391
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 9, 10	(9.346.340.053)	(4.266.008.550)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	993.133
140	***IV. Hàng tồn kho***	***11***	***1.721.356.683.254***	***1.508.776.640.729***
141	1. Hàng tồn kho		1.721.356.683.254	1.508.776.640.729
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***35.360.481.240***	***24.364.780.484***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	28.068.778.626	18.443.926.869
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	4.539.523.779	5.918.946.202
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	2.752.178.835	1.907.413

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.950.493.158.142**	**2.858.098.868.396**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***234.337.891.249***	***218.332.762.263***
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	234.337.891.249	218.332.762.263
220	***II. Tài sản cố định***		***368.942.860.060***	***194.042.247.037***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	341.463.999.985	179.994.125.053
222	Nguyên giá		454.627.827.325	269.905.982.693
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(113.163.827.340)	(89.911.857.640)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	11.724.717.748	13.216.543.722
225	Nguyên giá		14.086.397.917	14.086.397.917
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.361.680.169)	(869.854.195)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	15.754.142.327	831.578.262
228	Nguyên giá		17.621.166.500	2.272.516.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.867.024.173)	(1.440.937.738)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***346.780.979.074***	***194.512.985.504***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	346.780.979.074	194.512.985.504
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***3.441.568.963.143***	***1.994.250.160.071***
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	3.453.593.212.419	2.006.274.409.347
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.1	(12.024.249.276)	(12.024.249.276)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***558.862.464.616***	***256.960.713.521***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	523.466.511.033	255.725.959.693
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	35.395.953.583	1.234.753.828
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**9.938.747.866.818**	**6.890.328.327.133**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**5.897.795.876.837**	**3.954.273.264.308**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***4.644.725.680.146***	***3.182.675.474.003***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.796.540.385.037	1.977.338.364.452
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	5.999.034.857	1.692.494.573
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	1.938.068.126	46.751.552.180
314	4. Phải trả người lao động		45.614.153.141	26.484.744.175
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	24.919.655.716	31.778.366.654
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	87.708.496.780	30.963.832.710
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	2.682.005.884.489	1.067.666.119.259
330	***II. Nợ dài hạn***		***1.253.070.196.691***	***771.597.790.305***
337	1. Phải trả dài hạn khác	22	38.300.000.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.3, 23.4, 23.5, 23.7	714.659.160.840	296.351.205.652
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	23.6	500.111.035.851	475.246.584.653
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.040.951.989.981**	**2.936.055.062.825**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***24.1***	***4.040.951.989.981***	***2.936.055.062.825***
411	1. Vốn cổ phần		3.040.216.420.000	2.390.216.420.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*3.040.216.420.000*	*2.390.216.420.000*
412	3. Thặng dư vốn cổ phần		356.620.000.000	-
413	4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		137.648.613.977	137.648.613.977
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		506.466.956.004	408.190.028.848
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*408.190.028.848*	*53.118.352.032*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*98.276.927.156*	*355.071.676.816*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**9.938.747.866.818**	**6.890.328.327.133**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thủy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	5.203.242.174.339	6.018.359.158.838
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(4.205.729.912)	(345.310.400)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	5.199.036.444.427	6.018.013.848.438
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(5.031.860.407.518)	(5.373.382.030.524)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		167.176.036.909	644.631.817.914
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	544.172.762.185	57.169.881.395
22	7. Chi phí tài chính	26	(265.540.820.180)	(178.228.238.135)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(256.548.004.502)*	*(178.228.238.135)*
25	8. Chi phí bán hàng	28	(169.405.139.839)	(88.595.748.566)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(217.763.088.293)	(110.675.788.777)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		58.639.750.782	324.301.923.831
31	11. Thu nhập khác	29	10.021.238.799	108.698.847.641
32	12. Chi phí khác	29	(4.545.262.180)	(3.195.501.108)
40	13. Lợi nhuận khác	29	5.475.976.619	105.503.346.533
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		64.115.727.401	429.805.270.364
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	-	(45.206.997.892)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.3	34.161.199.755	(29.526.595.656)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		98.276.927.156	355.071.676.816

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**64.115.727.401**	**429.805.270.364**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13, 14	38.691.829.970	29.152.031.108
03	Dự phòng		5.080.331.503	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.020.566.591)	(2.624.444.769)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(541.281.384.023)	(152.389.377.253)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	26	256.548.004.502	178.228.238.135
08	**(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(177.866.057.238)**	**482.171.717.585**
09	Giảm các khoản phải thu		62.039.709.867	451.904.452.567
10	Tăng hàng tồn kho		(212.580.042.525)	(330.064.449.987)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(202.445.371.054)	24.289.600.328
12	Tăng chi phí trả trước		(277.365.403.097)	(19.554.067.409)
14	Tiền lãi vay đã trả		(195.283.853.285)	(157.071.964.034)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(43.014.138.084)	(7.137.424.929)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh**		**(1.046.515.155.416)**	**444.537.864.121**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(406.272.423.691)	(168.352.623.133)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư		-	294.086.397.917
23	Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(1.542.851.413.438)	(1.439.050.824.060)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		1.308.708.606.034	530.330.763.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.308.416.370.650)	(426.807.640.066)
27	Lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức nhận được		24.876.747.742	20.808.951.838
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(1.923.954.854.003)**	**(1.188.984.974.504)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	24	1.006.620.000.000	711.036.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	22, 23	3.973.770.613.554	1.689.099.802.512
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(1.915.743.622.033)	(1.632.348.203.500)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	23	(3.498.122.149)	(2.136.437.016)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**3.061.148.869.372**	**765.651.161.996**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**90.678.859.953**	**21.204.051.613**
60	**Tiền đầu năm**		**102.785.712.771**	**81.566.921.890**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	14.739.268
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**193.464.572.724**	**102.785.712.771**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh mới nhất là lần thứ 22 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, Số 628C Đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.958 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.384 người).

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 29 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 22 công ty con) như sau:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(1) Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên ("Anh Vũ Phú Yên")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc ("Chăn nuôi Bảo Ngọc")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ("Chăn nuôi Minh Thành")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	98,00%	100,00%	98,00%
(4) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ("Bắc An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,27%	100,00%	99,27%
(5) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ("Đông An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(6) Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh ("Nam An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(7) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 ("Trang Trại Xanh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	98,00%	100,00%	98,00%
(8) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 ("Trang Trại Xanh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,69%	99,69%	99,69%	99,69%
(9) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh ("Hải Đăng Tây Ninh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,82%	99,82%	99,82%	99,82%
(10) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh ("Sông Hinh")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(11) Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh ("BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	99,00%	100,00%	99,00%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(12) Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định ("BAF Bình Định")	Gia Lai	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	98,55%	100,00%	98,55%
(13) Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước ("BAF Meat Bình Phước")	Đồng Nai	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(14) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng ("Tâm Hưng")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
(15) Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu ("Tân Châu")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
(16) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn ("Thiên Phú Sơn")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(17) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi ("Chăn nuôi Kim Hợi")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(18) Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF ("Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(19) Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam ("Logistic BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(20) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh ("Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(21) Công ty TNHH Tây An Khánh ("Tây An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(22) Công ty Cổ phần Phát Triển Nông Nghiệp sạch Thanh Xuân ("Thanh Xuân")	Thanh Hóa	Trồng trọt và chăn nuôi	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(23) Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 1 ("CNC BAF Tây Ninh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(24) Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 2 ("CNC BAF Tây Ninh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(25) Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh 1 ("BAF Tây Ninh 1")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(26) Công ty Cổ phần Chăn nuôi TMC ("Chăn nuôi TMC")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,98%	-	99,98%	-
(27) Công ty TNHH Hòa Phát Bốn ("Hòa Phát Bốn")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-
(28) Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Thành Đạt Gia Lai ("Thành Đạt Gia Lai")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-
(29) Công ty TNHH Thực phẩm BAF Ninh Bình ("BAF Ninh Bình")	Ninh Bình	Chế biến thực phẩm	100,00%	-	100,00%	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 1* và *16.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Thuê tài sản* (tiếp theo)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 15 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Gia súc	4 năm

3.8 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Gia súc;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Khác

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Nghệ An vào ngày 18 tháng 2 năm 2025 trong thời hạn 46 năm. Theo Thông tư số 45/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.11 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Trái phiếu phát hành*

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng.Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	102.707.000	30.099.000
Tiền gửi ngân hàng *(*)*	193.361.865.724	102.755.613.771
TỔNG CỘNG	**193.464.572.724**	**102.785.712.771**

(*) Số cuối năm của tiền gửi ngân hàng bao gồm khoản tiền gửi với giá trị là 38.300.000.000 VND thuộc tài khoản phong tỏa số 1103809999 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định nhưng Công ty chưa được sử dụng số tiền này. Đây là tiền đăng ký mua trái phiếu từ các cá nhân và tổ chức theo phương án phát hành trái phiếu của Công ty trong năm. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, số tiền này đã được phép sử dụng do Công ty đã hoàn thành đợt phát hành trái phiếu nêu trên vào ngày 5 tháng 1 năm 2026 *(Thuyết minh số 22)*.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:		
Các khoản nợ được cấn trừ với cổ tức phải thu từ các công ty con	230.000.000.000	189.443.387.694
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	243.980.200.000
TỔNG CỘNG	**230.000.000.000**	**433.423.587.694**

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,3% đến 5,3%/năm. Công ty đã sử dụng một số khoản tiền gửi để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23)*.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu các bên khác	82.777.138.061	129.869.624.412
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	*55.163.364.860*	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Phi	-	*121.687.811.000*
Các bên khác	*27.613.773.201*	*8.181.813.412*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	387.478.086.673	480.197.669.744
TỔNG CỘNG	**470.255.224.734**	**610.067.294.156**
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	(1.524.134.125)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**468.731.090.609**	**610.067.294.156**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng dự phòng nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.524.134.125	-
Số cuối năm	1.524.134.125	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên khác	256.069.899.906	144.237.084.126
Nhóm cá nhân để mua các công ty con (*)	*151.359.508.504*	*127.228.642.500*
Henan Muyuan Intelligent Technology Company Limited	*47.430.752.024*	-
Các bên khác	*57.279.639.378*	*17.008.441.626*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	102.899.090.796	6.672.053.139
TỔNG CỘNG	**358.968.990.702**	**150.909.137.265**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(3.359.364.083)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**355.609.626.619**	**150.909.137.265**

(*) Đây là các khoản trả trước cho nhóm cá nhân nhằm mục đích mua các công ty con *(Thuyết minh số 33.3)*. Những nghiệp vụ mua bán này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm *(Thuyết minh số 34)*.

Chi tiết tình hình tăng dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.359.364.083	-
Số cuối năm	3.359.364.083	-

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	1.422.990.761.472	1.284.148.949.838
Các bên khác	-	75.000.000
TỔNG CỘNG	**1.422.990.761.472**	**1.284.223.949.838**

Chi tiết các khoản phải thu về cho các bên liên quan vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của các bên liên quan như sau:

Bên vay	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *%/năm*
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn			
Trang Trại Xanh 2	225.863.025.836	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Trang Trại Xanh 1	208.418.217.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Đông An Khánh	180.505.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Nam An Khánh	147.905.408.510	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Anh Vũ Phú Yên	122.465.680.090	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Tâm Hưng	84.678.587.939	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Hải Đăng Tây Ninh	78.364.237.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Tây An Khánh	72.980.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Logistic BAF	50.215.749.141	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Thành Đạt Gia Lai	43.440.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Chăn nuôi TMC	40.141.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Tân Châu	37.519.412.603	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Thanh Xuân	36.670.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Chăn nuôi Bảo Ngọc	33.220.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Hòa Phát Bốn	32.115.454.040	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Sông Hình	28.488.989.313	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
TỔNG CỘNG	**1.422.990.761.472**		

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**473.815.344.313**	**129.353.964.391**
Cổ tức phải thu	210.000.000.000	-
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	154.392.906.399	77.880.459.814
Chi hộ	71.300.591.193	-
Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.110.662.223	21.439.391.751
Tạm ứng nhân viên	3.484.874.464	4.236.847.800
Khác	12.526.310.034	25.797.265.026
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*452.364.329.855*	*96.363.367.775*
Các bên khác	*21.451.014.458*	*32.990.596.616*
Dài hạn	**234.337.891.249**	**218.332.762.263**
Đặt cọc thuê trại và văn phòng	234.337.891.249	218.332.762.263
Trong đó:		
Các bên khác	*218.957.891.249*	*204.252.762.263*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*15.380.000.000*	*14.080.000.000*
TỔNG CỘNG	**708.153.235.562**	**347.686.726.654**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(4.462.841.845)	(4.266.008.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	**703.690.393.717**	**343.420.718.104**

Chi tiết tình hình giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khác như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	4.266.008.550	4.266.008.550
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.054.412.685	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.857.579.390)	-
Số cuối năm	4.462.841.845	4.266.008.550

10. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
AG World International Corporation	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160
Công ty TNHH Acespace	1.328.373.000	1.328.373.000	1.328.373.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Thành An	1.414.650.000	1.414.650.000	1.414.650.000	-
Khác	4.338.045.854	4.194.887.893	4.619.256.988	1.857.579.390
TỔNG CỘNG	**9.489.498.014**	**9.346.340.053**	**9.770.709.148**	**4.266.008.550**

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.443.598.224.426	1.376.952.212.857
Nguyên vật liệu	132.573.308.318	94.015.218.889
Thành phẩm	116.106.927.272	14.714.978.358
Công cụ, dụng cụ	28.413.298.855	14.491.293.684
Hàng mua đang đi đường	648.724.383	8.419.049.663
Hàng hóa	16.200.000	183.887.278
TỔNG CỘNG (*)	**1.721.356.683.254**	**1.508.776.640.729**

(*) Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 23.1*).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Gia súc*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	133.861.286.786	68.383.053.063	38.609.439.200	18.806.979.946	10.245.223.698	269.905.982.693
Mua mới trong năm	14.516.492.417	74.159.148.522	9.375.519.800	8.243.274.581	982.867.642	107.277.302.962
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	37.317.512.586	40.500.807.514	5.158.249.044	2.611.770.392	48.958.328.236	134.546.667.772
Thanh lý	(815.491.805)	(11.971.896.404)	(33.444.960.000)	(1.201.474.660)	(9.668.303.233)	(57.102.126.102)
Số cuối năm	184.879.799.984	171.071.112.695	19.698.248.044	28.460.550.259	50.518.116.343	454.627.827.325
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*4.532.767.656*	*6.792.692.267*	*120.716.997*	*913.156.487*	-	*12.359.333.407*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(53.053.406.609)	(20.294.491.230)	(12.330.254.659)	(3.127.851.279)	(1.105.853.863)	(89.911.857.640)
Khấu hao trong năm	(16.590.061.818)	(11.158.670.478)	(1.528.887.338)	(2.973.513.267)	(4.522.784.660)	(36.773.917.561)
Thanh lý	73.699.124	1.965.869.226	9.523.671.100	-	1.958.708.411	13.521.947.861
Số cuối năm	(69.569.769.303)	(29.487.292.482)	(4.335.470.897)	(6.101.364.546)	(3.669.930.112)	(113.163.827.340)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	80.807.880.177	48.088.561.833	26.279.184.541	15.679.128.667	9.139.369.835	179.994.125.053
Số cuối năm	115.310.030.681	141.583.820.213	15.362.777.147	22.359.185.713	46.848.186.231	341.463.999.985

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	Máy móc thiết bị
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	14.086.397.917
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(869.854.195)
Hao mòn trong năm	(1.491.825.974)
Số cuối năm	(2.361.680.169)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	13.216.543.722
Số cuối năm	11.724.717.748

Theo hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền lựa chọn mua lại máy móc thiết bị khi hết thời hạn thuê 60 tháng. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 23.6.*

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm	2.272.516.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.058.565.500
Mua mới trong năm	290.085.000
Số cuối năm	17.621.166.500
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(1.440.937.738)
Hao mòn trong năm	(426.086.435)
Số cuối năm	(1.867.024.173)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	831.578.262
Số cuối năm	15.754.142.327

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Xây dựng trại Giai Xuân (*)	217.873.407.312	89.257.568.956
Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các trại heo	72.923.261.592	5.715.872.000
Khác	55.984.310.170	99.539.544.548
TỔNG CỘNG	**346.780.979.074**	**194.512.985.504**

(*) Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị là 3.330.692.824 VND (2024: 8.813.845.402 VND). Khoản chi phí đi vay này liên quan đến vay trực tiếp phục vụ cho mục đích đầu tư xây dựng trại Giai Xuân của Công ty.

Công ty đã sử dụng dự án Trang trại Giai Xuân để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 23.2*).

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 16.1)*	3.453.593.212.419	(12.024.249.276)	2.006.274.409.347	(12.024.249.276)

16.1 Đầu tư vào các công ty con

	Tình hình hoạt động	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
		Tỷ lệ vốn nắm giữ	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
		(%)	*VND*	*VND*	*(%)*	*VND*	*VND*
Hải Đăng Tây Ninh	Giai đoạn đầu hoạt động	99,82	399.280.000.000	-	99,82	399.280.000.000	-
CNC BAF Tây Ninh 1 (1)	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	340.000.000.000	-	-	-	-
CNC BAF Tây Ninh 2 (2)	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	340.000.000.000	-	-	-	-
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh (3)	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	243.000.000.000	-	100,00	30.000.000.000	-
BAF Tây Ninh (4)	Đang hoạt động	100,00	150.000.000.000	-	99,00	148.500.000.000	-
BAF Ninh Bình (5)	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	150.000.000.000	-	99,69	129.600.000.000	-
Trang Trại Xanh 2	Đang hoạt động	99,69	129.600.000.000	-	99,98	123.970.000.000	-
Tâm Hưng	Giai đoạn đầu hoạt động	99,98	123.970.000.000	-	100,00	55.819.620.000	-
Tây An Khánh (6)	Đang xây dựng	100,00	123.819.620.000	-	100,00	120.000.000.000	-
BAF Meat Bình Phước	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	120.000.000.000	-	99,27	109.200.000.000	-
Bắc An Khánh (7)	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	110.000.000.000	-	98,55	108.400.000.000	-
BAF Bình Định (8)	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	110.000.000.000	-	100,00	50.000.000.000	-
Anh Vũ Phú Yên (9)	Đang hoạt động	100,00	100.000.000.000	-	100,00	100.000.000.000	-
Đông An Khánh	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	100.000.000.000	-	100,00	100.000.000.000	-
Nam An Khánh	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	100.000.000.000	-	100,00	95.410.918.071	-
Chăn nuôi Kim Hợi	Đang hoạt động	100,00	95.410.918.071	-	99,95	89.959.150.000	-
Tân Châu	Giai đoạn đầu hoạt động	99,95	89.959.150.000	-	99,99	85.750.949.566	-
Thanh Xuân	Giai đoạn đầu hoạt động	99,99	85.750.949.566	-	-	-	-
BAF Tây Ninh 1 (10)	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	80.000.000.000	-			

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

		Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tình hình hoạt động	*Tỷ lệ vốn nắm giữ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
		(%)	*VND*	*VND*	*(%)*	*VND*	*VND*
Chăn nuôi TMC (11)	Đang xây dựng	99,98	77.633.032.838	-	-	-	-
Thành Đạt Gia Lai (12)	Giai đoạn trước hoạt động	99,99	64.602.086.000	-	-	-	-
Thiên Phú Sơn	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	64.183.771.710	-	100,00	64.183.771.710	-
Hòa Phát Bốn (13)	Giai đoạn trước hoạt động	99,99	58.383.684.234	-	-	-	-
Chăn nuôi Minh Thành (14)	Đang hoạt động	100,00	50.000.000.000	-	98,00	49.000.000.000	-
Sông Hinh	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	48.000.000.000	-	100,00	48.000.000.000	-
Trang Trại Xanh 1 (15)	Đang hoạt động	100,00	40.000.000.000	-	98,00	39.200.000.000	-
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Đang hoạt động	100,00	20.000.000.000	(12.024.249.276)	100,00	20.000.000.000	(12.024.249.276)
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	20.000.000.000	-	100,00	20.000.000.000	-
Logistic BAF	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	20.000.000.000	-	100,00	20.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			**3.453.593.212.419**	**(12.024.249.276)**		**2.006.274.409.347**	**(12.024.249.276)**

(1) Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Công ty đã thành lập CNC BAF Tây Ninh 1 với số vốn điều lệ là 340.000.000.000 VND. Tại ngày 14 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào CNC BAF Tây Ninh 1.

CNC BAF Tây Ninh 1 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356751 do Sở Tài chính ("STC") Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

(2) Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Công ty đã thành lập CNC BAF Tây Ninh 2 với số vốn điều lệ là 340.000.000.000 VND. Tại ngày 15 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào CNC BAF Tây Ninh 2.

CNC BAF Tây Ninh 2 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356769 do STC Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(3) Ngày 7 tháng 3 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 213.000.000.000 VND tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu vào Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901341346 cho Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh vào ngày 17 tháng 3 năm 2025.

(4) Ngày 28 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 1.500.000.000 VND vào BAF Tây Ninh, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,00% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901152973 cho BAF Tây Ninh vào ngày 3 tháng 6 năm 2025.

(5) Ngày 7 tháng 7 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/NQ/HĐQT, Công ty đã thành lập BAF Ninh Bình với số vốn điều lệ là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 1 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào BAF Ninh Bình.

BAF Ninh Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0700903053 do STC Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 17 tháng 7 năm 2025.

(6) Ngày 8 tháng 9 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 68.000.000.000 VND tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu vào Tây An Khánh. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901315120 cho Tây An Khánh vào ngày 16 tháng 9 năm 2025.

(7) Ngày 28 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 800.000.000 VND vào Bắc An Khánh, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,27% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901293928 cho Bắc An Khánh vào ngày 3 tháng 6 năm 2025.

(8) Ngày 28 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 1.600.000.000 VND vào BAF Bình Định, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 98,55% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Bình Định đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 4101602537 cho BAF Bình Định vào ngày 3 tháng 6 năm 2025.

(9) Ngày 1 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 50.000.000.000 VND tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu vào Anh Vũ Phú Yên. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Đắk Lắk đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 4401054144 cho Anh Vũ Phú Yên vào ngày 12 tháng 12 năm 2025.

(10) Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Công ty đã thành lập BAF Tây Ninh 1 với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 VND. Tại ngày 8 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào BAF Tây Ninh 1.

BAF Tây Ninh 1 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356776 do STC Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(11) Ngày 17 tháng 4 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Chăn nuôi TMC từ các bên thứ ba với giá trị 77.633.032.838 VND tương ứng 99,98% tỷ lệ sở hữu. Việc nhận chuyển nhượng này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Gia Lai đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 5901174628 cho Chăn nuôi TMC vào ngày 17 tháng 4 năm 2025.

(12) Ngày 13 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Thành Đạt Gia Lai từ các bên thứ ba với giá trị 64.602.086.000 VND tương ứng 99,99% tỷ lệ sở hữu. Việc nhận chuyển nhượng này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Gia Lai đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 5901188469 cho Thành Đạt Gia Lai vào ngày 13 tháng 8 năm 2025.

(13) Ngày 16 tháng 7 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng vốn của Hòa Phát Bốn từ các bên thứ ba với giá trị 58.383.684.234 VND tương ứng 99,99% tỷ lệ sở hữu. Việc nhận chuyển nhượng này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Gia Lai đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 5901139937 cho Hòa Phát Bốn vào ngày 19 tháng 11 năm 2025.

(14) Ngày 28 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 1.000.000.000 VND vào Chăn nuôi Minh Thành, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 98,00% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901206435 cho Chăn nuôi Minh Thành vào ngày 4 tháng 6 năm 2025.

(15) Ngày 28 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 800.000.000 VND vào Trang Trại Xanh 1, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 98,00% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901291381 cho Trang Trại Xanh 1 vào ngày 4 tháng 6 năm 2025.

Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư nói trên do không thể thu thập được đầy đủ thông tin thị trường của các khoản đầu tư này.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**28.068.778.626**	**18.443.926.869**
Công cụ, dụng cụ	15.452.336.746	6.826.698.961
Phần mềm	2.168.085.111	533.663.908
Khác	10.448.356.769	11.083.564.000
Dài hạn	**523.466.511.033**	**255.725.959.693**
Gia súc	401.561.817.305	216.038.534.458
Thuê đất	41.984.847.592	-
Chi phí cải tạo và sửa chữa	27.116.570.527	8.753.089.994
Công cụ, dụng cụ	22.362.165.221	13.007.972.331
Chi phí tư vấn	15.168.692.243	10.183.897.652
Chi phí quản lý dự án	10.338.468.990	-
Chi phí quảng cáo	1.666.666.667	3.333.333.333
Khác	3.267.282.488	4.409.131.925
TỔNG CỘNG	**551.535.289.659**	**274.169.886.562**

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	1.158.858.605.042	859.867.820.978
Phải trả các bên khác	637.681.779.995	1.117.470.543.474
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	*321.164.422.100*	*129.486.638.300*
Công ty Cổ phần Gạo Vi Dân	-	*345.918.789.340*
Công ty Cổ phần Phát triển Nông Nghiệp Bảo Lộc	-	*316.855.022.050*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	-	*158.540.603.000*
Các bên khác	*316.517.357.895*	*166.669.490.784*
TỔNG CỘNG	**1.796.540.385.037**	**1.977.338.364.452**

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ông Phan Tiến Dũng	1.978.843.579	-
Ông Nguyễn Văn Dương	-	450.239.000
Ông Phạm Văn Linh	-	385.103.140
Khác	4.020.191.278	857.152.433
TỔNG CỘNG	**5.999.034.857**	**1.692.494.573**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.918.946.202	3.396.074.872	(4.775.497.295)	4.539.523.779
Thuế giá trị gia tăng	-	8.579.204.407	(5.892.705.886)	2.686.498.521
Thuế thu nhập cá nhân	1.907.413	-	-	1.907.413
Khác	-	73.818.917	(10.046.016)	63.772.901
TỔNG CỘNG	**5.920.853.615**	**12.049.098.196**	**(10.678.249.197)**	**7.291.702.614**
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	1.975.061.307	63.042.011.491	(63.955.440.371)	1.061.632.427
Thuế giá trị gia tăng	1.390.528.147	6.741.883.721	(8.091.269.878)	41.141.990
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.385.962.726	-	(43.014.138.084)	371.824.642
Khác	-	3.558.783.203	(3.095.314.136)	463.469.067
TỔNG CỘNG	**46.751.552.180**	**73.342.678.415**	**(118.156.162.469)**	**1.938.068.126**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay	16.644.520.548	20.742.255.005
Chi phí điện	3.440.527.144	3.982.302.405
Chi phí vận chuyển	1.612.795.800	791.111.660
Chi phí bảo vệ	524.900.903	343.556.188
Chi phí gia công	-	2.991.739.498
Khác	2.696.911.321	2.927.401.898
TỔNG CỘNG	**24.919.655.716**	**31.778.366.654**

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**87.708.498.780**	**30.963.832.710**
Lãi vay phải trả	75.660.252.318	30.368.155.072
Nhận ký quỹ, ký cược	3.023.000.000	-
Chi phí bảo hiểm	7.632.816.097	187.335.000
Khác	1.392.430.365	408.342.638
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*75.681.468.310*	*30.368.155.072*
Các bên khác	*12.027.030.470*	*595.677.638*
Dài hạn	**38.300.000.000**	-
Phải trả từ việc phát hành trái phiếu *(*)*	*38.300.000.000*	-
TỔNG CỘNG	**126.008.498.780**	**30.963.832.710**

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 06.10.2025/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2025 và NQ HĐQT số 04.11.2025/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 11 năm 2025, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chào bán 10.000 trái phiếu ra công chúng với mệnh giá là 100 triệu VND/trái phiếu, giá chào bán là 100 triệu VND/trái phiếu, lãi suất 10,0%/năm. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2025, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 447/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành, chấp thuận việc chào bán trái phiếu nêu trên.

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị 1.000 tỷ VND, lãi suất 10,0%/năm với kỳ hạn 36 tháng.

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2026, Công ty đã nhận được Công văn số 148/UBCK-QLCB từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận báo cáo kết quả chào bán trái phiếu nói trên của Công ty.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Phân bổ lũy kế giá trị chiết khấu*	*Phân loại lại*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**1.067.666.119.259**	**3.232.246.538.554**	**(1.919.241.744.182)**	**2.458.851.087**	**-**	**298.876.119.771**	**2.682.005.884.489**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	581.807.602.496	1.884.546.538.554	(1.295.108.622.033)	-	-	-	1.171.045.519.017
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 23.2 và số 32)*	185.254.019.000	1.347.700.000.000	(320.635.000.000)	-	-	-	1.212.319.019.000
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.5)*	297.541.148.913	-	(300.000.000.000)	2.458.851.087	-	296.058.840.183	296.058.840.183
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.7)*	3.263.348.850	-	(3.498.122.149)	-	-	2.817.279.588	2.582.506.289
Dài hạn	**771.597.790.305**	**703.224.075.000**	**-**	**17.685.679.349**	**21.138.771.808**	**(298.876.119.771)**	**1.214.770.196.691**
Trái phiếu phát hành *(Thuyết minh số 23.5)*	287.664.593.601	474.500.000.000	-	13.959.999.959	-	(296.058.840.183)	480.065.753.377
Trái phiếu chuyển đổi *(Thuyết minh số 23.6)*	475.246.584.653	-	-	3.725.679.390	21.138.771.808	-	500.111.035.851
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.3)*	-	207.056.000.000	-	-	-	-	207.056.000.000
Vay bên khác *(Thuyết minh số 23.4)*	-	21.668.075.000	-	-	-	-	21.668.075.000
Nợ thuê tài chính *(Thuyết minh số 23.7)*	8.686.612.051	-	-	-	-	(2.817.279.588)	5.869.332.463
TỔNG CỘNG	**1.839.263.909.564**	**3.935.470.613.554**	**(1.919.241.744.182)**	**20.144.530.436**	**21.138.771.808**	**-**	**3.896.776.081.180**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn từ ngân hàng*

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 5 và 11)*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà	296.045.642.068	Từ ngày 17 tháng 3 năm 2026 đến ngày 20 tháng 4 năm 2026	5,60 – 5,80	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn Bất động sản thuộc sở hữu của Bà Bùi Hương Giang Quyền đòi nợ, khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2026 đến ngày 14 tháng 3 năm 2026	5,70	Quyền thuê đất trả tiền 1 lần của thửa đất số 10 thuộc quyền sở hữu của BAF Meat Bình Phước tại xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	200.000.000.000	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2026 đến ngày 1 tháng 6 năm 2026	5,50 – 7,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn	200.000.000.000	Từ ngày 24 tháng 4 năm 2026 đến ngày 29 tháng 6 năm 2026	8,00 (*)	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn Quyền đòi nợ, khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	100.000.000.000	Ngày 12 tháng 1 năm 2026	6,03	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

VND

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 5)*
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	99.999.876.949	Từ ngày 6 tháng 3 năm 2026 đến ngày 20 tháng 3 năm 2026	6,70 – 6,78	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng Woori Việt Nam – Chi nhánh Sài gòn	75.000.000.000	Ngày 11 tháng 2 năm 2026	5,255	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
TỔNG CỘNG	**1.171.045.519.017**			

(*) Đây là lãi suất cho vay thời hạn ưu đãi tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân, áp dụng kỳ đầu tiên 8,00%/năm và định kỳ điều chỉnh lãi suất vào ngày 25 hàng tháng.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay ngắn hạn từ các bên liên quan*

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn tín chấp từ các bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Bên liên quan	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*
CNC BAF Tây Ninh 2	333.900.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
CNC BAF Tây Ninh 1	332.800.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	238.160.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Ninh Bình	126.900.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Tây Ninh 1	78.100.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Thiên Phú Sơn	41.630.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Tây Ninh	31.500.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Bình Định	14.565.119.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	9.940.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Chăn nuôi Kim Hợi	2.871.900.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Meat Bình Phước	1.952.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
TỔNG CỘNG	**1.212.319.019.000**		

23.3 *Vay dài hạn từ ngân hàng*

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ xây dựng trang trại và mua tài sản gắn liền với Dự án Trang trại Giai Xuân tại Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(% p.a.)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	207.056.000.000	Ngày 28 tháng 4 năm 2032	6,88	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai của Dự án trại Giai Xuân *(Thuyết minh số 15)*

23.4 *Vay dài hạn từ bên khác*

Số cuối năm thể hiện khoản vay dài hạn tín chấp từ Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty với kỳ hạn 24 tháng, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2027 với lãi suất 6%/năm.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23,5 *Trái phiếu*

Công ty phát hành trái phiếu vào ngày 4 tháng 7 năm 2023 và ngày 8 tháng 5 năm 2025 với các chi tiết như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	*Số cuối năm VND*	*Ngày đáo hạn*	*Mục đích phát hành*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình					
Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	Ngày 4 tháng 7 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	10,50	Tín chấp
Chi phí phát hành	(3.941.159.817)				
	296.058.840.183				
Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	Ngày 8 tháng 5 năm 2028 hoặc ngày mua trước hạn hoặc ngày đáo hạn khác theo yêu cầu tại Văn kiện Trái phiếu (*)	Bổ sung vốn lưu động	10,00	127.295.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Siba Holdings được sở hữu bởi Ông Trương Sỹ Bá
Chi phí phát hành	(19.934.246.623)				
	480.065.753.377				
TỔNG CỘNG	**776.124.593.560**				
Trong đó:					
Dài hạn đến hạn trả	*296.058.840.183*				
Dài hạn	*480.065.753.377*				

(*) *Mua lại theo thỏa thuận*

Sau thời hạn một năm kể từ ngày phát hành, Công ty có quyền thực hiện mua lại trái phiếu (một phần hoặc toàn bộ, vào bất kỳ thời điểm nào) theo thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu, tuân thủ theo quy trình và thủ tục quy định tại Văn kiện Trái phiếu.

Mua lại theo yêu cầu của trái chủ

Vào ngày làm việc liền kề trước thời điểm tròn 24 tháng kể từ ngày phát hành, người sở hữu trái phiếu có quyền yêu cầu Công ty mua lại tối đa 50% tổng giá trị trái phiếu đã phát hành. Giá mua lại được xác định bằng mệnh giá cộng với khoản lãi dồn tích, tính theo mức lãi suất cố định 8,50%/năm.

Mua lại bắt buộc

Công ty có nghĩa vụ mua lại trái phiếu theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu trong trường hợp xảy ra các sự kiện vi phạm quy định cụ thể tại Văn kiện Trái phiếu.

23. VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.6 *Trái phiếu chuyển đổi*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	600.000.000.000	600.000.000.000
Cơ cấu vốn chủ sở hữu *(Thuyết minh số 24.1)*	(137.648.613.977)	(137.648.613.977)
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	**462.351.386.023**	**462.351.386.023**
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	**53.713.440.628**	**32.574.668.820**
Số đầu năm	32.574.668.820	13.572.019.890
Số phân bổ tăng trong năm	21.138.771.808	19.002.648.930
Số cuối năm	53.713.440.628	32.574.668.820
Trừ: Giá trị phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	**(15.953.790.800)**	**(19.679.470.190)**
Số đầu năm	(19.679.470.190)	(23.417.852.643)
Số phân bổ giảm trong năm	3.725.679.390	3.738.382.453
Số cuối năm	(15.953.790.800)	(19.679.470.190)
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	**500.111.035.851**	**475.246.584.653**

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2023, Công ty đã ký kết Hợp đồng trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ với Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC"), với tổng giá trị là 600.000.000.000 VND và lãi suất là 5,25%/năm. Theo đó, IFC được quyền chuyển đổi các trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông với số lượng quy đổi được quy định trong điều khoản của hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành cho đến trước ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi, là ngày 15 tháng 3 năm 2029 (ngày đáo hạn thứ nhất) và vào ngày 15 tháng 3 năm 2030 (ngày đáo hạn cuối cùng) hoặc chuyển đổi thành khoản cho vay với lãi suất 10,50%/năm. Tại ngày đáo hạn thứ nhất, nếu trái phiếu không được chuyển đổi, Công ty sẽ thực hiện mua lại một nửa (1/2) khối lượng trái phiếu đang lưu hành. Nếu bất kỳ trái phiếu nào vẫn còn tồn đọng vào ngày đáo hạn cuối cùng, Công ty sẽ mua lại toàn bộ trái phiếu đó vào ngày đáo hạn cuối cùng. Lãi suất thị trường của khoản vay không chuyển đổi là 10,50%/năm.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.7 *Nợ thuê tài chính*

Công ty hiện đang thuê máy móc theo hợp đồng thuê tài chính số C240507602 ngày 28 tháng 5 năm 2024 từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Từ 1 năm trở xuống	3.304.633.740	487.354.152	2.582.506.289	3.946.418.241	683.069.391	3.263.348.850
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Trên 1 năm đến 5 năm	6.311.561.229	442.228.766	5.869.332.463	9.616.194.969	929.582.918	8.686.612.051
TỔNG CỘNG	**9.616.194.969**	**929.582.918**	**8.451.838.752**	**13.562.613.210**	**1.612.652.309**	**11.949.960.901**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:					
Số đầu năm	1.435.200.000.000	-	137.648.613.977	297.098.772.032	1.869.947.386.009
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	684.256.000.000	-	-	-	684.256.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	355.071.676.816	355.071.676.816
Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên trong Công ty ("ESOP")	26.780.000.000	-	-	-	26.780.000.000
Cổ tức công bố	243.980.420.000	-	-	(243.980.420.000)	-
Số cuối năm	2.390.216.420.000	-	137.648.613.977	408.190.028.848	2.936.055.062.825
Năm nay:					
Số đầu năm	2.390.216.420.000	-	137.648.613.977	408.190.028.848	2.936.055.062.825
Phát hành cổ phiếu *(*)*	650.000.000.000	356.620.000.000	-	-	1.006.620.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	98.276.927.156	98.276.927.156
Số cuối năm	3.040.216.420.000	356.620.000.000	137.648.613.977	506.466.956.004	4.040.951.989.981

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 24.10.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 08.11.2024/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 11 năm 2024, Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 75/2024/ĐKCB-GĐKCB ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Công văn số 531/UBCK-QLCB ngày 24 tháng 1 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Công ty đã thông qua việc chào bán thêm 65.000.000 cổ phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ với giá phát hành 15.500 đồng/cổ phiếu. Theo Báo cáo kết quả số 11/2025/BAF-BCKQ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Công văn số 521/UBCK-QLCB ngày 26 tháng 3 năm 2025 của UBCKNN về tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 65.000.000 cổ phiếu riêng lẻ.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	VND	*Cổ phiếu*	*%*	*VND*	*Cổ phiếu*	*%*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	956.819.350.000	95.681.935	31,472	956.819.350.000	95.681.935	40,031
Bà Bùi Hương Giang	79.887.550.000	7.988.755	2,628	79.987.550.000	7.998.755	3,346
Cổ đông khác	2.003.509.520.000	200.350.952	65,900	1.353.409.520.000	135.340.952	56,623
TỔNG CỘNG	**3.040.216.420.000**	**304.021.642**	**100,000**	**2.390.216.420.000**	**239.021.642**	**100,000**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
Tăng trong năm	650.000.000.000	955.016.420.000
Số cuối năm	3.040.216.420.000	2.390.216.420.000
Cổ tức		
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố	-	*243.980.420.000*
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	*243.980.420.000*

24.4 *Cổ phiếu*

		Số lượng cổ phiếu
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã được phê duyệt phát hành	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*239.021.642*
Cổ phiếu đang lưu hành	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*239.021.642*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. DOANH THU

25.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**5.203.242.174.339**	**6.018.359.158.838**
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	*5.141.133.157.757*	*3.705.002.932.881*
Doanh thu bán cám	*61.105.890.297*	*11.423.210.900*
Doanh thu bán nông sản	*-*	*2.301.658.870.470*
Doanh thu khác	*1.003.126.285*	*274.144.587*
Các khoản giảm trừ doanh thu:	**(4.205.729.912)**	**(345.310.400)**
Chiết khấu thương mại	*(4.205.729.912)*	*(345.310.400)*
Doanh thu thuần	**5.199.036.444.427**	**6.018.013.848.438**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*4.971.626.729.071*	*5.513.470.803.165*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*227.409.715.356*	*504.543.045.273*

25.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức được nhận	440.000.000.000	-
Lãi tiền gửi và cho vay	101.389.194.327	52.790.520.894
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.020.566.591	2.624.444.769
Khác	1.763.001.267	1.754.915.732
TỔNG CỘNG	**544.172.762.185**	**57.169.881.395**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	236.403.474.066	162.455.252.948
Chi phí phát hành trái phiếu	20.144.530.436	15.772.985.187
Phí cam kết rút vốn	8.637.577.667	-
Khác	355.238.011	-
TỔNG CỘNG	**265.540.820.180**	**178.228.238.135**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	4.957.335.566.237	3.101.476.420.230
Giá vốn bán cám	74.435.450.495	16.017.480.758
Giá vốn bán nông sản	-	2.255.882.309.090
Khác	89.390.786	5.820.446
TỔNG CỘNG	**5.031.860.407.518**	**5.373.382.030.524**

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**169.405.139.839**	**88.595.748.566**
Chi phí vận chuyển	103.469.724.291	51.363.841.559
Chi phí nhân viên	27.758.313.799	23.314.530.198
Chi phí môi giới	25.665.745.513	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.932.967.362	6.787.656.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.604.776.129	2.571.125.318
Khác	3.973.612.745	4.558.595.122
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**217.763.088.293**	**110.675.788.777**
Chi phí nhân viên	115.155.758.816	62.465.111.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.960.112.254	20.859.607.248
Công cụ, dụng cụ	21.102.651.594	12.993.611.287
Chi phí từ thiện, hỗ trợ	14.847.807.480	-
Chi phí thuê	9.320.122.958	4.366.502.977
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.080.331.503	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.117.783.578	2.814.244.166
Khác	13.178.520.110	7.176.711.337
TỔNG CỘNG	**387.168.228.132**	**199.271.537.343**

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**10.021.238.799**	**108.698.847.641**
Nhận bồi thường	6.403.364.168	-
Lãi từ thanh lý công cụ, dụng cụ	1.244.533.998	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	99.598.856.404
Lãi từ thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	4.055.136.079
Các khoản khác	2.373.340.633	5.044.855.158
Chi phí khác	**(4.545.262.180)**	**(3.195.501.108)**
Lỗ từ thanh lý thuốc và vật tư thú y	(2.977.424.262)	-
Phạt chậm nộp thuế	(609.854.003)	(1.151.947.525)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(107.810.304)	-
Các khoản khác	(850.173.611)	(2.043.553.583)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	**5.475.976.619**	**105.503.346.533**

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên vật liệu	4.346.821.988.277	2.805.293.560.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	717.432.432.449	242.641.303.012
Chi phí nhân viên	206.724.736.610	144.054.013.474
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 12, 13 và 14)*	38.691.829.970	29.152.031.108
Dự phòng	5.080.331.503	-
Chi phí nông sản	-	2.255.882.309.090
Khác	104.277.316.841	95.630.350.190
TỔNG CỘNG	**5.419.028.635.650**	**5.572.653.567.867**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và năm (5) chi nhánh hạch toán độc lập có các hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") khác nhau như sau:

- Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty và các chi nhánh nêu trên được hưởng thuế suất ưu đãi 15% cho suốt thời gian hoạt động;
- Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	45.206.997.892
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(34.161.199.755)	29.526.595.656
TỔNG CỘNG	**(34.161.199.755)**	**74.733.593.548**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**64.115.727.401**	**429.805.270.364**
Thuế TNDN theo thuế suất 15% áp dụng cho Công ty	9.617.359.110	64.470.790.555
Các khoản điều chỉnh (giảm) tăng:		
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 132/2020/ND-CP *(*)*	10.522.267.758	(2.859.879.370)
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho phần lỗ thuế của các chi nhánh hạch toán độc lập	8.963.917.719	1.361.581.603
Chi phí phân bổ giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	3.170.815.771	2.850.397.340
Chi phí không được trừ	2.129.722.466	1.743.337.432
Cổ tức	(66.000.000.000)	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(2.565.282.579)	7.167.365.988
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN	**(34.161.199.755)**	**74.733.593.548**

(*) Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh tăng chi phí TNDN trong năm nay với tổng giá trị là 10.522.267.758 VND.

31.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong các năm sau	35.143.439.043	-	35.143.439.043	(29.742.058.012)
Chi phí phải trả ngắn hạn	401.412.198	1.628.420.543	(1.227.008.345)	607.063.072
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(148.897.658)	(393.666.715)	244.769.057	(391.600.716)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	***35.395.953.583***	***1.234.753.828***		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại thuần			***34.161.199.755***	***(29.526.595.656)***

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.4 *Lỗ chuyển sang các năm sau*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính phát sinh từ Trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty với số tiền là 295.781.555.703 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 16.672.373.481 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2025*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2025*
Trụ sở chính					
2023	2028	198.280.386.746	(198.280.386.746)	-	-
2025	2030	234.289.593.623	-	-	234.289.593.623
		432.569.980.369	(198.280.386.746)	-	234.289.593.623
Các chi nhánh hạch toán độc lập					
2021	2026	31.566.070	-	-	31.566.070
2022	2027	7.583.628.876	-	-	7.583.628.876
2023	2028	911.515.725	-	-	911.515.725
2024	2029	8.145.662.810	-	-	8.145.662.810
2025	2030	44.819.588.599	-	-	44.819.588.599
		61.491.962.080	-	-	61.491.962.080
TỔNG CỘNG		**494.061.942.449**	**(198.280.386.746)**	**-**	**295.781.555.703**

Lỗ thuế nêu trên được ước tính theo tờ khai thuế của Trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2025*
Trụ sở chính					
2023	2028	71.736.201.790	(20.671.107.602)	-	51.065.094.188
2025	2030	62.717.344.188	-	-	62.717.344.188
		134.453.545.978	(20.671.107.602)	-	113.782.438.376
Các chi nhánh hạch toán độc lập					
2024	2029	1.817.791.705	-	-	1.817.791.705
2025	2030	5.573.330.647	-	-	5.573.330.647
		7.391.122.352	-	-	7.391.122.352
TỔNG CỘNG		**141.844.668.330**	**(20.671.107.602)**	**-**	**121.173.560.728**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 121.173.560.728 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 52.882.885.893 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

31.6 *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ thuế chuyển sang các năm sau của các chi nhánh hạch toán độc lập do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai của các chi nhánh này và phần chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau của các chi nhánh hạch toán độc lập *(Thuyết minh số 31.4)*	61.491.962.080	16.672.373.481
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định *(Thuyết minh số 31.5)*	121.173.560.728	52.882.885.893
TỔNG CỘNG	**182.665.522.808**	**69.555.259.374**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long ("Tân Long")	Công ty có cùng Chủ tịch
Anh Vũ Phú Yên	Công ty con
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Công ty con
Chăn nuôi Minh Thành	Công ty con
Bắc An Khánh	Công ty con
Đông An Khánh	Công ty con
Nam An Khánh	Công ty con
Trang Trại Xanh 1	Công ty con
Trang Trại Xanh 2	Công ty con
Hải Đăng Tây Ninh	Công ty con
Sông Hinh	Công ty con
BAF Tây Ninh	Công ty con
BAF Bình Định	Công ty con
BAF Meat Bình Phước	Công ty con
Tâm Hưng	Công ty con
Tân Châu	Công ty con
Thiên Phú Sơn	Công ty con
Chăn nuôi Kim Hợi	Công ty con
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Công ty con
Logistic BAF	Công ty con
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Công ty con
Tây An Khánh	Công ty con
Thanh Xuân	Công ty con
CNC BAF Tây Ninh 1	Công ty con
CNC BAF Tây Ninh 2	Công ty con
BAF Tây Ninh 1	Công ty con
Chăn nuôi TMC	Công ty con
Hòa Phát Bốn	Công ty con
Thành Đạt Gia Lai	Công ty con
BAF Ninh Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam ("Siba Food Việt Nam")	Công ty con của cổ đông lớn (đến ngày 16 tháng 12 năm 2024)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội ("Chi nhánh Siba Food Việt Nam tại Hà Nội")	Công ty con của cổ đông lớn (đến ngày 16 tháng 12 năm 2024)
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty TNHH Agro Việt ("Viet Agro")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí CNC Siba ("Siba Tech")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lương thực A An ("A An")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Solacons ("Solacons")	Công ty con của Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Siba Cư Jút ("Siba Cư Jút")	Công ty con của cổ đông lớn
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc ("TV HĐQT kiêm TGĐ")
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Prasad Gopalan	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Duy Tân	Thành viên HĐQT (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên HĐQT độc lập (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên BKS
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 2 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024)
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024) kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
BAF Tây Ninh	Mua cám	1.050.603.637.039	862.227.652.057
	Vay	212.000.000.000	-
	Thu hồi cho vay	193.200.000.000	-
	Trả vay	180.500.000.000	-
	Cho vay	153.200.000.000	40.000.000.000
	Cổ tức	35.000.000.000	-
	Cấn trừ cổ tức phải thu	35.000.000.000	-
	Bán hàng	6.993.917.800	-
	Lãi cho vay	2.131.117.808	177.534.247
	Lãi vay	1.877.063.013	-
	Góp vốn	1.500.000.000	-
	Thu hộ	465.765.348	-
BAF Meat Bình Phước	Trả vay	5.890.000.000	803.000.000
	Lãi vay	269.653.142	488.789.919
Chăn nuôi Kim Hợi	Chi phí thuê trại	15.300.000.000	14.309.999.416
	Chi hộ	6.424.177.818	-
	Vay	3.000.000.000	3.300.000.000
	Trả vay	900.000.000	2.528.100.000
	Lãi vay	112.741.399	34.804.751
Anh Vũ Phú Yên	Mua heo	92.582.304.341	107.440.850.244
	Góp vốn	50.000.000.000	-
	Bán hàng	59.028.655.634	8.678.440.870
	Cho vay	43.250.000.000	44.735.680.090
	Thu hồi cho vay	19.000.000.000	6.300.000.000
	Nhận cổ tức	6.056.486.009	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	13.243.015	-
	Lãi cho vay	-	4.629.551.597
Đông An Khánh	Cho vay	57.200.000.000	81.970.000.000
	Mua heo	52.613.532.523	82.278.546.165
	Lãi cho vay	10.048.236.990	4.039.081.643
	Bán heo	9.642.939.179	4.298.092.484
	Thu hồi cho vay	5.000.000.000	4.500.000.000
	Thanh lý tài sản khác	114.998	-
Thiên Phú Sơn	Trả vay	5.060.000.000	550.000.000
	Lãi vay	2.704.209.862	2.820.770.959
Nam An Khánh	Mua heo	84.292.086.016	137.847.053.420
	Cho vay	36.630.000.000	101.875.408.510
	Thu hồi cho vay	16.000.000.000	-
	Lãi cho vay	8.476.808.894	3.007.755.262
	Bán hàng	1.679.413.260	918.062.100
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	42.054.946	-

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Trang Trại Xanh 2	Mua heo	200.883.921.007	177.500.089.574
	Cho vay	102.551.830.211	119.864.291.625
	Thu hồi cho vay	61.500.000.000	-
	Cổ tức	13.000.000.000	-
	Cấn trừ cổ tức phải thu	13.000.000.000	-
	Lãi cho vay	12.739.891.140	6.769.041.810
	Bán heo	76.037.028	10.061.519.910
	Thanh lý tài sản cố định	17.454.552	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	2.475.600	-
Trang Trại Xanh 1	Mua heo	235.470.252.907	121.119.361.780
	Bán cám	57.451.100.247	23.072.662.359
	Cho vay	45.550.000.000	36.310.000.000
	Thu hồi cho vay	18.400.000.000	4.000.000.000
	Lãi cho vay	12.394.931.376	9.745.748.583
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	892.182.164	-
	Góp vốn	800.000.000	-
	Thu nhập khác	892.000	-
Chăn nuôi Minh Thành	Mua heo	226.111.428.498	274.196.528.299
	Thu hồi cho vay	122.830.000.000	29.500.000.000
	Cổ tức	122.000.000.000	-
	Cấn trừ cổ tức phải thu	122.000.000.000	-
	Cho vay	71.700.000.000	71.660.000.000
	Bán cám	11.082.035.368	106.575.071.660
	Lãi cho vay	1.740.609.863	2.351.764.932
	Góp vốn	1.000.000.000	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	155.091.780	-
Tâm Hưng	Mua heo	73.743.813.723	1.614.358.000
	Cho vay	63.813.144.104	69.435.443.835
	Thu hồi cho vay	22.200.000.000	41.380.000.000
	Bán heo	18.765.083.596	41.302.568.440
	Lãi vay	4.477.277.391	1.583.699.738
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	152.164.370	-
	Thanh lý tài sản khác	15.554.998	-
	Góp vốn	-	94.000.000.000
	Vay	-	8.500.000.000
	Trả vay	-	8.500.000.000
	Lãi vay	-	104.556.165
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Chi phí thuê trại	11.274.545.455	8.356.363.636
	Thu hồi cho vay	4.958.606.034	20.150.000.000
	Lãi cho vay	2.095.372.526	2.330.030.105
	Cho vay	-	25.660.000.000

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tân Châu	Mua heo	366.948.071.140	10.915.930.000
	Thu hồi cho vay	70.500.000.000	49.000.000.000
	Cho vay	35.350.000.000	77.530.000.000
	Bán heo	9.301.544.956	31.574.650.660
	Lãi cho vay	4.623.959.277	3.618.178.359
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	54.846.070	-
	Thanh lý tài sản khác	700.000	-
	Góp vốn	-	49.150.000.000
Sông Hinh	Cho vay	28.488.989.313	-
	Trả vay	3.595.000.000	24.950.000.000
	Lãi cho vay	674.485.757	-
	Lãi vay	66.206.301	505.153.971
	Bán hàng	4.753.340	-
	Vay	-	1.800.000.000
Bắc An Khánh	Mua heo	323.432.726.341	353.292.734.860
	Thu hồi cho vay	137.600.000.000	29.885.000.000
	Cổ tức	120.000.000.000	-
	Cấn trừ cổ tức phải thu	60.000.000.000	-
	Cho vay	22.000.000.000	123.170.000.000
	Lãi cho vay	2.478.057.535	1.795.050.314
	Góp vốn	800.000.000	-
	Thanh lý tài sản khác	350.000	-
	Bán hàng	-	79.388.076.100
BAF Bình Định	Trả vay	98.340.000.000	5.870.000.000
	Vay	30.000.000.000	-
	Lãi cho vay	2.971.291.796	5.248.536.927
	Góp vốn	1.600.000.000	-
Hải Đăng Tây Ninh	Mua heo	728.428.113.750	7.914.779.500
	Thu hồi cho vay	291.000.000.000	63.958.916.807
	Cho vay	198.500.000.000	214.273.153.807
	Cổ tức	150.000.000.000	-
	Lãi cho vay	12.290.057.591	4.395.658.848
	Bán heo	4.060.357.394	10.008.166.909
	Thanh lý tài sản cố định	2.250.000.000	-
	Thanh lý cám	27.387.000	-
	Thanh lý tài sản khác	10.138.000	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	1.750.000	-
	Trả vay	-	103.587.705.000
	Vay	-	73.385.763.000
	Lãi vay	-	64.038.332
Tây An Khánh	Cho vay	111.800.000.000	21.120.000.000
	Góp vốn	68.000.000.000	-
	Thu hồi cho vay	58.470.000.000	1.470.000.000
	Lãi cho vay	2.230.827.946	356.919.452

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Logistic BAF	Sử dụng dịch vụ	55.332.543.406	26.945.491.041
	Cho vay	37.100.000.000	15.115.749.141
	Thanh lý tài sản cố định	25.174.700.000	-
	Lãi cho vay	1.503.032.618	646.672.967
	Bán hàng	266.187.522	-
	Thu hồi cho vay	-	2.000.000.000
	Góp vốn	-	19.970.000.000
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Trả vay	7.600.000.000	2.910.000.000
	Vay	4.000.000.000	16.350.000.000
	Mua hàng hóa	1.080.649.009	4.954.804.400
	Lãi vay	717.041.096	383.089.315
	Cho vay	-	3.850.000.000
	Thu hồi cho vay	-	3.850.000.000
	Góp vốn		2.000.000.000
	Lãi cho vay	-	42.115.069
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Góp vốn	213.000.000.000	30.000.000.000
	Vay	213.000.000.000	30.000.000.000
	Lãi vay	12.440.523.288	1.767.244.930
	Trả vay	4.750.000.000	90.000.000
Chăn nuôi TMC	Cho vay	179.941.000.000	-
	Thu hồi cho vay	139.800.000.000	-
	Góp vốn	80.753.032.838	-
	Bán hàng	13.629.453.071	-
	Thanh lý công cụ dụng cụ	2.681.718.159	-
	Lãi cho vay	2.192.901.863	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	1.079.146.004	-
	Mua hàng	671.694.362	-
	Thanh lý tài sản cố định	308.422.782	-
	Thanh lý cám	245.047.500	-
			-
CNC BAF Tây Ninh 1	Góp vốn	340.000.000.000	-
	Vay	339.500.000.000	-
	Lãi vay	12.885.747.945	-
	Trả vay	6.700.000.000	-
CNC BAF Tây Ninh 2	Góp vốn	340.000.000.000	-
	Vay	339.500.000.000	-
	Lãi vay	12.835.545.205	-
	Trả vay	5.600.000.000	-
BAF Tây Ninh 1	Góp vốn	80.000.000.000	-
	Vay	79.800.000.000	-
	Lãi vay	3.026.284.933	-
	Trả vay	1.700.000.000	-

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
BAF Ninh Bình	Góp vốn	150.000.000.000	-
	Vay	126.900.000.000	-
	Lãi vay	2.088.394.520	-
Siba Tech	Mua hàng	180.566.238.544	34.836.457.313
	Bán hàng	100.946.100	1.602.300
Thanh Xuân	Cho vay	36.670.000.000	-
	Bán hàng	33.489.594.097	-
	Mua hàng	1.649.786.508	-
	Lãi cho vay	832.578.081	-
	Thanh lý tài sản khác	413.241.377	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	258.239.815	-
	Thanh lý công cụ dụng cụ	37.313.637	-
Thành Đạt Gia Lai	Góp vốn	64.602.086.000	-
	Cho vay	45.840.000.000	-
	Thu hồi cho vay	2.400.000.000	-
	Lãi cho vay	479.421.369	-
Hoà Phát Bồn	Chi hộ	67.085.597.646	-
	Góp vốn	49.455.684.234	-
	Cho vay	32.115.454.040	-
	Thanh lý tài sản cố định	2.640.531.307	-
	Bán hàng	1.493.937.764	-
	Lãi cho vay	420.942.652	-
Tân Long	Mua hàng hóa	3.105.464.705	-
	Bán hàng	285.103.000	210.284.600
Siba Cư Jút	Mua hàng	897.070.343	-
A An	Bán hàng	58.656.000	6.212.591.700
	Mua hàng hóa	-	7.000.000
Siba Food Việt Nam	Bán sản phẩm từ heo	-	182.241.255.181
	Mua hàng hóa	-	56.968.718.202
Siba Holdings	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	98.774.930.000
	Mua cổ phiếu	-	40.048.420.000
Solacons	Mua hàng	-	1.197.271.724

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng, vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các giao dịch với người nội bộ, người có liên quan và bên liên quan được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Nghị quyết số 01/HĐQT-BC ngày 30 tháng 7 năm 2025 và được trình bày trong Báo cáo tình hình quản trị năm 2025.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Chăn nuôi Minh Thành	Bán hàng	107.255.954.720	118.231.891.820
Anh Vũ Phú Yên	Bán hàng	49.101.345.001	94.788.706.238
Trang Trại Xanh 1	Bán hàng	46.769.998.737	43.849.093.160
Tâm Hưng	Bán hàng	42.985.660.341	24.302.568.440
Thanh Xuân	Bán hàng	34.165.328.326	-
BAF Logistic Việt Nam	Bán hàng	24.692.170.000	-
Đông An Khánh	Bán hàng	19.158.437.707	9.563.422.383
Chăn nuôi TMC	Bán hàng	18.407.305.056	-
Bắc An Khánh	Bán hàng	18.028.425.730	79.388.076.100
Hải Đăng Tây Ninh	Bán hàng	16.248.534.959	10.009.268.500
Tân Châu	Bán hàng	5.768.635.166	31.574.650.660
Hóa Phát Bốn	Bán hàng	4.508.875.661	-
Tân Long	Bán hàng	204.636.348	276.020.676
Nam An Khánh	Bán hàng	105.779.604	1.338.062.100
BAF Tây Ninh	Bán hàng	72.018.310	-
Sông Hinh	Bán hàng	4.980.007	-
Chi nhánh Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	Bán hàng	-	26.787.644.984
Siba Food Việt Nam	Bán hàng	-	24.715.415.253
Trang Trại Xanh 2	Bán hàng	-	8.661.519.910
A An	Bán hàng	-	6.709.599.036
Siba Tech	Bán hàng	-	1.730.484
TỔNG CỘNG		**387.478.086.673**	**480.197.669.744**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Trang Trại Xanh 2	Cho vay	225.863.025.836	184.811.195.625
Trang Trại Xanh 1	Cho vay	208.418.217.000	181.268.217.000
Đông An Khánh	Cho vay	180.505.000.000	128.305.000.000
Nam An Khánh	Cho vay	147.905.408.510	127.275.408.510
Anh Vũ Phú Yên	Cho vay	122.465.680.090	98.215.680.090
Tâm Hưng	Cho vay	84.678.587.939	43.065.443.835
Hải Đăng Tây Ninh	Cho vay	78.364.237.000	170.864.237.000
Tây An Khánh	Cho vay	72.980.000.000	19.650.000.000
Logistic BAF	Cho vay	50.215.749.141	13.115.749.141
Thành Đạt Gia Lai	Cho vay	43.065.443.835	-
Chăn nuôi TMC	Cho vay	40.141.000.000	-
Tân Châu	Cho vay	37.519.412.603	72.669.412.603
Thanh Xuân	Cho vay	36.670.000.000	-
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Cho vay	33.220.000.000	38.178.606.034
Hòa Phát Bốn	Cho vay	32.115.454.040	-
Sông Hình	Cho vay	28.488.989.313	-
Chăn nuôi Minh Thành	Cho vay	-	51.130.000.000
BAF Tây Ninh	Cho vay	-	40.000.000.000
Bắc An Khánh	Cho vay	-	115.600.000.000
TỔNG CỘNG		**1.422.990.761.472**	**1.284.148.949.838**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	102.240.418.462	6.672.053.139
Chăn nuôi Kim Hợi	Thuê trại	300.000.000	-
Solacons	Mua hàng	272.727.273	-
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Sử dụng dịch vụ	85.945.061	-
TỔNG CỘNG		**102.899.090.796**	**6.672.053.139**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác			
Hải Đăng Tây Ninh	Cổ tức	150.000.000.000	-
	Lãi cho vay	16.530.396.246	4.240.338.655
Hòa Phát Bốn	Chi hộ	67.085.597.646	-
	Lãi cho vay	420.942.652	-
Bắc An Khánh	Cổ tức	60.000.000.000	-
	Lãi cho vay	-	1.024.942.095
Trang Trại Xanh 1	Lãi cho vay	32.496.428.453	20.101.497.077
BAF Myanmar	Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.110.662.223	21.439.391.751
Trang Trại Xanh 2	Lãi cho vay	21.430.056.296	8.690.165.156
Anh Vũ Phú Yên	Lãi cho vay	20.282.730.210	14.226.244.201
Đông An Khánh	Lãi cho vay	14.808.002.195	4.759.765.205
Nam An Khánh	Lãi cho vay	11.920.959.772	3.444.150.878
Tân Châu	Lãi cho vay	8.920.999.554	4.297.040.277
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Lãi cho vay	8.493.143.622	6.397.771.096
Chăn nuôi TMC	Chi hộ	3.181.481.900	-
	Lãi cho vay	2.192.901.863	-
Tâm Hưng	Lãi cho vay	4.811.894.663	334.617.272
Logistic BAF	Lãi cho vay	2.151.861.598	1.048.828.980
	Chi hộ	604.762.852	-
Tây An Khánh	Lãi cho vay	2.583.266.303	352.438.357
Sông Hinh	Lãi cho vay	674.485.757	-
Thanh Xuân	Lãi cho vay	832.578.081	-
Thành Đạt Gia Lai	Lãi cho vay	479.421.369	-
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Lãi cho vay	351.756.600	-
Chăn nuôi Minh Thành	Lãi cho vay	-	5.783.642.528
BAF Tây Ninh	Lãi cho vay	-	177.534.247
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Khác	-	45.000.000
TỔNG CỘNG		**452.364.329.855**	**96.363.367.775**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu dài hạn khác			
Chăn nuôi Kim Hợi	Đặt cọc	11.280.000.000	11.280.000.000
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Đặt cọc	2.800.000.000	2.800.000.000
Chăn nuôi TMC	Đặt cọc	1.300.000.000	-
TỔNG CỘNG		**15.380.000.000**	**14.080.000.000**
Phải trả người bán ngắn hạn			
Hải Đăng Tây Ninh	Mua hàng	291.416.794.089	4.501.778.500
BAF Tây Ninh	Mua hàng	225.858.401.872	270.724.694.586
Tân Châu	Mua hàng	150.636.727.198	8.495.930.000
Trang Trại Xanh 2	Mua hàng	137.781.649.437	58.469.768.410
Siba Tech	Xây dựng trại	112.394.195.051	-
Bắc An Khánh	Mua hàng	71.926.304.203	192.770.936.860
Trang Trại Xanh 1	Mua hàng	52.917.175.084	25.477.854.020
Nam An Khánh	Mua hàng	40.509.990.632	56.987.048.310
Tâm Hưng	Mua hàng	28.192.032.010	1.614.358.000
Anh Vũ Phú Yên	Mua hàng	21.831.488.239	28.736.982.173
Chăn nuôi Minh Thành	Mua hàng	8.616.762.691	152.103.271.013
Logistic BAF	Sử dụng dịch vụ	7.616.158.352	3.255.152.976
Đông An Khánh	Mua hàng	4.014.349.989	20.377.130.595
Tân Long	Mua hàng	1.470.020.000	182.084.109
Thanh Xuân	Mua hàng	1.249.258.075	-
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Sử dụng dịch vụ	1.100.000.000	834.000.000
Chăn nuôi TMC	Mua hàng	671.770.553	-
Siba Cư Jút	Mua hàng	611.891.203	-
Salacons	Mua hàng	43.636.364	704.993.636
Siba Food Việt Nam	Mua hàng	-	29.479.651.208
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Mua hàng	-	5.152.186.582
TỔNG CỘNG		**1.158.858.605.042**	**859.867.820.978**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác			
BAF Bình Định	Lãi vay	17.948.462.276	14.977.170.478
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Lãi vay	14.207.768.218	1.767.244.930
CNC BAF Tây Ninh 1	Lãi vay	12.885.747.945	-
CNC BAF Tây Ninh 2	Lãi vay	12.835.545.205	-
Thiên Phú Sơn	Lãi vay	8.220.103.564	5.515.893.702
BAF Tây Ninh 1	Lãi vay	3.026.284.933	-
BAF Ninh Bình	Lãi vay	2.088.394.520	-
BAF Tây Ninh	Lãi vay	1.877.063.013	-
BAF Meat Bình Phước	Lãi vay	1.283.268.826	1.013.615.674
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Lãi vay	1.100.130.411	383.089.315
Chăn nuôi Kim Hợi	Lãi vay	112.741.399	111.336.588
Logistic BAF	Khác	95.958.000	-
Sông Hinh	Lãi vay	-	6.599.804.385
TỔNG CỘNG		**75.681.468.310**	**30.368.155.072**
Vay ngắn hạn			
CNC BAF Tây Ninh 2	Vay	333.900.000.000	-
CNC BAF Tây Ninh 1	Vay	332.800.000.000	-
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Vay	238.160.000.000	29.910.000.000
BAF Ninh Bình	Vay	126.900.000.000	-
BAF Tây Ninh 1	Vay	78.100.000.000	-
Thiên Phú Sơn	Vay	41.630.000.000	46.690.000.000
BAF Tây Ninh	Vay	31.500.000.000	-
BAF Bình Định	Vay	14.565.119.000	82.905.119.000
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Vay	9.940.000.000	13.540.000.000
Chăn nuôi Kim Hợi	Vay	2.871.900.000	771.900.000
BAF Meat Bình Phước	Vay	1.952.000.000	7.842.000.000
Sông Hinh	Vay	-	3.595.000.000
TỔNG CỘNG		**1.212.319.019.000**	**185.254.019.000**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, và Ban Tổng Giám đốc:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Ông Trương Sỹ Bá	324.000.000	108.000.000
Bà Bùi Hương Giang	1.561.153.952	710.776.927
Ông Nguyễn Duy Tân	194.400.000	15.934.426
Ông Lê Xuân Thọ	194.400.000	64.800.000
Ông Bùi Quang Huy	-	-
Ông Prasad Gopalan	-	-
Ông Nguyễn Thanh Tân	-	44.262.295
Ông Trương Anh Tuấn	1.304.206.200	480.156.748
Ông Nguyễn Văn Non	-	-
Ông Ngô Cao Cường	1.327.217.160	588.388.229
Ông Nguyễn Văn Minh	1.330.116.985	48.645.769
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	31.601.096	43.200.000
Bà Dương Thị Hồng Tân	546.774.250	-
Bà Lưu Ngọc Trâm	81.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Quốc Văn	327.187.252	488.921.254
Bà Trần Thị Thanh Trà	397.531.071	
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	583.331.683	351.871.062
TỔNG CỘNG	**8.202.919.649**	**2.971.956.710**

33. CÁC CAM KẾT

33.1 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê các trang trại theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	359.433.059.105	302.143.304.698
Từ 1 năm đến 5 năm	1.362.452.002.480	1.102.287.291.156
Trên 5 năm	2.164.281.211.436	1.824.983.780.116
TỔNG CỘNG	**3.886.166.273.021**	**3.229.414.375.970**

33.2 *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Giai Xuân	417.961.139.495	630.414.122.607

33.3 *Các cam kết liên quan đến việc mua công ty con (Thuyết minh số 7)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc mua các công ty con như sau:

VND

	Giá trị hợp đồng	*Giá trị cam kết*
Công ty Cổ phần Sản xuất Rừng Xanh	179.840.000.000	159.840.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết	150.000.000.000	120.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát	145.000.000.000	115.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Khuyên Nam Tiến	50.000.000.000	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Kim QT	35.000.000.000	29.382.002.750
Công ty Cổ phần Việt Thái HT	35.000.000.000	28.971.021.500
Công ty Cổ phần Toàn Thắng HT	35.000.000.000	29.623.451.000
Công ty Cổ phần Thành Sen HT - QT	35.000.000.000	28.962.896.750
Công ty Cổ phần Hoàng Kim HT - QT	35.000.000.000	28.963.707.500
Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương	30.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	**729.840.000.000**	**591.243.079.500**

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương từ bên thứ ba với tổng giá mua là 29.997.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 3 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2025. Theo đó, Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Ngoài sự kiện được nêu tại *Thuyết minh số 22*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC tổng hợp kiểm toán năm 2025 so với năm 2024	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("BAF") xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2025 so với năm 2024 như sau:

Tại Báo cái tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2025 của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			VND	%
Lợi nhuận trước thuế	64.115.727.401	429.805.270.364	(365.689.542.963)	-85%
Lợi nhuận sau thuế	98.276.927.156	355.071.676.816	(256.794.749.660)	-72%

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm 2024 do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Giá heo hơi giảm sâu trong giai đoạn tháng 10-11/2025, xuống vùng đáy khoảng 45-46.000 đ/kg, do ảnh hưởng đồng thời của dịch bệnh (ASF), thiên tai diện rộng khiến biên lợi nhuận gộp bị thu hẹp đáng kể.
- Chi phí sản xuất tăng cao đặc biệt trong Q4, bao gồm chi phí phòng chống dịch, chi phí xử lý môi trường, và chi phí vận hành phát sinh do điều kiện thời tiết bất lợi, làm giá thành bình quân tăng trong khi giá bán giảm.
- Việc đưa nhiều trại mới vào vận hành trong năm 2025 khiến chi phí cố định (nhân sự, điện nước, khấu hao, chi phí vận hành ban đầu) tăng nhanh, trong khi hiệu suất chưa đạt mức tối ưu ngay trong giai đoạn đầu. Điều này khiến biên lợi nhuận gộp chưa phản ánh hết tiềm năng của hệ thống trại, đồng thời tạo áp lực lên dòng tiền và các chỉ số tài chính ngắn hạn trong Q4/2025. Tuy nhiên, khi sản lượng tăng dần và quy trình vận hành đi vào ổn định trong năm 2026, chi phí đơn vị kỳ vọng sẽ giảm đáng kể, giúp cải thiện lợi nhuận.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán như sau:

Tại Báo cái tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2025 sau kiểm toán (VND)	Năm 2025 trước kiểm toán (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			VND	%
Lợi nhuận trước thuế năm 2025_Báo cáo riêng	64.115.727.401	66.290.562.570	(2.174.835.169)	-3%
Lợi nhuận sau thuế năm 2025_Báo cáo riêng	98.276.927.156	67.435.082.508	30.841.844.648	46%
Lợi nhuận trước thuế năm 2025_Báo cáo hợp nhất	99.838.409.483	101.923.057.760	(2.084.648.277)	-2%
Lợi nhuận sau thuế năm 2025_Báo cáo hợp nhất	127.130.389.938	100.446.618.025	26.683.771.913	27%

Lợi nhuận trước thuế trước và sau kiểm toán không có sự chênh lệch nhiều, phần chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán chủ yếu phát sinh từ việc ghi nhận tăng tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ được chuyển sang các kỳ sau. Khoản lỗ này là các khoản lỗ phát sinh trong giai đoạn đầu hoạt động của một số trang trại, khi chi phí còn cao và hiệu quả vận hành chưa tối ưu. Các khoản lỗ này được phép chuyển sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận khi hoạt động ổn định, qua đó làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp trong tương lai.

Việc điều chỉnh này được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, căn cứ vào khả năng tạo ra thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển tiếp, qua đó làm thay đổi chi phí thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế trong kỳ.

Việc ghi nhận và điều chỉnh nêu trên được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và các quy định pháp luật hiện hành, nhằm đảm bảo phản ánh hợp lý, nhất quán và minh bạch tình hình tài chính của Công ty.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cám ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

EY

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 62

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 22 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 651/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên không điều hành
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên độc lập
Ông Prasad Gopalan	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	
	Giám Đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026
Ông Nguyễn Phạm Xuân Quang	Giám Đốc Tài Chính	bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12943524/69410718-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 62, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

EY

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 9220 quyển số 07 - SCT/BS
Ngày 23 tháng 07 năm 2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN SƠN HÀ
P. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.341.827.253.256**	**3.081.018.989.584**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***365.021.213.113***	***148.911.935.224***
111	1. Tiền		363.271.213.113	146.361.935.224
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.750.000.000	2.550.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***478.318.619.057***	***290.692.994.520***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	478.318.619.057	290.692.994.520
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***709.867.390.507***	***444.109.706.085***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	83.291.911.776	188.713.231.186
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	537.429.788.955	197.401.601.586
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		174.600.000	75.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	98.317.429.829	62.184.888.730
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8, 9, 10	(9.346.340.053)	(4.266.008.550)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	993.133
140	***IV. Hàng tồn kho***	***11***	***2.725.620.167.681***	***2.156.075.218.789***
141	1. Hàng tồn kho		2.725.620.167.681	2.156.075.218.789
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***62.999.862.898***	***41.229.134.966***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	44.740.522.090	24.697.495.919
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	22	12.171.422.216	13.170.833.545
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	6.087.918.592	3.360.805.502

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**6.438.201.542.044**	**4.368.011.054.921**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***260.322.902.238***	***223.711.119.764***
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	260.322.902.238	223.711.119.764
220	***II. Tài sản cố định***		***3.457.518.549.018***	***2.394.359.900.776***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3.311.518.714.313	2.370.091.495.437
222	Nguyên giá		3.978.274.414.612	2.799.386.400.242
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(666.755.700.299)	(429.294.904.805)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	126.863.154.332	18.544.007.818
225	Nguyên giá		133.825.560.443	19.505.272.157
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.962.406.111)	(961.264.339)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	19.136.680.373	5.724.397.521
228	Nguyên giá		27.992.232.944	12.851.946.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.855.552.571)	(7.127.548.479)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***1.392.177.973.739***	***891.504.067.834***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	1.392.177.973.739	891.504.067.834
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***1.328.182.117.049***	***858.435.966.547***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	1.273.557.175.808	848.366.480.327
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	52.845.927.035	7.911.525.964
269	3. Lợi thế thương mại	18	1.779.014.206	2.157.960.256
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**10.780.028.795.300**	**7.449.030.044.505**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**6.715.907.354.731**	**4.513.278.390.887**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***4.331.765.436.897***	***3.064.578.385.158***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	1.991.888.458.950	1.771.091.171.271
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	6.010.055.855	5.276.042.960
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	23.614.451.171	62.323.789.180
314	4. Phải trả người lao động		75.885.060.524	38.579.689.556
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	39.216.335.175	47.170.294.972
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	16.195.596.717	1.430.410.288
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	2.178.955.478.505	1.138.706.986.931
330	***II. Nợ dài hạn***		***2.384.141.917.834***	***1.448.700.005.729***
331	1. Phải trả người bán dài hạn	19.1	36.687.475.369	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	40.487.000.000	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.2, 23.4, 23.6	1.798.442.357.590	965.305.230.814
339	4. Trái phiếu chuyển đổi	23.5	500.111.035.851	475.246.584.653
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	8.414.049.024	8.148.190.262
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.064.121.440.569**	**2.935.751.653.618**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***4.064.121.440.569***	***2.935.751.653.618***
411	1. Vốn cổ phần	24.1	3.040.216.420.000	2.390.216.420.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*3.040.216.420.000*	*2.390.216.420.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	356.620.000.000	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	24.1	137.648.613.977	137.648.613.977
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	525.179.035.393	398.258.489.337
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*398.258.489.337*	*80.886.120.588*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*126.920.546.056*	*317.372.368.749*
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	4.457.371.199	9.628.130.304
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**10.780.028.795.300**	**7.449.030.044.505**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thùy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	5.042.057.009.216	5.641.031.044.668
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(4.205.729.912)	(345.310.400)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	5.037.851.279.304	5.640.685.734.268
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(4.355.999.759.423)	(4.924.408.550.657)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		681.851.519.881	716.277.183.611
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	21.554.122.723	22.223.669.006
22	7. Chi phí tài chính	27	(290.569.836.219)	(222.236.807.563)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(257.832.397.308)*	*(200.749.516.378)*
25	8. Chi phí bán hàng	29	(85.114.023.835)	(76.630.177.559)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(241.046.166.245)	(137.280.743.174)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		86.675.616.305	302.353.124.321
31	11. Thu nhập khác	30	15.427.879.665	110.219.000.409
32	12. Chi phí khác	30	(2.265.086.487)	(6.323.112.507)
40	13. Lợi nhuận khác	30	13.162.793.178	103.895.887.902
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		99.838.409.483	406.249.012.223
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(17.376.561.854)	(56.645.068.978)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	32.3	44.668.542.309	(30.667.629.197)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		127.130.389.938	318.936.314.048
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	24.1	126.621.177.023	317.047.520.186
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	509.212.915	1.888.793.862
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	499	1.556
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	499	1.496

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**99.838.409.483**	**406.249.012.223**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 18	251.264.148.871	165.204.122.921
03	Dự phòng		5.080.331.503	-
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại		(177.485.917)	319.972.344
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.250.762.023)	(113.101.899.121)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	27	277.976.927.744	216.557.611.961
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**617.731.569.661**	**675.228.820.328**
09	Giảm các khoản phải thu		64.848.401.918	232.218.560.086
10	Tăng hàng tồn kho		(569.544.948.892)	(563.113.988.003)
11	Giảm các khoản phải trả		(773.750.129.223)	(374.099.928.174)
12	Tăng chi phí trả trước		(401.901.843.898)	(48.960.786.479)
14	Tiền lãi vay đã trả		(261.905.278.003)	(197.800.814.533)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22	(55.195.305.860)	(25.039.436.026)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	9.631.757.785
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(1.379.717.534.297)**	**(291.935.815.016)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.288.108.009.294)	(797.683.567.007)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		178.927.923	294.086.397.917
23	Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(436.975.624.537)	(302.867.994.520)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		249.250.400.000	339.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.712.714.848)	(127.228.642.500)
27	Lãi tiền gửi, lãi cho vay		13.308.167.403	20.878.934.597
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(1.464.058.853.353)**	**(573.814.871.513)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	24.1	1.006.620.000.000	711.036.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	21, 23	3.644.852.328.504	2.094.667.207.221
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(1.579.242.085.284)	(1.879.603.287.627)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	23	(12.344.577.681)	(2.317.066.160)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		-	(4.320.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**3.059.885.665.539**	**919.462.853.434**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**216.109.277.889**	**53.712.166.905**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**148.911.935.224**	**95.165.075.409**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	34.692.910
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**365.021.213.113**	**148.911.935.224**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh mới nhất là lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.440 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.125 người).

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 29 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 22 công ty con) như sau:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(1) Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên ("Anh Vũ Phú Yên")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc ("Chăn nuôi Bảo Ngọc")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ("Chăn nuôi Minh Thành")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	98,00%	100,00%	98,00%
(4) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ("Bắc An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,27%	100,00%	99,27%
(5) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ("Đông An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(6) Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh ("Nam An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(7) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 ("Trang Trại Xanh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	98,00%	100,00%	98,00%
(8) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 ("Trang Trại Xanh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,69%	99,69%	99,69%	99,69%
(9) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh ("Hải Đăng Tây Ninh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,82%	99,82%	99,82%	99,82%
(10) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh ("Sông Hinh")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(11) Công ty TNHH Thức ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh ("BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	99,00%	100,00%	99,00%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(12) Công ty TNHH Nông Nghiệp BAF Bình Định ("BAF Bình Định")	Gia Lai	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	98,55%	100,00%	98,55%
(13) Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước ("BAF Bình Phước")	Đồng Nai	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(14) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng ("Tâm Hưng")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
(15) Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu ("Tân Châu")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
(16) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn ("Thiên Phú Sơn")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(17) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi ("Chăn nuôi Kim Hợi")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(18) Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF ("Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(19) Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam ("Logistic BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(20) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh ("Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(21) Công ty TNHH Tây An Khánh ("Tây An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(22) Công ty Cổ phần Phát Triển Nông Nghiệp sạch Thanh Xuân ("Thanh Xuân")	Thanh Hóa	Trồng trọt và chăn nuôi	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(23) Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 1 ("CNC BAF Tay Ninh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(24) Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 2 ("CNC BAF Tay Ninh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(25) Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh 1 ("BAF Tây Ninh 1")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(26) Công ty Cổ phần Chăn nuôi TMC ("Chăn nuôi TMC")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,98%	-	99,98%	-
(27) Công ty TNHH Hòa Phát Bốn ("Hòa Phát Bốn")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-
(28) Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Thành Đạt Gia Lai ("Thành Đạt Gia Lai")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-
(29) Công ty TNHH Thực phẩm BAF Ninh Bình ("BAF Ninh Bình")	Ninh Bình	Chế biến thực phẩm	100,00%	-	100,00%	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- Giá mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Thuê tài sản* (tiếp theo)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ liền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phần mềm máy tính	3 – 10 năm
Gia súc	4 năm

3.8 *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Gia súc;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Khác

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đã ký. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại tương ứng của các hợp đồng thuê theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

- Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Mua tài sản

Nhóm Công ty mua các công ty con có sở hữu tài sản và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Nhóm Công ty sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.11 *Xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.12 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Trái phiếu phát hành*

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết gia đình của họ.

3.21 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, mà chỉ trình bày thông tin theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty tại *Thuyết minh số 35*.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 *Thành lập Công ty CNC BAF Tây Ninh 1*

Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập CNC BAF Tây Ninh 1 với số vốn điều lệ là 340.000.000.000 VND. Tại ngày 14 tháng 5 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào CNC BAF Tây Ninh 1.

CNC BAF Tây Ninh 1 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356751 do Sở Tài chính ("STC") Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

4.2 *Thành lập Công ty CNC BAF Tây Ninh 2*

Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập CNC BAF Tây Ninh 2 với số vốn điều lệ là 340.000.000.000 VND. Tại ngày 15 tháng 5 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào CNC BAF Tây Ninh 2.

CNC BAF Tây Ninh 2 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356769 do STC Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

4.3 *Thành lập Công ty BAF Tây Ninh 1*

Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập BAF Tây Ninh 1 với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 VND. Tại ngày 8 tháng 5 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào BAF Tây Ninh 1.

BAF Tây Ninh 1 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356776 do STC Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

4.4 *Mua Công ty Chăn nuôi TMC*

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,98% vốn góp trong Chăn nuôi TMC từ bên thứ ba với tổng giá mua là 77.633.032.838 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 4 năm 2025. Theo đó, Chăn nuôi TMC trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày mua, Chăn nuôi TMC sở hữu các mảnh đất tọa lạc tại xã Yang Nam, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Chăn nuôi TMC từ giao dịch này là 33.993.484.092 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp trong Chăn nuôi TMC nêu trên là mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Do đó, giá mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.5 *Thành lập Công ty BAF Ninh Bình*

Ngày 7 tháng 7 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/NQ/HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập BAF Ninh Bình với số vốn điều lệ là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 1 tháng 10 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào BAF Ninh Bình.

BAF Ninh Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0700903053 do STC Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 17 tháng 7 năm 2025.

4.6 *Mua Công ty Hòa Phát Bốn*

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Hòa Phát Bốn từ bên thứ ba với tổng giá mua là 58.383.684.234 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2024. Theo đó, Hòa Phát Bốn trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày mua, Hòa Phát Bốn sở hữu các mảnh đất tọa lạc tại Làng Tu, xã Ia Lâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Hòa Phát Bốn từ giao dịch này là 8.426.105.936 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp trong Hòa Phát Bốn nêu trên là mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Do đó, giá mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

4.7 *Mua Công ty Thành Đạt Gia Lai*

Vào ngày 13 tháng 8 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Thành Đạt Gia Lai từ bên thứ ba với tổng giá mua là 64.602.086.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 1 năm 2024. Theo đó, Thành Đạt Gia Lai trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày mua, Thành Đạt Gia Lai sở hữu các mảnh đất tọa lạc tại Làng Bông Pim, xã Ayun, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Thành Đạt Gia Lai từ giao dịch này là 932.345.559 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp trong Thành Đạt Gia Lai nêu trên là mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Do đó, giá mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	102.707.000	43.460.000
Tiền gửi ngân hàng *(*)*	245.621.751.920	146.318.475.224
Tiền đang chuyển *(**)*	117.546.754.193	-
Các khoản tương đương tiền *(***)*	1.750.000.000	2.550.000.000
TỔNG CỘNG	**365.021.213.113**	**148.911.935.224**

(*) Số cuối năm của tiền gửi ngân hàng bao gồm khoản tiền gửi với giá trị là 38.300.000.000 VND thuộc tài khoản phong tỏa số 1103809999 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định nhưng Nhóm Công ty chưa được sử dụng số tiền này. Đây là tiền đăng ký mua trái phiếu từ các cá nhân và tổ chức theo phương án phát hành trái phiếu của Nhóm Công ty trong năm. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, số tiền này đã được phép sử dụng do Nhóm Công ty đã hoàn thành đợt phát hành trái phiếu nêu trên vào ngày 5 tháng 1 năm 2026 *(Thuyết minh số 21)*.

(**) Số cuối năm của tiền đang chuyển thể hiện khoản tiền mà Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Quận 9 giải ngân để thanh toán cho nhà cung cấp, nhưng đến thời điểm cuối năm nhà cung cấp vẫn chưa nhận được khoản tiền này.

(***) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,25% đến 4,70%/năm.

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:		
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	243.980.200.000

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,30% đến 6,30%/năm. Nhóm Công ty đã sử dụng một phần khoản tiền gửi này để đảm bảo cho các khoản vay từ ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1 và Thuyết minh số 23.2)*.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu các bên khác	83.083.966.092	130.173.086.209
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	*55.163.364.860*	-
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	*10.620.432.652*	-
Công ty TNHH Com Ngon Siba	*5.997.514.597*	-
Công ty Cổ phần Việt Phi	*82.059.480*	*121.687.811.000*
Các bên khác	*11.220.594.503*	*8.485.275.209*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	207.945.684	58.540.144.977
TỔNG CỘNG	**83.291.911.776**	**188.713.231.186**
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(1.524.134.125)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**81.767.777.651**	**188.713.231.186**

Chi tiết tình hình tăng dự phòng nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi như sau:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.524.134.125	-
Số cuối năm	1.524.134.125	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên khác	402.009.862.761	178.182.654.064
Nhóm cá nhân để mua các công ty con (*)	*151.359.508.504*	*127.228.642.500*
Henan Muyuan Intelligent Technology Co., Ltd	*55.418.654.174*	-
Tổng Công ty Thành An	*22.379.708.146*	-
Công ty TNHH Cơ Điện Tự Động Hóa Thái Hưng	*20.378.110.000*	-
Công ty Cổ phần VS Group	*14.581.461.723*	-
Các bên khác	*137.892.420.214*	*50.954.011.564*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	135.419.926.194	19.218.947.522
TỔNG CỘNG	**537.429.788.955**	**197.401.601.586**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(3.359.364.084)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**534.070.424.871**	**197.401.601.586**

(*) Đây là các khoản trả trước cho nhóm cá nhân nhằm mục đích mua các công ty con. *(Thuyết minh số 36.3)*. Các nghiệp vụ mua bán này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm *(Thuyết minh số 37)*.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.359.364.084	-
Số cuối năm	3.359.364.084	-

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**98.317.429.829**	**62.184.888.730**
Ký quỹ	33.726.543.174	3.974.504.400
Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.110.662.223	21.493.391.751
Tạm ứng nhân viên	13.109.657.424	5.159.528.406
Thuế GTGT từ hợp đồng thuê tài chính	8.181.815.291	1.169.900.606
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	6.928.584.803	4.188.990.639
Khác	14.260.166.914	26.198.572.928
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*22.110.662.223*	*21.493.391.751*
Các bên khác	*76.206.767.606*	*40.691.496.979*
Dài hạn	**260.322.902.238**	**223.711.119.764**
Đặt cọc thuê trại và văn phòng	260.322.902.238	223.711.119.764
TỔNG CỘNG	**358.640.332.067**	**285.896.008.494**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 10)*	(4.462.841.844)	(4.266.008.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	**354.177.490.223**	**281.629.999.944**

Tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khác như sau:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	4.266.008.550	4.266.008.550
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.054.412.684	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.857.579.390)	-
Số cuối năm	4.462.841.844	4.266.008.550

10. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
AG World International Corporation	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160
Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Thành An	1.414.650.000	1.414.650.000	1.414.650.000	-
Công ty TNHH Acespace	1.328.373.000	1.328.373.000	1.328.373.000	-
Khác	4.338.045.854	4.194.887.893	4.619.256.988	1.857.579.390
TỔNG CỘNG	**9.489.498.014**	**9.346.340.053**	**9.770.709.148**	**4.266.008.550**

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.281.252.881.018	1.920.259.929.631
Nguyên vật liệu	260.707.398.378	175.243.324.601
Thành phẩm	136.895.346.551	24.139.170.455
Công cụ, dụng cụ	45.989.794.643	26.468.055.074
Hàng mua đang đi trên đường	758.547.091	9.722.965.220
Hàng hóa	16.200.000	241.773.808
TỔNG CỘNG	**2.725.620.167.681**	**2.156.075.218.789**

Một số hàng tồn kho được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty tại các ngân hàng thương mại *(Thuyết minh số 23.2)*.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Gia súc*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	2.084.102.076.238	597.609.566.610	65.485.686.945	29.337.853.312	22.851.217.137	2.799.386.400.242
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	714.367.523.927	148.412.212.187	5.158.249.044	2.611.770.392	58.282.363.146	928.832.118.696
Mua mới trong năm	52.129.368.894	170.561.373.156	22.824.759.640	23.143.246.879	10.190.055.846	278.848.804.415
Thanh lý	(318.391.000)	(7.564.977.830)	-	(1.201.474.660)	(19.708.065.251)	(28.792.908.741)
Số cuối năm	2.850.280.578.059	909.018.174.123	93.468.695.629	53.891.395.923	71.615.570.878	3.978.274.414.612
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*4.473.289.191*	*8.684.171.980*	*120.717.000*	*584.802.714*	*309.350.578*	*14.172.331.463*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(306.213.022.327)	(90.464.416.688)	(22.673.607.949)	(5.825.192.786)	(4.118.665.055)	(429.294.904.805)
Khấu hao trong năm	(153.133.263.738)	(66.210.704.798)	(7.227.901.628)	(5.326.021.661)	(11.234.092.599)	(243.131.984.424)
Thanh lý	124.615	229.399.557	-	595.815.261	4.845.849.497	5.671.188.930
Số cuối năm	(459.346.161.450)	(156.445.721.929)	(29.901.509.577)	(10.555.399.186)	(10.506.908.157)	(666.755.700.299)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	1.777.889.053.911	507.145.149.922	42.812.078.996	23.512.660.526	18.732.552.082	2.370.091.495.437
Số cuối năm	2.390.934.416.609	752.572.452.194	63.567.186.052	43.335.996.737	61.108.662.721	3.311.518.714.313
Trong đó						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 23)	*1.936.092.691.895*	*485.505.564.675*	*17.722.792.817*	*16.365.160.863*	*7.707.532.489*	*2.463.393.742.739*

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc thiết bị	*Phương tiện vận tải*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	19.505.272.157	-	19.505.272.157
Thuê trong năm	-	114.320.288.286	114.320.288.286
Số cuối năm	19.505.272.157	114.320.288.286	133.825.560.443
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(961.264.339)	-	(961.264.339)
Hao mòn trong năm	(2.033.627.134)	(3.967.514.638)	(6.001.141.772)
Số cuối năm	(2.994.891.473)	(3.967.514.638)	(6.962.406.111)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	18.544.007.818	-	18.544.007.818
Số cuối năm	16.510.380.684	110.352.773.648	126.863.154.332

Theo hợp đồng thuê tài chính, công ty có quyền lựa chọn mua lại máy móc thiết bị và phương tiện vận tải khi hết thời hạn thuê 60 tháng. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 23.6.*

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm	12.851.946.000
Mua mới trong năm	527.491.444
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.058.565.500
Phân loại lại	(445.770.000)
Số cuối năm	27.992.232.944
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*760.250.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(7.127.548.479)
Hao mòn trong năm	(1.752.076.625)
Phân loại lại	24.072.533
Số cuối năm	(8.855.552.571)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	5.724.397.521
Số cuối năm	19.136.680.373

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Máy móc, thiết bị	266.445.606.256	85.460.539.637
Xây dựng trại Tây An Khánh	247.596.125.101	17.864.951.817
Xây dựng trại Giai Xuân	217.873.407.312	90.032.182.796
Xây dựng trại Sông Hinh	162.479.145.346	13.112.629.939
Xây dựng trại Bình Định	74.222.045.278	-
Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các trại heo	72.923.261.592	5.715.872.000
Xây dựng trại Hải Đăng Tây Ninh	58.211.622.665	405.388.225.969
Xây dựng trại Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh	42.684.930.896	36.593.012.147
Xây dựng trại Thành Đạt Gia Lai	31.724.240.214	-
Thiết bị rửa xe ở trại heo	23.722.822.227	-
Xây dựng trại Tâm Hưng	22.490.424.162	47.339.379.533
Xây dựng trại Tân Châu	20.768.750.995	29.653.250.824
Xây dựng trại TMC	16.101.630.863	-
Phần mềm SAP	-	13.140.273.650
Khác	134.933.960.832	147.203.749.522
TỔNG CỘNG	**1.392.177.973.739**	**891.504.067.834**

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tài sản để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 23.1 và Thuyết minh số 23.2*).

16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị là 3.663.378.871 VND (2024: 17.115.773.544 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và vay trực tiếp phục vụ cho mục đích đầu tư các dự án Đầu tư Trang trại của Nhóm Công ty.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**44.740.522.090**	**24.697.495.919**
Công cụ, dụng cụ	24.847.297.281	10.857.358.203
Chi phí bảo hiểm	2.692.868.952	1.248.728.983
Phần mềm	2.168.085.111	533.663.908
Khác	15.032.270.746	12.057.744.825
Dài hạn	**1.273.557.175.808**	**848.366.480.327**
Gia sức	638.353.263.815	392.147.544.263
Thuê đất *(*)*	518.862.388.041	370.151.750.132
Công cụ, dụng cụ	43.089.914.879	46.739.058.184
Chi phí cải tạo và sửa chữa	29.469.040.785	9.425.287.377
Chi phí tư vấn	15.168.692.243	10.183.897.652
Chi phí quản lý dự án	10.338.468.990	-
Chi phí thu xếp và bảo lãnh khoản vay ngân hàng	5.892.934.918	6.190.729.435
Chi phí quảng cáo	1.666.666.667	3.333.333.333
Khác	10.715.805.470	10.194.879.951
TỔNG CỘNG	**1.318.297.697.898**	**873.063.976.246**

(*) Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.2)*.

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Nguyên giá:		
Số đầu năm và số cuối năm	3.789.460.500	3.789.460.500
Giá trị phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm	(1.631.500.244)	(1.252.554.194)
Phân bổ trong năm	(378.946.050)	(378.946.050)
Số cuối năm	(2.010.446.294)	(1.631.500.244)
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm	2.157.960.256	2.536.906.306
Số cuối năm	1.779.014.206	2.157.960.256

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

19.1 *Phải trả người bán*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**1.991.888.458.950**	**1.771.091.171.271**
Phải trả các bên khác	1.681.472.997.381	1.562.359.069.479
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	*1.012.885.875.700*	*461.403.046.800*
Công ty Cổ phần VS Group	*54.570.706.065*	-
Công ty TNHH Thép Thông Minh Toàn Cầu	*36.323.164.025*	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Cao Thăng	*35.210.832.809*	-
Henan Muyuan Intelligent Technology Co., Ltd	*31.952.324.459*	*11.646.274.920*
Công ty TNHH Thiết Lập	*23.563.884.600*	-
Công ty Cổ phần Gạo Vi Dân	-	*345.918.789.340*
Công ty Cổ phần Phát triển Nông Nghiệp Bảo Lộc	-	*316.855.022.050*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	-	*158.540.603.000*
Các bên khác	*486.966.209.723*	*267.995.333.369*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	310.415.461.569	208.732.101.792
Dài hạn	**36.687.475.369**	-
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	36.687.475.369	-
TỔNG CỘNG	**2.028.575.934.319**	**1.771.091.171.271**

19.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác trả trước	6.010.055.855	5.195.384.460
Ông Phan Tiến Dũng	*1.978.843.579*	-
Công ty TNHH Anh Hoàng Thy	*560.908.000*	-
Công ty TNHH CJ Vina Agri - Chi Nhánh Bình Dương	-	*3.583.548.387*
Các bên khác	*3.470.304.276*	*1.611.836.073*
Trả trước từ bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	-	80.658.500
TỔNG CỘNG	**6.010.055.855**	**5.276.042.960**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay	25.762.634.166	29.835.514.861
Chi phí điện nước	6.683.779.657	5.496.341.606
Chi phí vận chuyển	1.831.257.988	854.706.060
Chi phí xử lý nước thải	1.024.943.544	3.040.775.090
Chi phí gia công	-	2.991.739.498
Khác	3.913.719.820	4.951.217.857
TỔNG CỘNG	**39.216.335.175**	**47.170.294.972**

21. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**16.195.596.717**	**1.430.410.288**
Chi phí bảo hiểm	11.453.959.222	1.046.825.900
Nhận ký quỹ, ký cược	3.023.000.000	-
Khác	1.718.637.495	383.584.388
Dài hạn	**40.487.000.000**	-
Phải trả từ việc phát hành trái phiếu (*)	38.300.000.000	-
Khác	2.187.000.000	-
TỔNG CỘNG	**56.682.596.717**	**1.430.410.288**

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 06.10.2025/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2025 và NQ HĐQT số 04.11.2025/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 11 năm 2025, HĐQT của Nhóm Công ty đã thông qua việc chào bán 10.000 trái phiếu ra công chúng với mệnh giá là 100 triệu VND/trái phiếu, giá chào bán là 100 triệu VND/trái phiếu, lãi suất 10,0%/năm. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2025, Nhóm Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 447/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành, chấp thuận việc chào bán trái phiếu nêu trên.

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2026, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị 1.000 tỷ VND, lãi suất 10,0%/năm với kỳ hạn 36 tháng.

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2026, Nhóm Công ty đã nhận được Công văn số 148/UBCK-QLCB từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận báo cáo kết quả chào bán trái phiếu nói trên của Nhóm Công ty.

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	13.170.833.545	14.648.869.570	(15.648.280.899)	12.171.422.216
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.358.898.089	-	(97.929.542)	3.260.968.547
Thuế giá trị gia tăng	-	8.579.204.407	(5.892.705.886)	2.686.498.521
Thuế thu nhập cá nhân	1.907.413	-	-	1.907.413
Khác	-	271.886.073	(133.341.962)	138.544.111
TỔNG CỘNG	**16.531.639.047**	**23.499.960.050**	**(21.772.258.289)**	**18.259.340.808**
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.627.060.071	17.376.561.854	(55.293.235.402)	17.710.386.523
Thuế giá trị gia tăng	4.133.473.414	21.473.747.603	(22.020.475.789)	3.586.745.228
Thuế thu nhập cá nhân	2.556.232.476	66.961.129.480	(67.676.844.938)	1.840.517.018
Thuế khác	7.023.219	9.184.414.036	(8.714.634.853)	476.802.402
TỔNG CỘNG	**62.323.789.180**	**114.995.852.973**	**(153.705.190.982)**	**23.614.451.171**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Phân bổ lũy kế giá trị chiết khấu*	*Phân loại lại*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**1.138.706.986.931**	**2.417.461.414.127**	**(1.862.664.311.531)**	**2.458.851.087**	**-**	**482.992.537.891**	**2.178.955.478.505**
Vay ngắn hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	712.607.602.496	2.409.070.983.461	(1.426.108.622.033)	-	-	-	1.695.569.963.924
Vay ngắn hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.2)*	124.211.111.808	-	(124.211.111.817)	-	-	160.022.933.210	160.022.933.201
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.4)*	297.541.148.913	-	(300.000.000.000)	2.458.851.087	-	296.058.840.183	296.058.840.183
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.6)*	4.347.123.714	8.390.430.666	(12.344.577.681)	-	-	26.910.764.498	27.303.741.197
Dài hạn	**1.440.551.815.467**	**1.331.092.016.142**	**(28.922.351.434)**	**17.685.679.349**	**21.138.771.808**	**(482.992.537.891)**	**2.298.553.393.441**
Vay ngân hàng và quỹ *(Thuyết minh số 23.2)*	664.799.554.930	722.981.345.043	(28.922.351.434)	-	-	(160.022.933.210)	1.198.835.615.329
Vay đối tượng khác *(Thuyết minh số 23.3)*	-	21.668.075.000	-	-	-	-	21.668.075.000
Trái phiếu phát hành *(Thuyết minh số 23.4)*	287.664.593.601	474.500.000.000	-	13.959.999.959	-	(296.058.840.183)	480.065.753.377
Trái phiếu chuyển đổi *(Thuyết minh số 23.5)*	475.246.584.653	-	-	3.725.679.390	21.138.771.808	-	500.111.035.851
Nợ thuê tài chính *(Thuyết minh số 23.6)*	12.841.082.283	111.942.596.099	-	-	-	(26.910.764.498)	97.872.913.884
TỔNG CỘNG	**2.579.258.802.398**	**3.748.553.430.269**	**(1.891.586.662.965)**	**20.144.530.436**	**21.138.771.808**	**-**	**4.477.508.871.946**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn*

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* VND	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* (%/năm)	*Hình thức đảm bảo* (Thuyết minh số 6, 12, 15 và 17)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn	405.000.000.000	Ngày 16 tháng 2 năm 2026 đến ngày 29 tháng 6 năm 2026	5,50 - 8,00 (*)	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; Quyền đòi nợ, khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty, Trang Trại Xanh 2 và Hải Đăng Tây Ninh
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà	296.045.642.068	Từ ngày 17 tháng 3 năm 2026 đến ngày 20 tháng 4 năm 2026	5,60 - 5,80	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn Bất động sản thuộc sở hữu của Bà Bùi Hương Giang; Quyền đòi nợ, khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2026 đến ngày 14 tháng 3 năm 2026	5,70	Quyền thuê đất trả tiền 1 lần của thửa đất số 10 thuộc quyền sở hữu của BAF Meat Bình Phước tại xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	200.000.000.000	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2026 đến ngày 1 tháng 6 năm 2026	5,50 – 7,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Sở Giao dịch 2	129.677.124.800	Ngày 25 tháng 3 năm 2026 đến ngày 2 tháng 5 năm 2026	6,77 – 7,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; vốn góp tại BAF Tây Ninh; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hóa của BAF Tây Ninh tại Phường An Hòa, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hàng ngắn hạn* (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 6)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	100.000.000.000	Ngày 12 tháng 1 năm 2026	6,03	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai	99.999.876.949	Từ ngày 6 tháng 3 năm 2026 đến ngày 20 tháng 3 năm 2026	6,70 – 6,78	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định	99.847.320.107	Ngày 26 tháng 6 năm 2026	6,90	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng Woori Việt Nam	75.000.000.000	Ngày 11 tháng 2 năm 2026	5,255	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh	50.000.000.000	Ngày 19 tháng 5 năm 2026	7,04	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu	40.000.000.000	Ngày 28 tháng 2 năm 2026 đến ngày 26 tháng 3 năm 2026	5,50 – 5,80	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
TỔNG CỘNG	**1.695.569.963.924**			

(*) Đây là lãi suất cho vay theo thời hạn ưu đãi tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân, áp dụng kỳ đầu tiên 8,00%/năm và định kỳ điều chỉnh lãi suất vào ngày 25 hàng tháng.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng*

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án, trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 12, 15 và 17)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh	256.950.669.705	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2027 đến ngày 30 tháng 6 năm 2033	7,30 – 8,20	Vốn góp tại Sông Hinh; quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê đất giữa Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong trương lai của Công ty TNHH Tây An Khánh tại xã Tân Hội, tỉnh Tây Ninh.
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Vũng Tàu	213.591.817.699	Ngày 20 tháng 7 năm 2030	7,80 – 8,30	Vốn góp tại Đông An Khánh và vốn góp tại Nam An Khánh thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Đông An Khánh tại Xã Tân Thành, Tỉnh Tây Ninh và Nam An Khánh tại Ấp Hội Thành, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh.
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh TPHCM	207.056.000.000	Ngày 28 tháng 4 năm 2032	6,88	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong trương lai của Dự án trại Giai Xuân tại xóm Nước Xanh, xã Giai Xuân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh	155.371.826.589	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2026 đến ngày 31 tháng 3 năm 2033	5,80	Vốn góp tại Bắc An Khánh và vốn góp tại Tân Châu; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Bắc An Khánh và Tân Châu tại Xã Tân Hòa, Tỉnh Tây Ninh và Thư bảo lãnh vay vốn do Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phát hành.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 12, 15 và 17)*
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở Giao Dịch 2	128.033.933.808	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2026 đến ngày 7 tháng 2 năm 2032	9,43	Vốn góp tại Tâm Hưng thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Tâm Hưng tại xã Tân Đông, tỉnh Tây Ninh.
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	121.400.566.250	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 3 năm 2029	9,80 – 10,00	Vốn góp tại Trang Trại Xanh 1; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và toàn bộ heo giống, con heo và heo thịt của Trang Trại Xanh 1 tại Xã Phước Vinh, Tỉnh Tây Ninh và Anh Vũ Phú Yên tại Xã Sông Hinh, Tỉnh Đắk Lắk.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	113.848.000.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2026 đến ngày 27 tháng 10 năm 2033	8,20	Vốn góp tại Hòa Phát Bốn; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong trương lai của Dự án trang trại Hòa Phát Bốn tại Làng TU, xã IA Lâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tây Hồ	66.181.818.184	Ngày 25 tháng 1 năm 2026 đến ngày 16 tháng 9 năm 2034	7,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	59.474.675.336	Ngày 30 tháng 10 năm 2027	5,50	Vốn góp tại Bình Định; các quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành trong trương lai của Bình Định tại Khu Công nghiệp Nhơn Hoà, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 12, 15 và 17)*
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Đồng Nai	21.984.000.000	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 13 tháng 9 năm 2028	7,50	Vốn góp tại Kim Hợi; Các quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị của Kim Hợi tại Xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai.
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	14.965.220.959	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2026 đến ngày 11 tháng 10 năm 2029	9,60 - 9,80	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Bảo Ngọc tại Xã Ea Wer, tỉnh Đắk Lắk; và phương tiện vận tải của Nhóm Công ty.
	1.358.858.548.530			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*160.022.933.201*			
Vay dài hạn	*1.198.835.615.329*			

23.3 *Vay đối tượng khác*

Số cuối năm thể hiện khoản vay dài hạn tín chấp từ Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty với kỳ hạn 24 tháng, ngày đáo hạn 31 tháng 12 năm 2027 với lãi suất 6%/năm.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.4 *Trái phiếu*

Nhóm Công ty phát hành trái phiếu vào ngày 4 tháng 7 năm 2023 và ngày 8 tháng 5 năm 2025 với các chi tiết như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Mục đích phát hành*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND			*(%/năm)*	
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình					
Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	Ngày 4 tháng 7 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	10,50	Tín chấp
Chi phí phát hành	(3.941.159.817)				
	296.058.840.183				
Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	Ngày 8 tháng 5 năm 2028 hoặc ngày mua trước hạn hoặc ngày đáo hạn khác theo yêu cầu tại Văn kiện Trái phiếu *(*)*	Bổ sung vốn lưu động	10,00	127.295.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Siba Holdings được sở hữu bởi ông Trương Sỹ Bá
Chi phí phát hành	(19.934.246.623)				
	480.065.753.377				
TỔNG CỘNG	**776.124.593.560**				
Trong đó					
Dài hạn đến hạn trả	*296.058.840.183*				
Dài hạn	*480.065.753.377*				

(*) Mua lại theo thỏa thuận

Sau thời hạn một năm kể từ ngày phát hành, Nhóm Công ty có quyền thực hiện mua lại trái phiếu (một phần hoặc toàn bộ, vào bất kỳ thời điểm nào) theo thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu, tuân thủ theo quy trình và thủ tục quy định tại Văn kiện Trái phiếu.

Mua lại theo yêu cầu của trái chủ

Vào ngày làm việc liền kề trước thời điểm tròn 24 tháng kể từ ngày phát hành, người sở hữu trái phiếu có quyền yêu cầu Công ty mua lại tối đa 50% tổng giá trị trái phiếu đã phát hành. Giá mua lại được xác định bằng mệnh giá cộng với khoản lãi dồn tích, tính theo mức lãi suất cố định 8,50%/năm.

Mua lại bắt buộc

Nhóm Công ty có nghĩa vụ mua lại trái phiếu theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu trong trường hợp xảy ra các sự kiện vi phạm quy định cụ thể tại Văn kiện Trái phiếu.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.5 *Trái phiếu chuyển đổi*

VND

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
	Giá trị trái phiếu chuyển đổi	600.000.000.000	600.000.000.000
	Cơ cấu vốn chủ sở hữu *(Thuyết minh số 24.1)*	(137.648.613.977)	(137.648.613.977)
	Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	**462.351.386.023**	**462.351.386.023**
Cộng:	**Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu**	**53.713.440.628**	**32.574.668.820**
	Số đầu năm	32.574.668.820	13.572.019.890
	Số phân bổ tăng trong năm	21.138.771.808	19.002.648.930
	Số cuối năm	53.713.440.628	32.574.668.820
Trừ:	**Giá trị phân bổ chi phí phát hành trái phiếu**	**(15.953.790.800)**	**(19.679.470.190)**
	Số đầu năm	(19.679.470.190)	(23.417.852.643)
	Số phân bổ giảm trong năm	3.725.679.390	3.738.382.453
	Số cuối năm	**(15.953.790.800)**	**(19.679.470.190)**
	Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	**500.111.035.851**	**475.246.584.653**

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2023, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Trái phiếu Chuyển đổi riêng lẻ với Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC") với tổng giá trị là 600.000.000.000 VND và lãi suất 5,25%/năm. Theo đó, IFC được quyền chuyển đổi các trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông với số lượng quy đổi được quy định trong điều khoản của hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành cho đến trước ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi, là ngày 15 tháng 3 năm 2029 (ngày đáo hạn thứ nhất) và vào ngày 15 tháng 3 năm 2030 (ngày đáo hạn cuối cùng) hoặc chuyển đổi thành khoản cho vay với lãi suất 10,50%/năm. Tại ngày đáo hạn thứ nhất, nếu trái phiếu không được chuyển đổi, Nhóm Công ty sẽ thực hiện mua lại một nửa (1/2) khối lượng trái phiếu đang lưu hành. Nếu bất kỳ trái phiếu nào vẫn còn tồn đọng vào ngày đáo hạn cuối cùng, Nhóm Công ty sẽ mua lại toàn bộ trái phiếu đó vào ngày đáo hạn cuối cùng. Lãi suất thị trường của khoản vay không chuyển đổi là 10,50%/năm.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.6 *Nợ thuê tài chính*

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê tài chính từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính TNHH Quốc tế Việt Nam. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn Từ 1 năm trở xuống	34.896.908.134	7.593.166.937	27.303.741.197	5.353.996.326	1.006.872.612	4.347.123.714
Nợ thuê tài chính dài hạn Trên 1 – 5 năm	110.413.126.364	12.540.212.480	97.872.913.884	14.326.589.355	1.485.507.072	12.841.082.283
TỔNG CỘNG	**145.310.034.498**	**20.133.379.417**	**125.176.655.081**	**19.680.585.681**	**2.492.379.684**	**17.188.205.997**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:					
Số đầu năm	1.435.200.000.000	-	137.648.613.977	324.866.540.588	1.897.715.154.565
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	684.256.000.000	-	-	-	684.256.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	317.047.520.186	317.047.520.186
Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên trong Công ty ("ESOP")	26.780.000.000	-	-	-	26.780.000.000
Cổ tức công bố	243.980.420.000	-	-	(243.980.420.000)	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	324.848.563	324.848.563
Số cuối năm	2.390.216.420.000	-	137.648.613.977	398.258.489.337	2.926.123.523.314
Năm nay:					
Số đầu năm	2.390.216.420.000	-	137.648.613.977	398.258.489.337	2.926.123.523.314
Phát hành cổ phiếu *(i)*	650.000.000.000	356.620.000.000	-	-	1.006.620.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	126.621.177.023	126.621.177.023
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	299.369.033	299.369.033
Số cuối năm	3.040.216.420.000	356.620.000.000	137.648.613.977	525.179.035.393	4.059.664.069.370

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 24.10.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 08.11.2024/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 11 năm 2024, Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 75/2024/ĐKCB-GĐKCB ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Công văn số 531/UBCK-QLCB ngày 24 tháng 1 năm 2025 của UBCKNN về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Nhóm Công ty đã thông qua việc chào bán thêm 65.000.000 cổ phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ với giá phát hành 15.500 đồng/cổ phiếu. Theo Báo cáo kết quả số 11/2025/BAF-BCKQ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Công văn số 521/UBCK-QLCB ngày 26 tháng 3 năm 2025 của UBCKNN về tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 65.000.000 cổ phiếu riêng lẻ này.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	VND	*Cổ phiếu*	*%*	*VND*	*Cổ phiếu*	*%*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	956.819.350.000	95.681.935	31,472	956.819.350.000	95.681.935	40,031
Bà Bùi Hương Giang	79.887.550.000	7.988.755	2,628	79.987.550.000	7.998.755	3,346
Cổ đông khác	2.003.509.520.000	200.350.952	65,900	1.353.409.520.000	135.340.952	56,623
TỔNG CỘNG	**3.040.216.420.000**	**304.021.642**	**100,000**	**2.390.216.420.000**	**239.021.642**	**100,000**

24.3 *Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp của các cổ đông		
Số đầu năm	2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
Tăng trong năm	650.000.000.000	955.016.420.000
Số cuối năm	3.040.216.420.000	2.390.216.420.000
Cổ tức		
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố	-	*243.980.420.000*
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	*243.980.420.000*

24.4 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã được phê duyệt phát hành	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*239.021.642*
Cổ phiếu đang lưu hành	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*239.021.642*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Vốn điều lệ đã góp	9.786.945.368	9.766.917.388
Lỗ lũy kế	(5.329.574.169)	(138.787.084)
TỔNG CỘNG	**4.457.371.199**	**9.628.130.304**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	9.628.130.304	10.606.869.054
Tăng do thành lập hoặc mua các công ty con	20.027.980	4.267.388
Lợi nhuận thuần trong năm	509.212.915	1.888.793.862
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con	(5.700.000.000)	(2.871.800.000)
Số cuối năm	4.457.371.199	9.628.130.304

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**5.042.057.009.216**	**5.641.031.044.668**
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	*5.031.717.079.276*	*3.328.279.587.321*
Doanh thu bán cám	*9.813.486.297*	*10.852.533.200*
Doanh thu bán nông sản	*-*	*2.301.658.870.470*
Doanh thu khác	*526.443.643*	*240.053.677*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(4.205.729.912)**	**(345.310.400)**
Chiết khấu thương mại	*(4.205.729.912)*	*(345.310.400)*
Doanh thu thuần	**5.037.851.279.304**	**5.640.685.734.268**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*5.037.342.264.186*	*5.452.013.727.883*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*509.015.118*	*188.672.006.385*

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi và cho vay	16.047.761.567	13.503.042.717
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.874.814.339	5.707.288.604
Khác	3.631.546.817	3.013.337.685
TỔNG CỘNG	**21.554.122.723**	**22.223.669.006**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	257.832.397.308	200.784.626.774
Chi phí phát hành trái phiếu	20.144.530.436	15.772.985.187
Phí cam kết rút vốn	8.637.577.667	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.152.780.673	5.457.797.742
Khác	2.802.550.135	221.397.860
TỔNG CỘNG	**290.569.836.219**	**222.236.807.563**

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	4.335.700.498.744	2.652.127.541.576
Giá vốn bán cám	20.209.869.893	16.033.201.175
Giá vốn bán nông sản	-	2.255.882.309.090
Giá vốn hoạt động khác	89.390.786	365.498.816
TỔNG CỘNG	**4.355.999.759.423**	**4.924.408.550.657**

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**85.114.023.835**	**76.630.177.559**
Chi phí nhân viên	27.758.313.799	23.314.530.198
Chi phí môi giới	25.665.745.513	-
Chi phí vận chuyển	16.764.505.318	38.077.072.798
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.965.680.162	6.787.656.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.730.943.937	2.007.382.374
Khác	6.228.835.106	6.443.535.820
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**241.046.166.245**	**137.280.743.174**
Chi phí nhân viên	128.683.618.946	65.503.583.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.657.432.559	25.580.222.779
Công cụ, dụng cụ	26.506.736.941	16.258.447.314
Chi phí từ thiện, hỗ trợ	14.847.807.480	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.080.331.503	5.641.999.990
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.085.457.033	4.147.514.380
Phân bổ lợi thế thương mại	1.253.730.238	1.259.641.421
Khác	19.931.051.545	18.889.333.664
TỔNG CỘNG	**326.160.190.080**	**213.910.920.733**

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**15.427.879.665**	**110.219.000.409**
Bồi thường từ bảo hiểm	8.074.736.942	-
Lãi từ thanh lý hàng hóa	178.927.923	4.100.590.624
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	99.598.856.404
Các khoản khác	7.174.214.800	6.519.553.381
Chi phí khác	**(2.265.086.487)**	**(6.323.112.507)**
Các khoản phạt	(1.253.553.630)	(1.191.077.533)
Xóa sổ khoản phải thu	-	(1.250.000.000)
Khác	(1.011.532.857)	(3.882.034.974)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	**13.162.793.178**	**103.895.887.902**

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên vật liệu	3.678.244.463.659	2.202.377.643.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	329.746.683.666	207.229.506.557
Chi phí nhân viên	276.074.598.797	168.118.516.678
Chi phí khấu hao và hao mòn và phân bổ lợi thế thương mại *(Thuyết minh số 12, 13, 14 và 18)*	251.264.148.871	165.204.122.921
Dự phòng	8.106.250.321	5.641.999.990
Chi phí nông sản	-	2.255.882.309.090
Khác	138.723.804.189	133.865.372.525
TỔNG CỘNG	**4.682.159.949.503**	**5.138.319.471.390**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có các hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") khác nhau như sau:

- Công ty, Chi nhánh Bình Dương, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Long An.

  Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty và các chi nhánh nêu trên được hưởng thuế suất ưu đãi 15% cho suốt thời gian hoạt động;

  Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- Chăn nuôi Minh Thành, Bắc An Khánh, Đông An Khánh, Nam An Khánh, Trang Trại Xanh 1, Trang Trại Xanh 2, Sông Hinh, Anh Vũ Phú Yên, Hải Đăng Tây Ninh, Tâm Hưng, Tân Châu, Tây An Khánh, Thanh Xuân, Chăn nuôi TMC, Thành Đạt Gia Lai, Hòa Phát Bốn, CNC BAF Tây Ninh 1, CNC BAF Tây Ninh 2.

  Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp tại địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn các công ty con nêu trên được miễn thuế TNDN cho suốt thời gian hoạt động;

  Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

- BAF Bình Định

  BAF Bình Định có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, công ty này được được ưu đãi thuế theo địa bàn. Công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

- BAF Bình Phước

  Đối với thu nhập từ các hoạt động sản xuất và chế biến nông sản Công ty này được hưởng ưu đãi thuế suất 10% theo ngành nghề và địa bàn cho suốt thời gian hoạt động;

  Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty này áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

- Chi nhánh Nghệ An, BAF Tây Ninh, Chăn nuôi Bảo Ngọc, Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF, Logistic BAF, Thiên Phú Sơn, Kim Hợi, BAF Tây Ninh 1, BAF Ninh Bình.

  Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho chi nhánh và các công ty con nêu trên là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN	17.340.491.424	58.592.146.170
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	36.070.430	(1.947.077.192)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.376.561.854	56.645.068.978
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(44.668.542.309)	30.667.629.197
TỔNG CỘNG	**(27.291.980.455)**	**87.312.698.175**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**99.838.409.483**	**406.249.012.223**
Thuế TNDN theo thuế suất 15% áp dụng cho Nhóm Công ty	14.975.761.422	60.937.351.833
Các điều chỉnh tăng (giảm):		
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho phần lỗ thuế của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập	13.911.292.890	17.613.644.872
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP *(*)*	16.624.970.881	3.632.559.965
Chi phí không được trừ	2.309.839.214	4.715.716.801
Chi phí phân bổ giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	3.170.815.771	2.850.397.340
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	36.070.430	(1.947.077.192)
Bù trừ thu nhập chịu thuế giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh	59.248.168	254.158.016
Phân bổ lợi thế thương mại	56.841.908	56.841.908
Lỗ năm trước chuyển sang	(544.601.543)	(1.021.166.014)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(22.420.356.442)	11.764.392.838
Thu nhập được miễn thuế	(55.471.863.154)	(11.544.122.192)
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN	**(27.291.980.455)**	**87.312.698.175**

(*) Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Nhóm Công ty đã ghi nhận điều chỉnh tăng chi phí TNDN trong năm nay với tổng giá trị là 16.624.970.881 VND.

32.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.850.235.798	2.714.691.138	(864.455.340)	794.030.965
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	15.852.252.194	5.196.834.826	10.655.417.368	732.611.666
Lỗ thuế ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	35.143.439.043	-	35.143.439.043	(29.742.058.012)
	52.845.927.035	**7.911.525.964**	**44.934.401.071**	**(28.215.415.381)**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chi phí lãi vay vốn hóa	(6.610.411.633)	(6.344.552.871)	(265.858.762)	(2.452.213.816)
Dự phòng giảm giá của khoản đầu tư dài hạn	(1.803.637.391)	(1.803.637.391)		-
	(8.414.049.024)	**(8.148.190.262)**	***(265.858.762)***	***(2.452.213.816)***
Tài sản thuế TNDN hoãn lại (Thuế TNDN hoãn lại phải trả) thuần	*44.431.878.011*	*(236.664.298)*		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại			*44.668.542.309*	*(30.667.629.197)*

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.4 *Lỗ chuyển sang năm sau*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính phát sinh với tổng số tiền là 532.411.097.302 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 224.784.591.887 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2025*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2025*
2019	2024	3.171.448.495	(1.727.049.972)	(1.444.398.523)	-
2020	2025	4.444.876.733	(1.902.523.050)	(2.542.353.683)	-
2021	2026	10.333.990.069	(5.395.100.463)	-	4.938.889.606
2022	2027	22.820.956.403	(11.998.313.383)	-	10.822.643.020
2023	2028	225.357.039.360	(198.892.454.663)	-	26.464.584.697
2024	2029	174.523.541.090	(19.226.607.747)	-	155.296.933.343
2025	2030	334.888.046.636	-	-	334.888.046.636
TỔNG CỘNG		**775.539.898.786**	**(239.142.049.278)**	**(3.986.752.206)**	**532.411.097.302**

Lỗ thuế nêu trên được ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

32.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2025*
2022 *(i)*	2027	18.084.964.780	(18.084.964.780)	-	-
2023 *(i)*	2028	88.843.085.871	(35.541.885.678)	-	53.301.200.193
2024 *(i)*	2029	68.845.307.424	-	-	68.845.307.424
2025 *(i)*	2030	121.241.152.234	-	-	121.241.152.234
TỔNG CỘNG		**297.014.510.309**	**(53.626.850.458)**	**-**	**243.387.659.851**

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định* (tiếp theo)

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay chưa được trừ nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 243.387.659.851 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 128.444.547.657 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay chưa được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

32.6 *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ thuế chuyển sang các năm sau của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con và các chi nhánh này và phần chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập *(Thuyết minh số 32.4)*	298.121.503.679	224.784.591.887
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định *(Thuyết minh số 32.5)*	243.387.659.851	128.444.547.657
TỔNG CỘNG	**541.509.163.530**	**353.229.139.544**

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm *(VND)*	126.621.177.023	317.047.520.186
Ảnh hưởng suy giảm do chi phí lãi vay phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi *(i)*	55.139.608.319	52.309.471.979
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**181.760.785.342**	**369.356.992.165**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**253.641.874**	**203.754.712**
Ảnh hưởng suy giảm do		
Trái phiếu có thể chuyển đổi (i)	*53.631.494*	*43.083.066*
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**307.273.368**	**246.837.778**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	499	1.556
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	499	1.496

(i) Các trái phiếu chuyển đổi có thể có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong tương lai nhưng chưa được đưa vào khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu ở trên vì các trái phiếu chuyển đổi này có tác động suy giảm ngược cho năm hiện tại.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long ("Tân Long")	Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam ("Siba Food Việt Nam")	Công ty con của cổ đông lớn (đến ngày 16 tháng 12 năm 2024)
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty TNHH Agro Việt	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí CNC Siba ("Siba Tech")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lương thực A An ("A An")	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Solacons ("Solacons") *(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons)*	Công ty con của Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Siba Cư Jút ("Siba Cư Jút")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH Một Thành Viên Năng Lượng Sạch Vmeco Bạc Liêu ("Vmeco Bac Lieu")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Stemkos Việt Nam (Stemkos)	Công ty con của cổ đông lớn
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc ("TV HĐQT kiêm TGĐ")
Ông Lê Xuân Thọ	TV HĐQT độc lập
Ông Prasad Gopalan	TV HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Thanh Tân	TV HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Duy Tân	TV HĐQT (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)
Ông Bùi Quang Huy	TV HĐQT độc lập (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên BKS
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 2 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024)
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024) kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng

Những nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Siba Tech	Xây dựng trại	470.535.590.591	274.611.523.428
	Sử dụng dịch vụ	8.441.885.113	-
	Thu chi hộ	130.070.700	-
	Bán hàng	100.946.100	7.874.904
Vmeco Bạc Liêu	Sử dụng dịch vụ	3.858.566.821	-
Tân Long	Mua hàng	3.105.464.250	-
	Bán hàng	281.231.200	210.284.600
Sibacons	Mua hàng	1.296.000.000	4.008.676.390
Siba Cư Jút	Sử dụng dịch vụ	897.070.343	-
Stemkos	Bán hàng	68.181.818	-
A An	Bán hàng	58.656.000	6.212.591.700
	Mua hàng	72.000.000	287.800.000
Siba Food	Bán hàng	-	182.241.255.181
	Mua hàng	-	56.968.718.202
Siba Holdings	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	98.774.930.000
	Mua cổ phiếu	-	40.048.420.000
Bà Bùi Hương Giang	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	7.937.300.000
	Mua cổ phiếu	-	3.000.000.000
Solacons	Mua hàng	-	1.197.271.724

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng, vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các giao dịch với người nội bộ, người có liên quan và bên liên quan được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Nghị quyết số 01/HĐQT-BC ngày 30 tháng 7 năm 2025 và được trình bày trong Báo cáo tình hình quản trị năm 2025.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Tân Long	Bán hàng	204.636.348	276.020.676
Siba Tech	Bán hàng	3.309.336	51.465.028
Siba Food	Bán hàng	-	51.503.060.237
A An	Bán hàng	-	6.709.599.036
TỔNG CỘNG		**207.945.684**	**58.540.144.977**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	134.274.471.647	19.218.947.522
Solacons	Mua hàng	1.145.454.547	-
TỔNG CỘNG		**135.419.926.194**	**19.218.947.522**
Phải thu ngắn hạn khác			
BAF Myanmar	Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.110.662.223	21.493.391.751
Phải trả người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	305.568.732.760	175.151.129.762
Tân Long	Mua hàng	1.470.020.000	182.084.109
Solacons	Mua hàng	1.383.272.728	2.955.932.400
Vmeco Bạc Liêu	Mua hàng	1.381.544.878	-
Siba Cư Jút	Mua hàng	611.891.203	-
Siba Food	Mua hàng	-	30.442.955.521
TỔNG CỘNG		**310.415.461.569**	**208.732.101.792**
Phải trả người bán dài hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	36.687.475.369	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
BAF Myanmar	Bán hàng	-	80.658.500

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập (bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác) của các thành viên Hội đồng Quản trị ("TV HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc ("TGĐ") trong năm như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Ông Trương Sỹ Bá	324.000.000	108.000.000
Bà Bùi Hương Giang	1.561.153.952	710.776.927
Ông Nguyễn Duy Tân	194.400.000	15.934.426
Ông Lê Xuân Thọ	194.400.000	64.800.000
Ông Bùi Quang Huy	-	-
Ông Prasad Gopalan	-	-
Ông Nguyễn Thanh Tân	-	44.262.295
Ông Trương Anh Tuấn	1.304.206.200	480.156.748
Ông Nguyễn Văn Non	-	-
Ông Ngô Cao Cường	1.327.217.160	588.388.229
Ông Nguyễn Văn Minh	1.330.116.985	48.645.769
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	31.601.096	43.200.000
Bà Dương Thị Hồng Tân	546.774.250	-
Bà Lưu Ngọc Trâm	81.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Quốc Văn	327.187.252	488.921.254
Bà Trần Thị Thanh Trà	397.531.071	
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	583.331.683	351.871.062
TỔNG CỘNG	**8.202.919.649**	**2.971.956.710**

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Bán heo	*Bán cám*	*Khác*	*Loại trừ*	*Hợp nhất*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Doanh thu thuần bộ phận					
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	8.144.547.818.310	3.067.475.371.507	172.523.268.352	(6.346.695.178.865)	5.037.851.279.304
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	(3.117.036.468.946)	(3.057.661.885.210)	(171.996.824.709)	6.346.695.178.865	-
Tổng doanh thu thuần	**5.027.511.349.364**	**9.813.486.297**	**526.443.643**	**-**	**5.037.851.279.304**
Kết quả					
Lợi nhuận gộp	691.810.850.620	(10.396.383.596)	437.052.857	-	681.851.519.881
Doanh thu hoạt động tài chính					21.554.122.723
Chi phí tài chính					(290.569.836.219)
Chi phí bán hàng					(85.114.023.835)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(241.046.166.245)
Thu nhập khác					15.427.879.865
Chi phí khác					(2.265.086.487)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(17.376.561.854)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					44.668.542.309
Lợi nhuận sau thuế TNDN					127.130.389.938
Tài sản và nợ phải trả					
Tổng tài sản	18.569.698.514.348	1.424.702.434.411	126.863.154.332	(9.341.235.307.791)	10.780.028.795.300
Tài sản bộ phận	*18.569.698.514.348*	*1.424.702.434.411*	*126.863.154.332*	*(10.184.575.139.961)*	*9.936.688.963.130*
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	*843.339.832.170*	*843.339.832.170*
Tổng nợ phải trả	11.993.053.316.849	746.922.570.964	-	(6.024.068.533.082)	6.715.907.354.731
Nợ phải trả bộ phận	*11.993.053.316.849*	*746.922.570.964*	-	*(6.024.068.533.082)*	*6.715.907.354.731*

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Bán nông sản	*Bán heo*	*Bán cám*	*Khác*	*Loại trừ*	*Hợp nhất*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Doanh thu thuần bộ phận						
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.301.658.870.470	5.307.346.880.841	2.119.632.465.339	80.068.977.931	(4.168.021.460.313)	5.640.685.734.268
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	-	(1.979.412.603.920)	(2.108.779.932.139)	(79.828.924.254)	4.168.021.460.313	-
Tổng doanh thu thuần	**2.301.658.870.470**	**3.327.934.276.921**	**10.852.533.200**	**240.053.677**	-	**5.640.685.734.268**
Kết quả						
Lợi nhuận gộp	45.776.561.380	675.806.735.345	(5.180.667.975)	(125.445.139)	-	716.277.183.611
Doanh thu hoạt động tài chính						22.223.669.006
Chi phí tài chính						(222.236.807.563)
Chi phí bán hàng						(76.630.177.559)
Chi phí quản lý doanh nghiệp						(137.280.743.174)
Thu nhập khác						110.219.000.409
Chi phí khác						(6.323.112.507)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(56.645.068.978)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						(30.667.629.197)
Lợi nhuận sau thuế TNDN						318.936.314.048
Tài sản và nợ phải trả						
Tổng tài sản	188.713.231.186	11.833.424.987.087	1.103.277.892.059	-	(5.676.386.065.827)	7.449.030.044.505
Tài sản bộ phận	*188.713.231.186*	*11.833.424.987.087*	*1.103.277.892.059*	-	*(6.115.990.995.571)*	*7.009.425.114.761*
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	-	*439.604.929.744*	*439.604.929.744*
Tổng nợ phải trả	1.771.091.171.271	6.024.380.392.818	520.437.122.564	-	(3.802.630.295.766)	4.513.278.390.887
Nợ phải trả bộ phận	*1.771.091.171.271*	*6.024.380.392.818*	*520.437.122.564*	-	*(3.802.630.295.766)*	*4.513.278.390.887*

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

36. CÁC CAM KẾT

36.1 *Cam kết thuê hoạt động*

Nhóm Công ty hiện đang thuê các trang trại theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	316.113.059.105	249.819.017.836
Từ 1 năm đến 5 năm	1.189.172.002.480	900.055.598.255
Trên 5 năm	1.912.231.211.436	1.486.301.136.364
TỔNG CỘNG	**3.417.516.273.021**	**2.636.175.752.455**

36.2 *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Thành Đạt Gia Lai	662.263.034.724	-
Dự án Giai Xuân	417.961.139.495	630.414.122.607
Dự án Tây An Khánh	174.538.923.082	422.135.048.183
Dự án Nhà máy Cám Bình Định	131.756.886.330	-
Dự án Sông Hinh	41.658.978.421	204.138.123.767
Dự án Hải Đăng	-	132.524.438.842
Dự án Nhà máy Cám Tây Ninh	-	93.286.891.720
Dự án Tân Châu	-	13.974.600.329
TỔNG CỘNG	**1.428.178.962.052**	**1.496.473.225.448**

36.3 *Các cam kết liên quan đến việc mua công ty con (Thuyết minh số 8)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc mua các công ty con như sau:

VND

	Giá trị hợp đồng	*Giá trị cam kết*
Công ty Cổ phần Sản xuất Rừng Xanh	179.840.000.000	159.840.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết	150.000.000.000	120.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát	145.000.000.000	115.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Khuyên Nam Tiến	50.000.000.000	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Kim QT	35.000.000.000	29.382.002.750
Công ty Cổ phần Việt Thái HT	35.000.000.000	28.971.021.500
Công ty Cổ phần Toàn Thắng HT	35.000.000.000	29.623.451.000
Công ty Cổ phần Thành Sen HT - QT	35.000.000.000	28.962.896.750
Công ty Cổ phần Hoàng Kim HT - QT	35.000.000.000	28.963.707.500
Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương	30.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	**729.840.000.000**	**591.243.079.500**

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2026, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Khôi Dương từ bên thứ ba với tổng giá mua là 29.997.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 3 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2025. Theo đó, Khôi Dương trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Ngoài sự kiện nêu trên và sự kiện được nêu tại *Thuyết minh số 21*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thủy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 so với năm 2024	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính Hợp nhất Kiểm toán năm 2025 so với năm 2024 như sau:

Tại Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			Số tiền (VND)	%
Lợi nhuận trước thuế	99.838.409.483	406.249.012.223	(306.410.602.740)	-75%
Lợi nhuận sau thuế	127.130.389.938	318.936.314.048	(191.805.924.110)	-60%

1. Các điểm tích cực:

- Trong năm 2025, BAF tiếp tục mở rộng quy mô vận hành, với nhiều trại mới được đưa vào hoạt động, sản lượng xuất bán duy trì xu hướng tăng, nâng tổng sản lượng cả năm đạt khoảng gần 800.000 con, tương đương tăng 140% so với mức 557.000 con năm trước. Doanh thu mảng chăn nuôi theo đó cũng ghi nhận đạt mức cao nhất lịch sử đạt hơn 5.000 tỷ đồng, là nền tảng để BAF tiếp tục tối ưu biên lợi nhuận trong các năm tới.
- Mảng thịt mảng, thịt chế biến tiếp tục cải thiện tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu, thể hiện định hướng chuyển dịch sang các sản phẩm cuối chuỗi có giá trị gia tăng cao hơn. Việc mở rộng và tối ưu chuỗi giá trị từ con giống – thức ăn – chăn nuôi – giết mổ – chế biến – phân phối giúp BAF từng bước giảm phụ thuộc vào biến động giá heo hơi, qua đó ổn định biên lợi nhuận gộp và hạn chế rủi ro chu kỳ đối với doanh nghiệp.
- Dù kết quả kinh doanh Q4/2025 chịu nhiều áp lực, tháng 12/2025 đã ghi nhận lợi nhuận dương trở lại nhờ giá heo hơi phục hồi so với vùng đáy tháng 10–11/2025 cũng như chi phí chăn nuôi được kiểm soát tốt hơn. Diễn biến này cho thấy biên lợi nhuận đã có dấu hiệu chạm đáy và bước vào giai đoạn cải thiện, tạo tiền đề tích cực cho kết quả kinh doanh trong các quý tiếp theo khi giá heo và nhu cầu tiêu thụ mùa Tết duy trì xu hướng hồi phục.

2. Nguyên nhân chính khiến kết quả năm 2025 đặc biệt Q4 không đạt kỳ vọng

- Giá heo hơi giảm sâu trong giai đoạn tháng 10-11/2025, xuống vùng đáy khoảng 45-46.000 đ/kg, do ảnh hưởng đồng thời của dịch bệnh (ASF), thiên tai diện rộng khiến biên lợi nhuận gộp bị thu hẹp đáng kể.
- Chi phí sản xuất tăng cao trong Q4.2025, bao gồm chi phí phòng chống dịch, chi phí xử lý môi trường, và chi phí vận hành phát sinh do điều kiện thời tiết bất lợi, làm giá thành bình quân tăng trong khi giá bán giảm.
- Việc đưa nhiều trại mới vào vận hành trong năm 2025 khiến chi phí cố định (nhân sự, điện nước, khấu hao, chi phí vận hành ban đầu) tăng nhanh, trong khi hiệu suất chưa đạt mức tối ưu ngay trong giai đoạn đầu. Điều này khiến biên lợi nhuận gộp chưa phản ánh hết tiềm năng của hệ thống trại, đồng thời tạo áp lực lên dòng tiền và các chỉ số tài chính ngắn hạn trong Q4/2025. Tuy nhiên, khi sản lượng tăng dần và quy trình vận hành đi vào ổn định trong năm 2026, chi phí đơn vị kỳ vọng sẽ giảm đáng kể, giúp cải thiện lợi nhuận.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cám ơn./.

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán như sau:

Tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2025 sau kiểm toán (VND)	Năm 2025 trước kiểm toán (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			VND	%
Lợi nhuận trước thuế năm 2025_Báo cáo riêng	64.115.727.401	66.290.562.570	(2.174.835.169)	-3%
Lợi nhuận sau thuế năm 2025_Báo cáo riêng	98.276.927.156	67.435.082.508	30.841.844.648	46%
Lợi nhuận trước thuế năm 2025_Báo cáo hợp nhất	99.838.409.483	101.923.057.760	(2.084.648.277)	-2%
Lợi nhuận sau thuế năm 2025_Báo cáo hợp nhất	127.130.389.938	100.446.618.025	26.683.771.913	27%

Lợi nhuận trước thuế trước và sau kiểm toán không có sự chênh lệch nhiều, phần chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán chủ yếu phát sinh từ việc ghi nhận tăng tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ được chuyển sang các kỳ sau. Khoản lỗ này là các khoản lỗ phát sinh trong giai đoạn đầu hoạt động của một số trang trại, khi chi phí còn cao và hiệu quả vận hành chưa tối ưu. Các khoản lỗ này được phép chuyển sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận khi hoạt động ổn định, qua đó làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp trong tương lai.

Việc điều chỉnh này được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, căn cứ vào khả năng tạo ra thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển tiếp, qua đó làm thay đổi chi phí thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế trong kỳ.

Việc ghi nhận và điều chỉnh nêu trên được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và các quy định pháp luật hiện hành, nhằm đảm bảo phản ánh hợp lý, nhất quán và minh bạch tình hình tài chính của Công ty.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cám ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

Interim separate financial statements

For the six-month period ended 30 June 2026

Shape the future
with confidence

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

Interim separate financial statements

For the six-month period ended 30 June 2026

CONTENTS

	Pages
General information	1
Report of the management	2
Report on review of interim separate financial statements	3 - 4
Interim separate statement of financial position	5 - 7
Interim separate income statement	8
Interim separate cash flow statement	9 - 10
Notes to the interim separate financial statements	11 - 74

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

GENERAL INFORMATION

THE COMPANY

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("the Company") is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Enterprise Registration Certificate ("ERC") No. 0107795944 issued by the Department of Finance ("DF") of Hanoi City (formerly known as Department of Planning and Investment of Hanoi City) on 7 April 2017, as amended, and the latest amendment being the 23rd issued by the DF of Ho Chi Minh City on 10 July 2026.

The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange ("HOSE") with trading code of BAF in accordance with the Decision No. 641/QĐ-SGDHCM issued by HOSE on 24 November 2021.

The current principal activities of the Company are to carry out the mixed farming activities, produce animal feed, process and preserve meat.

The Company's registered head office is located at the 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam. Also, the Company has five (5) independent branches located in the cities and provinces of Vietnam including Ho Chi Minh City, Dong Nai Province, Ha Noi City, Tay Ninh Province and Nghe An Province.

BOARD OF DIRECTORS

The members of the Board of Directors ("BOD") during the period and at the date of this report are:

Mr Truong Sy Ba	Chairman	
Ms Bui Huong Giang	Member	
Mr Prasad Gopalan	Member	
Mr Nguyen Thanh Tan	Independent Member	
Mr Nguyen Van Phu	Independent Member	appointed on 23 April 2026
Mr Le Xuan Tho	Independent Member	resigned on 23 April 2026

BOARD OF SUPERVISION

The members of the Board of Supervision ("BOS") during the period and at the date of this report are:

Ms Duong Thi Hong Tan	Head
Ms Tran Thi Thanh Tra	Member
Ms Luu Ngoc Tram	Member

MANAGEMENT

The members of the management during the period and at the date of this report are:

Ms Bui Huong Giang	General Director	
Mr Truong Anh Tuan	Deputy General Director	
Mr Nguyen Van Minh	Deputy General Director	
Mr Ngo Cao Cuong	Deputy General Director	
Mr Ngo Cao Cuong	Chief Financial Officer	resigned on 18 March 2026
Mr Nguyen Pham Xuan Quang	Chief Financial Officer	appointed on 18 March 2026

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the period and at the date of this report is Ms Bui Huong Giang.

AUDITOR

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.

REPORT OF THE MANAGEMENT

The management of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("the Company") is pleased to present this report and the interim separate financial statements of the Company for the six-month ended 30 June 2026.

THE MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE INTERIM SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

The management is responsible for the interim separate financial statements of each financial period which give a true and fair view of the interim separate financial position of the Company and of the interim separate results of its operations and its interim separate cash flows for the period. In preparing those interim separate financial statements, the management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the interim separate financial statements; and
- prepare the interim separate financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the interim separate financial position of the Company and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying interim separate financial statements.

STATEMENT BY THE MANAGEMENT

The management does hereby state that, in its opinion, the accompanying interim separate financial statements give a true and fair view of the interim separate financial position of the Company as at 30 June 2026 and of the interim separate results of its operations and its interim separate cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the interim separate financial statements.

The Company has subsidiaries as disclosed in in the interim separate financial statements. The Company prepared these interim separate financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System, and the relevant legal regulations on the preparation and presentation of interim separate financial statements. In addition, the Company has also prepared of the interim consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries ("the Group") for the six-month period ended 30 June 2026 dated 28 August 2026 in accordance with the above prevailing regulations on the preparation and presentation of interim consolidated financial statements.

Users of these interim separate financial statements should read them together with the said interim consolidated financial statements of the Group in order to obtain full information on the interim consolidated financial position, interim consolidated results of operations and interim consolidated cash flows of the Group.

For and on behalf of the management:

28 August 2026

GENERAL DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bui Huong Giang

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Reference: 12943524/69497444/LR

REPORT ON REVIEW OF INTERIM SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

To: The Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

We have reviewed the accompanying interim separate financial statements of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("the Company") as prepared on 28 August 2026 and set out on pages 5 to 74, which comprise the interim separate statement of financial position as at 30 June 2026, the interim separate income statement and the interim separate cash flow statement for the six-month period then ended and the notes thereto.

The management's responsibility

The Company's management is responsible for the preparation and true and fair presentation of these interim separate financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the interim separate financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of the interim separate financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on the interim separate financial statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review Engagements No. 2410 - Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying interim separate financial statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the interim separate financial position of the Company as at 30 June 2026, and of the interim separate results of its operations and its interim separate cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the interim separate financial statements.

Ho Chi Minh City, Vietnam

28 August 2026

Ernst & Young Vietnam Limited

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Hang Nhat Quang
Deputy General Director
Audit Practicing Registration Certificate
No. 1772-2023-004-1

A member firm of Ernst & Young Global Limited

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2026

VND

ASSETS	Code	Notes	Ending balance	Beginning balance
A. CURRENT ASSETS	**100**		**5,754,987,957,647**	**4,988,254,708,676**
I. Cash	***110***	***4***	***371,662,017,859***	***193,464,572,724***
1. Cash	111		371,662,017,859	193,464,572,724
II. Current investment	***120***		***2,196,857,155,218***	***1,898,772,658,161***
1. Held-to-maturity investments	123	5	2,196,857,155,218	1,898,772,658,161
III. Current receivables	***130***		***1,281,369,547,198***	***1,139,300,313,297***
1. Short-term trade receivables	131	6	485,505,214,325	470,255,224,734
2. Short-term advances to suppliers	132	7	362,819,537,667	358,968,990,702
3. Other short-term receivables	135	8	442,099,632,776	319,422,437,914
4. Provision for short-term doubtful receivables	136	6, 7, 8, 9	(9,054,837,570)	(9,346,340,053)
IV. Inventory	***140***	***10***	***220,818,471,798***	***172,230,503,620***
1. Inventories	141		220,818,471,798	172,230,503,620
V. Current biological asset	***150***		***1,653,466,619,838***	***1,549,126,179,634***
1. Short-term livestock raised for single harvest	151	11.1	1,653,466,619,838	1,549,126,179,634
VI. Other current assets	***160***		***30,814,145,736***	***35,360,481,240***
1. Short-term deferred expenses	161	17	26,186,974,456	28,068,778,626
2. Deductible value-added tax	162	20	4,450,951,285	4,539,523,779
3. Tax and other receivables from the State	163	20	176,219,995	2,752,178,835

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued)

As at 30 June 2026

VND

ASSETS	Code	Notes	Ending balance	Beginning balance
B. NON-CURRENT ASSETS	**200**		**5,980,452,680,725**	**4,950,493,158,142**
I. Non-current receivable	***210***		***387,539,230,892***	***234,337,891,249***
1. Other long-term receivables	215	8	387,539,230,892	234,337,891,249
II. Fixed assets	***220***		***360,988,139,657***	***322,094,673,829***
1. Tangible fixed assets	221	12	333,989,741,537	294,615,813,754
Cost	222		467,546,928,464	404,109,710,982
Accumulated depreciation	223		(133,557,186,927)	(109,493,897,228)
2. Finance leases	224	13	10,984,935,551	11,724,717,748
Cost	225		14,086,397,917	14,086,397,917
Accumulated depreciation	226		(3,101,462,366)	(2,361,680,169)
3. Intangible fixed assets	227	14	16,013,462,569	15,754,142,327
Cost	228		19,051,022,000	17,621,166,500
Accumulated amortisation	229		(3,037,559,431)	(1,867,024,173)
III. Non-current biological assets	***230***		***482,465,202,648***	***448,410,003,536***
1. Livestock raised for periodic harvest	231		482,465,202,648	448,410,003,536
a) Mature livestock raised for periodic harvest	233	11.2	482,465,202,648	448,410,003,536
Cost	234		652,509,418,623	588,885,060,038
Accumulated depreciation	235		(170,044,215,975)	(140,475,056,502)
IV. Non-current asset in progress	***250***		***876,209,168,429***	***346,780,979,074***
1. Construction in progress	252	15	876,209,168,429	346,780,979,074
V. Non-current investments	***260***		***3,720,314,502,747***	***3,441,568,963,143***
1. Investments in subsidiaries	261	16.1	3,654,590,212,419	3,453,593,212,419
2. Provision for diminution in value of long-term investments in other entities	264	16.1	(12,024,249,276)	(12,024,249,276)
3. Held-to-maturity investments	265	16.2	77,748,539,604	-
VI. Other non-current assets	***270***		***152,936,436,352***	***157,300,647,311***
1. Long-term deferred expenses	271	17	124,372,105,863	121,904,693,728
2. Deferred tax assets	272	31.3	28,564,330,489	35,395,953,583
TOTAL ASSETS (280 = 100 + 200)	**280**		**11,735,440,638,372**	**9,938,747,866,818**

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued)

As at 30 June 2026

VND

RESOURCES	Code	Notes	Ending balance	Beginning balance
C. LIABILITIES	**300**		**7,578,601,716,814**	**5,897,795,876,837**
I. Current liabilities	***310***		***4,525,164,995,494***	***4,644,725,680,146***
1. Short-term trade payables	311	18	1,911,999,112,105	1,796,540,385,037
2. Short-term advances from customers	312	19	6,783,733,972	5,999,034,857
3. Short-term statutory obligations	314	20	2,844,928,023	1,938,068,126
4. Payables to employees	315		53,474,702,929	45,614,153,141
5. Short-term accrued expenses	316	21	114,261,686,394	24,919,655,716
6. Other short-term payables	320	22	79,903,247,038	87,708,498,780
7. Short-term loans and finance lease obligation	321	23	2,355,897,585,033	2,682,005,884,489
II. Non-current liabilities	***330***		***3,053,436,721,320***	***1,253,070,196,691***
1. Other long-term liabilities	338	22	45,786,770,902	38,300,000,000
2. Long-term loans and finance lease obligations	339	23	2,494,575,381,132	714,659,160,840
3. Convertible bonds	340	23.6	513,074,569,286	500,111,035,851
D. OWNERS' EQUITY	**400**		**4,156,838,921,558**	**4,040,951,989,981**
1. Owners' contributed capital	411	24.1	3,040,216,420,000	3,040,216,420,000
- *Ordinary shares with voting rights*	*411a*		*3,040,216,420,000*	*3,040,216,420,000*
2. Share premium	412	24.1	52,603,680,000	356,620,000,000
3. Convertible bond - options	413	24.1	137,648,613,977	137,648,613,977
4. Other owners' capital	414		608,032,640,000	-
5. Undistributed earnings	420	24.1	318,337,567,581	506,466,956,004
- *Undistributed earnings by the end of prior period*	*420a*		*202,450,636,004*	*408,190,028,848*
- *Undistributed earnings of current period*	*420b*		*115,886,931,577*	*98,276,927,156*
TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY (440 = 300 + 400)	**440**		**11,735,440,638,372**	**9,938,747,866,818**

Approved, 28 August 2026

PREPARER	CHIEF ACCOUNTANT	LEGAL REPRESENTATIVE
Phan Thi Khanh Dung	Phan Thi Kim Trang	Bui Huong Giang

INTERIM SEPARATE INCOME STATEMENT

for the six-month period ended 30 June 2026

VND

ITEMS	Code	Notes	Current period	Previous period
1. Revenue from sale of goods and rendering of services	01	25.1	3,570,762,498,417	2,595,626,906,808
2. Revenue deductions	02	25.1	15,715,976,258	449,017,170
3. Net revenue from sale of goods and rendering of services (10 = 01 - 02)	10	25.1	3,555,046,522,159	2,595,177,889,638
4. Cost of goods sold and services rendered	11	27	3,205,095,177,795	2,375,773,321,776
5. Gross profit from sale of goods and rendering of services (20 = 10 - 11)	20		349,951,344,364	219,404,567,862
6. Finance income	22	25.2	232,968,180,283	151,747,667,797
7. Finance expenses	23	26	215,172,364,056	114,861,151,930
- In which: Interest expenses	*24*		*214,944,540,748*	*110,117,124,230*
8. Selling expenses	25	28	79,095,850,325	63,749,721,638
9. General and administrative expenses	26	28	131,511,798,578	88,790,106,781
10. Operating profit {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		157,139,511,688	103,751,255,310
11. Other income	31	29	2,287,541,361	7,850,090,946
12. Other expenses	32	29	17,658,955,632	2,963,664,277
13. Other (loss) profit (40 = 31 - 32)	40	29	(15,371,414,271)	4,886,426,669
14. Accounting profit before tax (50 = 30 + 40)	50		141,768,097,417	108,637,681,979
15. Current corporate income tax expense	51	31.1	19,049,542,746	6,562,034,885
16. Deferred tax expense (income)	52	31.3	6,831,623,094	(1,541,496,075)
17. Net profit after corporate income tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		115,886,931,577	103,617,143,169

Approved, 28 August 2026

PREPARER	CHIEF ACCOUNTANT	LEGAL REPRESENTATIVE
Phan Thi Khanh Dung	Phan Thi Kim Trang	Bui Huong Giang

INTERIM SEPARATE CASH FLOW STATEMENT

for the six-month period ended 30 June 2026

VND

ITEMS	Code	Notes	Current period	Previous period
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
1. Accounting profit before tax	**01**		**141,768,097,417**	**108,637,681,979**
2. Adjustments for:				
- Depreciation and amortisation	02	11.2, 12, 13, 14	123,923,745,559	74,232,328,312
- (Reversal of provisions) provisions	03		(291,502,483)	2,627,406,919
- Foreign exchange gains arisen from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency	04		(219,932,029)	(692,071,257)
- Profits from investing and financing activities	05		(230,458,879,901)	(150,377,904,912)
- Borrowing costs and bond issuance cost	06	26	214,944,540,748	110,117,124,230
3. Operating profit before changes in working capital	**08**		**249,666,069,311**	**144,544,565,271**
- Increase, decrease in receivables	09		(148,203,052,462)	64,867,516,016
- Increase, decrease in inventories	10		(152,928,408,382)	2,654,890,373
- Increase, decrease in payables	11		412,111,995,420	(640,654,168,399)
- Increase in deferred expenses	12		(585,607,965)	(84,839,997,901)
- Borrowing costs paid	14		(133,612,395,610)	(83,497,718,198)
- Corporate income tax paid	15	20	(19,049,542,746)	(43,014,138,084)
Net cash flows from (used in) operating activities	**20**		**207,399,057,566**	**(639,939,050,922)**
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
1. Payment for the purchase, construction of fixed assets	21		(982,707,127,335)	(350,665,760,352)
2. Proceeds from disposal of fixed assets	22		254,519,501,239	72,470,891,922
3. Placements of term deposits at banks and loans to other entities	23		(816,134,336,211)	(962,167,147,264)
4. Collections from term deposits at bank and borrowers	24		487,737,873,672	710,763,606,034
5. Payments for investments in other entities	25		(439,612,583,500)	(1,211,031,588,000)
6. Interest and dividends received	27		29,894,871,098	17,960,860,380
Net cash flows used in investing activities	**30**		**(1,466,301,801,037)**	**(1,722,669,137,280)**

INTERIM SEPARATE CASH FLOW STATEMENT (continued)

for the six-month period ended 30 June 2026

VND

ITEMS	Code	Notes	Current period	Previous period
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
1. Proceeds from issuance of shares	31		-	1,006,620,000,000
2. Drawdown of borrowings	33		2,731,081,366,417	2,200,285,805,537
3. Repayment of borrowings	34		(1,292,572,538,017)	(757,569,093,496)
4. Payment of principal of finance lease liabilities	35		(1,408,639,794)	(1,760,799,738)
Net cash flows from financing activities	**40**		**1,437,100,188,606**	**2,447,575,912,303**
Net cash flows for the period (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**178,197,445,135**	**84,967,724,101**
Cash at the beginning of the period	**60**		**193,464,572,724**	**102,785,712,771**
Cash at the end of the period (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**4**	**371,662,017,859**	**187,753,436,872**

Approved, 28 August 2026

PREPARER	CHIEF ACCOUNTANT	LEGAL REPRESENTATIVE
Phan Thi Khanh Dung	Phan Thi Kim Trang	Bui Huong Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

1. CORPORATE INFORMATION

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("the Company") is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Enterprise Registration Certificate ("ERC") No. 0107795944 issued by the Department of Finance ("DF") of Hanoi City (formerly known as Department of Planning and Investment of Hanoi City) on 7 April 2017, as amended, and the latest amendment being the 23rd issued by the DF of Ho Chi Minh City on 10 July 2026.

The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange ("HOSE") with trading code BAF in accordance with the Decision No. 641/QĐ-SGDHCM issued by HOSE on 24 November 2021.

The current principal activities of the Company are to carry out the mixed farming activities, produce animal feed, process and preserve meat.

The Company's registered head office is located at the 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam. Also, the Company has five (5) independent branches located in the cities and provinces of Vietnam including Ho Chi Minh City, Dong Nai Province, Ha Noi City, Tay Ninh Province and Nghe An Province.

The number of the Company's employees as at 30 June 2026 was 2,621 persons (31 December 2025: 1,958).

1. CORPORATE INFORMATION (continued)

Corporate structure

As at 30 June 2026, the Company has 34 subsidiaries (31 December 2025: 29 subsidiaries) as follows:

Name of subsidiary	*Location*	*Operation*	*% voting right*		*% ownership*	
			30 June 2026	*31 December 2025*	*30 June 2026*	*31 December 2025*
(1) Anh Vu Phu Yen Company Limited ("Anh Vu Phu Yen")	Dak Lak	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(2) Bao Ngoc Livestock Company Limited ("Bao Ngoc Livestock")	Dak Lak	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(3) Minh Thanh Livestock Production Trading Service Company Limited ("Minh Thanh Livestock")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(4) Bac An Khanh Production Trading Service Company Limited ("Bac An Khanh")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(5) Dong An Khanh Production Trading Service Company Limited ("Dong An Khanh")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(6) Nam An Khanh Livestock Company Limited ("Nam An Khanh")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(7) Green Farm 1 Investment Company Limited ("Green Farm 1")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(8) Green Farm 2 Investment Company Limited ("Green Farm 2")	Tay Ninh	Animal husbandry	99.69%	99.69%	99.69%	99.69%
(9) Hai Dang Tay Ninh High-Technology Livestock Joint Stock Company ("Hai Dang Tay Ninh")	Tay Ninh	Animal husbandry	99.82%	99.82%	99.82%	99.82%
(10) Song Hinh High-Technology Livestock Company Limited ("Song Hinh")	Dak Lak	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(11) BAF Tay Ninh Feed Company Limited ("BAF Tay Ninh")	Tay Ninh	Animal feed manufacturing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%

1. CORPORATE INFORMATION (continued)

Corporate structure (continued)

Name of subsidiary	*Location*	*Operation*	*% voting right*		*% ownership*	
			30 June 2026	*31 December 2025*	*30 June 2026*	*31 December 2025*
(12) BAF Binh Dinh Agricultural Company Limited ("BAF Binh Dinh")	Gia Lai	Animal feed manufacturing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(13) BAF Meat Binh Phuoc One Member Company Limited (BAF Meat Binh Phuoc")	Dong Nai	Pig slaughter and processing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(14) Tam Hung Services Trading Company Limited ("Tam Hung")	Tay Ninh	Animal husbandry	99.98%	99.98%	99.98%	99.98%
(15) Tan Chau Agriculture Investment Company Limited ("Tan Chau")	Tay Ninh	Animal husbandry	99.95%	99.95%	99.95%	99.95%
(16) Thien Phu Son Export Import Trading and Production Company Limited ("Thien Phu Son")	Dong Nai	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(17) Kim Hoi Livestock Trading Production Company Limited ("Kim Hoi Livestock")	Dong Nai	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(18) BAF Microbiological Organic Fertilizer Company Limited ("BAF Microbiological Organic Fertilizer")	Ho Chi Minh City	Manufacturing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(19) BAF Vietnam Logistic Company Limited ("Logistic BAF")	Ho Chi Minh City	Transportation	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(20) BAF Tay Ninh Food Processing Company Limited ("BAF Tay Ninh Food Processing ")	Tay Ninh	Food processing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(21) Tay An Khanh Company Limited ("Tay An Khanh")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(22) Thanh Xuan Clean Agriculture Development Joint Stock Company ("Thanh Xuan")	Thanh Hoa	Farming and animal husbandry	99.99%	99.99%	99.99%	99.99%
(23) BAF Tay Ninh 1 High-Tech Livestock Breeding Company Limited ("BAF Tay Ninh 1 High-Tech")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%

1. CORPORATE INFORMATION (continued)

Corporate structure (continued)

Name of subsidiary	*Location*	*Operation*	*% voting right*		*% ownership*	
			30 June 2026	*31 December 2025*	*30 June 2026*	*31 December 2025*
(24) BAF Tay Ninh 2 High-Tech Livestock Breeding Company Limited ("BAF Tay Ninh 2 High-Tech")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(25) BAF Tay Ninh 1 Animal Feed Manufacturing Company Limited ("BAF Tay Ninh 1")	Tay Ninh	Animal feed manufacturing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(26) TMC Livestock Joint Stock Company ("TMC Livestock")	Gia Lai	Animal husbandry	99.98%	99.98%	99.98%	99.98%
(27) Hoa Phat Bon Limited Company ("Hoa Phat Bon")	Gia Lai	Animal husbandry	99.99%	99.99%	99.99%	99.99%
(28) Thanh Dat Gia Lai High-Tech Livestock Joint Stock Company ("Thanh Dat Gia Lai")	Gia Lai	Animal husbandry	99.99%	99.99%	99.99%	99.99%
(29) BAF Ninh Binh Food Company Limited ("BAF Ninh Binh")	Ninh Binh	Food processing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(30) Khoi Duong Limited Company ("Khoi Duong")	Gia Lai	Animal husbandry	99.99%	-	99.99%	-
(31) BAF Ha Noi 1 High-Tech Livestock Breeding Company Limited ("BAF Ha Noi 1 High-Tech")	Ha Noi	Animal husbandry	100.00%	-	100.00%	-
(32) BAF Ha Noi 2 High-Tech Livestock Breeding Company Limited ("BAF Ha Noi 2 High-Tech")	Ha Noi	Animal husbandry	100.00%	-	100.00%	-
(33) BAF Ha Noi Food Processing Company Limited ("BAF Ha Noi Food Processing")	Ha Noi	Food processing	100.00%	-	100.00%	-
(34) BAF Binh Minh Food Processing Company Limited ("BAF Binh Minh Food Processing")	Ha Noi	Food processing	100.00%	-	100.00%	-

2. BASIS OF PREPARATION

2.1 Purpose of preparing the separate financial statements

The Company has subsidiaries as disclosed in Notes 1 and 16.1. The Company prepared these interim separate financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System, and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of interim separate financial statements. In addition, the Company has also prepared the interim consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries ("the Group") for the six-month period ended 30 June 2026 dated 28 August 2026 in accordance with the above prevailing regulations on the preparation and presentation of interim consolidated financial statements.

Users of the interim separate financial statements should read them together with the said interim consolidated financial statements in order to obtain full information on the interim consolidated financial position, interim consolidated results of operations and interim consolidated cash flows of the Group.

2.2 Accounting standards and system

The interim separate financial statements of the Company, expressed in Vietnam dong ("VND"), are prepared in compliance and accordance with the Vietnamese Enterprise Accounting System, Vietnamese Accounting Standard No.27 – Interim Financial Statements and other Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QD-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QD-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QD-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QD-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QD-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying interim separate financial statements and their use are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the interim separate financial position and interim separate results of operations and interim separate cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.3 Applied accounting documentation system

The Company's applied accounting documentation system is the General Journal system.

2.4 Reporting period

The Company's fiscal year applicable for the preparation of its separate financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

These interim separate financial statements are prepared for the six-month period ended 30 June 2026.

2.5 Accounting currency

The interim separate financial statements are prepared in VND which is also the Company's accounting currency.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1 Changes in accounting policies and disclosures

The accounting policies adopted by the Company in preparation of the interim separate financial statements are consistent with those followed in the preparation of the Company's annual separate financial statements for the year ended 31 December 2025 and the interim separate financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 except for the changes in the accounting policies in relation to the arising from the initial adoption of Circular No. 99/2025/TT-BTC.

3.1.1 Changes in accounting policies due to the adoption of new accounting regulations: Circular No. 99/2025/TT-BTC guiding the Enterprise Accounting System

On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC providing guidance on the enterprise accounting system ("Circular 99"), replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC providing guidance on the enterprise accounting regime issued by the Ministry of Finance on 22 December 2014 and several other related regulations.

The Company has applied changes in accounting policies in accordance with Circular 99, which have affected the Company on a prospective basis, as Circular 99 does not require retrospective application for these changes. Accordingly, the Company has re-presented the corresponding figures of certain line items to conform with the presentation under Circular 99, as disclosed in Note 34.

3.2 Cash

Cash comprise cash on hand, cash at banks.

3.3 Inventories

Inventories are measured at their historical costs. The cost of inventories comprises costs of purchase, costs of conversion (including raw materials, direct labor cost, other directly related cost, manufacturing general overheads allocated based on the normal operating capacity) incurred in bringing the inventories to their present location and condition.

In case the net realizable value is lower than the cost, it must be calculated according to the net realizable value.

Net realisable value ("NRV") represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The Company determines quantities and value of inventories issued in the period based on determining quantities and value for each incurred transaction, and recognises value of the inventories issued as follows:

Raw materials, merchandise goods and tools and supplies	- Cost of purchase on a weighted average basis.
Finished goods and work-in-process	- Cost of finished goods and work-in-process on a weighted average basis.

Provision for diminution in value of inventories

An inventory provision represents the estimated loss to reflect the decrease in value of inventories (through diminution, damage, obsolescence, etc.) below their carrying amount, and is intended to cover actual losses incurred from the decline in value of raw materials, finished goods and other inventories. The Company recognises the inventory provision when there is evidence that the net realisable value is lower than the cost of inventories.

Increases or decreases to the provision balance are recognised in cost of goods sold in the interim separate income statement. When inventories expire, become obsolete, are damaged or are no longer usable, the difference between the provision previously made and the historical cost of inventories is included in the interim separate income statement.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.4 Receivables

Receivables are presented in the interim separate statement of financial position at the carrying amounts due from customers and other debtors, after deducting provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the end of the period which are doubtful of being recovered. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the interim separate income statement. When bad debts are determined as unrecoverable and are written off those bad debts, the difference between the provision for doubtful receivables previously made and historical cost of receivables is included in the interim separate income statement.

3.5 Biological assets

Livestock raised for single harvest

Livestock raised for single harvest of the Company comprises pigs.

The cost of short-term livestock raised for single harvest includes all costs incurred for the purchase, care and raising of such livestock, as well as other directly attributable costs incurred in relation to these biological assets.

Livestock raised for periodic harvest

Livestock raised for periodic harvest of the Company comprise pigs. The accounting treatment is as follows:

- The cost of livestock raised for periodic harvest includes costs incurred for the purchase, care, raising of such livestock and other directly attributable costs from initial recognition up to the stage of maturity (i.e. when the biological assets are ready to produce agricultural products or are capable of performing specific functions in accordance with the relevant technical requirements).
- Upon reaching the maturity stage, the Company commences depreciating of the biological assets based on their depreciable amount.
- When breeding biological assets generate new biological assets (e.g. breeding sows give birth to piglets): the cost of the newly generated biological assets (piglets) comprises the portion of care and rearing costs incurred during the period attributable to such newly generated biological assets, together with the depreciation expense of the parent biological assets.

In cases where the costs of care incurred do not result in an increase in the future economic benefits of the Company, such costs are recognised as production and business expenses in the period in which they are incurred.

Provision for diminution in value of biological assets

A provision for diminution in value of biological assets is recognised when there is evidence that the net realisable value is lower than the cost of the biological assets. At the end of the period, the Company assesses the quantity, cost and net realisable value of each type of biological assets to determine the amount of provision for diminution in value of biological assets to be recognised or reversed.

Increase or decrease in the provision for diminution in value of biological assets is recognised in cost of goods sold in the interim separate income statement.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.6 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets comprise assets with physical substance held by the enterprise for use in production and business activities.

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to the location and condition necessary for it to be capable of operating as intended by the Company.

Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the interim separate income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the interim separate income statement.

3.7 Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortisation.

The cost of an intangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible fixed asset to a condition for it to be capable of operating for its intended use of the Company.

Expenditures for additions, improvements are added to the carrying amount of the assets and other expenditures are charged to the interim separate income statement as incurred.

When intangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the interim separate income statement.

3.8 Leased assets

The determination of whether an arrangement is, or contains a lease is based on the substance of the arrangement at inception date and requires an assessment of whether the fulfilment of the arrangement is dependent on the use of a specific asset and the arrangement conveys a right to use the asset.

A lease is classified as a finance lease whenever the terms of the lease transfer substantially all the risks and rewards of ownership of the asset to the lessee. All other leases are classified as operating leases.

Where the Company is the lessee

Assets held under finance leases are capitalised in the separate statement of financial position at the inception of the lease at the fair value of the leased assets or, if lower, at the net present value of the minimum lease payments. The principal amount included in future lease payments under finance leases are recorded as a liability. The interest amounts included in lease payments are charged to the interim separate income statement over the lease term to achieve a constant rate on interest on the remaining balance of the finance lease liability.

Capitalised financial leased assets are depreciated using straight-line basis over the shorter of the estimated useful lives of the asset and the lease term, if there is no reasonable certainty that the Company will obtain ownership by the end of the lease term.

Rentals under operating leases are charged to the interim separate income statement on a straight-line basis over the lease term.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.9 Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets, depreciation of biological assets, amortisation of intangible fixed assets and finance leases, and amortisation of intangible fixed assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	3 - 15 years
Machinery and equipment	2 - 10 years
Means of transportation	3 - 10 years
Office equipment	5 years
Computer software	3 - 5 years
Livestock	4 years

Tangible fixed assets are depreciated from the time the assets are available for use. Intangible fixed assets are amortized from the time they are put into use.

3.10 Investments

Investments in subsidiaries

Investments in subsidiaries that are excluded from interim separate financial statements are carried at cost.

Distributions from accumulated net profits of the subsidiaries arising subsequent to the date of acquisition are recognised in the interim separate income statement. Distributions from sources other than from such profits are considered a recovery of investment and are deducted to the cost of the investment.

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are stated at costs.

Provision for diminution in value of investments

Provision for diminution in value of the investment is made when there are reliable evidences that a part or whole of an investment (including investments held to maturity, if any) has suffered a diminution in value or is not recoverable at the interim financial position date.

Increases or decreases to the provision balance are recorded as finance expense in the interim separate income statement.

3.11 Deferred expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the interim separate statement of financial position and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

The following types of expenses are recorded as long-term prepaid expenses and are amortised to the interim separate income statement:

- Tools and consumables with large value issued into production and can be used for more than one year;
- Substantial expenditure on fixed asset overhaul incurred one time; and
- Other deferred costs.

Prepaid land rental

The prepaid land rental represents the unamortised balance of advance payment made in accordance with lease contract signed with Department of Agriculture and Environment of Nghe An Province on 18 February 2025 for a period of 46 years. According to Circular No. 45/2013/TT-BTC issued by Ministry of Finance on 25 April 2013, providing guidance in management, use and depreciation of fixed assets, such prepaid rental is recognised as long-term prepaid expenses for allocation to the separate income statement over the remaining lease period.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.12 Construction in progress

Construction in progress represents the costs of acquiring new assets that have not yet been fully installed or the costs of construction that have not yet been fully completed. Construction in progress is stated at cost, which includes all necessary costs to construct, repair, renovate, expand, or re-equip the projects with technologies, such as construction costs, tools and equipment costs, project management costs, construction consulting costs, and borrowing costs that are eligible for capitalization.

Construction in progress will be transferred to the appropriate fixed asset account when these assets are fully installed or the construction project is fully completed, and depreciation of these assets will commence when they are ready for their intended use.

Construction costs are recognized as expenses when such costs do not meet the conditions to be recognized as fixed assets.

3.13 Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that the Company incurs in connection with the borrowing of funds and are recorded as expense during the period in which they are incurred, except to the extent that they are capitalised as explained in the following paragraph.

Borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction or production of an asset that necessarily take a substantial period of time to get ready for its intended use or sale are capitalised as part of the cost of the respective asset.

3.14 Payables

Trade and other payables comprise obligations of the Company to suppliers of materials and goods, service providers, vendors of property, plant and equipment and financial investments under executed economic contracts and amounts payable to main and subcontractors for construction and installation works.

3.15 Accruals

Accrued expenses comprise amounts payable for goods and services that have been received from suppliers or provided to customers during the reporting period but have not yet been paid due to the absence of sufficient supporting documents, accounting records or documentation and are recognised as production and business expenses of the reporting period.

3.16 Bonds issued

Straight bonds

At initial recognition, straight bonds are measured at cost which comprises proceed from issuance net of issuance costs. Any discount, premium or issuance costs are amortized on a straight-line basis over the term of the bond.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.16 Bonds issued (continued)

Convertible bond

Bonds that are convertible by the holder into a fixed number of ordinary shares of the Company are separated into financial liability (a contractual arrangement to deliver cash or other financial assets) and equity instrument (a call option granting the holder the right, for a specified period) based on the terms of the contract.

On issuance of the convertible bond, the fair value of the liability component is determined by discounting the future payment (including principal and interest) to present value at the market rate for an equivalent non-convertible bond less issuance cost.

The remainder of the proceeds is allocated to the conversion option that is recognised and included in shareholders' equity. The carrying amount of the conversion option is not re-measured in subsequent years.

Transaction costs are amortised during the lifetime of the bond. At initial recognition, issuance costs are deducted from the liability component of the bond.

3.17 Foreign currency transactions

Transactions denominated in currencies other than the accounting currency of the Company (VND) are initially recorded using the actual transaction exchange rates or carrying exchange rates, depending on the nature and substance of the underlying transactions and the principles for determining exchange rates at the transaction date, as follows:

Actual transaction exchange rates

Transactions denominated in currencies other than the accounting currency of the Company (VND) are recorded at the actual exchange rates at the transaction dates, being the average buying and selling transfer exchange rates of the commercial bank with which the entity frequently conducts transactions.

Where the commercial bank with which the Company frequently conducts transactions does not publish an exchange rate for the foreign currency in which transactions are denominated, the Company using an intermediate currency for translation into the entity's accounting currency, provided that such approach is applied consistently.

All foreign exchange differences incurred are taken to the interim separate income statement.

Carrying exchange rates

Carrying exchange rates include either specific actual carrying exchange rates or weighted-average carrying exchange rates. The application of specific actual carrying exchange rates or weighted-average carrying exchange rates depends on the characteristics and management requirements of foreign currency–denominated monetary items of the Company.

All foreign exchange differences incurred are taken to the interim separate income statement.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.18 Share capital

Ordinary shares

Ordinary shares with voting right are recognised at par value.

Share premium

Share premium is the difference between the par value and the issuance price of the shares, minus the actual issuance expenses incurred corresponding to the number of shares successfully issued. Issuance expense related to unsuccessful share are recognised as financial expenses.

3.19 Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discounts, rebates and sales returns. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

Sale of goods

Revenue is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

Rendering of services

Revenue from rendering of services is recognized when the services have been rendered and completed.

Rental income

Rental income arising from operating leases is recognised in the interim separate income statement on a straight-line basis over the terms of the lease.

Interest income

Interest income is recognised on an accrual basis based on the time and actual interest rate for each period.

Dividends income

Dividend income is recognised when the Company's entitlement as an investor to receive the dividend is established.

3.20 Revenue deductions

Revenue deductions include trade discounts, sales allowances, and sales returns.

Revenue deductions arising in the same period in which products, goods, or services are sold are recorded as a reduction of revenue in that period.

3.21 Selling expenses

Selling expenses reflect actual costs incurred in connection with the sale of goods and the provision of services.

3.22 General and administrative expenses

General and administrative expenses reflect actual costs incurred in the course of the general management of the Company.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.23 Taxation

Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior period are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the interim financial position date.

Current income tax is charged or credited to the interim separate income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to offset current income tax assets against current income tax liabilities and when the Company intends to settle its current income tax assets and liabilities on a net basis.

Deferred tax

Deferred tax is provided using the balance sheet method on temporary differences at the interim financial position date between the tax bases of assets and liabilities and their carrying amounts for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences, except:

- where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the related transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- in respect of taxable temporarily differences associated with investments in subsidiaries and associates, and interests in joint ventures where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised, except:

- where the deferred tax asset in respect of deductible temporary difference which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- in respect of deductible temporarily differences associated with investments in subsidiaries, associates, and interests in joint ventures, deferred tax assets are recognised only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each the interim financial position date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred tax assets are re-assessed at each reporting date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the interim financial position date.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.23 *Taxation* (continued)

Deferred tax (continued)

Deferred tax is charged or credited to the interim separate income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to off-set current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority or when the Company intends either to settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realise the assets and to settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

3.24 *Related parties*

Parties are considered to be related parties of the Company if one party has the ability to, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or when the Company and other party are under common control or under common significant influence. Related parties can be enterprises or individuals, including close members of their families.

3.25 *Significant estimates*

The preparation of the interim separate financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the interim separate financial statements requires management to make estimates and assumptions that affect the carrying amounts of assets and liabilities, the disclosure of contingent assets and liabilities as at the reporting date, as well as the reported amounts of revenue and expenses during the reporting period.

Such estimates and assumptions are continually evaluated based on past experience and other factors, including expectations of future events that are believed to be reasonable and have a significant impact on the Company's interim separate financial statements. Although accounting estimates are made based on management's best knowledge and judgement, actual results may differ from those estimates and assumptions.

4. CASH

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Cash held by the Company that are not restricted as to use		
Cash on hand	67,107,000	102,707,000
Cash at banks	371,594,910,859	193,361,865,724
E.SUN Commercial Bank – Dong Nai Branch	*138,823,828,896*	*10,047,877,280*
Bank for Investment and Development of Vietnam – Bac Ha Branch	*77,705,442,820*	*25,260,728,418*
United Overseas Bank (Vietnam) Limited – Central Plaza Branch	*40,508,739,193*	*199,274,000*
Other banks	*114,556,899,950*	*157,853,986,026*
TOTAL	**371,662,017,859**	**193,464,572,724**

4. CASH (continued)

Additional information regarding the interim separate cash flow statement:

		VND
	Current period	*Previous period*
Significant non-cash transactions that have impact on the interim separate cash flow statement:		
- Netting off the payables with dividend receivables from subsidiaries	210,000,000,000	100,000,000,000
- Stock dividends paid	304,016,320,000	-
Actual cash received from loans		
- Cash received from normal loan agreements	1,784,081,366,417	1,725,785,805,537
- Cash received from issuance of bonds	947,000,000,000	474,500,000,000
Actual cash payment of loans		
- Cash payment for normal loan agreements	(1,292,572,538,017)	(757,569,093,496)

5. SHORT-TERM HELD-TO-MATURITY INVESTMENTS

		VND
	Ending balance	*Beginning balance*
Term deposit *(i)*	459,024,504,343	326,751,828,055
Bank for Investment and Development of Vietnam – Bac Ha Branch	*120,764,951,603*	*117,975,767,781*
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Dong Sai Gon Branch	*65,816,558,219*	*61,050,443,835*
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank – Sai Gon Branch	*60,704,589,041*	*60,586,273,972*
Military Commercial Joint Stock Bank - So Giao Dich 2 Branch	*49,881,893,151*	-
E.SUN Commercial Bank – Dong Nai Branch	*46,153,232,877*	*30,394,684,932*
Others	*115,703,279,452*	*56,744,657,535*
Lending	1,737,832,650,875	1,572,020,830,106
Lending from related parties (iii)	*1,733,739,553,181*	*1,572,020,830,106*
Lending from third party (ii)	*4,093,097,694*	-
TOTAL	**2,196,857,155,218**	**1,898,772,658,161**

(i) The ending balance represented term deposits at commercial banks with original maturity of more than three (3) months and the remaining maturity of not more than twelve (12) months from the interim financial position date and earned interest at the rates ranging from 4.3% to 8.0% per annum. The Company pledged certain deposits to secure its bank loans *(Note 23.1)*.

(ii) The ending balance represented an unsecured lending for Gia Han Manufacturing and Trading Company Limited with terms from six (6) months, maturity date on 31 December 2026 with an interest rate of 6% p.a.

5. SHORT-TERM HELD-TO-MATURITY INVESTMENTS (continued)

(iii) Details of unsecured lending provided to related parties to finance their working capital requirements are as follows:

Borrower	*Ending balance*	*Maturity date*	*Interest rate*
	VND		*% p.a.*
Dong An Khanh	264,492,405,759	31 December 2026	6.00
Green Farm 1	219,464,655,966	31 December 2026	6.00
Anh Vu Phu Yen	181,561,263,139	31 December 2026	6.00
Nam An Khanh	146,071,510,026	31 December 2026	6.00
Green Farm 2	131,438,830,685	31 December 2026	6.00
Hai Dang Tay Ninh	111,106,314,379	31 December 2026	6.00
Thanh Dat Gia Lai	102,719,433,423	31 December 2026	6.00
Tam Hung	98,928,744,148	31 December 2026	6.00
Hoa Phat Bon	83,130,805,047	31 December 2026	6.00
BAF Tay Ninh	73,440,492,953	31 December 2026	6.00
TMC Livestock	68,448,261,699	31 December 2026	6.00
Thanh Xuan	59,171,882,740	31 December 2026	6.00
Song Hinh	45,061,072,057	31 December 2026	6.00
Bao Ngoc Livestock	42,701,552,392	31 December 2026	6.00
BAF Binh Dinh	37,486,520,548	31 December 2026	6.00
Bac An Khanh	37,364,221,918	31 December 2026	6.00
Minh Thanh Livestock	23,207,794,521	31 December 2026	6.00
Tay An Khanh	7,943,791,781	31 December 2026	6.00
TOTAL	**1,733,739,553,181**		

6. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

VND

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Carrying amount	*Provision*	*Carrying amount*	*Provision*
Due from other parties	282,245,561,290	1,524,134,125	82,777,138,061	1,524,134,125
Branch of Siba Food Vietnam Joint Stock Company at Hanoi	*170,620,785,865*	-	*55,163,364,860*	-
Siba Food Vietnam Joint Stock Company	*35,582,936,990*	-	*10,619,514,652*	-
Phu Quy Gia Livestock One Member Company Limited	*34,760,353,299*	-	-	-
Other customers	*41,281,485,136*	*1,524,134,125*	*16,994,258,549*	*1,524,134,125*
Due from related parties *(Note 32)*	203,259,653,035	-	387,478,086,673	-
TOTAL	**485,505,214,325**	**1,524,134,125**	**470,255,224,734**	**1,524,134,125**

7. SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIERS

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Advances to other parties	306,900,609,759	256,069,899,906
Group of individuals to acquire subsidiaries (*)	*147,096,920,504*	*151,359,508,504*
Henan Muyuan Intelligent Technology Company Limited	*20,240,697,270*	*47,430,752,024*
Other suppliers	*139,562,991,985*	*57,279,639,378*
Advances to related parties *(Note 32)*	55,918,927,908	102,899,090,796
TOTAL	**362,819,537,667**	**358,968,990,702**
Provision for doubtful short-term advance to suppliers	(3,067,861,600)	(3,359,364,083)
NET	**359,751,676,067**	**355,609,626,619**

(*) These are short-term advances to suppliers for the purpose of subsidiaries acquisition *(Note 33.3)*. In addition, these acquisition transactions have not yet completed as at the date of these interim separate financial statements.

8. OTHER RECEIVABLES

VND

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Carrying amount	*Provision*	*Carrying amount*	*Provision*
Short-term	**442,099,632,776**	**4,462,841,845**	**319,422,437,914**	**4,462,841,845**
Advances to employees *(*)*	219,325,452,890	-	3,484,874,464	-
Dividend income	180,000,000,000	-	210,000,000,000	-
Receivables from investment in a joint venture	22,287,867,857	-	22,110,662,223	-
Payment made on behalf	1,133,740,150	-	71,300,591,193	-
Others	19,352,571,879	4,462,841,845	12,526,310,034	4,462,841,845
In which:				
Related parties (Note 32)	*203,421,608,007*	-	*303,334,261,221*	-
Other parties	*238,678,024,769*	*4,462,841,845*	*16,088,176,693*	*4,462,841,845*
Long-term	**387,539,230,892**	-	**234,337,891,249**	-
Deposit for rental farms and office	387,539,230,892	-	234,337,891,249	-
In which:				
Other parties	*372,159,230,892*	-	*218,957,891,249*	-
Related parties (Note 32)	*15,380,000,000*	-	*15,380,000,000*	-
TOTAL	**829,638,863,668**	**4,462,841,845**	**553,760,329,163**	**4,462,841,845**

(*) These are short-term advances to employees for the purpose of subsidiaries acquisition.

9. BAD DEBTS

VND

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Amount	*Provision*	*Amount*	*Provision*
Short-term trade receivables	**1,524,134,125**	**1,524,134,125**	**1,524,134,125**	**1,524,134,125**
Acespace Company Limited	*1,328,373,000*	*1,328,373,000*	*1,328,373,000*	*1,328,373,000*
Thai Minh Long Foods and Trading Company Limited	*195,761,125*	*195,761,125*	*195,761,125*	*195,761,125*
Short-term advance to suppliers	**3,067,861,600**	**3,067,861,600**	**3,502,522,044**	**3,359,364,083**
Thanh An Technical Construction Company Limited	*1,414,650,000*	*1,414,650,000*	*1,414,650,000*	*1,414,650,000*
Others	*1,653,211,600*	*1,653,211,600*	*2,087,872,044*	*1,944,714,083*
Other short-term receivables	**4,462,841,845**	**4,462,841,845**	**4,462,841,845**	**4,462,841,845**
AG World International Corporation	*2,408,429,160*	*2,408,429,160*	*2,408,429,160*	*2,408,429,160*
Others	*2,054,412,685*	*2,054,412,685*	*2,054,412,685*	*2,054,412,685*
TOTAL	**9,054,837,570**	**9,054,837,570**	**9,489,498,014**	**9,346,340,053**

10. INVENTORIES

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Raw materials	167,458,589,001	132,573,308,318
Tools and supplies	38,287,843,352	28,413,298,855
Finished goods	15,054,539,445	10,578,972,064
Goods in transit	-	648,724,383
Merchandise goods	17,500,000	16,200,000
TOTAL *(*)*	**220,818,471,798**	**172,230,503,620**

(*) Certain inventories were pledged as collaterals for the Group's loans obtained from the commercial banks *(Note 23.1)*.

11. BIOLOGICAL ASSETS

11.1 Biological assets other than mature livestock raised for periodic harvest

VND

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Cost	*Recoverable amount*	*Cost*	*Recoverable amount*
1. Livestock raised for single harvest				
a) Short-term livestock raised for single harvest *(*)*	1,653,466,619,838	1,653,466,619,838	1,549,126,179,634	1,549,126,179,634

(*) Short-term biological assets represent the value of fattening pigs raised for commercial sale, aged from 1 to 26 weeks as of the reporting date.

The assets are measured at historical cost, including feed costs, veterinary medicine and vaccine costs, direct labor costs, depreciation of barns and equipment, and other allocated manufacturing overheads incurred during the breeding and raising process up to the point of sale or the end of the accounting period.

Certain biological assets were pledged as collaterals for the Group's loans obtained from the commercial banks *(Note 23.1)*.

11. BIOLOGICAL ASSETS (continued)

11.2. Mature livestock raised for periodic harvest

Items	*VND* *Breeding pigs*
Cost:	
Beginning balance	588,885,060,038
New purchase	373,385,428,405
Disposal	(309,761,069,820)
Ending balance	652,509,418,623
Accumulated depreciation:	
Beginning balance	(140,475,056,502)
Depreciation for the period	(97,495,129,867)
Disposal	67,925,970,394
Ending balance	(170,044,215,975)
Net carrying amount:	
Beginning balance	448,410,003,536
Ending balance	482,465,202,648

(*) Certain biological assets were pledged as collaterals for the Group's loans obtained from the commercial banks *(Note 23.1)*.

12. TANGIBLE FIXED ASSETS

VND

	Buildings and structures	*Machinery and equipment*	*Means of transportation*	*Office equipment*	*Total*
Cost:					
Beginning balance	184,879,799,984	171,071,112,695	19,698,248,044	28,460,550,259	404,109,710,982
Newly purchases	522,142,313	17,090,324,078	635,040,000	199,552,000	18,447,058,391
Transfer from construction in progress	17,235,016,971	35,752,183,388	1,511,635,360	4,661,241,029	59,160,076,748
Disposals	(6,178,918,259)	(7,427,951,898)	-	(563,047,500)	(14,169,917,657)
Ending balance	196,458,041,009	216,485,668,263	21,844,923,404	32,758,295,788	467,546,928,464
In which:					
Fully depreciated	*6,272,420,761*	*10,240,325,842*	*1,895,882,000*	*1,564,895,281*	*19,973,523,884*
Accumulated depreciation:					
Beginning balance	(69,569,769,303)	(29,487,292,482)	(4,335,470,897)	(6,101,364,546)	(109,493,897,228)
Depreciation for the period	(10,125,547,586)	(11,327,462,332)	(1,136,638,200)	(1,928,650,119)	(24,518,298,237)
Disposals	86,022,692	298,409,878	-	70,575,968	455,008,538
Ending balance	(79,609,294,197)	(40,516,344,936)	(5,472,109,097)	(7,959,438,697)	(133,557,186,927)
Net carrying amount:					
Beginning balance	115,310,030,681	141,583,820,213	15,362,777,147	22,359,185,713	294,615,813,754
Ending balance	116,848,746,812	175,969,323,327	16,372,814,307	24,798,857,091	333,989,741,537

13. FINANCE LEASES

	VND
	Machinery and equipment
Cost:	
Beginning balance and ending balance	14,086,397,917
Accumulated depreciation:	
Beginning balance	(2,361,680,169)
Depreciation for the period	(739,782,197)
Ending balance	(3,101,462,366)
Net carrying amount	
Beginning balance	11,724,717,748
Ending balance	10,984,935,551

Under the term of the finance lease, the Company has the option to purchase the machinery and equipment at the expiry date of the lease of 60 months. Commitments for future lease payments under this lease are set out at *Note 23.7*.

14. INTANGIBLE FIXED ASSETS

	VND
	Machinery and equipment
Cost:	
Beginning balance	17,621,166,500
New purchase	1,429,855,500
Ending balance	19,051,022,000
In which:	
Fully depreciated	*1,382,516,000*
Accumulated depreciation:	
Beginning balance	(1,867,024,173)
Amortisation for the period	(1,170,535,258)
Ending balance	(3,037,559,431)
Net carrying amount	
Beginning balance	15,754,142,327
Ending balance	16,013,462,569

15. CONSTRUCTION IN PROGRESS

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Giai Xuan farm system *(*)*	727,358,154,209	217,873,407,312
Upgrade the infrastructure for pig farms	88,289,264,770	72,923,261,592
Others	60,561,749,450	55,984,310,170
TOTAL	**876,209,168,429**	**346,780,979,074**

(*) During the period, the Company capitalised borrowing costs amounting to VND 8,483,864,900 (2025: VND 3,330,692,824). These borrowing costs relate to the direct loans for the purpose of investing in Giai Xuan farm system of the Company.

The Company had used Giai Xuan Farm Project as collaterals for its bank loan (*Note 23.3*).

16. LONG-TERM INVESTMENTS

VND

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Cost	*Provision*	*Cost*	*Provision*
Investments in subsidiaries *(Note 16.1)*	3,654,590,212,419	(12,024,249,276)	3,453,593,212,419	(12,024,249,276)
Held-to-maturity investment *(Note 16.2)*	77,748,539,604	-	-	-
TOTAL	**3,732,338,752,023**	**(12,024,249,276)**	**3,453,593,212,419**	**(12,024,249,276)**

16.1 Investments in subsidiaries

	Operation situation	*Ending balance*			*Beginning balance*		
		% of interest	*Cost of investment*	*Provision*	*% of interest*	*Cost of investment*	*Provision*
		(%)	*VND*	*VND*	*(%)*	*VND*	*VND*
Hai Dang Tay Ninh	Early stage of operation	99.82	399,280,000,000	-	99.82	399,280,000,000	-
BAF Tay Ninh 1 High-Tech	Pre-operating stage	100.00	340,000,000,000	-	100.00	340,000,000,000	-
BAF Tay Ninh 2 High-Tech	Pre-operating stage	100.00	340,000,000,000	-	100.00	340,000,000,000	-
BAF Tay Ninh Food Processing	Early stage of operation	100.00	243,000,000,000	-	100.00	243,000,000,000	-
Tay An Khanh *(i)*	Under construction	100.00	231,819,620,000	-	100.00	123,819,620,000	-
BAF Tay Ninh	Operating	100.00	150,000,000,000	-	100.00	150,000,000,000	-
BAF Ninh Binh	Pre-operating stage	100.00	150,000,000,000	-	100.00	150,000,000,000	-
Green Farm 2	Operating	99.69	129,600,000,000	-	99.69	129,600,000,000	-
Tam Hung	Early stage of operation	99.98	123,970,000,000	-	99.98	123,970,000,000	-
BAF Meat Binh Phuoc	Pre-operating stage	100.00	120,000,000,000	-	100.00	120,000,000,000	-
Bac An Khanh	Early stage of operation	100.00	110,000,000,000	-	100.00	110,000,000,000	-
BAF Binh Dinh	Pre-operating stage	100.00	110,000,000,000	-	100.00	110,000,000,000	-
Anh Vu Phu Yen	Operating	100.00	100,000,000,000	-	100.00	100,000,000,000	-
Dong An Khanh	Early stage of operation	100.00	100,000,000,000	-	100.00	100,000,000,000	-
Nam An Khanh	Early stage of operation	100.00	100,000,000,000	-	100.00	100,000,000,000	-

16. LONG-TERM INVESTMENTS (continued)

16.1 Investments in subsidiaries (continued)

		Ending balance			*Beginning balance*		
	Operation situation	*% of interest*	*Cost of investment*	*Provision*	*% of interest*	*Cost of investment*	*Provision*
		(%)	*VND*	*VND*	*(%)*	*VND*	*VND*
Kim Hoi Livestock	Operating	100.00	95,410,918,071	-	100.00	95,410,918,071	-
Tan Chau	Early stage of operation	99.95	89,959,150,000	-	99.95	89,959,150,000	-
Thanh Xuan	Early stage of operation	99.99	85,750,949,566	-	99.99	85,750,949,566	-
Song Hinh *(ii)*	Pre-operating stage	100.00	81,000,000,000	-	100.00	48,000,000,000	-
BAF Tay Ninh 1	Pre-operating stage	100.00	80,000,000,000	-	100.00	80,000,000,000	-
TMC Livestock	Under construction	99.98	77,633,032,838	-	99.98	77,633,032,838	-
Thanh Dat Gia Lai	Pre-operating stage	99.99	64,602,086,000	-	99.99	64,602,086,000	-
Thien Phu Son	Pre-operating stage	100.00	64,183,771,710	-	100.00	64,183,771,710	-
Hoa Phat Bon	Pre-operating stage	99.99	58,383,684,234	-	99.99	58,383,684,234	-
Minh Thanh Livestock	Operating	100.00	50,000,000,000	-	100.00	50,000,000,000	-
Logistic BAF *(iii)*	Early stage of operation	100.00	50,000,000,000	-	100.00	20,000,000,000	-
Green Farm 1	Operating	100.00	40,000,000,000	-	100.00	40,000,000,000	-
Khoi Duong *(iv)*	Pre-operating stage	99.99	29,997,000,000	-	99.99	-	-
Bao Ngoc Livestock	Operating	100.00	20,000,000,000	(12,024,249,276)	100.00	20,000,000,000	(12,024,249,276)
BAF Microbiological Organic Fertilizer	Early stage of operation	100.00	20,000,000,000	-	100.00	20,000,000,000	-
BAF Ha Noi 1 High-Tech *(v)*	Pre-operating stage	100.00	-	-	-	-	-
BAF Ha Noi 2 High-Tech *(v)*	Pre-operating stage	100.00	-	-	-	-	-
BAF Ha Noi Food Processing *(v)*	Pre-operating stage	100.00	-	-	-	-	-
BAF Binh Minh Food Processing *(v)*	Pre-operating stage	100.00	-	-	-	-	-
TOTAL			**3,654,590,212,419**	**(12,024,249,276)**		**3,453,593,212,419**	**(12,024,249,276)**

16. LONG-TERM INVESTMENTS (continued)

16.1 Investment in subsidiaries (continued)

(c) On 31 March 2026, the Company completed the contribution of additional capital by cash amounting to VND 108 billion in Tay An Khanh. The additional capital contribution was approved by the Company's Board of Directors, and the DF of Tay Ninh Province issued the amended ERC No. 3901315120 for Tay An Khanh dated 31 March 2026.

(d) On 30 January 2026, the Company completed the contribution of additional capital by cash amounting to VND 33 billion in Song Hinh. The additional capital contribution was approved by the Company's Board of Directors, and the DF of Dak Lak Province issued the amended ERC No. 4401086234 for Song Hinh dated 29 January 2026.

(e) On 18 May 2026, the Company completed the contribution of additional capital by cash amounting to VND 30 billion in Logistic BAF. The additional capital contribution was approved by the Company's Board of Directors, and the DF of Ho Chi Minh City issued the amended ERC No. 0318192737 for Logistic BAF dated 28 May 2026.

(f) On 6 January 2026, the Company completely acquired 99.99% of ownership interest in Khoi Duong from third parties for a total consideration of VND [illegible]. This acquisition was approved by the Company's Board of Directors, and the DF of Lam Dong Province issued the amended ERC No. [illegible] for Khoi Duong dated 29 October 2025.

(g) As at the date of this interim separate financial statements, the Company has not yet completed the capital contribution to these subsidiaries.

The Company has not determined the fair values of these investments because it is unable to collect the sufficient market information of these investments.

16.2 Debt-to-equity investment

The ending balance represented a long-term unsecured lending to Logistic BAF to finance its working capital requirements with terms from thirty-six (36) months, maturity date on 31 December 2028 with an interest rate of 6.00% p.a.

17. DEFERRED EXPENSES

		VND
	Ending balance	*Beginning balance*
Short-term	**26,186,974,456**	**28,068,778,626**
Tools and supplies	14,318,151,472	15,452,336,746
Software	6,148,008,709	2,168,085,111
Other	5,720,814,275	10,448,356,769
Long-term	**124,372,105,863**	**121,904,693,728**
Land rental	41,523,475,641	41,984,847,592
Renovation and maintenance fees	28,068,852,693	27,116,570,527
Tools and supplies	25,267,511,724	22,362,165,221
Advisory fees	12,794,365,586	15,168,692,243
Project management	9,983,820,100	10,338,468,990
Advertising expense	1,657,013,333	1,666,666,667
Others	5,077,066,786	3,267,282,488
TOTAL	**150,559,080,319**	**149,973,472,354**

18. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

		VND
	Ending balance	*Beginning balance*
Due to related parties *(Note 32)*	1,264,040,886,861	1,158,858,605,042
Due to other parties	647,958,225,244	637,681,779,995
Viet Nam CBOT Joint Stock Company	*284,837,398,500*	*321,164,422,100*
Others	*363,120,826,744*	*316,517,357,895*
TOTAL	**1,911,999,112,105**	**1,796,540,385,037**

19. SHORT-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS

		VND
	Ending balance	*Beginning balance*
Great Meat Company Limited	2,796,105,000	-
Mr Phan Tien Dung	-	1,978,843,579
Others	3,987,628,972	4,020,191,278
TOTAL	**6,783,733,972**	**5,999,034,857**

20. STATUTORY OBLIGATIONS

VND

	Beginning balance	*Increase in period*	*Decrease in period*	*Ending balance*
Receivables				
Deductible value-added tax	4,539,523,779	4,967,543,141	(5,056,115,635)	4,450,951,285
Value-added tax	2,686,498,521	16,104,115,067	(18,710,507,843)	80,105,745
Personal income tax	1,907,413	53,234,375	-	55,141,788
Others	63,772,901	114,968,393	(137,768,832)	40,972,462
TOTAL	**7,291,702,614**	**21,239,860,976**	**(23,904,392,310)**	**4,627,171,280**
Payables				
Personal income tax	1,061,632,427	5,333,317,279	(5,258,647,253)	1,136,302,453
Value-added tax	41,141,990	13,396,244,399	(13,028,625,323)	408,761,066
Corporate income tax	371,824,642	19,049,542,746	(19,049,542,746)	371,824,642
Others	463,469,067	17,399,476,210	(16,934,905,415)	928,039,862
TOTAL	**1,938,068,126**	**55,178,580,634**	**(54,271,720,737)**	**2,844,928,023**

21. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Interest expense	65,137,671,233	16,644,520,548
Outsourcing fee	18,800,716,149	-
Transportation fee	10,897,931,486	1,612,795,800
Utility expenses	4,650,508,237	3,440,527,144
Security expense	119,723,226	524,900,903
Others	14,655,136,063	2,696,911,321
TOTAL	**114,261,686,394**	**24,919,655,716**

22. OTHER SHORT-TERM PAYABLES

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Short-term	**79,903,247,038**	**87,708,498,780**
Interest payables	44,031,869,155	75,660,252,318
Depository fee	15,700,820,942	-
Deposits received	12,145,297,165	3,023,000,000
Insurance	6,616,678,372	7,632,816,097
Others	1,408,581,404	1,392,430,365
In which:		
Related parties (Note 32)	*44,127,827,155*	*75,681,468,310*
Other parties	*35,775,419,883*	*12,027,030,470*
Long-term	**45,786,770,902**	**38,300,000,000**
Interest payables	45,786,770,902	-
Payables from bond issuance	-	38,300,000,000
In which:		
Related parties (Note 32)	*45,786,770,902*	-
Other parties	-	*38,300,000,000*
TOTAL	**125,690,017,940**	**126,008,498,780**

23. LOANS AND FINANCE LEASES

VND

	Beginning balance	*Increase in period*	*Decrease in period*	*Allocations of issuance costs*	*Amortisation for the period*	*Reclassification*	*Ending balance*
Short-term	**2,682,005,884,489**	**1,599,896,366,417**	**(1,279,881,177,811)**	**3,917,872,144**	**-**	**(650,041,360,206)**	**2,355,897,585,033**
Bank loans *(Note 23.1)*	1,171,045,519,017	1,549,896,366,417	(1,171,045,519,017)	-	-	-	1,549,896,366,417
Loans from related parties *(Notes 23.2 and 32)*	1,212,319,019,000	50,000,000,000	(107,427,019,000)	-	-	(651,450,000,000)	503,442,000,000
Current portion from bonds *(Note 23.5)*	296,058,840,183	-	-	3,917,872,144	-	-	299,976,712,327
Current portion of finance lease *(Note 23.7)*	2,582,506,289	-	(1,408,639,794)	-	-	1,408,639,794	2,582,506,289
Long-term	**1,214,770,196,691**	**1,131,185,000,000**	**(14,100,000,000)**	**14,666,776,570**	**11,086,616,951**	**650,041,360,206**	**3,007,649,950,418**
Bonds *(Note 23.5)*	480,065,753,377	947,000,000,000	-	12,789,860,086	-	-	1,439,855,613,463
Convertible bonds *(Note 23.6)*	500,111,035,851	-	-	1,876,916,484	11,086,616,951	-	513,074,569,286
Bank loans *(Note 23.3)*	207,056,000,000	184,185,000,000	-	-	-	-	391,241,000,000
Loans from related parties *(Note 23.4 and 32)*	-	-	(14,100,000,000)	-	-	673,118,075,000	659,018,075,000
Loan from another party	21,668,075,000	-	-	-	-	(21,668,075,000)	-
Finance lease *(Note 23.7)*	5,869,332,463	-	-	-	-	(1,408,639,794)	4,460,692,669
TOTAL	**3,896,776,081,180**	**2,731,081,366,417**	**(1,293,981,177,811)**	**18,584,648,714**	**11,086,616,951**	**-**	**5,363,547,535,451**

23. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

23.1 Short-term loans from banks

The Company obtained short-term loans from banks to finance its working capital requirements. Details are as follows:

Banks	*Ending balance*	*Maturity date*	*Interest rate*	*Description of collateral*
	VND		*% p.a.*	*(Note 5, 10 and 11)*
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Branch	300,000,000,000	From 25 September 2026 to 18 November 2026	8.20 - 9.20	Land lease rights with one-time payment of the land parcel No. 10, owned by BAF Meat Binh Phuoc located in Tan Khai Commune, Dong Nai Province
Bank for Investment and Development of Vietnam – Bac Ha Branch	296,977,747,681	From 5 August 2026 to 14 September 2026	7.40 - 8.50	Term-deposit contracts Real estate owned by Ms. Bui Huong Giang
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank – Sai Gon Branch	199,896,613,879	From 13 July 2026 to 23 October 2026	7.00 - 8.00	Term-deposit contracts
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Dong Sai Gon Branch	164,875,110,204	From 28 September 2026 to 29 December 2026	7.40 - 7.90	Term-deposit contracts Receivable rights, revolving receivables and revolving inventory of the Company
Military Commercial Joint Stock Bank - So Giao Dich 2 Branch	163,149,997,020	From 13 September 2026 to 20 October 2026	7.80 - 8.50	Term-deposit contracts

23. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

23.1 Short-term loans from banks (continued)

The Company obtained short-term loans from banks to finance its working capital requirements. Details are as follows: (continued)

Banks	*Ending balance*	*Maturity date*	*Interest rate*	*Description of collateral*
	VND		*% p.a.*	*(Note 5)*
E.SUN Commercial Bank – Dong Nai Branch	149,996,897,633	From 9 September 2026 to 15 December 2026	8.65 - 9.25	Term-deposit contracts; A debt guarantee letter issued by E.SUN Commercial Bank, Ltd - Dong Nai Branch
Orient Commercial Joint Stock Bank	100,000,000,000	6 August 2026	7.60	Term-deposit contracts
United Overseas Bank (Vietnam) Limited – Central Plaza Branch	100,000,000,000	From 28 August 2026 to 9 October 2026	7.50 - 7.80	Term-deposit contracts
Woori Bank Vietnam – Sai Gon Branch	75,000,000,000	27 July 2026	6.50	Term-deposit contracts
TOTAL	**1,549,896,366,417**			

23. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

23.2 Short-term loans from related parties

The Company obtained unsecured short-term loans from related parties to finance its working capital requirements. Details are as follows:

Name of related party	*Ending balance*	*Maturity date*	*Interest rate*
	VND		*(% p.a.)*
BAF Tay Ninh Food Processing	235,660,000,000	31 December 2026	6.00
BAF Ninh Binh	149,100,000,000	31 December 2026	6.00
BAF Tay Ninh 1	77,200,000,000	31 December 2026	6.00
Thien Phu Son	41,080,000,000	31 December 2026	6.00
BAF Meat Binh Phuoc	402,000,000	31 December 2026	6.00
TOTAL	**503,442,000,000**		

23.3 Long-term loan from bank

The Company obtained long-term bank loan to finance the construction of farm and the purchase of assets related to Giai Xuan Farm Project in Nghe An Province, Vietnam. Details are as follows:

Name of banks	*Ending balance*	*Maturity date*	*Interest rate*	*Description of collaterals*
	VND		*(% p.a.)*	
Shinhan Bank Vietnam Limited - Ho Chi Minh City Branch	391,241,000,000	28 April 2032	6.88	Land use rights and other assets attached to land, machinery, equipment, and means of transport formed in the future of the Giai Xuan Farm Project *(Note15)*

23.4 Long-term loan from related parties

The Company obtained unsecured long-term loans from related parties to finance its working capital requirements. Details are as follows:

Name of related party	*Ending balance*	*Maturity date*	*Interest rate*
	VND		*(% p.a.)*
BAF Tay Ninh 1 High-Tech	[illegible]	31 December 2027	[illegible]
BAF Tay Ninh 2 High-Tech	[illegible]	31 December 2027	[illegible]
Khai Duong	[illegible]	31 December 2028	[illegible]
TOTAL	**659,018,075,000**		

23. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

23.5 Bonds

The Company issued bonds on 4 July 2023 and 8 May 2025 and 5 January 2026 with the following details:

Arranger	*Ending balance*	*Repayment term*	*Purpose*	*Interest rate*	*Description of collateral*
	VND			*(% p.a.)*	
An Binh Securities Joint Stock Company					
Par value	300,000,000,000	4 July 2026	To finance working capital requirement	10.50	Unsecured
Issuance costs	(23,287,673)				
	299,976,712,327				
JB Vietnam Securities Company Limited					
Par value	500,000,000,000	8 May 2028 or the early redemption date or another due date as stipulated in the Bond Documents *(*)*	To finance working capital requirement	10.00	127,295,000 shares of Siba Holdings Corporation owned by Mr Truong Sy Ba
Issuance costs	(15,695,890,494)				
	484,304,109,506				
JB Vietnam Securities Company Limited					
Par value	1,000,000,000,000	5 January 2029 or the early redemption date or another due date as stipulated in the Bond Documents *(*)*	To finance working capital requirement	10.00	Unsecured
Issuance costs	(44,448,496,043)				
	955,551,503,957				
TOTAL	**1,739,832,325,790**				
In which:					
Current portion of bonds	*299,976,712,327*				
Long-term bonds	*1,439,855,613,463*				

23. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

23.5 *Bonds* (continued)

(*) Repurchase by mutual agreement

After one year from the issuance date, the Company may, at its discretion, repurchase the bonds (in whole or in part, at any time) based on mutual agreement with the bondholders, in accordance with the procedures stipulated in the Bond Documents.

Repurchase at the request of bondholders

On the business day immediately preceding the 24-month anniversary of the issuance date, bondholders shall have the right to request the Company to repurchase up to 50% of the total issued bond value. The repurchase price shall be equal to the face value plus accrued interest, calculated at a fixed annual interest rate of 8.50% p.a.

Mandatory repurchase

The Company shall be obligated to repurchase the bonds upon request of the bondholders in the event of a breach, as specifically defined in the Bond Documents.

23.6 *Convertible bonds*

		VND
	Ending balance	*Beginning balance*
Value of convertible bond	600,000,000,000	600,000,000,000
Equity component *(Note 24.1)*	(137,648,613,977)	(137,648,613,977)
Liability component at initial recognition	**462,351,386,023**	**462,351,386,023**
Add: Accumulated amortisation of discount	**64,800,057,579**	**53,713,440,628**
Beginning balance	53,713,440,628	32,574,668,820
Amortisation for the period	11,086,616,951	21,138,771,808
Ending balance	64,800,057,579	53,713,440,628
Deduct: Allocation of bond issuance costs	**(14,076,874,316)**	**(15,953,790,800)**
Beginning balance	(15,953,790,800)	(19,679,470,190)
Allocation for the period	1,876,916,484	3,725,679,390
Ending balance	(14,076,874,316)	(15,953,790,800)
Liability component at end of the period	**513,074,569,286**	**500,111,035,851**

On 23 February 2023, the Company entered into the Convertible Bond Contract with International Finance Corporation ("IFC") amounting to VND 600,000,000,000 at annual interest rate of 5.25%. Therefore, IFC was granted the rights to convert this convertible bond to a number of common shares as stipulated in the contract at any time from the issuance date to the date prior to 15 March 2029 (first maturity date) and on 15 March 2030 (final maturity date), or convert into loan at an interest rate of 10.50% per annum. At the first maturity date, in case these bonds are not converted, the Company redeems to an amount equal to one-half (1/2) of the aggregate principal bonds. If any bond remains outstanding on the final maturity date, the Company will redeem all such bonds on the final maturity date. Market interest rate of non-convertible bond is 10.50% per annum.

23. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

23.7 *Finance lease*

The Company leases machinery under a finance lease arrangement No. C240507602 on 28 May 2024 from Chailease International Leasing Co., Ltd. Future obligations due under finance leases agreements at the interim financial position date are as follows:

VND

	Ending balance			*Beginning balance*		
	Total minimum lease payments	*Finance charges*	*Lease liabilities*	*Total minimum lease payments*	*Finance charges*	*Lease liabilities*
Current finance liabilities						
Under 1 year	3,081,199,991	498,693,702	2,582,506,289	3,069,860,441	487,354,152	2,582,506,289
Non-current finance liabilities						
From 1 year to 5 years	4,799,674,010	338,981,341	4,460,692,669	6,311,561,229	442,228,766	5,869,332,463
TOTAL	**7,880,874,001**	**837,675,043**	**7,043,198,958**	**9,381,421,670**	**929,582,918**	**8,451,838,752**

24. OWNERS' EQUITY

24.1 Increase and decrease in owners' equity

VND

	Owner's contributed capital	*Share premium*	*Other owners' capital*	*Equity component of convertible bond*	*Undistributed earnings*	*Total*
Previous period:						
Beginning balance	2,390,216,420,000	-	-	137,648,613,977	408,190,028,848	2,936,055,062,825
Issuance of shares	650,000,000,000	356,620,000,000	-	-	-	1,006,620,000,000
Net profit for the period	-	-	-	-	103,617,143,169	103,617,143,169
Ending balance	3,040,216,420,000	356,620,000,000	-	137,648,613,977	511,807,172,017	4,046,292,205,994
Current period:						
Beginning balance	3,040,216,420,000	356,620,000,000	-	137,648,613,977	506,466,956,004	4,040,951,989,981
Dividends declared *(*)*	-	-	304,016,320,000	-	(304,016,320,000)	-
Issuance of shares *(*)*	-	(304,016,320,000)	304,016,320,000	-	-	-
Net profit for the period	-	-	-	-	115,886,931,577	115,886,931,577
Ending balance	3,040,216,420,000	52,603,680,000	608,032,640,000	137,648,613,977	318,337,567,581	4,156,838,921,558

(*) According to the General Shareholders' Meeting ("GSM") Resolution No. 23.04.2026/NQ-DHDCD dated 23 April 2026; the Board of Directors Resolution No. 20.05.2026/NQ-HĐQT dated 20 May 2026; and the Official Letter No. 4821/UBCK-QLCB dated 1 June 2026 issued by the State Securities Commission ("SSC"), the Company has been approved for the issuance of 30,402,164 shares from its undistributed earnings to pay dividends, and the issuance of additional 30,402,164 shares to its existing shareholders from share premium to increase share capital.

According to the Company's Result Report No. 30.2026.BAF/BCKQ dated 30 June 2026 and the Official Letter No. 6110/UBCK-QLCB dated 2 July 2026 issued by SSC who notified that it has received the documents on the results of the Company's shares issuance for stock dividend payment and for increasing its share capital from owners' equity, the Company has completed the issuance of 30,401,632 shares to pay stock dividends and additional 30,401,632 shares for existing shareholders to increase Company's share capital from its owners' equity.

According to the Decision No. 586/QD-SGDHCM dated 8 July 2026 and the Announcement No. 1511/TB-SGDHCM dated 10 July 2026 issued by the Ho Chi Minh City Stock Exchange, the total said above issued shares effective for listing on 10 July 2026, and their first trading date is on 20 July 2026. In addition, on 10 July 2026, the Company received the 23rd amended ERC issued by DF of Ho Chi Minh City approving the Company's increased share capital of 3,648,249,060,000 VND.

24. OWNERS' EQUITY (continued)

24.1 *Increase and decrease in owners' equity* (continued)

According to the GSM Resolution No. 20.07.2026/NQ-DHDCD dated 20 July 2026, the Company has been approved for (i) the plan of share issuance under the employee stock ownership plan ("ESOP") to the Company's employees, with the expected number of shares to be issued of 8,000,000 shares and at the issue price of 10,000 VND/share, and (ii) the plan for public offering of additional shares issuing to the Company's existing shareholders in 2026, with the expected number of shares to be issued of 40,536,100 shares and at the issue price of 15,000 VND/share. At the date of this interim separate financial statements, the Company is in the process of implementing these share issuance plans.

24.2 *Share capital*

	Ending balance			*Beginning balance*		
	VND	*Shares*	*%*	*VND*	*Shares*	*%*
Siba Holdings Corporation	956,819,350,000	95,681,935	31.472	956,819,350,000	95,681,935	31.472
Ms Bui Huong Giang	79,887,550,000	7,988,755	2.628	79,887,550,000	7,988,755	2.628
Other shareholders	2,003,509,520,000	200,350,952	65.900	2,003,509,520,000	200,350,952	65.900
TOTAL	**3,040,216,420,000**	**304,021,642**	**100.000**	**3,040,216,420,000**	**304,021,642**	**100.000**

24. OWNERS' EQUITY (continued)

24.3 Capital transactions with owners and distribution of dividends

		VND
	Current period	*Previous period*
Contributed share capital		
Beginning balance	3,040,216,420,000	2,390,216,420,000
Increase	-	650,000,000,000
Ending balance	3,040,216,420,000	3,040,216,420,000
Dividends		
Stock dividends declared	*304,016,320,000*	-

24.4 Shares

		Number of shares
	Ending balance	*Beginning balance*
Authorised shares	304,021,642	304,021,642
Shares issued and fully paid	304,021,642	304,021,642
Ordinary shares	*304,021,642*	*304,021,642*
Shares in circulation	304,021,642	304,021,642
Ordinary shares	*304,021,642*	*304,021,642*

Par value of outstanding share is VND 10,000 per share. The holders of the Company's ordinary shares are entitled to receive dividends as and when declared by the Company. Each ordinary share carries one vote per share without restriction.

25. REVENUE

25.1 Revenue from sale of goods and rendering of services

		VND
	Current period	*Previous period*
Gross revenue	**3,570,762,498,417**	**2,595,626,906,808**
Of which:		
Sale of animal husbandry products	*3,532,919,980,600*	*2,582,377,835,752*
Sale of bran	*37,259,622,219*	*12,993,083,597*
Others	*582,895,598*	*255,987,459*
Less:	**(15,715,976,258)**	**(449,017,170)**
Trade discount	*(15,713,673,158)*	*(449,017,170)*
Sale returns	*(2,303,100)*	-
Net revenue	**3,555,046,522,159**	**2,595,177,889,638**
Of which:		
Sales to other parties	*3,470,042,770,489*	*2,511,602,029,954*
Sales to related parties (Note 32)	*85,003,751,670*	*83,575,859,684*

25.2 *Finance income*

		VND
	Current period	*Previous period*
Dividend income	180,000,000,000	100,000,000,000
Interest income	51,489,387,207	50,126,946,904
Foreign exchange gains	691,270,293	692,071,257
Others	787,522,783	928,649,636
TOTAL	**232,968,180,283**	**151,747,667,797**

26. FINANCE EXPENSES

		VND
	Current period	*Previous period*
Loan interest expense	196,359,892,034	100,703,101,052
Allocation of bond issuance costs	18,584,648,714	9,414,023,178
Foreign exchange loss	146,752,317	-
Capital withdrawal commitment fee	-	4,678,331,091
Others	81,070,991	65,696,609
TOTAL	**215,172,364,056**	**114,861,151,930**

27. COST OF GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

		VND
	Current period	*Previous period*
Cost of animal husbandry products	3,172,877,789,658	2,362,687,813,584
Cost of bran	31,819,947,213	12,940,013,068
Others	397,440,924	145,495,124
TOTAL	**3,205,095,177,795**	**2,375,773,321,776**

28. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

		VND
	Current period	*Previous period*
Selling expenses	**79,095,850,325**	**63,749,721,638**
Transportation fee	50,526,033,679	40,307,990,705
Labour costs	17,199,297,882	10,782,991,098
Depreciation	4,993,512,057	3,473,341,158
Tools and supplies	1,775,528,228	971,112,053
Expenses for external services	1,523,219,065	417,760,234
Brokage fee	2,239,520	6,959,276,949
Others	3,076,019,894	837,249,441
General and administrative expenses	**131,511,798,578**	**88,790,106,781**
Labour costs	76,285,760,464	48,214,982,530
Expenses for external services	21,298,821,865	13,369,790,731
Tools and supplies	9,980,340,347	10,330,159,717
Rental fee	5,244,183,678	3,721,665,816
Depreciation and amortisation	2,636,308,938	893,944,143
(Reversal of provision) provision	(291,502,483)	2,627,406,919
Others	16,357,885,769	9,632,156,925
TOTAL	**210,607,648,903**	**152,539,828,419**

29. OTHER INCOME AND EXPENSES

		VND
	Current period	*Previous period*
Other income	**2,287,541,361**	**7,850,090,946**
Insurance compensation	1,861,290,291	5,837,176,646
Gains from disposal of tools and supplies	-	1,244,533,998
Gains from disposal of assets	-	250,958,008
Others	426,251,070	517,422,294
Other expenses	**(17,658,955,632)**	**(2,963,664,277)**
Fines and compensation	(15,894,920,453)	-
Loss from disposal of assets	(1,030,507,306)	-
Loss from disposal of veterinary drugs and supplies	(450,431,447)	(2,805,424,907)
Others	(283,096,426)	(158,239,370)
NET OTHER (LOSS) PROFIT	**(15,371,414,271)**	**4,886,426,669**

30. PRODUCTION AND OPERATING COSTS BY ELEMENTS

		VND
	Current period	*Previous period*
Raw materials	2,983,138,961,323	1,689,475,689,221
Expenses for external services	158,570,614,509	591,260,935,372
Labour costs	117,486,425,650	101,975,934,713
Depreciation and amortisation *(Notes 11.2, 12, 13 and 14)*	123,923,745,559	74,232,328,312
(Reversal of provision) provision	(291,502,483)	2,627,406,919
Others	32,874,582,140	68,740,855,658
TOTAL	**3,415,702,826,698**	**2,528,313,150,195**

31. CORPORATE INCOME TAX

The Company has the obligations to pay corporate income tax ("CIT") as follows:

- For income from mixed livestock farming and animal feed production activities, the Company and the aforementioned branches are entitled to a preferential tax rate of 15% throughout their entire operational period;
- For income from other activities, the Company and the aforementioned branches apply a standard tax rate of 20% on taxable income.

The tax returns filed by the Company is subject to examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the separate financial statements could change at a later date upon final determination by the tax authorities.

31.1 CIT expense

		VND
	Current period	*Previous period*
Current tax expenses	-	6,562,034,885
Adjustment for under accrual of tax from prior periods	19,049,542,746	-
Current CIT	19,049,542,746	6,562,034,885
Deferred tax expenses (income)	6,831,623,094	(1,541,496,075)
TOTAL	**25,881,165,840**	**5,020,538,810**

31. CORPORATE INCOME TAX (continued)

31.1 CIT expense (continued)

Reconciliation between CIT expense and the accounting profit before tax multiplied by CIT rates is presented below:

		VND
	Current period	*Previous period*
Accounting profit before tax	**141,768,097,417**	**108,637,681,979**
At applicable CIT rates	21,265,214,613	16,087,654,698
Adjustments to increase (decrease):		
Amortisation expenses from discounted value of convertible bonds	1,662,992,543	1,508,679,568
Unrecognized deferred tax assets on independent accounting branches' tax losses carried forward	2,594,064,277	1,223,378,325
Non-deductible interest expense	3,890,258,095	619,822,553
Non-deductible expenses	6,982,531,640	593,128,491
Dividend income	(27,000,000,000)	(15,000,000,000)
Tax loss carried forward on independent accounting branches	(1,980,989,762)	-
Adjustment for under accrual of tax from prior periods	19,049,542,746	-
Others	(582,448,312)	(12,124,825)
CIT expense	**25,881,165,840**	**5,020,538,810**

31.2 Current tax

The current tax payable is based on taxable income for the period. The taxable income of the Company for the period differs from the profit as reported in the interim separate income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other periods and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Company's current tax liability is calculated using tax rates that have been enacted at the interim separate financial position statement date.

31. CORPORATE INCOME TAX (continued)

31.3 Deferred tax

The following are deferred tax assets recognised by the Company, and the movements thereon during the periods:

VND

	Interim separate financial position		*Interim separate income statement*	
	Ending balance	*Beginning balance*	*Current period*	*Previous period*
Tax losses can offset agains taxable income in next years	24,376,365,150	35,143,439,043	(10,767,073,893)	-
Short-term accrued expenses	4,206,799,857	401,412,198	3,805,387,659	1,266,539,803
Foreign exchange difference arising from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency	(18,834,518)	(148,897,658)	130,063,140	274,956,272
Deferred tax assets	***28,564,330,489***	***35,395,953,583***		
Net deferred tax (expense) income			***(6,831,623,094)***	***1,541,496,075***

31. CORPORATE INCOME TAX (continued)

31.4 Tax losses carried forward

The Company is entitled to carry tax loss forward to offset against taxable income arising within five (5) consecutive years subsequent to the year in which the loss was incurred. At the interim financial position date, the Company had aggregated accumulated tax losses of VND 226,807,232,351 arising from independent accounting branches (31 December 2025: VND 295,781,555,703) available for offset against future taxable income. Details are as follows:

VND

Originating year	*Can be utilized up to*	*Tax loss amount*	*Utilized up to 30 June 2026*	*Forfeited*	*Unutilized at 30 June 2026*
Head Office					
2023	2028	198,280,386,746	(198,280,386,746)	-	-
2025	2030	234,289,593,623	(71,780,492,621)	-	162,509,101,002
		432,569,980,369	(270,060,879,367)	-	162,509,101,002
Independent accounting branches					
2021	2026	31,566,070	-	-	31,566,070
2022	2027	7,583,628,876	(259,203,307)	-	7,324,425,569
2023	2028	911,515,725	-	-	911,515,725
2024	2029	8,145,662,810	(2,675,509,586)	-	5,470,153,224
2025	2030	44,819,588,599	(7,229,439,223)	-	37,590,149,376
2026	2031	12,970,321,385	-	-	12,970,321,385
		74,462,283,465	(10,164,152,116)	-	64,298,131,349
TOTAL		**507,032,263,834**	**(280,225,031,483)**	**-**	**226,807,232,351**

Estimated tax loss as per CIT declarations of the Company's head office and independent accounting branches have not been audited by the local tax authorities as of the date of these interim separate financial statements.

31. CORPORATE INCOME TAX (continued)

31.5 Interest expense exceeds the prescribed threshold

The Company is entitled to carry forward interest expense exceeding the prescribed threshold that have not been deducted when calculating CIT for the current period ("non-deductible interest expenses") to the following period when determining the total deductible interest expenses of the following period. The subsequent period that the interest expense can be carried forward to will not exceed consecutive period of 5 years subsequent to the year in which the non-deductible interest expense incurred. At the interim financial position date, the Company has aggregated non-deductible interest expenses available as follows:

VND

Originating year	*Can be used as deductible interest expense up to*	*Non-deductible interest expenses incurred*	*Non-deductible interest expense carried forward to following years by 30 June 2026*	*Forfeited*	*Non-deductible interest expense available to be carried forward as at 30 June 2026*
Head office					
2023	2028	71,736,201,790	(20,671,107,602)	-	51,065,094,188
2025	2030	62,717,344,188	-	-	62,717,344,188
2026	2031	26,489,065,597	-	-	26,489,065,597
		160,942,611,575	(20,671,107,602)	-	140,271,503,973
Independent accounting branches					
2024	2029	1,817,791,705	(1,227,715,704)	-	590,076,001
2025	2030	5,573,330,647	(674,451,020)	-	4,898,879,627
2026	2031	1,486,658,002	-	-	1,486,658,002
		8,877,780,354	(1,902,166,724)	-	6,975,613,630
TOTAL		**169,820,391,929**	**(22,573,274,326)**	**-**	**147,247,117,603**

No deferred tax assets were recognised in respect of the said non-deductible interest expense as at 30 June 2026 by VND 147,247,117,603 (31 December 2025: VND 121,173,560,726) because of the uncertainty in predicting whether this non-deductible interest expense will be carried forward in the remaining time limit or not.

31.6 Unrecognised deferred tax assets

Deferred tax assets have not been recognised in respect of the following items due to uncertainty of future taxable income:

VND

	Current period	*Previous period*
Tax losses carried forward *(Note 31.4)*	64,298,131,349	22,113,371,699
Interest expense exceeds the prescribed threshold *(Note 31.5)*	147,247,117,603	57,624,983,523
TOTAL	**211,545,248,952**	**79,738,355,222**

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

List of related parties that have a controlling relationship with the Company and other related parties of the Company during the period and as at 30 June 2026 is as follows:

Related party	*Relationship*
Siba Holdings Corporation	Major shareholder
Tan Long Group Joint Stock Company ("Tan Long")	The company has the same Chairman
Anh Vu Phu Yen	Subsidiary
Bao Ngoc Livestock	Subsidiary
Minh Thanh Livestock	Subsidiary
Bac An Khanh	Subsidiary
Dong An Khanh	Subsidiary
Nam An Khanh	Subsidiary
Green Farm 1	Subsidiary
Green Farm 2	Subsidiary
Hai Dang Tay Ninh	Subsidiary
Song Hinh	Subsidiary
BAF Tay Ninh	Subsidiary
BAF Binh Dinh	Subsidiary
BAF Meat Binh Phuoc	Subsidiary
Tam Hung	Subsidiary
Tan Chau	Subsidiary
Thien Phu Son	Subsidiary
Kim Hoi Livestock	Subsidiary
BAF Microbiological Organic Fertilizer	Subsidiary
Logistic BAF	Subsidiary
BAF Tay Ninh Food Processing	Subsidiary
Tay An Khanh	Subsidiary
Thanh Xuan	Subsidiary
BAF Tay Ninh 1 High-tech	Subsidiary
BAF Tay Ninh 2 High-tech	Subsidiary
BAF Tay Ninh 1	Subsidiary
TMC Livestock	Subsidiary
Hoa Phat Bon	Subsidiary
Thanh Dat Gia Lai	Subsidiary
BAF Ninh Binh	Subsidiary
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Company is related to the Chairman
Viet Agro Pte Ltd ("Viet Agro")	Company is related to the Chairman
Siba High-Tech Mechanical Group Joint Stock Company ("Siba Tech")	The company has the same Chairman
A An Food Joint Stock Company ("A An")	Subsidiary of major shareholder
A An Food Joint Stock Company ("A An") – Dong Thap Branch ("A An – Dong Thap")	Subsidiary of major shareholder
Solacons Construction One Member Company Limited ("Solacons")	Branch of subsidiary of the company has the same Chairman

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

List of related parties that have a controlling relationship with the Company and other related parties of the Company during the period and as at 30 June 2026 is as follows: (continued)

Related party	*Relationship*
Siba Cu Jut Clean Energy Joint Stock Company ("Siba Cu Jut")	Subsidiary of the company has the same Chairman
Vmeco Bac Lieu Clean Energy One Member Company Limited ("Vmeco Bac Lieu")	Subsidiary of the company has the same Chairman
Stemkos Viet Nam Trading Joint Stock Company ("Stemkos")	Subsidiary of the company has the same Chairman
Tan Long Veterinary Joint Stock Company ("Tan Long Veterinary")	Subsidiary of the company has the same Chairman
Ocoba Foodstuff Joint Stock Company ("Ocoba Foodstuff")	Subsidiary of the company has the same Chairman
Tan Long Group Joint Stock Company – Dong Thap Branch ("Tan Long – Dong Thap")	Branch of the company has the same Chairman
Tan Long Group Joint Stock Company – Hai Phong Branch ("Tan Long – Hai Phong")	Branch of the company has the same Chairman
Mr Truong Sy Ba	Chairman
Ms Bui Huong Giang	Member of Board of Directors cum General Director ("BOD Member cum GD")
Mr Le Xuan Tho	Non-executive BOD Member (to 23 April 2026)
Mr Nguyen Van Phu	Non-executive BOD Member (from 23 April 2026)
Mr Prasad Gopalan	Independent BOD Member
Mr Nguyen Thanh Tan	Independent BOD Member
Ms Duong Thi Hong Tan	Head of BOS (from 23 April 2025)
Ms Tran Thi Thanh Tra	Member of BOS (from 23 April 2025)
Ms Luu Ngoc Tram	Member of BOS
Ms Hoang Thi Thu Hien	Head of BOS (to 31 March 2025)
Mr Nguyen Quoc Van	Member of BOS (to 31 March 2025)
Mr Truong Anh Tuan	Deputy General Director
Mr Nguyen Van Minh	Deputy General Director
Mr Ngo Cao Cuong	Deputy General Director cum Chief Financial Officer (to 18 March 2026)
Mr Nguyen Pham Xuan Quang	Chief Financial Officer (from 18 March 2026)
Ms Nguyen Thi Quynh Nhu	Chief Accountant (to 10 July 2026)
Ms Phan Thi Kim Trang	Chief Accountant (from 10 July 2026)

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Significant transactions with related parties during the period were as follows:

VND

Related party	*Transaction*	*Current period*	*Previous period*
BAF Tay Ninh	Purchase of bran	587,820,847,703	408,663,218,819
	Lending	73,247,841,097	153,200,000,000
	Repayment of loans	31,500,000,000	-
	Interest expense	875,095,890	-
	Payment on behalf	496,065,493	589,435,000
	Interest income	192,651,856	2,131,117,808
	Collection of lending	-	193,200,000,000
	Capital contribution	-	1,500,000,000
BAF Meat Binh Phuoc	Repayment of loans	1,550,000,000	3,890,000,000
	Interest expense	43,966,356	174,250,182
Kim Hoi Livestock	Farm rental expense	7,860,000,000	7,440,000,000
	Payment on behalf	3,075,119,753	-
	Repayment of loans	2,871,900,000	-
	Interest expense	19,827,913	22,966,668
Anh Vu Phu Yen	Purchase of swine	41,778,776,970	35,066,101,459
	Lending	34,750,000,000	10,250,000,000
	Sale of bran	13,999,372,100	-
	Sale of swine	4,932,337,691	28,069,331,616
	Interest income	4,062,852,839	2,784,211,741
	Disposal of veterinary drugs and supplies	-	13,243,015
	Collection of lending	-	19,000,000,000
Dong An Khanh	Lending	64,900,000,000	45,550,000,000
	Purchase of swine	29,933,924,249	13,776,959,314
	Interest income	6,279,403,564	4,770,115,890
	Collection of lending	2,000,000,000	5,000,000,000
	Sale of goods	42,926,752	-
	Sale of swine	-	5,348,513,864
	Disposal of veterinary drugs and supplies	-	114,998
Thien Phu Son	Interest expense	1,225,804,931	1,376,990,137
	Repayment of loans	550,000,000	560,000,000
Nam An Khanh	Purchase of swine	27,460,316,471	48,563,453,253
	Collection of lending	19,500,000,000	16,000,000,000
	Interest income	4,145,141,744	4,003,176,812
	Lending	1,600,000,000	36,630,000,000
	Sale of goods	705,890,904	1,290,000,000
	Disposal of veterinary drugs and supplies	-	42,054,946

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Significant transactions with related parties during the period were as follows: (continued)

VND

Related party	*Transaction*	*Current period*	*Previous period*
Green Farm 2	Purchase of swine	132,093,015,023	150,682,588,558
	Collection of lending	127,900,000,000	28,000,000,000
	Lending	8,650,000,000	92,151,830,211
	Sale of swine	8,142,352,317	-
	Interest income	3,395,748,553	5,869,069,756
	Disposal of tools and supplies	-	17,454,552
	Disposal of veterinary drugs and supplies	-	2,475,600
Green Farm 1	Collection of lending	30,000,000,000	10,000,000,000
	Purchase of swine	20,184,378,270	133,500,623,129
	Interest income	5,350,010,513	5,948,670,785
	Lending	3,200,000,000	45,550,000,000
	Sale of swine	19,234,340	-
	Disposal of veterinary drugs and supplies	-	893,074,164
	Capital contribution	-	800,000,000
Minh Thanh Livestock	Purchase of swine	109,612,797,422	150,097,040,030
	Lending	22,950,000,000	71,700,000,000
	Sale of swine	9,383,434,685	8,271,069,104
	Interest income	257,794,521	1,740,609,863
	Collection of lending	-	122,830,000,000
	Offset dividend receivable	-	50,000,000,000
	Capital contribution	-	1,000,000,000
	Disposal of veterinary drugs and supplies	-	155,091,780
Tam Hung	Purchase of swine	28,301,103,186	19,949,407,610
	Sale of swine	10,426,593,777	9,540,952,495
	Lending	6,800,000,000	43,513,144,104
	Interest income	2,638,261,546	2,017,029,144
	Collection of lending	-	10,700,000,000
	Disposal of veterinary drugs and supplies	-	167,719,368
Tan Chau	Purchase of swine	159,423,803,722	222,080,069,350
	Collection of lending	37,519,412,603	15,000,000,000
	Sale of goods	357,202,584	9,193,984,506
	Interest income	55,508,172	2,366,961,153
	Lending	-	35,350,000,000
	Disposal of veterinary drugs and supplies	-	55,546,070

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Significant transactions with related parties during the period were as follows: (continued)

VND

Related party	*Transaction*	*Current period*	*Previous period*
Song Hinh	Lending	44,500,000,000	16,338,989,313
	Capital contribution	33,000,000,000	-
	Collection of lending	29,188,989,313	-
	Sale of goods	3,486,635,758	-
	Interest income	586,586,300	81,772,218
	Purchase of swine	502,230,670	-
	Repayment of loans	-	3,595,000,000
	Interest expense	-	66,206,301
Bac An Khanh	Purchase of swine	144,843,833,571	164,438,200,802
	Offset dividend receivable	60,000,000,000	50,000,000,000
	Lending	36,800,000,000	22,000,000,000
	Interest income	564,221,918	2,478,057,535
	Sale of goods	62,627,608	-
	Collection of lending	-	137,600,000,000
	Capital contribution	-	800,000,000
	Disposal of veterinary drugs and supplies	-	350,000
BAF Binh Dinh	Purchase of bran	165,206,503,500	-
	Lending	37,200,000,000	-
	Repayment of loans	31,565,119,000	47,800,000,000
	Loan	17,000,000,000	-
	Interest expense	377,709,881	1,977,144,089
	Interest income	286,520,548	-
	Sale of bran	96,026,000	-
	Capital contribution	-	1,600,000,000
Bao Ngoc Livestock	Farm rental expense	6,000,000,000	5,274,545,455
	Collection of lending	-	2,858,606,034
	Interest income	988,408,770	1,080,389,509
Hai Dang Tay Ninh	Purchase of swine	462,256,271,942	328,087,245,284
	Offset dividend receivable	150,000,000,000	-
	Lending	73,500,000,000	158,600,000,000
	Collection of lending	49,300,000,000	35,000,000,000
	Disposal of fixed assets	-	2,250,000,000
	Interest income	2,011,681,133	7,016,149,628
	Sale of goods	537,999,096	3,112,290,000
	Disposal of bran	-	39,275,000
Logistic BAF	Purchase of services	57,601,197,023	19,613,550,605
	Capital contribution	30,000,000,000	-
	Lending	23,400,000,000	3,850,000,000
	Interest income	1,980,928,865	437,367,221
	Purchase of fixed assets	272,262,537	-
	Disposal of fixed assets	35,060,000	25,174,700,000
BAF Microbiological Organic Fertilizer	Purchase of goods	64,114,623,002	302,447,009
	Repayment of loans	9,940,000,000	750,000,000
	Interest expense	110,492,053	405,754,520
	Sale of goods	110,076,645	-
	Loans	-	4,000,000,000

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Significant transactions with related parties during the period were as follows: (continued)

VND

Related party	*Transaction*	*Current period*	*Previous period*
BAF Tay Ninh Food Processing	Interest expense	7,016,541,372	5,152,078,356
	Repayment of loans	2,500,000,000	550,000,000
	Capital contribution	-	213,000,000,000
	Loans	-	213,000,000,000
Siba Tech	Construction of farms	221,997,069,564	15,908,627,805
	Collect on behalf	517,591,064	-
	Sale of goods	167,110,480	60,658,500
	Purchase of goods	52,781,500	-
	Payment on behalf	35,540,000	-
Hoa Phat Bon	Lending	85,944,315,766	-
	Collection of lending	37,500,000,000	-
	Purchase of swine	10,591,400,335	-
	Sale of swine	2,991,571,882	-
	Interest income	2,150,092,589	-
Khoi Duong	Capital contribution	29,997,000,000	-
	Repayment of loans	14,100,000,000	-
	Interest expense	482,058,341	-
Thanh Dat Gia Lai	Lending	56,500,000,000	-
	Interest income	2,300,012,054	-
BAF Tay Ninh 1	Interest expense	2,301,386,302	629,654,795
	Repayment of loans	900,000,000	-
	Capital contribution	-	80,000,000,000
	Loans	-	79,800,000,000
Thanh Xuan	Sale of swine	10,518,088,571	4,415,282,838
	Sale of bran	18,136,395,500	-
	Purchase of swine	32,641,332,172	12,839,508
	Lending	20,200,000,000	11,020,000,000
	Interest income	1,469,304,659	124,860,821
	Disposal of fixed assets	-	413,241,377
	Disposal of veterinary drugs and supplies	-	258,239,815
	Disposal of tools and supplies	-	37,313,637
BAF Tay Ninh 1 High-Tech	Interest expense	9,820,471,233	2,678,794,520
	Repayment of loans	2,950,000,000	-
	Capital contribution	-	340,000,000,000
	Loans	-	339,500,000,000
BAF Tay Ninh 2 High-Tech	Repayment of loans	12,300,000,000	-
	Interest expense	9,760,043,837	2,622,986,301
	Capital contribution	-	340,000,000,000
	Loans	-	339,500,000,000

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Significant transactions with related parties during the period were as follows: (continued)

VND

Related party	*Transaction*	*Current period*	*Previous period*
Tay An Khanh	Capital contribution	108,000,000,000	-
	Collection of lending	88,630,000,000	-
	Lending	23,550,000,000	10,800,000,000
	Loans	10,000,000,000	-
	Repayment of loans	10,000,000,000	-
	Interest income	1,186,499,179	743,087,672
	Interest expense	47,046,576	-
TMC Livestock	Lending	26,900,000,000	147,841,000,000
	Purchase of goods	23,699,644,263	-
	Collection of lending	2,331,000,000	70,000,000,000
	Interest income	1,552,257,041	1,094,656,274
	Sale of goods	142,769,767	13,530,060,861
	Disposal of tools and supplies	-	2,881,718,159
	Disposal of veterinary drugs and supplies	-	1,079,146,004
	Disposal of fixed assets	-	308,422,782
	Disposal of bran	-	245,047,500
BAF Ninh Binh	Loans	23,000,000,000	-
	Interest expense	4,438,734,245	-
	Repayment of loans	800,000,000	-
Siba Cu Jut	Purchase of services	1,290,159,207	-
A An	Sale of goods	108,797,520	58,656,000
A An – Dong Thap	Sale of goods	30,074,400	-
Tan Long	Sale of goods	42,327,840	95,624,900
Tan Long – Dong Thap	Sale of goods	46,862,280	-
Tan Long – Hai Phong	Sale of goods	18,935,280	-
Ocoba	Sale of goods	2,042,400	-

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Terms and conditions of transactions with related parties

The sales to and purchases, loans and lendings from related parties are made on terms equivalent to those that prevail in arm's length transactions.

Transactions with related parties were approved by the Company's Board of Directors in accordance with Resolution 06/NQ-HĐQT dated 9 February 2026 and presented in the Corporate Governance Report for the first six-month period of 2026.

Amounts due from related parties as at the interim financial position date were as follows:

VND

Related party	*Transaction*	*Ending balance*	*Beginning balance*
Short-term trade receivables			
Minh Thanh Livestock	Sale of goods	74,126,692,846	107,255,954,720
Thanh Xuan	Sale of goods	41,435,645,287	34,165,328,326
Green Farm 1	Sale of goods	33,133,780,452	46,769,998,737
Anh Vu Phu Yen	Sale of goods	16,018,140,673	49,101,345,001
TMC Livestock	Sale of goods	13,613,188,371	18,407,306,056
Tam Hung	Sale of goods	10,138,717,782	42,985,660,341
Green Farm 2	Sale of goods	8,065,878,450	-
Dong An Khanh	Sale of goods	3,346,334,800	19,158,437,707
Hoa Phat Bon	Sale of goods	2,418,050,406	4,508,875,661
Nam An Khanh	Sale of goods	300,000,000	105,779,604
Siba Tech	Sale of goods	291,862,194	-
Tan Chau	Sale of goods	171,711,467	5,768,635,166
BAF Microbiological Organic Fertilizer	Sale of goods	117,874,679	-
Tan Long - Đong Thap	Sale of goods	36,489,398	-
Hai Dang Tay Ninh	Sale of goods	30,146,790	16,248,534,959
Bac An Khanh	Sale of goods	7,569,720	18,028,425,730
Song Hinh	Sale of goods	7,569,720	4,980,007
Logistic BAF	Sale of goods	-	24,692,170,000
Tan Long	Sale of goods	-	204,636,348
BAF Tay Ninh	Sale of goods	-	72,018,310
TOTAL		**203,259,653,035**	**387,478,086,673**

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Amounts due from related parties at the interim financial position date were as follows: (continued)

VND

Related party	*Transaction*	*Ending balance*	*Beginning balance*
Short-term loan receivables			
Dong An Khanh	Lending	264,492,405,759	195,313,002,195
Green Farm 1	Lending	219,464,655,966	240,914,645,453
Anh Vu Phu Yen	Lending	181,561,263,139	142,748,410,300
Nam An Khanh	Lending	146,071,510,026	159,826,368,282
Green Farm 2	Lending	131,438,830,685	247,293,082,132
Hai Dang Tay Ninh	Lending	111,106,314,379	94,894,633,246
Thanh Dat Gia Lai	Lending	102,719,433,423	43,919,421,369
Tam Hung	Lending	98,928,744,148	89,490,482,602
Hoa Phat Bon	Lending	83,130,805,047	32,536,396,692
BAF Tay Ninh	Lending	73,440,492,953	-
TMC Livestock	Lending	68,448,261,699	42,333,901,863
Thanh Xuan	Lending	59,171,882,740	37,502,578,081
Song Hinh	Lending	45,061,072,057	29,163,475,070
Bao Ngoc Livestock	Lending	42,701,552,392	41,713,143,622
BAF Binh Đinh	Lending	37,486,520,548	-
Bac An Khanh	Lending	37,364,221,918	-
Minh Thanh Livestock	Lending	23,207,794,521	-
Tay An Khanh	Lending	7,943,791,781	75,563,266,303
Logistic BAF	Lending	-	52,367,610,739
Tan Chau	Lending	-	46,440,412,157
TOTAL		**1,733,739,553,181**	**1,572,020,830,106**
Short-term advances to suppliers			
Siba Tech	Construction of farms	52,758,433,975	102,240,418,462
Logistic BAF	Purchase of services	2,243,055,172	-
Nam An Khanh	Purchase of goods	644,711,488	-
Solacons	Purchase of goods	272,727,273	272,727,273
Kim Hoi Livestock	Farm rental	-	300,000,000
BAF Microbiological Organic Fertilizer	Purchase of services	-	85,945,061
TOTAL		**55,918,927,908**	**102,899,090,796**

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Amounts due from related parties at the interim financial position date were as follows: (continued)

VND

Related party	*Transaction*	*Ending balance*	*Beginning balance*
Other short-term receivables			
Hai Dang Tay Ninh	Dividend	60,000,000,000	150,000,000,000
Tan Chau	Dividend	75,000,000,000	-
Green Farm 2	Dividend	25,000,000,000	-
BAF Myanmar	Receivables from investment in a joint venture	22,287,867,857	22,110,662,223
Bac An Khanh	Dividend	10,000,000,000	60,000,000,000
Tam Hung	Dividend	10,000,000,000	-
Logistic BAF	Payment on behalf	499,060,000	604,762,852
BAF Microbiological Organic Fertilizer	Payment on behalf	351,756,600	351,756,600
Hoa Phat Bon	Payment on behalf	282,923,550	67,085,597,646
TMC Livestock	Payment on behalf	-	3,181,481,900
TOTAL		**203,421,608,007**	**303,334,261,221**
Other long-term receivables			
Kim Hoi Livestock	Deposit	11,280,000,000	11,280,000,000
Bao Ngoc Livestock	Deposit	2,800,000,000	2,800,000,000
TMC Livestock	Deposit	1,300,000,000	1,300,000,000
TOTAL		**15,380,000,000**	**15,380,000,000**
Long-term loan receivables			
Logistic BAF	Lending	77,748,539,604	-

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Amounts due to related parties at the interim financial position date were as follows:

VND

Related party	*Transaction*	*Ending balance*	*Beginning balance*
Short-term trade payables			
Hai Dang Tay Ninh	Purchase of goods	303,401,861,450	291,416,794,089
BAF Tay Ninh	Purchase of goods	259,803,711,020	225,858,401,872
BAF Binh Dinh	Purchase of goods	165,206,503,500	-
Siba Tech	Construction of farms	136,902,653,881	112,394,195,051
Tan Chau	Purchase of goods	129,609,369,440	150,636,727,198
Minh Thanh Livestock	Purchase of goods	70,594,691,925	8,616,762,691
Green Farm 2	Purchase of goods	67,873,680,737	137,781,649,437
Bac An Khanh	Purchase of goods	64,236,758,959	71,926,304,203
Green Farm 1	Purchase of goods	17,894,654,132	52,917,176,084
Hoa Phat Bon	Purchase of goods	10,604,666,665	-
Tam Hung	Purchase of goods	8,077,277,431	26,182,032,010
BAF Microbiological Organic Fertilizer	Purchase of goods	7,674,259,005	-
Dong An Khanh	Purchase of goods	7,074,841,721	4,014,349,569
Thanh Xuan	Purchase of goods	5,553,296,268	1,249,258,075
Anh Vu Phu Yen	Purchase of goods	4,120,587,914	21,831,488,239
TMC Livestock	Purchase of goods	3,642,749,042	671,770,553
Bao Ngoc Livestock	Purchase of services	1,100,000,000	1,100,000,000
Siba Cu Jut	Purchase of goods	483,011,508	611,891,203
Song Hinh	Purchase of goods	242,435,999	-
Salacons	Purchase of goods	43,636,364	43,636,364
Tan Long	Purchase of goods	20,000	1,470,020,000
Nam An Khanh	Purchase of goods	-	40,509,990,632
Logistic BAF	Purchase of services	-	7,616,158,352
TOTAL		**1,264,040,886,861**	**1,158,858,605,042**

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Amounts due to related parties at the interim financial position date were as follows: (continued)

VND

Related party	*Transaction*	*Ending balance*	*Beginning balance*
Other short-term payables			
BAF Tay Ninh Food Processing	Interest expense	21,224,309,590	14,207,768,218
Thien Phu Son	Interest expense	9,445,908,495	8,220,103,564
BAF Ninh Binh	Interest expense	6,527,128,765	2,088,394,520
BAF Tay Ninh 1	Interest expense	5,327,671,235	3,026,284,933
BAF Meat Binh Phuoc	Interest expense	1,327,235,182	1,283,268,826
Kim Hoi Livestock	Interest expense	132,569,312	112,741,399
Logistic BAF	Others	95,958,000	95,958,000
Tay An Khanh	Interest expense	47,046,576	-
BAF Tay Ninh 1 High-tech	Interest expense	-	12,885,747,945
BAF Tay Ninh 2 High-tech	Interest expense	-	12,835,545,205
BAF Binh Dinh	Interest expense	-	17,948,462,276
BAF Tay Ninh	Interest expense	-	1,877,063,013
BAF Microbiological Organic Fertilizer	Interest expense	-	1,100,130,411
TOTAL		**44,127,827,155**	**75,681,468,310**
Short-term loans			
BAF Tay Ninh Food Processing	Loan	235,660,000,000	238,160,000,000
BAF Ninh Binh	Loan	149,100,000,000	126,900,000,000
BAF Tay Ninh 1	Loan	77,200,000,000	78,100,000,000
Thien Phu Son	Loan	41,080,000,000	41,630,000,000
BAF Meat Binh Phuoc	Loan	402,000,000	1,952,000,000
BAF Tay Ninh 2 High-tech	Loan	-	333,900,000,000
BAF Tay Ninh 1 High-tech	Loan	-	332,800,000,000
BAF Tay Ninh	Loan	-	31,500,000,000
BAF Binh Dinh	Loan	-	14,565,119,000
BAF Microbiological Organic Fertilizer	Loan	-	9,940,000,000
Kim Hoi Livestock	Loan	-	2,871,900,000
TOTAL		**503,442,000,000**	**1,212,319,019,000**

32. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Amounts due to related parties at the interim financial position date were as follows: (continued)

VND

Related party	*Transaction*	*Ending balance*	*Beginning balance*
Long-term loans			
BAF Tay Ninh 1 High-tech	Loan	329,850,000,000	-
BAF Tay Ninh 2 High-tech	Loan	321,600,000,000	-
Khoi Duong	Loan	7,568,075,000	-
TOTAL		**659,018,075,000**	**-**
Other long-term payables			
BAF Tay Ninh 1 High-tech	Interest expense	22,706,219,178	-
BAF Tay Ninh 2 High-tech	Interest expense	22,595,589,042	-
Khoi Duong	Interest expense	484,962,682	-
TOTAL		**45,786,770,902**	**-**

Transactions with other related parties

Remuneration to members of the Board of Directors ("BOD"), Board of Supervision ("BOS") and Management:

VND

	Current period	*Previous period*
Mr Truong Sy Ba	180,000,000	180,000,000
Ms Bui Huong Giang	861,013,326	630,983,351
Mr Le Xuan Tho	72,000,000	108,000,000
Mr Nguyen Van Phu	36,000,000	-
Mr Prasad Gopalan	108,000,000	108,000,000
Mr Nguyen Thanh Tan	108,000,000	108,000,000
Mr Truong Anh Tuan	814,441,289	603,656,754
Mr Ngo Cao Cuong	828,172,900	617,427,714
Mr Nguyen Van Minh	877,896,403	615,182,539
Ms Hoang Thi Thu Hien	-	36,000,000
Ms Duong Thi Hong Tan	234,823,380	210,482,690
Ms Luu Ngoc Tram	22,500,000	22,500,000
Mr Nguyen Quoc Van	-	289,692,722
Mrs Tran Thi Thanh Tra	175,865,155	156,950,577
Ms Nguyen Thi Quynh Nhu	340,976,673	269,064,376
TOTAL	**4,659,689,126**	**3,955,940,723**

33. COMMITMENTS

33.1 *Operating lease commitments*

The Company leases farms under operating lease agreements. The minimum lease commitments as at the interim financial position date under the operating lease agreements were as follows:

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Less than 1 year	350,988,139,161	359,433,059,105
From 1 year 5 years	1,354,476,722,164	1,362,452,002,480
More than 5 years	1,999,986,786,187	2,164,281,211,436
TOTAL	**3,705,451,647,512**	**3,886,166,273,021**

33.2 *Capital commitments*

As at the interim financial position date, the Company had commitments principally relating to construction of factory premises and purchases of new machinery for its business expansion as follows:

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Giai Xuan Project	135,834,546,807	417,961,139,495

33.3 *Commitments related to the acquisition of subsidiaries (Note 7)*

As at the interim financial position date, the Company has commitments related to the acquisition of subsidiaries as follows:

VND

	Contract value	*Commitment value*
Green Forest Production Joint Stock Company	179,840,000,000	159,840,000,000
Nhat Quyet Livestock Company Limited	150,000,000,000	120,000,000,000
Minh Phat Livestock Company Limited	145,000,000,000	115,000,000,000
Khuyen Nam Tien High-Tech Livestock Company Limited	50,000,000,000	37,500,000,000
Hoang Kim QT Joint Stock Company	35,000,000,000	29,382,002,750
Viet Thai HT Joint Stock Company	35,000,000,000	28,971,021,500
Toan Thang HT Joint Stock Company	35,000,000,000	29,623,451,000
Thanh Sen HT - QT Joint Stock Company	35,000,000,000	28,962,896,750
Hoang Kim HT - QT Joint Stock Company	35,000,000,000	28,963,707,500
TOTAL	**699,840,000,000**	**578,243,079,500**

34. RECLASSIFICATION OF THE CORRESPONDING FIGURES IN ACCORDANCE WITH REQUIREMENTS OF CIRCULAR 99

Certain corresponding figures in the interim separate financial statements have been reclassified to conform with the presentation requirements under Circular 99 due to first time adoption (*Note 3.1.1*) for the current period's interim separate financial statements. The details are as follows:

VND

	Beginning balance (as previously presented)	*Reclassified*	*Beginning balance (as reclassified)*
INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION			
Held-to-maturity investments	321,388,990,290	1,577,383,667,871	1,898,772,658,161
Short-term loan receivables	1,422,990,761,472	(1,422,990,761,472)	-
Other short-term receivables	473,815,344,313	(154,392,906,399)	319,422,437,914
Inventories	1,721,356,683,254	(1,549,126,179,634)	172,230,503,620
Current biological assets	**-**	**1,549,126,179,634**	**1,549,126,179,634**
Short-term livestock raised for single harvest	-	1,549,126,179,634	1,549,126,179,634
Tangible fixed assets	341,463,999,985	(46,848,186,231)	294,615,813,754
- Cost	*454,627,827,325*	*(50,518,116,343)*	*404,109,710,982*
- Accumulated depreciation	*(113,163,827,340)*	*3,669,930,112*	*(109,493,897,228)*
Long-term deferred expenses	523,466,511,033	(401,561,817,305)	121,904,693,728
Non-current biological assets	**-**	**448,410,003,536**	**448,410,003,536**
Livestock raised for periodic harvest	-	*448,410,003,536*	*448,410,003,536*
Mature livestock raised for periodic harvest	-	*448,410,003,536*	*448,410,003,536*
- Cost	-	*588,885,060,038*	*588,885,060,038*
- Accumulated depreciation	-	*(140,475,056,502)*	*(140,475,056,502)*
INTERIM SEPARATE CASH FLOW STATEMENT			
Depreciation and amortisation	16,267,310,602	57,965,017,710	74,232,328,312
Increase, decrease in deferred expenses	(120,391,380,598)	35,551,382,697	(84,839,997,901)
Payment for the purchase, construction of fixed assets	(184,678,468,023)	(165,987,292,329)	(350,665,760,352)
Proceeds from disposal of fixed assets	-	72,470,891,922	72,470,891,922

35. EVENTS AFTER THE INTERIM FINANCIAL POSITION DATE

Except for the events as presented in Note 24.1, there have been no other significant events occurring after the interim financial position date which would require adjustments or disclosures to be made in the Company's interim separate financial statements.

Approved, 28 August 2026

PREPARER	CHIEF ACCOUNTANT	LEGAL REPRESENTATIVE
Phan Thi Khanh Dung	Phan Thi Kim Trang	Bui Huong Giang

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY	SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
No: 28.08/BAF-CV	**Independence - Freedom - Happiness**
Re: Explanation of the difference in profit after tax on the Reviewed separate financial statements 2026 compared to the same period in 2025	*Ho Chi Minh City, 28 August 2026*

To:
- **State Securities Commission**
- **Ho Chi Minh City Stock Exchange**
- **Hanoi Stock Exchange**

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company would like to provide an explanation regarding the difference in Profit After Tax in the Reviewed separate financial statements 2026 compared to the same period in 2025 as follows:

In the Reviewed separate financial statements 2026 of the Company:

Indicator	2026 (VND)	2025 (VND)	Increase (Decrease) Difference	
			VND	%
Accumulated Net Pre-tax Profit for 6 Months	141,768,097,417	108,637,681,979	33,130,415,438	30.5%
Accumulated Net Profit After Tax for 6 Months	115,886,931,577	103,617,143,169	12,269,788,408	11.8%

Profit after tax for the first six months of 2026 increased by 11.8% compared to the same period in 2025, driven by the following factors:

- Cumulative profit for the first six months of the year improved as a result of the increase in sales volume during the first six months compared to the same period last year, demonstrating that the Company's operating scale and market capability continued to be significantly strengthened.
- During the period, the Company continued to commence new high-tech farming projects, reaffirming its commitment to pursuing its expansion strategy in order to realize its growth targets through 2030.
- The proportion of carcass pork and processed meat continued to improve within the Company's revenue structure, reflecting its strategic direction of shifting toward higher value-added downstream products. The expansion and optimization of the Feed – Farm – Food value chain enables BAF to gradually reduce its dependence on fluctuations in live hog prices, thereby stabilizing its gross profit margin and mitigating business cyclicality risks.

Above is the additional explanation from BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.

Thank you sincerely./.

Recipients:
- *As above*
- *Archived at Accounting Department, Administrative Department.*

General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bui Huong Giang

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

Interim consolidated financial statements

For the six-month period ended 30 June 2026

Shape the future
with confidence

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

Interim consolidated financial statements

For the six-month period ended 30 June 2026

CONTENTS

	Pages
General information	1
Report of management	2
Report on review of interim consolidated financial statements	3 - 4
Interim consolidated statement of financial position	5 - 7
Interim consolidated income statement	8 - 9
Interim consolidated cash flow statement	10 - 11
Notes to the interim consolidated financial statements	12 - 70

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

GENERAL INFORMATION

THE COMPANY

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("the Company") is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Enterprise Registration Certificate ("ERC") No. 0107795944 issued by the Department of Finance ("DF") of Hanoi City (formerly known as Department of Planning and Investment of Hanoi City) on 7 April 2017, as amended, and the latest amendment being the 23rd issued by the DF of Ho Chi Minh City on 10 July 2026.

The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange ("HOSE") with trading code of BAF in accordance with the Decision No. 641/QD-SGDHCM issued by HOSE on 24 November 2021.

The current principal activities of the Company and its subsidiaries ("the Group") are to carry out the mixed farming activities, produce animal feed, process and preserve meat.

The Company's registered head office is located at the 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam. Also, the Company has five (5) independent branches located in the cities and provinces of Vietnam including Ho Chi Minh City, Dong Nai Province, Hanoi City, Tay Ninh Province and Nghe An Province.

BOARD OF DIRECTORS

The members of the Board of Directors during the period and at the date of this report are:

Mr Truong Sy Ba	Chairman	
Ms Bui Huong Giang	Member	
Mr Prasad Gopalan	Member	
Mr Nguyen Thanh Tan	Independent Member	
Mr Nguyen Van Phu	Independent Member	appointed on 23 April 2026
Mr Le Xuan Tho	Independent Member	resigned on 23 April 2026

BOARD OF SUPERVISION

The members of the Board of Supervision during the period and at the date of this report are:

Ms Duong Thi Hong Tan	Head
Ms Tran Thi Thanh Tra	Member
Ms Luu Ngoc Tram	Member

MANAGEMENT

The members of management during the period and at the date of this report are:

Ms Bui Huong Giang	General Director	
Mr Truong Anh Tuan	Deputy General Director	
Mr Nguyen Van Minh	Deputy General Director	
Mr Ngo Cao Cuong	Deputy General Director	
Mr Ngo Cao Cuong	Chief Financial Officer	resigned on 18 March 2026
Mr Nguyen Pham Xuan Quang	Chief Financial Officer	appointed on 18 March 2026

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the period and at the date of this report is Ms Bui Huong Giang.

AUDITORS

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.

REPORT OF THE MANAGEMENT

The management of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("the Company") is pleased to present this report and the interim consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries ("the Group") for the six-month period ended 30 June 2026.

THE MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

The management is responsible for the interim consolidated financial statements of each financial period which give a true and fair view of the interim consolidated financial position of the Group and of the interim consolidated results of its operations and its interim consolidated cash flows for the period. In preparing those interim consolidated financial statements, the management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the interim consolidated financial statements; and
- prepare the interim consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Group will continue its business.

The management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the interim consolidated financial position of the Group and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Group and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying interim consolidated financial statements.

STATEMENT BY MANAGEMENT

The management does hereby state that, in its opinion, the accompanying interim consolidated financial statements give a true and fair view of the interim consolidated financial position of the Group as at 30 June 2026 and of the interim consolidated results of its operations and its interim consolidated cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the interim consolidated financial statements.

For and on behalf of the management:

28 August 2026

GENERAL DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bui Huong Giang

Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Reference: 12943524/69497444/LR-HN

REPORT ON REVIEW OF INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

To: The Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

We have reviewed the accompanying interim consolidated financial statements of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("the Company") and its subsidiaries (collectively referred to as "the Group") as prepared on 28 August 2026 and set out on pages 5 to 70, which comprise the interim consolidated statement of financial position as at 30 June 2026, the interim consolidated income statement and the interim consolidated cash flow statement for the six-month period then ended and the notes thereto.

The management's responsibility

The Company's management is responsible for the preparation and fair presentation of these interim consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the interim consolidated financial statements, and for such internal control as the management determines is necessary to enable the preparation and presentation of the interim consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on the interim consolidated financial statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review Engagements No. 2410 - Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity.

A review of interim consolidated financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying interim consolidated financial statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the interim consolidated financial position of the Group as at 30 June 2026, and of the interim consolidated results of its operations and its interim consolidated cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the interim consolidated financial statements.

Ho Chi Minh City, Vietnam

28 August 2026

Ernst & Young Vietnam Limited

Hang Nhat Quang
Deputy General Director
Audit Practicing Registration Certificate
No. 1772-2023-004-1

A member firm of Ernst & Young Global Limited

INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2026

VND

ASSETS	Code	Notes	Ending balance	Beginning balance
A. CURRENT ASSETS	**100**		**5,632,004,678,122**	**4,346,928,883,476**
I. Cash and cash equivalents	***110***	***5***	***453,344,823,662***	***365,021,213,113***
1. Cash	111		453,344,823,662	363,271,213,113
2. Cash equivalents	112		-	1,750,000,000
II. Non-current investment	***120***		***782,946,770,367***	***485,421,803,860***
1. Held-to-maturity investments	123	6	782,946,770,367	485,421,803,860
III. Current receivables	***130***		***1,180,602,973,724***	***702,764,205,704***
1. Short term trade receivables	131	7	304,761,782,760	83,291,911,776
2. Short-term advances to suppliers	132	8	596,981,043,166	537,429,788,955
3. Other short-term receivables	135	9	287,914,985,368	91,388,845,026
4. Provision for doubtful short-term receivables	136	7, 8, 9, 10	(9,054,837,570)	(9,346,340,053)
IV. Inventory	***140***	***11***	***499,842,098,720***	***338,867,773,052***
1. Inventories	141		499,842,098,720	338,867,773,052
V. Current biological asset	***150***	***12.1***	***2,656,271,980,262***	***2,391,854,024,849***
1. Short-term livestock raised for single harvest	151		2,656,271,980,262	2,391,854,024,849
VI. Other current assets	***160***		***58,996,031,387***	***62,999,862,898***
1. Short-term deferred expenses	161	13	46,832,657,718	44,740,522,090
2. Deductible value-added tax	162	21	8,572,797,373	12,171,422,216
3. Tax and other receivables from the State	163	21	3,590,576,296	6,087,918,592

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued)

As at 30 June 2026

VND

ASSETS	Code	Notes	Ending balance	Beginning balance
B. NON-CURRENT ASSETS	**200**		**7,880,020,581,056**	**6,433,099,911,824**
I. Non-current receivable	***210***		***426,151,164,881***	***260,322,902,238***
1. Other long-term receivables	215	9	426,151,164,881	260,322,902,238
II. Fixed assets	***220***		***3,917,190,883,613***	***3,396,409,886,297***
1. Tangible fixed assets	221	14	3,667,733,344,070	3,250,410,051,592
Cost	222		4,471,632,884,726	3,906,658,843,734
Accumulated depreciation	223		(803,899,540,656)	(656,248,792,142)
2. Finance leases	224	15	229,984,273,571	126,863,154,332
Cost	225		247,489,039,249	133,825,560,443
Accumulated depreciation	226		(17,504,765,678)	(6,962,406,111)
3. Intangible fixed assets	227	16	19,473,265,972	19,136,680,373
Cost	228		30,069,836,444	27,992,232,944
Accumulated amortisation	229		(10,596,570,472)	(8,855,552,571)
III. Non-current biological assets	**230**	12.2	***743,292,456,881***	***698,483,309,680***
1. Livestock raised for periodic harvest	231		743,292,456,881	698,483,309,680
a) Mature livestock raised for periodic harvest	233		743,292,456,881	698,483,309,680
Cost	234		1,108,648,520,011	1,008,732,113,217
Accumulated depreciation	235		(365,356,063,130)	(310,248,803,537)
IV. Long-term asset in progress	***250***		***2,096,966,244,551***	***1,387,076,343,519***
1. Construction in progress	252	18	2,096,966,244,551	1,387,076,343,519
V. Long-term investment	***260***		***250,000,000***	-
1. Held-to-maturity investments	265		250,000,000	-
VI. Other non-current assets	***270***		***696,169,831,130***	***690,807,470,090***
1. Long-term deferred expenses	271	13	643,093,728,224	636,182,528,849
2. Deferred tax assets	272	33.3	51,486,561,725	52,845,927,035
3. Goodwill	279	19	1,589,541,181	1,779,014,206
TOTAL ASSETS (280 = 100 + 200)	**280**		**13,512,025,259,178**	**10,780,028,795,300**

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued)

As at 30 June 2026

VND

RESOURCES	Code	Notes	Ending balance	Beginning balance
C. LIABILITIES	**300**		**9,138,265,699,915**	**6,715,907,354,731**
I. Current liabilities	***310***		***5,424,424,619,192***	***4,331,765,436,897***
1. Short-term trade payables	311	20.1	2,088,652,186,323	1,991,888,458,950
2. Short-term advances from customers	312	20.2	6,801,559,607	6,010,055,855
3. Dividends and profits payables	313		225,454,908	-
4. Short-term statutory obligations	314	21	16,861,883,615	23,614,451,171
5. Payables to employees	315		88,085,535,112	75,885,060,524
6. Short-term accrued expenses	316	22	139,982,677,952	39,216,335,175
7. Other short-term payables	320	23	43,139,722,950	16,195,595,717
8. Short-term loans and finance lease obligation	321	24	3,040,675,598,725	2,178,955,478,505
II. Non-current liabilities	***330***		***3,713,841,080,723***	***2,384,141,917,834***
1. Long-term loans trade payables	331	20.1	-	36,687,475,369
2. Other long-term liabilities	338	23	-	40,487,000,000
3. Long-term loans and finance lease obligations	339	24	3,196,420,031,766	1,798,442,357,590
4. Convertible bonds	340	24.4	513,074,569,286	500,111,035,851
5. Deferred tax liabilities	342	33.3	4,346,479,671	8,414,049,024
D. OWNERS' EQUITY	**400**		**4,373,759,559,263**	**4,064,121,440,569**
1. Owners' contributed capital	411	25.1	3,040,216,420,000	3,040,216,420,000
- *Ordinary shares with voting rights*	*411a*		*3,040,216,420,000*	*3,040,216,420,000*
2. Share premium	412	25.1	52,603,680,000	356,620,000,000
3. Convertible bond - options	413	25.1	137,648,613,977	137,648,613,977
4. Other owners' capital	414	25.1	608,032,640,000	-
5. Undistributed earnings	420	25.1	530,398,200,269	525,179,035,393
- *Undistributed earnings by the end of prior period*	*420a*		*220,937,260,485*	*398,258,489,337*
- *Undistributed earnings of current period*	*420b*		*309,460,939,784*	*126,920,546,056*
6. Non-controlling interests	429	26	4,860,005,017	4,457,371,199
TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY (440 = 300 + 400)	**440**		**13,512,025,259,178**	**10,780,028,795,300**

Approved, 28 August 2026

PREPARER	CHIEF ACCOUNTANT	LEGAL REPRESENTATIVE
Phan Thi Khanh Dung	Phan Thi Kim Trang	Bui Huong Giang

INTERIM CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the six-month period ended 30 June 2026

VND

ITEMS	Code	Notes	Current period	Previous period
1. Revenue from sale of goods and rendering of services	01	27.1	3,904,422,135,966	2,510,891,190,505
2. Revenue deductions	02	27.1	15,715,976,258	449,017,170
3. Net revenue from sale of goods and rendering of services (10 = 01 - 02)	10	27.1	3,888,706,159,708	2,510,442,173,335
4. Cost of goods sold and services rendered	11	29	3,086,249,847,410	1,903,596,725,065
5. Gross profit from sale of goods and rendering of services (20 = 10 - 11)	20		802,456,312,298	606,845,448,270
6. Finance income	22	27.2	19,263,962,111	10,261,621,063
7. Finance expenses	23	28	255,725,786,073	134,165,645,633
In which: Interest expense	*24*	*28*	*234,159,262,691*	*119,038,563,738*
8. Selling expenses	25	30	60,474,829,845	32,997,916,129
9. General and administrative expenses	26	30	154,193,264,082	105,048,853,599
10. Operating profit {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		351,326,394,409	344,894,653,972
11. Other income	31	31	3,501,310,845	9,433,640,441
12. Other expenses	32	31	18,234,996,897	1,032,849,739
13. Other (loss) profit (40 = 31 - 32)	40	31	(14,733,686,052)	8,400,790,702
14. Accounting profit before tax (50 = 30 + 40)	50		336,592,708,357	353,295,444,674
15. Current corporate income tax expense	51	33.1	29,440,315,768	17,176,801,138

INTERIM CONSOLIDATED INCOME STATEMENT (continued)

For the six-month period ended 30 June 2026

VND

ITEMS	Code	Notes	Current period	Previous period
16. Deferred tax income	52	33.3	(2,708,204,043)	(6,759,677,693)
17. Net profit after corporate income tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		309,860,596,632	342,878,321,229
18. Net profit after tax attributable to shareholders of the parent	61	25.1	309,460,939,784	342,516,620,259
19. Net profit after tax attributable to non-controlling interests	62	26	399,656,848	361,700,970
20. Basic earnings per share	70	35	848	1,023
21. Diluted earnings per share	71	35	736	913

Approved, 28 August 2026

PREPARER	CHIEF ACCOUNTANT	LEGAL REPRESENTATIVE
Phan Thi Khanh Dung	Phan Thi Kim Trang	Bui Huong Giang

INTERIM CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

For the six-month period ended 30 June 2026

VND

ITEMS	Code	Notes	Current period	Previous period
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
1. Accounting profit before tax	**01**		**336,592,708,357**	**353,295,444,674**
2. Adjustments for:				
- Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible fixed assets (including amortisation of goodwill)	02	12.2, 14, 15, 16, 19	329,423,452,796	227,111,906,430
- (Reversal of provisions) provisions	03		(291,502,483)	2,627,406,919
- Foreign exchange gains arisen from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency	04		686,471,945	213,076,425
- Profits from investing and financing activities	05		(14,371,850,378)	(7,145,157,502)
- Borrowing costs and bond issuance cost	06	28	252,743,911,405	128,452,606,916
3. Operating profit before changes in working capital	**08**		**904,783,191,642**	**704,555,283,862**
- Increase, decrease in receivables	09		(543,128,532,295)	135,216,699,523
- Increase in inventories	10		(425,392,281,081)	(78,973,896,811)
- Increase, decrease in payable	11		456,388,878,282	(959,997,540,946)
- Increase in deferred expenses	12		(8,860,127,271)	(73,362,680,733)
- Borrowing costs paid	14		(182,545,665,594)	(108,616,375,358)
- Corporate income tax paid	15	21	(36,412,675,040)	(55,292,170,175)
Net cash flows from (used in) operating activities	**20**		**164,832,788,643**	**(436,470,680,638)**
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
1. Payment for the purchase, construction of fixed assets	21		(1,956,779,506,500)	(748,313,839,073)
2. Proceeds from disposal of fixed assets	22		263,325,002,016	104,203,059,578
3. Placements of term deposits at banks and loans to other entities	23		(426,653,548,699)	(59,019,312,403)
4. Collections from term deposits at bank and borrowers	24		128,878,582,192	103,873,700,000
5. Payments for investments in other entities	25		(236,343,694,583)	(171,558,752,495)
6. Interest received	27		10,065,836,190	7,639,608,528
Net cash flows used in investing activities	**30**		**(2,217,507,329,384)**	**(763,175,535,865)**

INTERIM CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT (continued)

For the six-month period ended 30 June 2026

VND

ITEMS	Code	Notes	Current period	Previous period
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
1. Proceeds from issuance of shares	31	25.1	-	1,006,620,000,000
2. Drawdown of borrowings	33	24	3,935,485,809,093	1,323,679,633,656
3. Repayment of borrowings	34	24	(1,775,668,430,523)	(892,020,649,403)
4. Payment of principal of finance lease liabilities	35	24	(18,819,227,280)	(4,584,984,551)
Net cash flows from financing activities	**40**		**2,140,998,151,290**	**1,433,693,999,702**
Net cash flows for the period (50 = 20+30+40)	**50**		**88,323,610,549**	**234,047,783,199**
Cash and cash equivalents at beginning of the period	**60**		**365,021,213,113**	**148,911,935,224**
Cash and cash equivalents at end of the period (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**5**	**453,344,823,662**	**382,959,718,423**

Approved, 28 August 2026

PREPARER	CHIEF ACCOUNTANT	LEGAL REPRESENTATIVE
Phan Thi Khanh Dung	Phan Thi Kim Trang	Bui Huong Giang

1. CORPORATE INFORMATION

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("the Company") is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Enterprise Registration Certificate ("ERC") No. 0107795944 issued by the Department of Finance ("DF") of Hanoi City (formerly known as the Department of Planning and Investment of Hanoi City) on 7 April 2017, and as amended, with the latest amendment being the 23rd issued by the DF of Ho Chi Minh City on 10 July 2026.

The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange ("HOSE") with trading code as BAF in accordance with the Decision No. 641/QD-SGDHCM issued by HOSE on 24 November 2021.

The current principal activities of the Company and its subsidiaries ("the Group") are to carry out the mixed farming activities, produce animal feed, process and preserve meat.

The Company's registered head office is located at the 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam. Also, the Company has five (5) independent branches located in the cities and provinces of Vietnam including Ho Chi Minh City, Dong Nai Province, Hanoi City, Tay Ninh Province and Nghe An Province.

The number of the Group's employees as at 30 June 2026 was 4,528 persons (31 December 2025: 3,440).

1. CORPORATE INFORMATION (continued)

Corporate structure

As at 30 June 2026, the Company has 34 subsidiaries (31 December 2025: 29 subsidiaries) as follows:

Name of subsidiary	*Location*	*Operation*	*% voting right*		*% ownership*	
			30 June 2026	*31 December 2025*	*30 June 2026*	*31 December 2025*
(1) Anh Vu Phu Yen Company Limited ("Anh Vu Phu Yen")	Dak Lak	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(2) Bao Ngoc Livestock Company Limited ("Bao Ngoc Livestock")	Dak Lak	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(3) Minh Thanh Livestock Production Trading Service Company Limited ("Minh Thanh Livestock")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(4) Bac An Khanh Production Trading Service Company Limited ("Bac An Khanh")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(5) Dong An Khanh Production Trading Service Company Limited ("Dong An Khanh")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(6) Nam An Khanh Livestock Company Limited ("Nam An Khanh")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(7) Green Farm 1 Investment Company Limited ("Green Farm 1")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(8) Green Farm 2 Investment Company Limited ("Green Farm 2")	Tay Ninh	Animal husbandry	99.69%	99.69%	99.69%	99.69%
(9) Hai Dang Tay Ninh High-Technology Livestock Joint Stock Company ("Hai Dang Tay Ninh")	Tay Ninh	Animal husbandry	99.82%	99.82%	99.82%	99.82%
(10) Song Hinh High-Technology Livestock Company Limited ("Song Hinh")	Dak Lak	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(11) BAF Tay Ninh Feed Company Limited ("BAF Tay Ninh")	Tay Ninh	Animal feed manufacturing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%

1. CORPORATE INFORMATION (continued)

Corporate structure (continued)

Name of subsidiary	*Location*	*Operation*	*% voting right*		*% ownership*	
			30 June 2026	*31 December 2025*	*30 June 2026*	*31 December 2025*
(12) BAF Binh Dinh Agricultural Company Limited ("BAF Binh Dinh")	Gia Lai	Animal feed manufacturing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(13) BAF Meat Binh Phuoc One Member Company Limited (BAF Meat Binh Phuoc")	Dong Nai	Pig slaughter and processing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(14) Tam Hung Services Trading Company Limited ("Tam Hung")	Tay Ninh	Animal husbandry	99.98%	99.98%	99.98%	99.98%
(15) Tan Chau Agriculture Investment Company Limited ("Tan Chau")	Tay Ninh	Animal husbandry	99.95%	99.95%	99.95%	99.95%
(16) Thien Phu Son Export Import Trading and Production Company Limited ("Thien Phu Son")	Dong Nai	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(17) Kim Hoi Livestock Trading Production Company Limited ("Kim Hoi Livestock")	Dong Nai	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(18) BAF Microbiological Organic Fertilizer Company Limited ("BAF Microbiological Organic Fertilizer")	Ho Chi Minh City	Manufacturing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(19) BAF Vietnam Logistic Company Limited ("Logistic BAF")	Ho Chi Minh City	Transportation	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(20) BAF Tay Ninh Food Processing Company Limited ("BAF Tay Ninh Food Processing")	Tay Ninh	Food processing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(21) Tay An Khanh Company Limited ("Tay An Khanh")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(22) Thanh Xuan Clean Agriculture Development Joint Stock Company ("Thanh Xuan")	Thanh Hoa	Farming and animal husbandry	99.99%	99.99%	99.99%	99.99%

1. CORPORATE INFORMATION (continued)

Corporate structure (continued)

Name of subsidiary	*Location*	*Operation*	*% voting right*		*% ownership*	
			30 June 2026	*31 December 2025*	*30 June 2026*	*31 December 2025*
(23) BAF Tay Ninh 1 High-Tech Livestock Breeding Company Limited ("BAF Tay Ninh 1")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(24) BAF Tay Ninh 2 High-Tech Livestock Breeding Company Limited ("BAF Tay Ninh 2")	Tay Ninh	Animal husbandry	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(25) BAF Tay Ninh 1 Animal Feed Manufacturing Company Limited ("BAF Tay Ninh 1")	Tay Ninh	Animal feed manufacturing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(26) TMC Livestock Joint Stock Company ("TMC Livestock")	Gia Lai	Animal husbandry	99.98%	99.98%	99.98%	99.98%
(27) Hoa Phat Bon Limited Company ("Hoa Phat Bon")	Gia Lai	Animal husbandry	99.99%	99.99%	99.99%	99.99%
(28) Thanh Dat Gia Lai High-Tech Livestock Joint Stock Company ("Thanh Dat Gia Lai")	Gia Lai	Animal husbandry	99.99%	99.99%	99.99%	99.99%
(29) BAF Ninh Binh Food Company Limited ("BAF Ninh Binh")	Ninh Binh	Food processing	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
(30) Khoi Duong Limited Company ("Khoi Duong")	Gia Lai	Animal husbandry	99.99%	-	99.99%	-
(31) BAF Ha Noi 1 High-Tech Livestock Breeding Company Limited ("BAF Ha Noi 1 High-Tech")	Ha Noi	Animal husbandry	100.00%	-	100.00%	-
(32) BAF Ha Noi 2 High-Tech Livestock Breeding Company Limited ("BAF Ha Noi 2 High-Tech")	Ha Noi	Animal husbandry	100.00%	-	100.00%	-
(33) BAF Ha Noi Food Processing Company Limited ("BAF Ha Noi Food Processing")	Ha Noi	Food processing	100.00%	-	100.00%	-
(34) BAF Binh Minh Food Processing Company Limited ("BAF Binh Minh Food Processing")	Ha Noi	Food processing	100.00%	-	100.00%	-

2. BASIS OF PREPARATION

2.1 *Accounting standards and system*

The interim consolidated financial statements of the Group, expressed in Vietnam dong ("VND"), are prepared in compliance with Vietnamese Enterprise Accounting System, Vietnamese Accounting Standard No. 27 – Interim Financial Statements and other Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QD-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QD-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QD-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QD-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QD-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying interim consolidated financial statements, and their use are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the interim consolidated financial position and interim consolidated results of operations and interim consolidated cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.2 *Applied accounting documentation system*

The Group's applied accounting documentation system is the General Journal system.

2.3 *Reporting period*

The Group's fiscal year applicable for the preparation of its consolidated financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

These interim consolidated financial statements are prepared for the six-month period ended 30 June 2026.

2.4 *Accounting currency*

The interim consolidated financial statements are prepared in VND, which is also the Group's accounting currency.

2.5 *Basis of consolidation*

The interim consolidated financial statements comprise the financial statements of the Company and its subsidiaries for the six-month period ended 30 June 2026.

Subsidiaries are fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Group obtains control, and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The interim financial statements of the subsidiaries are prepared for the same reporting period as the parent company, using consistent accounting policies.

All intra-group interim balances, income and expenses and unrealised gains or losses resulting from intra-group transactions are eliminated in full.

Non-controlling interests represent the portion of profit or loss and net assets not held by the Group and are presented separately in the interim consolidated income statement and within equity in the interim consolidated statement of financial position.

Impact of changes in the ownership interest of a subsidiary, without a loss of control, is recorded to the account of undistributed earnings.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1 Changes in accounting policies and disclosures

The accounting policies adopted by the Group in preparation of the interim consolidated financial statements are consistent with those followed in the preparation of the Group's annual consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025 and the interim consolidated financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 except for the changes in the accounting policy arising from the initial adoption of Circular No. 99/2025/TT-BTC.

3.1.1 Changes in accounting policies due to the adoption of new accounting regulations: Circular No. 99/2025/TT-BTC guiding the Enterprise Accounting System

On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC providing guidance on the enterprise accounting system ("Circular 99"), replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC providing guidance on the enterprise accounting regime issued by the Ministry of Finance on 22 December 2014 and several other related regulations.

The Group has applied changes in accounting policies in accordance with Circular 99, which have affected the Group on a prospective basis, as Circular 99 does not require retrospective application for these changes. Accordingly, the Group has re-presented the corresponding figures of certain line items to conform with the presentation under Circular 99, as disclosed in *Note 38*.

3.1.2 Circular no. 43/2026/TT-BTC amending and supplementing circular no. 202/2014/TT-BTC providing guidance on preparation and presentation of consolidated financial statements

On 20 April 2026, the Ministry of Finance issued Circular No. 43/2026/TT-BTC ("Circular 43") amending and supplementing a number of articles of Circular No. 202/2014/TT-BTC, which provides guidance on the preparation and presentation of consolidated financial statements. Circular 43 is effective for the preparation and presentation of consolidated financial statements for financial years beginning on or after 1 January 2026.

The Group applies the change in accounting treatment in accordance with the provisions of Circular 43 on a prospective basis, as Circular 43 and the Vietnamese Accounting Regime do not require retrospective application of these changes.

3.2 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash at banks and short-term highly liquid investments with an original maturity of not more than three (3) months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.3 Inventories

Inventories are measured at their historical costs. The cost of inventories comprises costs of purchase, costs of conversion (including raw materials, direct labour cost, other directly related cost, manufacturing general overheads allocated based on the normal operating capacity) incurred in bringing the inventories to their present location and condition.

In case the net realisable value is lower than the cost, it must be calculated according to the net realisable value.

Net realisable value ("NRV") represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The Group determines quantities and value of inventories issued in the period based on determining quantities and value of ending inventories, and recognises value of the inventories issued as follows:

Raw materials, merchandise goods, tools and supplies	- cost of purchase on a weighted average method.
Finished goods and work in process	- cost of finished goods, semi products, merchandise on a weighted average method.

Provision for diminution in value of inventories

An inventory provision represents the estimated loss to reflect the decrease in value of inventories (through diminution, damage, obsolescence, etc.) below their carrying amount and is intended to cover actual losses incurred from the decline in value of raw materials, finished goods and other inventories. The Group recognises the inventory provision when there is evidence that the net realisable value is lower than the cost of inventories.

Increases or decreases to the provision balance are recognised in cost of goods sold in the interim consolidated income statement. When inventories expire, become obsolete, are damaged or are no longer usable, the difference between the provision previously made and the historical cost of inventories is included in the interim consolidated income statement.

3.4 Receivables

Receivables are presented in the interim consolidated statement of financial position at the carrying amounts due from customers and other debtors, after deducting provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the end of the reporting period position date which are doubtful of being recovered. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the interim consolidated income statement. When bad debts are determined as unrecoverable and are written off those bad debts, the difference between the provision for doubtful receivables previously made and historical cost of receivables is included in the interim consolidated income statement.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.5 *Biological assets*

Livestock raised for single harvest

Livestock raised for single harvest of the Group comprises pigs.

The cost of short-term livestock raised for single harvest includes all costs incurred for the purchase, care and raising of such livestock, as well as other directly attributable costs incurred in relation to these biological assets.

Livestock raised for periodic harvest

Livestock raised for periodic harvest of the Group comprise pigs. The accounting treatment is as follows:

- The cost of livestock raised for periodic harvest includes costs incurred for the purchase, care, raising of such livestock and other directly attributable costs from initial recognition up to the stage of maturity (i.e. when the biological assets are ready to produce agricultural products or are capable of performing specific functions in accordance with the relevant technical requirements).
- Upon reaching the maturity stage, the Group commences depreciating of the biological assets based on their depreciable amount.
- When breeding biological assets generate new biological assets (e.g. breeding sows give birth to piglets): the cost of the newly generated biological assets (piglets) comprises the portion of care and rearing costs incurred during the period attributable to such newly generated biological assets, together with the depreciation expense of the parent biological assets.

In cases where the costs of care incurred do not result in an increase in the future economic benefits of the Group, such costs are recognised as production and business expenses in the period in which they are incurred.

Provision for diminution in value of biological assets

A provision for diminution in value of biological assets is recognised when there is evidence that the net realisable value is lower than the cost of the biological assets. At the end of the period, the Group assesses the quantity, cost and net realisable value of each type of biological assets to determine the amount of provision for diminution in value of biological assets to be recognised or reversed.

Increase or decrease in the provision for diminution in value of biological assets is recognised in cost of goods sold in the interim consolidated income statement.

3.6 *Tangible fixed assets*

Tangible fixed assets comprise assets with physical substance held by the enterprise for use in production and business activities.

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to working condition for its intended use.

Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the interim consolidated income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the interim consolidated income statement.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.7 Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortisation.

The cost of an intangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible fixed asset for its intended use.

Expenditures for additions, improvements are added to the carrying amount of the assets and other expenditures are charged to the interim consolidated income statement as incurred.

When intangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the interim consolidated income statement.

3.8 Leased assets

The determination of whether an arrangement is, or contains a lease is based on the substance of the arrangement at inception date and requires an assessment of whether the fulfilment of the arrangement is dependent on the use of a specific asset and the arrangement conveys a right to use the asset.

A lease is classified as a finance lease whenever the terms of the lease transfer substantially all the risks and rewards of ownership of the asset to the lessee. All other leases are classified as operating leases.

Where the Group is the lessee

Assets held under finance leases are capitalised in the consolidated statement of financial position at the inception of the lease at the fair value of the leased assets or, if lower, at the net present value of the minimum lease payments. The principal amount included in future lease payments under finance leases are recorded as a liability. The interest amounts included in lease payments are charged to the interim consolidated income statement over the lease term to achieve a constant rate on interest on the remaining balance of the finance lease liability.

Capitalised financial leased assets are depreciated using straight-line basis over the shorter of the estimated useful lives of the asset and the lease term, if there is no reasonable certainty that the Group will obtain ownership by the end of the lease term.

Rentals under operating leases are charged to the interim consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

3.9 Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets, depreciation of biological assets, amortisation of intangible fixed assets and finance leases, and amortisation of intangible fixed assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	3 - 25 years
Machinery and equipment	3 - 15 years
Means of transportation	6 - 10 years
Office equipment	3 - 10 years
Computer software	3 - 10 years
Livestock	4 years

Tangible fixed assets are depreciated from the time the assets are available for use. Intangible fixed assets are amortized from the time they are put into use.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.10 *Investments*

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are stated at costs.

Provision for diminution in value of investments

Provision for diminution in value of the investment is made when there are reliable evidences that a part or whole of an investment (including investments held to maturity, if any) has suffered a diminution in value or is not recoverable at the end of the reporting period.

Increases or decreases to the provision balance are recorded as finance expense in the interim consolidated income statement.

3.11 *Deferred expenses*

Deferred expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the interim consolidated statement of financial position and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

The following types of expenses are recorded as long-term prepaid expenses and are amortised to the interim consolidated income statement:

- Tools and consumables with large value issued into production and can be used for more than one year;
- Substantial expenditure on fixed asset overhaul incurred one time; and
- Other deferred costs.

Prepaid land rental

The prepaid land rental represents the unamortised balance of advance payment made in accordance with lease contract signed with Department of Agriculture and Environment of Nghe An Province on 18 February 2025 for a period of 46 years. According to Circular No. 45/2013/TT-BTC issued by Ministry of Finance on 25 April 2013, providing guidance in management, use and depreciation of fixed assets, such prepaid rental is recognised as long-term prepaid expenses for allocation to the consolidated income statement over the remaining lease period.

3.12 *Construction in progress*

Construction in progress represents the costs of acquiring new assets that have not yet been fully installed or the costs of construction that have not yet been fully completed. Construction in progress is stated at cost, which includes all necessary costs to construct, repair, renovate, expand, or re-equip the projects with technologies, such as construction costs, tools and equipment costs, project management costs, construction consulting costs, and borrowing costs that are eligible for capitalization.

Construction in progress will be transferred to the appropriate fixed asset account when these assets are fully installed or the construction project is fully completed, and depreciation of these assets will commence when they are ready for their intended use.

Construction costs are recognized as expenses when such costs do not meet the conditions to be recognized as fixed assets.

3.13 *Borrowing costs*

Borrowing costs consist of interest and other costs that the Group incurs in connection with the borrowing of funds and are recorded as expense during the period in which they are incurred, except to the extent that they are capitalised as explained in the following paragraph.

Borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction or production of an asset that necessarily take a substantial period of time to get ready for its intended use or sale are capitalised as part of the cost of the respective asset.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.14 Business combinations and goodwill

Business combinations are accounted for using the purchase method. The cost of a business combination is measured as the fair value of assets given, equity instruments issued and liabilities incurred or assumed at the date of exchange plus any costs directly attributable to the business combination. Identifiable assets and liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are measured initially at fair values at the date of business combination.

Goodwill acquired in a business combination is initially measured at cost being the excess of the cost of the business combination over the Group's interest in the net fair value of the acquiree's identifiable assets, liabilities and contingent liabilities. If the cost of a business combination is less than the fair value of the net assets of the subsidiary acquired, the difference is recognised directly in the interim consolidated income statement. After initial recognition, goodwill is measured at cost less any accumulated amortisation. Goodwill is amortised over 10-year period on a straight-line basis.

The parent company conducts the periodical review for impairment of goodwill of investment in subsidiaries. If there are indicators of impairment loss incurred is higher than the yearly allocated amount of goodwill on the straight-line basis, the higher amount will be recorded in the interim consolidated income statement.

3.15 Assets acquisitions and business combinations

The Group acquires subsidiaries that own assets and production activities. At the date of acquisition, the Group considers whether the acquisition represents the acquisition of a business. The Group accounts for an acquisition as a business combination where an integrated set of activities is acquired in addition to the assets.

When the acquisition of subsidiaries does not represent a business combination, it is accounted for as an acquisition of a group of assets and liabilities. The cost of the acquisition is allocated to the assets and liabilities acquired based upon their relative fair values, and no goodwill or deferred tax is recognised. Accordingly, part of the allocated consideration is recorded to the account of long-term prepaid expenses in the interim consolidated statement of financial position.

3.16 Payables

Trade and other payables comprise obligations of the Group to suppliers of materials and goods, service providers, vendors of property, plant and equipment, investment properties and financial investments under executed economic contracts and amounts payable to main and subcontractors for construction and installation works.

3.17 Accruals

Accrued expenses comprise amounts payable for goods and services that have been received from suppliers or provided to customers during the reporting period but have not yet been paid due to the absence of sufficient supporting documents, accounting records or documentation and are recognised as production and business expenses of the reporting period.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.18 *Bonds issued*

Straight bonds

At initial recognition, straight bonds are measured at cost which comprises proceed from issuance net of issuance costs. Any discount, premium or issuance costs are amortized on a straight-line basis over the term of the bond.

Convertible bond

Bonds that are convertible by the holder into a fixed number of ordinary shares of the entity are separated into financial liability (a contractual arrangement to deliver cash or other financial assets) and equity instrument (a call option granting the holder the right, for a specified period) based on the terms of the contract.

On issuance of the convertible bond, the fair value of the liability component is determined by discounting the future payment (including principal and interest) to present value at the market rate for an equivalent non-convertible bond less issuance cost.

The remainder of the proceeds is allocated to the conversion option that is recognised and included in shareholders' equity. The carrying amount of the conversion option is not re-measured in subsequent years.

Transaction costs are amortised during the lifetime of the bond. At initial recognition, issuance costs are deducted from the liability component of the bond.

3.19 *Foreign currency transactions*

Transactions denominated in currencies other than the accounting currency of the Group (VND) are initially recorded using the actual transaction exchange rates or carrying exchange rates, depending on the nature and substance of the underlying transactions and the principles for determining exchange rates at the transaction date, as follows:

Actual transaction exchange rates

Transactions denominated in currencies other than the accounting currency of the Group (VND) are recorded at the actual exchange rates at the transaction dates, being the average buying and selling transfer exchange rates of the commercial bank with which the entity frequently conducts transactions.

Where the commercial bank with which the Group frequently conducts transactions does not publish an exchange rate for the foreign currency in which transactions are denominated, the Group using an intermediate currency for translation into the entity's accounting currency, provided that such approach is applied consistently.

All foreign exchange differences incurred are taken to the interim consolidated income statement.

Carrying exchange rates

Carrying exchange rates include either specific actual carrying exchange rates or weighted-average carrying exchange rates. The application of specific actual carrying exchange rates or weighted-average carrying exchange rates depends on the characteristics and management requirements of foreign currency–denominated monetary items of the Group.

All foreign exchange differences incurred are taken to the interim consolidated income statement.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.20 *Share capital*

Ordinary shares

Ordinary shares with voting right are recognised at par value.

Share premium

Share premium is the difference between the par value and the issuance price of the shares, minus the actual issuance expenses incurred corresponding to the number of shares successfully issued. Issuance expense related to unsuccessful shares are recognised as financial expenses.

3.21 *Revenue recognition*

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Group and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discounts, rebates and sales returns. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

Sale of goods

Revenue is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

Rental income

Rental income arising from operating leases is recognised in the consolidated income statement on a straight-line basis over the terms of the lease.

Rendering of services

Revenue from rendering of services is recognized when the services have been rendered and completed.

Interest income

Interest income is recognized on an accrual basis based on the time and actual interest rate for each period.

3.22 *Revenue deductions*

Revenue deductions include trade discounts, sales allowances, and sales returns.

Revenue deductions arising in the same period in which products, goods, or services are sold are recorded as a reduction of revenue in that period.

3.23 *Selling expenses*

Selling expenses reflect actual costs incurred in connection with the sale of goods and the provision of services.

3.24 *General and administrative expenses*

General and administrative expenses reflect actual costs incurred in the course of the general management of the Group.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.25 Taxation

Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior periods are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the end of the reporting period.

Current income tax is charged or credited to the interim consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to offset current income tax assets against current income tax liabilities and when the Group intends to settle its current income tax assets and liabilities on a net basis.

Deferred tax

Deferred tax is provided using the balance sheet method on temporary differences at the end of the reporting period between the tax bases of assets and liabilities and their carrying amounts for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences, except:

- where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the related transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- in respect of taxable temporary differences associated with investments in subsidiaries and associates, and interests in joint ventures where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised, except:

- where the deferred tax asset in respect of deductible temporary difference which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- in respect of deductible temporary differences associated with investments in subsidiaries, associates, and interests in joint ventures, deferred tax assets are recognised only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each statement of financial position date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred tax assets are re-assessed at each statement of financial position date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the interim statement of financial position date.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.25 *Taxation* (continued)

Deferred tax (continued)

Deferred tax is charged or credited to the interim consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to off-set current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority on:

- either the same taxable entity; or
- when the Group intends either settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

3.26 *Earnings per share*

Basic earnings per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax for the period attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting the bonus and welfare fund) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the period.

Diluted earnings per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting interest on the convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the period plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

3.27 *Segment information*

A segment is a component determined separately by the Group which is engaged in providing products or related services (business segment) or providing products or services in a particular economic environment (geographical segment), that is subject to risks and returns that are different from those of other segments.

The Group's principal activities are to carry out the mixed animal breeding and produce animal feed. In addition, the Group's production and business activities are mainly take place in Vietnam. Accordingly, management does not present information by geographical segment but do presents information by segment for business of the Group at *Note 36*.

3.28 *Related parties*

Parties are considered to be related parties of the Group if one party has the ability to directly or indirectly control or to exercise significant influence over, the other party in making financial and operating decisions, or when the Group and the other party are under common control or subject to significant influence by the same party. Related parties may be entities or individuals, including close members of their families.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.29 Significant estimates

The preparation of the interim consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the interim consolidated financial statements requires management to make estimates and assumptions that affect the carrying amounts of assets and liabilities, the disclosure of contingent assets and liabilities as at the reporting date, as well as the reported amounts of revenue and expenses during the reporting period.

Such estimates and assumptions are continually evaluated based on past experience and other factors, including expectations of future events that are believed to be reasonable and have a significant impact on the Group's interim consolidated financial statements. Although accounting estimates are made based on management's best knowledge and judgement, actual results may differ from those estimates and assumptions.

4. SIGNIFICANT EVENT DURING THE PERIOD

4.1 Acquisition of Khoi Duong Limited Company ("Khoi Duong")

On 8 January 2026, the Group completely acquired 99.99% of ownership interest in Khoi Duong from third parties for a total consideration of VND 29,997,000,000 in accordance with the Board of Directors Resolutions ("BOD Resolution") No. 09/NQ-HDQT dated 4 March 2025 and No. 27/NQ-HDQT dated 6 October 2025. Accordingly, Khoi Duong became the Group's subsidiary since that date.

At the acquisition date, Khoi Duong owned land lots located at Nam Tien Hamlet, Dak Wil Commune, Lam Dong Province. The difference between the consideration and Khoi Duong's net assets from this transaction was VND 146,184,702.

Management reviewed and assessed that the said acquisition of ownership interests in Khoi Duong was acquisition of a group of assets, not business combinations. As a result, the consideration of this transaction was allocated to the assets and liabilities acquired based on the fair value of those assets and liabilities at the date of acquisition. Accordingly, part of the allocated consideration is recorded as long-term prepaid expenses in the interim consolidated statement of financial position. Acquired assets and liabilities are presented in the same class of assets and liabilities of the Group.

4.2 Establishment of BAF Ha Noi 1 High-Tech

On 17 June 2026, according to the BOD Resolution No. 15/NQ-HĐQT, the Group established BAF Ha Noi 1 High-Tech with charter capital of VND 300 billion.

BAF Ha Noi 1 High-Tech is a limited liability company with one-member established under Vietnam's Enterprise Law pursuant to the ERC No. 0111545224 issued by the Department of Finance of Ha Noi City on 22 June 2026.

4.3 Establishment of BAF Ha Noi 2 High-Tech

On 17 June 2026, according to the BOD Resolution No. 15/NQ-HĐQT, the Group established BAF Ha Noi 2 High-Tech with charter capital of VND 30 billion.

BAF Ha Noi 2 High-Tech is a limited liability company with one-member established under Vietnam's Enterprise Law pursuant to the ERC No. 0111543932 issued by the Department of Finance of Ha Noi City on 19 June 2026.

4. SIGNIFICANT EVENT DURING THE PERIOD (continued)

4.4 Establishment of BAF Ha Noi Food Processing

On 17 June 2026, according to the BOD Resolution No. 15/NQ-HĐQT, the Group established BAF Ha Noi Food Processing with charter capital of VND 300 billion.

BAF Ha Noi Food Processing is a limited liability company with one-member established under Vietnam's Enterprise Law pursuant to the ERC No. 0111543925 issued by the Department of Finance of Ha Noi City on 19 June 2026.

4.5 Establishment of BAF Binh Minh Food Processing

On 17 June 2026, according to the BOD Resolution No. 15/NQ-HĐQT, the Group established BAF Binh Minh Food Processing with charter capital of VND 180 billion.

BAF Binh Minh Food Processing is a limited liability company with one-member established under Vietnam's Enterprise Law pursuant to the ERC No. 0111545182 issued by the Department of Finance of Ha Noi City on 22 June 2026.

5. CASH AND CASH EQUIVALENTS

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Cash and cash equivalents held by the Group that are not restricted as to use		
Cash on hand	67,107,000	102,707,000
Cash at banks	453,277,716,662	245,621,751,920
E.SUN Commercial Bank – Dong Nai Branch	*138,823,828,896*	*10,047,877,280*
Bank for Investment and Development of Vietnam – Bac Ha Branch	*77,705,442,820*	*25,260,728,418*
Other cash at banks	*236,748,444,946*	*210,313,146,222*
Cash and cash equivalents	-	1,750,000,000
Cash in transit	-	117,546,754,193
TOTAL	**453,344,823,662**	**365,021,213,113**

Additional information regarding the interim consolidated cash flow statement:

VND

	Current period	*Previous period*
Significant non-cash transactions that have impact on the interim consolidated cash flow statement:		
- Stock dividends paid	304,016,320,000	-
Actual cash received from loans		
- Cash received from normal loan agreements	3,123,087,748,971	849,179,633,656
- Cash received from issuance of bonds	947,000,000,000	474,500,000,000
Actual cash payment of loans		
- Cash payment for normal loan agreements	(1,781,268,430,523)	(892,020,649,403)

6 SHORT-TERM HELD-TO-MATURITY INVESTMENTS

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Term deposit *(i)*	778,700,372,673	485,247,203,860
Bank for Investment and Development of Vietnam – Bac Ha Branch	*124,906,059,778*	*117,436,119,057*
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Dong Sai Gon Branch	*142,816,558,219*	*123,000,000,000*
Military Commercial Joint Stock Bank - So Giao Dich 2 Branch	*118,881,893,151*	*9,000,000,000*
Others	*392,095,861,525*	*235,811,084,803*
Lending	4,246,397,694	174,600,000
Lending from third parties (ii)	*4,246,397,694*	*174,600,000*
TOTAL	**782,946,770,367**	**485,421,803,860**

(i) The ending balance represented term deposits at commercial banks with original maturity of more than three (3) months and the remaining maturity of not more than twelve (12) months from the end of the reporting period and earned interest at the rates ranging from 4.3% to 8.0% per annum. The Group pledged certain deposits to secure its bank loans *(Note 24)*.

(ii) The ending balance represented an unsecured lending for Gia Han Manufacturing and Trading Company Limited with terms from six (6) months, maturity date on 31 December 2026 with an interest rate of 6% p.a.

7. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

VND

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Carrying amount	*Provision*	*Carrying amount*	*Provision*
Due from other parties	304,420,804,268	1,524,134,125	83,083,966,092	1,524,134,125
Branch of Siba Food Vietnam Joint Stock Company at Hanoi	*170,629,872,505*	-	*55,163,364,860*	-
Siba Food Vietnam Joint Stock Company	*35,583,888,990*	-	*10,620,432,652*	-
Phu Quy Gia Livestock One Member Company Limited	*34,760,353,299*	-	-	-
Other customers	*63,446,689,474*	*1,524,134,125*	*17,300,168,580*	*1,524,134,125*
Due from related parties *(Note 34)*	340,978,492	-	207,945,684	-
TOTAL	**304,761,782,760**	**1,524,134,125**	**83,291,911,776**	**1,524,134,125**

8. SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIERS

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Advances to other parties	506,937,090,649	402,009,862,761
Group of individuals to acquire subsidiaries (*)	*147,596,920,504*	*151,359,508,504*
Henan Muyuan Intelligent Technology Company Limited	*22,762,133,280*	*55,418,654,174*
Thai Hung Automation and Electrical Engineering Co., Ltd.	*21,681,381,364*	*20,378,110,000*
HQC Industrial Joint Stock Company	*21,346,670,011*	*-*
Thanh An Corporation	*19,419,261,531*	*22,379,708,146*
Other suppliers	*274,130,723,959*	*152,473,881,937*
Advances to related parties *(Note 34)*	90,043,952,517	135,419,926,194
TOTAL	**596,981,043,166**	**537,429,788,955**
Provision for doubtful short-term advance to suppliers	(3,067,861,600)	(3,359,364,084)
NET	**593,913,181,566**	**534,070,424,871**

(*) These are short-term advances to suppliers for the purpose of acquiring subsidiaries *(Note 37.3)*. These acquisition transactions have not yet completed as at the date of these interim consolidated financial statements.

9. OTHER RECEIVABLES

VND

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Carrying amount	*Provision*	*Carrying amount*	*Provision*
Short-term	**287,914,985,368**	**4,462,841,845**	**91,388,845,026**	**4,462,841,845**
Advances to employees *(*)*	227,736,093,490	-	13,109,657,424	-
Receivables from investment in a joint venture	22,287,867,857	-	22,110,662,223	-
Value-added tax on the financial lease	13,974,130,155	-	8,181,815,291	-
Deposits	4,206,035,617	-	33,726,543,174	-
Others	19,710,858,249	4,462,841,845	14,260,166,914	4,462,841,845
In which:				
Other parties	*265,627,117,511*	*4,462,841,845*	*69,278,182,803*	*4,462,841,845*
Related parties (Note 34)	*22,287,867,857*	-	*22,110,662,223*	-
Long-term	**426,151,164,881**	**-**	**260,322,902,238**	**-**
Deposit for rental farms and office	426,151,164,881	-	260,322,902,238	-
TOTAL	**714,066,150,249**	**4,462,841,845**	**351,711,747,264**	**4,462,841,845**

(*) These are short-term advances to employees for the purpose of subsidiaries acquisition.

10. BAD DEBTS

VND

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Amount	*Provision*	*Amount*	*Provision*
Short-term trade receivables	**1,524,134,125**	**1,524,134,125**	**1,524,134,125**	**1,524,134,125**
Acespace Company Limited	*1,328,373,000*	*1,328,373,000*	*1,328,373,000*	*1,328,373,000*
Thai Minh Long Foods and Trading Company Limited	*195,761,125*	*195,761,125*	*195,761,125*	*195,761,125*
Short-term advance to suppliers	**3,067,861,600**	**3,067,861,600**	**3,502,522,044**	**3,359,364,083**
Thanh An Technical Construction Company Limited	*1,414,650,000*	*1,414,650,000*	*1,414,650,000*	*1,414,650,000*
Others	*1,653,211,600*	*1,653,211,600*	*2,087,872,044*	*1,944,714,083*
Other short-term receivables	**4,462,841,845**	**4,462,841,845**	**4,462,841,845**	**4,462,841,845**
AG World International Corporation	*2,408,429,160*	*2,408,429,160*	*2,408,429,160*	*2,408,429,160*
Others	*2,054,412,685*	*2,054,412,685*	*2,054,412,685*	*2,054,412,685*
TOTAL	**9,054,837,570**	**9,054,837,570**	**9,489,498,014**	**9,346,340,053**

11. INVENTORIES

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Raw materials	398,362,528,382	260,707,398,378
Tools and supplies	64,418,435,262	45,989,794,643
Finished goods	35,936,172,921	31,367,391,343
Work in process	1,107,462,155	28,441,597
Merchandise	17,500,000	16,200,000
Goods in transit	-	758,547,091
TOTAL *(*)*	**499,842,098,720**	**338,867,773,052**

(*) Certain inventories were pledged as collaterals for the Group's loans obtained from the commercial banks *(Note 24)*.

12. BIOLOGICAL ASSETS

12.1 Biological assets other than mature livestock raised for periodic harvest

VND

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Cost	*Recoverable amount*	*Cost*	*Recoverable amount*
1. Livestock raised for single harvest				
a) Short-term livestock raised for single harvest *(*)*	2,656,271,980,262	2,656,271,980,262	2,391,854,024,849	2,391,854,024,849

(*) Short-term biological assets represent the value of fattening pigs raised for commercial sale, aged from 1 to 26 weeks as of the reporting date.

The assets are measured at historical cost, including feed costs, veterinary medicine and vaccine costs, direct labor costs, depreciation of barns and equipment, and other allocated manufacturing overheads incurred during the breeding and raising process up to the point of sale or the end of the accounting period.

Certain biological assets were pledged as collaterals for the Group's loans obtained from the commercial banks *(Note 24)*.

12. BIOLOGICAL ASSETS (continued)

12.2. *Mature livestock raised for periodic harvest*

Items	*VND* *Breeding pigs*
Cost:	
Beginning balance	1,008,732,113,217
New purchase	461,218,264,960
Disposal	(361,301,858,166)
Ending balance	1,108,648,520,011
Accumulated depreciation:	
Beginning balance	(310,248,803,537)
Depreciation for the period	(168,844,845,251)
Disposal	113,737,585,658
Ending balance	(365,356,063,130)
Net carrying amount:	
Beginning balance	698,483,309,680
Ending balance	743,292,456,881

Certain biological assets were pledged as collaterals for the Group's loans obtained from the commercial banks *(Note 24)*.

13. DEFERRED EXPENSES

	Ending balance	*VND* *Beginning balance*
Short-term	**46,832,657,718**	**44,740,522,090**
Tools and supplies in use	25,474,198,057	24,847,297,281
Software	6,148,888,311	2,168,085,111
Insurance fee	4,735,325,777	2,692,868,952
Others	10,474,245,573	15,032,270,746
Long-term	**643,093,728,224**	**636,182,528,849**
Land rental *(*)*	515,649,977,073	518,862,388,041
Tools and supplies	51,234,594,407	43,089,914,879
Renovation and maintenance fees	32,494,535,079	29,469,040,785
Advisory expense	12,794,365,586	15,168,692,243
Project management expenses	9,983,820,100	10,338,468,990
Bank loan arrangement fees and guarantee fees	4,221,487,498	5,892,934,918
Advertising expense	1,657,013,333	1,666,666,667
Others	15,057,935,148	11,694,422,326
TOTAL	**689,926,385,942**	**680,923,050,939**

(*) The Group has used certain prepaid land rental to secure its bank loans *(Note 24)*.

14. TANGIBLE FIXED ASSETS

VND

	Buildings and structures	*Machinery and equipment*	*Means of transportation*	*Office equipment*	*Total*
Cost:					
Beginning balance	2,850,280,578,059	909,018,174,123	93,468,695,629	53,891,395,923	3,906,658,843,734
Transfer from construction in progress	220,564,534,366	192,964,391,283	1,511,635,360	9,107,225,393	424,147,786,402
New purchase	48,093,692,012	89,501,354,321	19,360,127,329	1,117,326,280	158,072,499,942
Disposal	(6,316,303,481)	(10,368,894,371)	-	(563,047,500)	(17,246,245,352)
Ending balance	3,112,622,500,956	1,181,117,025,356	114,340,458,318	63,552,900,096	4,471,632,884,726
In which:					
Fully depreciated	*4,473,289,191*	*8,684,171,980*	*120,717,000*	*584,802,714*	*13,862,980,885*
Accumulated depreciation:					
Beginning balance	(459,346,161,450)	(156,445,721,929)	(29,901,509,577)	(10,555,399,186)	(656,248,792,142)
Depreciation for the period	(90,263,247,044)	(48,431,890,689)	(5,816,642,924)	(3,593,976,395)	(148,105,757,052)
Disposal	86,022,692	298,409,878	-	70,575,968	455,008,538
Ending balance	(549,523,385,802)	(204,579,202,740)	(35,718,152,501)	(14,078,799,613)	(803,899,540,656)
Net carrying amount:					
Beginning balance	2,390,934,416,609	752,572,452,194	63,567,186,052	43,335,996,737	3,250,410,051,592
Ending balance	2,563,099,115,154	976,537,822,616	78,622,305,817	49,474,100,483	3,667,733,344,070
In which:					
Mortgaged as loan security (Note 24)	*1,367,535,983,962*	*475,199,060,037*	*8,087,538,534*	*15,025,582,454*	*1,865,848,164,987*

15. FINANCE LEASES

VND

	Machinery and equipment	*Means of transportation*	*Total*
Cost:			
Beginning balance	19,505,272,157	114,320,288,286	133,825,560,443
Additional lease	-	113,663,478,806	113,663,478,806
Ending balance	19,505,272,157	227,983,767,092	247,489,039,249
Accumulated depreciation:			
Beginning balance	(2,994,891,473)	(3,967,514,638)	(6,962,406,111)
Amortisation for the period	(1,008,456,201)	(9,533,903,366)	(10,542,359,567)
Ending balance	(4,003,347,674)	(13,501,418,004)	(17,504,765,678)
Net carrying amount:			
Beginning balance	16,510,380,684	110,352,773,648	126,863,154,332
Ending balance	15,501,924,483	214,482,349,088	229,984,273,571

16. INTANGIBLE FIXED ASSETS

VND

	Computer software
Cost:	
Beginning balance	27,992,232,944
New purchases	647,748,000
Transfer from construction in progress	1,429,855,500
Ending balance	30,069,836,444
In which:	
Fully depreciated	*1,382,516,000*
Accumulated amortisation:	
Beginning balance	(8,855,552,571)
Amortisation for the period	(1,741,017,901)
Ending balance	(10,596,570,472)
Net carrying amount:	
Beginning balance	19,136,680,373
Ending balance	19,473,265,972

17. CAPITALISED BORROWING COSTS

During the period, the Group capitalised borrowing costs with a value of VND 8,489,364,900 (2025: VND 4,991,293,193). These borrowing costs relate to general-purpose loans and direct-purpose loans to invest in the Group's on-going Farm Investment projects.

18. LONG-TERM CONSTRUCITON IN PROGRESS

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Machine and equipment	397,582,613,533	261,343,976,036
Giai Xuan farm system	727,358,154,209	217,873,407,312
Tay An Khanh farm system	331,525,332,855	247,596,125,101
Song Hinh farm systemBAF	172,467,281,580	162,479,145,346
Upgrade the infrastructure for pig farms	89,518,008,702	72,923,261,592
Thanh Dat Gia Lai farm system	84,672,908,101	31,724,240,214
Binh Dinh farm system	49,772,076,440	74,222,045,278
Car wash equipment at pig farms	22,520,422,227	23,722,822,227
Tam Hung farm system	21,431,032,334	22,490,424,162
Tan Chau farm system	20,768,750,995	20,768,750,995
TMC farm system	16,778,052,143	16,101,630,863
BAF Tay Ninh farm system	10,681,795,530	42,684,930,896
Hai Dang Tay Ninh farm system	9,666,940,887	58,211,622,665
Others	142,222,875,015	134,933,960,832
TOTAL	**2,096,966,244,551**	**1,387,076,343,519**

The Group had used certain assets as collaterals for its bank loans *(Note 24)*.

19. GOODWILL

VND

	Current period	*Previous period*
Cost:		
Beginning and ending balances	3,789,460,500	3,789,460,500
Accumulated amortisation:		
Beginning balance	(2,010,446,294)	(1,631,500,244)
Amortisation for the period	(189,473,025)	(189,473,025)
Ending balance	(2,199,919,319)	(1,820,973,269)
Net carrying amount:		
Beginning balance	1,779,014,206	2,157,960,256
Ending balance	1,589,541,181	1,968,487,231

20. TRADE PAYABLES AND ADVANCES FROM CUSTOMERS

20.1 Trade payables

		VND
	Ending balance	*Beginning balance*
Short-term	**2,088,652,186,323**	**1,991,888,458,950**
Trade payables to other parties	1,833,316,359,982	1,681,472,997,381
Viet Nam CBOT Joint Stock Company	*1,053,571,872,266*	*1,012,885,875,700*
Henan Muyuan Intelligent Technology Company Limited	*99,919,609,298*	*31,952,324,459*
Siba Food Vietnam Joint Stock Company	*33,860,902,298*	*35,879,969,480*
VS Group Joint Stock Company	*29,588,111,312*	*54,570,706,065*
Global Benjamin Steel Company Limited	*14,572,587,861*	*36,323,164,025*
Other suppliers	*601,803,276,947*	*509,860,957,652*
Trade payables to related parties *(Note 34)*	255,335,826,341	310,415,461,569
Long-term	**-**	**36,687,475,369**
Trade payables to related parties *(Note 34)*	-	36,687,475,369
TOTAL	**2,088,652,186,323**	**2,028,575,934,319**

20.2 Short-term advances from customers

		VND
	Ending balance	*Beginning balance*
Great Meat Company Limited	2,796,105,000	-
Anh Hoang Thy Company Limited	1,754,000	560,908,000
Mr Phan Tien Dung	-	1,978,843,579
Other parties	4,003,700,607	3,470,304,276
TOTAL	**6,801,559,607**	**6,010,055,855**

21. STATUTORY OBLIGATIONS

VND

	Beginning balance	*Payable for the period*	*Payment made in the period*	*Ending balance*
Receivable				
Deductible value-added tax	12,171,422,216	8,837,764,825	(12,436,389,668)	8,572,797,373
Corporate income tax	3,260,968,547	19,526,234	(5,044,178)	3,275,450,603
Personal income tax	1,907,413	145,449,762	(21,369,133)	125,988,042
Value-added tax	2,686,498,521	16,104,115,067	(18,710,507,843)	80,105,745
Others	138,544,111	114,968,393	(144,480,598)	109,031,906
TOTAL	**18,259,340,808**	**25,221,824,281**	**(31,317,791,420)**	**12,163,373,669**
Payable				
Corporate income tax	17,710,386,523	29,459,842,002	(36,412,675,040)	10,757,553,485
Value-added tax	3,586,745,228	22,852,554,239	(23,062,215,371)	3,377,084,096
Personal income tax	1,840,517,018	12,736,124,076	(13,036,890,043)	1,539,751,051
Others	476,802,402	21,284,905,810	(20,574,213,229)	1,187,494,983
TOTAL	**23,614,451,171**	**86,333,426,127**	**(93,085,993,683)**	**16,861,883,615**

22. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Interest expenses	77,376,231,263	25,762,634,166
Processing fee	18,800,716,149	-
Transportation fees	12,857,952,909	1,831,257,988
Utility expenses	8,961,775,100	6,683,779,657
Others	21,986,002,531	4,938,663,364
TOTAL	**139,982,677,952**	**39,216,335,175**

23. OTHER PAYABLES

		VND
	Ending balance	*Beginning balance*
Short-term	**43,139,722,950**	**16,195,596,717**
Depository fee	15,700,820,942	-
Deposits received	12,145,297,165	3,023,000,000
Insurance	12,256,373,378	11,453,959,222
Others	3,037,231,465	1,718,637,495
Long-term	**-**	**40,487,000,000**
Payables from bond insurance	-	38,300,000,000
Others	-	2,187,000,000
TOTAL	**43,139,722,950**	**56,682,596,717**

24. LOANS AND FINANCE LEASES

VND

	Beginning balance	*Increase in period*	*Decrease in period*	*Allocations of issuance costs*	*Amortisation for the period*	*Reclassification*	*Ending balance*
Short-term	**2,178,955,478,505**	**2,499,997,082,950**	**(1,764,487,657,803)**	**3,917,872,144**	**-**	**122,292,822,929**	**3,040,675,598,725**
Loans from banks *(Note 24.1)*	1,695,569,963,924	2,470,818,640,002	(1,665,569,963,924)	-	-	-	2,500,818,640,002
Current portion of long-term bank loans *(Note 24.2)*	160,022,933,202	-	(80,098,466,599)	-	-	106,579,696,759	186,504,163,362
Current portion from bonds *(Note 24.3)*	296,058,840,183	-	-	3,917,872,144	-	-	299,976,712,327
Current portion of finance lease *(Note 24.5)*	27,303,741,196	29,178,442,948	(18,819,227,280)	-	-	15,713,126,170	53,376,083,034
Long-term	**2,298,553,393,441**	**1,564,490,666,021**	**(30,000,000,000)**	**14,666,776,570**	**11,086,616,951**	**(149,302,851,931)**	**3,709,494,601,052**
Loans from banks and fund *(Note 24.2)*	1,198,835,615,329	517,667,169,091	(30,000,000,000)	-	-	(106,579,696,759)	1,579,923,087,661
Loan from another party	21,668,075,000	-	-	-	-	(21,668,075,000)	-
Bonds *(Note 24.3)*	480,065,753,377	947,000,000,000	-	12,789,860,086	-	-	1,439,855,613,463
Convertible bonds *(Note 24.4)*	500,111,035,851	-	-	1,876,916,484	11,086,616,951	-	513,074,569,286
Finance lease *(Note 24.5)*	97,872,913,884	99,823,496,930	-	-	-	(21,055,080,172)	176,641,330,642
TOTAL	**4,477,508,871,946**	**4,064,487,748,971**	**(1,794,487,657,803)**	**18,584,648,714**	**11,086,616,951**	**(27,010,029,002)**	**6,750,170,199,777**

24. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

24.1 *Short-term loans from banks*

The Group obtained short-term loans from banks to finance its working capital requirements. Details are as follows:

Name of banks	*Ending balance*	*Maturity date*	*Interest rate*	*Description of collaterals*
	VND		*(% p.a.)*	*(Notes 6, 11, 12, 13, 14 and 18)*
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - East Sai Gon Branch	419,874,792,604	From 5 July 2026 to 29 December 2026	7.40 - 8.50	Term-deposit contracts; Receivable rights, revolving receivables and revolving inventory of the Group, Tay Ninh, Bac An Khanh, Green Farm 2 and Hai Dang Tay Ninh.
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch	300,000,000,000	From 25 September 2026 to 16 November 2026	8.20 - 9.20	Land lease rights with one-time payment of the land parcel No. 10, owned by BAF Meat Binh Phuoc located in Tan Khai Commune, Dong Nai Province.
Bank for Investment and Development of Vietnam – Bac Ha Branch	296,977,747,681	From 5 August 2026 to 14 September 2026	7.00 - 7.80	Term-deposit contracts; Real estate owned by Ms. Bui Huong Giang.
Military Commercial Joint Stock Bank – So Giao Dich 2 Branch	259,926,789,096	From 17 September 2026 to 22 January 2027	7.80 - 8.70	Term-deposit contracts.
Military Commercial Joint Stock Bank - East Ho Chi Minh Branch	233,149,997,020	From 13 September 2026 to 24 December 2026	7.33 - 9.10	Term-deposit contracts.
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Tan Dinh Branch	199,995,802,089	From 20 October 2026 to 14 December 2026	6.90 - 8.50	Term-deposit contracts; Rights arising from purchase contracts with Bac An Khanh, Hai Dang Tay Ninh, Minh Thanh and Tan Chau.

24. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

24.1 *Short-term loans from banks* (continued)

The Group obtained short-term loans from banks to finance its working capital requirements. Details are as follows: (continued)

Name of banks	*Ending balance*	*Maturity date*	*Interest rate*	*Description of collaterals*
	VND		*(% p.a.)*	*(Notes 6)*
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	199,896,613,879	From 13 July 2026 to 23 October 2026	7.00 - 8.00	Term-deposit contracts.
E.SUN Commercial Bank, Ltd - Dong Nai Branch	149,996,897,633	From 9 September 2026 to 15 December 2026	8.65 - 9.25	Term-deposit contracts; A debt guarantee letter issued by E.SUN Commercial Bank, Ltd - Dong Nai Branch
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Binh Dinh Branch	116,000,000,000	From 30 October 2026 to 17 December 2026	8.10	Term-deposit contracts; A debt guarantee letter issued by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Binh Dinh Branch.
Orient Commercial Joint Stock Bank	100,000,000,000	6 August 2026	7.60	Term-deposit contracts.
United Overseas Bank (Vietnam) Limited	100,000,000,000	From 28 August 2026 to 9 October 2026	7.50 – 7.80	Term-deposit contracts.
Woori Bank Vietnam Limited	75,000,000,000	27 July 2026	6.50	Term-deposit contracts.
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Branch	50,000,000,000	16 October 2026	9.933	Term-deposit contracts.
TOTAL	**2,500,818,640,002**			

24. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

24.2 *Long-term loans from banks*

The Group obtained long-term bank loans to finance the construction of farm projects and the purchase of means of transportation. Details are as follows:

Name of banks	*Ending balance* *VND*	*Maturity date*	*Interest rate* *(% p.a.)*	*Description of collaterals* *(Notes 6, 11, 12, 13, 14 and 18)*
Military Commercial Joint Stock Bank - East Ho Chi Minh Branch	416,413,094,671	From 25 March 2027 to 31 December 2033	7.30 - 8.20	Capital contribution by VND 81 billion in Song Hinh owned by the Group; the property rights arising from the Land Lease Contract signed between Song Hinh High-Tech Livestock Company Limited and the Department of Natural Resources and Environment of Tay Ninh Province in relation to the land located in Tan Hoi Commune, Tay Ninh Province.
Shinhan Bank Vietnam Limited – Ho Chi Minh Branch	391,241,000,000	28 April 2032	6.88	Land use rights and other assets attached to land, machinery, equipment and means of transport formed in the future from the Giai Xuan Farm Project.
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Binh Dinh Branch	233,494,419,463	From 30 October 2027 to 30 October 2035	6.00 - 8.60	Property rights, construction works, machinery and equipment under the animal feed manufacturing plant project of BAF in Binh Dinh Province; machinery and equipment supporting the existing livestock farms under land lease contracts; and the payment guarantee letter issued by BAF Binh Dinh.
Military Commercial Joint Stock Bank – Vung Tau Branch	187,076,971,407	From 25 July 2026 to 20 July 2030	5.50 - 8.30	Capital contribution by VND 100 billion in Nam An Khanh owned by the Group; land use rights and other assets attached to land, machinery and equipment formed in the future of Dong An Khanh located at Tan Thanh Commune, Tay Ninh Province and Nam An Khanh located at Hoi Thanh Hamlet, Tan Hoi Commune, Tay Ninh Province.
Tay Ninh Development Investment Fund	143,021,826,589	From 25 September 2026 to 25 December 2033	5.50 - 5.80	Land use rights and other assets attached to land formed in the future of Bac An Khanh and Tan Chau located at Tan Hoa Commune, Tay Ninh Province; and the loan guarantee letter for Tan Chau issued by Tien Phong Commercial Joint Stock Bank, Ho Chi Minh City Branch.

24. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

24.2 *Long-term loans from banks* (continued)

The Group obtained long-term bank loans to finance the construction of farm projects and the purchase of means of transportation. Details are as follows: (continued)

Name of banks	*Ending balance* *VND*	*Maturity date*	*Interest rate* *(% p.a.)*	*Description of collaterals* *(Notes 6, 11, 12, 13, 14 and 18)*
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Binh Phuoc Branch	106,624,000,000	From 26 July 2026 to 27 October 2033	7.77 - 8.20	Capital contribution by VND 50 billion of Hoa Phat Bon owned by the Group; Term-deposit contracts; and land use rights and assets attached, machinery and equipment to be formed in the future of Hoa Phat Bon located at Ia Lau Commune, Chu Prong District, Gia Lai Province.
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh Branch	102,047,876,640	From 25 July 2026 to 30 March 2029	9.50 - 9.85	Capital contribution by VND 40 billion of Green Farm 1 owned by the Group; the land use rights and assets attached, machinery, equipment, means of transportation, and all breeding pigs, live pigs and fattening pigs of Green Farm 1 located at Phuoc Vinh Commune, Tay Ninh Province; and Anh Vu Phu Yen located at Song Hinh Commune, Dak Lak Province; and a bank guarantee letter issued by Tien Phong Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh Branch.
Military Commercial Joint Stock Bank – So Giao Dich 2 Branch	92,878,204,925	From 25 July 2026 to 7 February 2032	9.43	The land use rights and assets attached, machinery, equipment of Tam Hung Farm located at Tan Cuong Hamlet, Tan Dong Commune, Tay Ninh Province.
Military Commercial Joint Stock Bank – Tay Ho Branch	62,363,636,368	From 25 July 2026 to 16 September 2034	7.50	Real estate to be formed in the future at Yang Nam Commune, Gia Lai Province; and machinery and equipment of the farm.
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development – Dong Nai Branch	18,275,000,000	From 27 July 2026 to 13 September 2028	7.50	Land use rights and other assets attached to land, and machinery and equipment of Kim Hoi located in Thuan Loi Commune, Dong Nai Province.

24. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

24.2 *Long-term loans from banks* (continued)

The Group obtained long-term bank loans to finance the construction of farm projects and the purchase of means of transportation. Details are as follows: (continued)

Name of banks	*Ending balance*	*Maturity date*	*Interest rate*	*Description of collaterals*
	VND		*(% p.a.)*	*(Notes 6, 11, 12, 13, 14 and 18)*
Ho Chi Minh Development Joint Stock Commercial Bank – Tien Giang Branch	12,991,220,960	From 20 July 2026 to 11 October 2029	9.60	The rights to use land and assets attached, machinery and equipment of Bao Ngoc located at Ea Wer Commune, Dak Lak Province and means of transportation of the Group.
TOTAL	**1,766,427,251,023**			
In which:				
Non-current portion	*1,579,923,087,661*			
Current portion	*186,504,163,362*			

24. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

24.3 Bonds

The Group issued bonds on 23 August 2022, 4 July 2023 and 8 May 2025 with the following details:

Arranger	*Ending balance*	*Repayment term*	*Purpose*	*Interest rate*	*Description of collateral*
	VND			*(% p.a.)*	
An Binh Securities Joint Stock Company					
Par value	300,000,000,000	4 July 2026	To finance working capital requirement	10.50	Unsecured
Issuance costs	(23,287,673)				
	299,976,712,327				
JB Vietnam Securities Company Limited					
Par value	500,000,000,000	From 8 May 2028 or early redemption date, or another due date as stipulated in the Bond Documents *(*)*	To finance working capital requirement	10.00	127,295,000 shares of Siba Holdings Corporation
Issuance costs	(15,695,890,494)				
	484,304,109,506				
JB Vietnam Securities Company Limited					
Par value	1,000,000,000,000	5 January 2029 or the early redemption date or another due date as stipulated in the Bond Documents *(*)*	To finance working capital requirement	10.00	Unsecured
Issuance costs	(44,448,496,043)				
	955,551,503,957				
TOTAL	**1,739,832,325,790**				
In which:					
Current portion of bonds	*299,976,712,327*				
Long-term bonds	*1,439,855,613,463*				

(*) Repurchase by mutual agreement

After one year from the issuance date, the Group may, at its discretion, repurchase the bonds (in whole or in part, at any time) based on mutual agreement with the bondholders, in accordance with the procedures stipulated in the Bond Documents.

24. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

24.3 *Bonds* (continued)

Repurchase at the request of bondholders

On the business day immediately preceding the 24-month anniversary of the issuance date, bondholders shall have the right to request the Group to repurchase up to 50% of the total issued bond value. The repurchase price shall be equal to the face value plus accrued interest, calculated at a fixed annual interest rate of 8.5% p.a.

Mandatory repurchase

The Group shall be obligated to repurchase the bonds upon request of the bondholders in the event of a breach, as specifically defined in the Bond Documents.

24.4 *Convertible bonds*

		VND
	Current period	*Previous period*
Value of convertible bonds	600,000,000,000	600,000,000,000
Equity component *(Note 25.1)*	(137,648,613,977)	(137,648,613,977)
Liability component at initial recognition	**462,351,386,023**	**462,351,386,023**
Add: Accumulated amortisation of discount	**64,800,057,579**	**42,632,532,608**
Beginning balance	53,713,440,628	32,574,668,820
Amortisation for the period	11,086,616,951	10,057,863,788
Ending balance	64,800,057,579	42,632,532,608
Deduct: Allocation of bond issuance costs	**(14,076,874,316)**	**(17,830,707,283)**
Beginning balance	(15,953,790,800)	(19,679,470,190)
Allocation for the period	1,876,916,484	1,848,762,907
Ending balance	(14,076,874,316)	(17,830,707,283)
Liability component at end of the period	**513,074,569,286**	**487,153,211,348**

On 23 February 2023, the Group entered into the Convertible Bond Contract with International Finance Corporation ("IFC") amounting to VND 600,000,000,000 at annual interest rate of 5.25%. Therefore, IFC was granted the rights to convert this convertible bond to a number of common shares as stipulated in the contract at any time from the issuance date to the date prior to 15 March 2029 (first maturity date) and on 15 March 2030 (final maturity date), or convert into loan at an interest rate of 10.50% per annum. At the first maturity date, in case these bonds are not converted, the Group redeems to an amount equal to one-half (1/2) of the aggregate principal bonds. If any bond remains outstanding on the final maturity date, the Group will redeem all such bonds on the final maturity date. Market interest rate of non-convertible bond is 10.50% per annum.

24. LOANS AND FINANCE LEASES (continued)

24.5 Finance lease

The Group leases machinery and means of transportation under finance lease arrangements from Chailease International Leasing Co., Ltd and Vietnam International Leasing Company Limited. Future obligations due under finance leases agreements as at the interim statement of financial position dates were as follows:

VND

	Ending balance			*Beginning balance*		
	Total minimum lease payments	*Finance charges*	*Lease liabilities*	*Total minimum lease payments*	*Finance charges*	*Lease liabilities*
Current finance liabilities						
Under 1 year	67,908,997,781	14,532,914,747	53,376,083,034	34,896,908,134	7,593,166,937	27,303,741,197
Non-current finance liabilities						
From 1 – 5 years	198,096,062,993	21,454,732,351	176,641,330,642	110,413,126,364	12,540,212,480	97,872,913,884
TOTAL	**266,005,060,774**	**35,987,647,098**	**230,017,413,676**	**145,310,034,498**	**20,133,379,417**	**125,176,655,081**

25. OWNERS' EQUITY

25.1 *Increase and decrease in owners' equity*

VND

	Owner's contributed capital	*Share premium*	*Other owners' capital*	*Equity component of convertible bond*	*Undistributed earnings*	*Total*
Previous period:						
Beginning balance	2,390,216,420,000	-	-	137,648,613,977	398,258,489,337	2,926,123,523,314
Issuance of shares	650,000,000,000	356,620,000,000	-	-	-	1,006,620,000,000
Net profit for the period	-	-	-	-	342,516,620,259	342,516,620,259
Ending balance	3,040,216,420,000	356,620,000,000	-	137,648,613,977	740,775,109,596	4,275,260,143,573
Current period:						
Beginning balance	3,040,216,420,000	356,620,000,000	-	137,648,613,977	525,179,035,393	4,059,664,069,370
Net profit for the period	-	-	-	-	309,460,939,784	309,460,939,784
Issuance of shares *(*)*	-	(304,016,320,000)	304,016,320,000	-	-	-
Dividends declared *(*)*	-	-	304,016,320,000	-	(304,241,774,908)	(225,454,908)
Ending balance	3,040,216,420,000	52,603,680,000	608,032,640,000	137,648,613,977	530,398,200,269	4,368,899,554,246

(*) According to the General Shareholders' Meeting ("GSM") Resolution No. 23.04.2026/NQ-DHDCD dated 23 April 2026; the Board of Directors Resolution No. 20.05.2026/NQ-HĐQT dated 20 May 2026; and the Official Letter No. 4821/UBCK-QLCB dated 1 June 2026 issued by the State Securities Commission ("SSC"), the Company has been approved for the issuance of 30,402,164 shares from its undistributed earnings to pay dividends, and the issuance of additional 30,402,164 shares to its existing shareholders from share premium to increase share capital.

According to the Company's Result Report No. 30.2026./BAF/BCKQ dated 30 June 2026 and the Official Letter No. 6110/UBCK-QLCB dated 2 July 2026 issued by SSC who notified that it has received the documents on the results of the Company's shares issuance for stock dividend payment and for increasing its share capital from owners' equity, the Company has completed the issuance of 30,401,632 shares to pay stock dividends and additional 30,401,632 shares for existing shareholders to increase its share capital from its owners' equity.

According to the Decision No. 586/QD-SGDHCM dated 8 July 2026 and the Announcement No. 1511/TB-SGDHCM dated 10 July 2026 issued by the Ho Chi Minh City Stock Exchange, the total said above issued shares effective for listing on 10 July 2026, and their first trading date is on 20 July 2026. In addition, on 10 July 2026, the Company received the 23rd amended ERC issued by the DF of Ho Chi Minh City approving the Company's increased share capital of 3,648,249,060,000 VND.

25. OWNERS' EQUITY (continued)

25.1 *Increase and decrease in owners' equity* (continued)

According to GSM Resolution No. 20.07.2026/NQ-DHDCD dated 20 July 2026, the Company has been approved for (i) the plan of share issuance under the employee stock ownership plan ("ESOP") to the Group's employees, with the expected number of shares to be issued of 8,000,000 shares and at the issue price of 10,000 VND/share, and (ii) the plan for public offering of additional shares issuing to the Company's existing shareholders in 2026, with the expected number of shares to be issued of 40,536,100 shares and at the issue price of 15,000 VND/share. At the date of this interim consolidated financial statements, the Group is still in the process of implementing these share issuance plans.

25.2 *Share capital*

	Ending balance			*Beginning balance*		
	VND	*Shares*	*%*	*VND*	*Shares*	*%*
Siba Holdings Corporation	956,819,350,000	95,681,935	31.472	956,819,350,000	95,681,935	31.472
Ms Bui Huong Giang	79,887,550,000	7,988,755	2.628	79,887,550,000	7,988,755	2.628
Other shareholders	2,003,509,520,000	200,350,952	65.900	2,003,509,520,000	200,350,952	65.900
TOTAL	**3,040,216,420,000**	**304,021,642**	**100.000**	**3,040,216,420,000**	**304,021,642**	**100.000**

25. OWNERS' EQUITY (continued)

25.3 Capital transactions with owners and distribution of dividends, profits

		VND
	Current period	*Previous period*
Contributed share capital		
Beginning balance	3,040,216,420,000	2,390,216,420,000
Increase	-	650,000,000,000
Ending balance	3,040,216,420,000	3,040,216,420,000
Dividends		
Stock dividends declared	*304,016,320,000*	-

25.4 Shares

		Number of shares
	Ending balance	*Beginning balance*
Authorised shares	304,021,642	304,021,642
Issued shares	304,021,642	304,021,642
Ordinary shares	*304,021,642*	*304,021,642*
Shares in circulation	304,021,642	304,021,642
Ordinary shares	*304,021,642*	*304,021,642*

Par value of outstanding share is VND 10,000 per share. The holders of the Company's ordinary shares are entitled to receive dividends as and when declared by the Company. Each ordinary share carries one vote per share without restriction.

26. NON-CONTROLLING INTERESTS

		VND
	Ending balance	*Beginning balance*
Contributed charter capital	9,789,922,338	9,786,945,368
Undistributed earnings	(4,929,917,321)	(5,329,574,169)
TOTAL	**4,860,005,017**	**4,457,371,199**

Movements of non-controlling interests are as follows:

		VND
	Current period	*Previous period*
Beginning balance	4,457,371,199	9,628,130,304
Increase from acquisition or establishment of subsidiaries	2,976,970	8,725,979
Net profit for the period	399,656,848	361,700,970
Changes in ownership interest at subsidiaries	-	(5,700,000,000)
Ending balance	4,860,005,017	4,298,557,253

27. REVENUE

27.1 *Revenue from sale of goods and rendering of services*

		VND
	Current period	*Previous period*
Gross revenue	**3,904,422,135,966**	**2,510,891,190,505**
In which:		
Sale of animal husbandry products	*3,877,613,272,909*	*2,509,551,357,149*
Sale of bran	*22,015,356,519*	*1,083,845,897*
Others	*4,793,506,538*	*255,987,459*
Less:	**(15,715,976,258)**	**(449,017,170)**
Trade discounts	*(15,713,673,158)*	*(449,017,170)*
Sales returns	*(2,303,100)*	-
Net revenue	**3,888,706,159,708**	**2,510,442,173,335**
In which:		
Sales to others	*3,888,279,770,008*	*2,510,231,105,735*
Sales to related parties (Notes 34)	*426,389,700*	*211,067,600*

27.2 *Finance income*

		VND
	Current period	*Previous period*
Interest income	15,402,357,684	7,121,084,968
Foreign exchange gains	1,939,857,530	1,328,242,245
Others	1,921,746,897	1,812,293,850
TOTAL	**19,263,962,111**	**10,261,621,063**

28. FINANCE EXPENSES

VND

	Current period	*Previous period*
Interest expense	234,159,262,691	119,038,583,738
Allocation of bond issuance costs	18,584,648,714	9,414,023,178
Capital withdrawal commitment fee	-	4,678,331,091
Others	2,981,874,668	1,034,707,626
TOTAL	**255,725,786,073**	**134,165,645,633**

29. COST OF GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

VND

	Current period	*Previous period*
Cost animal husbandry products	3,060,060,018,175	1,902,143,529,104
Cost of bran	21,615,737,814	1,210,319,222
Others	4,574,091,421	242,876,739
TOTAL	**3,086,249,847,410**	**1,903,596,725,065**

30. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

VND

	Current period	*Previous period*
Selling expenses	**60,474,829,845**	**32,997,916,129**
Transportation expenses	28,784,326,012	8,678,976,996
Labour costs	17,199,297,882	10,782,991,098
Depreciation and amortisation	4,993,512,057	3,474,741,158
Others	9,497,693,894	10,061,206,877
General and administrative expenses	**154,193,264,082**	**105,048,853,599**
Labour costs	89,318,072,781	50,888,378,580
Expenses for external services	25,579,654,301	28,430,549,822
Depreciation and amortisation	2,742,895,116	1,238,979,145
Goodwill allocation	670,107,676	670,107,676
(Reversal of provisions) provisions	(291,502,483)	2,627,406,919
Others	36,174,036,691	21,193,431,457
TOTAL	**214,668,093,927**	**138,046,769,728**

31. OTHER INCOME AND EXPENSES

VND

	Current period	*Previous period*
Other income	**3,501,310,845**	**9,433,640,441**
Insurance compensation	1,861,290,290	7,179,542,456
Others	1,640,020,555	2,254,097,985
Other expenses	**(18,234,996,897)**	**(1,032,849,739)**
Fines and compensation	(16,081,470,605)	(26,523,778)
Loss from disposal of assets	(1,030,507,306)	(11,190,813)
Others	(1,123,018,986)	(995,135,148)
NET OTHER (LOSS) PROFIT	**(14,733,686,052)**	**8,400,790,702**

32. PRODUCTION AND OPERATING COSTS

		VND
	Current period	*Previous period*
Raw materials	2,479,777,689,625	1,368,660,343,422
Depreciation, amortisation and goodwill allocation *(Notes 12.2, 14, 15, 16 and 19)*	329,423,452,796	227,111,906,430
Expenses for external services	272,827,586,903	208,234,269,530
Labour costs	168,048,117,362	141,776,452,218
(Reversal of provisions) provisions	(291,502,483)	2,627,406,919
Others	51,132,597,134	93,233,116,274
TOTAL	**3,300,917,941,337**	**2,041,643,494,793**

33. CORPORATE INCOME TAX

The Company and its subsidiaries have the obligations to pay corporate income tax ("CIT") at different rates as follows:

- The Company, Binh Duong Branch, Dong Nai Branch, Ha Noi Branch, Long An Branch.

  For income from mixed livestock farming and animal feed production activities, the Company and the aforementioned branches are entitled to a preferential tax rate of 15% throughout their entire operational period;

  For income from other activities, the Company and the aforementioned branches apply a standard tax rate of 20% on taxable income.

- Minh Thanh Livestock, Bac An Khanh, Dong An Khanh, Nam An Khanh, Green Farm 1, Green Farm 2, Song Hinh, Anh Vu Phu Yen, Hai Dang Tay Ninh, Tam Hung, Tan Chau, Tay An Khanh, Thanh Xuan, TMC Livestock, Thanh Dat Gia Lai, Hoa Phat Bon, BAF Tay Ninh 1 High-Tech, BAF Tay Ninh 2 High-Tech, Khoi Duong.

  For income derived from mixed livestock farming activities conducted in specially difficult socio-economic areas, the above subsidiaries are entitled to a full exemption from CIT for the entire duration of their operations.

  For income derived from other activities, the Company and the aforementioned branches are subject to the standard CIT rate of 20% on taxable income.

- BAF Binh Dinh

  BAF Binh Dinh is obligated to pay CIT at a rate of 20% on taxable income. In addition, the company is entitled to location-based tax incentives. This company is entitled to an exemption from CIT for two (2) years commencing from the first year of earning profits, and 50% reduction for the following four (4) years.

- BAF Binh Phuoc

  For income derived from processing activities, the Company is entitled to a 10% preferential corporate income tax rate based on both its business sector and its operating location, applicable for the entire duration of its operations.

  For income generated from other business activities, the Company applies the standard corporate income tax rate of 20% of taxable income.

33. CORPORATE INCOME TAX (continued)

- Nghe An Branch, BAF Tay Ninh, Bao Ngoc Livestock, BAF Microbiological Organic Fertilizer, Logistic BAF, Thien Phu Son, Kim Hoi, BAF Tay Ninh 1, BAF Ninh Binh, BAF Ha Noi Food Processing, BAF Binh Minh Food Processing, BAF Ha Noi 1 High-Tech, BAF Ha Noi 2 High-Tech.

  The CIT rate applicable to the above-mentioned branch and subsidiaries is 20%.

The tax returns filed by the Company and its subsidiaries are subject to examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the interim consolidated financial statements could change at a later date upon final determination by the tax authorities.

33.1 CIT expense

VND

	Current period	*Previous period*
Income tax expense	10,390,773,022	17,140,730,708
Adjustment for under accrual of tax from prior periods	19,049,542,746	36,070,430
	29,440,315,768	17,176,801,138
Deferred tax income	(2,708,204,043)	(6,759,677,693)
TOTAL	**26,732,111,725**	**10,417,123,445**

Reconciliation between CIT expenses and the accounting profit before tax multiplied by CIT rate is presented below:

VND

	Current period	*Previous period*
Accounting profit before tax	**336,592,708,357**	**353,295,444,674**
At CIT rate of 15% applicable to companies in the Group	50,488,906,254	52,994,316,701
Adjustments to increase (decrease):		
Non-deductible interest expense	9,288,142,357	3,179,208,516
Non-deductible expenses	7,432,766,638	2,872,031,994
Unrecognized deferred tax assets on subsidiaries and independent accounting branches' tax losses carried forward	3,294,844,824	3,600,727,405
Amortisation expenses from discounted value of convertible bonds	1,662,992,543	1,508,679,568
Offset against taxable income between operating activities	815,364,702	-
Goodwill allocation	28,420,954	28,420,954
Adjustment for under accrual of tax from prior periods	19,049,542,746	36,070,430
Utilization of tax loss of subsidiaries	(3,161,900,871)	(461,476,158)
Impact of change in tax rate	(14,903,606,110)	(14,740,889,614)
Tax exemption	(47,263,362,312)	(38,599,966,351)
CIT expense	**26,732,111,725**	**10,417,123,445**

33. CORPORATE INCOME TAX (continued)

33.2 Current tax

The current tax payable is based on taxable profit for the period. The taxable profit of the Group for the period differs from the profit as reported in the interim consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other periods and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Group's current tax liability is calculated using tax rates that have been enacted at the end of the reporting period.

33.3 Deferred tax

The following are the deferred tax assets and deferred tax liabilities recognised by the Group, and the movements thereon, during the current and previous periods:

VND

	Interim consolidated statement of financial position		*Interim consolidated income statement*	
	Ending balance	*Beginning balance*	*Current period*	*Previous period*
Deferred tax assets				
Unrealised profits	18,638,751,803	15,852,252,194	2,786,499,609	4,079,270,124
Other accrued expenses	8,471,444,772	1,850,235,798	6,621,208,974	3,207,739,649
Tax losses available for offset against future taxable income	24,376,365,150	35,143,439,043	(10,767,073,893)	-
	51,486,561,725	**52,845,927,035**	**(1,359,365,310)**	**7,287,009,773**
Deferred tax liability				
Capitalised borrowing costs	(2,542,842,280)	(6,610,411,633)	4,067,569,353	(527,332,080)
Provision for diminution in value of long-term investments	(1,803,637,391)	(1,803,637,391)	-	-
	(4,346,479,671)	**(8,414,049,024)**	**4,067,569,353**	**(527,332,080)**
Net deferred tax assets	***47,140,082,054***	***44,431,878,011***		
Net deferred tax credit			***2,708,204,043***	***6,759,677,693***

33. CORPORATE INCOME TAX (continued)

33.4 *Tax losses carried forward*

The Group is entitled to carry each individual tax loss forward to offset against taxable income arising within five years subsequent to the year in which the loss was incurred. At the end of the reporting period, the Group had aggregated accumulated tax losses of VND 478,823,709,516 (31 December 2025: VND 224,784,591,887) available for offset against future taxable income. Details are as follows:

VND

Originating year	*Can be utilised up to*	*Tax loss*	*Utilised up to 30 June 2026*	*Forfeited*	*Unutilised as at 30 June 2026*
2019	2024	3,171,448,495	(1,727,049,972)	(1,444,398,523)	-
2020	2025	1,464,804,817	(1,428,401,387)	(36,403,430)	-
2021	2026	6,873,138,871	(6,207,032,835)	-	666,106,036
2022	2027	22,824,011,427	(13,139,594,276)	-	9,684,417,151
2023	2028	222,574,138,232	(199,679,080,261)	-	22,895,057,971
2024	2029	174,319,525,573	(21,902,117,333)	-	152,417,408,240
2025	2030	335,020,327,179	(67,525,819,819)		267,494,507,360
2026	2031	25,666,212,758	-	-	25,666,212,758
TOTAL		**791,913,607,352**	**(311,609,095,883)**	**(1,480,801,953)**	**478,823,709,516**

Estimated tax losses as per CIT declarations of the Group have not been audited by the local tax authorities as of the date of these interim consolidated financial statements. No deferred tax assets were recognised in respect of the tax losses available for carry forward by VND 478,823,709,516 because future taxable income cannot be ascertained at this stage.

33.5 *Interest expense exceeds the prescribed threshold*

The Group is entitled to carry forward interest expense exceeding the prescribed threshold that have not been deducted when calculating CIT for the current year ("non-deductible interest expenses") to the following year when determining the total deductible interest expenses of the following year. The subsequent period that the interest expense can be carried forward to will not exceed consecutive period of 05 years subsequent to the year in which the non-deductible interest expense incurred. At the end of the reporting period, the Group has aggregated non-deductible interest expenses available as follows:

VND

Originating year	*Can be used as deductible interest expense up to*	*Non-deductible interest expense incurred*	*Non-deductible interest expense carried forward to following years by 30 June 2026*	*Forfeited*	*Non-deductible interest expense available to be carried forward as at 30 June 2026*
2022 *(i)*	2027	18,084,964,780	(18,084,964,780)	-	-
2023 *(i)*	2028	88,843,085,871	(24,378,705,525)	-	64,464,380,346
2024 *(i)*	2029	68,845,307,424	-	-	68,845,307,424
2025 *(i)*	2030	127,539,192,274	-	-	127,539,192,274
2026 *(i)*	2031	67,962,995,567	-	-	67,962,995,567
TOTAL		**371,275,545,916**	**(42,463,670,305)**	**-**	**328,811,875,611**

33. CORPORATE INCOME TAX (continued)

33.5 Interest expense exceeds the prescribed threshold (continued)

(i) Estimated non-deductible interest expense as per the Company and subsidiaries' corporate income tax declaration for the six-month period ended 30 June 2026 has not been audited by the local tax authorities as of the date of these interim consolidated financial statements.

No deferred tax assets were recognised in respect of the remaining non-deductible interest expense above of VND 328,811,875,611 as at 30 June 2026 (as at 31 December 2025: VND 260,848,880,044) because of the uncertainty in predicting whether this non-deductible interest expense will be carried forward in the remaining time limit or not.

33.6 Unrecognised deferred tax assets

Deferred tax assets have not been recognised in respect of the following items due to uncertainty of future taxable income:

		VND
	Current period	*Previous period*
Tax losses carried forward of subsidiaries and independent accounting branches *(Note 33.4)*	478,823,709,516	229,030,544,264
Interest expense exceeds the prescribed threshold *(Note 33.5)*	328,811,875,611	157,393,124,280
TOTAL	**807,635,585,127**	**386,423,668,544**

34. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

List of related parties that have a controlling relationship with the Group as at 30 June 2026 is as follows:

Related party	*Relationship*
Siba Holdings Corporation	Major shareholder
Tan Long Group Joint Stock Company ("Tan Long")	The company has the same Chairman
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Company is related to the Chairman
Viet Agro Pte., Ltd	Company is related to the Chairman
Siba High-Tech Mechanical Group Joint Stock Company ("Siba Tech")	The company has the same Chairman
A An Food Joint Stock Company ("A An")	Subsidiary of major shareholder
Solacons Construction One Member Company Limited ("Solacons")	Subsidiary of the company has the same Chairman
Siba Cu Jut Clean Energy Joint Stock Company ("Siba Cu Jut")	Subsidiary of the company has the same Chairman
Vmeco Bac Lieu Clean Energy One Member Company Limited ("Vmeco Bac Lieu")	Subsidiary of the company has the same Chairman
Stemkos Viet Nam Trading Joint Stock Company ("Stemkos")	Subsidiary of the company has the same Chairman
Tan Long Veterinary Joint Stock Company ("Tan Long Veterinary")	Subsidiary of the company has the same Chairman
Ocoba Foodstuff Joint Stock Company ("Ocoba Foodstuff")	Subsidiary of the company has the same Chairman
Tan Long Group Joint Stock Company – Dong Thap Branch ("Tan Long – Dong Thap")	Branch of the company has the same Chairman
Tan Long Group Joint Stock Company – Hai Phong Branch ("Tan Long – Hai Phong")	Branch of the company has the same Chairman
A An Food Joint Stock Company – Dong Thap Branch ("A An – Dong Thap")	Subsidiary of major shareholder
Mr Truong Sy Ba	Chairman
Ms Bui Huong Giang	Member of Board of Directors cum General Director ("BOD Member cum GD")
Mr Le Xuan Tho	Independent BOD Member (to on 23 April 2026)
Mr Nguyen Van Phu	Independent BOD Member (from on 23 April 2026)
Mr Prasad Gopalan	Independent BOD Member
Mr Nguyen Thanh Tan	Independent BOD Member
Ms Duong Thi Hong Tan	Head of BOS (from 23 April 2025)
Ms Tran Thi Thanh Tra	Member of BOS (from 23 April 2025)
Ms Luu Ngoc Tram	Member of BOS
Ms Hoang Thi Thu Hien	Head of BOS (to 31 March 2025)
Mr Nguyen Quoc Van	Member of BOS (to 31 March 2025)
Mr Truong Anh Tuan	Deputy General Director
Mr Nguyen Van Minh	Deputy General Director
Mr Ngo Cao Cuong	Deputy General Director

34. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

List of related parties that have a controlling relationship with the Group as at 30 June 2026 is as follows: (continued)

Related party	*Relationship*
Mr Nguyen Pham Xuan Quang	Chief Financial Officer
Ms Nguyen Thi Quynh Nhu	Chief Accountant (to 9 July 2026)
Ms Phan Thi Kim Trang	Chief Accountant (from 10 July 2026)

Significant transactions with related parties during the period were as follows:

VND

Related party	*Transaction*	*Current period*	*Previous period*
Siba Tech	Purchase of fixed assets and construction of farms	287,575,747,838	83,981,152,187
	Purchase of goods	575,445,788	-
	Collection on behalf	527,823,564	-
	Payment on behalf	186,638,636	-
	Sale of goods	167,110,480	60,658,500
Vmeco Bac Lieu	Purchase of services	7,071,144,671	-
Siba Cu Jut	Purchase of services	1,290,159,206	-
A An	Sale of goods	108,797,520	58,656,000
	Purchase of services	72,000,000	-
Stemkos	Rental income	68,181,818	-
Tan Long	Sale of goods	42,327,840	91,753,100
	Purchase of services	25,000,000	-
Tan Long – Dong Thap	Sale of goods	46,862,280	-
A An – Dong Thap	Sale of goods	30,074,400	-
Tan Long – Hai Phong	Sale of goods	18,935,280	-
Tan Long Veterinary	Sale of goods	10,239,500	-
Ocoba Foodstuff	Sale of goods	2,042,400	-

Terms and conditions of transactions with related parties

The sales to and purchases, loans and lendings from related parties are made on terms equivalent to those that prevail in arm's length transactions.

Transactions with related parties were approved by the Company's Board of Directors in accordance with Resolution No. 06/NQ-HĐQT dated 9 February 2026 and presented in the Corporate Governance Report for the first six-month period of 2026.

34. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Amounts due from and due to related parties as at the end of the reporting period were as follows:

VND

Related party	*Transactions*	*Ending balance*	*Beginning balance*
Short-term trade receivables			
Siba Tech	Sale of goods	294,189,594	3,309,336
Tan Long – Dong Thap	Sale of goods	36,489,398	-
Tan Long Veterinary	Sale of goods	10,299,500	-
Tan Long	Sale of goods	-	204,636,348
TOTAL		**340,978,492**	**207,945,684**
Short-term advances to suppliers			
Siba Tech	Advance for construction of barns	88,898,497,970	134,274,471,647
Solacons	Purchase of goods	1,145,454,547	1,145,454,547
TOTAL		**90,043,952,517**	**135,419,926,194**
Other short-term trade receivables			
BAF Myanmar	Receivables from investment in a joint venture	22,287,867,857	22,110,662,223
Short-term trade payables			
Siba Tech	Construction of farms	252,038,660,962	305,568,732,760
Vmeco Bac Lieu	Purchase of goods	2,671,481,143	1,381,544,878
Siba Cu Jut	Purchase of goods	483,011,508	611,891,203
Solacons	Purchase of goods	87,272,728	1,383,272,728
A An	Purchase of goods	38,880,000	-
Tan Long	Purchase of goods	16,520,000	1,470,020,000
TOTAL		**255,335,826,341**	**310,415,461,569**
Long-term trade payables			
Siba Tech	Construction of farms	-	36,687,475,369

34. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Transactions with other related parties

Remuneration to members of the Board of Directors ("BOD"), Board of Supervision ("BOS") and Management:

		VND
	Current period	*Previous period*
Mr Truong Sy Ba	180,000,000	180,000,000
Ms Bui Huong Giang	861,013,326	630,983,351
Mr Le Xuan Tho	72,000,000	108,000,000
Mr Nguyen Van Phu	36,000,000	-
Mr Prasad Gopalan	108,000,000	108,000,000
Mr Nguyen Thanh Tan	108,000,000	108,000,000
Mr Truong Anh Tuan	814,441,289	603,656,754
Mr Ngo Cao Cuong	828,172,900	617,427,714
Mr Nguyen Van Minh	877,896,403	615,182,539
Ms Hoang Thi Thu Hien	-	36,000,000
Ms Duong Thi Hong Tan	234,823,380	210,482,690
Ms Luu Ngoc Tram	22,500,000	22,500,000
Mr Nguyen Quoc Van	-	289,692,722
Mrs Tran Thi Thanh Tra	175,865,155	156,950,577
Ms Nguyen Thi Quynh Nhu	340,976,673	269,064,376
TOTAL	**4,659,689,126**	**3,955,940,723**

35. EARNINGS PER SHARE

The following reflects the income and share data used in the basic and diluted earnings per share computations:

	Current period	*Previous period (restated)*
Net profit attributable to ordinary shareholders *(VND)*	309,497,697,391	342,516,620,259
Dilution resulting from interest expenses of convertible bonds	15,698,723,708	27,613,476,009
Net profit attributable to ordinary shareholders adjusted for the effect of dilution	**325,196,421,099**	**370,130,096,268**
Weighted average number of ordinary shares for basic earnings per share *(*)*	**364,824,906**	**334,659,160**
Effect of dilution due to:		
Convertible bonds	*77,140,672*	*70,762,254*
Weighted average number of ordinary shares (excluding treasury shares) adjusted for the effect of dilution	**441,965,578**	**405,421,414**
Basic earnings per share (VND/share)	*848*	*1,023*
Diluted earnings per share (VND/share)	*736*	*913*

35. EARNINGS PER SHARE (continued)

(*) Weighted average number of ordinary shares for basic earnings per share for the current period has been reflected by the issuance of shares to increase share capital from share premium and the issuance of shares to pay stock dividend from undistributed earnings that the Company did after the interim financial position date as presented in *Note 25.1*. Also, weighted average number of ordinary shares for basic earnings per share for the period six-month ended 30 June 2025 has been restated compared to the past data presented in the interim consolidated financial statements for this period to reflect this said issuance of shares.

36. SEGMENT INFORMATION

The primary segment reporting format is determined to be business segments as the Group's risks and rates of return are affected predominantly by differences in the products and services produced. Secondary information is reported geographically. The operating businesses are organised and managed consolidated according to the nature of the products and services provided, with each segment representing a strategic business unit that offers different products and serves different markets.

Business segment

The following tables present revenue and profit and certain assets and liability information regarding the Group's business segment.

36. SEGMENT INFORMATION (continued)

Business segment (continued)

	Livestock	*Feed*	*Others*	*Elimination*	*VND* *Consolidation*
For the six-month period ended 30 June 2026					
Segment net revenue					
Sales to external customers	5,495,807,629,232	2,061,745,902,480	285,275,111,455	(3,954,122,483,459)	3,888,706,159,708
Inter-segment sales	(1,633,910,332,581)	(2,039,730,545,961)	(280,481,604,917)	3,954,122,483,459	-
Net inter-segment revenue	**3,861,897,296,651**	**22,015,356,519**	**4,793,506,538**	**-**	**3,888,706,159,708**
Results					
Inter-segment gross profit	801,837,278,476	399,618,705	219,415,117	-	802,456,312,298
Finance income	-	-	-	-	19,263,962,111
Finance expenses	-	-	-	-	(255,725,786,073)
Selling expenses	-	-	-	-	(60,474,829,845)
General and administrative expenses	-	-	-	-	(154,193,264,082)
Other income	-	-	-	-	3,501,310,845
Other expenses	-	-	-	-	(18,234,998,897)
Current corporate income tax expense	-	-	-	-	(29,440,315,768)
Deferred tax income	-	-	-	-	2,708,204,043
Net profit after tax	-	-	-	-	309,860,596,632
As at 30 June 2026					
Assets and liabilities					
Total assets	21,537,383,699,746	1,229,616,619,696	229,984,273,571	(9,484,959,333,835)	13,512,025,259,178
Inter-segment asset	*21,537,383,699,746*	*1,229,616,619,696*	*229,984,273,571*	*(10,721,500,927,864)*	*12,275,483,665,149*
Unallocated assets (*)	-	-	-	*1,236,541,594,029*	*1,236,541,594,029*
Total liabilities	14,576,485,539,768	592,918,969,912	-	(6,031,129,533,132)	9,138,265,699,915
Inter-segment payables	*14,576,485,539,768*	*592,918,969,912*	-	*(6,031,129,533,132)*	*9,138,265,699,915*

(*) Unallocated assets mainly comprised of cash, cash equivalents and other financial investments.

36. SEGMENT INFORMATION (continued)

Business segment (continued)

	Livestock	*Feed*	*Others*	*Elimination*	*VND* *Consolidation*
For the six-month period ended 30 June 2025					
Segment net revenue					
Sales to external customers	4,099,972,044,757	1,320,407,695,497	73,076,515,167	(2,983,014,082,086)	2,510,442,173,335
Inter-segment sales	(1,590,787,886,594)	(1,319,323,849,600)	(72,902,345,892)	2,983,014,082,086	-
Net inter-segment revenue	**2,509,184,158,163**	**1,083,845,897**	**174,169,275**	**-**	**2,510,442,173,335**
Results					
Inter segment profit	606,943,247,444	(126,473,325)	28,674,151	-	606,845,448,270
Finance income					10,261,621,063
Finance expenses					(134,165,645,633)
Selling expenses					(32,997,916,129)
General and administrative expenses					(105,048,853,599)
Other income					9,433,640,441
Other expenses					(1,032,849,739)
Current corporate income tax expense					(17,176,801,138)
Deferred tax (expense)					6,759,677,693
Net profit after tax					342,878,321,229
As at 30 June 2025					
Assets and liabilities					
Total assets	14,897,466,617,198	1,318,548,555,996	58,107,453,923	(7,772,360,447,925)	8,501,762,179,192
Inter-segment asset	*14,897,466,617,198*	*1,318,548,555,996*	*58,107,453,923*	*(8,401,032,473,271)*	*7,873,090,153,846*
Unallocated assets (*)	-	-	-	*628,672,025,346*	*628,672,025,346*
Total liabilities	8,441,224,790,611	625,084,767,368	-	(4,844,106,079,613)	4,222,203,478,366
Inter-segment payables	*8,441,224,790,611*	*625,084,767,368*	-	*(4,844,106,079,613)*	*4,222,203,478,366*

(*) Unallocated assets mainly comprised cash, cash equivalents and other financial investments.

37. COMMITMENTS

37.1 *Operating lease commitments*

The Group leases farms under operating lease agreements. The minimum lease commitments as at the interim statement of financial position date under the operating lease agreements were as follows:

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Less than 1 year	307,668,139,161	316,113,059,105
From 1-5 years	1,181,196,722,164	1,189,172,002,480
More than 5 years	1,769,596,786,187	1,912,231,211,436
TOTAL	**3,258,461,647,512**	**3,417,516,273,021**

37.2 *Capital commitments*

As at the interim statement of financial position date, the Group had commitments principally relating to construction of factory premises and purchases of new machinery for its business expansion as follows:

VND

	Ending balance	*Beginning balance*
Giai Xuan Project	135,834,546,807	417,961,139,495
Thanh Dat Gia Lai Project	609,314,366,837	662,263,034,724
Tay An Khanh Project	90,609,715,328	174,538,923,082
Song Hinh Project	31,670,842,187	41,658,978,421
Binh Dinh Bran Plant Project	-	131,756,886,330
TOTAL	**867,429,471,159**	**1,428,178,962,052**

37.3 *Commitments related to the acquisition of subsidiaries* *(Note 8)*

As at the interim statement of financial position date, the Group has commitments related to the acquisition of subsidiaries as follows:

VND

	Contract value	*Commitment value*
Green Forest Production Joint Stock Company	179,840,000,000	159,840,000,000
Nhat Quyet Livestock Company Limited	150,000,000,000	120,000,000,000
Minh Phat Livestock Company Limited	145,000,000,000	115,000,000,000
Khuyen Nam Tien High-Tech Livestock Company Limited	50,000,000,000	37,500,000,000
Hoang Kim QT Joint Stock Company	35,000,000,000	29,382,002,750
Viet Thai HT Joint Stock Company	35,000,000,000	28,971,021,500
Toan Thang HT Joint Stock Company	35,000,000,000	29,623,451,000
Thanh Sen HT - QT Joint Stock Company	35,000,000,000	28,962,896,750
Hoang Kim HT - QT Joint Stock Company	35,000,000,000	28,963,707,500
TOTAL	**699,840,000,000**	**578,243,079,500**

38. RECLASSIFICATION OF THE CORRESPONDING FIGURES IN ACCORDANCE WITH REQUIREMENTS OF CIRCULAR 99

Certain corresponding figures in the interim consolidated financial statements have been reclassified to conform with the presentation requirements under Circular 99 due to first time adoption (*Note 3.1.1*) for the current period's interim consolidated financial statements. The details are as follows:

VND

	Beginning balance (as previously presented)	*Restated*	*Beginning balance (as restated)*
INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION			
Short-term held-to-maturity investments	478,318,619,057	7,103,184,803	485,421,803,860
Short-term loan receivables	174,600,000	(174,600,000)	-
Other short-term receivables	98,317,429,829	(6,928,584,803)	91,388,845,026
Inventories	2,725,620,167,681	(2,386,752,394,629)	338,867,773,052
Short-term livestock raised for single harvest	-	2,391,854,024,849	2,391,854,024,849
Tangible fixed assets	3,311,518,714,313	(61,108,662,721)	3,250,410,051,592
- Cost	*3,978,274,414,612*	*(71,615,570,878)*	*3,906,658,843,734*
- Accumulated depreciation	*(666,755,700,299)*	*10,506,908,157*	*(656,248,792,142)*
Livestock raised for periodic harvest	-	698,483,309,680	698,483,309,680
Mature livestock raised for periodic harvest	-	*698,483,309,680*	*698,483,309,680*
- Cost	-	*1,008,732,113,217*	*1,008,732,113,217*
- Accumulated depreciation	-	*(310,248,803,537)*	*(310,248,803,537)*
Construction in progress	1,392,177,973,739	(5,101,630,220)	1,387,076,343,519
Long-term prepaid expenses	1,273,557,175,808	(637,374,646,959)	636,182,528,849
INTERIM CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT			
Depreciation and amortisation	112,743,965,504	114,367,940,926	227,111,906,430
Increase, decrease in deferred expenses	(173,530,875,740)	100,168,195,007	(73,362,680,733)
Payment for the purchase, construction of fixed assets	(429,574,643,562)	(318,739,195,511)	(748,313,839,073)
Proceeds from disposal of fixed assets	-	104,203,059,578	104,203,059,578

39. EVENTS AFTER THE INTERIM STATEMENT OF FINANCIAL POSITION DATE

Except for the events as presented in *Note 25.1*, there have been no other significant events occurring after the interim statement of financial position date which would require adjustments or disclosures to be made in the interim consolidated financial statements of the Group.

Approved, 28 August 2026

PREPARER	CHIEF ACCOUNTANT	LEGAL REPRESENTATIVE
Phan Thi Khanh Dung	Phan Thi Kim Trang	Bui Huong Giang

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY	SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
No: 28.08/BAF-CV	**Independence - Freedom - Happiness**
Re: Explanation of the difference in profit after tax on the Reviewed consolidated financial statements 2026 compared to the same period in 2025	*Ho Chi Minh City, 28 August 2026*

To:
- **State Securities Commission**
- **Ho Chi Minh City Stock Exchange**
- **Hanoi Stock Exchange**

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company would like to provide an explanation regarding the difference in Profit After Tax in the Reviewed consolidated financial statements 2026 compared to the same period in 2025 as follows:

In the Reviewed consolidated financial statements 2026 of the Company:

Indicator	**2026 (VND)**	**2025 (VND)**	**Increase (Decrease) Difference**	
			(VND)	**%**
Accumulated Net Pre-tax Profit for 6 Months	336,592,708,357	353,295,444,674	(16,702,736,317)	-4.73%
Accumulated Net Profit After Tax for 6 Months	309,860,596,632	342,878,321,229	(33,017,724,597)	-9.63%

Although the Company's profit after tax for the first six months of 2026 decreased approximately by 10% compared to the same period in 2025, the overall picture for the first six months of the year still recorded many positive highlights, reflecting that the Company's core business foundation continued to grow and its expansion strategy remained on the right track. Specifically:

- BAF's pig output in the 6 months reached approximately 532,000 heads, up about 61% compared to the same period in 2025, achieving 99% of the plan for the first 6 months of the year. BAF's consolidated net revenue in the first 6 months of the year reached approximately VND 3,899 billion, achieving 105% of the plan set for the 6 months. These results show that the Company's operational scale and market capacity continue to be strongly reinforced.
- During the period, the Company continued to commence new high-tech farming projects, reaffirming its commitment to pursuing its expansion strategy in order to realize its growth targets through 2030.
- The proportion of carcass pork and processed meat continued to improve within the Company's revenue structure, reflecting its strategic direction of shifting toward higher value-added downstream products. The expansion and optimization of the Feed – Farm – Food value chain enables BAF to gradually reduce its dependence on fluctuations in live hog prices, thereby stabilizing its gross profit margin and mitigating business cyclicality risks.

The factors affecting the Company's performance in the first six months of 2026 were primarily temporary in nature and associated with the investment phase, and did not reflect any deterioration in its core business operations. Specifically:

- The average selling price in the first six months of 2026 (approximately VND 63,000 - 65,000/kg) was lower than the same period last year (approximately VND 65,000 - 70,000/kg).
- Interest expenses increased significantly due to changes in market interest rates compared to the same period last year. This was an external factor beyond the Company's direct control.
- The rapid expansion and commencement of operations at new farms during the first six months of the year resulted in higher fixed costs (including personnel, utilities, depreciation, and initial operating costs) compared to the same period last year, while operating efficiency had not yet reached its optimal level during the initial stage.
- As the African Swine Fever (ASF) situation remained complicated during the period, the Company continued to strengthen its biosecurity measures, disease prevention efforts, and restocking costs in order to proactively protect its livestock herd and maintain the long-term stability of its production operations.

Above is the additional explanation from BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.

Thank you sincerely./.

Recipients:
- *As above*
- *Archived at Accounting Department, Administrative Department.*

General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bui Huong Giang

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

REPORT ON THE USE OF PROCEEDS

FROM THE PRIVATE PLACEMENT OF SHARES

For the period from 26 March 2025 to 10 April 2025 audited by

NHAN TAM VIET AUDITING COMPANY LIMITED

TABLE OF CONTENTS

Contents	Page
Report of the Board of Management	**2 – 4**
Independent Auditor's Report	**5 – 6**
Report on the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares for the period from 26 March 2025 to 10 April 2025	**7-17**
Appendix 1: Details of the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares for the period from 26 March 2025 to 10 April 2025	**18-20**

****

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company presents this report together with the accompanying Report on the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares for the period from 26 March 2025 to 10 April 2025.

Company Overview

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (the Company) was established under Enterprise Registration Certificate No. 0107795944 dated 7 April 2017, issued by the Hanoi Department of Planning and Investment. During its operations, the Company has amended its Enterprise Registration Certificate 22 times. The 22nd amended Enterprise Registration Certificate was issued by the Ho Chi Minh City Department of Finance on 10 September 2025.

Charter capital under the 22nd amended Enterprise Registration Certificate: VND 3,040,216,420,000.

Head office:

Address	: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone	: 0766 074 787
Tax code	: 0 1 0 7 7 9 5 9 4 4

Use of Proceeds from the Share Issuance

The use of proceeds from the private placement of shares during the period from 26 March 2025 to 10 April 2025 is presented in the accompanying Report on the Use of Proceeds (pages 7 to 20).

Events after the End of the Period in Which the Share Issuance Proceeds Were Used

The Board of Management confirms that no other events occurred after 10 April 2025 and up to the date of this Report on the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares that require adjustment to, or disclosure in, the Report.

Board of Directors and Board of Management

The members of the Board of Directors, Supervisory Board and Board of Management during the year and up to the date of this report were as follows:

Board of Directors

Full name	Position
Mr. Truong Sy Ba	Chairperson of the Board of Directors
Ms. Bui Huong Giang	Board Member
Mr. Nguyen Thanh Tan	Board Member
Mr. Prasad Gopalan	Board Member
Mr. Le Xuan Tho	Board Member

Supervisory Board

Full name	Position
Ms. Hoang Thi Thu Hien	Chairperson

Full name	Position
Ms. Luu Ngoc Tram	Board Member
Mr. Nguyen Quoc Van	Board Member

Board of Management

Full name	Position
Ms. Bui Huong Giang	Chief Executive Officer
Mr. Truong Anh Tuan	Deputy Chief Executive Officer
Mr. Nguyen Van Minh	Deputy Chief Executive Officer
Mr. Ngo Cao Cuong	Deputy Chief Executive Officer

Auditor

Nhan Tam Viet Auditing Company Limited audited the Report on the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company for the period from 26 March 2025 to 10 April 2025.

Statement of Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for preparing the Report on the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares for the period from 26 March 2025 to 10 April 2025 so that it gives a true and fair view of the use of the proceeds. In preparing this Report, the Board of Management is required to:

- comply with the Law on Enterprises, the Law on Securities, resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, and other relevant legal requirements applicable to public joint stock companies operating in the securities market; and
- prepare and present the Report on the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares so that it gives a true and fair view of the proceeds raised from the share issuance and their use, in accordance with Vietnamese Accounting Standards and applicable regulations governing share issuances and the use of proceeds.

The Board of Management is responsible for maintaining accounting records that accurately and fairly reflect, at any time, the Company's use of the proceeds from the share issuance, and for ensuring that the Report on the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares complies with applicable State regulations. The Board of Management is also responsible for safeguarding the Company's assets and for taking appropriate measures to prevent and detect fraud and other irregularities.

The Board of Management represents that the Report on the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares gives a true and fair view of the use of the proceeds during the period from 26 March 2025 to 10 April 2025, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the legal requirements relevant to the preparation and presentation of reports on the use of proceeds from public share offerings and shares issued under employee selection programs.

Other Commitments

The Board of Management confirms that the Company complies with the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019; Government Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 providing detailed guidance on the implementation of certain provisions of the Law on Securities; Government Decree No. 245/2025/ND-CP dated 11 September 2025 amending and supplementing certain provisions of Decree No. 155/2020/ND-CP; and Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Ministry of Finance providing guidance on information disclosure in the securities market.

Ho Chi Minh City, 29 September 2025

For and on behalf of the Board of Management,

Chief Executive Officer

(Signed and stamped)

Bui Huong Giang

No. : 0509.01/2025/BCSDV - NVT2

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

On the Report on the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares for the period from 26 March 2025 to 10 April 2025

To : **Shareholders, Board of Directors and Board of Management**
BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

We have audited the accompanying Report on the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (the "Company") for the period from 26 March 2025 to 10 April 2025, prepared on 29 September 2025 and set out on pages 7 to 20.

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management of the Company is responsible for the preparation and fair presentation of the Report on the Use of Proceeds in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant legal requirements governing its preparation and presentation, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation and fair presentation of the Report on the Use of Proceeds that is free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibilities

Our responsibility is to express an opinion on the Report on the Use of Proceeds based on our audit.

We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance as to whether the Report on the Use of Proceeds is free from material misstatement. An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Report on the Use of Proceeds. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the Report on the Use of Proceeds in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used, the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, and the overall presentation of the Report on the Use of Proceeds. We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

The procedures we performed do not constitute an audit or review of the Company's financial statements in accordance with Vietnamese Standards on Auditing or Vietnamese Standards on Review Engagements. Accordingly, we do not express any assurance on the Company's financial statements as a whole.

Auditor's Opinion

In our opinion, the Report on the Use of Proceeds presents fairly, in all material respects, information on the Company's use of proceeds from the private placement of shares for the period from 26 March 2025 to 10 April 2025, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant legal requirements governing the preparation and presentation of the Report on the Use of Proceeds.

Hanoi, 29 September 2025

NHAN TAM VIET AUDITING COMPANY LIMITED

Deputy General Director	**Auditor**
(Signed and stamped)	*(Signed)*
Nguyen Thi Hanh Audit Practising Registration Certificate number: 1690-2023-124-1	**Pham Van Tuan** Audit Practising Registration Certificate number: 4497-2023-124-1

REPORT ON THE USE OF PROCEEDS FROM THE PRIVATE PLACEMENT OF SHARES

For the period from 26 March 2025 to 10 April 2025

I. OVERVIEW OF BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

1. **Form of capital ownership** : Joint Stock Company

2. **Business sectors** : Livestock farming, trading, manufacturing and services

3. **Company overview**

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company was incorporated under Enterprise Registration Certificate No. 0107795944 dated 7 April 2017 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment. During its operations, the Company amended its Enterprise Registration Certificate 22 times. The 22nd amended Enterprise Registration Certificate was issued by the Ho Chi Minh City Department of Finance on 10 September 2025.

Head office:

Address	: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap St., An Khanh Ward, HCMC, Vietnam
Phone	: 0766 074 787
Tax code	: 0 1 0 7 7 9 5 9 4 4

4. **Principal business activities**

The Company's principal activities during the current year are mixed livestock farming, trading in agricultural products, manufacturing animal feed, and processing and preserving meat.

5. **Normal operating cycle**

The Company's normal operating cycle does not exceed 12 months.

6. **Company structure**

Subsidiaries

Entity	Address	Principal activity	Ownership	Voting rights
Anh Vu Phu Yen Company Limited	Kinh Te 2 Hamlet, Song Hinh Commune, Dak Lak Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%
Bao Ngoc Livestock Company Limited	Jang Pong Hamlet, Ea Wer Commune, Dak Lak Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%
Minh Thanh Livestock Manufacturing, Trading and Services Company Limited	Group 3, Thanh Trung Hamlet, Tan Bien Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%
Bac An Khanh Manufacturing, Trading and Services Company Limited	4 Hamlet, Tan Hoa Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%
Dong An Khanh Manufacturing, Trading and Services Company Limited	4 Hamlet, Tan Thanh Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%

Entity	Address	Principal activity	Ownership	Voting rights
Nam An Khanh Livestock Company Limited	Hoi Thanh Hamlet, Tan Hoi Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%
Trang Trai Xanh 1 Investment Company Limited	Hoa Dong A Hamlet, Phuoc Vinh Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%
Trang Trai Xanh 2 Investment Company Limited	Thanh Loi Hamlet, Thanh Binh Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	99.69%	99.69%
Hai Dang Tay Ninh High-Tech Livestock Joint Stock Company	Land plot No. 5, 6, 7, 8, map sheet 109, Tan Hoa Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	99.82%	99.82%
Song Hinh High-Tech Livestock Company Limited	Thung Village, Duc Binh Commune, Dak Lak Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%
BAF Tay Ninh Animal Feed Joint Stock Company	Lot A20, N8B, Industrial Park Thanh Thanh Cong, Trang Bang Ward, Tay Ninh Province, Vietnam	Animal feed manufacturing	100.00%	100.00%
BAF Binh Dinh Agriculture Company Limited	Lot E5, Industrial Park Nhon Hoa, Tan Hoa Area, An Nhon Nam Ward, Gia Lai Province, Vietnam	Animal feed manufacturing	100.00%	100.00%
BAF Meat Binh Phuoc One Member Company Limited	Lot B1 Industrial Park Minh Hung - Sikico, Tan Khai Commune, Dong Nai Province, Vietnam	Slaughtering and meat processing	100.00%	100.00%
Tam Hung Manufacturing, Trading and Services Company Limited	Tan Cuong Hamlet, Tan Dong Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	99.98%	99.98%
Tan Chau Agriculture Investment Company Limited	Group 6, 4 Hamlet, Tan Hoa Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	99.95%	99.95%
Thien Phu Son Manufacturing, Trading and Import-Export Company Limited	Group 7, Tan Tra 1 Quarter, Binh Phuoc Ward, Dong Nai Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%
Kim Hoi Livestock Manufacturing and Trading Joint Stock Company	Group 5, Tan Phu Hamlet, Thuan Loi Commune, Dong Nai Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%
BAF Organic Bio-Fertilizer Company Limited	9th Floor, Building Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap, Ho Chi Minh City, Vietnam	Fertilizer	100.00%	100.00%
BAF Vietnam Logistics Company Limited	9th Floor, Building Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap, Ho Chi Minh City, Vietnam	Transportation	100.00%	100.00%
BAF Tay Ninh Food Processing Company Limited	501 30 Thang 4 Street, 1 Quarter, Tan Ninh Ward, Tay Ninh Province, Vietnam	Food processing	100.00%	100.00%
Tay An Khanh Joint Stock Company	Hoi Thanh Hamlet, Tan Hoi Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%

Entity	Address	Principal activity	Ownership	Voting rights
Thanh Xuan Clean Agriculture Development Joint Stock Company	Land plot 272, map sheet No. 23, Thanh Binh Hamlet, Thanh Quan Commune, Thanh Hoa Province, Vietnam	Livestock farming	99.99%	99.99%
BAF Tay Ninh 1 High-Tech Livestock Company Limited	501 30 Thang 4 Street, 1 Quarter, Tan Ninh Ward, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%
BAF Tay Ninh 2 High-Tech Livestock Company Limited	501 30 Thang 4 Street, 1 Quarter, Tan Ninh Ward, Tay Ninh Province, Vietnam	Livestock farming	100.00%	100.00%
BAF Tay Ninh 1 Animal Feed Manufacturing Company Limited	501 30 Thang 4 Street, 1 Quarter, Tan Ninh Ward, Tay Ninh Province, Vietnam	Animal feed manufacturing	100.00%	100.00%
TMC Livestock Joint Stock Company	Von Village, Kong Chro Commune, Gia Lai Province, Vietnam	Livestock farming	99.98%	99.98%
Hoa Phat Bon Company Limited	Tu Village, Ia Lau Commune, Gia Lai Province, Vietnam	Livestock farming	99.99%	99.99%
BAF Ninh Binh Food Company Limited	Lot 9.2, Industrial Cluster Yen Lenh, Duy Tien Ward, Ninh Binh Province, Vietnam	Processing	100.00%	100.00%

Dependent units

Unit	Address
Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (independently accounted branch)	9th Floor, Building Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam Tax code: 0107795944-001
Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company in Nghe An (independently accounted branch)	Khu C, Industrial Park Nam Cam, Trung Loc Commune, Nghe An Province, Vietnam Tax code: 0107795944-003
Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company in Ha Noi (independently accounted branch)	Industrial Cluster Bich Hoa, Binh Minh Commune, Hanoi, Vietnam Tax code: 0107795944-004
Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company in Dong Nai (independently accounted branch)	Group 5, Ho Xuan Huong, 6 Quarter, Tri An Commune, Dong Nai Province, Vietnam Tax code: 0107795944-005
Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company in Long An (independently accounted branch).	D4, Khu nha xuong xay san lo B, Long Hau – Hiep Phuoc, Can Giuoc Commune, Tay Ninh Province, Vietnam Tax code : 0107795944-007
Business location Thanh Hoa 1	Quang Trung Hamlet, Thach Quang Commune, Thanh Hoa
Business location Binh thuan 1	3 Hamlet, Tra Tan Commune, Lam Dong
Business location Binh thuan 2	Dong Thuan Hamlet, Tra Tan Commune, Lam Dong
Business location Vung Tau 1	04 Hamlet, Hoa Hoi Commune, Ho Chi Minh City
Business location Binh Phuoc	Tan Phu Hamlet, Thuan Loi Commune, Dong Nai
Business location BD	Land plot No. 259, map sheet No. 8, Hieu Lien 20, Cay Hamlet, Thuong Tan Commune, Ho Chi Minh City

Unit	Address
Business location Dak lak	Jang Pong Hamlet, Ea Wer Commune, Dak Lak
Business location Dong Nai 2	Group 6, Ap Co Dau 2, Xuan Dong Commune, Dong Nai
Business location Quang Ninh 1	4 Hamlet, Hoa Commune, Quang Ninh
Business location Dak Nong 1	Ba Tang Hamlet, Dak Wil Commune, Lam Dong
Business location Thanh Hoa 4	Land plot No. 86, map sheet No. 2, Giang Vin Village, Linh Son Commune, Thanh Hoa Province
Business location Tay Ninh 2	Tan Dong 1 Hamlet, Tan Lap Commune, Tay Ninh
Business location Thanh Hoa 7	Chieng Nang Hamlet, Giao An Commune, Thanh Hoa Province
Business location Tay Ninh 1	501 30/4 Khu Pho 1, Tan Ninh Tay Ninh City Ward
Business location Thanh Hoa 8	Thong Dong Danh, Cam Tu Commune, Thanh Hoa
Business location Dak Nong 2	Nam Dinh Hamlet, Dak Mill Commune, Lam Dong
Business location Dak Nong 3	Nam Tang Hamlet, Dak Mill Commune, Lam Dong
Business location Dak Nong 4	Nam Dinh Hamlet, Dak Mil Commune, Lam Dong
Business location Gia Lai 1	To Kor Village, Son Lang Commune, Gia Lai
Business location Tay Ninh	Hoa Dong A Hamlet, Phuoc Vinh Commune, Tay Ninh

II. FINANCIAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Financial year

The Company's financial year begins on 1 January and ends on 31 December each year.

2. Accounting currency

The accounting currency is the Vietnamese dong (VND).

III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING SYSTEM

1. Applicable accounting system

The Company applies the Vietnamese Accounting System for Enterprises issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, as amended and supplemented by Circular No. 53/2016/TT-BTC, together with the Ministry of Finance's guidance on implementation of Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Accounting System for Enterprises.

2. Statement of compliance

The Board of Management confirms that the Company has complied with the requirements of Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC, as amended and supplemented, and related Ministry of Finance guidance in preparing this Report on the Use of Proceeds.

3. Form of accounting records

The Company uses the general journal form of accounting on a computerized system.

IV. BASIS OF PREPARATION AND PURPOSE OF THE REPORT

1. Basis of preparation

This Report on the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares for the period from 26 March 2025 to 10 April 2025 is presented in Vietnamese dong (VND) under the historical cost convention, in accordance with Vietnamese Accounting Standards and current regulations relevant to share offerings and the use of proceeds by joint stock companies.

Amounts used are recognized based on actual disbursements from 26 March 2025 to 10 April 2025 and supported by contracts, invoices, bank payment documents, payment vouchers, accounting records and relevant legal documents.

2. Purpose of the report

This report is prepared solely to report the capital contribution and use of proceeds in accordance with the plan approved by the General Meeting of Shareholders and to satisfy requirements of the competent authorities. It does not extend to the Company's complete financial statements and may therefore be unsuitable for other purposes

V. REPORT ON THE USE OF PROCEEDS FROM THE PRIVATE PLACEMENT OF SHARES

1. Information on the share offering

a. *Offering plan:*

- Extraordinary General Meeting of Shareholders Resolution No. 24.10.2024/NQ-DHDCD dated 24 October 2024 approved the proposal for the private placement of shares to increase charter capital, including Proposal No. 11/2024/TTr-HDQT dated 7 October 2024

Share name	:	Shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company
Share class	:	Ordinary shares
Ticker	:	BAF
Par value	:	VND 10,000 per share
Number of shares before the offering	:	239,021,642 shares
Planned number of shares to be issued	:	65,000,000 shares
Total par value of the planned issuance	:	VND 650,000,000,000
Offering price	:	VND 15,500 per share
Total value at the planned offering price		VND 1,007,500,000,000
Offering method	:	Private placement of shares
Eligible investors	:	Professional securities investors as defined in the Law on Securities No. 54/2019/QH14 and Decree No. 155/2020/ND-CP.
Number of investors	:	No limit on the number of professional securities investors.
Offering price methodology	:	The Company combined the book value (BV) and market price (P) methods. Under BAF's reviewed interim financial statements for 2024, book value as at 30 June 2024 was

		VND 12,281 per consolidated share and VND 12,316 per parent-company share. The average market price over the 30 trading sessions from 8 August to 20 September 2024 was VND 18,673 per share, within a range of VND 17,300–20,800 (source: hsx.vn). The arithmetic average was (12,316 + 18,673) / 2 = VND 15,495 per share. The offering price of VND 15,500 per share was considered appropriate, taking into account the one-year transfer restriction and the interests of the Company and its existing shareholders.
Investor selection criteria	:	+ Domestic and foreign professional securities investors that have strong financial capacity and can promptly fund their subscriptions; have expertise or the ability to support the Company's production, business, management and market expansion; with priority given to media partners and potential strategic partners, together with any other criteria considered necessary by the Board of Directors.
Proposed offeree list	:	The Board of Directors was authorized to select specific professional securities investors, determine the number of shares offered to each investor and adjust the investor list based on negotiations and investor capacity at the relevant time.
Transfer restriction	:	One year from completion of the offering, except for transfers between professional securities investors, transfers under an effective court judgment or decision, an arbitral award, or inheritance in accordance with law.
Treatment of unsubscribed shares	:	+ Professional-investor status must comply with the Law on Securities No. 54/2019/QH14 and Decree No. 155/2020/ND-CP. The Board of Directors was authorized to revise the transfer-restriction period if regulations changed and to distribute any remaining shares to other eligible professional securities investors at a price not lower than VND 15,500 per share, or cancel the remaining shares and close the offering. The Board was also authorized to ensure compliance with the foreign ownership limit.
Minimum successful placement ratio	:	Not applicable.
Expected implementation period	:	During 2024–2025, after completion of registration with the competent authorities. The Board of Directors was authorized to determine the timing in compliance with law

		and in the best interests of the Company and its shareholders.
Approval for changes to charter capital and the Enterprise Registration Certificate	:	The General Meeting of Shareholders authorized the Board of Directors to amend the charter capital and related provisions in the Company's Charter and to complete procedures for amending the Enterprise Registration Certificate following the offering.
Approval for additional registration and listing	:	The General Meeting of Shareholders approved the additional registration and depository of all newly issued shares with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and their additional listing on the stock exchange where the Company's shares are listed, and authorized the Board of Directors to complete the relevant procedures after the offering.

b. Plan for use of proceeds

- The total expected proceeds of VND 1,007,500,000,000 were to be used in accordance with Board of Directors Resolution No. 08.11.2024/NQ-HDQT dated 8 November 2024 as follows:

No.	Use of proceeds	Planned disbursement (VND)	Expected timing
	Additional working capital for BAF's pig farming operations	**1,007,500,000,000**	
1	*Feed, additives and raw materials for pig farms*	557,500,000,000	Q4/2024 to Q4/2025
1.1	*Payment for animal feed purchased by the Company's Nghe An Branch (tax code: 0107795944-003) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/BAFNA-BAF dated 1 January 2024*	*277,500,000,000*	
1.2	*Payment for animal feed purchased from BAF Tay Ninh Animal Feed Joint Stock Company (tax code: 3901152973) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/BAFTN-BAF dated 1 January 2024*	*280,000,000,000*	
2	*Purchase of piglets, gilts and replacement sows for pig farms*	450,000,000,000	Q4/2024 to Q4/2025
2.1	*Payment for pigs purchased from Anh Vu Phu Yen Company Limited (tax code: 4401054144) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/AVPY-BAF dated 1 January 2024*	*15,000,000,000*	
2.2	*Payment for pigs purchased from Minh Thanh Livestock Manufacturing Trading and Services Company Limited (tax code: 3901206435) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/HDNT/MT-BAF dated 1 January 2024*	*144,320,000,000*	

2.3	*Payment for pigs purchased from Dong An Khanh Manufacturing Trading and Services Company Limited (tax code: 3901299905) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/DAK-BAF dated 1 January 2024*	*21,000,000,000*	
2.4	*Payment for animal feed purchased from BAF Tay Ninh Animal Feed Joint Stock Company (tax code: 3901152973) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/BAFTN-BAF dated 1 January 2024*	*38,000,000,000*	
2.5	*Purchase of piglets, gilts and replacement sows for pig farms*	*44,000,000,000*	
2.6	*Payment for pigs purchased from Anh Vu Phu Yen Company Limited (tax code: 4401054144) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/AVPY-BAF dated 1 January 2024*	*173,680,000,000*	
2.7	*Payment for pigs purchased from Minh Thanh Livestock Manufacturing Trading and Services Company Limited (tax code: 3901206435) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/HDNT/MT-BAF dated 1 January 2024*	*10,000,000,000*	
2.8	*Payment for pigs purchased from Dong An Khanh Manufacturing Trading and Services Company Limited (tax code: 3901299905) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/DAK-BAF dated 1 January 2024*	*4,000,000,000*	

c. ***Offering results:***

By 10 April 2025, the Company had completed the procedures for the private placement of shares to increase charter capital.

- **Board of Directors Resolution No. 25.03.2025/NQ-HDQT dated 25 March 2025 approved the offering results and amendments to the Company's Charter, as summarized below:**

1. Planned number of shares offered: 65,000,000 shares
2. Shares successfully placed: 65,000,000 shares:

– Shares placed with professional securities investors on the initial list: 53,500,000 shares at VND 15,500 per share, allocated to 15 investors;

– Remaining shares placed with domestic individual professional securities investors: 11,500,000 shares at VND 15,500 per share, allocated to 15 investors, including six investors on the initial list under Board Resolution No. 08.11.2024/NQ-HDQT.

All shares are subject to a one-year transfer restriction from completion of the offering.

3. Unsubscribed shares: nil
4. Professional securities investors receiving shares: 24 investors
5. Offering completion date: 25 March 2025
6. Gross proceeds: VND 1,007,500,000,000
7. Total expenses: VND 880,000,000

comprising:
– advisory fees for the offering dossier: VND 880,000,000 (inclusive of VAT)
– other expenses: nil

8. Net proceeds: VND 1,006,620,000,000
9. Shares outstanding after the offering: 304,021,642 shares
10. New charter capital after the offering: VND 3,040,216,420,000

- **The Company's Report on Offering Results No. 11/2025/BAF-BCKQPH dated 25 March 2025 reported that**

  1. Total number number of shares distributed: 65,000,000 shares, representing 100% of the shares offered, were distributed to
  - Domestic investors: 65,000,000 shares;
  - foreign investors or foreign-invested economic organizations holding more than 50% of charter capital: 0 share.
  2. Selling price:
  - Minimum selling price: VND 15,500 per share;
  - Maximum selling price: VND 15,500 per share;
  - Weighted-average selling prices: VND 15,500 per share.
  3. Gross proceeds from the offering: VND 1,007,500,000,000.
  4. Total expenses: VND 880,000,000. Comprising:
  - advisory fees for the offering dossier: VND 880,000,000 đồng (inclusive of VAT)
  - share distribution fee: nil
  - Other expenses: nil
  5. Net proceeds from the offering: VND 1,006,620,000,000.

- On 26 March 2025, the Company received Official Letter No. 521/UBCK-QLCB from the State Securities Commission regarding the results of the private placement, confirming that 65,000,000 shares had been distributed.

- On 10 April 2025, the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment issued the 21st amended Enterprise Registration Certificate, recording charter capital of VND 3,040,216,420,000.

2. Use of proceeds from the share offering

By 10 April 2025, the Company had fully used the proceeds from the private placement in accordance with the plan approved by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, as follows:

Description	**Amount (VND)**
Gross proceeds from the share offering	1.007.500.000.000
Share issuance expenses	880.000.000
Net proceeds from the share offering	1.006.620.000.000
Amount used from the share offering proceeds	1.007.500.000.000
Remaining balance	-

Prepared on 29 September 2025

Chief Executive Officer

((Signed and stamped)

Bui Huong Giang

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
Address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Võ Nguyên Giáp Street, An Phú Ward, Thu Đức City, Ho Chi Minh City, Vietnam
REPORT ON THE USE OF PROCEEDS FROM THE PRIVATE PLACEMENT OF SHARES
For the period from 26 March 2025 to 10 April 2025 (continued)
Appendix 1: Details of the use of proceeds from the private placement paid through banks

Item	Use of proceeds	Planned use of proceeds under Board of Directors Resolution No. 08.11.2024/NQ-HDQT dated 8 November 2024	Actual use of proceeds			Payment document
			Document date	Description	Amount	
I. USE OF PROCEEDS DURING THE PRIVATE PLACEMENT						
1. Additional working capital for BAF's pig farming operations		**1.007.500.000.000**			**1.007.506.083.000**	
1. Feed, additives and raw materials for pig farms		***557.500.000.000***			***557.501.661.000***	
1.1	Payment for animal feed purchased by the BAF Nghe An Branch (tax code: 0107795944-003) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/BAFNA-BAF dated 1 January 2024	277.500.000.000	3/27/2025	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM - NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA CAM CHO NM NGHE AN F/O CHI NHANH CONG TY CO PHAN NONG NGHIEP BAF VIET NAM TAI NGHE AN	170.588.873.500	UNC
			4/3/2025	CHUYEN KHOAN NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA CAM CHO NM NGHE AN BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CHI NHANH CONG TY CO PHAN NONG NGHIEP BAF VIET NAM TAI NGHE AN	106.912.226.500	UNC
1.2	Payment for animal feed purchased from BAF Tay Ninh Animal Feed Joint Stock Company (tax code: 3901152973) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/BAFTN-BAF dated 1 January 2024	280.000.000.000	3/27/2025	CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM – NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA CAM CHO NM TAY NINH F/O CTY CP THUC AN CHAN NUOI BAF TAY NINH	220.381.122.014	UNC
			4/3/2025	CHUYEN KHOAN NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA CAM CHO NM TAY NINH BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY CO PHAN THUC AN CHAN NUOI BAF TAY NINH	59.619.438.986	UNC
2. Purchase of piglets, gilts and replacement sows for pig farms		***450.000.000.000***			***450.004.422.000***	
2.1	Payment for pigs purchased from Anh Vu Phu Yen Company Limited (tax code: 4401054144) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/AVPY-BAF dated 1 January 2024	15.000.000.000	4/3/2025	CHUYEN KHOANNN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY TNHH ANH VU PHU YEN	15.000.550.000	UNC

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
Address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Võ Nguyên Giáp Street, An Phú Ward, Thủ Đức City, Ho Chi Minh City, Vietnam
REPORT ON THE USE OF PROCEEDS FROM THE PRIVATE PLACEMENT OF SHARES
For the period from 26 March 2025 to 10 April 2025 (continued)
Appendix 1: Details of the use of proceeds from the private placement paid through banks

Item	Use of proceeds	Planned use of proceeds under Board of Directors Resolution No. 08.11.2024/NQ-HDQT dated 8 November 2024	Actual use of proceeds			Payment document
			Document date	Description	Amount	
2.2	Payment for pigs purchased from Minh Thanh Livestock Manufacturing Trading and Services Company Limited (tax code: 3901206435) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/HDNT/MT-BAF dated 1 January 2024	144.320.000.000	3/27/2025	CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM – NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO F/O CT TNHH SX TM DV CHAN NUOI MINH THANH	141.740.680.044	UNC
			4/3/2025	CHUYEN KHOAN NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY TNHH SX TM DV CHAN NUOI MINH THANH	2.579.880.956	UNC
2.3	Payment for pigs purchased from Dong An Khanh Manufacturing Trading and Services Company Limited (tax code: 3901299905) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/DAK-BAF dated 1 January 2024	21.000.000.000	4/3/2025	CHUYEN KHOANNN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY TNHH SX TMDV DONG AN KHANH	21.000.550.000	UNC
2.4	Payment for pigs purchased from Nam An Khanh Livestock Company Limited (tax code: 3901298757) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/NAK-BAF dated 1 January 2024	38.000.000.000	4/3/2025	CHUYEN KHOANNN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY TNHH CHAN NUOI NAM AN KHANH	38.000.550.000	UNC
2.5	Payment for pigs purchased from Trang Trai Xanh 2 Investment Company Limited (tax code: 3901291409) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/TTX2-BAF dated 1 January 2024	44.000.000.000	4/3/2025	CHUYEN KHOANNN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CTY TNHH DAU TU TRANG TRAI XANH 2	44.000.550.000	UNC
2.6	Payment for pigs purchased from Bac An Khanh Manufacturing Trading and Services Company Limited (tax code: 3901293928) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/BAK-BAF dated 1 January 2024	173.680.000.000	3/27/2025	CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM – NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO F/O CTY TNHH SX TM DV BAC AN KHANH	135.607.391.570	UNC
			4/3/2025	CHUYEN KHOAN NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY TNHH SAN XUAT THUONG MAI DICH VU BAC AN KHANH	38.073.169.430	UNC

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Võ Nguyên Giáp Street, An Phú Ward, Thủ Đức City, Ho Chi Minh City, Vietnam

REPORT ON THE USE OF PROCEEDS FROM THE PRIVATE PLACEMENT OF SHARES

For the period from 26 March 2025 to 10 April 2025 (continued)

Appendix 1: Details of the use of proceeds from the private placement paid through banks

Item	Use of proceeds	Planned use of proceeds under Board of Directors Resolution No. 08.11.2024/NQ-HDQT dated 8 November 2024	Actual use of proceeds			Payment document
			Document date	Description	Amount	
2.7	Payment for pigs purchased from Trang Trai Xanh 1 Investment Company Limited (tax code: 3901291381) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/TTX1-BAF dated 1 January 2024	10.000.000.000	4/3/2025	CHUYEN KHOANNN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CTY TNHH DAU TU TRANG TRAI XANH 1	10.000.550.000	UNC
2.8	Payment for pigs purchased from Hai Dang Tay Ninh High-Tech Livestock Joint Stock Company (tax code: 3901312793) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2024/HDNT/HD-BAF dated 1 January 2024	4.000.000.000	4/3/2025	CHUYEN KHOAN NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY CO PHAN CHAN NUOI CONG NGHE CAO Hai DangG TAY NINH	4.000.550.000	UNC
TOTAL		**1,007,500,000,000**			**1,007,506,083,000**	

Total payments	**1,007,506,083,000**
Proceeds from the private placement	**1,007,500,000,000**
Amount paid from other sources of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company	**6,083,000**
Unspent balance	-

Note: "UNC" means payment order

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

REPORT ON THE UTILIZATION OF PROCEEDS FROM THE PUBLIC BOND ISSUANCE AMOUNTING TO VND 1,000,000,000,000

For the period from 25 November 2025 to 09 January 2026, audited by NHAN TAM VIET AUDIT COMPANY LIMITED – Hanoi Branch

Table of contents

Content	Page
Report of the Board of General Directors	2 – 4
Independent Auditor's Report	5 – 6
Report on the use of proceeds from the public bond issuance in the amount of VND 1,000,000,000,000	7-16
Appendix 1: Detailed use of proceeds from the public bond issuance in the amount of VND 1,000,000,000,000, disbursed through banks	17-18

****

REPORT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS

The Board of General Directors of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company hereby presents this report together with the Report on the use of proceeds from the public bond issuance in the amount of VND 1,000,000,000,000 for the period from 25 November 2025 to 09 January 2026.

Overview of the Company

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company was established under Business Registration Certificate No. 0107795944 dated 07 April 2017 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment. During its operation, the Company has amended its Enterprise Registration Certificate 22 times. The 22nd amended Enterprise Registration Certificate of the Joint Stock Company was issued by the Ho Chi Minh City Department of Finance on 10 September 2025.

Charter capital under the 22nd amended Enterprise Registration Certificate: VND 3,040,216,420,000.

Head office:

Address	: 9th Floor, Vista Tower Building, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone	: 0766 074 787
Tax code	: 0107795944

The use of proceeds from the bond issuance

The use of proceeds from the public bond issuance in the amount of VND 1,000,000,000,000 for the period from 25 November 2025 to 09 January 2026 is presented in the attached report on the use of proceeds (from page 07 to page 18).

Events occurring after the end of the period for utilizing proceeds from the bond issuance

The Board of General Directors of the Company affirms that no other events have occurred after 09 January 2026 up to the time of preparing this Report on the Use of Proceeds that have not been considered for adjustment of the figures or disclosed in the Report on the Use of Proceeds.

The Board of Directors and the Board of General Directors

The members of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the Board of General Directors of the Company during the year and up to the time of preparing this report include:

Board of Directors

Full name	Position
Mr. Truong Sy Ba	Chairman of the Board of Directors
Mr. Nguyen Thanh Tan	Member
Mr. Prasad Gopalan	Member
Ms. Bui Huong Giang	Member
Mr. Le Xuan Tho	Member

Supervisory Board

Full name	Position
Ms. Duong Thi Hong Tan	Head of the Board
Ms. Luu Ngoc Tram	Member
Ms. Tran Thi Thanh Tra	Member

Board of General Directors

Full name	Position
Ms. Bui Huong Giang	Chief Executive Officer (CEO)
Mr. Truong Anh Tuan	Deputy CEO
Mr. Nguyen Van Minh	Deputy CEO
Mr. Ngo Cao Cuong	Deputy CEO

Auditor

Nhan Tam Viet Audit Company Limited – Hanoi Branch has audited the report on the use of proceeds from the public bond issuance in the amount of VND 1,000,000,000,000 for the period from 25 November 2025 to 09 January 2026 of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.

Disclosure of the Responsibilities of the Board of General Directors

The Board of General Directors of the Company is responsible for preparing the Report on the use of proceeds from the public bond issuance in the amount of VND 1,000,000,000,000 for the period from 25 November 2025 to 09 January 2026, reflecting a true and fair view of the utilization of the funds raised from the public bond issuance. In preparing this Report, the Board of General Directors of the Company must:

- Comply with the provisions of the Enterprise Law; the Securities Law; the resolutions of the General Shareholders' Meeting, the Board of Directors' resolutions of the Company, and other relevant legal documents regarding the activities of the public joint-stock company in the securities field;
- Be responsible for preparing and presenting the Report on the use of proceeds from the public bond issuance in the amount of VND 1,000,000,000,000, reflecting a true and fair view of the funds raised from the bond issuance and the utilization of these funds in accordance with Vietnamese Accounting Standards and the current regulations related to the bond issuance and the use of proceeds from the bond issuance.

The Board of General Directors of the Company ensures that the accounting books are maintained to reflect the use of proceeds from the Company's bond issuance, with a true and fair view at any given time, and ensures that the Report on the use of proceeds from the bond issuance complies with current government regulations. At the same time, the Board is responsible for safeguarding the Company's assets and implementing appropriate measures to prevent and detect fraud and other violations.

The Board of General Directors of the Company affirms that the Report on the use of proceeds from the public bond issuance in the amount of VND 1,000,000,000,000 accurately and fairly reflects the use of funds raised from the public bond issuance by the Company for the period from 25 November 2025 to 09 January 2026, in accordance with Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting Regime, and complies with the legal regulations related to the preparation and presentation of the Report on the use of proceeds from the public bond issuance.

Other Commitments

The Board of General Directors commits that the Company complies with the provisions of the Enterprise Law No. 59/2020/QH14, the Securities Law No. 54/2019/QH14, Decree No. 155/2020/ND-CP, and other amendments, supplements, and guiding documents related to the public bond issuance.

Ho Chi Minh City, 22 April 2026

On behalf of the Board of General Directors,

General Directors

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bui Huong Giang

No : 0204.01/2026/BCSDV - NVTHN

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

On the Report regarding the use of proceeds from the public bond issuance in the amount of VND 1,000,000,000,000 for the period from 25 November 2025 to 09 January 2026

To : **Shareholders, Board of Directors, and Board of General Directors**
BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

We have audited the Report on the use of proceeds from the public bond issuance in the amount of VND 1,000,000,000,000 for the period from 25 November 2025 to 09 January 2026 of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company, prepared on 22 April 2026, from page 07 to page 18 attached.

Responsibility of the Board of General Directors

The Board of General Directors of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company is responsible for the preparation and fair presentation of the Company's Report on the use of proceeds in accordance with accounting standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and relevant legal regulations related to the preparation and presentation of the Report on the use of proceeds. The Board is also responsible for internal controls, which it deems necessary to ensure that the preparation and presentation of the Report on the use of proceeds are free from material misstatements, whether due to fraud or error.

Responsibility of the Auditor

Our responsibility is to provide an opinion on the Capital Usage Report based on the results of the audit.

We conducted our audit in accordance with Vietnamese auditing standards. These standards require us to comply with ethical guidelines and to plan and perform the audit to obtain reasonable assurance that the Report on the use of proceeds is free from material misstatement. The audit work includes performing procedures to collect audit evidence about the amounts and disclosures in the Report on the use of proceeds. The audit procedures selected are based on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement in the Report on the use of proceeds due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers the internal controls of the Company relevant to the preparation and fair presentation of the Report to design appropriate audit procedures in the circumstances, but not for the purpose of providing an opinion on the effectiveness of the Company's internal controls. The audit work also includes evaluating the appropriateness of the accounting policies used and the reasonableness of the accounting estimates made by the Board of General Directors, as well as evaluating the overall presentation of the Report on the use of proceeds. We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

The procedures we performed do not constitute an audit or review of the financial statements under Vietnamese auditing standards or Vietnamese standards on review services and therefore, we do not provide any assurance on the overall financial statements of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.

Trụ Sở Chính:
Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
[T] (84-24) 3761 3399
[W] www//vpaudit.vn
[F] (84-24) 3761 5599
[E] vpa@mtva.vn
Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 12 Phố Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:
98 Vũ Tông Phan, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh

Audit Opinion

In our opinion, the Report on the Use of Funds mentioned has fairly and accurately reflected the information regarding the use of the capital mised from the public offering of bonds amounting to 1,000,000,000,000 VND during the period from November 25, 2025, to January 9, 2026, by BAF Vietnam Agricultural Joint Stock Company, in accordance with accounting standards, the Vietnamese accounting regime, and relevant legal regulations related to the preparation and presentation of the Report on the Use of Funds.

Hanoi, April 22, 2026

NHAN TAM VIET AUDITING COMPANY LIMITED – HANOI BRANCH

Deputy Director	**Auditor**
Pham Van Tuan Audit Practice Registration Certificate No: 4497-2023-124-1	**Nguyen Thi Thuy** Audit Practice Registration Certificate No: 6229-2023-124-1

REPORT ON THE UTILIZATION OF PROCEEDS FROM THE PUBLIC BOND ISSUANCE AMOUNTING TO VND 1,000,000,000,000

for the period from November 25, 2025 to January 9, 2026

I. OVERVIEW OF BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

1. **Form of ownership** : Joint Stock Company

2. **Business lines** : Livestock farming, trading, manufacturing, services.

3. **Business sectors**
The Company's principal business activities during the year include:
+ Trading of agricultural products: corn, wheat, soybean meal...
+ Mixed farming
+ Production of animal feed (feed))

4. **Normal operating cycle**
The Company's normal operating cycle does not exceed 12 months

5. **Company structure**
Subsidiaries

Entity name	Address	Main business activities	Ownership percentage	Voting rights percentage
1) Anh Vu Phu Yen Company Limited ("Anh Vu Phu Yen")	Dak Lak	Livestock farming	100.00%	100.00%
2) Bao Ngoc Livestock Company Limited ("Bao Ngoc Livestock")	Dak Lak	Livestock farming	100.00%	100.00%
3) Minh Thanh Livestock Production Trading and Services Company Limited ("Minh Thanh Livestock")	Tay Ninh	Livestock farming	100.00%	100.00%
4) Bac An Khanh Production Trading and Services Company Limited ("Bac An Khanh")	Tay Ninh	Livestock farming	100.00%	100.00%
5) Dong An Khanh Production Trading and Services Company Limited ("Dong An Khanh")	Tay Ninh	Livestock farming	100.00%	100.00%
6) Nam An Khanh Livestock Company Limited ("Nam An Khanh")	Tay Ninh	Livestock farming	100.00%	100.00%
7) Green Farm 1 Investment Company Limited ("Green Farm 1")	Tay Ninh	Livestock farming	100.00%	100.00%
8) Green Farm 2 Investment Company Limited ("Green Farm 2")	Tay Ninh	Livestock farming	99.69%	99.69%
9) Hai Dang Tay Ninh High-Tech Livestock Joint Stock Company ("Hai Dang Tay Ninh")	Tay Ninh	Livestock farming	99.82%	99.82%

Entity name	Address	Main business activities	Ownership percentage	Voting rights percentage
10) Song Hinh High-Tech Livestock Company Limited ("Song Hinh")	Dak Lak	Livestock farming	100.00%	100.00%
11) BAF Tay Ninh Animal Feed Company Limited ("BAF Tay Ninh")	Tay Ninh	Animal feed production	100.00%	100.00%
12) BAF Binh Dinh Agriculture Company Limited ("BAF Binh Dinh")	Gia Lai	Animal feed production	100.00%	100.00%
13) BAF Meat Binh Phuoc One Member Company Limited ("BAF Binh Phuoc")	Dong Nai	Slaughtering and meat processing	100.00%	100.00%
14) Tam Hung Production Trading and Services Company Limited ("Tam Hung")	Tay Ninh	Livestock farming	99.98%	99.98%
15) Tan Chau Agricultural Investment Company Limited ("Tan Chau")	Tay Ninh	Livestock farming	99.95%	99.95%
16) Thien Phu Son Production Trading Import-Export Company Limited ("Thien Phu Son")	Dong Nai	Livestock farming	100.00%	100.00%
17) Kim Hoi Livestock Production Trading Company Limited ("Kim Hoi Livestock")	Dong Nai	Livestock farming	100.00%	100.00%
18) BAF Organic Microbial Fertilizer Company Limited ("BAF Organic Microbial Fertilizer")	Ho Chi Minh City	Manufacturing	100.00%	100.00%
19) BAF Vietnam Logistics Company Limited ("BAF Logistics")	Ho Chi Minh City	Transportation	100.00%	100.00%
20) BAF Tay Ninh Food Processing Company Limited ("BAF Tay Ninh Food Processing")	Tay Ninh	Food processing	100.00%	100.00%
21) Tay An Khanh Company Limited ("Tay An Khanh")	Tay Ninh	Livestock farming	100.00%	100.00%
22) Thanh Xuan Clean Agriculture Development Joint Stock Company ("Thanh Xuan")	Thanh Hoa	Crop production and livestock farming	99.99%	99.99%
23) BAF Tay Ninh 1 High-Tech Livestock Company Limited ("CNC BAF Tay Ninh 1")	Tay Ninh	Livestock farming	100.00%	100.00%
24) BAF Tay Ninh 2 High-Tech Livestock Company Limited ("CNC BAF Tay Ninh 2")	Tay Ninh	Livestock farming	100.00%	100.00%
25) BAF Tay Ninh 1 Animal Feed Production Company Limited ("BAF Tay Ninh 1")	Tay Ninh	Animal feed production	100.00%	100.00%

Entity name	Address	Main business activities	Ownership percentage	Voting rights percentage
26) TMC Livestock Joint Stock Company ("TMC Livestock")	Gia Lai	Livestock farming	99.98%	99.98%
27) Hoa Phat Bon Company Limited ("Hoa Phat Bon")	Gia Lai	Livestock farming	99.99%	99.99%
28) Thanh Dat Gia Lai High-Tech Livestock Joint Stock Company ("Thanh Dat Gia Lai")	Gia Lai	Livestock farming	99.99%	99.99%
29) BAF Ninh Binh Food Company Limited ("BAF Ninh Binh")	Ninh Binh	Food processing	100.00%	100.00%
30) Khoi Duong Livestock Company Limited ("Khoi Duong")	Lam Dong	Livestock farming	99.99%	99.99%

Affiliated units

Entity name	Address
Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (Ho Chi Minh City) (independent accounting branch)	9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam Tax Code: 0107795944-001
Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company in Nghe An (independent accounting branch)	Lot C, Nam Cam Industrial Park, Trung Loc Commune, Nghe An Province, Vietnam Tax Code: 0107795944-003
Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company in Dong Nai (independent accounting branch)	Group 5, Ho Xuan Huong Street, Quarter 6, Tri An Commune, Dong Nai, Vietnam Tax Code: 0107795944-005
Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company in Hanoi (independent accounting branch)	Bich Hoa Industrial Cluster, Binh Minh Commune, Hanoi Tax Code: 0107795944-004
Branch of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company in Long An (independent accounting branch)	D4, Ready-built Factory Area, Lot B, Long Hau – Hiep Phuoc Road, Can Giuoc Commune, Tay Ninh, Vietnam Tax Code: 0107795944-007
Thanh Hoa 1 business location	Quang Trung Hamlet, Thach Quang Commune, Thach Thanh, Thanh Hoa
Binh Thuan 1 business location	Hamlet 3, Duc Linh District, Binh Thuan
Binh Thuan 2 business location	Dong Thuan Hamlet, Duc Linh District, Binh Thuan
Vung Tau 1 business location	Hamlet 04, Hoa Hoi, Xuyen Moc District, Ba Ria – Vung Tau
Binh Phuoc business location	Tan Phu Hamlet, Dong Phu District, Binh Phuoc
BD business location	Land Plot No. 259, Map Sheet No. 8, Hieu Lien 20 Street, Cay Hamlet, Bac Tan Uyen District, Binh Duong
Dak Lak business location	Jang Pong Hamlet, Buon Don District, Dak

Entity name	Address
	Lak Province, Vietnam
Dong Nai 2 business location	Group 6, Co Dau 2 Hamlet, Cam My District, Dong Nai
Quang Ninh 1 business location	Quang Son Commune, Hai Ha District, Quang Ninh Province
Dak Nong 1 business location	Hamlet 3, Eapo Commune, Cu Jut District, Dak Nong Province
Thanh Hoa 4 business location	Tri Nang Commune, Lang Chanh District, Thanh Hoa Province
Tay Ninh 2 business location	Tan Lap Commune, Tan Bien District, Tay Ninh
Thanh Hoa 7 business location	Chieng Nang Hamlet, Giao An Commune, Lang Chanh District, Thanh Hoa Province
Tay Ninh 1 business location	501, 30/4 Street, Quarter 1, Tay Ninh City
Thanh Hoa 8 business location	Dong Danh Hamlet, Cam Tu Commune, Cam Thuy District, Thanh Hoa
Dak Nong 2 business location	Nam Dinh Hamlet, Dak Gan Commune, Dak Mil District, Dak Nong
Dak Nong 3 business location	Dak R'la Commune, Dak Mil District, Dak Nong
Dak Nong 4 business location	Dak Gan Commune, Dak Mil District, Dak Nong
Gia Lai 1 business location	To Kor Village, So Pai Commune, Kbang District, Gia Lai
Tay Ninh business location	Hoa Dong A Hamlet, Hoa Hiep Commune, Tan Bien District, Tay Ninh
Car wash center business location	Hoi Thanh Hamlet, Tan Hoi Commune, Tay Ninh Province
Dong Nai 3 business location	Tan Hung Hamlet, Xuan Thanh Commune, Dong Nai Province

II. BASIS FOR PREPARING THE REPORT ON THE UTILIZATION OF PROCEEDS FROM THE BOND ISSUANCE

The report on the utilization of proceeds from the public bond issuance amounting to VND 1,000,000,000,000 for the period from November 25, 2025 to January 9, 2026 of the Company is presented in Vietnamese Dong (VND), on a historical cost basis, in accordance with Vietnamese Accounting Standards and relevant prevailing regulations on bond issuance and the use of proceeds from bond issuance in a joint stock company.

The amount of funds utilized is recognized based on the actual amount disbursed up to January 9, 2026, in accordance with contracts, invoices, bank payment documents, payment vouchers, accounting records, and other relevant legal documents.

III. REPORT ON THE UTILIZATION OF PROCEEDS FROM THE PUBLIC BOND ISSUANCE AMOUNTING TO VND 1,000,000,000,000

1. Information on bond issuance

a. Plan:

➢ The Company's bond issuance plan was approved under the following resolutions:

- Resolution No. 06.10.2025/NQ-HĐQT dated October 6, 2025 of the Board of Directors of the Issuer approving the plan for public bond issuance, the plan for use and repayment of proceeds from the offering, and the listing of the bonds on the securities trading system;
- Resolution No. 04.11.2025/NQ-HĐQT dated November 4, 2025 approving the adjustment of the public bond issuance plan, the plan for use and repayment of proceeds from the offering, and approving the detailed plan for repayment of proceeds from the offering;

The above resolutions approved the plan for a public bond issuance amounting to VND 1,000 billion as follows:

- Bond name: Bonds of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company;
- Bond code: BAF12502
- Bond type: Non-convertible bonds, without warrants, unsecured, and not subordinated debt of the Issuer.
- Bond form: Book-entry/electronic data. Electronic data shall apply where required by relevant laws and regulations, rules of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation ("VSDC"), the Stock Exchange, and other State authorities, or as provided in the Bond Terms and Conditions and/or transaction documents;
- Bondholders: Vietnamese organizations and individuals, and foreign organizations and individuals;
- Par value: VND 100,000,000 per bond (one hundred million dong per bond);
- Number of bonds offered: 10,000 (ten thousand) bonds.
- Total issuance value: VND 1,000,000,000,000 (one trillion dong);
- Issuance currency and currency for principal and interest payments: Vietnamese Dong (VND);
- Tenor: 36 (thirty-six) months from the Issuance Date
- Issuance date: Expected in Q4 2025 or Q1 2026, after being granted the Certificate of Registration of Public Bond Offering by the State Securities Commission (SSC). The specific Issuance Date (completion date of the offering) shall be as announced by the Issuer.
- Bond interest rate: Fixed at 10% per annum
- Interest Period: Each Interest Period is every consecutive 06 (six) months from the Issue Date to the Maturity Date of the Bonds. In the event that the Bonds are redeemed prior to maturity in accordance with the Bond Documents (and consistent with this Issuance and Use of Proceeds Plan), the final Interest Period for such early-redeemed Bonds shall be calculated from the last day of the most recent Interest Period to (but excluding) the relevant early redemption date of such Bonds. Interest for each Interest Period shall be calculated based on the actual number of days in such Interest Period on the basis of a 365-day year.
- Method of payment of principal and interest

  + The principal amount of the Bonds shall be paid in a lump sum on the Maturity Date or the early redemption date or any other maturity date of the Bonds in accordance with the Bond Documents.

  + Interest for each Interest Period shall be paid in arrears on the Interest Payment Date; provided that the interest for the final Interest Period of the Bonds shall be paid together with the principal on the Maturity Date or the early redemption date or any other due date of the Bonds in accordance with the Bond Documents.
- Early redemption:

+ Early redemption at the request of the Issuer: At any time after a period of 12 (twelve) months from the Issue Date, the Issuer shall have the right to request the redemption, in one or multiple tranches, of part or all of the outstanding Bonds that the Bondholders agree to sell back in accordance with the procedures specified in the Bond Documents. The Early Redemption Price shall be equal to the par value of each Bond plus accrued and unpaid interest up to but excluding the relevant early redemption date. Such accrued interest shall be calculated at an interest rate of 10% per annum;

+ Early redemption at the request of Bondholders: Bondholders shall have the right to request the Issuer to redeem up to 30% (thirty percent) of the total issued Bonds at the time falling exactly 24 (twenty-four) months from the Issue Date in accordance with the procedures specified in the Bond Documents. The Early Redemption Price shall be equal to the par value of each Bond plus accrued and unpaid interest up to but excluding the relevant early redemption date. Such accrued interest shall be calculated at an interest rate of 6% per annum.

+ Mandatory redemption: The Issuer shall compulsorily redeem the Bonds at the request of the Bondholders upon the occurrence of any Event of Default as specified in the Terms and Conditions of the Bonds. The Redemption Price shall be equal to the par value of each Bond plus accrued and unpaid interest up to but excluding the Redemption Date. Such accrued interest shall be calculated at an interest rate of 10% per annum.

- Collateral: Not applicable;
- Place of issuance: Within the territory of Vietnam;
- Issuing agent, registration and depository agent, bond issuance documentation advisory organization: JB Vietnam Securities Co., Ltd;
- Method of issuance: Public offering through the Issuing Agent;
- Purpose of issuance: To supplement capital for business operations and pig farming production activities, and to partially repay principal amounts under the Issuer's loan agreements.

b. Capital utilization plan

➢ The capital utilization plan from the Company's bond issuance has been approved pursuant to the following resolutions:

- Resolution No. 06.10.2025/NQ-HĐQT dated 06/10/2025 of the Board of Directors of the Issuer on approving the plan for public offering of bonds, the plan for use and repayment of proceeds from the offering, and approving the listing of bonds on the securities trading system;
- Resolution No. 04.11.2025/NQ-HĐQT dated 04/11/2025 on approving the adjustment to the public bond issuance plan, the plan for use and repayment of proceeds from the offering, and approving the detailed plan for repayment of proceeds from the offering;

STT	Use of proceeds	Expected disbursement amount (VND)	Expected implementation timeline
I	**Supplementing capital for BAF's business operations and pig farming production activities, including:**	**670,000,000,000**	
-	Payment for feed, pigs, and other goods purchased from Hai Dang Tay Ninh High-Tech Livestock Joint Stock Company (Tax code: 3901312793) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/HD-BAF dated 01/01/2025.	180,000,000,000	Quý I-Quý II/2026

STT	Use of proceeds	Expected disbursement amount (VND)	Expected implementation timeline
-	Payment for feed, pigs, and other goods purchased from Green Farm Investment Co., Ltd. 1 (Tax code: 3901291381) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/TTX1-BAF dated 01/01/2025.	30,000,000,000	Quý I-Quý II/2026
-	Payment for feed, pigs, and other goods purchased from Green Farm Investment Co., Ltd. 2 (Tax code: 3901291409) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/TTX2-BAF dated 01/01/2025.	120,000,000,000	Quý I-Quý II/2026
-	Payment for feed, pigs, and other goods purchased from Tan Chau Agricultural Investment Co., Ltd. (Tax code: 3901303492) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/TC-BAF dated 01/01/2025.	120,000,000,000	Quý I-Quý II/2026
-	Payment for feed and other goods purchased from BAF Vietnam Agriculture JSC – Nghe An Branch (Tax code: 0107795944-003) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/BAFNA-BAF dated 01/01/2025.	85,000,000,000	Quý I-Quý II/2026
-	Payment for feed and other goods purchased from BAF Tay Ninh Feed Co., Ltd. (Tax code: 3901152973) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/BAFTN-BAF dated 01/01/2025.	85,000,000,000	Quý I-Quý II/2026
-	Payment for feed, pigs, and other goods purchased from Bac An Khanh Production – Trading – Services Co., Ltd. (Tax code: 3901293928) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/BAK-BAF dated 01/01/2025.	50,000,000,000	Quý I-Quý II/2026/
2	**Repayment of principal under loan agreements, including:**	**330,000,000,000**	
-	Partial repayment of principal to Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Bac Ha Branch (BIDV) (Tax code: 0100150619-213) under Credit Facility Agreement No. 01/2025/10092905/HĐTD dated 15/10/2025.	35,000,000,000	Quý I/2026
-	Full repayment of principal to Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Branch (MSB) (Tax code: 0200124891-	200,000,000,000	Quý I/2026

STT	Use of proceeds	Expected disbursement amount (VND)	Expected implementation timeline
	002) under Credit Facility Agreement No. 5300729/2025/HDTDHM dated 30/09/2025.		
-	Partial repayment of principal to E.SUN Commercial Bank Ltd. – Dong Nai Branch (Tax code: 3603292083) under Credit Agreement No. 10000991LD001202505 dated 10/01/2025.	95,000,000,000	Quý I/2026

c. ***Issuance results:***

➢ On 25 November 2025, the Company was granted Certificate No. 447/GCN-UBCK by the State Securities Commission of Vietnam regarding the registration of a public offering of bonds. As of 08 January 2026, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company received Official Letter No. 148/UBCK-QLCB from the State Securities Commission of Vietnam regarding the acknowledgement of the report on the results of the public bond issuance. Accordingly, the Company has completed all procedures for the public bond issuance and has fully received the proceeds from the bond offering:

- Total number of bonds distributed: 10,000 bonds, equivalent to 100% of the total number of bonds offered;
- Total proceeds from the offering: VND 1,000,000,000,000 (in words: one trillion Vietnamese dong only);
- Total expenses: VND 53,335,400,000 (in words: fifty-three billion, three hundred thirty-five million, four hundred thousand dong);
- Net proceeds from the offering: VND 946,664,600,000 (in words: nine hundred forty-six billion, six hundred sixty-four million, six hundred thousand dong);

2. Utilization of proceeds from the bond issuance

As of 09 January 2026, BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company has completed all bond issuance procedures and has fully received the proceeds from the bond offering. As of the reporting date, the Company has fully utilized the proceeds from the bond issuance in accordance with the capital utilization plan approved by the Company's Board of Directors, as set out in Clause b, Article 1, Section III of this Report, as well as a portion of the public bond distribution agent fee, specifically:

STT	Use of proceeds	Disbursed amount (VND)	Implementation period
1	**Capital supplementation for BAF's business operations and pig farming production activities, including:**	**670,000,000,000**	
-	Payment for feed, pigs, and other goods purchased from Hai Dang Tay Ninh High-Tech Livestock Joint Stock Company (Tax code: 3901312793) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/HD-BAF dated 01/01/2025.	180,000,000,000	Ngày 09/01/2026

STT	Use of proceeds	Disbursed amount (VND)	Implementation period
-	Payment for feed, pigs, and other goods purchased from Green Farm Investment Co., Ltd. 1 (Tax code: 3901291381) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/TTX1-BAF dated 01/01/2025.	30,000,000,000	09/01/2026
-	Payment for feed, pigs, and other goods purchased from Green Farm Investment Co., Ltd. 2 (Tax code: 3901291409) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/TTX2-BAF dated 01/01/2025.	120,000,000,000	09/01/2026
-	Payment for feed, pigs, and other goods purchased from Tan Chau Agricultural Investment Co., Ltd. (Tax code: 3901303492) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/TC-BAF dated 01/01/2025.	120,000,000,000	09/01/2026
-	Payment for feed and other goods purchased from BAF Vietnam Agriculture JSC – Nghe An Branch (Tax code: 0107795944-003) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/BAFNA-BAF dated 01/01/2025.	85,000,000,000	09/01/2026
-	Payment for feed and other goods purchased from BAF Tay Ninh Feed Co., Ltd. (Tax code: 3901152973) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/BAFTN-BAF dated 01/01/2025.	85,000,000,000	09/01/2026
-	Payment for feed, pigs, and other goods purchased from Bac An Khanh Production – Trading – Services Co., Ltd. (Tax code: 3901293928) under Master Sales Contract No. 01/2025/HĐNT/BAK-BAF dated 01/01/2025.	50,000,000,000	09/01/2026
2	**Repayment of principal under loan agreements, including:**	**330,000,000,000**	
-	Partial repayment of principal to Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Bac Ha Branch (BIDV) (Tax code: 0100150619-213) under Credit Facility Agreement No. 01/2025/10092905/HĐTD dated 15/10/2025.	35,000,000,000	09/01/2026
-	Full repayment of principal to Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Branch (MSB) (Tax code: 0200124891-002) under Credit Facility Agreement No. 5300729/2025/HDTDHM dated 30/09/2025.	200,000,000,000	09/01/2026

STT	Use of proceeds	Disbursed amount (VND)	Implementation period
-	Partial repayment of principal to E.SUN Commercial Bank Ltd. – Dong Nai Branch (Tax code: 3603292083) under Credit Agreement No. 10000991LD001202505 dated 10/01/2025.	95,000,000,000	09/01/2026

Detailed information on the use of proceeds paid through the escrow account for the receipt of proceeds from the public bond issuance, in the amount of VND 1,000,000,000,000, is presented in Appendix 1 attached to this Report.

Dated 22 April 2026

Prepared by	Chief Accountant	General Director
Vũ Thị Dan Thuỳ		Bui Huong Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

Address: 9th Floor, Vista Tower Building, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

REPORT ON THE UTILIZATION OF PROCEEDS FROM THE PUBLIC BOND ISSUANCE AMOUNTING TO VND 1,000,000,000,000

for the period from November 25, 2025 to January 9, 2026 (continued)

Appendix 1: Details of the utilization of proceeds from the public bond issuance amounting to VND 1,000,000,000,000, paid via bank transfer

STT	Document date	Reference number	Description	Amount
I	**Supplement working capital to support pig farming production and business activities of BAF**			
1	09/01/2026	0038 - 00078	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA HEO THEO HDNT SO 01/2025/HDNT/HD-BAF NGAY 01/01/2025. F/O CONG TY CO PHAN CHAN NUOI CONG NGHE CAO HAI DANG TAY NINH	180,001,100,000
2	09/01/2026	0038 - 00077	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA HEO THEO HDNT SO 01/2025/HDNT/TTX1-BAF NGAY 01/01/2025. F/O CONG TY TNHH DAU TU TRANG TRAI XANH 1	30,001,100,000
3	09/01/2026	0038 - 00076	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA HEO THEO HDNT SO 01/2025/HDNT/TTX2-BAF NGAY 01/01/2025. F/O CONG TY TNHH DAU TU TRANG TRAI XANH 2	120,001,100,000
4	09/01/2026	0038 - 00075	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA HEO THEO HDNT SO 01/2025/HDNT/TC-BAF NGAY 01/01/2025. F/O CONG TY TNHH DAU TU NONG NGHIEP TAN CHAU	120,001,100,000
5	09/01/2026	0038 - 00074	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA CAM CHO NM NGHE AN THEO HDNT 01/2025/HDNT/BAFNA-BAF N01/01/2025. F/O CHI NHANH CONG TY CO PHAN NONG NGHIEP BAF VIET NAM TAI NGHE AN	85,001,100,000
6	09/01/2026	0038 - 00073	CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO CAM CHO NM TAY NINH THEO HDNT 01/2025/HDNT/BAFTN-BAF N01/01/2025. F/O CTY TNHH THUC AN CHAN NUOI BAF TAY NINH	85,000,011,000
7	09/01/2026	0038 - 00070	CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA HEO THEO HDNT 01/2025/HDNT/BAK-BAF 01/01/2025. F/O CTY TNHH SX TM DV BAC AN KHANH	50,000,011,000
			Total	**670,005,522,000**
		Including	***Total payment amount***	***670,000,000,000***
			Total bank charges	***5,522,000***

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

Address: 9th Floor, Vista Tower Building, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

REPORT ON THE UTILIZATION OF PROCEEDS FROM THE PUBLIC BOND ISSUANCE AMOUNTING TO VND 1,000,000,000,000

for the period from November 25, 2025 to January 9, 2026 (continued)

Appendix 1: Details of the utilization of proceeds from the public bond issuance amounting to VND 1,000,000,000,000, paid via bank transfer

STT	Document date	Reference number	Description	Amount
II	**Repayment of principal under loan agreements**			
1	***Partial repayment of principal to the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Bac Ha Branch (BIDV) (Tax code: 0100150619-213) under Credit Facility Agreement No. 01/2025/10092905/HDTD dated October 15, 2025.***			
	09/01/2026	ZDWTTRFOD	THU NO TAI KHOAN VAY 405003922949	41,140,103,272
Including			*From bond issuance proceeds (funds transferred from Vietcombank to BIDV on January 9, 2026)*	*35,000,000,000*
			Nguồn khác	*6,140,103,272*
2	***Full repayment of principal to Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Branch (MSB) (Tax code: 0200124891-002) under Credit Facility Agreement No. 5300729/2025/HDTDHM dated September 30, 2025.***			
	09/01/2026	TPHSRV / S0026009LFFBDLHJ	STK vay 30000227913, Thu goc 87672454500 VND	87,672,454,500
	09/01/2026	TPHSRV / S0026009GKOFM0HB	STK vay 30000230831, Thu goc 100514372830 VND	100,514,372,830
	09/01/2026	TPHSRV / S0026009JHHCM0BF	STK vay 30000234055, Thu goc 11813172670 VND	11,813,172,670
			Total	*200,000,000,000*
			From bond issuance proceeds (funds transferred from Vietcombank to MSB on January 9, 2026)	*200,000,000,000*
3	***Partial repayment of principal to E.SUN Commercial Bank Limited – Dong Nai Branch (Tax code: 3603292083) under Credit Agreement No. 10000991LD001202505 dated January 10, 2025.***			
	09/01/2026	LD2525291793	Payment of Principal	55,862,175,316
	09/01/2026	LD2526686091	Payment of Principal	44,137,701,633
			Total	*99,999,876,949*
Trong đó			*From bond issuance proceeds (funds transferred from Vietcombank to E.SUN Bank on January 9, 2026)*	*95,000,000,000*
			Other sources	*4,999,876,949*
			Total debt settlement of loan agreements from bond issuance proceeds	**330,000,000,000**